

Sống
Đúng
Đức Tin



*Theo chân
Các Sứ Đồ*

DAVID GOODING

NỘI DUNG

LỜI NÓI ĐẦU..... 5

VÌ SAO NGHIÊN CỨU SÁCH CÔNG VỤ..... 8

PHẦN MỘT: CƠ ĐỐC GIÁO VÀ SỰ PHỤC HỒI CỦA MUÔN VẬT
(1:1-6:7)..... 29

Quan sát Sơ bộ..... 30

Dàn ý Phần Một..... 36

Chuyển động 1: Chương trình phục hồi muôn vật của Đấng Christ (1:1-4:4)..... 39

Chuyển động 2: Chống đối chương trình phục hồi của Đấng Christ (4:5-6:7)..... 108

PHẦN HAI: SỰ THỜ PHƯỢNG VÀ LÀM CHỨNG CỦA CƠ ĐỐC GIÁO
(6:8-9:31).....139

Quan sát sơ bộ..... 140

Dàn ý Phần Hai..... 146

Chuyển động 1: Tin lành và sự thờ phượng của Do Thái giáo Chính thống (6:8-8:3)..... 148

Chuyển động 2: Tin Lành và sự thờ phượng không chính thống của người Samaria (8:4-25)...176

Chuyển động 3: Tin Lành của Người Đầy tớ chịu Thương khó (8:26-40)..... 189

Chuyển động 4: Tin Lành của Con Đức Chúa Trời (9:1-31)..... 196

PHẦN BA: LÝ THUYẾT VÀ THỰC HÀNH CƠ ĐỐC VỀ SỰ NÊN THÁNH
(9:32-12:24)..... 207

Quan sát sơ bộ..... 208

Dàn ý Phần Ba..... 209

Chuyển động 1: Tin Lành xuất phát từ Xã hội Do Thái Biệt lập 215

Chuyển động 2: Tin lành được tự do khỏi sự thao túng của Trung tâm hành chính & Chính trị của Giáo quyền Do thái (11:19-12:24)..... 239

PHẦN BỐN: GIÁO LÝ CƠ ĐỐC VỀ SỰ CỨU RỠI (12:25-16:5)... 259

Quan sát Sơ bộ.....	260
Dàn ý Phần Bốn.....	261
<i>Chuyển động 1:</i> Sự Rao giảng về Tin Lành Cứu Rỗi....	267
<i>Chuyển động 2:</i> Thảo luận về những Điều kiện để được Cứu rỗi.....	290

PHẦN NĂM: CƠ ĐỐC GIÁO VÀ THẾ GIỚI NGOẠI GIÁO (16:6-19-20).....313

Quan sát Sơ bộ.....	314
Dàn ý Phần Năm.....	322
<i>Chuyển động 1:</i> Thánh Linh và Quyền lực của sự Tội tằm (16:6-40).....	327
<i>Chuyển động 2:</i> Đấng Mê-si-a của Đức Chúa Trời và Chính trị, Tôn giáo, và Triết học của Dân ngoại (17:1-34).....	357
<i>Chuyển động 3:</i> Đấng Mê-si-a của Đức Chúa Trời và Dân mới của Đức Chúa Trời (18:1-28).....	399
<i>Chuyển động 4:</i> Đức Thánh Linh và Danh của Đức Chúa Jê-sus (19:1-20).....	414

PHẦN SÁU: CƠ ĐỐC GIÁO VÀ SỰ BẢO VỆ & XÁC NHẬN PHÚC ÂM (19:21 - 28:31)..... 423

Những Quan Sát Sơ Bộ.....	424
Dàn ý Phần Sáu	430
<i>Chuyển Động 1:</i> Bảo Vệ Bản Chất Của Sự Thờ Phụng và Bảo Vệ Hội Thánh của Đức Chúa Trời (19: 21-21; 16).....	440
<i>Chuyển Động 2:</i> Phúc Âm Được Đánh Giá Bởi Sự Tôn Trọng Lương Tâm (21: 17-23; 11).....	459
<i>Chuyển Động 3:</i> Phúc Âm Được Đánh Giá Bởi Thái Độ Đối với Đạo đức & Luật Pháp (23: 12-24; 27). 484	
<i>Chuyển Động 4:</i> Phúc Âm Được Đánh Giá bởi Sự Điệp của Phúc Âm đối với Hoàng Đế và Thế giới (25: 1-26; 32).....	496
<i>Chuyển Động 5:</i> Con bả Thiên Nhiên và Quyền Cai Trị Nhà Vua của Đức Chúa Trời (27: 1-28; 31)... 513	

PHẦN PHỤ LỤC..... 528

Lời Nói Đầu

Một nhà giải nghĩa sách Công vụ đầu có đứng ở phía cuối hàng ngũ những người thu nhận và truyền đạt thông tin, cũng không thể thoát khỏi mạng lệnh vang rền vị Tổng Tư lệnh tối cao đang truyền ra, đầu tiên dành cho mười hai sứ đồ: “Hãy đi...chường mặt ra... rao giảng cho dân chúng mọi lời này của sự sống” (5:20 – BTT). Đấng Phục sinh, là Đấng ủy thác sứ mạng cho họ, hiện vẫn sống. Mục tiêu của Ngài vẫn y nguyên, sức lực của Ngài không suy giảm. Đức Thánh Linh, là Đấng hướng dẫn các sứ đồ xác định rõ các nhân tố trọng yếu của Tin Lành Cơ Đốc vào thời các sứ đồ, nay vẫn đang kỳ vọng ở hết thảy mọi môn đồ của Đấng Hằng sống phẩm chất trung thành không lay chuyển đối với các nhân tố trọng yếu không lay chuyển đó. Thời gian không bào mòn được lời Sự sống không hề hư nát, cũng không làm cho niềm trông cậy vào những lời công bố này bị phai mờ, không giảm bớt mối liên quan của những lời ấy với thể giới hiện đại của chúng ta – vấn đề quan điểm và hành vi ngày càng trở nên phức tạp chỉ khiến thể giới hiện đại càng giống với thế kỷ thứ nhất khi Cơ Đốc giáo chào đời. Vì con người sống trong thời kỳ của những khám phá công nghệ, khoa học hiện đại không ngừng dâng cao như thác lũ, nên cũng là điều dễ hiểu khi khả năng lưu giữ kiến thức thuộc về quá khứ của họ ngày càng kém đi. Chính vì lý do đó, quan điểm của những con người này có nguy cơ bị giới hạn về mặt lịch sử, và chắc chắn họ thiếu những nắm bắt về lịch sử và những nhân tố trọng yếu của Cơ Đốc Giáo đến nỗi họ có thể, mặc dầu hoàn toàn không cố ý, tiến đến chỗ xem những yếu tố lịch sử và nhân tố trọng yếu của Cơ Đốc giáo chỉ là những hình thức mang tính Tin Lành Cơ Đốc của Cơ Đốc giáo, trọng tâm của Cơ Đốc Giáo đã bị bỏ mặc. Điều tác giả mong mỏi là nghiên cứu sách Công vụ theo chiều hướng mới mẻ này sẽ giúp nhiều độc giả nắm bắt được, hoặc nếu cần, nắm bắt thêm một lần nữa sự vinh quang, giàu có, niềm trông cậy, và sự diệu kỳ của Tin Lành mà Đấng Phục sinh vẫn đang công bố với thế giới qua tác phẩm được soi dẫn của Lu-ca.

Sách này không được viết cho các học giả thuộc lĩnh vực Tân Ước, nhưng nhằm vào đại đa số công chúng có tri thức và quan tâm. Sách được đặt trên nền của sự tin quyết rằng Công vụ các sứ đồ là sách có giá trị lịch sử đáng tin nhiệm, các lập luận cho tin quyết này được trình bày tại Phụ lục 2, vậy nên tác giả cho rằng không cần thiết phải liên tục trả lời câu hỏi liên quan đến tính xác thực về mặt lịch sử. Ba tác phẩm thường xuyên được sử dụng làm tài liệu tham khảo trong nghiên cứu này là Công vụ của Giáo sư I. Howard Marshall, (Leicester: IVP, 1980); bản hiệu đính Sách Công vụ của Giáo sư F. F. Bruce (Grand Rapids: Wm. B. Eerdmans, 1988), và Tác phẩm vô cùng uyên bác Sách Công vụ trong bối cảnh lịch sử Hy Lạp cổ đại của cố tác giả Colin J. Hermer (Tubingen: J. B. C. Mohr, 1989). Có một điều cần được đặc biệt đề cao, đó là bản dịch tươi mới, chuẩn xác, và sống động của giáo sư Bruce trong sách giải nghĩa bản hiệu đính của ông.

Có rất nhiều sách giải nghĩa Công vụ ưu tú tập trung vào những kỹ thuật của Lu ca về sự truyền bá Tin Lành Cơ Đốc, các tác phẩm đó cung cấp cho độc giả thông tin về địa lý, về khảo cổ, và về lịch sử vốn hữu ích để giải thích và minh họa các kỹ thuật của Lu ca. Chúng vẫn được đề cử để sử dụng như nguồn cung cấp dữ liệu thuộc các lĩnh vực đã nêu. Trong khi đó, sách giải nghĩa này lại tập trung vào các phương pháp Lu ca chọn lựa và kết hợp tư liệu; rồi từ đó kết luận rằng tuy Lu ca thích miêu tả về việc truyền bá Tin Lành, ông tỏ ra hứng thú nhiều hơn đối với việc giải thích rõ ràng cho chúng ta Tin Lành đó là gì mà đã nhanh chóng tràn ra khắp thế giới, và những điều gì trong Tin Lành đó cần được giữ nguyên vẹn trong thời đại hiện nay.

Một điều khiến đau lòng trong sách Công vụ là ghi chép về những mâu thuẫn từ rất sớm giữa Do Thái giáo và Cơ Đốc giáo. Ngày nay, khi đọc những ghi chép ấy người ta không thể không liên tưởng đến sự tàn ác đáng ghê sợ của cuộc tàn sát người Do Thái vào thời Đức Quốc xã; vì lý do đó, tôi đã tận dụng quyền tự do của mình ưu tiên nguyên vẹn Phụ lục 1 để trình bày một tuyên ngôn bày tỏ thái độ của cá nhân tôi đối với những điều đáng buồn đó.

Phần Giới Thiệu

Nhiều người rất xứng đáng được tri ân, một lần nữa, tôi đặc biệt cảm ơn ông Stewart Hamilton, Tiến sĩ John Lennox, Tiến sĩ Roderic Matthews, ông Michael Middleton, và Tiến sĩ Arthur Williamson, là những người đã hợp lực vun đắp cho quyển sách này qua nhiều cách. Cảm ơn bà Barbara Hamilton đã dành nhiều thời gian làm việc khó nhọc, và thường phải làm việc dưới áp lực đáng kể để hoàn tất bản đánh máy chuẩn xác về chuyên môn và hoàn hảo về thẩm mỹ. Cảm ơn ông David Mackinder đã biên tập và góp phần rất lớn trong việc dàn dựng hợp lý các tiêu đề và các tiêu đề phụ và những ý tưởng chưa được diễn đạt rõ ràng trong sách. Tôi chân thành cảm ơn mỗi người và mọi người.

DAVID GOODING

BELFAST

GIỚI THIỆU

Vì sao nghiên cứu sách Công vụ?

Tôi cho rằng lý do đầu tiên và hiển nhiên để nghiên cứu sách Công vụ có thể là để nắm bắt những dữ kiện thần thần, hoàn toàn chân thực về khởi nguyên của Cơ Đốc giáo và về thế giới cổ đại nơi Cơ Đốc giáo được sinh ra. Đây còn là một lý do đang trở nên hết sức cấp bách trong thời đại hiện nay.

Như quý vị đã thấy, không ai có thể phủ nhận sự kiện tâm trí của những người hiện đại cho rằng Cơ Đốc giáo có vài đặc điểm không có sức thu hút. Tất nhiên nhận thức đó không bao hàm sự dạy dỗ của Cơ Đốc giáo về tình yêu và tình phụ tử của Đức Chúa Trời. Cũng không nhắm vào việc Cơ Đốc giáo nhấn mạnh đến các vấn đề xã hội, việc chăm sóc trẻ con và người cao tuổi, hay là việc yêu thương người lân cận và kẻ thù của chúng ta như yêu chính thân mình, dù cho người ta hay cảm râm rằng điều được đề cập sau cùng là sự dạy dỗ quá toàn hảo không thể đem áp dụng vào thực tế được.

Không phải đó là những điều khiến tri thức hiện đại khó chịu trước chủ nghĩa siêu nhiên của Cơ Đốc giáo, rằng Cơ Đốc giáo tuyên bố Chúa Jesus là Đức Chúa Trời nhập thể, rằng từ mộ phần Ngài đã sống lại trong thân xác và đã về trời, và rằng Ngài sẽ trở lại theo đúng nghĩa đen. Kế đến là sự độc tôn trong giáo lý của Cơ Đốc giáo khẳng định rằng ngoại trừ Đấng Christ thì chẳng có sự cứu rỗi trong đấng nào khác, rằng không có danh nào khác ban cho loài người để chúng ta nhờ danh ấy mà được cứu (4:12). Vì lý do đó, tại nhiều quốc gia đương đại phương Tây, Cơ Đốc giáo chính thống kiên định với niềm tin quyết vào các đặc điểm nêu trên rõ ràng không còn được yêu thích, và số lượng tín hữu trong các Hội thánh Cơ Đốc giảm xuống đáng kể.

Không một tín hữu Cơ Đốc nào có thể không quan tâm trước tình hình này, nhưng một điểm đáng lo ngại trong tình hình này, ấy là về một trong những phương cách phục hồi vẫn thường được chủ trương ngày nay, chủ trương đó không đến từ bên ngoài mà đến từ những

người thuộc về thế giới Cơ Đốc. Càng ngày ta càng nghe nhiều thể loại thần học gia và lãnh đạo hội thánh động viên hết thảy chúng ta chấp nhận cái ý tưởng cho rằng Tin Lành Cơ Đốc vẫn có thể một lần nữa trở nên hiệu quả trong thế giới hiện đại, chỉ cần các tín hữu Cơ Đốc được chuẩn bị để khiến cho Tin Lành của họ hợp thời và giải nghĩa về Tin Lành với tri thức hiện đại theo cách không làm trở ngại những khó khăn không thể khắc phục.

Và họ trấn an chúng ta rằng đó là điều được phép làm, rằng an toàn khi làm như vậy. Họ biện luận rằng những điều khiến tri thức hiện đại thấy khó chấp nhận ở Cơ Đốc giáo thật ra chẳng phải là những phần trọng yếu của Tin Lành. Chúng chỉ là giai đoạn ủ kén của Cơ Đốc giáo. Chúng chỉ là một phần và một mảng tư tưởng thuộc thời tiền sử tiền khoa học của thế giới cổ đại, và chúng tạo thành lớp vỏ có-lẽ-cần-thiết phủ bên ngoài để bảo vệ và nuôi dưỡng những khối động khiêm nhường, đầu tiên của sự sống và tư tưởng Cơ Đốc thật sự nằm ở bên trong. Nhưng chúng chưa bao giờ là phần trọng yếu của sự sống đó. Ngày nay chúng có thể bị hủy bỏ mà không hề gây ra bất cứ tổn hại nào cho sự sống. Và chúng cần phải bị loại bỏ; bởi vì đối với tri thức hiện đại, chúng mang đầy đủ mọi biểu hiện của giai đoạn ấu trĩ của quá trình phát triển tôn giáo diễn ra trong một môi trường tiền khoa học. Hơn nữa, vào thời đó kiến thức của con người về thế giới vĩ đại quanh họ vô cùng hạn hẹp, và họ cảm thấy rằng tôn giáo của họ là tôn giáo duy nhất hữu hiệu, giống như cách một đứa trẻ cảm nhận – để bản thân đứa trẻ cảm thấy được an ninh, nó phải được phép nghĩ rằng bố của nó là ông bố duy nhất trên thế giới đáng để tin cậy.

Họ biện luận rằng nếu Cơ Đốc giáo còn có chút hy vọng nào trong việc chứng minh bản thân với tri thức hiện đại, thì bản thân nó phải thoát khỏi lớp vỏ siêu nhiên không quan trọng của giai đoạn ủ kén, biến thành một con bướm biết thích nghi cách lồi cuốn với bầu không khí thế tục, yêu chuộng khoa học của thế giới hiện đại.

Họ biện luận rằng, thêm vào đó Cơ Đốc giáo sẽ phải chấp nhận sự thật rằng nó không còn là con bướm duy nhất trong khu vườn. Tri thức của loài người chúng ta về thế giới vào thời hiện đại này được

mở rộng ra, điều này đã mở mắt con người ta và khiến họ thấy rằng vẫn còn có những tôn giáo không kém phần lôi cuốn khác đang lấy mật từ các nguồn khác. Họ biện luận rằng, vậy nên điều chúng ta cần làm là ngưng nỗ lực cải đạo những người thuộc về những niềm tin khác, thay vào đó, sử dụng đối thoại để được lợi, và kết hợp những tư tưởng có giá trị của mọi tôn giáo, bao gồm cả tư tưởng của Cơ Đốc giáo. Họ cảnh báo chúng ta rằng có một điều tri thức hiện đại không thể và sẽ không khoan nhượng thêm nữa, đó là những tuyên bố độc quyền của Cơ Đốc giáo trung thành với trào lưu chính thống và lỗi thời. Dù tuyên bố này đã thành công trong thế giới cổ đại, nó sẽ không thể tồn tại trong thế giới của chúng ta.

Nhưng trước khi tiếp nhận lập luận có vẻ hợp lý này, chúng ta nên khôn ngoan đọc lại lịch sử ra đời của Cơ Đốc giáo mà Lu ca ký thuật, dù chỉ để cứu chính mình khỏi sa vào một cú tự lừa dối đầy ngoạn mục vì thiếu hiểu biết hoặc vì lãng quên các dữ kiện lịch sử. Khi được đọc với tinh thần khôn ngoan sâu sắc, nếu như không chỉ ra được điều nào khác, thì tường thuật của Lu ca sẽ chỉ ra cho chúng ta ít nhất điều này: thế giới hiện đại của chúng ta cùng với mọi tiến bộ về khoa học và kỹ thuật của nó, về cơ bản, không có bất cứ khác biệt nào so với thế giới cổ đại nơi Cơ Đốc giáo chào đời. Hình dung khác đi là một sai lầm trầm trọng. Thật vậy, thế giới Tây phương hậu Cơ Đốc của chúng ta không những không hề khác biệt với thế giới vào thế kỷ thứ nhất, mà ngày càng trở nên giống với thế giới đó. Ai đó đã nói “thế giới khoa học hiện đại của chúng ta không thể tin vào việc thân thể đã chết sống lại ra khỏi mộ,” họ nói như thế tại điểm này thì thế giới hiện đại không hiểu sao lại khác với thế giới cổ xưa.

Nhưng thật ra hầu hết con người trong thế giới cổ đại cũng không tin vào khả năng này. Những triết gia phái Epicureans mà Phao-lô đã tranh biện tại A-then (17:18) theo thuyết tiến hóa và tin rằng thế giới được tạo ra bởi các nguyên tử. Họ tin vào sự tồn tại của các thần linh; nhưng cũng giống với những thần học gia tác giả của quyển sách được viết vài năm trước, quyển *Thần thoại về Đức Chúa Trời Nhập thể*,¹ họ tin (vì những lý do khác nhau) rằng các thần linh chưa bao giờ và sẽ không bao giờ can thiệp vào thế giới của chúng ta. Giả

thuyết khoa học của họ dạy rằng linh hồn và thể xác của con người được cấu thành từ những phân tử vật chất. Khi chết đi, các phân tử của cả linh hồn lẫn thể xác bay đi tan tã. Linh hồn lập tức bị tan rã, còn thân thể sẽ dần phân rã sau đó. Không có điều gì tồn tại, trừ những phân tử riêng rẽ. Vì lẽ đó, họ dựa trên những nền tảng khoa học để phản đối khả năng phục sinh. Dù vậy, tất nhiên Phao-lô vẫn rao giảng cho họ sự phục sinh của Đấng Christ (17:31).

Hầu hết những người Hy Lạp bình thường tin rằng linh hồn vẫn còn lại sau khi chết. Plato, nếu không phải là Homer, đã dạy họ như vậy (nếu họ cần được dạy về điều đó). Nhưng không ai trong số họ tin vào sự phục sinh của thân thể. Thi sĩ cổ đại vĩ đại của họ là Aeschylus đã trình bày rằng không hề có điều nào như vậy. Vì vậy, khi Phao-lô giảng về sự phục sinh thân thể của Đấng Christ cho người Hy Lạp tại A-then, một vài người đã hết sức nhạo cười, không giữ được vẻ lịch sự (17:30-32).

Nhưng không phải chỉ dân ngoại là không thể tin, không tin được, hay không muốn tin vào khả năng phục sinh của thân thể. Lu ca cho chúng ta biết cuộc chống đối Tin lành Cơ Đốc có tổ chức đầu tiên đến từ tôn giáo của người Do Thái, từ chính những chức sắc tôn giáo có địa vị cao nhất trong đền thờ của Đức Chúa Trời tại Giê-ru-sa-lem. Cả họ cũng không tin vào khả năng phục sinh của thân thể! Họ chính là người Sa-đu-sê đồng niềm tin (4:1-7; 5:17-18; 23:6-8). Họ không tin vào sự phục sinh của thân thể, cũng không tin vào sự tồn tại của thiên sứ, hay thậm chí sự còn lại của linh hồn con người sau khi chết. Còn hơn thế nữa, họ trích dẫn Kinh thánh để tra xét và chứng minh lập luận của mình!

Có thể nói rằng hiện tượng các chức sắc tôn giáo thuộc các đảng phái thánh, tay cầm Kinh Thánh nhưng lại chối bỏ không chỉ sự nhập thể, sự phục sinh của thân thể và sự thăng thiên của Chúa Jesus, mà thậm chí chối bỏ luôn cả khả năng những điều như vậy xảy ra trong lý thuyết, tôi biết, đây có vẻ như là một hiện tượng của thời hiện đại; và đối với nhiều người, việc ấy mang vẻ lôi cuốn của sự thức thời, tiên phong, theo sát tư duy hiện đại. Trong thực tế, điều đó cũng xưa như sự xuất hiện của chính Cơ Đốc giáo vậy. Điều khác biệt duy nhất

là vào thời bấy giờ (dù không lâu lắm – xem 1 Cô. 15), những người chối bỏ đó là những người ở bên ngoài, chứ không phải ở trong Hội thánh Cơ Đốc.

Chính vì vậy, chúng ta cần gấp rút để cho lịch sử hình thành và phát triển Cơ Đốc giáo của Lu ca nhắc nhở chúng ta về những sự kiện đương đại. Khi nói về việc cứng lòng không tin vào sự phục sinh thân thể của Chúa Jêsus dựa vào nền tảng tôn giáo, triết học, khoa học, hay đơn thuần là văn hóa, thì thế giới cổ đại không có điều khác biệt nổi bật nào so với thế giới hiện đại.

Vậy thì nếu các sứ đồ chịu lắng nghe những lời khuyên giống như điều chúng ta nghe từ các nhà tư tưởng tiên tiến ngày nay, và đánh mất niềm tin vững vàng về sự phục sinh thân thể của Đấng Christ thì chắc chắn các Hội thánh Cơ Đốc sẽ bị rơi vào tình trạng suy thoái: và sẽ không còn bất kỳ Hội thánh Cơ Đốc nào (xem 1 Cô. 15:12-20).

Hay lấy công bố của Cơ Đốc giáo rằng sự cứu rỗi chỉ có thể được tìm thấy duy trong Đấng Christ mà không thể tìm thấy ở bất cứ tôn giáo hay triết lý nào khác (4:12). Phải thừa nhận rằng công bố này làm phật lòng nhiều người đang sống trong thế giới hiện đại; họ cảm thấy công bố này là kết quả của sự thiếu hiểu biết, nếu không nói là ngạo mạn. Họ nói, điều đó rất tự nhiên trong thế giới cổ đại nơi Cơ Đốc giáo là tôn giáo chính thức của một nền văn hóa nguyên khối, nơi con người biết rất ít về thế giới bên ngoài, nên đã xem mọi thứ ở bên ngoài là xa lạ và thù địch. Họ nói, nhưng chúng ta không còn sống trong thế giới giống như vậy nữa. Chúng ta đang sống rất tốt trên con đường tiến đến một nền văn hóa chung cho toàn thế giới. Dù sao đi nữa, bây giờ chúng ta biết về những tôn giáo khác của thế giới nhiều hơn những người ngày xưa biết, vì vậy không còn lý do gì để có thể công bố, như người ngày xưa đã từng công bố trong sự thiếu hiểu biết về thế giới rộng lớn bên ngoài, rằng Cơ Đốc giáo là con đường cứu rỗi duy nhất.

Nhưng một lần nữa lập luận này dựa trên một sai lầm. Có lẽ họ đang liên tưởng đến tính chất của những sự việc thuộc thời kỳ đen tối hay thời kỳ trung cổ. Nhưng vào thế kỷ thứ nhất, qua kinh nghiệm cá nhân hoặc các va chạm hàng ngày, một Cơ Đốc nhân người Hy

Lạp hay người La Mã bình thường biết về các tôn giáo khác rất nhiều so với một Cơ Đốc nhân bình thường (trong thế giới hiện đại Tây phương) thời nay. Hãy để những mô tả sống động về A-then của Lu ca cùng với vô số những bàn thờ dành cho vô số nam nữ thần nhắc chúng ta nhớ rằng thế giới nơi Cơ Đốc giáo ra đời có dân cư đông đúc thuộc đủ mọi loại tôn giáo và triết lý. Có tôn giáo cổ điển với những ngôi đền đẹp đẽ và những nghi lễ trang trọng, thờ những vị thần trên núi Olympia theo phiên bản của Hy Lạp và của La Mã. Có những tôn giáo huyền bí hứa đem những tín đồ sùng đạo vào trong sự hiệp thông với thần linh và làm họ mê mẩn với những kinh nghiệm ngây ngất tuyệt vời (1 Cô. 12:2). Bấy giờ, loại hình thức ít phổ biến nhất, là những thần thoại về sự luân hồi của linh hồn, về ngục luyện tội và sự đầu thai từ đạo Hin-đu, thông qua Pythagoreans và Plato, thâm nhập vào tôn giáo và triết lý của Hy Lạp. Có những tôn giáo khổ hạnh nghiêm khắc (Côl. 2:20-23), và có những tôn giáo dễ dãi xem sự gian dâm và quan hệ đồng tính là những hành vi chấp nhận được (2 Phi. 2; Giu. 7-8). Có tôn giáo thuộc dạng triết lý trầm tĩnh (Côl. 2:8); có những tôn giáo khác để cho sự cuồng tín có thể dễ dàng chuyển thành bách hại, bạo loạn, và sát hại con người (Công vụ 9:1-2; 19:21-40). Có tôn giáo tin vào Đấng Christ như là một Linh của thế giới vĩ đại, nhưng từ chối không tin rằng Chúa Jêsus chính là Đấng Christ (1 Giăng 2:18-22; 4:2-3). Trên hết những điều đó, là điều mà nhiều nơi trong sách Công vụ nhắc chúng ta, ấy là tại nhiều thành phố thuộc thế giới cổ đại đã xuất hiện những nhà hội dành cho niềm tin của người Do thái, ở đó cũng thường hay có một số tín hữu là dân ngoại. Ở giữa các tôn giáo lộn xộn này, trong hai trăm năm đầu tồn tại, Cơ Đốc giáo dĩ nhiên không phải là tôn giáo chính thức của nền văn hóa nguyên khối, nhưng là một thiểu số nhỏ bé nằm trong lòng một đế quốc rộng lớn, vùng vẫy tranh đấu và thường bị bách hại.

Vậy thì không phải bởi vì các Cơ Đốc nhân không biết nhiều về các tôn giáo khác nên họ rao giảng rằng Chúa Jêsus Christ là Đấng Cứu thế duy nhất của thế giới, nhưng bởi vì họ biết quá nhiều về các tôn giáo đó. Họ biết rằng không có tôn giáo nào mang đến sự thanh tẩy lương tâm thật sự, sự hòa giải đích thực với Đức Chúa Trời, đảm bảo về sự cứu rỗi, và sự trông cậy vững vàng cho tương lai của cá

nhân và của thế giới. Họ rao giảng rằng Chúa Jêsus là Đấng Cứu thế duy nhất không phải vì hẹp hòi hay là vì mong muốn bành trướng về tôn giáo, nhưng vì niềm vui trọn vẹn trong lời rao giảng, rằng Đức Chúa Trời qua Chúa Jêsus Christ đã hoàn tất công việc cứu rỗi toàn nhân loại. Không một sự cứu rỗi nào khác có hiệu lực; cũng không có sinh tế nào giống như vậy được dâng lên ở nơi nào đó; mà cũng không cần thiết phải có thêm sinh tế hay sự cứu rỗi nào khác. Sự hòa giải với Đức Chúa Trời là một món quà, có sẵn cho mọi người, tức thời và miễn phí.

Ai đó nói “đúng, chẳng có gì không ổn khi các Cơ Đốc nhân cùng niềm tin với nhau tin những điều này. Nhưng ở phương Tây ngày nay chúng ta sống trong một xã hội đa chiều, sẽ không đúng với tinh thần Cơ Đốc nếu cứ đi loanh quanh cố gắng đem những người thuộc các niềm tin khác về với Cơ Đốc giáo. Điều đó có thể gây ra những mối quan hệ tồi tệ trong cộng đồng, nếu không phải là rối loạn dân sự.”

Mối nguy hiểm này quá thật; bạo lực nhân danh tôn giáo vẫn đang diễn ra ở nhiều nơi khiến những cá nhân có tâm lòng ngay thẳng thấy kinh tởm. Nhưng khi phân tích nguyên nhân của sự việc này chúng ta cần cảnh giác với các chẩn đoán hời hợt.

Ngày nay, thái độ “trung thành với trào lưu chính thống” (fundamentalist) trong tôn giáo thường bị dập tắt. Nhưng một thuật ngữ vừa có thể được dùng để chỉ về những Hội thánh Amish và Mennonite nhỏ bé tin vào Kinh thánh, nơi toàn bộ các tín hữu đều theo chủ nghĩa hòa bình, đồng thời cũng chỉ về hàng triệu chiến binh Hồi giáo, thì vô dụng cho mục đích phân tích.

Thế giới Cơ Đốc đã không tuân thủ trung thành với các giáo lý cơ bản của Kinh Thánh, điều đó đã thường xuyên gây ra sự không dung nạp, kỳ thị về chính trị, và giết chóc nhân danh tôn giáo. Đó là sự bất tuân hoàn toàn đối với mệnh lệnh cấm sử dụng gươm kiếm hay bạo lực dưới bất kỳ hình thức nào của Đấng Christ, dầu là để ủng hộ hay bảo vệ chính nghĩa của Đấng Christ, hoặc để giúp Hội thánh phát triển, hay để trấn áp các “tà thuyết” và những người không tin đạo. Sự bất tuân trước đây nay khó có thể được hàn gắn bằng sự phản bội khi làm giảm bớt hoặc làm tổn hại đến những công bố về uy quyền

tối cao của Đấng Christ vì mỗi lo sợ rằng những công bố đó sẽ gây ra sự xúc phạm.

Sách Công vụ lại một lần nữa trợ giúp chúng ta tại điểm này; để xác định thế nào là thái độ Cơ Đốc thật chúng ta khó có thể bỏ qua các hành động của các vị sứ đồ trong Hội thánh. Ví dụ, sách Công vụ thường xuyên ghi lại một thực tế là các quan án và tổng đốc La Mã thường hay cảm thấy khó chịu trong lần đầu tiếp xúc với Cơ Đốc giáo. Khi có bạo loạn xảy ra trong những khu vực họ chịu trách nhiệm, thì việc điều tra thường cho thấy có vẻ như Cơ Đốc nhân là nguyên nhân ẩn tàng sau các cuộc bạo loạn đó. Thi thoảng, bạo loạn xảy ra là do các tín hữu của các tôn giáo ngoại bang khác nhau, là những người bị các Cơ Đốc nhân làm phật lòng đến mức tội tệ, như việc xảy ra tại Phi-líp (16:16-40) và Ê-phê-sô (19:23-41). Nhưng thông thường, những cuộc bạo loạn xảy ra tại An-ti-ốt xứ Bi-si-đi (13:50), Lít-tơ (14:19), Tê-sa-lô-ni-ca (17:5-9), Bê-rê (17:13), Cô-rinh-tô (18:12-17) và Giê-ru-sa-lem (21:27-26:32) là do người Do Thái.

Nói chung người La Mã thường khá khoan dung đối với những tôn giáo khác; nhưng điều khiến họ mất kiên nhẫn là khi những khác biệt về niềm tin hay về thực hành tôn giáo gây rối loạn dân sự. Lu ca cho chúng ta biết (18:2) có một giai đoạn hoàng đế Cơ-lốt đã truyền mọi người Do Thái phải rời khỏi thành Rô-ma; và về sau, từ ký thuật của sử gia La Mã Suetonius về sự kiện này (Life of Claudius XXV. 4), chúng ta được biết rằng điều chọc giận Cơ-lốt lúc bấy giờ là “sự chia rẽ và rối loạn trong cộng đồng người Do Thái tại thành Rô-ma, xuất phát từ việc đem Cơ Đốc giáo vào một hay một số nhà hội của thành ấy.”²

Như vậy, rõ ràng là vì lợi ích của một người tên là Thê-ô-phi-lơ, Lu ca cần phải giải thích một vài điều khi ông viết “Nguồn gốc của Cơ Đốc giáo.” Chúng ta không biết chính xác Thê-ô-phi-lơ là ai. Từ tước hiệu “quý nhân” mà Lu ca sử dụng trong phần mở đầu sách Tin Lành của mình (Lu. 1:3 - BTT) có thể suy ra ông là một người có địa vị cao trọng nhất định. Ông có thể là “một thành viên đại diện của công chúng thuộc tầng lớp trung lưu trí thức tại Rô-ma,”³ một người quan tâm đặc biệt đến Cơ Đốc giáo nhưng chưa cải đạo. Hoặc cũng

có thể ông đã là một tín hữu. Dù trong trường hợp nào, Lu ca cũng cần phải giải thích cho ông ấy rằng các tín hữu Cơ Đốc không phải là người khai mào các cuộc bạo loạn. Các Cơ Đốc nhân không đi vòng vòng xúc phạm tôn giáo của người khác hay hành xử chướng tai gai mắt trong các ngôi đền của họ (19:23-41; 21:27-29; 24:10-13). Dầu bản thân bị bách hại dữ dội các, Cơ Đốc nhân không hề bách hại bất kỳ ai. Phao-lô, trước khi trở nên một tín hữu Cơ Đốc, có bách hại cách dữ tợn những đồng bào Do Thái có niềm tin vào tôn giáo mà ông căm ghét (7:58; 8:3; 9:1-2); nhưng sau khi trở nên một tín hữu Cơ Đốc, ông không hề bách hại bất kỳ người nào nữa, thậm chí cũng không trả đũa những người đã bách hại ông (28:17-22, đặc biệt là về cuối câu 19).

Nhưng nếu Thê-ô-phi-lơ là một người sâu sắc, mà nhiều khả năng ông là người như vậy, thì Lu ca cần phải giải đáp cho ông ta một câu hỏi sâu hơn. Cứ cho rằng Cơ Đốc nhân không khơi mào các cuộc bạo loạn theo tinh thần là người đầu tiên ném đá hay tấn công các đối thủ của mình, nhưng tại sao họ cứ liên tục đi vòng vòng rao giảng và thuyết trình trước công chúng những điều họ biết là sẽ làm phật lòng cả người Do Thái lẫn dân ngoại? Tại sao Phi-e-rơ và Phao-lô cứ liên tục nhấn mạnh công bố của họ rằng Chúa Jê-sus đã phục sinh từ cõi chết và là Đấng Mê-si-a, thậm chí còn đề cập đến điều đó đang khi họ giảng dạy trong các nhà hội của người Do Thái, là nơi họ biết chắc điều họ giảng là vấn đề gây chia rẽ? Tại sao họ không thể tập trung vào những lời giảng dạy về đạo đức của Chúa Jê-sus và những tư tưởng sâu sắc tuyệt vời của Ngài về tình phụ tử của Đức Chúa Trời, vốn là những điều mà mọi người, Cơ Đốc nhân cũng như người Do Thái đều có thể chấp nhận?

Tại sao Ê-tiên phải khẳng khái nói rằng đền thờ tại Giê-ru-sa-lem chẳng qua chỉ là một phương tiện không đầy đủ và tạm thời để tương giao với Đức Chúa Trời, và rằng Chúa Jê-sus Christ đang trong tiến trình làm cho nó trở nên lỗi thời, trong khi lẽ ra ông phải nhận ra điều đó xúc phạm kinh hoàng đến đồng bào Do Thái tin kính và nhạy cảm của ông và những niềm tin được yêu mến sâu sắc của họ (6:8-8:3)? Tại sao các sứ đồ phải quy phép cắt bì lâu đời và được trân

trọng sâu sắc của họ là điều chẳng đóng góp được bất cứ điều gì cho sự cứu rỗi của bất kỳ ai, dù người ấy là dân ngoại hay là người Do Thái (chương 15)?

Có một người người bị quý ám nổi tiếng về nghề bói khoa tại thành Phi-líp (16:16-39), công việc của cô đem đến một số ý nghĩa cho nhiều người trong thành đó, cô ta đã công khai chào đón Phao-lô cùng với đội ngũ truyền giáo của ông, và gợi ý rằng cô và họ cùng chia sẻ nhiều điều tương tự vì cả hai cùng nhắm đến một mục tiêu thật sự giống nhau. Tại sao Phao-lô quay trở lại từ chối hợp tác với cô, tuyên bố rằng hình thức tôn giáo đó của cô là gian ác, và vì thế tạo nên một nỗi cay đắng lớn trong thành?

Các nhà tư tưởng hàng đầu của mọi thời đại từ lâu đã cho rằng mọi tôn giáo, dù có dùng danh nào để chỉ Đấng Tối cao – hoặc họ gọi Ngài là Zót, hay Gia-vê, hay Ju-pi-tơ, hay Ba-anh, hay Đấng ấy – tất cả đều chỉ về cùng một Đấng. Tại sao các Cơ Đốc nhân không thể chấp nhận rằng tất cả các tôn giáo đều có giá trị như nhau, chỉ khác nhau về phương cách đến với cùng một Đức Chúa Trời? Tại sao họ phải xúc phạm đến truyền thống và văn hóa của quá nhiều người, tạo nên nhiều cay đắng, gây ra nhiều thù địch tôn giáo và xung đột dân sự từ nỗ lực không ngừng đem người ta từ các tôn giáo khác trở về với tôn giáo của họ?

Kể từ thời hoàng đế Julius, các chính quyền Rô-ma tiếp theo đã thông qua đạo luật đặc biệt bảo vệ tôn giáo của người Do Thái, dầu họ xem tôn giáo này thật rất lạ lùng. Và Lu ca là người làm chứng cho việc một vị quan tổng trấn La Mã bậc trung (nếu không tham những như tổng trấn Felix, 24:26-27) sẽ nhất định cho rằng Cơ Đốc nhân có mọi quyền hợp pháp để truyền bá tư tưởng đặc thù của họ (26:31). Còn với một người như Phao-lô, người đã đi khắp nơi để thúc đẩy quan điểm giáo lý của mình đến mức khiến cho đồng bào Do Thái của ông nổi giận và khiến cho bản thân bị tra tay thô bạo bởi cả người Do Thái lẫn dân ngoại – đối với họ người như thế ấy quả thật điên rồ (26:24).

Thế thì tại sao các sứ đồ lại làm như vậy? Ít nhất, các Cơ Đốc nhân không thể nói rằng những sứ đồ được lựa chọn của Đấng Christ,

được làm báp têm, được đầy đầy Thánh Linh, và được Đức Chúa Trời sử dụng để thành lập hội thánh, thật ra đã làm điều trái ngược với tinh thần Cơ đốc như vậy.

Vậy thì Lu ca sẽ đưa ra lời giải thích nào cho Thê-ô-phi-lơ để có thể biện minh cho hành vi của họ và đem Thê-ô-phi-lơ trở về với Cơ Đốc giáo nếu ông chưa phải là tín hữu, hoặc nếu ông đã là tín hữu, thì để củng cố niềm tin và truyền cảm hứng cho ông để ông theo gương họ?

Câu trả lời cho các câu hỏi này không thể nào ngắn hơn trọn cả sách Công vụ. Nhưng chúng ta chỉ trích dẫn một vài ví dụ ở đây.

Phi-e-rơ giải thích cho tòa công luận lý do ông phải tiếp tục rao giảng trong danh của Chúa Jêsus mà họ đã xử tử, cho thấy rằng ông đã không bị thôi thúc bởi mong muốn báo thù hay bởi thiếu lòng khoan dung về tôn giáo, mà vì sự cứu rỗi cho mọi người mọi nơi đang bị đe dọa. Chúa Jêsus là Đấng Cứu thế mà Đức Chúa Trời ban cho toàn nhân loại (4:12). Vì sự cứu rỗi của loài người ông phải tiếp tục công bố về Jêsus, cho dù điều đó có làm ai bối rối đi nữa.

Phi-e-rơ và Gia-cơ đã chịu trách nhiệm giải thích cho các anh chị em tín hữu tại sao họ phải gửi nhiều thư cho các Hội thánh Cơ Đốc tố cáo các quan điểm của những “tín hữu” đó là giả dối (15:5), vì những người đó đã dạy dỗ rằng phép cắt bì và việc tuân giữ luật pháp vốn cần thiết để được hưởng sự cứu rỗi. Các bức thư đó không được gửi đi để củng cố một chiến thắng hẹp hòi của một giáo phái thuộc thế giới Cơ Đốc đối với một giáo phái khác về một vài quan điểm thần học thứ yếu.

Cũng cần phải nhắc lại một lần nữa rằng chẳng phải điều gì khác mà chính là sự cứu rỗi dành cho loài người đang gặp nguy hiểm. Phi-e-rơ cho biết, nếu dạy rằng sự cứu rỗi phụ thuộc vào một vài nghi lễ hay phụ thuộc vào việc tuân giữ luật pháp tức là cầm giữ người ta dưới ách nô lệ thuộc linh khiến họ lầm tưởng rằng họ không thể được dung thứ (15:10-11) trong khi họ có thể được dung thứ và được giải phóng. Không truyền thông tôn giáo nào, dầu có thiêng liêng đến đâu, được phép cầm giữ con người trong vòng xiềng xích. Làm như vậy là cầm đồ chính Đức Chúa Trời (10:15).

Các triết gia có lý khi tỏ ra thiếu tự tin đối với hệ thống nhận thức, thể chất, và chính trị của riêng họ. Điều tốt nhất họ có cuối cùng cũng chỉ là một hệ thống lý luận không hoàn hảo dựa trên những tiêu đề được lựa chọn tùy ý. Lý do Phao-lô khẳng định sự phục sinh của Đấng Christ trước tòa A-rê-ô-ba tại A-then với thái độ chắc chắn không khoan nhượng về mặt giáo lý là vì sự phục sinh của Đấng Christ không phải là một giả thuyết triết học nhưng là một sự kiện lịch sử, qua đó Đức Chúa Trời đã công bố cho mọi người ở mọi nơi rằng Đấng Christ sẽ là Đấng phán xét họ (17:30-31). Con người sẽ không có quyền lựa chọn thẩm phán dựa vào hệ thống triết lý họ đã theo đuổi khi ở trên đất. Hết thảy mọi người sẽ phải chịu phán xét bởi Đấng Christ. Điều đó là hoàn toàn chắc chắn; và khi kêu gọi mọi người mọi nơi ăn năn, chuẩn bị để đối diện với Đấng phán xét, Phao-lô không cung kính trình bày một đề nghị tranh luận về triết học, nhưng ông đang truyền tải một mệnh lệnh đến từ Đức Chúa Trời Toàn năng cần phải được vâng theo.

Điều ở bất cứ mức độ nào, điều này đã là một động lực rất lớn thúc đẩy và thêm linh lực cho các sứ đồ của Chúa Jêsus chúng ta. Sách Công vụ cũng sẽ nhẹ nhàng tra xem chúng ta có được nối kết với cùng một động lực rất lớn ấy hay không.

CON ĐƯỜNG KHÁC BIỆT

Có hai điều rất dễ nhìn thấy trong sách Công vụ. Điều đầu tiên là Cơ Đốc giáo phát triển từ Do Thái giáo, nghĩa là tất cả các Cơ Đốc nhân đầu tiên đều là người Do Thái, dù họ có thuộc về giáo phái nào của Do Thái giáo.⁴

Điều thứ hai là Cơ Đốc giáo đã không được giới thiệu ra cho thế giới với một hệ thống giáo lý và hướng dẫn thực hành đã được xây dựng hoàn chỉnh, lại còn được kèm theo một chỉ dẫn rằng từ hai giờ sáng ngày Chúa nhật đến mọi tín hữu trong Chúa Jesus ở mọi nơi phải từ bỏ mọi thực hành của Do Thái giáo và bắt đầu thực hành theo Cơ Đốc giáo. Không phải vậy, Cơ Đốc giáo cần phải tăng trưởng và phát triển. Một hạt giống chừa bên trong nó thiết kế chi tiết để phát triển thành một cái cây trưởng thành hoàn chỉnh, nhưng cái cây chỉ phát triển các tính chất nó thừa hưởng khi nó lớn lên trong sự tương

tác với đất trồng, dưới sức ảnh hưởng của mặt trời, gió, và mưa. Cũng vậy, dưới sự hướng dẫn của Đức Thánh Linh, Cơ Đốc giáo đã phát triển và tách ra khỏi Do Thái giáo khi nó tương tác với các vấn đề và thách thức nó gặp phải trong quá trình trở thành chứng nhân cho toàn thế giới trong danh của Đấng Christ.

Đây là điều chúng ta có thể dự kiến qua tuyên bố của Cứu Chúa cho các sứ đồ trên phòng cao (Giăng 16:12-13 – BTT), “Ta còn có nhiều chuyện nói với các ngươi nữa; nhưng bây giờ những điều đó cao quá sức các ngươi. Lúc nào Thần lễ thật sẽ đến, thì Ngài dẫn các ngươi vào mọi lẽ thật.” Thần lễ thật đã đến vào Lễ Ngũ tuần, Ngài hiện đến tức thời (2:2). Nhưng việc hướng dẫn vào lẽ thật là một tiến trình; và là một phần mục đích của Lu ca trong Công vụ, ấy là ký thuật lại cho chúng ta những giai đoạn tiếp nối trong tiến trình đó.

Trước hết, Cơ Đốc giáo phải lan rộng về mặt địa lý, như Đấng Christ đã chỉ ra trong tóm lược của Ngài với các sứ đồ (1:8). Theo lẽ tự nhiên, điều này biến Công vụ thành một bản ghi chép về sự phát tán của Tin Lành về mặt địa lý; và vì vậy, một nghiên cứu nghiêm túc về sách Công vụ hẳn phải luôn quan tâm đặc biệt đến các câu hỏi liên quan đến địa lý. Đúng vậy; vì những ghi chú địa lý chính xác, tỉ mỉ, chi tiết, và phong phú tuyệt vời của Lu ca giúp chúng ta nhận thấy rằng không phải ông viết về thần thoại tôn giáo hay truyền thuyết, nhưng là những sự kiện có giá trị lịch sử xảy ra ở những nơi chốn có thật có thể được xác định trên bản đồ.⁵

Tin Lành cũng lan rộng về số lượng, khi gia tăng không ngừng về số người tin nhận Tin Lành; và về chất lượng, trong việc tăng trưởng và sự ổn định thuộc linh của các Hội thánh được hình thành. Chính Lu ca nhấn mạnh một cách đặc thủng sự thật này trong những tóm lược trang trọng mà ông kết luận ở mỗi phần trong sáu phần chính của tác phẩm:

6:7 “Đạo Đức Chúa Trời càng ngày càng tràn ra, số môn đồ tại thành Giê-ru-sa-lem thêm lên nhiều lắm. Cũng có rất nhiều thầy tế lễ vâng theo đạo nữa.”

9:31 “Ấy vậy, Hội-thánh trong cả xứ Giu-đê, xứ Ga-li-lê và xứ Sa-ma-ri được hưởng sự bình an, gây dựng và đi trong đường kính

sợ Chúa, lại nhờ Đức Thánh Linh vừa giúp, thì số của hội được thêm lên.”

12:24 “Bấy giờ, đạo Đức Chúa Trời tấn tới rất nhiều, càng ngày càng tràn thêm ra”

16:5 “Ấy vậy, các Hội thánh được vững vàng trong đức tin, và số người càng ngày càng thêm lên.”

19:20 “Ấy vậy, nhờ quyền phép của Chúa, đạo bèn đồn ra, càng ngày càng được thắng.”

28:30-31 “Phao-lô ở trọn hai năm tại một nhà trọ đã thuê. ... giảng về nước Đức Chúa Trời, và dạy dỗ về Đức Chúa Jêsus Christ cách tự do trọn vẹn, chẳng ai ngăn cấm người hết.”

Sự việc nhanh chóng trở nên rõ ràng, ấy là Lu ca không chỉ hứng thú về sự lan tràn của Tin Lành; vì nếu vậy, tại sao ông không tập trung chia sẻ với chúng ta các cuộc hành trình truyền giáo của nhiều vị sứ đồ? Không còn ai khác trong bọn họ truyền bá Tin Lành sao?

Thời gian, và một lần nữa, các kết luận tóm lược nhấn mạnh thế nào Đạo của Đức Chúa Trời đã gia tăng (6:7; 12:24; 19:20); nhưng chẳng phải Đạo của Đức Chúa Trời tăng qua việc giảng dạy của Giảng lẫn của Phao-lô sao? Vậy thì tại sao không có một từ nào trong các bài giảng của Giảng được đặt bên cạnh vô số những bài giảng và diễn thuyết mẫu của Phao-lô?

Chúng ta kết luận rằng ngoài hứng thú về sự tràn ra của Tin Lành còn có những hứng thú khác kiểm soát sự lựa chọn tư liệu của Lu ca. Vậy làm thế nào để chúng ta có thể kết luận các hứng thú đó là gì?

Có thể dễ dàng nhận ra ít nhất một trong số những điều đó, vì trong cả sáu phần chính trong tác phẩm của ông có một kiểu mẫu sự kiện dễ nhận thấy cứ được lặp đi lặp lại.

Hãy cùng xem xét phần một (1:1-6:7). Được đầy dẫy năng quyền bởi Đức Thánh Linh, Đấng vốn mới vừa giảng lâm từ Thiên đàng, các sứ đồ đã mạnh mẽ thực hiện mạng lệnh của Đấng Christ trở nên chứng nhân cho Ngài. Hết thảy mọi việc đang diễn ra suôn sẻ và có hàng ngàn người trở lại đạo khi khủng hoảng xảy ra: tòa công luận nghiêm cấm mọi việc giảng dạy trong danh Chúa Jêsus. Theo luật

Do Thái giáo, tòa Công luận là cơ quan quyền lực tôn giáo tối cao (và cũng có thẩm quyền nhất định trong lĩnh vực dân sự); các sứ đồ thì chắc chắn không phải là những người vô chính phủ về thuộc linh. Chọn bất tuân và làm ngược với ý muốn của tòa Công luận vốn là một lựa chọn nguy hiểm, và người đối đầu sẽ phải đối diện với đủ mọi loại hậu quả có thể lẫn không thể đoán được. Nhưng nếu vâng theo Tòa công luận thì sẽ chối bỏ chính trái tim, sự sống, linh hồn, và trọng tâm của Cơ Đốc giáo. Dù chối bỏ hay giữ yên lặng đối với thần thánh và tư cách Mê-si-a của Chúa hằng sống đều là không trung thành, là phản bội Đấng Christ, là trực tiếp chống nghịch cùng Đức Thánh Linh của Đức Chúa Trời là Đấng đã đến ban năng quyền cho họ để họ làm chứng về Đấng Christ. Thỏa hiệp là bất khả. Không một chút do dự, các sứ đồ đã không vâng theo Tòa Công luận; và Cơ Đốc giáo đã bước bước đầu tiên khỏi Do Thái giáo chính thống. Đó là vì thần thánh và tư cách Mê-si-a của Chúa Jêsus.

Phần hai cũng tương tự như vậy (6:8-9-31), dưới sự soi sáng của Thánh Linh, Cơ Đốc nhân tuận đạo đầu tiên là Ê-tiên đã bắt đầu nhận thức được rằng sự hy sinh của Đấng Christ tại Gô-gô-tha, sự phục sinh của Ngài, và việc Ngài bước vào trong sự hiện diện trực tiếp của Đức Chúa Trời trên Thiên đàng đã mang lại một thực thi đầy đủ khiến cho đền thờ của người Do Thái tại Giê-ru-sa-lem cùng với toàn bộ hệ thống chức vụ tế lễ, các tế lễ, và nghi lễ phức tạp của nó cuối cùng trở nên lỗi thời. Để quan điểm này được tấn tới và duy trì nơi các cuộc thảo luận và tranh luận trước công chúng, cuối cùng, Ê-tiên đã đem mạng sống của mình ra đặt trước tòa Công luận để chịu xét xử. Khi nhận thấy vụ việc trở nên bất lợi cho bản thân, ông không hề cố gắng chối bỏ hay thỏa hiệp. Rõ ràng đối với ông, hiểu biết của Cơ Đốc giáo về phương cách con người đến gần Đức Chúa Trời được kích hoạt bởi Đấng Christ vốn là một phần trọng yếu không thể thỏa hiệp của Tin Lành. Vì vậy Ê-tiên đã chết, còn Cơ Đốc giáo đã bước thêm một bước quan trọng nữa xa khỏi Do Thái giáo chính thống.

Trong phần Ba cũng vậy (9:32-12:24), thời điểm Phi-e-rơ phải thực hiện nhiệm vụ đem Tin Lành đến cho một người ngoại bang là Cốt-nây, ông đã thực hiện điều đó cách miễn cưỡng vào lúc đầu. Bởi

vì giảng dạy về Tin Lành cho Cột-nây sẽ dính dấp đến việc phải ăn tại nhà ông ta; điều đó trái nghịch với luật thánh khiết của Do Thái giáo, cụ thể là luật về thức ăn, đó là cách hiểu của Phi-e-rơ về các luật lệ này. Do đó, Đức Chúa Trời đã can thiệp và dạy Phi-e-rơ hiểu rằng luật lệ về thức ăn thời Cựu Ước mà chính Ngài đã ban hành bây giờ đã bị hủy bỏ. Phi-e-rơ được tự do ăn với dân ngoại bang. Thế là Phi-e-rơ lên đường; khi chúng ta nhìn thấy Phi-e-rơ bước vào nhà Cột-nây, là chúng ta đang quan sát việc Cơ Đốc giáo bước thêm một bước nữa rời xa khỏi Do Thái giáo, lần này liên quan đến vấn đề nền tảng về lý thuyết và thực hành phẩm chất thánh khiết.

Kiểu mẫu này được lặp lại ở phần bốn (12-25-16:5). Trong Do Thái giáo, phép cắt bì được xem là điều không thể thiếu để làm công dân của một quốc gia thánh, và là điều ích lợi cho sự cứu rỗi, nếu không nói là cần thiết. Vì thế trước khi trở nên một tín hữu Cơ Đốc, mọi người nam Cơ Đốc đều đã chịu cắt bì rồi, và cho đến lúc ấy họ vẫn chưa nghĩ đến thắc mắc giữa mối liên hệ của phép cắt bì với sự cứu rỗi qua Đấng Christ. Nhưng đến khi hàng ngàn dân ngoại trở lại tin Đấng Christ thì chắc chắn thắc mắc này sẽ nảy sinh. Một số Cơ Đốc nhân bắt đầu có suy nghĩ rằng phép cắt bì vẫn cứ là điều cần thiết để được cứu rỗi và vì vậy các tín hữu là dân ngoại cần phải chịu cắt bì. Nhưng trong một buổi họp khi các sứ đồ và trưởng lão được triệu tập tại Giê-ru-sa-lem để xem xét vấn đề này, Phi-e-rơ và Giăng đã công bố quyết định chính thức, có thẩm quyền, và do chính các sứ đồ quyết định, rằng phép cắt bì là không cần thiết, và cũng không đóng góp được bất kỳ điều gì cho sự cứu rỗi, không chỉ trong trường hợp của dân ngoại, mà cả với trường hợp của người Do Thái nữa. Thật không thể nói hết được tầm quan trọng của bước tiến lịch sử mà Cơ Đốc giáo bước xa khỏi Do Thái giáo vào lúc ấy.

Chúng ta hãy dừng lại trong chốc lát và suy ngẫm về những điều đang xảy ra. Khi ký thuật lại những khủng hoảng này cùng các quyết định và các giải pháp đạt được bởi các sứ đồ và các hội thánh đầu tiên, Lu ca không tường thuật quá nhiều về sự lan rộng của Tin Lành khi đang mô tả cho chúng ta biết Tin Lành đó là gì, và quá trình Tin Lành được định nghĩa đã xảy ra như thế nào. Ông tập trung sự chú

ý của chúng ta vào những điểm mà Cơ Đốc giáo phân tách khỏi Do Thái giáo, không phải vì ông là người hẹp hòi chỉ biết nghĩ cho giáo phái của mình nhưng bởi vì ông có sự nhạy cảm tuyệt vời của một nhà sử học đối với những điều thật sự có ý nghĩa. Những vấn đề khiến Cơ Đốc giáo phân tách khỏi Do Thái giáo không phải là những vấn đề ngoại vi. Chúng là những vấn đề thiết yếu quan trọng đến nỗi phạm đến chúng có nghĩa là bất trung với Đấng Christ và sẽ phải rời khỏi Cơ Đốc giáo, thậm chí giả sử chúng cứ được bảo tồn thì trong đó cũng chẳng còn có phúc âm nào.

Nếu đúng là vậy, thì chúng mang những ý nghĩa hết sức sâu rộng. Nghiên cứu những đặc điểm gây phân rẽ này và các vấn đề liên quan đến chúng sẽ giúp chúng ta xác định xem Cơ Đốc giáo của các sứ đồ đã và đang là gì; sẽ tỏ cho chúng ta đâu là những điều trọng yếu của Tin Lành mà chúng ta dầu ở cách xa thời ấy nhiều thế kỷ, vẫn không được vi phạm nếu chúng ta cũng trung thành với Chúa Jêsus và gìn giữ nguyên vẹn Tin Lành của Ngài trong thể hệ của chúng ta. Dĩ nhiên nghĩa vụ gìn giữ nguyên vẹn Tin Lành luôn dễ dàng để tán thành về mặt lý thuyết hơn là thực hiện trong thực tiễn; và trong trường hợp này, Công vụ chiếu ánh sáng dẫn đường cho lịch sử tiếp sau của thế giới Cơ Đốc. Trải suốt các thế kỷ, thế giới Cơ Đốc tỏ ra một khuynh hướng rõ rệt là lại sa lầy vào các hình thức của Do Thái giáo và nhằm lẫn Tin Lành với chính những điều mà các sứ đồ đã khẳng định là chúng cần phải được giữ riêng biệt.

Học giả thuộc thời kỳ Victoria, Tiên sĩ F. J. A. Hort đã mô tả những sự sa-trở-lại này như là

những đồng hóa với Do Thái giáo do Cơ Đốc nhân chủ động, những đồng hóa này nảy sinh từ một nhận biết về thẩm quyền của Cựu ước nhưng nhận biết này lại không được đồng hành cùng với một nhận thức rõ ràng về mối liên hệ thật sự giữa Cựu và Tân ước... Tiến trình này đã bắt đầu vào thế kỷ thứ ba, và cứ phát triển với những hoạt động hoành tráng sau khi Đế quốc La mã trở thành quốc gia Cơ Đốc; đến tận bây giờ chúng ta vẫn còn bị bao vây bởi các hậu quả của nó. Đây là một trong những yếu tố thuộc hệ thống trung cổ mà phong trào Phục hưng ít đề cập đến nhất, vì một lý do rõ ràng ấy là bản thân những người lãnh đạo phong trào Phục hưng đã không có một cảm thức toàn diện về diễn tiến xảy ra trong Kinh thánh, và về những thể loại hướng dẫn khác nhau mà nhiều phần của Kinh thánh cung cấp cho chúng ta, tương ứng với

sự sắp đặt về thời và kỳ của Đức Chúa Trời, như đã được dẫn giải bởi các sứ đồ.⁶

Vậy nên việc đọc Công vụ sẽ mời gọi chúng ta tra xét xem Cơ Đốc giáo mà chúng ta tuyên xưng và thực hành ngày nay có đứng cùng với Cơ Đốc giáo phát triển toàn diện thời các sứ đồ, hay nó vẫn bị vướng víu bởi những lần sa-trở-lại xưa cũ vốn hình thành qua nhiều thế kỷ, hay thậm chí đây là lần đầu tiên bị cám dỗ thỏa hiệp trên những nhân tố trọng yếu mà các sứ đồ đã kiên cường bảo vệ.

Nhưng Công vụ còn có nhiều chỗ dạy chúng ta về điều này trong phần Năm (16:6-19:20). Tại Phi líp (16:16-18) Lu ca đã ký thuật lại thế nào Đạo cứu rỗi gặp nguy hiểm khi công chúng tại đây bị làm cho lầm tưởng là thông linh giáo; và thế nào Phao-lô đã quả quyết về khác biệt giữa Đạo cứu rỗi và thông linh giáo, vì thế mà ông đã bị nhốt vào tù vì. Trở lại với câu hỏi về quỷ ám trong đoạn 19:13-19. Lu ca cho biết thế nào tại Ê-phê-sô tà linh đã dẫn chúng về sự khác nhau giữa Chúa Jê-sus với Phao-lô, và giữa Chúa Giê-xu, Phao-lô với một người Do Thái tự xưng là phù thủy. Trong đoạn 17:7-9, Lu ca kể lại thế nào một người Do Thái đã cố gắng chứng tỏ trước mặt nhà cầm quyền tại Tê-sa-lô-ni-ca rằng Tin Lành mà Phao-lô rao giảng là thông điệp chính trị, nhằm lật đổ chính quyền La mã. Ký thuật của Lu ca về bài giảng của Phao-lô tại đó chứng tỏ rằng có sự khác nhau rõ ràng giữa Cơ Đốc giáo và bất cứ hình thức chính trị nào.

Rồi bài phát biểu của Phao-lô tại A-rê-ô-ba ở A-then (17:16-34) một lần nữa tỏ cho chúng ta thấy khác nhau cơ bản giữa Tin Lành Cơ Đốc với cả tôn giáo của dân ngoại lẫn triết lý Hy Lạp. Cuối cùng, Lu ca thậm chí cho rằng việc liên hệ đến một việc xảy ra tại Ê-phê-sô (19:1-7) vốn thể hiện sự khác biệt về kinh nghiệm thuộc linh giữa các sứ đồ của Giảng Báp-tít và những tín hữu toàn diện trong Chúa Jê-sus là điều quan trọng.

Chúng ta không cần dừng lại ngay bây giờ để tra xét xem đó là những khác biệt nào. Vấn đề là khi ký thuật lại những khác biệt này Lu ca không chỉ tỏ cho chúng ta thấy rằng các sứ đồ đang rao giảng Tin Lành mà ông còn mời gọi chúng ta một lần nữa quan sát Cơ Đốc giáo tự định nghĩa bằng những tương phản mạnh mẽ giữa bản thân

nó với thông linh giáo, chính trị, tôn giáo, và triết học của dân ngoại.

Sự việc tương tự xảy ra trong phần cuối và cũng là phần dài nhất của sách (19:21-28:31). Trong một vài khía cạnh, phần này rất khác với năm phần trước vì tại đây Phao-lô tham gia không nhiều trong việc giảng dạy về Tin Lành nhưng lại tự bênh vực cho Tin Lành trước công chúng, thường là tại các tòa xử án. Ông không bị buộc phải chỉ ra Tin Lành là gì, nhưng lại liên tục bị buộc phải chỉ ra Tin Lành không phải là gì. Nhưng đối với mục đích hiện tại của chúng ta thì điều đó mang lại hiệu ứng tương tự. Kỹ thuật của Lu ca tiến đến làm cho rõ ràng rằng Phao-lô và Tin Lành không phải là những điều người ta tưởng tượng đến trong sự thiếu hiểu biết, hay là điều người ta cố tình bóp méo; Lu ca vì thế đang tiếp tục định nghĩa bằng hình ảnh tương phản để cho thấy Cơ Đốc giáo thật ra là gì.

Vậy nên, Phao-lô không phải là kẻ cướp các đền thờ ngoại giáo (19:37), cũng không phải là người phỉ báng đền thờ Do Thái giáo (21:28-29; 24:12), không phải là người đang cố gắng kiếm tiền từ tôn giáo (20:33-35), lại càng không phải là một nhà hoạt động chính trị lỗ mãng hay là lãnh đạo của những tên khủng bố (21:37-39). Tin Lành cũng không phải là một tiểu phái dị giáo được tô vẽ bởi một kẻ mị dân không có tri thức về thần học (22:3-5) hay bởi một vị hàn lâm học sĩ bị rối loạn thần kinh (26:24-26), được đặt cơ sở trên một số nguyên tắc vô lý mà không có trường thần học chính thống nào về Do Thái giáo và không một tín hữu có học thức nào có thể tín nhiệm mà không tự sát về mặt trí tuệ (23:6-10; 24:14-25; 26:8). Tin Lành Cơ Đốc được đặt cơ sở trên sự mặc khải của chính Đức Chúa Trời qua Môi-se và các đấng tiên tri; nó sở hữu một công bố đáng tín nhiệm rằng nó chính là sự ứng nghiệm về hình bóng và lời hứa cứu rỗi vẫn hằng được nói đến trong Kinh thánh được soi dẫn của Y-sơ-ra-ên; tác động của nó là giải phóng và trả lại địa vị cao quý về mặt thuộc linh (26:18); nó kêu gọi sự toàn vẹn đạo đức và chống đối sự bại hoại (24:24-27); nó sản sinh ra thái độ đối lập với chủ nghĩa dân tộc hẹp hòi của Do Thái giáo (26:17), và đem đến một niềm hy vọng đích thực và uy nghiêm cho toàn nhân loại (24:15, 26:6, 7, 23).

Công vụ cứ tiếp tục được tường thuật mà không hề nói rằng trong

Phân Giới Thiệu

những thời đại kế tiếp, thế giới Cơ Đốc thường hay cho phép Tin Lành của mình bị nhầm lẫn với chính trị và triết lý của dân ngoại. Tại một số quốc gia, qua các chính sách có mục đích truyền giáo, các tập tục và lễ hội của dân ngoại đã được chấp nhận trong hội thánh. Trong thời đại của chúng ta, nỗi ám ảnh về những điều huyền bí và đam mê với nhiều thể loại thực hành và hình thái của Ấn Độ giáo đang trở nên phổ biến rộng rãi; tương tự như vậy là những cám dỗ tham gia vào các tổ chức kinh doanh bí mật có nghi lễ thờ lạy chính những vị thần ngoại giáo cổ xưa mà thế giới cổ đại đã thờ lạy; hoặc ở một thái cực khác, là kết hợp Tin Lành Cơ Đốc với chủ nghĩa Mác để biến nó trở thành một thể lực chính trị mạnh mẽ.

Trong ánh sáng của tất cả các xu hướng trên, Công vụ mang đến cho chúng ta một huấn dụ mạnh mẽ dù không được nói ra, để chúng ta tra xét bản thân cách chân thành xem Cơ Đốc giáo mà chúng ta đại diện và Tin Lành mà chúng ta rao giảng có phải là bất thỏa hiệp y theo những điều mà các sứ đồ của Chúa Jêsus của chúng ta đã thiết lập hay không.



PHẦN MỘT
**Cơ Đốc Giáo Và Sự Phục Hồi Của Muôn Vật
(1:1-6:7)**

Quan sát Sơ bộ

Dàn ý Phần Một

Chuyển động 1: Chương trình phục hồi
muôn vật của Đấng
Christ (1:1-4:4)

Chuyển động 2: Chống đối chương trình
phục hồi của Đấng
Christ (4:5-6:7)

PHẦN MỘT: Cơ Đốc Giáo Và Sự Phục Hồi Của Muôn Vật **Quan sát sơ bộ**

Ba đỉnh núi cao ngất chi phối Phần Một của Công vụ là sự thăng thiên của Đấng Christ vào ngày thứ bốn mươi (1:9), sự giáng lâm của Đức Thánh Linh vào ngày lễ Ngũ tuần (2:1-4), và sự trở lại lần thứ hai của Đấng Christ (1:11; 3:20), để bắt đầu Ngày cả thể và rục rờ của Chúa (2:20)

Một vầng hào quang chói lòa bao quanh những đỉnh núi cao ngất này. Con Người là Jêsus đã được giải thoát khỏi nỗi thống khổ của sự chết (2:24), được chỉ cho con đường sự sống, và lòng được đầy mừng vui trước mặt Đức Chúa Trời (2:28). Bởi sự phục sinh của Ngài, Ngài đã đem sự sống và sự bất tử ra trước ánh sáng cho toàn nhân loại. Ngài chính là Archêgos, là Cội rễ của sự sống (3:15), là Đấng ban sự cứu rỗi toàn vẹn cho hết thảy những người tin cậy Ngài (4:12). Sự đáng tin nhiệm của chương trình trong Cựu ước, là chương trình ban cho thế giới một Đấng giải cứu, nhằm đem đến sự phục hồi cho dòng dõi loài người, cho hành tinh này, cho vũ trụ này, giờ đây, vượt trên mọi nghi ngờ, đã được thiết lập (1:6; 3:20-21, 24-25). Thời gian đã điếm (1:6-7, 3:10-21) ấy là khi người tạt nguyên không còn phải ngồi tại các nấc thang trong đền thờ Đấng Tạo hóa đang tìm kiếm lòng thương xót; là khi sức sống và chức năng của thiên nhiên sẽ được khôi phục hoàn toàn (3:16). Hương vị của vương quốc đó con người đã được nếm thử (3:1-6). Đấng Christ chính là viên đá góc của một ngôi đền thờ mới và đẹp hơn dành cho toàn thế giới (4:11). Sau khi sống lại và thăng thiên, Ngài đã đổ xuống món quà có năng quyền xây dựng một kỷ nguyên mới, là Đức Thánh Linh (1:4-5; 2:16-18, 33-36, 38-39). Một món tiền cọc quan trọng cho các lời hứa trong Cựu ước đã được thanh toán. Lịch sử loài người tiến một bước rất lớn đến sự thanh toán đầy đủ chung cuộc.

Chúng ta có thể thiếu kiên nhẫn khi khảo sát những đỉnh núi cao này một cách chi tiết, nhưng ích lợi đầu tiên khảo sát này đem lại ấy

là cho phép chúng ta thăm dò cảnh quan chung quanh. Nếu suy đoán của chúng ta cho rằng Phần Một của Công vụ kết thúc tại câu tóm tắt ở 6:7¹ là đúng, thì bản thân phần này được tạo nên bởi tám phân đoạn chính. Tám phân đoạn này được phân loại theo chủ đề, và được chia thành bốn cặp đôi.

1. Giai đoạn giữa sự kiện Phục sinh và lễ Ngũ tuần được đề cập trong hai phân đoạn (1:1-14 và 1:15-26). Trong phân đoạn thứ nhất, đích thân Đấng Christ sửa soạn các sứ đồ của Ngài để họ làm chứng nhân cho toàn thế giới qua việc chứng minh cho họ sự phục sinh của Ngài, rồi sau đó qua việc tóm tắt cho họ chương trình và lịch trình làm chứng nhân của họ. Trong phân đoạn thứ hai, các sứ đồ và một nhóm khoảng một trăm hai mươi tín hữu sửa soạn bản thân để làm chứng nhân qua việc sắp xếp bổ nhiệm một môn đồ thế vào chỗ Giu-đa Ích-ca-ri ốt để làm nhân chứng về sự phục sinh của Đấng Christ (1:22).

2. Kế đến là hiệu ứng kỳ diệu bởi sự hiện đến của Đức Thánh Linh được chuyển tải qua việc ký thuật hai phép lạ (2:1-47 và 3:1-4:4): ký thuật thứ nhất, việc các Cơ Đốc nhân nói tiếng ngoại quốc cách lạ lùng; và ký thuật thứ hai, việc chữa lành người bị què từ lúc mới sinh. Sau mỗi phép lạ, Phi-e-rơ giải thích ý nghĩa của phép lạ đó cho đám đông và rao ra một bài giảng; rồi con số người trở lại đạo được nêu lên. Cả hai phép lạ đều làm chứng về Đấng Christ, nhưng phép lạ đầu tiên được thể hiện trên các Cơ Đốc Nhân, trong khi phép lạ thứ hai được thể hiện trên công chúng. Phép lạ thứ nhất kêu gọi tập trung vào năng quyền siêu nhiên khiến cho các Cơ đốc nhân nói (các thứ tiếng khác – ND), và bởi đó chứng thực thông điệp của họ. Phép lạ thứ hai minh họa sự cứu rỗi mà Chúa Jesus có thể thực hiện trên những người tiếp nhận thông điệp.

Đến lúc này đã là bốn câu chuyện trong hai cặp đôi; nhưng giờ đây khi chúng ta đã đạt được phân nửa bước ngoặt của phần này thì xuất hiện một thay đổi về thái độ: các thầy tế lễ và quan coi đền thờ nỗ lực tiêu diệt Cơ Đốc giáo đang còn trong trứng nước. Cho dù là vậy, các Cơ Đốc nhân cứ tiếp tục đem nhiều người trở lại đạo (5:14; 6:7) và tận hưởng sự kính trọng của dân chúng nói chung (5:13);

nhưng bây giờ họ làm những điều đó cùng với cái giá của việc thách thức lệnh cấm mà Tòa Công luận đặt ra cho họ.

3. Bốn câu chuyện trong phần sau cũng được chia làm hai cặp giống như vậy. Hai câu chuyện đầu là đối phó với sự chống đối của Tòa Công luận (4:5-31 và 5:17-42). Trong cả hai câu chuyện, các sứ đồ bị bắt, bị tổng giam, sau đó bị đem ra trước Tòa Công luận: lần đầu là hai sứ đồ, Phi-e-rơ và Giăng; lần sau là cả mười hai vị (xem 5:29). Trong mỗi lần Lu ca đều tường thuật một cách tự nhiên quyết định của tòa án và mô tả các sứ đồ và cộng đồng Cơ đốc phản ứng thế nào trước sự đe dọa và trừng phạt của tòa.

4. Giống như tất cả các cặp đôi khác, hai phân đoạn còn lại chia sẻ một chủ đề chung: mỗi cặp cung ứng cái nhìn của người trong cuộc về cuộc sống trong cộng đồng Cơ đốc đầu tiên tại Giê-ru-sa-lem. Phân đoạn đầu tiên (4:32-5:16) cho biết thế nào các Cơ đốc nhân có sản nghiệp hết lần này đến lần khác, bán một ngôi nhà hay một đám ruộng và đem tiền thu được đến cho các sứ đồ để giúp đỡ những thành viên cần dùng. Phân đoạn thứ hai (6:1-7) miêu tả cơ cấu các sứ đồ thành lập để phân phát cách công bằng quỹ chung và nguồn tiếp tế vốn là lý do hình thành cơ cấu trên.

Để có được một sự hiểu biết hiểu đầy đủ và cân bằng về lịch sử mà Lu ca bày ra trước mắt chúng ta, thì chúng ta cần phải nghiên cứu cẩn thận cả những điểm tương đồng và, quan trọng hơn, những điểm khác biệt giữa hai cặp phân đoạn có cùng chủ đề chung. Đồng thời, ý thức về sự cân bằng của Lu ca được tỏ ra không chỉ trong cấu trúc “xếp thành đôi” các phân đoạn này, mà còn được tỏ ra trong nhấn mạnh không thiên vị thể hiện trong việc lựa chọn tư liệu khi ông dành cho hai chủ đề chính những phần hầu như bằng nhau trong Phần Một: một bên là tầm quan trọng của những vấn đề thuộc linh, còn bên kia là vật chất.

Phần Một trong tác phẩm của Lu ca phải bao gồm sự kiện Lễ Ngũ tuần và cuộc bùng nổ năng lượng thuộc linh đầy ngoạn mục bắt nguồn từ chính sự kiện. Do đó, chắc chắn Lu ca sẽ trình bày một nhấn mạnh quan trọng và liên tục về những sự việc thuộc linh: về thân vị, quyền năng, và sự vận hành của Đức Thánh Linh, về những

kinh nghiệm thuộc linh sâu sắc của những người nhận lãnh Ngài, và về lời chứng mạnh mẽ mà họ được Đức Thánh Linh ban năng lực để tiếp tục.

Điều đã không được cho là quá cần thiết để trông đợi ấy là trong phần này Lu ca lại trình bày một nhấn mạnh gần như cân bằng về chủ đề của cải vật chất, về thức ăn và tiền bạc, về việc mua bán, về nhà cửa, ruộng vườn, bất động sản và tài sản. Không ít hơn ba trong tám phân đoạn của Phần Một được dành phần lớn hay dành hoàn toàn cho chủ đề này.

Ở 2:43-45 ông kể cho chúng ta một trong những kết quả đầu tiên, hoàn toàn tự phát của sự cải đạo, điều xảy ra sau bài giảng thứ nhất của Phi-e-rơ: “Phàm những người tin Chúa đều hiệp lại với nhau, lấy mọi vật làm của chung. Bán hết gia tài điền sản mình mà phân phát cho nhau, tùy sự cần dùng của từng người.” Không mãn nguyện với việc ghi lại hiện tượng này chỉ một lần duy nhất, trong 4:32-37, hầu như bằng chính những từ ngữ đã sử dụng, ông miêu tả hiện tượng ấy thêm một lần nữa nhưng với nhiều chi tiết hơn, và còn thêm vào trường hợp của một Giô-sép là người “có một đám ruộng, bán đi, đem tiền đặt nơi chân các sứ đồ.”

Cái điều được gọi là “chủ nghĩa cộng sản” này biến mất sau phần kết của Phần Một, và hoàn toàn không xuất hiện trở lại trong những phần còn lại của Công vụ. Chúng ta vì thế có thể nhanh chóng đi đến kết luận rằng đó chỉ là một phản ứng phụ, tạm thời, nhỏ nhặt, xảy ra do những hứng khởi khác thường vào những ngày đầu, nhưng đã được định đoạt một cách tự nhiên rằng nó sẽ qua đi khi men rượu mới đã dịu xuống. Chúng ta có thể đi xa hơn nữa khi cho rằng Lu ca ghi lại hiện tượng này đơn giản chỉ vì ông phải ký thuật trung thành với những điều đã thật sự xảy ra, không cần thiết phải có ngụ ý rằng hiện tượng này có một tầm quan trọng nào đó, hoặc là một phần trọng yếu nào đó của Cơ Đốc giáo, hay thật ra là một điều gì đó hơn là một chi tiết tạm thời và thuộc phần ngoại vi.

Nhưng suy đoán như vậy sẽ khiến ta bỏ qua một đặc điểm vô cùng quan trọng khác trong ký thuật của Lu ca. Liên quan đến chủ đề thức ăn và tiền bạc, mua và bán, nhà cửa, ruộng đất, và tài sản, Lu

ca đã chọn ba trường hợp sai phạm đau lòng gây ra bởi một số thành viên giữa vòng Cơ đốc nhân đầu tiên. Hãy cùng xem xét danh mục đặc biệt này:

“Tên đó lấy tiền thương của tội ác mình mà mua một đám ruộng, rồi thì nhào xuống, nứt bụng và ruột đổ ra hết. Sự đó cả dân thành Giê-ru-sa-lem đều biết chán, đến nỗi chúng gọi ruộng đó theo thổ âm mình là Hác-en-đa-ma, nghĩa là ruộng huyết.” (1:18-19)

“có một người tên là A-na-nia, thuận với vợ là Sa-phi-ra, bán gia sản mình, và đồng mưu với vợ, giữ lại một phần tiền giá bán; rồi mới đem phần còn lại đặt dưới chân các sứ đồ.”

“Phi-e-rơ bèn nói với người rằng: Hỡi A-na-nia, sao qui Sa-tan đã đầy dẫy lòng ngươi, đến nỗi ngươi nói dối cùng Đức Thánh Linh, mà bớt lại một phần giá ruộng đó?” – ngay lúc đó A-na-nia ngã xuống chết, và sau đó, vợ ông cũng chết (5:1-11).

Trong lúc đó ... người Hê-lê-nít phản nản nghịch cùng người Hê-bơ-rơ, vì những người góa bụa của họ đã bị bỏ bê trong sự cấp phát hằng ngày (6:1).

Khi mới nhìn qua, quả là lạ lùng khi Lu ca lại làm nổi bật những yếu điểm xấu xí trong kỹ thuật về cộng đồng Cơ đốc đầu tiên. Nhưng chỉ cần nghiên cứu sâu thêm chút nữa thì sẽ nhận ra rằng Lu ca ký thuật những thái độ và thực hành sai trái này chỉ để cho thấy cộng đồng Cơ đốc đã nhanh chóng và triệt để cự tuyệt các thái độ và hành động đó thế nào. Nhưng việc ông ghi chép đầy đủ những sự việc này trong lúc ông hoàn toàn không cần phải ghi lại cho thấy chắc chắn là chúng có ý nghĩa nào đó². Điều này gợi ý rằng trong mắt của các Cơ đốc nhân đầu tiên việc chinh đốn đến nơi đến chốn thái độ của một cá nhân đối với của cải vật chất là một kết quả cần thiết của đức tin thật rằng Chúa Jesus là Đấng Mê-si-a, và là một kết quả tất yếu của một đáp ứng chân thành sau khi đã tiếp nhận Thánh Linh. Nếu quả đúng như vậy thì chúng ta sẽ không thể hiểu đúng về Cơ đốc giáo tinh túy ban đầu y như Lu ca miêu tả nó trừ khi chúng ta dành sự quan tâm thích đáng đến cảm thức của ông về sự cân bằng và sự cân xứng giữa một bên là niềm tin và kinh nghiệm thuộc linh và một bên là của cải vật chất.

Cuối cùng, tường thuật của Lu ca còn có thêm một đặc điểm về cấu trúc nữa cần được chú ý đến trước khi bắt đầu nghiên cứu. Vốn là tập thứ hai của một tác phẩm gồm hai tập, sách Công vụ bắt đầu rất

tự nhiên với một bản tóm tắt tập thứ nhất. Nhưng điều khiến chúng ta chú ý ấy là cách Lu ca xây dựng bản tóm tắt này.

“Hỡi Thê-ô-phi-lơ, trong sách thứ nhất ta, ta từng nói về mọi điều Đức Chúa Jê-sus đã làm và dạy từ ban đầu, cho đến ngày Ngài được cất lên trời, sau khi Ngài cậy Đức Thánh Linh mà răn dạy các sứ đồ Ngài đã chọn.” (1:1-2)

Bản tóm tắt này ngắn đến đáng ngạc nhiên: chỉ một câu rưỡi, và tất cả những điều Lu ca đã tường thuật cho chúng ta trong tập thứ nhất về sự ra đời, đời sống, chức vụ, sự chết, và sống lại của Chúa chúng ta được tóm tắt cho đến khi Ngài thăng thiên. Không một điều nào được đề cập cách đặc biệt trừ một điều độc nhất, và chính sự độc đáo của nó cho thấy tầm quan trọng của nó. Trước khi Đấng Christ được cất lên, Lu ca nói rằng, “Ngài cậy Đức Thánh Linh mà răn dạy các sứ đồ Ngài đã chọn.” Miêu tả của sách Tin Lành (Lu-ca – ND) về các mạng lệnh đó được ghi lại trong Lu ca 24:46-49, chúng được chọn ra để đặc biệt nhắc đến ở đây là vì toàn bộ sách Công vụ, trong một ý nghĩa nào đó, sẽ là câu chuyện thuật về việc thực hiện các mạng lệnh đó.

Vậy thì, vì câu 1-2a tóm tắt cuộc đời và chức vụ của Đấng Christ cho đến thời điểm thăng thiên, nên chúng ta có thể cho rằng những câu tiếp theo sẽ bắt đầu một câu chuyện mới kể về những điều xảy ra sau sự thăng thiên. Nhưng không phải vậy. Thay vì tiếp tục tiến về phía trước, câu 2b lại đem chúng ta trở về với các sự kiện và các hoạt động xảy ra trước sự thăng thiên. Rồi khi chúng ta đến phần kết thúc của phân đoạn đầu (c. 14), chúng ta sẽ không đi xa hơn điều cuối cùng được nhắc đến trong sách Tin Lành (Lu ca – ND) – các môn đồ trở lại Giê-ru-sa-lem ngay lập tức sau sự thăng thiên (tham chiếu Lu ca 24:52-53 với Công vụ 1:12-14). Vậy nên, điều bảng tóm tắt đang thực hiện ấy là quay trở về giai đoạn nằm giữa hai sự kiện phục sinh và thăng thiên để chọn ra một vài đặc điểm nhất định thuộc giai đoạn này, đó là những đặc điểm chúng ta cần phải nhận ra và hiểu nếu chúng ta muốn lần theo tường thuật tiếp theo một cách khôn ngoan. Vài đặc điểm trong các đặc điểm này đã được mô tả chi tiết trong sách Tin Lành (Lu ca – ND). Vậy nên, Lu ca giả định là chúng ta đã biết rõ các chi tiết này và chỉ cần một bảng tóm tắt là đủ

PHẦN MỘT: CƠ ĐỐC GIÁO VÀ SỰ PHỤC HỒI CỦA MUÔN VẬT (1:1-6:7)

<p>CHUYÊN ĐÔNG 1: CHƯƠNG TRÌNH PHỤC HỒI MUÔN VẬT CỦA Đấng CHRIST (1:1-4:4)</p> <p>I. TỪ SỰ PHỤC SINH ĐẾN SỰ THĂNG THIÊN (1:1-1:14)</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Bốn mươi ngày tỏ mình qua “nhiều chứng cứ” rằng Jesus đã sống lại sau khi Ngài chịu thương khó (1:3). 2. Ngài răn dạy các sứ đồ (1:2); Ngài căn dặn họ (1:4); “các người sẽ nhận lấy quyền phép, và làm chứng về ta tại thành Giê-ru-sa-lem... cho đến cùng trái đất” (1:8). 3. “..khi Đức Thánh Linh giáng trên các người, thì các người sẽ nhận lấy quyền phép, và làm chứng về ta... (1:8). 4. “Hết thảy những người đó bền lòng đồng một ý mà cầu nguyện...” (1:14). 	<p>CHUYÊN ĐÔNG 2: CHƯƠNG TRÌNH ĐỐI DIỆN CHỐNG ĐỐI (4:5-6:7)</p> <p>V. CUỘC ĐIỀU TRA THỨ NHẤT CỦA TÒA CÔNG LỰAN (4:5-31):</p> <p>Để giải thích phép lạ chữa lành, và cố ngăn chặn việc rao giảng nhân danh Chúa Jesus lan tràn.</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Việc chữa lành một người bốn mươi tuổi bị què từ lúc mới sinh đã tạo ra một bằng chứng không thể chối cãi rằng Đức Chúa Trời đã khiến Chúa Jesus sống lại từ cõi chết (4:9-10, 14, 22). 2. “Cả dân thành Giê-ru-sa-lem đều biết rõ thật họ đã làm ra một phép lạ sứ sở... Dẫu vậy, hầu cho việc khởi đôn ra trong dân nữa... Họ... cảm [các sứ đồ]... nhân danh Đức Chúa Jesus mà nói hay là dạy.” 3. “...nơi nhóm lại rúng động; ai nấy đều được đẩy đẩy Đức Thánh Linh, giảng đạo Đức Chúa Trời cách dạn dĩ” (4:30). 4. “...Mọi người... một lòng cất tiếng lên cầu Đức Chúa Trời” (4:24).
<p>II. TỪ SỰ THĂNG THIÊN ĐẾN LỄ NGŨ TUẦN (1:15-2:6):</p> <p>Chỗ trống trong đội ngũ chứng-nhân-làm-chức-vụ-sứ-đồ gây ra bởi sự phân bội của Giu-đa... đã nhận phần trong chức vụ [sứ đồ] này: (Giu-đa) lấy tiền thưởng của tội ác mình mà mua một đầm ruộng, rồi thì nhào xuống, nút bụng và ruột đổ ra hết. Sự đó cả dân thành Giê-ru-sa-lem đều biết chán, đến nỗi chúng gọi ruộng đó... là Hác-en-đa-ma, nghĩa là ruộng huyết.) (1:16-19).</p> <p>“Lạy Chúa, Ngài biết lòng mọi người, xin tỏ ra cho chúng tôi nội hai người này ai là người Chúa đã chọn, đặt dự vào chức vụ sứ đồ, thay vì Giu-đa đã bỏ dặng đi nơi của nó.” (1:24-25)</p> <p>“... một người làm chứng cùng chúng ta về sự Ngài sống lại.” (1:22)</p>	<p>VI. MỘT GÓC NHÌN VỀ CỘNG ĐỒNG CƠ ĐỐC (4:32-5:16):</p> <p>Phận quyết trên hai thành viên không trung thực cùng cố lời chúng của cộng đồng. “Chàng ai kể của mình là của riêng; nhưng kẻ mọi vật là của chung cho nhau... những người có ruộng hay nhà, đều bán đi, bán được bao nhiêu tiền cũng đem đến đặt dưới chân các sứ đồ;... có Giô-sép về họ Lê-vi... có một đầm ruộng, bán đi, đem tiền đặt nơi chân các sứ đồ.” (4:32-37).</p> <p>A-na-nia và Sa-phi-ra đã bán gia sản của họ, giả vờ là đưa hết tiền bán được cho các sứ đồ, nhưng thật ra đã giữ lại một phần cho riêng mình. Vì nói dối Đức Thánh Linh nên cả hai đều chết... sao qui Sa-tan đã đẩy lòng người, đến nỗi người nói dối cùng Đức Thánh Linh...? ... người nào nghe đến đều lấy làm sợ hãi vô cùng (5:1-11).</p> <p>“Các sứ đồ lại lấy quyền phép rất lớn mà làm chứng về sự sống lại của Đức Chúa Jesus Christ.” (4:33).</p>

<p>III. PHÉP LẠ NÓI THỨ TIẾNG KHÁC (2:1-27): Phi-e-rô giải thích ý nghĩa của phép lạ này: kết quả số người trở lại tin đạo là 3,000.</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Sự Phục sinh của Chúa Jesus từ phần mộ: “Nhưng Đức Chúa Trời đã khiến Người sống lại, bắt đầu dây trời của sự chết, vì nó không thể giữ Người lại dưới quyền nó. Chúa đã cho tôi biết đường sự sống...” (2:24-28). 2. “Hãy hối cải... rồi sẽ được lãnh sự ban cho Đức Thánh Linh” (2:38). 3. “Sau khi Ngài đã được đem lên bên hữu Đức Chúa Trời... Đức Chúa Trời đã tôn Jesus này, mà các người đã đóng đinh trên thập tự giá, làm Chúa và Đấng Christ.” (2:33-36). 4. “Chúng nghe bấy nhiêu lời, trong lòng cảm động... Phi-e-rô [nói] rằng: Hãy hối cải... khả cứu mình thoát khỏi giữa dòng đời gian tà này!” (2:37-40). 5. “Những người ấy bấn lòng giữ lời dạy của các sứ đồ...” (2:42). 	<p>VII. CUỘC ĐIỀU TRA THỨ HAI CỦA TÒA CÔNG LUẬN (5:17-42): Đề yêu cầu các sứ đồ giải thích việc thách thức lệnh cấm giảng dạy trong danh Chúa Jesus.</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Việc giải thoát các sứ đồ khỏi nhà tù cách kỳ diệu: “Nhưng... có một thiên sứ của Chúa mở cửa khám cho sứ đồ ra, và dặn rằng: ‘Đi... mà rao giảng cho dân chúng mọi lời này của sự sống’” (5:19-20). 2. “Chúng ta đây là kẻ làm chứng... cũng như Đức Thánh Linh mà Đức Chúa Trời đã ban cho kẻ vâng lời Ngài vậy” (5:32). 3. “Đức Chúa Trời... đã khiến Đức Chúa Jesus sống lại, là Đấng mà các ông đã... giết đi... Đức Chúa Trời đã đem Đấng ấy lên bên hữu Ngài, làm Vua và Cứu Chúa (5:30-31). 4. “Họ nghe mấy lời thì nghiến ngậm, giận hờn, bần mưu giết các sứ đồ. Nhưng... Ga-ma-l-i-ên [nói rằng]: ‘Hãy... để mặc họ đi...’” (5:33-38). 5. “...sứ đồ cứ dạy dỗ rao truyền mãi...” (5:42).
<p>IV. PHÉP LẠ CHỮA LÀNH (3:1-4:4): Phi-e-rô giải thích năng quyền mà bởi đó phép lạ được thực thi: số người trở lại tin Chúa tăng lên 5,000 người.</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Hàng ngày có một người bại được đặt ở cửa đền thờ để xin ăn... (3:2-3). 2. Các sứ đồ, vì không thể giúp đỡ tiền bạc, thay vào đó đã đem cho món quà tốt hơn, ấy là sự chữa lành toàn vẹn trong danh của Chúa Jesus (3:4-10). 3. “Các thầy tế lễ... bắt [Phi-e-rô và Giăng] vào ngục...” (4:1-3). 	<p>VIII. MỘT GÓC NHÌN KHÁC VỀ CỘNG ĐỒNG CƠ ĐỐC (6:1-7): Các sứ đồ sửa lại cho đúng một sai phạm khác mà không cần thay đổi chức vụ của họ đối với Đạo của Đức Chúa Trời.</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Một số góa phụ bị bỏ bê trong sự cấp phát hàng ngày (6:1). 2. Các sứ đồ chỉ ra rằng cho dù chức vụ của tư vật chất là quan trọng, họ vẫn phải giữ mình chuyên tâm đối với chức vụ của Đạo Đức Chúa Trời (6:2-4): Bấy nhân sự được cử ra để trông coi việc cấp phát hàng ngày. 3. “... Cũng có rất nhiều thầy tế lễ vâng theo đạo nữa” (6:7).

để nhắc chúng ta nhớ về chúng. Vài đặc điểm đã không được đề cập đến trước đó, và việc chúng được nhắc đến lần đầu tiên ở đây, vào thời điểm này có lẽ vì chúng là những điều quan trọng then chốt để hiểu được Công vụ. Chúng ta sẽ phải dành cho chúng sự quan tâm chú ý đặc biệt.

PHẦN MỘT: CHUYỂN ĐỘNG 1

Chương Trình Phục Hồi Muôn Vật Của Đấng Christ (1:1-4:4)

HUẤN THỊ VỀ MỤC VỤ LÀM CHỨNG NHÂN CHO TOÀN THẾ GIỚI (1:1-14)

Đấng Christ là trái đầu mùa của sự phục hồi sắp đến

Chúa Jêsus vẫn sống! Chúng ta không thể hình dung hết được niềm vui và sự kinh sợ sùng sờ theo sau phát hiện này; nhưng ít nhất chúng ta có thể chú ý đến rất nhiều bằng chứng đầy thuyết phục đã khiến các sứ đồ tin vào sự chân thật của phát hiện này.

Đầu tiên là những lần Chúa Jêsus hiện ra với họ, dù không ở với họ liên tục, nhưng Ngài đã hiện ra nhiều lần trong suốt quãng thời gian không ít hơn bốn mươi ngày. Không phải chỉ hiện ra một lần, không chỉ là một trường hợp riêng lẻ, nhưng thường xuyên hết lần này đến lần khác, cho đến khi những lần hiện ra này, vốn lúc đầu phá vỡ mọi quy luật họ từng biết, giờ đã trở nên bình thường (1:3).

Sau đó là việc Ngài tỏ cho họ thấy một con người phục sinh thì sẽ thế nào. Cũng như bất kỳ ai khác, cho đến nay các sứ đồ chưa bao giờ chứng kiến một việc nào giống như vậy; cho nên trong lần đầu tiên Chúa Jesus hiện ra cùng họ trên phòng cao, theo lẽ tự nhiên họ cho đó là hồn ma của Ngài (Lu ca 24:36-39). Và họ sợ.

Vì cơ đó, Đấng Christ đã tỏ cho họ thấy Ngài không phải là thần linh không có thân thể. Thân thể của Ngài không còn nằm trong phần mộ nữa mà hiện đang đứng trước mặt họ. Không phần thân thể nào của Ngài chết cả! Ngài hoàn toàn sống động, hoàn toàn là một con người.

Sự chết không còn tồn tại nữa: nó đã bị tiêu diệt. Thân thể từng là một phần không thể thiếu trong thân vị con người của Ngài trước khi chết đã không bị bỏ lại với sự chết, nhưng đã được khiến cho sống lại; không bị thay thế bằng một thân thể khác, nhưng được ban cho

vinh hiển.

Ngài mời họ đến xem tay và chân của Ngài, bởi chúng mang những vết thương tại đôi Gô-gô-tha (xem Giăng 20:27) và chúng thực Ngài chính là Jesus đã bị đóng đinh. Không chỉ vậy, Ngài phán, “Hãy xem tay chân ta. Thật chính ta! Hãy rời đến ta và hãy xem; thần thì không có thịt xương, mà các người thấy ta có” (Lu. 24:38-40).

Như vậy, Ngài không chỉ chứng thực với họ chính Ngài là Jesus mà họ từng biết: Ngài dạy họ một sự thật cơ bản về con người. Ngài đã không phủ nhận sự tồn tại của linh hồn và tinh thần con người sau khi chết. Tất nhiên chúng vẫn tiếp tục tồn tại. Nhưng Ngài đang muốn ngụ ý rằng để con người hoàn toàn là chính họ sau khi chết, họ phải có lại thân thể vật lý hữu hình của chính thân thể có liên quan với thân thể của họ trước đó, giờ đã được tái tạo lại và làm cho vinh hiển. Toàn bộ điều này, không thiếu một điểm nào, chính là điều Luca ngụ ý ở từ “sống” khi ông nói (1:3) rằng Chúa Jêsus đã tỏ cho các sứ đồ Ngài rằng Ngài sống.

Việc bày tỏ đó đã không được thực hiện bằng cách cung cấp cho họ dữ liệu về một thế giới bên ngoài thế giới này, những dữ liệu rất đối lạ lùng nhưng chẳng liên quan gì đến họ. Thân thể thánh đang đứng trước họ vừa là trái đầu mùa vừa là hình mẫu cho sự phục hồi vĩ đại của muôn vật, là điều họ hiện phải đi ra rao giảng cho thế giới như là trọng tâm trong Tin Lành của họ. Một ngày kia, hết thảy tạo vật đều sẽ được phục hồi. Một ngày kia mọi tín hữu sẽ có một thân thể vinh hiển giống như thân thể phục sinh của Chúa Jêsus. Nhưng trong Con Người Jêsus Christ này, tiền tinh vĩ đại nhằm phục hồi toàn cõi vũ trụ của Đức Chúa Trời đã được bắt đầu rồi. Các sứ đồ phải đi ra rao giảng về sự phục hồi đó, không phải bằng lý thuyết suông, nhưng bằng một thái độ chắc chắn, bởi vì đích thân họ đã tận mắt nhìn thấy hình mẫu đầu tiên và cũng đã tận tay chạm đến.

Và rồi Chúa Jêsus lại bày tỏ một điều khác nữa. Thân thể phục sinh của Ngài không chỉ là thân thể vật lý: nếu Ngài muốn, thân thể ấy có thể tương tác với thế giới vật lý của chúng ta, và còn hơn thế nữa, ấy là có thể tương tác với thế giới vật lý hiện tại của chúng ta, chứ không chỉ là với thế giới sẽ được phục hồi – thế giới không cần

phải được thay đổi đến cuối cùng và toàn diện trước rồi Ngài mới có thể viếng thăm và tương tác với nó. Ngài bảo họ đưa Ngài thứ gì đó để ăn. Họ đưa cho Ngài một miếng cá nướng và Ngài đã để cho họ quan sát khi Ngài ăn miếng cá đó. Hình ảnh đó được ghi khắc vĩnh viễn trong tâm trí họ, kiểm soát điều họ muốn nói mỗi khi họ chia sẻ về sự phục sinh của Ngài. Hãy nghe Phi-e-rơ, khoảng một năm sau hoặc hơn, nói với Cột-nây và trấn an ông ta về sự phục sinh thật của Đấng Christ: “[Chúng ta là] những kẻ làm chứng mà Đức Chúa Trời đã chọn trước” (10:41). Sau đó ông nói thêm: “Chúng ta, là kẻ đã ăn uống cùng Ngài, sau khi Ngài từ trong kẻ chết sống lại.” (10:40-41).

Những bày tỏ tiếp theo dạy các sứ đồ rằng thân thể của Chúa Jêsus không hoàn toàn giống với thân thể trước kia. Thân thể ấy đã được biến đổi, và đã thuộc về một thế giới bên ngoài thế giới này, thuộc về một trật tự mới. Thân thể ấy có thể viếng thăm thế giới này của chúng ta, tức thì bước vào thế giới này tại bất kỳ thời điểm nào, dự phần trong các công việc của thế giới, rồi tức thì rời khỏi. Đó là điều về sau sứ đồ Phao lô mô tả là một thân thể “thiên liêng” (I Cô. 15:44).

Sẽ thật vô ích để phỏng đoán cơ chế và tính chất vật lý của cơ thể đó là gì, vì sẽ là phi khoa học khi khẳng định rằng “khoa học” công bố rằng toàn bộ những điều đó là bất khả thi. Khoa học chân chính tìm hiểu và mô tả những sự việc thông thường. Hãy để lịch sử kể cho chúng ta nghe xem đã có điều bất thường nào mà khoa học chưa thể giải thích đã từng xảy ra. Khoa học không biết hết tất cả mọi việc (thậm chí không thể giải thích được tất cả mọi điều nó quan sát được); nó không thể loại trừ trước khi kịp suy xét khả năng phi thường đó. Nếu lịch sử đã đưa ra những chứng cứ không thể chối cãi rằng qua sự phục sinh của Đấng Christ công cuộc giải cứu và nâng quyền tái tạo vĩ đại của Đức Chúa Trời đã thâm nhập vào những quy luật định luật của thế giới sa ngã, thì khoa học chân chính sẽ điều chỉnh thế giới quan để chấp nhận điều đó.

Nhưng hãy trở lại với bảng tóm tắt. Việc đi và đến nhiều lần, lặp đi lặp lại của Đấng Christ một lần nữa đã thiết lập hai điểm cơ bản

nữa đối với Tin Lành Cơ Đốc. Thứ nhất, việc Ngài ra đi không liên quan đến một số tiến trình không thể đảo ngược được: Ngài vẫn có thể quay trở lại, và Ngài đã quay trở lại. Thứ hai, khi quay trở lại, Ngài quay trở lại với cùng một thân thể vật lý đó. Vậy nên, tại sự kiện thăng thiên, khi họ được các thiên sứ phán bảo rằng, “Jésus này đã được cất lên trời khỏi giữa các ngươi, cũng sẽ trở lại như cách các ngươi đã thấy Ngài lên trời vậy” (1:11), là họ đã được chuẩn bị tư tưởng rằng Chúa Jésus cũng sẽ hiện đến lần thứ hai trong thân thể vật lý đó. Rồi về sau khi rao giảng rằng sự trở lại của Đấng Christ là một phần trọng yếu của Tin Lành (ví dụ như ở 3:20), họ đã không cố gắng miêu tả hết những điều không thể mô tả được bằng cách sử dụng những thuật ngữ dùng cho kỳ tận thế, vốn phải được loại trừ các yếu tố thần thoại trước khi con người trong xã hội hiện đại có thể bắt đầu hiểu được điều đó có nghĩa gì. Họ đang công bố bằng những từ ngữ mô tả trực tiếp rằng Đấng Christ sẽ trở lại thế giới của chúng ta đúng y như cách Ngài đã trở lại và hiện ra cùng họ nhiều lần trong suốt bốn mươi ngày – nhưng vinh hiển rực rỡ hơn, đến độ không thể hình dung được, Ngài không hiện ra cách riêng tư, nhưng cả thế giới sẽ nhận biết sự trở lại của Ngài (Khải. 1:7), trong thân thể vật lý thật sự.

Còn có một chứng cứ không thể chối cãi khác nữa thuyết phục các sứ đồ về sự phục sinh thật của Chúa của họ. Ngài không chỉ hiện ra với họ trong quãng thời gian bốn mươi ngày: Ngài còn nói với họ về vương quốc của Đức Chúa Trời (1:3). Cho đến ngày qua đời, họ sẽ không bao giờ quên được những cuộc đối thoại nhằm sửa lại các tư tưởng sai lạc của họ về chủ đề trên, trước đó, các tư tưởng sai lạc ấy đã gần như làm đắm con thuyền đức tin khi họ chứng kiến Chúa Jésus bị đóng đinh.

Điều trước đây họ từng quan tâm về vương quốc của Đức Chúa Trời không phải là chính thể Đức Chúa Trời ban cho thế giới. Họ đã luôn tin tưởng về vương quốc của Đức Chúa Trời theo cách như vậy, và đã xem nhẹ sự tồn tại liên tục và hoạt động không ngừng của vương quốc ấy. Dầu vô hình, họ tin là vương quốc ấy có thể bất ngờ can thiệp và hủy diệt một vị Pha-ra-ôn độc ác ở đây, hay trừng phạt một Nê-bu-cát-nét-sa ngạo mạn ở kia. Theo cách nhìn nhận đó, thì

vấn đề nằm ở chỗ vương quốc của Đức Chúa Trời không kiểm soát và vẫn cho phép một lượng lớn gian ác tiếp tục diễn ra trong thế giới.

Không phải điều đó, điều cuốn hút họ là sự hiện đến của vương quốc Đức Chúa Trời thể hiện qua sự hiện đến của Đấng Mê-si-a nhằm thiết lập vương quốc thuộc về Ngài ngay trên đất này. Họ từng nghe về điều đó từ các lời tiên tri thời xưa trong kinh Cựu ước của họ; họ hiểu rằng khi Đấng Mê-si-a tiếp nhận được vương quốc của Ngài theo ý nghĩa đó, thì không chỉ một vị Pha-ra-ôn khác người ở đây hay một Bên-sát-xa ngạo mạn ở kia bị hủy diệt. Tất cả mọi điều gian ác sẽ bị loại bỏ; mọi chính phủ sẽ bị hủy diệt hoặc bị gạt sang một bên; và đích thân Đấng Mê-si-a sẽ thiết lập vương quốc hữu hình của Ngài trên toàn thế giới (Đa. 7). Với niềm trông cậy chắc chắn này, họ đã tiến đến chỗ tin rằng Chúa Jê-sus là Đấng Mê-si-a, và vì vậy, theo lẽ tự nhiên, điều họ quan tâm hơn hết là thời điểm thiết lập vương quốc của Ngài. Khi nào điều đó sẽ xảy ra?

Khi Chúa của chúng ta lên thành Giê-ru-sa-lem lần cuối, họ đã tưởng chắc chắn rằng vương quốc của Đức Chúa Trời, dưới hình thức của vương quốc của Đấng Mê-si-a, đang dần hiện ra (Lu ca 19:11-27). Ngài đã phán với họ điều trái ngược, nhưng họ không nghe. Ngài phán rằng Ngài trước hết phải “đi xa” đến “vương quốc” thiên đàng “xa xôi”; chỉ khi Ngài trở lại, thì trước hết Ngài sẽ ban thưởng cho các tội tở của Ngài vì sự trung tín của họ trong quãng thời gian đó, rồi tiến đến hủy diệt kẻ thù của Ngài và thiết lập vương quốc của Ngài. Nhưng Ngài đã phán với những đôi tai không chịu hiểu, gây nên hậu quả là khi nhìn thấy Ngài bị đóng đinh, đức tin của họ gần như đánh đắm (Lu ca 24:18-21).

Họ sẽ không bao giờ quên làm thế nào và khi nào và bởi ai mà đức tin của họ được phục hồi. Sự phục hồi đó không phải bởi việc cảm thấy rằng bởi đức tin nơi Đức Chúa Trời mà tinh thần của con người có thể lại chỗi dậy sau bất cứ thảm kịch nào, dầu có điều tàn đến đâu. Thậm chí cũng không phải bởi nghe một lời thông báo rằng Chúa Jê-sus đã sống lại rồi (Lu ca 24:1-11). Nhưng bởi gặp gỡ Đấng sống và nghe đích thân Ngài dùng mọi chi tiết trong Cựu ước giảng giải chương trình Đức Chúa Trời đã định sẵn là gì, và các sự kiện

trong việc thiết lập vương quốc của Đấng Mê-si-a sẽ theo thứ tự nào: Đấng Mê-si-a phải chịu thương khó, và sau đó, chỉ sau đó, sẽ vào trong sự vinh hiển của Ngài (Lu ca 24:26).

Bây giờ sự thương khó đã qua. Chúa Jê-sus đã sống lại. Họ sẽ sớm thấy Ngài thăng thiên và xa rời thế giới này bước vào vương quốc ở xa kia. Vậy thì sự kiện tiếp theo trong chương trình phục hồi muôn vật của Đức Chúa Trời là gì? Ngài phán, ấy là chịu báp tem trong Thánh Linh (1:5). Nhưng báp tem trong Thánh Linh là gì?

Những bông Trái đầu tiên của Đức Thánh Linh

Cùng với sự giáng lâm của Đức Thánh Linh vào Lễ Ngũ tuần còn có một điều khác nữa đã xảy ra, chưa có điều nào giống như vậy từng xảy ra trong toàn lịch sử loài người. Điều sau này các Cơ Đốc nhân nhận ra (1 Cô. 12:12-13), ấy là một chính thể chưa từng tồn tại ở bất kỳ nơi nào đã thành hình: thân thể của Đấng Christ.

Sách Công vụ sẽ thực hiện vai trò giúp chúng ta nắm bắt được tầm quan trọng lớn lao của sự kiện này. Thứ nhất, là bởi việc ghi lại lời công bố của Chúa chúng ta về sự xuất hiện này, và những hướng dẫn nghiêm ngặt của Ngài với các sứ đồ, rằng họ không được phép rời Giê-ru-sa-lem cho đến khi việc này xảy đến.

Thứ hai, là bởi việc ghi lại lời miêu tả của Đấng Christ về điều họ phải trông đợi. Ngài phán “phải ở đó chờ điều Cha đã hứa, là điều các ngươi đã nghe ta nói” (1:4). Ngài chỉ phán “điều Cha đã hứa,” Ngài có thể đơn giản nhắc đến những đoạn Kinh thánh trong Cựu ước là lời Đức Chúa Trời hứa tuân đổ Thánh Linh của Ngài (ví dụ Giô ên 2:28-29; tham chiếu Công vụ 2:16-18). Nhưng câu nói thêm “là điều các ngươi đã nghe ta nói” nhắm đến việc dạy dỗ về chủ đề được nêu ra trước đây bởi chính Chúa Jê-sus, và đặc biệt là vào cái đêm trước khi bước Ngài lên đồi Gô-gô-tha, như đã được Giảng ký thuật.

Theo kỹ thuật trên phòng cao của Giảng, Đấng Christ đã bốn lần nói về việc Đức Thánh Linh “đến” (Giăng 15:26; 16:7-8, hai lần; 16:13), thậm chí trong một lần, Ngài nhắc đến việc Ngài phải đi, nếu không Đức Thánh Linh sẽ không đến (16:7). Bây giờ, sống lại từ cõi chết, và chuẩn bị “đi,” Ngài nhắc nhở các sứ đồ của mình về lời hứa

rằng Đức Thánh Linh sắp “đến.”

Nhưng “đến” theo ý nghĩa nào? Đức Thánh Linh đã hành động tích cực trong thế giới này từ rất lâu, Ngài ban năng lực cho các thánh và các chiến binh vĩ đại của Đức Chúa Trời. Làm thế nào Đấng Christ lại nói rằng Ngài sẽ không “đến” trừ khi chính Chúa Jêsus phải đi? Sự khác biệt rõ ràng và chưa từng có của lần “đến” này là gì?

Một chút suy luận sẽ ích lợi cho chúng ta. Lần Chúa Jêsus đến Bết-lê-hem không phải là lần đầu tiên Ngôi Hai trong Ba Ngôi Đức Chúa Trời viếng thăm địa cầu. Những lần Ngài đã hiện ra trong Cựu ước là sự hiện diện của Con Trời trước khi nhập thể. Có một khác biệt rất lớn về cách hiện đến giữa nhiều lần hiện đến trong tư cách thần linh trước khi nhập thể, với lần hiện đến độc nhất không thể quay ngược trở lại của Ngôi Lời trở nên xác thịt tại Bết-lê-hem. Tương tự, cách Đức Thánh Linh nhiều lần hiện đến trên loài người trong Cựu ước khác biệt với cách Đức Thánh Linh hiện đến vào ngày Lễ Ngũ tuần để cư ngụ vĩnh viễn trong thân thể của Đấng Christ. Một kỷ nguyên mới và khác biệt trong sự vận hành của Đức Chúa Trời sắp sửa xuất hiện trên đất.

Cũng dễ hiểu vì sự nhập thể đã từng là một sự kiện chưa từng có trong biên niên sử của công cuộc sáng tạo. Gô-gô-tha cũng là duy nhất. Trái đất chưa từng chứng kiến việc Đấng tạo ra nó bị đóng đinh vào một cây thập tự. Sự phục sinh theo sau là điều đầu tiên trong lịch sử của giống loài kể từ thời A-đam. Trước đó, trải suốt cõi vĩnh hằng, Thiên đàng cũng chưa từng trải qua những điều đang sắp trải qua khi Con Người Jêsus thăng thiên bước vào trong sự hiện diện của Đức Chúa Trời. Vì vậy, có thể dễ dàng hiểu rằng việc mà cuối cùng điều này khiến trở nên có thể, không phải là sự gia tăng đơn thuần của một điều rất phổ biến, thậm chí phổ biến từ trước kia, nhưng là một việc cho đến nay không thể xảy ra và không gì có thể so sánh đang xảy ra, ấy là việc Đức Thánh Linh hiện đến để cư trú vĩnh viễn trong từng cá nhân tín hữu (1 Cô. 6:19) và trong hội thánh (1 Cô. 3:16-17).

Trong chỗ thứ ba, Đấng Christ tiếp tục nhấn mạnh về tính chất mới mẻ của kỷ nguyên đang đến bằng cách nhấn mạnh cách thức vận hành khác biệt có một không hai để khởi động kỷ nguyên đó. Ngài

đã nhắc họ, “Giăng đã làm phép báp-tem bằng nước, nhưng trong ít ngày, các ngươi sẽ chịu phép báp-tem bằng Đức Thánh Linh” (1:5).

Chúng ta vẫn còn nhớ Giăng đã làm sạch sỏi cả đất nước trong lần đầu tiên ông xuất hiện trước công chúng. Tiếng nói của ông đã phá vỡ sự yên lặng trải nhiều thế kỷ kể từ khi đấng tiên tri được công nhận cuối cùng của Y-sơ-ra-ên lên tiếng. Tiếng của ông là “tiếng kêu trong đồng vắng” vốn đã được dự ngôn, thông báo về sự hiện đến của Đấng Mê-si-a được hứa ban từ ngàn xưa, còn ông chính là người dọn đường của Ngài (Êsai 40:3; Lu ca 3:1-6).

Theo lời phán của Chúa Jêsus, Giăng là người vĩ đại hơn hết trong những người bởi đàn bà sanh ra (Lu ca 7:28). Dù vậy, theo xưng nhận của Giăng thì giữa ông và Chúa Jêsus có một khác biệt không gì so sánh được. Giăng có thể chỉ cho người khác thấy Chiên Con của Đức Chúa Trời: còn Chúa Jêsus là Chiên Con đó. Giăng có thể công bố về một của lễ hy sinh sắp sửa được dâng lên vì có tội lỗi của thế gian: Chúa Jêsus đã dâng của lễ đó. Giăng có thể giảng về sự tha thứ: Chúa Jêsus có thẩm quyền cá nhân để tha thứ. Giăng có thể đòi hỏi mọi người ăn năn và làm báp-tem cho người ta trong nước theo nghi thức. Tuy nhiên, chính ông thừa nhận rằng (Lu ca 3:16) ông không thể làm báp-tem cho tội nhân ăn năn và được tha tội trong Thánh Linh rồi bởi đó liên hiệp con người với Đức Chúa Trời. Nhưng Chúa Jêsus thì có thể, và hiện bấy giờ đang chuẩn bị làm như vậy. Ngài đã thực hiện điều đó vào Lễ Ngũ tuần, Ngài đã làm điều đó kể từ lúc thế giới được dựng nên đến nay không một người nào khác từng làm được, dù người đó có mộ đạo đến đâu, có cao quý đến mực nào. Một kỷ nguyên mới đã bắt đầu vào Lễ Ngũ tuần: công cuộc giải phóng của Đức Chúa Trời đã tiến đến một bình diện hoàn toàn cao hơn.

Cuối cùng, Chúa Jêsus đã tỏ cho biết bản chất của kỷ nguyên đang đến bằng cách hướng dẫn họ rằng họ sẽ được làm báp-tem bằng Thánh Linh trong một vài ngày đến, rồi Ngài bảo họ đợi cho đến Ngày Lễ Ngũ tuần. Ít nhất điều này cho thấy rằng lựa chọn để Đức Thánh Linh giáng lâm vào Ngày Lễ Ngũ tuần là có chủ ý. Nhưng mục đích của lựa chọn đó là gì?

Một câu trả lời có khả năng ấy là để công khai tội đa. Lễ Ngũ tuần

là một trong những lễ hội tôn giáo quan trọng trong năm. Nếu mục đích thiên thượng là để quảng bá sự giáng lâm của Đức Thánh Linh qua phép lạ nói các thứ tiếng khác, thì còn có thời điểm nào tốt hơn để đem lên sân khấu phép lạ này hơn là một dịp lễ hội khi Giê-ru-sa-lem đầy ắp các lữ khách từ các nước ngoại bang vốn là những người biết và nhận ra ngôn ngữ của họ?

Nhưng công khai không phải là lý do duy nhất. Hãy lấy điểm tương đồng ở một Lễ hội Do Thái nổi tiếng khác, Lễ Vượt qua. Lễ hội này được kỷ niệm hàng năm như là một lời nhắc nhở về lần giải cứu đầu tiên khi Y-sơ-ra-ên được đem ra khỏi Ai-cập, một sự kiện lịch sử có căn cứ, hiệu quả, và quan trọng theo đúng ý nghĩa của nó. Ngay trước khi chịu thương khó, Chúa Jêsus đã tỏ ra rằng qua sự chết của Ngài, Lễ Vượt qua sẽ được ứng nghiệm (Lu ca 22:15-16); trí tuệ thuộc linh cuối cùng cũng nhận biết rằng sự chết của Chúa Jêsus xảy ra vào kỳ lễ Vượt qua không phải là tình cờ. Nó xảy ra y theo sự sắp đặt từ trước của Đức Chúa Trời, Đấng đã ấn định mọi việc từ trước khi sáng thế rằng Đấng Christ sẽ được dâng làm con sinh trong Lễ vượt qua cho chúng ta (1 Cô. 5:7), dâng giải thoát chúng ta khỏi ách nô lệ còn cay đắng hơn cái ách mà Pha-ra-ôn đã từng áp đặt.

Lễ Ngũ tuần bắt nguồn từ một trong hai kỳ hội mùa, ăn mừng việc bắt đầu vụ thu hoạch thứ nhất trong năm. Một bó ngô được cất dâng lên làm của lễ đầu mùa cho Đức Chúa Trời trước khi cây ngô chín rộ và sẵn sàng cho vụ thu hoạch (Lê vi 23:9-11). Năm mươi ngày sau (tức là vào Ngày Lễ Ngũ tuần), hai ổ bánh – được nướng từ mè bột đầu tiên vốn được xay ra từ những bông ngô cốc vừa mới gặt – cũng được dâng lên làm của lễ đầu mùa cho Đức Chúa Trời (Lê vi 23:15-17). Trong bất kỳ nền kinh tế nguyên thủy nào vụ thu hoạch luôn là một dịp vui vẻ. Trong Y-sơ-ra-ên niềm vui đó vừa tự nhiên vừa thiêng liêng. Họ tin Đức Chúa Trời đã ban cho họ xứ Canaan làm sản nghiệp; vụ mùa là gặt hái các phước lành từ sản nghiệp Chúa ban. Trong năm còn có những vụ thu hoạch khác sau đó bao gồm nho và những loại trái cây khác; chúng sẽ được ăn mừng trong những lễ hội khác. Nhưng không có gì giống với niềm vui của hai lễ hội đầu, khi sự khan hiếm ít oi và sự u tối của mùa đông nhường chỗ

cho hương vị đủ loại hoa quả đầu mùa rục rĩ của vụ mùa đầu tiên trong năm.

Y-sơ-ra-ên đã tổ chức ăn mừng những kỳ hội mùa này hàng bao thế kỷ. Nhưng có một điều lớn hơn để ăn mừng vào năm Chúa Jê-sus sống lại từ phần mộ. Sự phục sinh của Ngài là cuộc công kích đầu tiên vào một mùa đông khủng khiếp hơn, thân thể vinh hiển của Ngài là trái đầu mùa của một mùa gặt lớn hơn (1 Cô. 15:23). Năm mươi ngày sau, vào Ngày Lễ Ngũ tuần, Đức Thánh Linh đã hiện đến như là trái đầu mùa của một sản nghiệp lớn hơn, là một sự nếm trước và bảo đảm về sự phục hồi chung cuộc của muôn vật (Rô. 8:18-23; 2 Cô. 5:1-5; Êph. 1:13-14). Sự tươi mới và vui mừng của sự kiện này vẫn còn thấm đượm trong lịch sử mà Lu-ca ký thuật.

Thời kỳ Phục hồi toàn vẹn

Tiếp theo đó, khi Chúa Jê-sus hiện ra với các sứ đồ, họ đã đặt một câu hỏi với Ngài (1:6): Họ hỏi, “Lạy Chúa, có phải trong lúc này Chúa sẽ lập lại nước Y-sơ-ra-ên chăng?” Người ta có thể nghĩ rằng đó là một câu hỏi rất nhạy cảm. Cựu ước đã hứa rằng Đức Chúa Trời sẽ thực hiện nhiều công việc qua Đấng Mê-si-a khi Ngài đến; và Chúa Jê-sus đã thực hiện vài điều trong số đó rồi. Cần chú ý là Ngài đã chịu chết và sống lại. Bây giờ Ngài công bố rằng lời hứa tuôn đổ Thánh Linh sẽ diễn ra trong vài ngày tới. Nhưng sự phục hồi toàn vẹn mà Cựu ước đã nói còn bao gồm nhiều sự việc khác nữa. Ví dụ, trong đoạn Kinh thánh nổi tiếng của sách Giô-ên vốn đã được Phi-e-rơ trưng dẫn ngay ngày Lễ Ngũ tuần: theo sau lời hứa tuôn đổ Thánh Linh (Giô ên 2:28-32) là việc công bố về Ngày lớn và kinh khiếp của Chúa sẽ đến, khi Đức Chúa Trời sẽ “phục hồi sản nghiệp của Giu-đa và Y-sơ-ra-ên,” viếng thăm các quốc gia ngoại bang và đem theo với Ngài sự phán xét chung cuộc, phá bỏ ách cai trị của họ trên Y-sơ-ra-ên, và khôi phục Giê-ru-sa-lem thành nơi ngự của Ngài (Giô ên 3:1-21).

Điều đó đã tự nhiên làm phát sinh câu hỏi: Khi nào những điều khác sẽ được ứng nghiệm? Theo cách người Do Thái hiểu về Cựu ước, Đấng Mê-si-a chỉ hiện đến một lần duy nhất. Nếu bấy giờ các Cơ đốc nhân được yêu cầu phải tin vào hai sự hiện đến của cùng một

Đấng Mê-si-a, thì rõ ràng việc biết chính xác đến lúc nào từng phần trong chương trình đã hứa sẽ được ứng nghiệm là rất quan trọng đối với các sứ đồ. Rốt cuộc thì chính họ là những người sẽ phải đi ra và rao giảng về chương trình này. Đối với chúng ta cũng tương tự. Nếu chúng ta tin và rao giảng về hai lần hiện đến của Chúa Jê-sus, lần thứ nhất và lần thứ hai, chúng ta cần phải biết rõ ràng những phần nào trong cuộc-phục-hồi-vĩ-đại-đã-hứa sẽ được ứng nghiệm vào lần hiện đến đầu tiên của Ngài, phần nào chỉ có thể được ứng nghiệm vào lần hiện đến thứ hai, và đâu là điều chúng ta có thể mong đợi sẽ được ứng nghiệm giữa hai lần hiện đến. Những ý tưởng sai lầm về những vấn đề này có thể làm cho chúng ta lầm lẫn trong sự trông đợi và giảng dạy của mình. Thật ra sự nhầm lẫn như vậy đã từng xảy ra trong tâm trí của các Cơ Đốc nhân đầu tiên, vài người trong số họ nghĩ rằng Ngày lớn và rục rờ của Chúa vốn được hứa ban qua Giô-ên đã được thiết lập trước lần hiện đến thứ hai của Đấng Christ rồi (2 Tê-sa. 2:1-12).

Vì thế, chúng ta có thể biết ơn các sứ đồ vì đã hỏi câu hỏi này. Tuy nhiên, ở một vài nơi, họ đã bị chỉ trích nặng nề về điều đó; và cho đến ngày nay ý nghĩa của cả câu hỏi của họ và câu trả lời của Chúa Jê-sus vẫn đang được tranh luận rộng rãi. Vậy nên, hãy bắt đầu bằng việc đề ngay trước mắt chúng ta đoạn tường thuật của Lu-ca liên quan đến vấn đề này:

6 Vậy, những người nhóm tại đó thưa cùng Ngài rằng: Lạy Chúa, có phải trong lúc này Chúa sẽ lập lại nước Y-sơ-ra-ên chăng? 7 Ngài đáp rằng: Kỳ hạn và ngày giờ mà Cha đã tự quyền định lấy, ấy là việc các người chẳng nên biết. 8 Nhưng khi Đức Thánh Linh giáng trên các người, thì các người sẽ nhận lấy quyền phép, và làm chứng về ta tại thành Giê-ru-sa-lem, cả xứ Giu-đê, xứ Sa-ma-ri, cho đến cùng trái đất.

Dĩ nhiên, những người chỉ trích các sứ đồ đã giảm sự chỉ trích của họ vì một lý do đáng cảm thông: họ giải thích rằng Đức Thánh Linh chưa đến để dạy các môn đồ nên tốt hơn. Tuy nhiên, họ nói, các sứ đồ đã đem một điềm trừ đáng tiếc vào trong cuộc đối thoại. Chúa Jê-sus vừa mới đề cập đến sự giáng lâm của Đức Thánh Linh đặng ban cho dân Ngài sự am hiểu thuộc linh thật về những lời hứa mà Đức Chúa Cha từng hứa trong Cựu ước (1:4); và đáp ứng của các sứ đồ là đặt ra một câu hỏi dựa trên sự diễn giải theo nghĩa đen mà họ suy luận. Chúa Jê-sus đang chuẩn bị mở ra một thời kỳ mới của Thánh Linh khi

những nhân chứng đầy dẫy Thánh Linh sẽ thiết lập vương quốc thuộc linh của Đấng Christ khắp thế giới và đem phước hạnh thuộc linh đến cho mọi quốc gia ở khắp nơi (1:8), chứ không chỉ tại đất nước Y-sơ-ra-ên được yêu chuộng. Tất cả các sứ đồ đều quan tâm đến niềm hy vọng mang tính dân tộc hẹp hòi xác thật rằng Y-sơ-ra-ên sẽ được phục hồi trở thành một vương quốc chính trị hữu hình.

Câu hỏi của họ bị cáo buộc là lạc đề; nhưng Chúa Jêsus đã ân cần sửa lại. Trước tiên Ngài phủ nhận dự đoán của họ: sẽ không có sự phục hồi nào để Y-sơ-ra-ên trở thành một quốc gia với bất cứ loại hình nào và bất cứ thể chế nào. Rồi nhanh chóng và đột ngột (1:8), Ngài điều chỉnh suy nghĩ của họ sang những kênh tốt hơn. Sự “phục hồi vương quốc” được Đức Chúa Trời hứa qua các đấng tiên tri chỉ về vương quốc thuộc linh hiện tại của Ngài (của Đấng Christ). Đã được bắt đầu bởi sự chết và phục sinh của Ngài rồi, bây giờ nó sẽ được thiết lập trên toàn thế giới bởi nỗ lực truyền giáo và chần bầy trong hội thánh ở thời hiện tại này (1:8). Nó sẽ bắt đầu bằng sự giáng lâm của Đức Thánh Linh trong vài ngày nữa.

Nhưng những người phê bình các sứ đồ thường kết thúc ít nhất là bằng cách ca ngợi các sứ đồ, hoặc đúng hơn là ca ngợi sự giáng lâm của Đức Thánh Linh, là lý do khiến các sứ đồ thay đổi quan điểm hoàn toàn. Giáo sư E. M. Blaiklock nói rằng “sự thay đổi từ tâm linh khiến họ thốt ra câu hỏi trong câu (6), sang tinh thần mà Phi-e-rơ thể hiện (2:38-39) trong bài giảng về sự ăn năn và tha thứ cho mọi người được Đức Chúa Trời kêu gọi, là một trong những bằng chứng lớn nhất về phép lạ của Lễ Ngũ tuần.”

Nhưng có những khó khăn nghiêm trọng với việc giải nghĩa này, trước hết, là ở mức độ am hiểu cơ bản về dòng suy nghĩ giữa Chúa Jêsus và các sứ đồ. Giả sử Đấng Christ thật sự có ý nói rằng vương quốc Y-sơ-ra-ên sẽ không bao giờ được phục hồi. Hãy xem điều này ảnh hưởng thế nào đến cuộc đối thoại:

Các môn đồ: “Lạy Chúa, có phải trong lúc này Chúa sẽ lập lại nước Y-sơ-ra-ên chăng?”

Đấng Christ: “Các ngươi không thể biết được khi nào thì sự phục hồi ấy sẽ xảy ra, bởi vì Chúa Cha giữ những điều đó cho riêng Ngài. Và dầu gì đi nữa, vương quốc Y-sơ-ra-ên cũng sẽ không bao giờ được phục

hồi đầu.”

Điều này thật vô nghĩa. Nếu vương quốc không được phục hồi, thì sẽ không có kỳ hạn về sự phục hồi để ai đó cần biết, thậm chí là chính Chúa Cha.

Hãy thử lại lần nữa. Giả sử Chúa Jêsus có ý định nói rằng, “Đúng, Ta sẽ phục hồi vương quốc Y-sơ-ra-ên, nhưng không phải theo ý nghĩa hạn hẹp mà các người suy đoán. Lời hứa phục hồi vương quốc Y-sơ-ra-ên, nếu được hiểu đúng, chỉ về việc thiết lập vương quốc thuộc linh của ta từ Lễ Ngũ tuần trở về sau.” Hãy xem điều đó sẽ ảnh hưởng thế nào đến dòng tư tưởng của phân đoạn này:

Các môn đồ: “Lạy Chúa, có phải trong lúc này Chúa sẽ lập lại nước Y-sơ-ra-ên chăng?”

Đấng Christ: “Ta không thể nói cho các người biết khi nào thì việc phục hồi của vương quốc Y-sơ-ra-ên sẽ xảy ra, bởi vì Chúa Cha đã giữ những câu hỏi liên quan đến thời và kỳ cho riêng Ngài. Thật ra, sự phục hồi vương quốc Y-sơ-ra-ên chỉ về việc thiết lập vương quốc thuộc linh của ta ở đây, vào lúc này, và dĩ nhiên ta có thể cho các người biết khi nào điều đó sẽ xảy ra. Điều đó sẽ xảy ra trong vài ngày nữa, vào lúc Đức Thánh Linh giáng lâm vào Lễ Ngũ tuần.”

Cả điều này cũng vô nghĩa. Nhưng ở đây còn có những câu hỏi lớn hơn phải đối diện và chúng cũng quan trọng như việc tìm ra cho được sự hợp lý trong dòng suy nghĩ. Không có ở đâu lời hứa về sự phục hồi được bày ra rõ ràng hơn ở Mi-chê 4:8, bối cảnh ở đây là một trong những đoạn Kinh thánh nổi tiếng trong Cựu ước. Hãy đọc lời hứa này trong văn mạch của phân đoạn:

1 Xây ra trong những ngày sau rốt,
núi của nhà Đức Giê-hô-va sẽ lập lên
trên chót các núi,
và sẽ được nhắc cao lên hơn các đồi.

Các dân sẽ chạy về đó;
2 và nhiều nước sẽ đi đến đó, mà rằng:
Hãy đến, chúng ta hãy lên núi của Đức Giê-hô-va,
nơi nhà của Đức Chúa Trời Gia-cốp!
Ngài sẽ dạy chúng ta về đường lối Ngài,
và chúng ta sẽ đi trong các nẻo Ngài.

Vì luật pháp sẽ ra từ Si-ôn,
lời của Đức Giê-hô-va từ Giê-ru-sa-lem.
3 Ngài sẽ làm ra sự phán xét giữa nhiều dân,
đoán định các nước mạnh nơi phương xa;

- và họ sẽ lấy gươm rèn lưỡi cày,
lấy giáo rèn lưỡi liềm;
nước này chẳng giá gươm lên nghịch cùng nước khác,
và cũng không tập sự chiến tranh nữa.
- 4 Ai này sẽ ngồi dưới cây nho mình
và dưới cây vả mình,
không ai làm cho lo sợ;
vì miệng Đức Giê-hô-va vạn quân đã phán.
- 6 Đức Giê-hô-va phán:
Trong ngày đó,
ta sẽ nhóm kẻ... đã bị đui,
kẻ mà ta đã làm cho buồn rầu...
- 7 ... Đức Giê-hô-va sẽ trị vì trên chúng nó trong núi Si-ôn,
từ bây giờ đến đời đời.
- 8 Còn người... đời của con gái Si-ôn,
quyền thế cũ của người, tức là nước của con gái Giê-ru-sa-lem,
sẽ đến cùng người.

Vậy là tất cả mọi người đều dễ dàng nhìn thấy rằng có lời hứa phục hồi quyền cai trị. Nhưng vào lúc này, những câu câu hỏi lớn hơn và cấp bách hơn đây điều này sang một bên.

Chúng ta là gì mà có thể làm cho lời hứa lấp lánh rằng vào một ngày kia các xung đột có vũ trang sẽ chấm dứt, công lý sẽ chiếm ưu thế, và thế giới sẽ kinh nghiệm hòa bình khắp mọi nơi. Phải chăng đó chỉ là một lý tưởng được diễn đạt trong thơ ca, luôn được mơ về, nhưng không thể đạt được? Hay đó là một lời hứa cụ thể của Đức Chúa Trời? Nếu nó là một lời hứa thật, bảo đảm sẽ ứng nghiệm, thì chính xác nó có ý nghĩa gì? Làm thế nào để giải nghĩa được nó? Trên hết mọi điều, khi nào Đức Chúa Trời định khiến lời ấy được ứng nghiệm?

Ít nhất chúng ta có vẻ như trở lại với một phần trong câu hỏi của các sứ đồ: “Có phải trong lúc này...?” Chỉ có điều bây giờ chúng ta đang hỏi câu hỏi đó trong một bối cảnh đã được điều chỉnh và rất thực tế. Là những chứng nhân chịu trách nhiệm với Chúa Jêsu, chúng ta phải biết chính xác nhất có thể rằng những lời hứa nào của Chúa được áp dụng cho thời đại hiện tại này, là thời đại của Thánh Linh, và những lời hứa nào thì không; chúng ta có thể trông chờ kết quả nào từ việc truyền giáo và từ mối quan tâm xã hội của chúng ta, và không nên trông đợi kết quả nào. Chúng ta không được hạ thấp

các niềm trông cậy Chúa ban: nhưng chúng ta cũng không được đuổi theo ảo ảnh. Vậy thì phân đoạn này cần được giải thích như thế nào?

Hãy thử một cách giải thích “thuộc linh”: lời hứa về việc khôi phục lại quyền cai trị cho con gái Si-ôn (Mi-chê 4:8) có nghĩa là thành lập vương quốc thuộc linh của Đấng Christ trong Hội thánh vào ngày Lễ Ngũ tuần. Mi-chê 4:6 công bố rằng sự “lập lại” này sẽ xảy ra “trong ngày đó,” theo bối cảnh là ngày nhiều quốc gia sẽ từ bỏ xung đột vũ khí. Điều này rõ ràng không thể hiểu theo nghĩa đen – việc giải trừ vũ khí trước hoặc tại hoặc sau Lễ Ngũ tuần có đặc biệt gì? Vì vậy, nó cần được hiểu theo nghĩa bóng về những điều bắt đầu xảy ra và đang xảy ra trong mỗi cá nhân từ khi họ tin Tin Lành và được giải hòa với Đức Chúa Trời. Họ “bỏ vũ khí phản loạn chống lại Đức Chúa Trời xuống,” sống yên bình trong hội thánh, và không bao giờ tranh chiến với các anh chị em Cơ đốc khác nữa.

Vậy điều đó áp dụng cho hội thánh; vì kể từ Lễ Ngũ tuần các quốc gia vẫn đang tiếp tục tranh chiến với nhau không ngừng. Hơn nữa, điều đó không áp dụng cho các Cơ Đốc nhân trong cuộc sống của họ bên ngoài hội thánh. Lấy ví dụ, trong Thế chiến vừa qua, hàng ngàn tín hữu thật, là thành viên của quân đồng minh hay của Đức quốc xã, đã đánh nhau và giết nhau như hàng triệu người khác từng làm suốt nhiều thế kỷ, và hiện vẫn tiếp tục làm, trong những tình huống tương tự.

Theo chiều hướng này, Mi-chê 4:1-8 cùng hết thảy mọi lời hứa vĩ đại của sách đem lại rất ít hy vọng cho thế giới bị chiến tranh tàn phá này của chúng ta. Thậm chí là đối với hội thánh, nó có thể đem lại được bao nhiêu? Có bao giờ thế giới Cơ đốc không có chiến tranh vì lý do tôn giáo? Chúng ta không cần phải đi xa hơn nữa. Nếu việc giải thích “thuộc linh” này là tất cả những gì lời hứa được chép ở Mi-chê, thì rất nhiều người trong chúng ta sẽ không còn lòng tin để tin vào bất cứ lời hứa nào khác trong Kinh thánh, và chắc chắn cũng không có lòng nào để rao giảng về chương trình này như là một niềm trông cậy thực tiễn cho thế giới.

Hãy thử một cách giải thích phức tạp hơn, và tinh tế hơn. Một lần nữa lời hứa phục hồi quyền cai trị đề cập đến việc thiết lập vương

quốc thuộc linh của Đấng Christ qua hội thánh vào Lễ Ngũ tuần. Việc thiết lập đền thờ/nhà của Chúa trên chót các núi (Mi chê 4:1) một lần nữa chỉ về hội thánh, và chỉ đến vị trí ưu thế của tầm ảnh hưởng của hội thánh đối với thế giới, điều mà hội thánh dần dần đạt được kể từ Lễ Ngũ tuần. Vì vậy câu 2-5 được Đức Chúa Trời ngụ ý như là một lời tiên tri rằng càng nhiều quốc gia, trong tư cách quốc gia sẽ đến cùng với lòng biết ơn lắng nghe lời dạy dỗ của hội thánh, và đến lượt nó, điều đó sẽ dẫn đến một tiên tri trong việc vâng giữ luật pháp của Đức Chúa Trời và một sự gia tăng trong việc từ bỏ đấu tranh vũ trang tại các nước này. Vì vậy, đây cũng là quang cảnh tương lai mà Chúa của chúng ta dự báo khi Ngài giới thiệu cho các sứ đồ của Ngài nhiệm vụ có quy mô toàn cầu của họ.

Nhưng nếu đó là điều Đức Chúa Trời ngụ ý qua Mi-chê, chúng ta không được tiếp tục hỏi rằng: Vậy thì thành quả xứng hợp với lời hứa đến mực nào? Nếu đó thật sự là điều Đấng Christ hướng dẫn các sứ đồ của Ngài trông đợi, thì điều gì khiến chúng ta ngày nay tuyệt vọng? Kể từ sự kiện Lễ Ngũ tuần trải qua suốt các thế kỷ, chưa một lần các lời giảng của Tin Lành và sự thiết lập vương quốc thuộc linh của Đấng Christ có thể khiến thậm chí là một quốc gia từ bỏ vũ khí, chứ đừng nói đến việc cả thế giới từ bỏ vũ khí. Các nước được gọi là các quốc gia Cơ Đốc thực ra là những quốc gia đi đầu thế giới trong việc sản xuất ra các loại vũ khí giết người; và thậm chí bây giờ, khi bởi ơn thương xót đã bắt đầu có sự giảm trừ vũ khí giữa Đông và Tây phương, thì hành động này cũng không phải là một đáp ứng đối với Tin lành của Đấng Christ, cũng không phải là kết quả của việc các quốc gia quan tâm và khép mình vào việc học hỏi và giữ gìn luật pháp của Đức Chúa Trời chặt chẽ hơn. Cho đến nay, niềm trông cậy rằng lời tiên tri của Mi-chê sẽ ứng nghiệm bởi sự rao giảng Tin lành được chứng minh là rõ ràng một ảo tưởng. Nó chỉ có thể được giải cứu bởi sự mất giá khủng khiếp trong lời tiên tri về tiền bạc của Mi-chê.

Điều đó không có nghĩa rằng là Cơ đốc nhân chúng ta phải trở nên hoài nghi. Chúng ta hoàn toàn có quyền hoan nghênh Hoa Kỳ vì đã áp dụng lời tiên tri của Mi-chê như là lý tưởng của họ. Chúng ta

hoan nghênh, cầu nguyện, và ủng hộ từng nỗ lực chân thành đối với việc xây dựng hòa bình; chúng ta ghi nhận, cùng với lòng biết ơn Đức Chúa Trời, những tiến trình thật sự đang diễn ra, và thậm chí đang được thực hiện ngay lúc này theo hướng xây dựng hòa bình và giải trừ vũ khí ở nhiều khu vực trên thế giới.

Nhưng chúng ta không được lừa dối mình. Lịch sử đã chứng tỏ rằng hòa bình thế giới giống như tảng đá của Sisyphus. Khi đến gần đỉnh, nó trượt qua những ngón tay mệt mỏi và lại rơi xuống đáy. Hơn nữa, có vẻ như Kinh thánh cảnh báo chúng ta rằng đến một ngày kia, thế giới cuối cùng cũng sẽ đạt được một dạng hòa bình và an ninh toàn cầu. Nhưng đó sẽ chỉ là sự yên bình giả tạo trước khi cơn bão kinh khiếp của Ngày của Chúa giáng trên một thế giới không chịu ăn năn (1Tê-sa. 5:1-3).

Tất cả những điều đó đều rất tầm tởi; nhưng chúng ta không cần phải tuyệt vọng. Chúng ta có một thông điệp chân thật về niềm hy vọng cho thế giới bị nghiền nát bởi chiến tranh, các thành phố bị khủng bố giày xéo, và các đất nước bị nạn đói tra tấn. Lời hứa trong Mi-chê được ban ra bởi Đức Chúa Trời, chắc chắn nó sẽ được ứng nghiệm, và theo cách mà sự ứng nghiệm của nó không cần phải có đức tin chống lại các tảng-núi-chứng-cứ-hóc-búa-trái-ngược-hoàn-toàn mới có thể nhận được. Công lý, giảm trừ vũ khí, và hòa bình sẽ được áp dụng trên toàn thế giới. Mọi điều Đức Chúa Trời từng hứa phục hồi sẽ được phục hồi (Công vụ 3:21) – bao gồm vương quốc Y-sơ-ra-ên theo cách Ngài đã định trước. (Chúng ta không nói về Chính quyền Si-ôn của Y-sơ-ra-ên. Sẽ không có sự phục hồi vĩnh viễn về bất cứ điều gì cho Y-sơ-ra-ên hay cho bất kỳ ai ngoài Đấng Mê-si). Nhưng nếu chúng ta muốn cứu mình khỏi các trông đợi sai trật và một cái kết vỡ mộng, chúng ta phải nhận thức đúng về vấn đề thời gian phục hồi. Hãy trở lại với câu hỏi của các sứ đồ và câu trả lời của Chúa Jê-sus.

Trước hết, hãy lưu ý đến điều dễ nhận thấy: câu hỏi của họ không phải, “Lạy Chúa, Ngài sẽ lập lại nước Y-sơ-ra-ên phải không?” Câu hỏi như vậy sẽ nhận được câu trả lời trực tiếp là “Đúng vậy” hay “Không phải vậy.”

Câu hỏi của họ hoàn toàn khác. Câu hỏi này nghiêm nhiên nhìn nhận việc Ngài sẽ phục hồi vương quốc Y-sơ-ra-ên và chỉ đơn giản đặt vấn đề về thời điểm điều đó xảy ra. Ý nghĩa của tiếng Hy Lạp là “Lạy Chúa, có phải trong lúc này Chúa sẽ lập lại nước Y-sơ-ra-ên chẳng?”

Chúa Jêsus đã trả lời thắc mắc đúng lúc mà họ đặt ra: “Kỳ hạn và ngày giờ mà Cha đã tự quyền định lấy, ấy là việc các ngươi chẳng nên biết” (hoặc “đã định lấy bởi thẩm quyền của Ngài”). Ngài không phủ nhận rằng Ngài sẽ phục hồi vương quốc Y-sơ-ra-ên, Ngài chỉ đơn giản cho rằng họ không thể được tỏ cho biết chính xác thời điểm việc đó xảy ra, vì Chúa Cha đã giữ lại tất cả những vấn đề liên quan đến kỳ hạn và ngày giờ cho riêng Ngài.

Nhưng câu trả lời của Chúa tạo ra những tiếng vọng. Trong lời dự ngôn nổi tiếng của Ngài, Chúa Jêsus đã sử dụng ngôn ngữ tương tự khi nói về thời điểm của sự hiện đến lần thứ hai: “Về ngày và giờ đó, chẳng có ai biết chi cả, thiên sứ trên trời hay là Con cũng vậy, song chỉ một mình Cha biết mà thôi.” (Ma-thi-ơ 24:36).

Tương tự như vậy, trong đoạn Kinh thánh chúng ta nhắc đến trước đó (1 Tê-sa. 5:1-3), khi Phao-lô đề cập đến “thời và kỳ” là ông đang nói về sự hiện đến của Ngày của Chúa, chính là sự hiện đến lần thứ hai của Chúa Jêsus.

Vậy thì, điều đáng ngờ là phải chăng câu trả lời của Chúa Jêsus cho câu hỏi của các sứ đồ đã liên hệ việc lập lại nước Y-sơ-ra-ên với thời điểm không-được-tỏ-cho-biết của sự hiện đến lần thứ hai. Sự nghi ngờ đó được xác nhận sau hai chương khi Phi-e-rơ bày tỏ trong một bài giảng rằng đó chính xác là cách ông hiểu câu trả lời của Chúa Jêsus. Thính giả của ông là người Do Thái, giống như ông, họ hiểu “sự phục hồi muôn vật mà Đức Chúa Trời đã hứa sẽ phục hồi” bao gồm việc lập lại nước Y-sơ-ra-ên, y như điều các đấng tiên tri đã nói. Đây là điều ông đã nói với thính giả của mình:

Vậy, các ngươi hãy ăn năn và trở lại [cùng Đức Chúa Trời], đừng cho tội lỗi mình được xóa đi, hầu cho kỳ thơ thái đến từ Chúa, và Chúa sai Đấng Christ đã định cho các ngươi, tức là Jêsus, mà trời phải rước về [và giữ Ngài] CHO ĐẾN kỳ muôn vật [khôi phục] (BDM), là kỳ mà Đức Chúa Trời thưở xưa đã phán trước bởi miệng các thánh tiên tri

(3:19-21).

Kể đến, chúng ta nên nhận thấy rằng trong 1:8 Chúa của chúng ta không đột ngột dập tắt mọi quan tâm của các môn đồ về việc phục hồi nước Y-sơ-ra-ên và cố ý quay sang nói về một điều gì đó không hề liên quan đến sự phục hồi. Khi Phi-e-rơ chỉ ra cho các thánh giả Do Thái của ông (3:19-26), rằng nếu họ dọn mình để chờ đón sự trở lại lần thứ hai của Đấng Mê-si-a và để chung hưởng mọi phước hạnh của sự phục hồi lớn cùng với mọi dân tộc khác thì họ phải ăn năn. Lời làm chứng đầy dẫy Thánh Linh dành cho toàn thể giới của hội thánh về Đấng Mê-si-a là nhằm đến chính mục đích đó, ấy là đem mọi người mọi nơi, gồm cả Y-sơ-ra-ên, đến với sự ăn năn và niềm tin cần thiết đó ở trong Đấng Christ.

Khung tham khảo về lời chứng cho toàn thể giới của hội thánh

Vào lúc này đã kết thúc bài giới thiệu ngắn gọn nhưng đầy đủ và nổi tiếng của Đấng Christ nhằm tóm tắt cho các môn đồ của Ngài nhiệm vụ có quy mô toàn cầu của họ. Nhưng những lời cuối cùng vẫn chưa tắt hẳn, và họ vẫn còn đang nhìn chăm chăm vào Ngài (như cách người ta nhìn chăm vào gương mặt của người có lời nói thu hút họ), khi bất thình lình

Ngài... được cất lên trong lúc các người đó nhìn xem Ngài, có một đám mây tiếp Ngài khuất đi, không thấy nữa. Các người đó đang ngó chăm trên trời trong lúc Ngài ngự lên, xây có hai người nam mặc áo trắng hiện đến trước mặt, và nói rằng: Hỡi người Ga-li-lê, sao các người đứng ngóng lên trời làm chi? Jê-sus này đã được cất lên trời khỏi giữa các người, cũng sẽ trở lại như cách các người đã thấy Ngài lên trời vậy.” (1:9-11).

Vào giây phút này họ nhận được câu trả lời đầy đủ cho câu hỏi khơi mào bài giới thiệu tóm tắt của Chúa Jê-sus: Có phải trong lúc này Chúa lập lại nước Y-sơ-ra-ên chăng? Sự thắng thiên của Ngài trả lời: Không phải lúc này. Giờ Ngài phải đi. Bây giờ vị thế tử của ản dụ phải đi phương xa (Lu ca 19:11-27).

Tuy nhiên sự thắng thiên vẫn chưa kết thúc. Chúa vẫn đang còn ngự lên (1:10) lúc hai thiên sứ hiện ra đứng bên cạnh họ để đảm bảo việc Chúa trở lại là chắc chắn. Vị thế tử sẽ quay lại. Điều đó vừa trả lời đầy đủ câu hỏi của họ vừa đem đến cho họ một khung tham

khảo rõ ràng cho chức vụ làm chứng nhân của họ. Giờ không phải là thời điểm phục hồi toàn diện: sẽ không có sự “lập lại nước” trước sự hiện đến lần thứ hai vốn không được tỏ rõ thời gian của Chúa Jêsu. Nhưng sự hiện đến lần thứ hai đó là chắc chắn; rồi sự phục hồi toàn vẹn sẽ diễn ra. Mục đích của quãng thời gian ở giữa không nhằm lập lại nước Y-sơ-ra-ên, nhưng để làm chứng cho Đấng Christ trên toàn thế giới.

Theo ký thuật của riêng Lu-ca, những lần Ngài đến và Ngài đi của Chúa Jesus trong bốn mươi ngày thường là ngay lập tức. Nhưng lần này thì khác. Ngài đã chọn cách thăng thiên cho phép mọi mắt đều có thể trông thấy từ đầu cho đến một khoảng cách nhất định trên bầu trời trước khi đám mây là nơi ngự (shekinah) vinh hiển của Đức Chúa Trời bao phủ Ngài, và tại nơi đó diễn ra (theo cách chúng ta không thể hiểu được vì chúng vô hình đối với các sứ đồ) việc Ngài chuyển tiếp vào thế giới bên ngoài thế giới này.

Sự cất lên mang tính chất vật lý sơ đẳng đó phục vụ ít nhất ba mục đích. Đặt dấu chấm hết cho những lần hiện ra trước đó: sẽ không còn lần nào nữa. Sự kiện ấy cũng hình thành một nghi lễ tuy đơn giản nhưng truyền ra kính sợ, bày tỏ qua một hành động tượng trưng một thực tế cao hơn vô cùng, rằng, bởi lời mời gọi của Chúa Cha, Jêsu người Na-xa-rét, Con Đức Chúa Trời, đã được tôn cao hơn các tầng trời, vào trong sự vinh hiển mà Ngài đã từng có với Chúa Cha trước khi thế giới được tạo lập. Cuối cùng, đó là hình mẫu cho sự hiện đến lần thứ hai. Các thiên sứ không định ngày cho sự hiện đến đó, vì các thiên sứ không biết nhiều hơn bất cứ người nào, trừ Chúa Cha. Nhưng họ tập trung sự chú ý vào cách Chúa được cất lên, và họ bảo đảm với các sứ đồ rằng: “Jêsu này... sẽ trở lại như cách các người đã thấy Ngài lên trời vậy” (1:11).

Jêsu, Đấng vốn là Ngôi Lời của Đức Chúa Trời nhập thể, trong và qua Ngài Đức Chúa Trời đã bước vào trong không gian và thời gian của chúng ta, không phải là Đấng Christ không có thân vị con người, vốn có vẻ như con người nhưng thật ra không phải. Ngài thật sự là con người như Ngài thật sự là Đức Chúa Trời. Cũng không phải Ngài mang thân vị con người trong một giai đoạn tạm thời để bày tỏ

Đức Chúa Trời, rồi sau đó sẽ được thay thế bằng một vài hình thức khả thi “cao hơn.” Cách thăng thiên cho chúng ta biết rằng bây giờ khi Ngài đã trở về với không gian và thời gian của Đức Chúa Trời, Ngài vẫn cứ tiếp tục là Jêsus y như vậy, y như khi Ngài còn ở trên đất, và y như lúc phục sinh khi Ngài thúc giục các môn đồ chạm đến Ngài và xác nhận chính là Ngài. Nếu trong Ngài Đức Chúa Trời đã có thể và đã một lần bước vào trong không gian và thời gian của chúng ta, thì chúng ta phải tin các thiên sứ rằng Ngài sẽ bước vào nữa; và rằng Ngài sẽ làm như vậy theo phương cách vật lý có thể nhìn thấy như Ngài đã từng được nhìn thấy khi rời khỏi không gian và thời gian của chúng ta. Khi hoàn toàn trở thành một con người để giải cứu chúng ta, Ngôi Hai trong Ba Ngôi Đức Chúa Trời đã trở nên hình thể Ngài chưa từng trở nên trước đó. Vĩnh viễn Ngài sẽ mang hình thể đó.

Sự thăng thiên kết thúc, các sứ đồ đã trở về phòng cao và hiệp với Ma-ry mẹ của Chúa Jêsus, những phụ nữ khác, và các anh em của Chúa Jêsus, cùng chờ đợi Đức Thánh Linh giáng lâm ban năng quyền cho họ để làm chứng cho Chúa Jêsus. Trong khi chờ đợi, họ đã cầu nguyện (1:12-14).

VỤ TỔ TỤNG CẦN ĐƯỢC LÀM CHỨNG (1:15-26)

Vẫn chưa đến bảy tuần kể từ khi Chúa Jêsus bị hành hình, và trong vòng vài ngày các sứ đồ phải đi ra và đứng tại nơi công cộng trong thành phố để bắt đầu lời chứng của họ về Ngài. Sự tự tin của những người đã từng nhìn thấy, sờ chạm, và trò chuyện cùng Chúa phục sinh là điều không cần phải chất vấn. Nhưng họ đã phải đối mặt với một vấn đề.

Các điều kiện đòi buộc cho chức vụ của họ rất rõ ràng: họ phải làm chứng về Đấng Christ (1:8). Cụ thể là họ phải làm chứng về sự phục sinh của Ngài (1:22). Nhưng còn nhiều hơn thế nữa. Sự phục sinh của bất kỳ người nào cũng là một sự kiện gây sững sốt. Nhưng Jêsus Christ không phải là một người tầm thường. Điều đặc biệt về sự phục sinh của Ngài phần lớn nằm ở điều Ngài đã làm và đã công bố trước khi Ngài bị đóng đinh. Một nhân chứng chính thức có thẩm quyền của sứ đồ bởi vậy phải là một người đã từng gần gũi thân cận liên tục ở bên Chúa và các sứ đồ của Ngài ngay từ lúc Ngài chịu báp

têm bởi Giăng cho đến lúc thăng thiên (1:22). Một sứ đồ phải là một nhân chứng trực tiếp về mọi điều Đấng Christ đã làm và binh vực, mọi điều mà giờ đây được chứng minh bởi sự phục sinh của Ngài.

Theo Tin lành Lu ca (19:45-48), chỉ có một điều Jêsus đã thực hiện trước một số lượng dân chúng đông đảo trong tuần lễ quan trọng cuối cùng của Ngài tại Giê-ru-sa-lem: Ngài dẹp sạch đền thờ. Cũng như bất cứ điều nào khác, điều đó đã dẫn đến cái chết của Ngài (xem Mác 11:17-18).

Đây là lần thứ hai Chúa Jêsus dẹp sạch đền thờ. Vào lần đầu tiên Ngài đã gây đủ kinh ngạc – dẹp sạch đền thờ khỏi những điều đền thờ đang bị lạm dụng là điều người ta mong đợi Đấng Mê-si-a thực hiện, và rất nhiều người Y-sơ-ra-ên bình thường có thể rất tán thành hành động của Ngài. Nhưng vào lần thứ hai, trước sự hiện diện của công chúng, hầu như Ngài đã kết án giới lãnh đạo của đền thờ là những tên trộm cướp đích thực lạm dụng tư cách thánh khiết của đền thờ để kiếm tiền. Việc làm đó như giọt nước tràn ly: họ quyết định tiêu diệt Ngài trước khi Ngài làm suy yếu quyền lực của họ trên dân chúng và hủy hoại quyền lợi của họ.

Phản ứng của Chúa chúng ta là kẻ một ẩn dụ bày tỏ ý nghĩa quan trọng của hành động mà họ đang lên kế hoạch. Y-sơ-ra-ên là vườn nho của Đức Chúa Trời, và các thầy tế lễ cả và những lãnh đạo tôn giáo là những kẻ trồng nho có tư cách thiêng liêng là canh tác làm cho vườn nho sinh trái để Chủ nó vui lòng.

Qua nhiều năm tháng những người trồng nho đã đánh cắp hoa lợi; nhưng cuối cùng Con trai của Chủ vườn đã đến, Ngài được Cha sai đến để thu phần hoa lợi thuộc về Ngài. Tội mà các thầy tế lễ cả và các lãnh đạo tôn giáo quyết phạm là giết chết Người kế tự vườn nho để họ có thể chiếm trọn không chỉ hoa lợi mà luôn cả vườn nho (Lu ca 20:9-18).

Đây chính xác là điều mà họ thực sự đã làm; và bây giờ, chưa được hai tháng sau, các sứ đồ phải lên đền thờ, đối diện với chính những người trồng nho này, và đảm đông vốn là vườn nho, và công bố rằng Jêsus đã sống lại từ kẻ chết, bằng cách đó chứng tỏ rằng Ngài là Người kế tự hợp pháp đối với tình yêu và sự trung thành của dân

chúng.

Vậy nên họ gặp một nan đề. Đó không phải là nỗi sợ hãi. Mà đó là Giu-đa. Một người trong số họ đã phạm vào tội ác y như tội của các thầy tế lễ cả. Thật ra, ông ấy đã phạm vào tội còn tệ hơn các thầy tế lễ cả rất nhiều. Ông đã được kêu gọi đến với tư cách cao cả và thiêng liêng ấy là làm người đồng hành cùng Đấng Mê-si-a, một trong những người đại diện cho Con và cũng là Đấng kế tự. Nhưng khi Con trai và cũng là Người thừa kế đến nhận hoa lợi thuộc về Ngài, Giu-đa đã không những chạy trốn đến chỗ người trông nom. Ông còn lạm dụng thông tin ông có được từ tư cách thiêng liêng của ông, và đã dẫn đường bọn họ đến nơi Chúa Jê-sus đang ở để họ bắt Ngài. Cả ông cũng làm điều đó vì tiền, và với món lợi ghê tởm đó ông đã mua cho mình một đám ruộng (1:16-19).

Dĩ nhiên các sứ đồ có thể, và đã dễ dàng sắp xếp một người khác thay vào chức vụ thiêng liêng của Giu-đa: họ không hề thiếu những người có đủ phẩm chất thích hợp vẫn giữ lòng trung thành với Chúa Jê-sus. Nhưng bản thân điều đó không giải quyết được nan đề kia.

Toàn bộ câu chuyện đáng khinh đó đã được toàn Giê-ru-sa-lem biết đến, và cái tên tục nổi tiếng mà thiên hạ đặt cho đám ruộng của Giu-đa giúp họ lưu giữ trong ký ức mọi chi tiết đẫm máu về cái chết của ông cứ như chuyện vừa mới xảy ra (1:19). Người ta có thể dễ dàng tưởng tượng điều người ngoài đường – hay ít nhất là một vài người trên một vài con đường – nói về điều đó: “Đó là bài học để đời về tôn giáo cho anh. Dù có là một tôn giáo lớn hay chỉ là một hệ phái nhỏ bé cuồng tín thì cũng không thành vấn đề. Khi anh chạm tới đáy của chúng, anh sẽ thấy rằng rốt cuộc chúng cũng chỉ đeo đuổi có một điều. Tiền bạc. Nhà đẹp. Ruộng vườn.”

Người sâu sắc sẽ đặt ra một câu hỏi còn đáng sợ hơn. “Anh nói Jê-sus là Con Đức Chúa Trời, Đấng Mê-si-a của Y-sơ-ra-ên, Chúa Cứu thế và là Đấng Phục hồi, đến để sửa lại các sai trật của chúng ta và để phơi trần việc các thầy tế lễ lạm dụng sai trái tư cách thiêng liêng của họ để kiếm tiền? Ngài không biết hay sao mà lại chọn người như Giu-đa làm một trong những đồng hành thân cận của Ngài, làm đại diện, nếu anh không phiền, ông ấy còn làm người giữ tiền của cả

nhóm của Ngài (Giăng 12:6)? Để cuối cùng Ngài đã trả giá rất đắt vì điều đó, bị phản bội và bị giết. Nếu Ngài thật sự là Con Đức Chúa Trời, Ngài đã phải biết Giu-đa là người như thế nào và đã không chọn ông ta. Rốt cuộc, nếu Ngài đã không biết làm thế nào để chọn một cộng sự tốt hơn, thì Ngài còn hy vọng gì vào việc phục hồi Y-sơ-ra-ên và thành lập vương quốc của Đức Chúa Trời?"

Khi Phi-e-rơ cuối cùng đã chỗi dậy và phát biểu trước nhóm người mà giờ đã lên đến một trăm hai mươi môn đồ, ông khẳng định rằng câu trả lời cho vấn đề nằm ở các chỉ dẫn của Đức Thánh Linh về việc của Giu-đa, được chép ở Thi thiên 69 và 109. Chúng ta có thể đặt câu hỏi, nhưng từ đâu mà Phi-e-rơ có ý tưởng cho rằng những Thi thiên này nói đến Giu-đa, rằng các chi tiết trong những thi thiên này có thể cung cấp một chỉ thị có thẩm quyền về điều cần phải thực hiện để giải quyết việc đào ngũ của ông ta?

Lu-ca đã nói cho chúng ta biết rồi (Lu ca 24:47, 44-47). Phi-e-rơ có ý tưởng đó, không phải bởi kiến thức về các nguyên tắc giải nghĩa Cựu ước của ra-bi trước kia của ông, cũng không phải từ sự ban cho của Đức Thánh Linh vào Lễ Ngũ tuần, nhưng từ chính Chúa Jê-sus. Thật khó tưởng tượng rằng khi khảo sát các sách Luật pháp, các sách Tiên tri, và Thi thiên, Đấng Christ lại loại bỏ hết tất cả những chi tiết liên quan đến Đa-vít, vị vua đầu tiên của dòng dõi Giu-đa, trong khi, với cương vị là Đấng Mê-si-a, Ngài là Đấng kế tự thuộc thể và thuộc linh của Đa-vít. Cũng thật khó mà tưởng tượng rằng Ngài đã không chỉ ra cách thức Đa-vít lên ngôi, trong khi mục đích tổng thể của việc khảo sát Cựu ước này là để thiết lập cách mà Đấng Mê-si-a phải chịu thương khó trước khi Ngài vào sự vinh hiển của mình (Lu ca 24:25-26).

Đa-vít, được Đức Chúa Trời xúc dầu và được xem như là một vị cứu tinh của Y-sơ-ra-ên bởi chiến thắng trong trận đấu với Gô-li-át và trong nhiều trận chiến khác với người Phi-li-tin, tuy nhiên – hay đúng hơn là bởi vì vậy – đã bị khước từ, bị bách hại, và bị tuyên án tử hình bởi người đứng đầu đất nước, và bị buộc phải chạy sang phía dân ngoại bang. Tuy nhiên, ở đó ông được Chúa bảo toàn cho đến lúc ông trở về, và được thừa nhận là vua, trước hết là bởi Giu-đa, tiếp

đến là Y-sơ-ra-ên. Sau đó, trong một cuộc dấy loạn của Áp-sa-lôm, không chỉ số đông dân chúng chống lại ông, và đáng lưu ý là có cả những nhân vật cấp cao trong Giu-đa, nhưng cả người bạn và là cố vấn A-hi-tô-phe cũng tỏ rõ là một kẻ phản bội khi tham gia với những người lập mưu và khuyên Áp-sa-lôm cách tốt nhất để tìm và diệt Đa-vít (II Sa. 17:1-4), y theo cách Giu-đa đã khuyên các thầy tế lễ cả cách tìm và bắt Chúa Jê-sus.

Chúa của chúng ta có thể đã dạy các môn đồ của Ngài rằng những điểm tương đồng nổi bật giữa kỹ thuật kinh nghiệm của Đa-vít và của Ngài không phải là tình cờ: chúng là thủy ấn trong mục đích và thiết kế tối hậu của Đức Chúa Trời xuyên suốt lịch sử cứu rỗi vốn được soi dẫn. Ngài có thể đã dạy họ thế nào những từng trải của Đa-vít, dầu bản thân chúng không phải là dự ngôn, có thể được gọi là những hình mẫu cần phải được ứng nghiệm ở bình diện cao hơn trong sự thương khó của Đấng Mê-si-a và là minh chứng cuối cùng, cũng giống như Lễ vượt qua của Y-sơ-ra-ên – dầu bản thân nó không phải là một dự ngôn – nhưng nó phải được ứng nghiệm trong sự chết và phục sinh mang mục đích cứu rỗi của Ngài (Lu ca 22:16). Thêm vào đó, Ngài có thể đã chỉ ra rằng vài kinh nghiệm mô tả trong các Thi thiên của Đa-vít đã đi xa hơn những gì Đa-vít từng trải qua. Chúng không tương đồng với kinh nghiệm của Đấng Mê-si-a: chúng là những dự ngôn trực tiếp về những kinh nghiệm đó; vì Đa-vít là một tiên tri và đã nói tiên tri dưới sự hướng dẫn của Đức Thánh Linh (xem nhận định của Phi-e-rơ, 2:29-31). Vậy thì chính lời dạy của Chúa Jê-sus đã đem Phi-e-rơ đến chỗ xác nhận về ý nghĩa tối hậu và ứng dụng thích hợp của Thi thiên 69 và 109.

Phi-e-rơ bắt đầu khi ông đứng lên trả lời thắc mắc về sự đào ngũ của Giu-đa (1:16), “Hỡi anh em ta, lời Đức Thánh Linh đã nhờ miệng vua Đa-vít mà nói tiên tri trong Kinh Thánh về tên Giu-đa, là đấng đã dẫn đường cho chúng bắt Đức Chúa Jê-sus, thì [đã] phải được ứng nghiệm...” [Đã] phải được. Hãy lưu ý đến thì quá khứ. Ở đây Phi-e-rơ đang nghĩ đến toàn bộ câu chuyện: phải có một Giu-đa và ông ta cần phải nắm giữ một vị trí cao như là sứ đồ, và rồi sa ngã vào hố sâu đáng khinh khi đã phản bội Chúa Jê-sus vì tiền. Điều đó đã phải xảy

ra. Vì sao đã phải xảy ra? Bởi vì Kinh thánh đã chỉ ra rằng nó phải xảy ra; và Kinh thánh chắc chắn phải được ứng nghiệm.

Tất nhiên đây không phải là thuyết định mệnh. Phi-e-rơ đang nói đến điều tương tự như Chúa Jê-sus đã từng nói, “Há chẳng phải Đấng Christ chịu thương khó thể ấy, mới được vào sự vinh hiển mình sao?” (Lu ca 24:26). “Phải chịu” bởi vì Môi-se và các Đấng tiên tri bằng nhiều cách, qua các hình mẫu, các điềm báo hay các dự ngôn rõ ràng, đã nói rằng Ngài sẽ phải chịu; và Kinh thánh phải được ứng nghiệm. Về phần mình, Giu-đa đã làm những điều đó bởi ý chí tự do của cá nhân ông. Đức Chúa Trời đã không hề bắt buộc ông, cũng như Ngài đã không buộc những người cai trị Y-sơ-ra-ên đóng đinh Chúa Jê-sus khi Ngài trao Chúa Jê-sus cho họ y theo mục đích và sự biết trước mà Ngài đã định (2:23). Giu-đa phải chịu trách nhiệm cho hành động của mình. Chúa Jê-sus đã phán khi có mặt Giu-đa rằng “Con người đi, theo như điều đã chỉ định; nhưng khốn cho người này phản Ngài!” (Lu ca 22:22; tham khảo Giăng 13:18-20).

Mặt khác, khi nhìn từ sự kiện này trở ngược về hình mẫu ban đầu, thì rõ ràng rằng sự kiện rất giống với hình mẫu, giống như in. Hãy xem điều mà việc này ngụ ý! Việc một trong các sứ đồ được chính Chúa Jê-sus chọn đã đào ngũ và phản bội Ngài không phải là một điểm yếu trong trường hợp của các sứ đồ, và phá hoại công bố rằng Chúa Jesus là Đấng Mê-si-a đã hứa bởi các đấng tiên tri trong Cựu ước và là điềm báo trong thơ ca và lịch sử Cựu ước. Ngược lại hoàn toàn! Điều đó làm cho nó mạnh mẽ thêm!

Sự việc về đám ruộng đã được mua bằng tiền của kẻ phản bội cũng tương tự như vậy. Các sứ đồ không cần phải hy vọng rằng người Giê-ru-sa-lem sẽ quên hết mọi việc về Giu-đa và đám ruộng Huyết của ông; Lu ca cũng không có lý do gì để bí mật loại bỏ mọi chi tiết liên quan trong tập này. Không! Hãy quảng cáo về nó thì hơn! Phải đảm bảo là ai nấy đều nhớ lý do Giu-đa cần phải được thay thế. Thật ra, hãy nhắc cho họ nhớ nếu như ở họ biểu hiện nguy cơ quên lãng, rằng đám ruộng được mua bằng tiền của kẻ phản bội – nơi Giu-đa đổi diện kết thúc nghiệt ngã vấy máu của ông – đã được dùng làm nghĩa trang. Không nghi ngờ gì nữa, hướng dẫn của Đức Thánh Linh qua

Đa-vít, “Nguyện chỗ ở chúng nó bị bỏ hoang, Chẳng có ai ở trong trại chúng nó nữa” (Thi. 69:25) (bởi sự lặp lại danh từ sở hữu số nhiều “chúng nó”) có ý bao gồm cả các thầy tế lễ và các lãnh đạo đất nước hiệp cùng với Giu-đa tiêu diệt Chúa Jêsus; và điều đó đã được định từ trước là phải được ứng nghiệm ở mức độ rộng hơn khi đền thờ của họ tại Giê-ru-sa-lem cuối cùng bị hủy diệt và bị bỏ hoang trong nhiều thế kỷ (Ma-thi-ơ 23:38). Nhưng trong trường hợp của Giu-đa và mảnh ruộng bị biến thành nghĩa trang của ông, điều đó đã được ứng nghiệm – toàn Giê-ru-sa-lem đều có thể nhìn thấy điều đó nếu họ nhìn vào – và được ứng nghiệm với sự mĩa mai sinh động và lời biện hộ khủng khiếp.

Nhưng chúng ta sẽ làm cho các sứ đồ, đặc biệt là Chúa Jêsus, trở nên bất công khủng khiếp nếu chúng ta tưởng tượng rằng các câu Kinh thánh vốn được các sứ đồ xem là huấn thị của Đức Thánh Linh, thật ra đã bị tùy tiện đem ra khỏi ngữ cảnh nguyên thủy vốn rất ít liên quan hay không hề liên quan đến Đấng Mê-si-a và việc Ngài bị Giu-đa phản bội. Hai câu trích dẫn này thật ra là một lời ngõ mời gọi trở về khám phá văn mạch gốc của phân đoạn này.

Ở Thi thiên 69, Đa-vít đang chìm ngập trong một nỗi buồn rầu sâu sắc dài lâu, vì thế, ông nài xin Đức Chúa Trời giải cứu ông – nhưng không thành công (câu 1-3). Ông đang gánh chịu sự ghen ghét của vô số kẻ thù hùng mạnh – những người quyết tâm tiêu diệt ông, dầu lòng ganh ghét của họ không đặt trên lý do chính đáng (câu 4). Lý do khiến họ ganh ghét lại là điều ít có thể là lý do nhất – ấy là vì ông đã quá nhiệt thành cho nhà Chúa, kết quả là ông đã nhận cho mình sự lăng mạ mà vào lúc này người ta đang ném vào Chúa Jêsus (câu 9). Nhiệt tâm trong ông bùng cháy mãnh liệt, mà sự phản bội lại tàn khốc vô cùng, đến nỗi các thành viên trong gia đình cũng không còn cảm thông với ông nữa, ông trở nên “kẻ lạ” với chính họ (câu 8).

Nhưng đây mới là điều làm tan nát cõi lòng: chính Đức Chúa Trời chứ không ai khác làm cho ông bị thương (câu 26). Người yêu mến và hiểu luật công bằng biết mình cần phải làm gì trong hoàn cảnh này: Đa-vít tự do xưng nhận tội lỗi và sai trật của ông (câu 5). Dầu vậy, điều đó mang đến trong ông một triều sóng khinh miệt và xấu hổ

(câu 7, 12, 20-22). Sẽ là vô ích nếu trông đợi sự cảm thông hay yên ủi: mật đắng và giấm là tất cả những gì ông nhận được (câu 20-22). Họ bắt bớ kẻ mà Đức Chúa Trời đã đánh (câu 26: không phải “những kẻ” như trong bản Anh ngữ NIV – Bản Truyền thống Việt ngữ dịch là “một kẻ”).

Thế là ông cầu nguyện: “Hỡi Chúa Giê-hô-va vạn quân, nguyên những kẻ trông đợi Chúa chớ bị hổ thẹn vì có tôi; Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên ôi! Nguyên kẻ nào tìm cầu Chúa chớ bị sỉ nhục tại vì việc tôi” (câu 6). Có vẻ như có một số người đã gắn kết đức tin của họ nơi Đức Chúa Trời với niềm tin của họ nơi Đa-vít, cùng tất cả mọi công việc ông đã làm và đã đại diện trong tư cách là người được xức dầu của Đức Chúa Trời. Bây giờ Đức Chúa Trời đã đánh ông trước sự vui mừng lớn của kẻ thù của ông, những người ủng hộ ông kia đang gặp nguy với cảm giác đau buồn suy sụp, với việc đánh mất niềm tin nơi Đa-vít, và có lẽ cả nơi Chúa nữa. Vì vậy, ông cầu xin Chúa cứu ông (c. 1), giải cứu và giải thoát ông vì có những kẻ thù nghịch của ông (c.18), và đừng giấu mặt Ngài khỏi ông nữa, nhưng binh vực ông, và giáng trên kẻ thù nghịch ông những hậu quả họ đáng nhận (c. 22-24), kể cả việc khiến cho nhà họ bị bỏ hoang.

Không ai trong số 120 môn đồ trên phòng cao có thể đọc lời kêu than của Đa-vít mà không lập tức nhìn thấy mối liên quan của nó với tình huống họ đang đối diện. Thậm chí sớm hơn, vào lần dọn sạch đền thờ đầu tiên một vài người trong số họ đã được gọi nhớ đến câu “Vì sự sốt sắng về đền Chúa tiêu nuốt tôi” (Thi. 69:9) khi họ nhìn thấy đôi mắt nảy lửa và dây roi của Chúa Jêsus mang đến cho Ngài mối thù địch không nguôi từ những quan chức trông coi đền thờ (Giăng 2:17). Bạn hữu của Ngài đã nghĩ rằng Ngài đã mất trí khôn (Mác 3:21), và anh em Ngài không tin Ngài (Giăng 7:5), dù vậy, cùng với 120 môn đồ (Công vụ 1:14), họ đã nghĩ rất khác và việc suy gẫm câu Kinh thánh và Thi thiên này đã làm mạnh mẽ đức tin của các môn đồ (Giăng 2:22).

Ngay trước khi chịu thương khó, Đấng Christ đã trích dẫn câu 4 của Thi thiên này để chuẩn bị các sứ đồ Ngài đối diện những điều đang chờ ở phía trước. Ngài đã chỉ đến từng trải đó của Đa-vít, “Họ

ghét ta vô cớ,” đã được ứng nghiệm nhiều lần trên Ngài (Giăng 15:25), và Ngài đã cảnh báo rằng họ có thể trông chờ thế giới đối xử với họ theo cách tương tự khi họ bắt đầu làm chứng về Ngài sau khi Ngài đi (Giăng 15:18-25; 16:1-4). Nhưng bây giờ, khi họ suy ngẫm về Thi thiên này trên phòng cao, họ sẽ phải nhớ cho đến lúc mặt của họ ửng đỏ lên vì sự thật là họ cảm thấy xấu hổ cùng cực khi Ngài bị kết án và bị đóng đinh. Họ có thể mừng rỡ lại những trận bão khinh miệt đổ trên đầu Ngài tại Gô-gô-tha khi các thầy tế lễ cả nhieć mớć “Nhà cải cách đền thờ” và việc Ngài tự xưng là Con Đức Chúa Trời (Ma-thi-ơ 27:39-43).

Họ sẽ rùng mình đối với ký ức về mặt đắng và giấm, một ẩn dụ trong trường hợp của Đa-vít (Thi thiên 69:21), nhưng lại là sự thật tàn bạo trong trường hợp của Đấng Christ; và rùng mình đối với sự kinh hoàng khôn xiết trong màn tối dày đặc đánh đổ đức tin của họ không chỉ nơi Đấng Christ mà còn nơi công lý của Đức Chúa Trời khi các thầy tế lễ cả gian ác diễu hành ngang qua thập tự mà không hề hấn gì, trong khi Chúa Jêsus phải kêu lên rằng Đức Chúa Trời đã đánh và lia bỏ Ngài. Khinh miệt, sỉ nhục, xấy hổ, nhục nhã, đàn áp cay độc trên người Đức Chúa Trời đã làm cho bị thương – họ đã biết quá rõ tất cả những điều mà Thi thiên 69 mô tả.

Bây giờ thì tất nhiên họ đã hiểu rằng, không giống với Đa-vít, Chúa Jêsus đã bị thương không phải vì tội lỗi của cá nhân Ngài mà vì tội của họ; Ngài đã mang tội lỗi của nhiều người và đã phó sự sống của Ngài làm giá chuộc cho họ. Họ không còn xấu hổ vì Ngài; họ không còn cảm thấy hổ thẹn vì Ngài nữa (Thi. 69:6). Những dòng thác lũ đã không nhấn chìm hay nuốt chửng Ngài; hố sâu không thể giữ được Ngài mãi mãi (Thi. 69:15).

Nhưng trong vài ngày nữa các sứ đồ sẽ phải đi ra và đối mặt không chỉ với những đám đông tại Giê-ru-sa-lem nhưng với chính những người cai quản đền thờ đã đóng đinh Chúa Jêsus. Vì vậy họ phải chuẩn bị lời chứng. Họ không thể xuất hiện trước công chúng với chỗ khuyết do sự đào ngũ của Giu-đa: điều đó sẽ khiến nhầm tưởng là họ không có nhân chứng khác đủ tiêu chuẩn và khả năng để điền vào vị trí của ông. Vì vậy, họ đã để sự dạy dỗ của Đức Thánh

Linh qua Thi thiên 109:8 hướng dẫn họ, “Nguyện kẻ khác chiếm lấy chức phận nó đi.” Phi-e-rơ đã sử dụng từ *dein* lần thứ hai, và lần này ở thì hiện tại (1:22), khi ông nói: “Cần phải giải quyết xong việc này,” “nội những kẻ đã theo cùng chúng ta trọn lúc Đức Chúa Jêsus đi lại giữa chúng ta... phải có một người làm chứng cùng chúng ta [các sứ đồ] về sự Ngài sống lại.”

Có quá nhiều bằng chứng để nói rằng Thi thiên 69 báo trước về việc Đấng Christ bị chối bỏ bởi các lãnh đạo của đất nước và số phận của kẻ phản bội Ngài, đến nỗi sự đảo ngũ của Giu-đa đã làm vũng mạnh, chứ không phải là suy yếu vụ việc Chúa Jêsus là Đấng Mê-si-a được hứa ban. Bây giờ hãy xem xét một Thi thiên khác.

Vụ tố tụng chấn động của Lịch sử

Câu chuyện về sự gian khó của Đa-vít ở Thi thiên 109 được diễn đạt bằng ngôn ngữ của tòa án. Ba lần ông nhắc đến những người tấn công và buộc tội ông như là kẻ cáo buộc (Hê-bơ-rơ: *sa-tan*; c.4, 20, 29 – *sa-tan* nghĩa là kẻ kiện cáo – ND).

Đối thủ của ông đã “lấy dữ trả lành, lấy ghét báo thương” (c. 5). Vì vậy, ông cầu xin rằng đến khi người này bị xét đoán, Đức Chúa Trời sẽ đặt một kẻ gian ác đoán xét ông ta cùng với một kẻ thù ngồi bên hữu làm cố vấn trong khi truy tố (c. 6-7).

Vì vậy Thi thiên nguyên mẫu này mời chúng ta xem xét tranh chấp giữa Jêsus Na-xa-rét với các nhà lãnh đạo tôn giáo của Do Thái giáo theo trình tự của tòa án. Có đủ lý do để làm như vậy: đây là vụ tố tụng gây chấn động lớn nhất trong lịch sử của hành tinh. Dĩ nhiên Chúa Jêsus đã bị đem ra xét xử theo nghĩa đen trước các thầy tế lễ cả và hội đồng, bị kết tội, bị tuyên án tử hình, và bị trao cho quân La Mã xử tử. Nhưng sự phục sinh đã khiến cho vụ án phải được mở lại. Hay đúng hơn là nó cho thấy rằng vụ án đã được thụ lý bởi Tòa Chung thẩm Tối cao, vốn đã đưa ra một phán quyết không thể tranh cãi chống cự Chúa Jesus. Theo mô tả của Thi thiên 109:25, Ngài đã là một tiêu điểm cho những kẻ kết tội Ngài sỉ nhục; và họ đã “lắc đầu” khi đi ngang qua cây thập tự nơi Ngài bị treo (Mác 15:29-32). Nhưng Đức Chúa Trời đã “đứng bên hữu [Ngài],” như là một trạng sư biện

hộ trong phiên tòa thời xưa, Đức Chúa Trời đã bào chữa vụ việc của Ngài, đã thắng kiện, đã biện hộ thành công rục rờ khi khiến Ngài từ kẻ chết sống lại, bởi đó khiến mọi người đều nhìn biết rất rõ ràng rằng “ây đây là tay Chúa, Chính Ngài, Đức Giê-hô-va ơi, đã làm điều đó” (Thi. 109:25-31). Trong vài ngày nữa Đức Thánh Linh sẽ đến để ban hành phán quyết của Tòa án Tối cao (Giăng 16:8-11). Ngài sẽ khiến thế gian tự cáo về tội lỗi mình vì đã chối không tin vào Con Đức Chúa Trời nhập thể; sẽ chứng minh cho họ lẽ phải của vụ án. Ngài đã “đến cùng Cha,” Đức Chúa Trời đã xưng Ngài là công nghĩa, nghĩa là tuyên bố và chứng minh rằng Ngài đã đúng, còn các thầy tế lễ vốn là thẩm phán của Ngài đã sai. Cuối cùng, Jê-sus chính là Con và Người kế tự của Ông Chủ vườn nho.

Hơn nữa, khi Đấng Bênh vực vĩ đại theo đuổi công việc bào chữa của Ngài, thì các sứ đồ – như Đấng Christ đã hứa (Giăng 25:26-27) – cũng sẽ có vinh dự cao trọng khi làm người phát ngôn của Ngài “bởi vì họ đã ở cùng với Đấng Christ từ khi Ngài bắt đầu thi hành chức vụ” (tham khảo 1:21-22). Giu-đa, cũng có thể đã có vinh dự đó. Nhưng ông đã chọn cách đào ngũ phản bội; sự đào ngũ phản bội vốn làm ứng nghiệm lời Kinh thánh của ông là một mảnh bằng chứng nữa bênh vực vụ tố tụng mà Đức Thánh Linh đảm trách.

Sự Phán bội lớn

Nhưng vụ tố tụng không thể dừng lại ở đó; như đã trình được bày cho đến lúc này, nó nêu lên một câu hỏi cơ bản hơn. Đành rằng Đức Chúa Trời đã nhìn thấy trước Giu-đa sẽ phản bội Chúa Jesus, và Ngài đã cho phép sự phản bội này được tiên báo trong Kinh thánh để khi nó xảy ra ai nấy đều có thể nhìn thấy là mọi việc đang được diễn ra theo đúng mục đích và sự biết trước đã định từ trước của Đức Chúa Trời. Nhưng tại sao phải có một kẻ phản bội trong câu chuyện? Nếu Đấng Christ không chọn một người phản bội thì sẽ không cần phải tiên báo về việc Ngài sẽ chọn. Hay nói theo hướng ngược lại, nếu Kinh thánh không có định trước rằng một trong các sứ đồ sẽ là kẻ phản bội, thì Đấng Christ không cần phải chọn rồi đánh mất Giu-đa hầu cho Kinh thánh có thể được ứng nghiệm (Giăng 17:12).

Câu trả lời dường như là đến chừng nào Đức Chúa Trời còn liên

quan, thì điều đó đã được định để làm lộ rõ bản chất căn bản của tội lỗi. Đó là một nỗi nhục khủng khiếp của các thầy tế lễ Do Thái giáo, vì bảo vệ mỗi lợi tiền tài bất chính của bản thân, đã sát hại Con của Đấng mà họ thờ phượng. Thậm tệ hơn nữa là nỗi nhục của một sứ đồ – có chung động cơ (nhưng tiền bỏ vào thì ít hơn rất nhiều) – phản bội Đấng kế tự của Vũ trụ. Nhưng những hành động này không phải là biểu hiện ngoại lệ, hiếm hoi chưa từng được nghe đến về tình trạng lòng người. Đức Chúa Trời đã cho phép toàn bộ câu chuyện được tiên báo trong lịch sử của Đa-vít và trong ghi chép được soi dẫn của lịch sử đó, để khi điều đó xảy ra với Đấng Mê-si-a nó không được xem như là một sự lặp lại đơn thuần hay tình cờ, nhưng là điều khởi phát từ khiếm khuyết cơ bản chết người, ấy là thái độ của loài người đối với thế giới và đối với Đức Chúa Trời.

Sứ đồ Giu-đa này đã phản bội Con Trời; các thầy tế lễ Do Thái bắt giam Ngài; Phi-lát do bị dồn ép đã đóng đinh Ngài. Cây thập tự cắm sâu vào trong đất đó bày tỏ điều đã nằm và vẫn nằm trong lòng đất từ khi loài người sa ngã! Gô-gô-tha là miệng của ngọn núi lửa mà qua nó, vào một giai đoạn lịch sử, sự phản bội của toàn thế giới đối với Đấng Tạo hóa của nó đã phun trào. “Ngôi Lời ở thế gian, và thế gian đã làm nên bởi Ngài; nhưng thế gian chẳng từng nhìn biết Ngài. Ngài đã đến trong xứ mình, song dân mình chẳng hề nhận lấy.” (Giăng 1:10-11)

Đây chính là gốc rễ các nan đề của thế giới. Thế giới, vũ trụ, có một Ông chủ; loài người thật ra chỉ là người làm công, là tôi tớ. Nhưng loài người không hài lòng với địa vị làm công. Họ sống như thể Người chủ đất không có quyền mong đợi bất kỳ nghĩa vụ yêu thương, vâng phục, tận hiến, và phục vụ gì từ họ. Họ sống như thể không hề có Ông chủ nào cả. Tệ hơn nữa, từng người trong bọn họ khao khát làm chủ theo thẩm quyền của riêng mình. Họ không yêu thương Con trai của Ông chủ, Đấng mà vì Ngài vũ trụ này được tạo nên, là Cơ sở của mọi tạo vật trong vũ trụ, là Đấng duy trì sự ổn định tồn tại của vũ trụ, và là Đấng giải cứu và là Đấng phục hồi (Cô-lô-se 1:16-20).

Đến chừng nào Ngài còn giữ khoảng cách với họ, dĩ nhiên thế

giới sẽ không màng đến Ngài. Thậm chí họ có thể có đời sống tin kính đáng kể. Nhưng khi Ngài đến gần, khẳng định quyền sở hữu của Ngài, và đòi hỏi các quyền lợi thuộc về Ngài – thì chống đối nổ ra. Con người đã quen thuộc với việc sống như thể họ là chủ sở hữu cuộc sống của mình. Họ tố cáo đòi buộc của Ngài là chuyên chế. Để đấu tranh cho độc lập của mình, nếu cần họ chấp nhận cái giá chối bỏ thẳng thừng Con Đức Chúa Trời. Đó chính là cái được gọi là “thế gian”.

Giờ thì Đấng Christ đã sống lại rồi. Đến một ngày kia Ngài sẽ phục hồi vũ trụ mà Ngài kế tự. Nhưng trong khi chờ đợi để nhận từ Chúa Cha “mọi miền của thế giới làm vật sở hữu của Ngài,” và chờ đợi Đức Thánh Linh biện hộ vụ tố tụng của Ngài với thế gian, thì Ngài ban cho chúng ta vinh dự làm nhân chứng cho Ngài trong cuộc tranh chấp này. Giu-đa cũng có thể có vinh dự thiêng liêng đó, nhưng ông đã chọn điều ngược lại. Ông thích tiền hơn; ông muốn làm chủ một đám ruộng.

Ông đã chết ở đó, trong chính đám ruộng đó, một cái chết ghê rợn. Ruộng của ông trở nên hoang vu; các thầy tế lễ, đồng lõa của ông, biến nó thành nơi chôn cất người chết. Đám ruộng Huyết the lương của ông vẫn còn mang lời cảnh báo. Nếu vì bảo an cho mảnh ruộng bé nhỏ của mình ở thế gian mà chúng ta chối bỏ, phản bội, hay bán Đấng Tạo hóa và Phục hồi của thế giới, là Cội rễ của sự sống (3:15), thì làm thế nào mảnh ruộng nhỏ bé của chúng ta không phải là cái chết của chúng ta và quăng chúng ta vào sự hủy hoại vô phương cứu chuộc?

Dĩ nhiên, một số người cố ý đứng về phe đối lập trong cuộc tranh chấp này. Họ phủ nhận sự hiện diện của Đấng làm chủ. Họ phủ nhận rằng Chúa Jêsus đã sống lại từ cõi chết. Họ nói, dù là cải thiện hay phục hồi nào trên trái đất, dù là niềm hy vọng nào cho tương lai của nhân loại trên hành tinh này cũng nằm duy nhất ở trong nhân loại.

Họ cũng có thể suy ngẫm về sự hoang vu của đám ruộng của Giu-đa theo cách có lợi. Chúng ta được cho biết là các thầy tế lễ đã dùng đám ruộng của Giu-đa bày tỏ lòng từ thiện đầy tin kính khi sử dụng nó làm nơi chôn cất cho người ngoại bang (Ma-thi-ơ 27:7). Trong tư

tướng hiện đại, nó ban tặng cho những người ngoại bang may mắn cái đặc ân được ở ngay tại trung tâm của mọi vật khi thời đại của Đấng Mê-si-a bắt đầu, sự phục sinh xảy ra, Vua và cũng là Đấng Mê-si-a được lập nên tại Giê-ru-sa-lem. Nhưng nếu Chúa Jê-sus Christ không phải là Con Trời sống lại từ cõi chết thì mọi hy vọng về bất kỳ sự phục sinh nào khác đều vô vọng (1 Cô. 15:12-19); vì, như điều các nhà khoa học nói cho chúng ta biết, rằng cuối cùng hành tinh của chúng ta sẽ phải chịu số phận trở thành không chỉ là nghĩa trang, mà là lò thiêu của nhân loại.

LỄ NGŨ TUẦN VÀ NGÀY CỦA CHÚA (2:1-47)

Nếu việc Chúa Jê-sus là Con của Ông chủ vườn nho là thật, và thêm nữa còn là Đấng kế tự của toàn vũ trụ, và nếu thật sự Ngài đã bị quăng ra khỏi vườn nho của Ngài và bị đóng đinh bởi những tạo vật của Ngài, thì điều xảy ra tại Lễ Ngũ tuần bày tỏ một tấm lòng thương xót khó có thể tin được. Một câu chuyện dễ tin hơn sẽ là câu chuyện về các “lưỡi lửa” được giáng xuống từ trời vào dịp Lễ Ngũ tuần để đốt trụ và thiêu rụi từng viên đá của Giê-ru-sa-lem và mọi thứ trong nó.

Theo như sự việc đã thực sự xảy ra, thì những lưỡi lửa đó xuất hiện để công bố với những kẻ giết Chúa Jê-sus rằng Ngài đã được khiến sống lại từ kẻ chết và đã thăng thiên về bên hữu Đức Chúa Trời; sự xuất hiện của các lưỡi lửa là để cải lẽ về vụ án của Jê-sus mà họ đã giết và chứng minh rằng Ngài vừa là Chúa vừa là Đấng Mê-si-a; vì vậy nên bây giờ – đến phần đáng kinh ngạc – họ và toàn nhân loại được ban cho sự ân xá và tha thứ, cùng với món quà trước nay chưa từng có, ấy là đời sống mới và một mối liên hệ mới với Đức Chúa Trời.

Điều đó không có nghĩa là phủ nhận việc một ngày kia một loại lửa rất khác sẽ được giáng xuống. Việc ném Con Trời cũng là Đấng kế tự ra ngoài không biến trái đất thành một căn nhà đóng kín, càng không phải là một pháo đài bất khả xâm phạm, là nơi nhân loại có thể chống lại mọi sự xâm lăng, hay ngăn cản sự can thiệp từ bên ngoài. Con người có thể sống như thể họ làm chủ thế giới, nhưng họ vẫn chỉ là người làm thuê, và Chủ đất đã lập kế hoạch cho việc tái phát triển.

Ngài sẽ không đợi mãi bởi vì Con và Người kế tự của Ngài sẽ nhận lấy phần sản nghiệp và phục hồi trái đất y như điều Ngài đã hoạch định.

Đức Chúa Trời không giữ kín các kế hoạch đầy vinh hiển của Ngài. Sự khuất phục của thiên nhiên trước sự tan vỡ, bại hoại, và đau đớn chỉ là tạm thời: thiên nhiên cuối cùng sẽ được giải phóng, và được tái tạo cách sáng láng (Rô. 8:20-21). Nhưng sẽ là vô nghĩa và cũng không thể giải thoát thiên nhiên khỏi xiềng xích của sự bại hoại rồi cứ để nó ở dưới sự kiểm soát của loài người tội lỗi, nổi loạn, vậy nên trước hết điều mà Kinh thánh gọi là “Ngày của Chúa” phải xảy đến.

Đầu tiên sẽ là sự rung chuyển của vũ trụ trên diện rộng, ngày đó sẽ khởi động những phán quyết lời đing trên toàn thể những người làm công cứng cổ không chịu ăn năn, tiêu diệt cuộc nổi loạn của họ và loại bỏ họ.

Các tiên tri Cựu ước là những người đầu tiên nói về Ngày của Chúa, cùng với sự rúng động toàn vũ trụ đầu tiên của ngày đó; nhưng chính Đấng Christ đã sử dụng ngôn ngữ tương tự vậy để mô tả những điều xảy ra trước khi Ngài trở lại:

Sẽ có các điềm lạ trong mặt trời, mặt trăng, cùng các ngôi sao; còn dưới đất, dân các nước sấu nã rối loạn vì biên nổi tiếng om sòm và sóng đảo. Người ta nhân trong khi đợi việc hung dữ xảy ra cho thế gian, thì thất kinh mất vía, vì các thế lực trên trời sẽ rúng động. Bấy giờ thiên hạ sẽ thấy Con người dùng đai quyền đại vinh mà ngự đến trên đám mây (Lu ca 21:25-27).

Sứ đồ Phao-lô cũng đã viết tương tự rằng Ngày của Chúa sẽ giống với sự hiện ra của Chúa Jêsus

Từ trời hiện đến với các thiên sứ của quyền phép Ngài, giữa ngọn lửa hùng, báo thù những kẻ chẳng hề nhận biết Đức Chúa Trời, và không vâng phục Tin Lành của Đức Chúa Jêsus Christ chúng ta. Họ sẽ bị hình phạt hư mất đời đời, xa cách mặt Chúa và sự vinh hiển của quyền phép Ngài (ITê-sa. 1:7-9; 2:1-2).

Mặt khác, Đức Chúa Trời đã hứa qua tiên tri Giô-ên trong Cựu ước rằng Ngày lớn và rực rỡ của Chúa sẽ xảy ra không phải sau một mà là hai sự kiện có phạm vi và ý nghĩa trên toàn thế giới; và vì chúng ta chuẩn bị nghe Phi-e-rơ trích dẫn lời tiên tri đầy đủ chi tiết, chúng

ta cũng có thể chuẩn bị chính mình khi đọc lời này:

Sau đó, ta sẽ đổ Thần ta trên cả loài xác thịt;
con trai và con gái các người sẽ nói tiên tri;
những người già cả các người sẽ thấy chiêm bao,
những kẻ trai trẻ các người sẽ xem sự hiện thấy.

Trong những ngày đó,
dầu những dây tở trai và dây tở gái, ta cũng đổ Thần ta lên.
Ta sẽ tỏ những sự lạ ra trong các tầng trời và trên đất:
tức là máu lửa, và những trụ khói.

Mặt trời sẽ đổi ra tối tăm, mặt trăng ra máu,
trước khi ngày lớn và kinh khiếp của Đức Giê-hô-va chưa đến.

Bấy giờ ai cầu khẩn danh Đức Giê-hô-va thì sẽ được cứu;
vì theo lời Đức Giê-hô-va, thì ở trên núi Si-ôn và trong Giê-ru-sa-lem,
sẽ có những người trốn khỏi,
và trong những người còn sống sót,
sẽ có kẻ mà Đức Giê-hô-va kêu gọi. (Giô-ên 2:28-32)

Vậy Giô-ên cho biết rằng có hai sự kiện xảy ra trước Ngày của Chúa, cả hai đều ngoạn mục và có ảnh hưởng đến toàn vũ trụ, nhưng lại hoàn toàn khác nhau, nên không thể hình dung là chúng có thể xảy ra cùng một lúc. Ông cho biết sự kiện thứ hai trong hai sự kiện sẽ gây rối loạn khủng khiếp trên mặt đất và trên toàn vũ trụ. Những sự rối loạn này xảy ra bao lâu trước ngày lớn đó Giô-ên không nói cụ thể; nhưng rõ ràng chúng là các hình mẫu báo hiệu về sự phán xét mà Ngày của Chúa sẽ mở ra.

Sự kiện còn lại – vốn được đề cập như là điều sẽ xảy ra trước ngày lớn – sẽ là một rối loạn siêu nhiên trên các quy luật trên trái đất; đó không phải là rối loạn về thể vật lý mà về thể tâm linh. Không phải là một cơn lũ thịnh nộ chưa từng có của Đức Chúa Trời, mà là một sự tuân đổ Thánh Linh của Đức Chúa Trời trước nay chưa từng xảy ra; không phải là sự hủy diệt cả thế giới, mà là sự cứu rỗi cho toàn thế giới; không phải là một khúc dạo đầu kinh khiếp cho Ngày lớn của Chúa, mà là sự nếm trước và trái đầu mùa của sự phục hồi sẽ xảy ra.

Và chính sự kiện rực rỡ thứ nhất này, điều mà Phi-e-rơ bảo cho đám đông sống sót đó đang xảy ra trên đường phố Giê-ru-sa-lem ngay trước mắt của họ. Họ đã giết Con của Đức Chúa Trời và là Đấng kế tự; nhưng sự chết của Ngài không thể vô hiệu hóa lời hứa về Đức Thánh Linh: nó tạo điều kiện để lời hứa đó được ứng nghiệm.

Lời hứa này dành cho họ và con cái của họ, và thật ra là cho cả thế giới mà Chúa Jêsus kêu gọi (2:39). Lời hứa vẫn còn hiệu lực. Một vài người đã nhận được món quà đầy ân điển đó; họ cũng có thể đã nhận nếu họ muốn; vì món quà đó hoàn toàn miễn phí. Đó chính là Đức Thánh Linh. Không phải chỉ một trong nhiều món quà hay ân tứ của Đức Thánh Linh mà Đức Chúa Trời trang bị con dân của Ngài để họ phục vụ Ngài, mà chính là Đức Thánh Linh. “Hãy hồi cải, ai nấy phải nhận danh Đức Chúa Jêsus chịu phép báp-tem, để được tha tội mình, rồi sẽ được lãnh sự ban cho [trong bản tiếng Anh – the gift – ở dạng số ít] Đức Thánh Linh” (2:38). Họ đã giết Con của Đức Chúa Trời; Ngài ban cho họ Đức Thánh Linh của Ngài. Họ đã đóng đinh Ngôi Hai trong Ba Ngôi Đức Chúa Trời; Ngài ban cho họ Ngôi Ba. Họ đã quăng Con của Đức Chúa Trời ra khỏi vườn nho với hy vọng sẽ kế thừa vườn nho; bây giờ Ngài mời họ nhận lãnh Thánh Linh của Đức Chúa Trời không chỉ vào trong vườn nho nhưng vào trong chính mỗi tấm lòng của họ, để làm nguồn sống vĩnh cửu của họ, để làm món tiền cọc và sự đảm bảo về một của thừa kế vô hạn và không bị hư mất.

Món quà được ban cho trên phạm vi toàn vũ trụ: “Ta sẽ đổ Thần ta trên cả loài xác thịt.” Trong thời Cựu Ước Đức Thánh Linh đã đến trên loài người và soi dẫn để họ thực hiện những công việc có liên quan đến sức mạnh hay kỹ năng, hay để nói tiên tri. Nhưng họ là một số rất ít người được lựa chọn. Còn bây giờ Đức Thánh Linh được ban cho một cách rộng rãi: người nam và người nữ, người trẻ lẫn người già, không hề phân biệt.

Hơn nữa, họ không cần phải sợ hãi về sự hiện đến của Ngày lớn và rục rờ của Chúa, cùng với những dấu hiệu kinh khiếp cùng sự phán xét của ngày đó. Phương cách cứu rỗi vẫn y như điều Đức Chúa Trời đã phán qua Giô-ên, và vẫn có giá trị trên phạm vi toàn vũ trụ: “ai cầu khẩn danh Chúa thì sẽ được cứu.” (2:21). Chỉ có điều bây giờ Đấng mà họ cần phải cầu khẩn chính là Jêsus mà họ đã đóng đinh. Ngài đã sống lại và được tôn cao. Đức Chúa Trời đã tôn Ngài lên làm Chúa và cũng là Đấng Christ (2:36); và điều đó là mục đích chính của sự giáng lâm của Đức Thánh Linh, để chứng minh cho họ rằng sự thật vốn là như vậy.

Lời chứng của Đức Thánh Linh về Đấng Christ

Mỗi chi tiết của Ngày Lễ Ngũ tuần bày tỏ rằng mục đích chính của sự giảng lâm của Đức Thánh Linh là để làm chứng về Chúa Jêsus. Điều này dần lộ ra trong bài giảng đỉnh điểm vang dội của Phi-e-rô: “Vây, cả nhà Y-sơ-ra-ên khá biết chắc rằng Đức Chúa Trời đã tôn Jêsus này, mà các ngươi đã đóng đinh trên thập tự giá, làm Chúa và Đấng Christ” (2:36). Nhưng thật ra đã xuất hiện trong phép lạ vốn xảy ra trước đó và chuẩn bị phương hướng cho bài giảng của ông. Đó là phép lạ về sự nói tiếng mới.

Yếu tố chủ đạo trong lời chứng của Đức Thánh Linh luôn là lời phát ngôn. Dĩ nhiên Ngài đã ban năng quyền cho các sứ đồ để thực hiện nhiều dấu kỳ và phép lạ vào lúc này hay lúc khác, cả hai đều là để xác thực và minh họa điều đã được nói (2:43; 3:6-10; 4:29-30; 5:12-16). Nhưng nếu không có ngôn từ để giải thích ý nghĩa quan trọng của chúng, thì không ai có thể biết ý nghĩa quan trọng đó là gì, hay những phép lạ đó làm chứng về điều gì. Không có ngôn từ thì không ai có thể tiến đến chỗ tin nhận Chúa Jêsus là Đấng Christ, hay có thể hiểu được cả điều kiện lẫn nội dung thật của sự cứu rỗi vốn đã có sẵn qua Ngài. Vì vậy, ngôn từ phải được đặt ở vị trí ưu thế; và vì ngôn từ đó cần được phát ngôn qua môi miệng của loài người, nên điều cần yếu đầu tiên là xác thực kênh truyền thông.

Vì vậy, phép lạ vĩ đại đầu tiên của Lễ Ngũ tuần không nằm ở một vài hành động thêm thắt từ bên ngoài – nghĩa là bên ngoài sứ điệp và người rao truyền sứ điệp, ví dụ như phép lạ xảy ra sau đó trên người què (3:1-10). Nhưng phép lạ nằm ở chính quá trình mà bởi đó sứ giả nói. Điều thiết yếu để một phép lạ hiệu quả không chỉ là việc các sứ đồ cần phải công bố những điều kỳ diệu của Đức Chúa Trời bằng những ngôn ngữ mà họ chưa bao giờ học biết và vẫn không hiểu được, nhưng ở chỗ những điều các sứ đồ nói thì mọi người ở trong đám đông có thể hiểu vì được nói bằng ngôn ngữ riêng của xứ họ sinh ra. Chính đám đông có thể nhận thấy rằng họ đang ở trong sự hiện diện của một phép lạ không thể chối cãi và rằng sứ điệp mà họ được nghe sau đó có dụng ý, và dành cho họ – đầu cho họ đến từ phần nào của thế giới. Khi nói bằng những ngôn ngữ mà không ai trong số họ

lẫn trong đám đông có thể hiểu, và là thứ tiếng vô nghĩa đối với họ, thì sẽ không được đám đông ca ngợi như là một phép lạ, mà như là một dấu hiệu xáo trộn tâm thần hay tệ hơn. Theo tự nhiên, ấn tượng đầu tiên mà vài người có khi họ tham gia vào đám đông ngày càng gia tăng là những tiếng bập bẹ rời rạc khiến họ kết luận là do say rượu. Ví dụ, khi người Phi-ri-gi rẽ đám đông chen vào, họ sẽ nghe ai đó nói ngôn ngữ Phi-ri-gi rất lưu loát dễ hiểu, và vì rõ ràng người nói là một người Ga-li-lê vốn không biết tiếng Phi-ri-gi (2:7), thì quả nhiên đó là một phép lạ. Tương tự như vậy cho tất cả các nhóm ngôn ngữ đang hiện diện.

Chủ đề mà tất cả các sứ đồ đang nói trong ngôn ngữ của họ là các công việc quyền năng của Đức Chúa Trời (2:11). Theo thói thường, có lẽ nhiều người trong đám đông có thể đã nghiêng theo khuynh hướng quy cho câu chuyện kể về những hành động quyền năng của Đức Chúa Trời là do lòng nhiệt thành tôn giáo và trí tưởng tượng của những người phát ngôn hơn là những ghi chép khách quan của lịch sử. Nhưng bây giờ chính tiến trình mà họ nói về những hành động quyền năng lại là một hành động quyền năng. Ngay tại trước mắt họ những quy luật thông thường trong thế giới đã bị lấn át bởi quyền năng siêu nhiên của Đức Chúa Trời. Tất cả những điều đó có nghĩa là gì?

Phi-e-rơ đã chỗi dậy giải thích điều đó là gì, và có ý nghĩa gì; rất nhanh sau đó ông nhắc họ về những hành động quyền năng khác vừa xảy ra. Suốt ba năm qua các quy luật của thiên nhiên đã nhiều lần bị tạm ngưng hay thậm chí bị đảo ngược trên suốt chiều dài và chiều rộng của xứ Palestine. Jê-sus người Na-xa-rét đã thực hiện những hành động đầy quyền năng, kỳ diệu, lạ lùng (2:22). Nhiều người dân địa phương đã trực tiếp kinh nghiệm các phép lạ; và những người du khách đến tham dự lễ Vượt qua vào thời điểm Ngài chết đã được nghe từ những cuộc đối thoại và thảo luận vô tận tại đền thờ và trong thành trước cuộc hành hình (xem ví dụ Giăng 11:56, 17-18). Mọi người đều nghe về bản chất và phẩm chất của những phép lạ đó. Không có phép lạ nào là một biến dạng kỳ dị của thiên nhiên, không phép lạ nào đơn thuần chỉ để phô trương quyền lực, hay chỉ là một

cuộc triển lãm pháo hoa siêu nhiên. Mỗi một phép lạ là một sản phẩm của lòng thương xót, sản sinh ra sự sống và bình an, sự toàn vẹn về tinh thần và thể chất, giải thoát khỏi sợ hãi và xiềng xích, để đến với niềm vui, tự tin, và thỏa mãn. Ngoại lệ duy nhất là việc rửa sả cây vả, nhưng điều đó không làm hại bất kỳ ai, mà chuyển tải một bài học thuộc linh lành mạnh. Năng quyền lấn át thiên nhiên qua Jêsus người Na-xa-rét không hề là năng quyền xa lạ. Những phép lạ của Ngài bày tỏ “không chỉ là một vị thần linh ở ngoài thiên nhiên, nhưng chính là Đức Chúa Trời: không phải là một người lạ, nhưng chính là Đấng chủ tể của thiên nhiên.” Những nỗ lực của nhà cầm quyền nhằm tố cáo các phép lạ của Chúa Jêsus là những sự lừa dối được thực hiện bởi quyền lực của satan rõ ràng là vô lý (Lu ca 11:14-20). Những phép lạ ấy không chỉ là phép lạ của năng quyền: là những dấu hiệu của sự cao cả, tình yêu, lòng thương xót, và lòng trắc ẩn của Đức Chúa Trời, những phép lạ chu cấp về thể chất, sự giải thoát, và chữa lành và cũng là những ẩn dụ về sự cứu rỗi thuộc linh mà với tư cách là Chúa Cứu Thế của thế giới Ngài ban cho con người vốn không thể tự cứu chính họ bằng quyền năng loài người của họ. Cả cuộc đời của Chúa Jêsus đã là tâm điểm của cuộc xâm lấn liên tục của quyền năng và ơn cứu rỗi siêu nhiên của Đức Chúa Trời vào thế giới sa ngã, tan vỡ, và tội lỗi. Còn có cử chỉ nào bày tỏ ân điển của Đức Chúa Trời nhiều hơn việc Ngài ủy nhiệm Con Ngài cho Y-sơ-ra-ên khi Ngài sai Con ấy đến với tư cách là Đấng Mê-si-a và Đấng Chủ tể của họ?

Vậy mà họ đã xử tử Con ấy. Mô tả của Phi-e-rơ về việc đó là hung tợn: “mượn tay độc ác mà đóng đinh Người trên thập tự giá và giết đi” (2:23). Tại sao họ làm điều đó? Các thầy tế lễ cả đã làm điều đó vì những lý do an ninh. Họ cho rằng công việc của Chúa Jêsus là một mối nguy hại cho sự bình ổn của đất nước. Phi-lát, quan tổng trấn La-mã, đã bác bỏ và cho là luận điệu đó là vô lý, còn Hê-rốt đã cười nhạo phiên xử đó (Lu ca 23:1-15). Sự thật là chính vì sự dạy dỗ, những xác nhận của Ngài, và công việc của Ngài đã thách thức thẩm quyền thuộc linh của họ trên dân chúng và đe dọa các mối lợi về tài chính của họ tại đền thờ.

Một vài người Pha-ri-si đã làm điều đó vì lý do an ninh ở một bình diện khác. Với lòng sốt sắng không mệt mỏi họ đã xây dựng cho mình tiếng thơm nức vì lối sống thánh khiết. Thế mà Chúa Jê-sus đã phơi bày cho thấy phần lớn sự thánh khiết đó hóa ra chỉ là vẻ bề ngoài; một vài phần là sự thay thế cho sự thánh khiết thật, một lớp vỏ bọc bao phủ sự băng hoại về đạo đức bên trong; một vài phần liên quan đến sự tàn ác nhân tâm đối với đồng loại; và rất nhiều phần còn lại thật ra là bất tuân đối với Lời của Đức Chúa Trời và xuyên tạc các bản tánh của Ngài (Lu ca 6:6-11; 11:14-12:12; 13:10-17; 14:1-6; 20:45-47). Điều này đánh đổ ảo tưởng của họ về sự vượt trội thuộc linh và sự chấp nhận của Đức Chúa Trời mà họ hy vọng có được dựa vào sự thánh khiết đó. Cũng đe dọa hủy diệt chỗ đứng đáng trọng của họ giữa vòng dân sự.

Về phía dân chúng, họ đã tận hưởng những bữa ăn miễn phí Ngài dọn ra trước mặt họ bởi các phép lạ của Ngài; và nếu Ngài sẵn lòng làm vua của họ và tiếp tục bày ra cho họ những bữa ăn miễn phí liên tục bất tận, thì họ đã ủng hộ Ngài. Nhưng họ không lấy làm thích thú đối với ý nghĩa thuộc linh của các phép lạ, cũng không thích thú với việc khám phá Ngài là ai. Hiện thân của Bánh hằng sống – vốn từ trời đến để tạo lập một mối liên hệ vĩnh cửu giữa họ với Đức Chúa Trời – không hấp dẫn đối với họ (Giăng 6). Họ có quan niệm là con người chỉ có thể sống nhờ bánh mà thôi; và cuối cùng họ đã được thuyết phục rằng nhà hoạt động chính trị Ba-ra-ba có thể phục vụ lợi ích của họ tốt hơn.

Vì nhiều lý do, tất cả bọn họ đều cảm thấy rằng sẽ tốt hơn và an ninh hơn nếu đem Chúa Jê-sus ra khỏi thế giới của họ. Vì thế họ mở cánh cửa sự chết, đẩy Ngài ra, rồi đóng sầm cửa ngay sau lưng Ngài.

Nhưng Đức Chúa Trời đã khiến Ngài sống lại (2:24). Đức Chúa Trời đã không đem Ngài trở lại qua cánh cửa đó: Trong trường hợp của Chúa Jê-sus, Ngài đã phá bỏ chính cánh cửa đó. Họ cần phải biết rằng sự chết vốn không phải là rào chắn an toàn như họ nghĩ. Đó chính là lý do tại sao Đức Chúa Trời đã cho phép điều đó xảy ra. Thật ra, Ngài đã lên kế hoạch cho việc đó, Phi-e-rơ nói: “Người đó [Jê-sus người Na-xa-rét] bị nộp, theo ý định trước và sự biết trước của Đức

Chúa Trời” (2:23). Dĩ nhiên, điều này không làm tội của họ nhẹ bớt: họ làm điều họ đã làm bằng ý chí tự do của mình, và chưa một lần tưởng đến điều họ đang làm cuối cùng sẽ lại bày tỏ rằng Jêsus là Con Đức Chúa Trời.

Nhưng có một câu hỏi trỗi lên: Nếu Chúa Jêsus thật sự là Con của Đức Chúa Trời, tại sao Đức Chúa Trời không can thiệp bằng một phép lạ ngoạn mục hơn để cứu Ngài khỏi chết, và vì thế làm cho uy tín của Ngài không còn bị nghi ngờ? Câu trả lời xuất hiện trong phần tiếp theo. Đức Chúa Trời có mục đích trong Chúa Jêsus để dạy dỗ không chỉ Y-sơ-ra-ên mà toàn nhân loại một thực tế cơ bản về vũ trụ: chết không phải là một quy luật bền vững, không thể phá hủy, không thể đảo ngược của thiên nhiên. Vì vậy, sự chết không phải là đại họa tận cùng của sự tốt lành, cũng không phải là chướng ngại bất khả xâm phạm bảo vệ cái ác. Người Sa-đu-sê đã không tin vào sự sống lại. Họ cho rằng sự chết đặt dấu hết cho mọi sự. Vì vậy, Đức Chúa Trời đã cố ý cho phép người Sa-đu-sê sử dụng vũ khí cuối cùng của họ; nhưng nó đã bị gãy trong tay của họ. Họ giết chết Chúa Jêsus, Đức Chúa Trời đã khiến Ngài sống lại từ cõi chết (2:24).

Vậy thì, đối với người đã từ chối sứ điệp của các hành động quyền năng trước kia, đây là hành động quyền năng nhất trong số đó; và sứ điệp này thật sự là Tin lành. Như Phao-lô đã nói sau này, “Đức Chúa Jêsus Christ” “đã hủy phá sự chết [và] dùng Tin Lành phô bày sự sống và sự không hề chết ra cho rõ ràng”; không phải là sống sót sau sự chết, nhưng sự sống và không hề chết. Đức Chúa Trời đã cho Chúa Jêsus biết con đường sự sống và làm cho Chúa Jêsus đầy lòng vui mừng trước sự hiện diện của Đức Chúa Trời (2:28).

Sự phục sinh của Đấng Christ đã thay đổi bộ mặt của vũ trụ. Không chỉ sự chết không phải là một tiến trình không thể đảo ngược; mà thậm chí sự chết không phải là một định chế lâu bền. Hơn nữa, nếu nó đã bị đảo ngược, hủy diệt, và loại bỏ trong vụ tranh chấp với một Người, là Jêsus Christ, thì dựa trên một số điều kiện nhất định, nó có thể bị như đảo ngược, hủy diệt, và loại bỏ cho tất cả mọi người khác. “Vả, vì chung bởi một người mà có sự chết, thì cũng bởi một người mà có sự sống lại của những kẻ chết. Như trong A-đam mọi

người đều chết, thì cũng một lẽ ấy, trong Đấng Christ mọi người đều sẽ sống lại” (ICô. 15:21-22).

Lời chứng của Kinh Thánh về sự Phục sinh và tôn cao của Đấng Christ

Dĩ nhiên, cho đến thời điểm này, năng quyền giúp Phi-e-rơ cáo trách quần chúng tuôn chảy trực tiếp từ Đức Thánh Linh, là Đấng đang phán qua ông. Nhưng bây giờ Đức Thánh Linh hướng dẫn Phi-e-rơ trung dẫn nguồn-thâm-quyền-không-đổi khác nữa, ấy là Lời thành văn của Đức Chúa Trời. Cả hai nguồn thâm quyền đều cần thiết để lời làm chứng có hiệu lực. Hơn nữa, bằng việc viện dẫn đến Kinh thánh ở thời điểm này, Phi-e-rơ đã hành động như một thầy giảng ưu tú khi trả lời cho sự phản đối chỉ mới nảy sinh trong tâm trí thánh giá của ông: “Điều chưa từng được nghe đến, không thể nào, quả là một câu chuyện lạ thường – Jê-sus đã được khiến sống lại từ cõi chết sao?”

Phi-e-rơ đang nói, “Không, không phải là chưa từng nghe, cũng không phải là không thể nào, vì nhiều thế kỷ trước, đã có một lời tiên tri được Đức Chúa Trời công bố qua Đa-vít trong Thi thiên 16 rằng Đức Chúa Trời sẽ không để thân thể của Đấng Mê-si-a trong mộ để bị hư hoại; Ngài sẽ được khiến từ kẻ chết sống lại. Mọi người có thể đã nghe về điều đó nếu họ muốn. Vì chính Đức Chúa Trời là Đấng soi dẫn cho lời tiên tri đó, nên sự chết không thể nào có thể nắm giữ được Đấng Mê-si-a. Jê-sus mà các người đóng đinh trên thập tự là Đấng Mê-si-a đó, và Đức Chúa Trời đã khiến Ngài từ kẻ chết sống lại y theo lời Ngài đã phán từ trước.”

Sẽ có người nói “nhưng chắc chắn là trong Thi thiên 16 Đa-vít chỉ đơn giản nói về chính ông ấy, và bày tỏ lòng tự tin rằng Đức Chúa Trời sẽ không để ông chết. Sao ông có thể nói rằng Đa-vít không nói về chính ông ấy, mà về Đấng Mê-si-a được?”

Phi-e-rơ nói, “Vì một lý do hết sức rõ ràng, nếu Đa-vít đang nói về chính mình, sự tự tin của ông đã được chứng minh là hoàn toàn đặt không đúng chỗ. Ông đã chết – nên linh hồn của ông được đem xuống Âm phủ; ông đã được chôn – nên thân thể của ông được gửi đến mộ phần. Đức Chúa Trời vẫn để ông ở đó!

Kia là mộ của ông; lăn tảng đá chặn cửa mộ rồi quý vị sẽ thấy tận mắt. Trong khi đó, quý vị sẽ thấy là mộ của Chúa Jê-sus trống rỗng. Thế nên không phải Đa-vít nói về ông; mà ông đang nói về Đấng Mê-si-a.

“Nhưng vậy thì làm thế nào để biết chắc rằng Đa-vít đã nói về Đấng Mê-si-a?”

“Tùng điều nhỏ nhất đều chứng minh điều đó. Trước hết ông không chỉ là vua: ông còn là một đấng tiên tri (2:30). Các đấng tiên tri thường nói về tương lai. Thứ hai, chủ đề ông sẽ nói đến nhiều khi ở trong vai trò của một tiên tri chẳng phải là về hậu tự lấy lòng nhất của ông, là Đấng Mê-si-a sao? Thứ ba, ông đã từng được ban một lời hứa, thề hứa bởi chính Đức Chúa Trời rằng Ngài sẽ luôn duy trì dòng dõi của ông trên ngai mãi mãi (Thi 132:11). Vì thế, đó vốn là điều tự nhiên nhất trên thế giới khi Đức Thánh Linh của Đức Chúa Trời soi dẫn Đa-vít viết một lời tiên tri để ứng nghiệm rằng Đức Chúa Trời sẽ can thiệp để giải phóng lời Ngài hứa, giải cứu Đấng Mê-si-a khỏi phần mộ và đặt Ngài lên ngai đời đời. Dù ở mức độ nào, thì khả năng này là nhiều hơn khả năng Thi thiên được soi dẫn của Đa-vít cuối cùng lại được ứng nghiệm cho chính ông, thậm chí vào lúc đó, khi đã lột bỏ hết mọi sự cường điệu và áp dụng cho một sự giải cứu nho nhỏ nào đó thì cuối cùng cũng thất bại trước sự chết.

Vậy nên, theo Phi-e-rơ, thì đó là lý do đầu tiên vì sao sự chết không thể cầm giữ được Chúa Jê-sus: sự ứng nghiệm bắt buộc phải xảy ra đối với lời hứa của Đức Chúa Trời qua Kinh Thánh.

Jê-sus người Na-xa-rét và sự bền vững tối hậu của sự sống

Nhưng vẫn còn có một lý do nữa xuất hiện khi chúng ta đọc hết đoạn Kinh Thánh mà Phi-e-rơ trích dẫn từ Thi thiên 16. Bản thân Phi-e-rơ có thể đã không định sẽ đưa ra từ trích dẫn của ông hơn một quan điểm; nhưng không có lý do gì để chúng ta giới hạn mình cách tương tự mà không suy gẫm về ý nghĩa và dòng tư tưởng của đoạn Kinh Thánh cách tổng thể. Đây này:

Tôi hằng ở Đức Giê-hô-va đứng ở trước mặt tôi;
Tôi chẳng hề bị rúng động, vì Ngài ở bên hữu tôi.
Bởi cơ ấy lòng tôi vui vẻ, linh hồn tôi nức mừng rờ;

Xác tôi cũng sẽ nghỉ yên ổn;
Vì Chúa sẽ chẳng bỏ linh hồn tôi trong âm phủ,
Cũng không để cho người thánh Chúa thấy sự hư nát.
Chúa sẽ chỉ cho tôi biết con đường sự sống;
Trước mặt Chúa có trọn sự khoái lạc,
Tại bên hữu Chúa có điều vui sướng vô cùng.
(Thi. 15:8-11; Công vụ 2:25-28)

Điều lập tức gây chú ý trong lời tiên tri này là nó không chỉ đơn giản nói về Đấng Mê-si-a, nhưng chính Đấng Mê-si-a đang nói. Không đơn giản công bố rằng bởi sự chết và chôn của Ngài Đức Chúa Trời sẽ can thiệp để khiến Ngài sống lại từ cõi chết. Nhưng giới thiệu rằng khi đối diện với sự chết Đấng Mê-si-a đã nói ra bí mật về mối liên hệ của Ngài với Đức Chúa Trời, mối liên hệ ấy phá hủy quyền lực của sự chết trên Ngài. Hoàn toàn không hề lay chuyển và không hề di chệch khỏi việc tập trung tình yêu từ tấm lòng của Ngài, năng lượng của linh hồn Ngài, sức mạnh của tâm trí Ngài, và sức lực của thân thể Ngài vào Đức Chúa Trời, Ngài không hề biết đến dù là một khoảnh khắc khi mà khả tượng trong lòng Ngài không tập chú vào Đức Chúa Trời với thái độ vâng-phục-và-tôn-quý-không-hề-gián-đoạn. Ngài là “Đấng Thánh” của Đức Chúa Trời, hoàn toàn trung thành và hoàn toàn vô tội. Ngài “thấy Đức Giê-hô-va hằng ở trước mặt Ngài” và nhận biết rằng Đức Chúa Trời “ở bên hữu Ngài” vì thế Ngài “chẳng hề bị rúng động.” Điều đó đem đến cho Ngài sự vững vàng chắc chắn mà sự chống đối, bách hại, hay thậm chí sự xuất hiện của sự chết cũng không thể hủy phá. Đức tin của Ngài nơi Đức Chúa Trời là đức tin mà sự thương khó và việc bị từ bỏ tại Gô-gô-tha cũng không thể xóa bỏ hay tiêu diệt; một sự thuận phục hoàn toàn theo ý muốn của Đức Chúa Trời làm cho chính Đức Chúa Trời không bao giờ có thể làm gì khác hơn là bênh vực Ngài bằng cách khiến Ngài sống lại từ cõi chết. Tác giả thư cho Người Hê-bơ-rơ sau này đã viết về điều đó rằng “Đấng Christ... đã... dâng những lời cầu nguyện nài xin cho Đấng có quyền cứu mình khỏi chết, và vì lòng nhân đức Ngài, nên được nhậm lời” (Hê. 5:7). Đức Chúa Trời sẽ không còn đạo đức nữa nếu Ngài cuối cùng chối bỏ một đức tin như vậy, nếu Ngài đáp trả lại sự trung thành đó bằng sự bất trung, hay bỏ tình yêu không tì vết và sự vâng phục đó cho sự chết, để cho bị tan rã

và hư nát. Vì thế, bởi lòng tin không hề rung động vào bản tánh của Đức Chúa Trời mà Chúa Jêsus đã cúi đầu trong sự chết, với lời cầu nguyện đấng thắng trên môi; xác thịt của Ngài nằm bình tịnh trong sự an ninh và trông cậy chắc chắn rằng Đức Chúa Trời sẽ mở cho Ngài những con đường sống và làm cho Ngài đầy lòng vui mừng trong sự hiện diện của Đức Chúa Trời.

Dĩ nhiên, Đức Chúa Trời đã khiến Ngài sống lại từ kẻ chết, và vì thế bày tỏ rằng sự bền vững tối hậu của nhân loại không chỉ và hoàn toàn phụ thuộc vào định luật vật lý vốn là điều vũ trụ được vận hành, nhưng vào bản tánh đạo đức của Đức Chúa Trời, Đấng tạo hóa, là Nguồn và Đấng kiểm soát mọi tiến trình của vũ trụ. Nếu cuộc đời vô tội của Chúa Jêsus, trong sự tận hiến không lay chuyển dành cho Đức Chúa Trời đã từng tận hưởng mối liên hệ không hề bị gãy đổ với Đức Chúa Trời đời đời, cuối cùng đã bị Đức Chúa Trời phó cho sự chết và sự hư nát, thì vũ trụ đã thiếu mất mọi sự bền vững tối hậu; không chỉ trái đất và các tầng trời vật lý, nhưng mọi tạo vật thuộc linh, có đạo đức, và biết suy nghĩ sẽ bị tan rã hoàn toàn, và mọi hy vọng về một thiên đàng thuộc linh sẽ biến mất. Sự phục sinh đảm bảo cho chúng ta rằng điều đó sẽ không bao giờ xảy ra. Đức Chúa Trời là Đấng công bình, thành tín, và chân thật. Vũ trụ đầy dẫy đạo đức vẫn được bền vững.

Vì thế, sự chết không thể nào tiếp tục cầm giữ Chúa Jêsus. Đức Chúa Trời đã khiến Ngài sống lại từ kẻ chết. Nhưng nếu bản tánh của Đức Chúa Trời đòi hỏi điều đó, thì lịch sử chứng thực điều đó, Phi-e-rơ nói: “Đức Chúa Jêsus này, Đức Chúa Trời đã khiến sống lại, và chúng ta thấy đều làm chứng về sự đó” (2:32) – và vào thời điểm ông nói, thì từ “thấy” chỉ đến không ít hơn một trăm hai mươi người.

Sự tôn cao của Chúa Jêsus và sự bày tỏ Thần tánh của Ngài

“Vậy nếu Jêsus đã được khiến sống lại từ cõi chết, thì tại sao không đem Ngài ra tại đây ngay bây giờ để mọi người chúng ta có thể nhìn thấy Ngài và tin?” Chúng ta có thể dễ dàng tưởng tượng một ai đó trong đám đông ngắt lời Phi-e-rơ và cất tiếng chỉ trích. Nếu trong số họ không có ai lên tiếng, có lẽ chúng ta có thể được tha thứ vì đã tự lên tiếng hỏi.

Câu trả lời cho chỉ trích này, dĩ nhiên, được tìm thấy trong điều Phi-e-rơ nói tiếp theo. Lời chứng Cơ đốc không chỉ đơn giản rằng Jê-sus người Na-xa-rét đã được khiến sống lại từ cõi chết, nhưng thêm vào việc được khiến sống lại Ngài còn được tôn cao. Trước hết thân thể vật lý được tôn cao, ở bên hữu Đức Chúa Trời, vào trong sự hiện diện trực tiếp của Đức Chúa Trời. Thứ hai, được tôn cao theo nghĩa Đức Chúa Trời tôn Ngài vừa là Chúa vừa là Đấng Mê-si-a; đó là, qua việc tôn cao Ngài Đức Chúa Trời đã bày tỏ rằng Ngài vừa là Chúa vừa là Đấng Mê-si-a bằng việc ban cho Ngài vị trí trong vũ trụ vốn thích hợp với bản thể vừa là Chúa vừa là Đấng Christ của Ngài, ấy là vị trí và địa vị công bố ra rằng Ngài là Đấng ấy. Điều này, và không thể nào ít hơn điều này, thật là một yếu tố đáng kinh ngạc mà Đức Thánh Linh đã đến trái đất để chứng thực! “Jê-sus này, mà các người đã đóng đinh trên thập tự giá,” không chỉ là Đấng Mê-si-a; Ngài là Chúa, là Chúa theo nghĩa toàn vẹn nhất của từ này: Ngài là Gia-vê nhập thể (2:36).

Chứng cứ của sự tôn cao này không nằm ở việc Ngài phải xuất hiện trước đám đông – làm thế nào điều đó chứng tỏ rằng Ngài được tôn cao? – nhưng ở việc Ngài phải là Đấng chịu trách nhiệm tuôn đổ Đức Thánh Linh mà họ nhìn thấy và nghe thấy chung quanh họ.

Vì đến lúc này Phi-e-rơ trở về với chủ đề mà ông bắt đầu. Trước hết ông xác định hiện tượng lạ lùng xảy ra trước mắt họ: đó chính là lời hứa tuôn đổ Thánh Linh. Nhưng điều đó lại nêu lên một câu hỏi cần thiết: “Tại sao lại là lúc này? Tại sao sau quá nhiều thế kỷ chậm trễ thì Đức Thánh Linh hứa ban lại được đổ xuống vào đúng lễ Ngũ tuần?” Và câu trả lời là: “Bởi vì Jê-sus.” Sự tuôn đổ theo sau sự chết, sự sống lại và được tôn cao của Chúa Jê-sus không chỉ đơn giản là để tập trung sự chú ý vào Ngài; mà nhân vì được tôn cao Ngài đã tuôn đổ Thánh Linh. Là một Con người vô tội trong toàn lịch sử loài người, Ngài đã chiến thắng và đem về cho loài người món quà vô lượng này, Ngài đã nhận nó từ Chúa Cha, cùng với thẩm quyền phân phát nó cho bất kỳ người nào Ngài muốn. Đức Thánh Linh không phải là một sức mạnh được tạo dựng để một tạo vật (cao cấp hơn) có thể nắm quyền sai khiến. Đức Thánh Linh là một thân vị thần linh

tự hữu. Không một con người bình thường nào, dù là người vô tội có thể đem tặng Ngài cho người khác. Nếu Jêsus Christ tuân đồ Đức Thánh Linh – trong thực tế Ngài đã làm như vậy – thì toàn thể nhà Y-sơ-ra-ên có thể biết chắc mà không cần nghi ngờ rằng Jêsus người Na-xa-rét không chỉ là Đấng Mê-si-a thôi: Ngài chính là Đức Chúa Trời nhập thể.

Nhưng nếu đây là điều sự tôn cao Chúa Jêsus hàm ý, thì làm thế nào để bất cứ người Do thái nào, vốn được nuôi dưỡng trong giáo lý độc thần của Cựu ước, có thể tin vào điều đó mà không từ bỏ mọi điều họ đã từng được dạy dỗ?

“Rất đơn giản” – một lần nữa Phi-e-rơ có câu trả lời cho câu hỏi không được hỏi lên của họ. “Bản thân Cựu ước đã dạy về sự tôn cao của Đấng Mê-si-a theo những thuật ngữ này. Trong Thi thiên 110:1, Đa-vít nói:

Đức Giê-hô-va phán cùng Chúa tôi rằng:

Hãy ngồi bên hữu ta,

Cho đến chừng ta đặt kẻ thù nghịch ngươi làm bệ chân cho ngươi”

Điều này đã một lần là chứng cứ cho thấy rằng đó không thể là điều Đa-vít nói về bản thân ông: Đa-vít không thể là “Chúa tôi” là Đấng mà Gia-vê đưa ra lời mời, “Hãy ngồi bên hữu ta.” Phi-e-rơ lặp lại, Đa-vít cũng không thể lên thiên đàng. Vậy thì ông phải nói đến Chúa của ông, là Đấng Mê-si-a.

Nhưng như vậy thì dĩ nhiên chúng ta có thể dễ dàng nhận thấy rằng việc Đức Chúa Trời đã mời Chúa của Đa-vít đến và ngồi tại bên hữu của Ngài hàm ý rằng đã có một thời kỳ Đấng Mê-si-a không ngồi bên hữu Đức Chúa Trời và đã phải được nâng lên vị trí đó.

Nhưng mặt khác, tạo vật đơn thuần nào đã từng được mời đến một vị trí bày tỏ sự ngang bằng với Đức Chúa Trời như vậy? Thi thiên 110:1 kể trước toàn bộ câu chuyện đầy uy nghiêm, dầu cũng cần giữ sự màu nhiệm cho đến khi sự ứng nghiệm tỏ ra ngụ ý chân thật và trọn vẹn: thế nào Jêsus Christ,

... vốn có hình Đức Chúa Trời,

song chẳng coi sự bình đẳng mình với Đức Chúa Trời là sự nên nắm giữ;

chính Ngài đã tự bỏ mình đi,

Phần Một: Cơ Đốc Giáo Và Sự Phục Hồi Của Muôn Vật (1:1-6:7)

lấy hình tôi tớ và trở nên giống như loài người;
Ngài đã hiện ra như một người,
tự hạ mình xuống,
vâng phục cho đến chết, thậm chí chết trên cây thập tự.
Cũng vì đó nên Đức Chúa Trời đã đem Ngài lên rất cao,
và ban cho Ngài danh trên hết mọi danh,
hầu cho nghe đến danh Đức Chúa Jê-sus,
mọi đầu gối trên trời, dưới đất, bên dưới đất, thảy đều qui xuống,
và mọi lưỡi thảy đều xưng Jê-sus Christ là Chúa,
mà tôn vinh Đức Chúa Trời, là Đức Chúa Cha (Phi. 2:6-11)

Sự tôn cao Chúa Jê-sus và vấn đề tội ác

Đầu vậy, vài người trong đám đông có lẽ vẫn phản đối rất nghiêm trọng: Nếu Jê-sus thật sự là Vua và là Đấng Mê-si-a, thì đâu là chứng cứ về vương quốc của Ngài? Khi nào thì Ngài bắt đầu chấm dứt nan đề tội ác?

Nếu Ngài không làm điều đó, làm thế nào Ngài có thể là Đấng Mê-si-a được? Câu hỏi này đánh xoáy vào chúng ta ngày nay thậm chí với một sức mạnh lớn hơn sức mạnh đã từng xoáy vào đám đông tại Giê-ru-sa-lem. Gần hai ngàn năm đã qua kể từ khi Chúa Jê-sus được tôn cao. Nhưng những chứng cứ quan trọng cho việc Ngài đã nỗ lực dẹp bỏ nan đề tội ác đã đi đâu mất rồi? Thật ra, thế kỷ chúng ta đang sống đã chứng kiến tội ác trong nạn diệt chủng người Do thái của Đức quốc xã, trong sự thanh trừng của Stalin, trong những cánh đồng giết chóc ở Cam-pu-chia, và trong một ngàn sự tàn ác bên cạnh đó, một thế kỷ mà cái ác đậm bông kết trái có lẽ nhiều hơn hết thảy các thế kỷ trước. Rõ ràng Chúa Jê-sus đã không nỗ lực dẹp bỏ tội ác. Vậy thì làm thế nào có thể nhìn nhận Ngài vừa là Chúa vừa là Đấng Mê-si-a?

Một lần nữa Thi thiên này có câu trả lời. Việc Đấng Mê-si-a phải loại bỏ cái ác ngay lập tức sau khi được tôn cao không bao giờ là một phần trong chương trình của Đức Chúa Trời. Lời mời là: “Hãy ngồi bên hữu ta, Cho đến chừng ta đặt kẻ thù nghịch ngươi làm bệ chân cho ngươi.” Có một khoảng thời gian giữa việc Ngài được tôn cao và việc chế ngự kẻ thù của Ngài, trong suốt thời gian đó Ngài sẽ ngồi bên hữu Đức Chúa Trời, chờ đợi thời điểm Ngài trở lại lần thứ hai. Chỉ đến lúc đó kẻ thù của Ngài mới bị đặt làm bệ chân cho Ngài.

Quả là lòng thương xót kỳ diệu khi thời gian ở giữa đó được viết vào trong chương trình cho hết thầy chúng ta, nhưng đặc biệt là cho đám đông đang đứng nghe Phi-e-rơ. Họ đã đóng đinh Đức Chúa Trời nhập thể, bây giờ Ngài được cất lên vị trí quyền lực tối cao trong vũ trụ. Điều gì sẽ xảy ra nếu không có quãng thời gian ở giữa và Ngài tiến đến dẹp bỏ tội ác ngay lập tức? Phi-e-rơ chỉ ra rằng chúng ta đang ở trong những ngày cuối cùng của thời đại này. Sự rúng động của vũ trụ sẽ sớm xảy ra, để theo sau đó là Ngày lớn và rục rờ của Chúa và bình minh của thời đại của Đấng Mê-si-a sẽ đến. Nhưng cảm tạ Đức Chúa Trời vì quãng thời gian ở giữa trong hiện tại.

Mảnh chứng cứ cuối cùng

Vào thời gian này, ba ngàn người trong đám đông đã bị đâm thâu vào trong lòng, khi bị cáo trách họ đã hỏi các sứ đồ rằng họ cần phải làm gì. Lời đáp của Phi-e-rơ đối với những đao phủ đã xử tử Chúa Jêsus đúng thật là Tin lành: món quà là chính Đức Thánh Linh mà Chúa Jêsus nhận lãnh bởi sự vâng phục trọn vẹn có thể cũng là của họ. Họ cũng không cần sợ hãi vì những can thiệp sắp xảy đến của Đức Chúa Trời trên thiên nhiên, máu, lửa, và luồng khói, dù nhất định những điều ấy sẽ xảy đến. Họ không cần phải bị nhấn chìm trong sự phán xét của Ngày của Chúa. Thay vào đó, họ có thể kinh nghiệm sự can thiệp đầy ân điển hiện tại trong lòng thương xót và sự cứu rỗi. Hãy để họ bởi sự ăn năn thật nhìn nhận Chúa Jêsus là Chúa mà Giô-ên đã nói, và kêu cầu Ngài. Ngài sẽ ban cho họ (và bất kỳ ai, dầu là người Do thái hay dân ngoại) Đức Thánh Linh được hứa ban; và bởi việc nhận lãnh Đức Thánh Linh, họ sẽ có chứng cứ cuối cùng của sự sống lại của Chúa Jêsus và sự thăng thiên qua kinh nghiệm chủ quan của họ. Vì vậy, dù không xứng đáng, dù qua công đức của Người khác, họ cũng có thể biết đến sự ổn định không bị lay chuyển giữa một thế giới hư nát và thay đổi. Sự ổn định đến từ một mối liên hệ cá nhân với Đức Chúa Trời và vốn được hình thành bởi Thánh Linh bất diệt của Đức Chúa Trời hằng sống đó thật ra đã được nhận vào lúc này ngay trên thế gian này, và đã được định trước là không bao giờ bỏ rơi chúng ta nơi Hỏa ngục. Vì thế chúng ta cũng có thể nói, “Ngài ở bên hữu tôi: tôi sẽ không hề bị rúng động.”

Dĩ nhiên là dựa trên nhiều điều kiện. Trước hết, họ cần được tha thứ. Việc nhận lãnh Đức Thánh Linh thiết lập một mối liên hệ thân mật, trực tiếp trong một cuộc sống được chia sẻ giữa người liên quan và Đức Chúa Trời thánh khiết. Sẽ không thể có một mối liên hệ kiểu như vậy được thiết lập cho đến khi những câu hỏi về tội lỗi và sai phạm được đối diện cách chân thành và được giải quyết cách công minh.

Vậy nên, nếu họ cần được tha thứ, thì họ phải ăn năn; và không chỉ về tội lỗi của họ nói chung, nhưng về tội lỗi nghiêm trọng của họ: thái độ sai trái, nổi loạn đối với Chúa Jêsus Christ và với Chúa Cha là Đấng đã sai Ngài đến. Hơn nữa, sự ăn năn của họ phải chân thành, và được thể hiện cách chân thành. Không phải cả đám đông ăn năn cùng nhau, nhưng mỗi cá nhân ăn năn cho riêng bản thân mình; không phải ăn năn bằng lời nói, nhưng bằng hành động: “Hãy hỏi cái, ai nấy phải nhân danh Đức Chúa Jêsus chịu phép báp-têm, để được tha tội mình, rồi sẽ được lãnh sự ban cho Đức Thánh Linh” (2:38).

Hai trong những điều kiện Phi-e-rơ đặt ra làm một số người nhất định thấy lo lắng. Đầu tiên, tại sao ở đây không đề cập đến việc cần thiết phải tin nhận, như thường có ở những dịp tiện khác (ví dụ 10:43; 13:39; 16:31; 20:21)? Chắc chắn câu trả lời là những người mà ông đang nói đó rõ ràng đã tin rằng Chúa Jêsus thật sự vừa là Chúa vừa là Đấng Christ. Nếu họ không tin, họ đã không hỏi xem họ phải làm gì.

Thứ hai, làm sao Phi-e-rơ có thể khẳng định rằng để nhận được sự tha thứ và món quà Đức Thánh Linh thì những người này trước hết phải chịu báp-têm? Chẳng phải điều đó đi ngược lại khuôn mẫu đã được ghi lại ở đâu đó (ví dụ 10:44-48), theo khuôn mẫu đó trước hết người ta phải tin, nhận sự tha thứ và Đức Thánh Linh, rồi sau đó, và chỉ sau đó mới được làm báp-têm? Có thể nào thứ tự mà Phi-e-rơ khẳng định ở đây là rất nguy hiểm khi cho rằng sự tha thứ và quà Thánh Linh là những điều có vẻ như được bảo đảm bởi nghi lễ báp-têm, thay vì chỉ dựa trên nền tảng đức tin thôi?

Câu trả lời được tìm thấy trong một tình huống cụ thể mà Phi-e-rơ nói đến. Rất nhiều người trong đám đông ở trước mặt ông vài tuần trước đây đã đứng la hét đòi đóng đinh Chúa Jesus. Bây giờ họ nói họ

ăn năn; nhưng Phi-e-rơ không sẵn sàng chấp nhận chỉ những lời ăn năn. Đức Chúa Trời cũng không chấp nhận. Cũng giống như Giăng Báp-tít trước đó, Phi-e-rơ đòi họ “kết quả xứng đáng với sự ăn năn” (Lu ca 3:8). Họ đã công khai la hét đòi giết Chúa Jêsus; nếu bây giờ họ ăn năn thật lòng về điều đó, thì hãy bày tỏ bằng cách công khai chịu báp tem trong danh Chúa Jêsus. Họ phải cứu chính mình “thoát khỏi giữa dòng dôi gian tà này!” (2:40). Họ không thể tuyên bố cách đáng tin rằng họ đã ăn năn việc giết Chúa Jêsus và vẫn đứng cùng phe với những kẻ đã giết Ngài. Họ phải từ bỏ vị trí và thái độ cũ của họ, và thực hiện cách công khai như họ đã từng làm. Nếu họ không sẵn sàng để làm điều đó, thì Đức Chúa Trời cũng không sẵn sàng công nhận sự ăn năn của họ là thật lòng; và không có sự ăn năn thì không có sự tha tội.

Cộng đồng mới của Đấng Mê-si-a

Luca cho biết vậy là những người chấp nhận sứ điệp của Phi-e-rơ đã được làm báp tem. Không chỉ vậy, họ không chỉ bước xa khỏi những người vẫn đồng ý với việc đóng đinh Chúa Jêsus: họ cũng tham gia cộng đồng mới vừa định hình tại Giê-ru-sa-lem của những người tin Chúa Jêsus. Không thể có vị trí trung lập ở đây. Nếu bây giờ anh tin rằng Chúa Jêsus là Đấng Mê-si-a, anh phải chọn đứng với các sứ đồ, tích cực khép mình vào sự dạy dỗ của họ, tham gia với các tín hữu khi họ bẻ bánh – tượng trưng cho sự chết của Chúa Jêsus vì tội của họ, tham gia vào sự hiệp nhất của tất cả các tín hữu trong Ngài, và thường xuyên dự phần trong sự cầu nguyện của cộng đồng.

Hơn nữa, việc các sứ đồ thực hiện các phép lạ tiếp theo không chỉ đem đến cho họ sự kính trọng của công chúng, nhưng rõ ràng làm nổi bật cộng đồng tín hữu khi cả nhóm họ ngày ngày gặp nhau công khai trong đền thờ và con số người cải đạo tham gia vào nhóm ngày càng gia tăng. Với một đám đông đột ngột tăng lên đến hơn ba ngàn người cần được phục vụ nhu cầu thực phẩm, và như chúng ta được cho biết vào đầu chương, rất nhiều người là lữ khách tại Giê-ru-sa-lem, nên chi phí đã tăng vọt và nguồn dự trữ của những tín hữu địa phương đã chạm mức giới hạn. Trong một cử chỉ rõ ràng là lòng yêu thương tự phát và lòng trung thành, mới tin nhận Chúa họ đã gộp chung thu

nhập của mình, bán cả tài sản của mình khi cần thiết để đáp ứng nhu cầu cụ thể này.

Vì thế, trên trái đất tại Giê-ru-sa-lem đã ra đời một cộng đồng mà Đấng Christ đã nói rằng các cửa âm phủ không thắng được hội đó (Ma-thi-ơ 16:18). Dấu phân biệt là nền tảng mà nhờ đó cộng đồng ấy được xây dựng: ấy là sự xưng nhận rằng Chúa Jêsus, Đấng sống lại từ cõi chết, vừa là Chúa vừa là Đấng Christ.

CỘI RỄ CỦA SỰ SỐNG VÀ SỰ PHỤC HỒI CỦA THIÊN NHIÊN (3:1-4:4)

Phép lạ vào ngày Lễ Ngũ tuần được theo sau bởi rất nhiều phép lạ khác trong những tuần kế tiếp, nhưng chỉ có một phép lạ được mô tả hết tất cả các chi tiết. Phép lạ ấy được chọn để nói đến trong một đoạn dài có thể là vì nó hoàn chỉnh sứ điệp được rao ra tại Lễ Ngũ tuần. Việc nói ngôn ngữ ngoại quốc lạ lùng chứng thực lời chứng của các sứ đồ rằng Chúa Jêsus người Na-xa-rét đã sống lại từ cõi chết; nhưng bài giảng của Phi-e-rơ không chứa đựng lời hứa rõ ràng về sự phục sinh của bất kỳ ai (điều nó khiến chúng ta suy nghĩ về điều đó trong quá trình). Lời mời dành cho những người ăn năn là sự tha thứ và món quà Thánh Linh, cả hai đều là những lợi ích thuộc linh được nhận ngay lập tức và được tận hưởng vào lúc này ngay trên đất này. Lời mời không nhắc đến bất cứ điều gì về những lợi ích thể chất trong tương lai.

Tuy nhiên, phần đó của Tin lành chúng ta bây giờ sẽ được trình bày, trước hết là bởi sự phục hồi trở lại tình trạng khỏe mạnh hoàn hảo về mặt thể chất của một người què từ lúc mới sinh, và sau đó là bởi bài giảng của Phi-e-rơ về những tác động của sự phục sinh và tôn cao của Đấng Christ đối với sự phục hồi của muôn vật.

Vấn đề dị tật bẩm sinh

Vào một ngày nọ, khi Phi-e-rơ và Giăng lên đền thờ vào giờ cầu nguyện, họ gặp một người què nằm tại một trong những cửa đền thờ. Người này bị què từ thuở mới sinh, và mỗi ngày trong cuộc đời ông, bạn bè đem ông đến cửa đền thờ để ăn mày. Nơi đó là vị trí tốt cho một người ăn mày bị què. Thờ phượng một Đấng Tạo hóa yêu thương

và giàu lòng trắc ẩn luôn làm cho người ta, cụ thể là người Do thái, cảm động để bày tỏ lòng yêu thương và thương xót đối với những tạo vật đồng loại kém may mắn – ít nhất cũng hơn hẳn những tôn giáo và triết lý xem sự thống khổ là điều người chịu thống khổ đáng lãnh nhận và là nghiệp chướng không thể tránh khỏi.

Người đàn ông này kêu đến Phi-e-rơ và Giăng để xin bố thí, nhưng vào lúc đó họ không có tiền bên người. Dĩ nhiên, nếu họ có tiền, họ đã vui vẻ bố thí, trong mọi hoàn cảnh chúng ta cũng nên làm vậy. Nhưng tất cả tiền bạc và sự quan tâm thương xót cho đi trong danh của Đấng Tạo hóa đầy lòng thương xót chỉ có thể làm dịu bớt, chứ không bao giờ có thể giải quyết được nan đề của người què. Hình ảnh một con người tàn tật từ thuở mới sinh đã đủ đem lại đau đớn; nhưng đối với những người tin vào một Đấng Tạo hóa yêu thương, thì việc nhìn thấy một con người nằm bất lực ở cửa đền thờ của chính Đấng Tạo hóa gợi nhắc đến một câu hỏi đau xé lòng. Ấy là, nếu có một Đấng Tạo hóa đầy yêu thương và đầy quyền năng thì tại sao các tạo vật của Ngài phải chịu tàn tật từ thuở mới sinh? Làm sao lại có những người bị tàn tật về thể chất và tinh thần để phải cần đến lòng thương xót của đồng loại vốn cũng chỉ là những vật thọ tạo?

Những trí tuệ tôn kính và tin kính sẽ chấp nhận sự giải thích theo Kinh thánh rằng sự đổ nát thể chất, tinh thần, và tâm linh của loài người là hậu quả của sự Sa ngã, và dù sự giải thích đó cao quý và đáng trông cậy hơn cái lý thuyết lạnh lẽo cho rằng kết quả duy nhất để trông chờ từ những thế lực vô cảm, vô mục đích hành động không có chủ đích trên nguyên tắc tình cờ và sinh sản ngẫu nhiên ấy là những thực thể có thân vị cuối cùng phải chịu hủy diệt cách vô tri bởi chính những thế lực vô cảm mù quáng đó. Nhưng giả dụ như chúng ta chấp nhận bằng tâm trí rằng sự đổ nát là hậu quả của sự nổi loạn chống lại Đức Chúa Trời đầu tiên của nhân loại, thì trong lòng vẫn có những câu hỏi không thể cưỡng lại được. Ấy là, Đấng Tạo hóa không nghe thấy tiếng than khóc của tạo vật đổ vỡ của Ngài sao? Nếu Ngài nghe thấy, bản thân Ngài không định làm gì ngoài việc yêu cầu chúng ta bày tỏ sự quan tâm và lòng thương xót sao? Nếu Ngài không quan tâm, thì làm thế nào mà chúng ta vốn là những người mạnh khỏe vào

lúc này, có thể tiếp tục mong muốn thờ phượng Ngài trong đền thờ của Ngài vì tình yêu và sự thương xót của Ngài? Tiếng kêu khóc và than van của người tàn tật ở ngoài cửa đền thờ không làm nghẹn lời ngợi khen của chúng ta hay sao?

Dầu cho tất cả các Cơ đốc nhân trên thế giới cho đi toàn bộ tiền bạc của họ và làm việc cật lực để giảm bớt sự thống khổ, thì những việc đó cũng không phải là câu trả lời chung cuộc cho những câu hỏi loại này. Chừng nào thế giới ngoài kia sẽ được quan tâm đến, khi tất cả mọi điều mà Tin lành Cơ đốc có thể đáp lại với nỗi đau của thế giới là nói rằng chúng ta phải hành động như người Sa-ma-ri nhân lành và làm hết sức mình để giúp đỡ lẫn nhau, thì cuối cùng Tin lành của chúng ta không xứng với lòng biết ơn, mà là lòng thương hại của của thế giới, nếu không nói là sự khinh miệt của thế giới. Cơ đốc giáo cần có một câu trả lời tốt hơn thế nếu muốn phát ngôn cách đáng tin nhân danh của một Đấng Tạo hóa đầy yêu thương và đầy quyền năng. Dĩ nhiên quyền năng Ngài phải là câu trả lời.

Vì không đem tiền bạc theo bên mình để bố thí cho người ăn mày, Phi-e-rơ đã cho ông ta điều tốt hơn rất nhiều. Trong danh Jê-sus Christ người Na-xa-rét ông đã thực hiện một phép lạ, cất bỏ sự tàn tật và cho ông ta một thân thể lành mạnh hoàn hảo. Theo lẽ tự nhiên, người này vui mừng quá đỗi, ông đi theo các sứ đồ vào đền thờ vừa đi vừa nhảy, vừa ngợi khen Đức Chúa Trời. Dĩ nhiên điều đó thật tuyệt vời; nhưng ít nhất là đối với chúng ta, những người đọc câu chuyện này, nó vẫn không trả lời phần lớn câu hỏi ban đầu của chúng ta.

Thật vậy, nó bổ sung thêm thắc mắc. Nếu Đấng Christ phục sinh đã cho phép các sứ đồ của Ngài thực hiện những phép lạ như thế vào lúc này hay lúc khác – và tôi không nghi ngờ rằng Ngài đã làm như vậy – vậy thì tại sao Ngài không ra lệnh cho họ ngưng lại hết các sinh hoạt khác và tiến hành loại bỏ mọi bệnh tật trên toàn đất nước một cách có hệ thống? Sau này Luca ký thuật lại (5:12-16) rằng họ đã chữa lành cho mọi người được mang đến từ các thành lân cận của Giê-ru-sa-lem. Vậy thì tại sao Đấng Christ không khiến họ dành hai mươi năm tiếp theo chữa lành cho từng người đau ốm trên toàn đế quốc La-mã? Điều này sẽ thật sự khiến cho Cơ đốc giáo được lưu

danh trong sử sách của thế giới! Nhưng không hề có bằng chứng nào cho thấy các sứ đồ đã nỗ lực làm như vậy.

Và rồi, dĩ nhiên đám đông tại Giê-ru-sa-lem vốn nhận ra người bị tàn tật, lại đã tận mắt chứng kiến một phép lạ đáng kinh ngạc vừa xảy ra cũng có nhiều thắc mắc nên họ đổ xô đến quanh các sứ đồ để tìm lời giải thích.

Có thể lắm hình ảnh người què bây giờ đang đi đứng, nhảy nhót và ngợi khen Đức Chúa Trời đã đánh đúng vào một cung bậc cảm xúc nằm sâu trong tâm trí của họ. Vốn vẫn thường đi đến nhà hội từ khi còn thơ ấu, nên có thể họ đã được nghe đọc luật pháp và lời tiên tri vào mỗi ngày Sa-bát (13:27). Một số đoạn trong các sách tiên tri rất du dương, mang đầy hình ảnh tích cực khi nói về sự cai trị sẽ đến của Đấng Mê-si-a. Lấy Ê-sai 35:5-6 làm ví dụ:

Bấy giờ, những kẻ mù sẽ mở mắt,
những kẻ điếc sẽ rống tai.

Bấy giờ, kẻ què sẽ nhảy như con nai,
lưỡi kẻ câm sẽ hát...

Dĩ nhiên người hoài nghi và vô tín sẽ bác bỏ và xem điều đó như là hư cấu không tưởng. Trái lại, những người trung thành trong Y-sơ-ra-ên lại tin chắc vào lời hứa này. Người có tấm lòng đơn sơ hiểu nó theo nghĩa đen; người hiểu biết thâm uyên lại xem nó là nghệ thuật miêu tả trong thi ca. Cả hai nhóm người đều rút ra niềm hy vọng và yên ủi lớn lao giống như hàng ngàn người Do thái tin kính (và nhiều Cơ Đốc nhân) đã từng nhận được trải suốt nhiều thế kỷ thương đau, và hiện vẫn đang tiếp tục nhận được. Nhưng hiện tại điều này là gì? Một người què đang nhảy nhót!? Thời đại của Đấng Mê-si-a bắt đầu chăng? Các lời tiên tri của các đấng tiên tri đang được ứng nghiệm ngay trước mắt của họ đây sao? Và theo sát nghĩa đen đến dường ấy sao?

Câu trả lời mà Phi-e-rơ dành cho câu hỏi này vượt lên trên mọi tranh chấp: Không phải vậy, đây không phải là lúc thời đại của Đấng Mê-si-a bắt đầu. Bài giảng về lời tiên tri của Giô-ên vào ngày Lễ Ngũ tuần của ông đã xác định chính xác vị trí của họ: họ đang ở trong những ngày cuối cùng của thời hiện tại (2:17). Thời đại sắp đến, thời đại của Đấng Mê-si-a, vẫn chưa hiện ra. Đê khăng định chắc chắn

vấn đề này, trước khi kết thúc bài giảng, có thể ông đã nói cho đám đông rằng thời đại phục hồi muôn vật của Đấng Mê-si-a sẽ không bắt đầu cho đến khi Đấng Mê-si-a trở lại (3:20-21).

Cũng giống như nhiều phép lạ do chính Chúa Jê-sus thi hành, phép lạ vừa mới được thực hiện đơn giản là một dấu hiệu, một bảng chỉ đường dẫn đến thời đại sắp đến, một hình mẫu cho trước về sự phục hồi sẽ đến của muôn vật, một biểu hiện về quyền năng của thời đại sẽ đến (Hê. 6:5). Vì vậy, đây là một đảm bảo hùng hồn rằng thời đại của Đấng Mê-si-a sẽ đến vào một ngày; nhưng câu hỏi còn hùng hồn hơn được dấy lên: Tại sao không phải là lúc này? Nếu Phi-e-rô và Giăng có năng quyền chữa lành một người què từ lúc mới sinh, tại sao không chữa cho là mọi loại bệnh tật như vậy? Làm thế nào có thể xem là đạo đức được, chứ đừng nói đến đạo đức Cơ đốc, khi có năng quyền như vậy nhưng lại không sử dụng nó làm ích lợi cho từng con người đang chịu đựng đau khổ? Hãy để chính Phi-e-rô giải thích điều đó.

Sự Toàn hảo trọn vẹn và Chúa của Sự sống

Đầu tiên ông quở trách đám đông vì đã ngạc nhiên trước phép lạ này, “Hỡi người Y-sơ-ra-ên, sao các ngươi lấy làm lạ về việc vừa xảy đến?”; rồi sau đó quở trách họ vì đã làm tưởng rằng chính ông và Giăng khiến cho người què bước đi bằng quyền phép hay là nhân đức riêng của bản thân mình (3:12).

Một ý tưởng đã từng (và đang) phổ biến cho rằng người ta có thể tích góp rất nhiều công đức bởi đời sống thánh khiết và thực hành tâm linh, và bởi năng lực của công đức đó họ có thể thi hành phép lạ. Hết lần này đến lần khác ý tưởng này thậm chí đã tạo ra những dạng mê tín dị đoan của Do thái giáo và Cơ Đốc giáo. Dầu vậy nó chưa bao giờ là một niềm tin thật của cả hai tôn giáo này. Thật ra nó hoàn toàn là một khái niệm ngoại giáo. Dù những người nam và nữ tín hữu Cơ đốc có thực hiện loại phép lạ gì, thì những tín hữu Cơ đốc này cũng chưa bao giờ khác hơn là những công cụ trong tay của Chúa phục sinh là Đấng sử dụng, hoặc không sử dụng họ tại thời điểm và địa điểm Ngài muốn. Không một Cơ đốc nhân thật nào từng thực hiện, hay nghĩ về việc họ thực hiện một phép lạ là do quyền năng thu được

từ công đức riêng của họ; cũng chưa bao giờ họ thực hiện một phép lạ do quyền năng bẩm sinh và gần như độc lập, cho phép họ làm phép lạ bất cứ khi nào họ muốn, cũng như cho phép họ thông báo trước rằng họ chuẩn bị thực hiện phép lạ. Phép lạ là dấu hiệu của một đời sống tâm linh mạnh mẽ.

Tuy nhiên, sau mọi lời đã rao ra từ Lễ Ngũ tuần, và sau tất cả những phép lạ khác, đám đông không có lý do gì để ngạc nhiên trước một phép lạ nữa hay thắc mắc về nguồn gốc của nó. Sâu xa trong lòng họ biết nguồn gốc của phép lạ ấy là gì, và cũng biết điều Phi-e-rơ sắp nói với họ. Nhưng điều quan trọng là, vì có họ và vì có chúng ta, một lần nữa ông đã nhắc lại cho đám đông sự phi lý và sự xấu xa của những điều họ đã làm gần đây. Vào lúc ông ngừng nói, tất cả chúng ta sẽ một lần nữa biết được tại sao thế giới này chưa phải là thiên đàng, và vì sao thời đại của Đấng Mê-si-a và sự phục hồi của muôn vật vẫn còn chậm trễ.

Vì thế Phi-e-rơ bắt đầu giải thích thế này: “Đức Chúa Trời của Áp-ra-ham, Y-sác, và Gia-cốp, Đức Chúa Trời của tổ phụ chúng ta đã làm vinh hiển đầy tớ Ngài là Đức Chúa Jê-sus” (3:13). Đây không phải là bài hùng biện dài dòng của một thầy giảng kém cỏi. Phi-e-rơ đang chú ý nhắc cho đám đông hiện tượng lịch sử rất lớn về sự hiện hữu của Y-sơ-ra-ên giữa các quốc gia khác. Ông bắt đầu với việc tham chiếu đến Áp-ra-ham như là người thành lập và là ông tổ của dòng dõi Y-sơ-ra-ên, tiếp đó nhắc đến các tổ phụ (3:13,15), nhắc đến lời tiên tri vĩ đại về Đầy tớ của Đức Chúa Trời của Ê-sai, trích dẫn một loạt các tiên tri (3:18, 21, 24, 25), ví dụ Sa-mu-ên (3:24), và trên hết là Môi-se (3:22), cuối cùng quay trở về chủ đề Áp-ra-ham, lời hứa về dòng dõi của ông, và Đầy tớ của Đức Chúa Trời (3:25-26).

Cuộc diễu hành qua nhiều thế kỷ dài này quả thật là một sự kế thừa sáng chói. Chưa từng có điều nào giống như vậy ở bất cứ một quốc gia nào trong toàn lịch sử. Ý nghĩa quan trọng của nó vượt trên hết mọi cường điệu. Đó là bước quan trọng đầu tiên trong chiến lược của Đức Chúa Trời đối với công cuộc phục hòa tối quan trọng đem thế giới trở về với Ngài và đối với việc bắt đầu một kỷ nguyên thanh bình.

Y-sơ-ra-ên là một quốc gia xuất hiện sau so với những quốc gia khác. Việc lập Y-sơ-ra-ên trở thành một quốc gia đặc biệt qua việc kêu gọi Áp-ra-ham, và việc thiết lập dòng dõi của ông chính là phản ứng của Đức Chúa Trời đối với việc các quốc gia dùng hình tượng tà thần để diễn giải vũ trụ sa ngã. Đó là cuộc phản đối của Đức Chúa Trời, làm chứng cho toàn thế giới rằng hòa bình thế giới và thiên đàng không thể được xây dựng dựa trên việc thần thánh hóa và tôn thờ vật chất, các thể lực và các tiến trình của vũ trụ, cũng không phải trên việc thờ phượng những thôi thúc tâm lý và thể chất được thần thánh hóa của con người như là tình dục, lòng tham, vinh hiển cá nhân, và sự gây hấn. Hình tượng là sai trái. Sống thờ hình tượng là sống giả dối. Vũ trụ của chúng ta là công việc của một Đức Chúa Trời Chân thật là Đấng Tạo hóa. Thiên đàng chỉ có thể xây dựng trên một mối liên hệ thật sự giữa loài người và Đấng Tạo hóa.

Rồi đến Môi-se cùng với một chuỗi dài các đấng tiên tri phản đối không chỉ các quốc gia ngoại bang, nhưng cả với Y-sơ-ra-ên, rằng hòa bình và thiên đàng sẽ không bao giờ được xây dựng trên nền tảng tôn giáo – cho dù là tôn giáo độc thần thanh sạch – dù đó là tôn giáo không có ý thức về luân lý hay phi luân lý; không liên quan đến lẽ thật, sự thánh khiết, và công bình; cá nhân, xã hội, hay chính trị. Hàng khối những cuộc nổi dậy trong các quốc gia ngoại bang đã cho chúng ta thấy y như vậy; vì trong khi được thành lập trên những nguyên tắc tạm gọi là tốt, họ cũng không thể thành công trong việc chữa lành được căn nguyên tội lỗi trong lòng con người, dù là với những hỗ trợ mạnh mẽ nhất của họ.

Đức Chúa Trời không vội vã trong cả hai “cuộc phản đối” này. Những điều kiện bên ngoài của thiên đàng có thể được thành hình chỉ bởi một lần vấy dĩa thần của Đức Chúa Trời. Nhưng thiên đàng không có những người nam nữ hiện diện trong đó thì chẳng có ý nghĩa gì. Cần phải tỏ cho dòng dõi loài người nhìn thấy và nhận biết rằng chỉ có công thức xây dựng thiên đàng của Đức Chúa Trời mới khả thi – việc đó không thể đạt được cách đơn giản bởi khai thị và mạng lệnh được soi dẫn của Đức Chúa Trời. Nhân loại đã và vẫn cần phải học hỏi qua sự dạy dỗ nghiêm khắc của kinh nghiệm lịch sử.

Vậy nên, trong thực tế, giống như điều Phi-e-rơ chỉ ra cho đám đông (3:25): ngay từ lúc Đức Chúa Trời thực hiện lời hứa ban đầu của Ngài với Áp-ra-ham – ngay từ khởi đầu chương trình của Ngài đã luôn có một cương lĩnh khác: đó là quyết tâm chúc phước cho nhân loại, và quyết tâm phục hồi tạo vật sa ngã của Ngài. Đó là toàn bộ mục đích của Ngài khi lập một giao ước với Áp-ra-ham để “các dân thiên hạ sẽ nhờ dòng dõi người mà được phước.” Đầu tiên có vẻ như qua cụm từ “nhờ dòng dõi người” Đức Chúa Trời đang nói đến quốc gia ra từ Áp-ra-ham; ở một mức độ nào đó thì điều này là sự thật. Nhưng khi lịch sử tiếp tục tiến về phía trước, quốc gia này hết lần này đến lần khác lâm vào đủ loại vấn đề đạo đức và tâm linh vô cùng nghiêm trọng đến nỗi chỉ có ký ức về giao ước với cha ông của họ, tức là với Áp-ra-ham và các tổ phụ, mới có thể giữ cho sống sót niềm trông cậy rằng mọi chi tộc trên đất sẽ được phước qua dòng dõi Áp-ra-ham.

Rồi khi các thế kỷ trôi qua, Đức Chúa Trời bắt đầu tập trung vào lời hứa của Ngài cách cụ thể. Môi-se, người giải phóng Y-sơ-ra-ên khỏi ách nô lệ tại xứ Ê-díp-tô, được soi dẫn để hứa rằng Đức Chúa Trời sẽ dấy lên một Đấng tiên tri đặc biệt theo khuôn mẫu của chính ông (3:22; Phục. 18:15-20). Một vài thế kỷ sau đó, Ê-sai được ủy thác nhiệm vụ công bố lời hứa rằng sau khi (và dẫn cho) quốc gia này thất bại trong vai trò đầy tớ của Đức Chúa Trời, Đức Chúa Trời vẫn cứ dấy lên Đầy tớ toàn hảo của Ngài, Đấng không chỉ sẽ giải phóng Y-sơ-ra-ên nhưng còn là Cứu Chúa của thế gian (3:13, 26; Ês. 49:1-6).

Giống như điều Phi-e-rơ nói (3:21, 24), thật ra có một chủ đề chung chạy xuyên suốt tất cả các sách tiên tri từ Sa-mu-ên trở đi, thông qua hình mẫu, lời hứa, và lời tiên tri, ấy là Đức Chúa Trời sẽ ban Đấng giải cứu, Vua, Đầy tớ, Đấng Mê-si của Ngài, và rằng đến một ngày Đức Chúa Trời sẽ phục hồi mọi vật mà các đấng tiên tri của Ngài từng người và hết thảy họ đã hứa với quần chúng rằng Ngài sẽ phục hồi. Kỷ nguyên hòa bình và thiên đàng sẽ xuất hiện.

Nhưng giờ đã đến lúc Phi-e-rơ chọn thủng các chỗ mưng mủ trong ký ức của đám đông. Ông công bố, tên của Đầy tớ đó là Jê-sus.

Đức Chúa Trời đã khiến Ngài sống lại và sai Ngài đến cùng các người (3:26); các người đã chối bỏ và giết Ngài (3:13-15); và Đức Chúa Trời đã làm cho Ngài được vinh hiển khi đem Ngài lên tại bên hữu của Đức Chúa Trời trên thiên đàng (3:13).

Ta có thể tưởng tượng được sự ngạc nhiên, các cảm giác tội lỗi, sự bất mãn, và phản đối của đám đông: “Làm thế nào ông có thể tự tin khẳng định điều đó? Ông có quyền gì mà nói như vậy?” Nhưng chúng cứ đang ở ngay trước mắt họ. Một người từng bị què bậy giờ đang đứng (đang bước đi và đang nhảy nhót!) ngay trước mắt họ. “Chúng tôi đã không cho ông ấy sự lành lặn hoàn toàn bởi quyền năng và lòng tin kính của chính mình. Đó là quyền năng trong danh Chúa Jêsus, và đức tin đến từ danh ấy, đặt trong danh ấy đã phục hồi thân thể ông ta trở nên khỏe mạnh hoàn hảo trở lại như mọi người thấy đây.” Với điều đó Phi-e-ơ triển khai phân tích ba tầng tội lỗi của họ:

1. “Các người đã bắt nạt và chối bỏ trước mặt Phi-lát, trong khi người có ý tha Ngài ra” (3:13). Vào ngày lễ Ngũ tuần Phi-e-ơ đã kết tội đám đông đã sử dụng người ở ngoài luật pháp (Do thái) (nghĩa là dân ngoại) như là công cụ để giết Chúa Jêsus (2:23). Mục đích ở đây có hơi khác một chút. Phi-e-ơ nhắc họ về việc khi họ giao nộp Đầy tớ của Đức Chúa Trời cho người ngoại bang là Phi-lát, người ngoại bang này lại không tìm thấy lý do để đóng đinh Ngài, nên không muốn thực hiện việc đó, và đã cố hết sức để thả Ngài. Nhưng họ, những đứa con trai của giao ước, công dân của quốc gia có đặc quyền đặc biệt mà qua họ Dòng dõi Lời hứa và Đầy tớ sẽ xuất hiện để ban phước cho dân ngoại, đã không nhận Ngài. Họ bảo với dân ngoại lời xưng nhận của Ngài là vô cớ và tệ hơn: họ thúc ép dân ngoại đóng đinh Ngài. Kể từ đó, vì không có Ngài họ không bao giờ có niềm trông cậy đáng tin để đặt trước dân ngoại. Thật vậy, dường như họ hoàn toàn từ bỏ việc rao giảng tin mừng cho dân ngoại.

2. “Các người đã chối bỏ Đấng Thánh và Đấng Công bình mà xin tha một kẻ giết người cho mình” (3:14). Phi-lát đã cho họ lựa chọn giữa Chúa Jêsus và Ba-ra-ba vì nghĩ rằng bởi sự khác biệt về tư cách đạo đức giữa Chúa Jêsus và Ba-ra-ba (và dù họ có ghét Chúa Jêsus đến đâu) họ sẽ không bao giờ chọn Ba-ra-ba. Nhưng khi phải đối diện

hoặc một Con người công bình và thánh khiết hoàn hảo hoặc một kẻ vì mục đích chính trị sẵn sàng giết người, thì họ cảm thấy thoải mái với Ba-ra-ba hơn và đã chọn ông. Hàng ngàn người đều có cùng một lựa chọn. Thực sự, việc những kẻ hôm nay giết người ngày mai lại trở nên người cầm quyền cũng chẳng phải hiếm hoi; nhưng dĩ nhiên tiến trình này không dẫn đến hòa bình và thiên đàng.

3. “Các người đã giết Chúa của sự sống” (3:15) – đây vốn là điều tỏ ra sự nổi loạn điên rồ dẫn đến chỗ tự hại chết mình khi dám chống lại Đức Chúa Trời và chối bỏ Đấng Cứu thế được chỉ định cho loài người. Bất kỳ hoạt động từ thiện nào của Hội thánh, hay phép lạ chữa lành thân thể nào, thậm chí sự thờ phượng Đức Chúa Trời trong đền thờ của Ngài cũng không thể đem lại sự sống vĩnh cửu và thiên đàng cho con người chừng nào họ vẫn còn chối bỏ Chúa của sự sống.

Việc này xảy ra mà không hề đề cập đến việc Phi-e-rơ không có ý bài Do thái, giống như các tiên tri Hê-bơ-rơ từng tố cáo tội lỗi của dân tộc trong nước mắt ngày xưa. Phi-e-rơ là một đứa con trung thành của Y-sơ-ra-ên, ông lập tức sẵn sàng nhìn nhận rằng đám đông – mà thật ra là các bậc lãnh đạo của họ, là những người đáng ra phải biết rõ hơn – đã vì lòng ngu dốt hành động như vậy (3:17).

Hơn nữa, giọng điệu của ông mang chủ ý hòa giải khi ông chỉ ra rằng Đức Chúa Trời đã cho phép chính sự ngu dốt của họ gây ra sự thương khó và sự chết của Đấng Mê-si-a, vốn là những điều các đấng tiên tri đã nói rằng chắc chắn sẽ phải xảy ra (3:18). Ê-sai đã giải thích vì sao Đầy tớ của Đức Chúa Trời phải chịu thương khó. Nếu “nhiều người” cần được xưng công nghĩa thì Đầy tớ phải mang lấy tội lỗi của họ (Ê-sai 53:11). Ngài phải bị vết vì tội lỗi của họ, bị thương vì sự gian ác của họ, để bởi các vết thương của Ngài họ được lành bệnh và việc giải hòa với Đức Chúa Trời có hiệu lực (Ê-sai 53:5).

Đức Chúa Trời không định hủy bỏ giao ước với Áp-ra-ham. Ngài đã, theo đúng giao ước ấy, đưa Đầy tớ Jê-sus của Ngài đến, đầu tiên là để chúc phước cho Y-sơ-ra-ên, trước khi phước hạnh này mở rộng ra cho dân ngoại (3:25-26). Đức Chúa Trời đã giữ vững các mục đích của Ngài: thời điểm phục hồi vũ trụ sẽ đến, thời điểm Đức Chúa Trời đã dự định và đã phán từ khởi thủy của thế giới (3:21), thời điểm khi

các tạo vật được giải phóng khỏi xiềng xích của sự hư nát và được đem vào sự tự do vinh hiển của địa vị làm con (Rô. 8:21), khi mà những người bị tàn tật về thể chất hay tinh thần không bao giờ bị để nằm trước của đền thờ của Đức Chúa Trời để ăn mày của bố thí và lòng thương xót nữa.

Nếu đám đông có được giao ước đó, tội lỗi của họ sẽ được xóa sạch, họ có thể chuẩn bị để tham gia vào sự trị vì trong hòa bình và vinh hiển sắp đến của Đấng Mê-si-a. Cánh cửa ăn năn đã mở, và bởi ơn thương xót của Đức Chúa Trời, thời gian cho sự ăn năn đã được định ra trong chương trình của Ngài: Đấng Mê-si-a hiện đã thắng thiên sẽ không tiến hành hủy diệt kẻ thù của Ngài và thiết lập vương quốc của Ngài ngay lập tức (3:19-21).

Mặt khác, Đấng Mê-si-a sắp trở lại (3:20). Họ cần phải ăn năn. Chính Môi-se đã cảnh báo rằng khi Đức Chúa Trời dấy lên “Đấng tiên tri giống như Môi-se,” thì họ phải lắng nghe Đấng tiên tri đó. Bất kỳ ai không nghe sẽ bị dứt bỏ khỏi dân sự hoàn toàn (3:22-23). Đức Chúa Trời sẽ không chờ mãi mà không thiết lập sự cai trị hòa bình của Đấng Mê-si-a.

Bài học cho chúng ta

Chúng ta vẫn cần lắng nghe lời giảng của Phi-e-rơ về Tin lành Cơ đốc. Thế giới chung quanh chúng ta vẫn là một thế giới đổ vỡ cần sự quan tâm và lòng trắc ẩn của Hội thánh. Cơ Đốc nhân chúng ta cần phải ban cho mọi điều có thể, vì “nếu ai có của cải đời này, thấy anh em mình đang cùng túng mà chặt dạ, thì lòng yêu mến Đức Chúa Trời thể nào ở trong người ấy được!” (1 Giăng 3:17). Chúng ta không được sai lầm khi cho rằng mối quan tâm Cơ đốc chính là Tin lành, hay khi cho phép công tác xã hội chúng ta thực hiện vượt ra khỏi vị trí của nó và lấn chiếm vào chỗ của công việc rao giảng Tin lành.

Thế giới ngày nay không hơn gì đám đông trong đền thờ, không còn muốn nghe chận trị tội lỗi, và những lời kêu gọi ăn năn, đặt niềm tin vào Đấng Christ. Nếu được chúng ta cho phép, thì đám đông ấy sẽ giảng giải luân lý cho chúng ta, họ sẽ thật sự giảng giải cho chúng ta về chính Cơ đốc giáo. Họ còn sẽ đề nghị, “nếu quý vị muốn trở nên

một Cơ đốc nhân chân chính thật sự, thì quý vị phải từ bỏ tất cả các giáo lý và giáo điều và việc rao giảng và cố gắng khiến người ta cải đạo, và thay vào đó thì hãy giúp đỡ người nghèo khó và người bệnh tật theo tinh thần thật sự của Chúa Jêsus.” Sự thật là thế giới muốn công việc từ thiện của Hội thánh; thế giới không muốn Cứu Chúa của Hội thánh. Khi đối diện cách cá nhân với Đấng Christ, “Đấng Thánh và Đấng Công bình,” thế giới ưa thích tội lỗi của con người hơn, thế giới chọn kẻ giết người, từ bỏ nhu cầu cứu rỗi, và từ khước Cứu Chúa. Thế giới này muốn có một thiên đàng không cần phải ăn năn, muốn có tiện ích từ lòng thương xót của Đức Chúa Trời nhưng lại không cần Người Đầy tớ của Ngài vốn là Đấng thực hiện các tiện ích ấy.

Nhưng điều đó là không thể. Trái đất của chúng ta không phải một cái máy vốn tự hiện hữu chỉ có điều đã hoạt động sai trật một chút nhưng với nền kỹ thuật và công nghệ ngày càng phát triển chúng ta có thể sửa chữa lại được, chỉ cần có sự hợp tác vận hành quốc tế và nỗ lực chân thành của mỗi người trong phần việc của mình. Đấng sau trái đất và vũ trụ của chúng ta là một Đấng Tạo hóa có thân vị và một Cứu Chúa có thân vị. Không phải khi mang ra tất cả các công nghệ kỹ thuật, chữa trị y học, trợ giúp xã hội, chiến lược kinh tế, khôn ngoan chính trị, và giáo dục đại chúng để xử lý các nan đề của thế giới thì sẽ có thể giải quyết được nan đề của thế giới và tạo ra một thiên đàng. Chừng nào thế giới cứ giữ thái độ ương ngạnh đối với Đấng Tạo hóa và khước từ Cứu Chúa đã được chỉ định cho thế giới thì sự phục hồi không thể xảy ra (3:20).

Vì thế chúng ta cần phải biết chắc điều này: sẽ không có sự phục hồi vương quốc, không có “thời kỳ thơ thái,” không có sự phục hồi muôn vật mà các đấng tiên tri đã hứa rằng sẽ được phục hồi, cho đến chừng Đấng Christ trở lại lần thứ hai (3:20-21). Chúng ta hãy lắng nghe những tuyên bố rõ ràng của Kinh Thánh, và không tự thỏa mãn với những mong đợi sai lầm.

Chúng ta cũng không được từ bỏ việc rao giảng. Nỗi đau của thế giới là rất lớn: nhưng nhu cầu chính yếu và khẩn cấp của nó là ăn năn và hòa giải với Đức Chúa Trời (IICô. 5:20). Chúng ta cũng cần phải

chắc chắn là Tin lành chúng ta rao giảng không chỉ đơn thuần là luân lý đạo đức. Đây là một thế giới tội lỗi và nổi loạn; nhưng Đức Chúa Trời trong Đấng Christ đã chủ động, và có một con đường rộng mở dẫn đến sự tha thứ và hòa giải. Chúng ta đừng xấu hổ về niềm trông cậy mình có, nhưng hãy bày tỏ niềm trông cậy đó trong sự tích cực và vui mừng. Thế gian sẽ nhiech móc cho rằng niềm trông cậy ấy giống như bánh vẽ; nhưng bản thân thế gian lại không có đủ niềm trông cậy tối hậu cho hành tinh – hãy hỏi một nhà vũ trụ học thì sẽ biết, khi không có Đức Chúa Trời và Đấng Mê-si-a, thì không có niềm trông cậy tối hậu nào cho từng cá nhân. Lời hứa về một kỷ nguyên xã hội chính trị mới trong tương lai có ích gì cho một người mẹ trẻ ba mươi ba tuổi đang bị ung thư thời kỳ cuối? Trong Đấng Christ có niềm trông cậy, là niềm trông cậy thật, dành cho cả cô ấy và cho toàn cõi thiên nhiên. Đức Chúa Trời đã tạo ra thế giới của chúng ta và cũng là Đấng tạo nên chúng ta rồi đặt vào trong thế giới đó, Ngài đã tính đến việc loài người sẽ nổi loạn, và đã có một chương trình cứu chuộc tương xứng với nhu cầu và phù hợp để thực hiện. Chương trình đó đã được tiến hành lâu rồi. Niềm vui của sự phục hồi sẽ ngập tràn vũ trụ cách nhanh chóng.

Xung đột giữa các quan điểm

Đám đông đang lắng nghe Phi-e-rơ tại một hành lang của đền thờ. Thịnh linh vị quan cai đền thờ xuất hiện, bắt Phao-lô và Giảng bỏ vào ngục (4:1-3). Đó là giây phút định mệnh, vì ở đây đã có sự rạn nứt giữa Do thái giáo chính thống và Cơ đốc giáo đầu tiên mà sau này càng mở rộng ra thành một vực thẳm không thể hàn gắn được. Vì vậy, vào thời điểm này, Lu-ca thận trọng giúp chúng ta xác định những người đang thực hiện nỗ lực đàn áp Cơ đốc giáo đầu tiên, và lý do họ làm việc đó.

Cần phải nói ngay lập tức là họ không đại diện cho toàn quốc gia Do thái. Lu-ca cho biết là quan cai đền đến cùng với các thầy tế lễ và người Sa-đu-sê (4:1); và cụm từ “các thầy tế lễ và người Sa-đu-sê” cho thấy rằng những người Sa-đu-sê cụ thể này không phải là thầy tế lễ, nhưng là những tín hữu bình thường. Những tín hữu Sa-đu-sê này, không phải là điển hình của toàn thể quốc gia, nhưng thuộc về

một nhóm quý tộc rất khép kín xuất thân từ những gia đình quý tộc thời xưa.

Những thầy tế lễ đi cùng với quan cai đền thờ cũng giống như ông, vốn là những thầy tế lễ thượng phẩm; họ là những thầy tế lễ cấp cao ở những vị trí tế lễ quan trọng và cùng với thầy cả thượng phẩm kiểm soát đền thờ và những buổi thờ phượng của đền thờ. Họ không phải là điển hình của chức vụ tế lễ nói chung, vốn thường là người thuộc phái Pha-ri-si. Thầy cả thượng phẩm và thầy tế lễ thượng phẩm là những tầng lớp quý tộc tôn giáo vốn làm tất cả mọi điều họ có thể để giữ cho chức vị cao nhất thuộc về vòng tròn ít ỏi trong gia đình và bạn bè thân thích (4:6). Vậy nên Lu-ca cho chúng ta biết (5:17) họ cũng là người Sa-đu-sê.

Vào thời Tân ước Tòa Công luận bao gồm nhiều người Pha-ri-si. Ga-ma-li-ên (5:34), người kêu gọi thận trọng trong việc đối phó với Cơ đốc nhân, là một trong số đó – và họ là một lực lượng kiểm chế đáng kể đối với người Sa-đu-sê. Tuy nhiên, những thầy tế lễ quý tộc Sa-đu-dê, được hậu thuẫn bởi những quý tộc Sa-đu-sê không có chức danh tôn giáo đã vận dụng quyền lực dựa vào phân tỉ lệ số lượng của họ.

Thầy cả thượng phẩm là người đứng đầu Tòa công luận. Tuy nhiên, ông là người trung gian duy nhất giữa loài người và Đức Chúa Trời, bởi vì chỉ có một mình ông vào trong Nơi Chí thánh vào ngày Đại lễ Chuộc tội .

Thầy cả thượng phẩm hành động đại diện cho đất nước trong mọi đàm phán với những người lãnh đạo chính trị thuộc đảng phái Hê-rốt và đế quốc La-mã, và ở dưới họ, ông chịu trách nhiệm ở một phạm vi đáng kể về hành vi của dân chúng. Hơn nữa, ông có thẩm quyền thuộc linh tối cao đối với người Do thái sống ở ngoại quốc, đền thờ nơi ông nắm quyền điều khiển tối cao là trung tâm của các cuộc hành hương của họ, và ông là người nhận những đóng góp tiền bạc, phần mười, và của dâng rất lớn của họ.

Vì vậy, cuộc chống đối Cơ đốc giáo đầu tiên đến từ đảng Sa-đu-sê hùng mạnh, và nó xảy ra vì nhiều lý do lẫn lộn. Trước hết, những điều các sứ đồ rao giảng hoàn toàn đối nghịch với niềm tin thần học của

người Sa-su-sê. Các sứ đồ đang công bố về sự phục sinh của người chết (4:2), nhưng một cương lĩnh căn bản trong thần học của người Sa-đu-sê vốn không có khái niệm phục sinh, hay thậm chí sự tồn tại của linh hồn con người sau khi chết (23:8).

Hơn nữa, người Sa-đu-sê là những người rất thế gian. Qua những thế kỷ gần đây họ đã bị ảnh hưởng sâu sắc bởi tư tưởng và văn hóa Hy Lạp, kết hợp với sự thỏa mãn trong việc vận dụng quyền lực trên thế gian, đã làm cho họ trở thành những người có tâm trí quan tâm đến thế gian suy đồi trong các vấn đề tôn giáo. Họ có tài sản (họ vui hưởng những món lợi rất lớn từ đền thờ), họ có quyền lực, họ ở giữa vòng những người có vị trí cao nhất (cả đối với Do thái và dân ngoại), họ có giáo dục, họ bóng bẩy, và tinh tế. Thế giới này đối với là họ quá tốt rồi. Họ không thể nhìn thấy mọi điều đó sai trái nhiều đến vậy. Như Phao-lô sau này cho biết, họ yêu mến thế giới hiện tại. Đó là thế giới duy nhất họ tin vào.

Tại đây, những sứ đồ Cơ đốc đang lấp đầy tâm trí của đám đông bằng lời tiên tri và lai thế học về sự trở lại của Chúa Jê-sus, và niềm trông cậy về vương quốc của Đấng Mê-si-a hiện đến, tất cả mọi điều đó dựa trên giả định về tính chân thật của sự phục sinh. Điều đó xúc phạm đến tinh thần Hy Lạp sâu sắc của họ, nó thách thức phong cách sống của họ, thế giới quan của họ, và các lợi ích họ có được.

Còn tệ hơn nữa, xét cho cùng, người Pha-ri-si cũng giống với các Cơ Đốc nhân, tin vào sự phục sinh và sự tồn tại của linh hồn con người sau sự chết; người Sa-đu-sê đã học cách khoan thứ họ. Nhưng những Cơ đốc nhân này không chỉ giảng dạy về sự phục sinh, họ “dạy dân chúng và rao truyền, nhân Đức Chúa Jê-sus, sự từ kẻ chết sống lại” (4:2). Các thầy tế lễ thuộc tầng lớp quý tộc có thể phải đối diện với những tác động rất nghiêm trọng nếu sứ điệp của các môn đồ được tin tưởng. Chúa Jê-sus đã lên án họ trước đám đông, ngay trong chính đền thờ của họ, vì việc họ buôn bán trong đền thờ, Ngài cáo buộc họ là phường trộm cướp và phạm thượng. Họ đã là những kẻ cầm đầu chủ chốt trong việc đóng đinh Ngài. Họ đã biết sử dụng kỹ năng khéo léo ép buộc Phi-lát, và chính họ đã khéo léo lèo lái đám đông chọn tên giết người Ba-ra-ba thay vì Jê-sus (Giăng 19:14-16;

Mác 15:11). Thật nguy hiểm nếu giờ đây đám đông được thuyết phục tin rằng việc hành quyết Jê-sus là một vụ giết người, rằng Jê-sus thật ra chính là Đấng Mê-si-a, rằng Đức Chúa đã khiến Ngài sống lại từ cõi chết, và rằng một ngày kia Ngài sẽ trở lại. Là người thuộc phái Sa-đu-sê họ không tin vào sự phán xét cá nhân trong tương lai; ý tưởng Chúa Jê-sus là Chúa và giờ họ phải kêu cầu danh Ngài nếu họ muốn thoát khỏi sự phán xét trong Ngày lớn và rục rờ của Chúa đối với họ là vô nghĩa. Nhưng có thể gieo nguy hiểm nếu đám đông chấp nhận điều này. Đám đông cần phải ngừng tin vào sự kiện này (4:17; 5:28). Tại Giê-ru-sa-lem đã có một cộng đồng đáng kể lên đến vài ngàn người gồm những người cải đạo ở dưới sự hướng dẫn của những người được gọi là sứ đồ. Bài giảng chiều nay sẽ sản sinh ra thêm một nhóm nữa (4:4). Đã đến lúc dừng việc đó lại. Vì thế họ đã bắt Phi-e-rơ và Giảng trước mắt đám đông, và giam họ vào ngục.

Cho dù từ một phác họa nho nhỏ này cũng có thể thấy Cơ đốc giáo đầu tiên có nhiều tương đồng với thế giới quan của phái Pha-ri-si hơn là của phái Sa-đu-sê (tham khảo phát biểu của Phao-lô ở 23:26, “Hỡi anh em, tôi là người Pha-ri-si, con của dòng Pha-ri-si. Ấy là vì sự trông cậy của chúng ta và sự sống lại của những kẻ chết mà tôi phải chịu xử đoán”); và vì thế có Cơ đốc giáo chuẩn mực từ đó trải qua suốt các thế kỷ. Đến nỗi đến ngày nay rất nhiều người trong thế giới Cơ đốc (và cũng có rất nhiều người từ bên ngoài) cảm thấy vô cùng lạ lùng với ý tưởng rằng con người có thể lập nghiệp trong lĩnh vực tế lễ, nghi lễ, và dâng sinh tế nhưng lại tin rằng sự chết chấm dứt mọi thứ và rằng không có sự phục sinh cũng không có sự phán xét sau cùng. Họ đặt câu hỏi “Vậy thì mục đích của tôn giáo là gì nếu như họ không tin vào những điều đó?”

Người Sa-đu-sê sẽ trả lời rằng mục đích của tôn giáo là để giữ cho các cá nhân và toàn quốc gia làm Đức Chúa Trời đẹp lòng trải suốt cuộc sống của họ trên đất; và thêm nữa, nếu không phải là để điều khiển, thì để gieo ảnh hưởng trên cuộc sống chính trị, thương mại, xã hội, và gia đình của con người sống theo luật pháp của Đức Chúa Trời vốn được bày tỏ qua năm sách đầu tiên của Cựu ước. Trong những thập kỷ gần đây, tại một vài nơi trong thế giới Cơ đốc

việc quay trở về với cách người Sa-đu-sê hiểu về tôn giáo đã không còn đơn thuần là một xu thế. Những đề xướng gọi là Cơ đốc giáo thế gian – vốn trở nên nổi bật trong những năm 1960 và đầu những năm 1970 – đã thắng hơn cả phái Sa-đu-sê về phương diện thần học và mang bản chất Sa-đu-sê đúng nghĩa. Dĩ nhiên, nhiều phiên bản của thần học tự do đã trỗi lên để đấu tranh chống lại thái độ quý tộc Sa-đu-sê của một vài người, là những người sử dụng chức tế lễ để làm giàu cho bản thân và lừa bịp không chỉ người dân mà thậm chí là những thầy tế lễ chức vị thấp hơn. Nhưng khi bàn đến thái độ của thần học tự do đối với sự hiện đến lần thứ hai của Đấng Christ và đối với câu hỏi làm thế nào thời đại công bằng, bình an và dư dật có thể được hình thành, thì thế giới quan này rõ ràng có khuynh hướng của phái Sa-đu-sê hơn là Cơ đốc giáo.

Thường thì đây là một câu hỏi có ý định nhấn mạnh chứ không phải là có ý gắn kết vào một trường phái thần học cụ thể. Ở vương quốc Anh, dù ở mức độ nào, rất hiếm có một bài giảng qua chương trình phát thanh lại trình bày niềm trông cậy Cơ đốc rõ ràng và được nhấn mạnh tương tự như Phi-e-rơ đã thực hiện trong bài giảng mà chúng ta vừa mới nghiên cứu. Đó không phải là vì Cơ đốc giáo đã không đạt đến sự hiểu biết đầy đủ về sự phục sinh, sự tôn cao, và sự trở lại lần thứ hai của Đấng Christ. Đúng hơn là vì nhiều người đội lốt Cơ đốc đã định tâm quay lại với thế giới quan của một người Sa-đu-sê.

PHẦN MỘT: CHUYỂN ĐỘNG 2

Chống Đối Chương Trình Của Đấng Christ (4:5-6:7)

Theo quan điểm của chúng ta

Chúng ta đã chạm đến được mép nước trong dòng sông tường thuật của Lu-ca; vậy nên chúng ta nên dừng lại và xem xét vấn đề dựa trên quan điểm của chúng ta. Nhìn trở lại bốn sự việc chính ở Phần Một, giờ có thể nói là chúng ta có thể nhìn biết làm thế nào chúng cùng được gộp lại với nhau bởi chủ đề phục hồi muôn vật. Câu hỏi về thời điểm xảy ra sự kiện này vốn được đặt ra một cách đáng chú ý trong Sự việc thứ 1 bây giờ đã được trả lời trong Sự việc thứ 4, vốn cũng đáng chú ý như vậy:

Sự việc thứ 1: “Lạy Chúa, có phải trong lúc này Chúa sẽ lập lại nước Y-sơ-ra-ên chăng?” Và Ngài phán rằng, “Kỳ hạn và ngày giờ ... ấy là việc các ngươi chẳng nên biết” (1:6-7).

Sự việc thứ 4: “...Chúa sai Đấng Christ đã định cho các ngươi, tức là Jêsus, mà trời phải rước về [và Ngài ở đó] cho đến kỳ muôn vật đổi mới...” (3:20-21).

Khi xem xét, chúng ta sẽ nhận thấy bốn sự việc chính tiếp theo được gộp lại cùng với nhau theo cách tương tự:

Sự việc thứ 5: “Bữa sau, các quan, các trưởng lão, các thầy thông giáo nhóm tại thành Giê-ru-sa-lem, với An-ne, là thầy cả thượng phẩm, Cai phe, Giăng, A-léc-xan-đơ và hết thầy mọi người thuộc về họ thầy cả thượng phẩm. Họ bắt Phi-e-rơ và Giăng đến hầu trước mặt mình...” (4:5-6).

Sự việc thứ 8: “Đạo Đức Chúa Trời càng ngày càng tràn ra, số môn đồ tại thành Giê-ru-sa-lem thêm lên nhiều lắm. Cũng có rất nhiều thầy tế lễ vâng theo đạo nữa.”

Vậy thì thái độ của tầng lớp tế lễ Do thái đối với các Cơ đốc nhân đầu tiên sẽ là một trong những chủ đề chính của bốn sự việc cuối cùng này. Cụ thể chúng ta sẽ khám phá ra rằng chính thầy cả thượng phẩm, các thầy tế lễ thượng phẩm và các thành viên họ hàng thầy cả thượng phẩm vốn khác biệt với các thầy tế lễ bình thường khác sẽ chống đối các sứ đồ kịch liệt. Cũng dễ hiểu thôi. Họ cùng với tầng

lớp quý tộc không có chức vị tế lễ vốn là giai cấp cai trị trong Do thái giáo; và sự ảnh hưởng ngày càng cao của các sứ đồ trên dân chúng lay động cả lòng ghen tức (5:17) lẫn nỗi sợ hãi của họ (5:28).

Trong những thế kỷ rất gần đây, cũng giống như việc xảy ra với tất cả các trách nhiệm thuộc linh được thể chế hóa, chức vụ thầy cả thượng phẩm đã liên can đến nhiều thao túng và âm mưu chính trị, tính thiêng liêng của nó đã bị hoen ố nghiêm trọng. Một số hệ phái “không tuân thủ” trong Do thái giáo hoàn toàn bác bỏ những vị chủ sở hữu hiện tại của chức vị này. Dầu vậy, thầy cả thượng phẩm vẫn có được sự thuận phục của đại đa số người dân ở trong và ngoài nước, dầu không phải lúc nào cũng có được sự kính trọng của họ. Tuy nhiên, toàn bộ câu chuyện của Jêsus người Na-xa-rét và bây giờ là sự rao giảng của các môn đồ của Ngài là một mối nguy hại thực sự đang làm xáo trộn công chúng.

Trong Tin lành của mình, Lu-ca đã nhấn mạnh thực tế là những thường dân yêu mến Chúa Jêsus (Lu ca 21:37-38), và chỉ vào phút cuối cùng giai cấp cai trị giữ chức vị tế lễ mới có thể thuyết phục dân chúng chống lại Ngài. Bây giờ trong những chương này của sách Công vụ, Lu-ca nhấn mạnh cùng một việc ấy: những con người bình thường, thậm chí những người đã không cải đạo lại là những người ngay từ đầu có thiện ý đối các sứ đồ và Cơ đốc nhân. Nếu những thầy giảng Cơ đốc thành công trong việc thuyết phục những người này rằng việc đóng đinh Chúa Jêsus rốt cuộc chính là sát hại Đấng Mê-si-a, thì điều này sẽ hủy hoại thẩm quyền thuộc linh của thầy cả thượng phẩm trên dân chúng và dẫn đến những hậu quả chính trị không ai lường trước được. Dù các thầy tế lễ thượng phẩm và những quý tộc đều có quyền cao chức trọng, họ cũng không thể làm ngơ trước những gì đang xảy ra trên dân chúng (4:2, 17, 21, 5:17, 25-26). Vì thế họ cảm thấy phải bảo vệ và duy trì thẩm quyền của họ và đòi hỏi mọi người phải vâng phục thẩm quyền đó. Vì vậy, vâng phục thẩm quyền sẽ trở thành vấn đề chính bị đe dọa giữa các sứ đồ và các tòa án: “Phi-e-rơ và Giăng trả lời rằng: Chính các ông hãy suy xét, trước mặt Đức Chúa Trời có nên vâng lời các ông hơn là vâng lời Đức Chúa Trời chăng” (4:19); “Phi-e-rơ và các sứ đồ trả

lời rằng: Thà phải vâng lời Đức Chúa Trời còn hơn là vâng lời người ta” (5:29).

Nhưng những từ ngữ tương tự này sẽ xuất hiện trong những kết nối khác, và vì thế, giống như tiếng chuông, chúng sẽ làm vững mạnh ý tưởng này. Trong đoạn 5:36 những người đi theo nhân vật Thê-đã mới nổi lên, được mô tả là “cả thầy những kẻ [vâng theo] hẳn”; và ở 5:37 những người theo Giu-đa người Ga-li-lê cũng được gọi theo cách tương tự là “bao nhiêu kẻ [vâng theo]”. Trong một chú thích vui vẻ hơn, Phi-e-rơ nói ở 5:32 rằng Đức Chúa Trời đã ban Đức Thánh Linh “cho kẻ vâng lời Ngài”; và ở 6:7 chúng ta thấy rằng một lượng lớn các thầy tế lễ “vâng theo đạo nữa.”

Bây giờ sự mâu thuẫn về thẩm quyền giữa các sứ đồ và những người lãnh đạo thuộc linh của Do Thái giáo chính thống này sẽ đẩy lên một câu hỏi thú vị về bản chất và lập trường của Cơ Đốc giáo thời kỳ đầu tiên. Có phải, ít nhất là trong sự ra đời của Cơ Đốc giáo, là một chuyển động được đánh dấu bởi việc bất chấp thẩm quyền hợp lệ được chỉ định? Có phải Cơ Đốc Giáo là nguyên nhân của sự chia rẽ sau đó giữa Do thái giáo và Cơ Đốc giáo? Có phải Cơ Đốc giáo chỉ đơn giản là một chuyển động phổ biến và cơ bản là hỗn loạn vô chính phủ?

Điều đầu tiên cần được quan sát trong kết nối này là việc các sứ đồ là những người dốt nát không học, là những tín hữu bình thường vốn như tòa án nhận thấy (4:13). Đối với những người như vậy, việc bất tuân thẩm quyền thuộc linh cao nhất trong xứ và toàn thể Tòa Công luận là một hành động vô cùng táo bạo, đòi hỏi rất nhiều gan góc và can đảm; người ta có thể cho đó là một hành động mà bản thân những người thực hiện không hề xem nhẹ.

Trên hết những điều này, các Cơ Đốc nhân đầu tiên là những người đặt lòng tin vững vàng nhất vào Cựu ước, vì vậy họ mạnh mẽ tin vào thẩm quyền thiên thượng thuộc về định chế tôn giáo của Y-sơ-ra-ên. Thông thường họ sẽ là người cuối cùng tiếp nhận đổi mới hay thái độ vô chính phủ trong các vấn đề thuộc linh, hay là khuyến khích người khác có những thái độ như vậy. Cũng cần lưu ý rằng không có chỗ nào trong sách Công vụ mà chúng ta có thể thấy họ xui khiến

dân chúng thù oán chống lại Tòa Công luận. Khi nói chuyện với dân chúng, họ thậm chí biện minh cho việc những người lãnh đạo của họ đã đóng đinh Đấng Christ (3:17).

Hơn nữa, chính Đấng Christ đã cảnh báo họ chống lại việc vô chính phủ thuộc linh: “Các thầy thông giáo và người Pha-ri-si đều ngồi trên ngai của Mô-i-se. Vậy, hãy làm và giữ theo mọi điều họ đã bảo các ngươi; nhưng đừng bắt chước việc làm của họ, vì họ nói mà không làm.” (Ma-thi-ơ 23:2-3). Dù cho họ có nghĩ về những thất bại của những người giữ chức vị giải nghĩa Kinh thánh như thế nào đi nữa, họ cũng kính trọng bản thân chức vị đó, và thẩm quyền của Kinh thánh mà những người nắm giữ chức vị đó giải nghĩa.

Cũng vậy, đối với chức vụ thầy tế lễ. Phao-lô trong một lần chịu đau đớn bởi một mệnh lệnh rất bất công của người đứng đầu của Hội đồng Do thái, ông bị khám xét trước mặt họ, và ông đã lên án người đứng đầu này bằng những từ ngữ mạnh mẽ nhất (23:1-5). Nhưng ngay lập tức ông xin lỗi khi biết được rằng người đứng đầu đó chính là thầy cả thượng phẩm, ông làm như vậy là vì mệnh lệnh thuộc linh mà ông đã trích dẫn sau đó, “đừng rửa sả vua chúa của dân sự người” (Xuất. 22:28) (được dịch tại Công vụ 23:5 là “Chớ sỉ nhục người cai trị dân mình” - ND).

Được Đấng Christ cảnh báo nên các sứ đồ chống lại tình trạng vô chính phủ trong tôn giáo, tuy nhiên, họ cố tình bác bỏ mệnh lệnh của thầy cả thượng phẩm và thách thức Hội đồng tối cao của đất nước họ, là điều chúng ta sẽ bàn đến trong phần kế tiếp. Vậy thì điều gì đã khiến họ thực hiện bước đi cực đoan này?

DẤY NGHỊCH CÙNG ĐỨC CHÚA TRỜI: CUỘC ĐIỀU TRA ĐẦU TIÊN CỦA HỘI ĐỒNG (4:5-31)

Thẩm quyền và sự phục sinh

Hội đồng tra xét Phi-e-rô và Giảng được hình thành bởi những người cai trị, các trưởng lão, và thầy dạy luật. Bỏ qua việc phỏng vấn và thực hiện điều tra, họ bắt đầu tiến hành đặt câu hỏi “Bởi quyền phép nào hay là nhân danh ai mà các ngươi làm [phép lại] này?”, họ làm như thể họ không biết, và như thể có đến một trăm lẻ một đáp án

đúng để lựa chọn. Nhưng dĩ nhiên họ đã biết rồi; Lu-ca vừa mới cho chúng ta hay lý do tại sao họ bắt Phi-e-rơ và Giăng, bởi vì họ đã “dạy dân chúng và rao truyền, nhân Đức Chúa Jê-sus, sự từ kẻ chết sống lại” (4:2). Nhưng họ đang tinh vi chuẩn bị các môn đồ cho mệnh lệnh sau đó của họ, ấy là các môn đồ phải nhất quyết từ bỏ mối liên quan cần thiết giữa năng quyền và sự phục vụ của hội thánh đối với thế giới và niềm tin của hội thánh vào Chúa Jê-sus người Na-xa-rét phục sinh từ cõi chết.

Tòa án đã không có phản ứng đối với việc các sứ đồ giúp đỡ người bị bệnh, cũng không phản đối việc họ tùy dịp tiện thực hiện một hay hai phép lạ. Nếu các sứ đồ đã hài lòng để nói một cách mơ hồ rằng họ đã thực hiện phép lạ này trong danh và bởi quyền năng của Đức Chúa Trời, Đấng Tạo hóa đầy yêu thương của mọi vật, thì tòa án sẽ rất vui mừng và sẽ bỏ qua các tiến trình xử lý. Nhưng điều khiến tòa án không thể chịu được là các sứ đồ cứ khẳng khẳng rằng có một mối liên quan cần thiết và không thể thiếu giữa phép lạ và việc phục sinh của Chúa Jê-sus, cùng với ý nghĩa của việc ấy là Chúa Jê-sus chính là Đấng Christ. Hơn tất cả những người khác, họ có trách nhiệm trong việc xử tử Chúa Jê-sus. Có chắc là trước mặt thầy cả thượng phẩm và Tòa Công luận, những tín hữu dốt nát này không duy trì một lập trường nhấn mạnh rằng chính thầy cả thượng phẩm là an-ti Christ vì là an-ti Đức Chúa Trời không?

Câu trả lời của các sứ đồ rất thẳng thắn và không khoan nhượng. Lịch sử đã không bị chối bỏ và quên lãng, thân vị của Chúa Jê-sus hằng sống và được tôn cao cũng không bị một Đức Chúa Trời là Đấng-ai-cũng-có-thể-tin-vào giảm bớt mức độ đẹp lòng. Thậm chí công tác xã hội tốt lành của họ cũng không bị chia rẽ khỏi tin lành của Chúa Jê-sus Christ:

Nếu ngày nay chúng tôi bị tra hỏi vì đã làm phước cho một người tàn tật, lại hỏi chúng tôi thế nào người đó được lành, thì hết thầy các ông, và cả dân Y-sơ-ra-ên đều khá biết, ấy là nhân danh Đức Chúa Jê-sus Christ ở Na-xa-rét, Đấng mà các ông đã đóng đinh trên thập tự giá, và Đức Chúa Trời đã khiến từ kẻ chết sống lại, ấy là nhờ Ngài mà người này được lành mạnh hiện đứng trước mặt các ông(4:9-10).

Rõ ràng các sứ đồ đã không tin rằng chúng ta có thể thỏa lòng

nhân danh Chúa để làm việc lành mà không nhấn mạnh việc công bố về Đấng Christ cho bất cứ người nào.

Thẩm quyền và Kinh thánh

Nhưng mới nhìn vào chúng ta không thấy lập trường của các sứ đồ là vô lý sao? Không lỗi bịch sao khi đề nghị thừa nhận – và càng lỗi bịch gấp đôi khi đôi ba tín hữu bình thường lại đề nghị thừa nhận như vậy – rằng tôn giáo ưu việt nhất và thẩm quyền thuộc linh cao nhất trong đất nước có thể phạm một lỗi cơ bản khi (1) không nhận ra Đấng Mê-si-a của Đức Chúa Trời khi Ngài đến, và (2) thật đã đóng đinh Ngài? Đành rằng một trường hợp như vậy có thể xảy ra khi thầy cả thượng phẩm quý tộc không phải là người có tư cách nắm giữ chức vị này cách hợp pháp, rằng họ tham những trong việc quản lý các khoản thu của đền thờ, và họ bạo ngược đối với các thầy tế lễ bình thường. Nhưng chỉ nghĩ đến thôi cũng khó có thể tin rằng ngay trong lĩnh vực tôn giáo và thuộc linh, là lĩnh vực thuộc chuyên môn của họ, không lẽ họ lại có thể thực hiện những bản án ngang ngược và gây sốc khi chối bỏ và xử tử Đấng Mê-si-a sao?

Đúng vậy, thật không may đó lại là điều có thể nghĩ đến, các nhận xét sau đó của các sứ đồ cho biết về sự chống đối. Họ đã trích dẫn một đoạn Kinh thánh trong Thi thiên 118:22 rằng: “Hòn đá mà thợ xây loại ra, đã trở nên đá đầu góc nhà” (đó là viên đá xây nhà rất lớn được dùng đặt ở một góc quan trọng, để chịu sức nặng của tòa nhà và tạo góc cho tòa nhà trong xây dựng thời xưa). Trong bối cảnh tác giả Thi thiên đang nói về cửa của Chúa (c. 20), về việc dâng sinh tế (c. 27), và về nhà của Đức Giê-hô-va (c. 26). Toàn bộ quang cảnh đó thuộc về đền thờ, và các hình ảnh vì vậy cần được hiểu theo chiều hướng này. Vậy thì ai có thể là “thợ xây”, nếu không phải là những người được giao phó coi sóc đền thờ, những thầy tế lễ cả, quan cai đền thờ, và thầy tế lễ thượng phẩm còn lại? Hình ảnh “viên đá góc nhà” này còn có thể áp dụng với ai phù hợp cho bằng Đấng Mê-si-a? Với tư cách là một nguyên mẫu Thi thiên này nói rằng có một ngày thầy tế lễ thượng phẩm và đồng nghiệp của ông sẽ chối bỏ Đấng Mê-si-a, và không tìm ra chỗ dành cho Ngài trong hệ thống tôn giáo của họ; nhưng thi thiên cũng nói rằng bất chấp sự chối bỏ của họ Đức

chúa Trời sẽ can thiệp để khiến Đấng Mê-si-a trở thành cái nền của đời sống tôn giáo của quốc gia, là viên đá góc thật sự của đền thờ của vũ trụ.

Đó là cách Phi-e-rơ đã áp dụng, ông nói: “Jê-sus này là hòn đá bị các ông xây nhà bỏ ra, rồi trở nên hòn đá góc nhà” (4:11). Đó là một trích dẫn thích hợp đến nỗi gây bối rối.

Thẩm quyền và sự cứu rỗi

Nói một cách nghiêm túc, vào lúc này Phi-e-rơ đã là trả lời câu hỏi đặt ra cho ông. Chúng ta vẫn còn nhớ ông đã bị thẩm vấn là, “Bởi quyền phép nào hay là nhân danh ai mà các ngươi làm điều này?” Bây giờ ông đã trả lời rằng đó là trong danh của Chúa Jê-sus mà người bị què này đã “được cứu” (“được lành” – bản Truyền thống Việt ngữ) (4:9). Nhưng Phi-e-rơ không thỏa lòng với câu nói nửa chừng như vậy. Sự chữa lành cho người tàn tật này là một ví dụ về sự “cứu rỗi” thuộc thể (vốn là lý do tại sao các bản dịch dịch từ này khá chính xác, ấy là “làm cho toàn vẹn” hay “được lành”); nhưng cũng những quy tắc này được áp dụng cho sự cứu rỗi trong ý nghĩa cao nhất của từ này. Nếu Phi-e-rơ đã không nói thêm vào, thì thầy tế lễ thượng phẩm có thể đã lẩn tránh sự tấn công của việc trích dẫn Thi thiên bằng việc tự nguyện biện cho bản thân, nếu không nói ra thành tiếng, rằng trong khi Chúa Jê-sus vốn rất quan trọng đối với các sứ đồ, thì quả là một sai lầm khi nghĩ rằng Ngài là con đường duy nhất đến với sự cứu rỗi; nếu người ta chân thành trong việc chối bỏ Chúa Jê-sus, họ có thể vẫn tìm cách để đến với Đức Chúa Trời bằng những con đường khác.

Theo Phi-e-rơ thì không phải như vậy, vì ông đã nói thêm: “Chẳng có sự cứu rỗi trong đấng nào khác; vì ở dưới trời, chẳng có danh nào khác ban cho loài người, để chúng ta phải nhờ đó mà được cứu” (4:12).

Trong một ý nghĩa nhất định Phi-e-rơ đang nói ra một quy luật mà mọi người trong Tòa Công luận đều đã tin – hoặc đã xưng nhận rằng họ tin: “Ấy chính ta, chính ta là Đức Giê-hô-va, ngoài ta không có cứu chúa nào khác. Ấy chính ta là Đấng đã rao truyền, đã giải cứu, và đã chỉ bảo, chẳng có thần nào lạ giữa các ngươi... Hỡi các ngươi

hết thấy ở các nơi đầu cùng đất, hãy nhìn xem ta và được cứu! Vì ta là Đức Chúa Trời, chẳng có Chúa nào khác” (Ê-sai 43:9-12; 45:22). Là những người theo giáo lý độc thần nghiêm khắc, họ không xấu hổ để duy trì sự độc nhất của Đức Chúa Trời trước những điều phi lý, vô đạo đức, và độc ác của các thần mà dân ngoại sùng bái thiên nhiên sáng tạo ra. Các vị thần này không thể ban sự cứu rỗi về đạo đức hay thuộc linh nào: họ bỏ mặc con người trong tình trạng không được cứu và vô vọng. Do thái giáo đã được – và vẫn còn được – ngưỡng mộ vì cuộc đấu tranh lâu dài và chiến thắng chung cuộc của nó chống lại sự cám dỗ đối với thuyết hỗn tạp; vì chống lại áp lực từ bỏ giáo lý độc thần với lý do chủ nghĩa này có tính hẹp hòi và loại trừ; và từ chối nhìn nhận sự đối trá khi cho rằng mọi tôn giáo đều giống nhau, rằng không có sự khác biệt giữa Gia-vê và thần của các dân ngoại. Các tôn giáo của dân ngoại khác xa với những khác biệt to lớn trong luân lý và đạo đức, với những thắc mắc về ý nghĩa của cuộc sống con người và số phận của con người, các tôn giáo đó không cứu bất kỳ người nào cả.

Về việc đó, Tòa Công luận đã đồng ý với các sứ đồ. Vấn đề là lúc này Phi-e-rơ không bào chữa việc họ nên phong thần một người hoàn toàn là con người ngang với với Gia-vê. Mà lại bào chữa rằng những gì Đức Chúa Trời đã công bố qua Ê-sai, Ngài đã khẳng định một lần nữa qua việc đem Chúa Jêsus Christ vào bên hữu của Ngài và bày tỏ rằng Chúa Jêsus không chỉ là Đấng Mê-si-a mà còn là Chúa: Chúa Jêsus là Gia-vê nhập thể. Bởi việc xác định không có sự cứu rỗi ngoài Jêsus. Chối bỏ Jêsus là chối bỏ Đức Chúa Trời – và cho đến lúc này thầy tế lễ thượng phẩm, mà thật ra là toàn bộ thành viên của Tòa Công luận đang hiện diện, đã chối bỏ Chúa Jêsus.

Thật quá tệ khi chính những tín hữu dốt nát, ít học báo cho thầy tế lễ thượng phẩm quý tộc rằng trong vai trò người xây dựng đời sống tôn giáo của đất nước, họ đã ra một phán quyết thuộc linh sai lầm trầm trọng. Nhưng đó là bản cáo trạng tối hậu do những tín hữu bình thường báo cho những người mang chức vị tế lễ thông tuệ rằng họ đã bị chệch mục tiêu trong chính tôn giáo của mình: họ không phải là những người được cứu, và không bao giờ được cứu, trừ khi họ

chịu khiêm nhường, ăn năn, và đặt lòng tin trong Đấng họ vừa tuyên án tử hình. Nhưng chính đó là hàm ý đơn giản, hợp lý của Tin lành mà các môn đồ rao giảng. Một người giữ chức vị cao nhất trong tôn giáo, chức vị ấy càng được tăng cường qua nhiều thế kỷ bởi truyền thống, được bao quanh bởi các hình thức cao nhã của nghi thức tế lễ và nghi lễ, và chính người đó bày tỏ niềm tin nơi một Đức Chúa Trời Chân thật – lại không được cứu. Đó là điều các sứ đồ tin tưởng, và trong danh của Đấng Christ hằng sống họ không e ngại khi tuyên bố như vậy.

Nhân chứng cuối cùng

Vì vậy, thật thú vị khi Lu-ca không nói ở đây rằng tòa án đã rơi vào một cơn giận dữ và đã cân nhắc đến việc xử tử các sứ đồ (như họ đã làm trong phiên tòa thứ hai, 5:33). Dầu họ hoàn toàn không đồng ý với những tư tưởng về cứu rỗi của nhau, có một điều đã gây ấn tượng với họ. Không có gì nghi ngờ việc họ đã chất vấn rất nhiều người trong cả cuộc đời làm việc của mình, và họ là những người có khả năng đánh giá sắc bén nhân cách của con người. Điều làm họ ngạc nhiên quá đỗi trước hết là sự đối đáp can đảm, tự tin của những tín hữu tầm thường dốt nát này. Từ đâu mà họ có lòng tự tin về các vấn đề tôn giáo? Từ đâu họ có năng lực trung dẫn Cựu ước gây khó chịu như vậy? Họ đã truy ra rằng kiến thức đáng kể của đám tín hữu dốt nát phát nguồn từ việc những người này đã từng ở cùng Chúa Jêsus (4:13). Trước đây họ đã một lần bị đánh bại trước mặt công chúng bởi năng lực trích dẫn Cựu ước này khi (Chúa Jêsus – ND) trích dẫn chính phân đoạn Kinh thánh này, từ chính Thi thiên này (Lu-ca 20:17). Điều hiện đang xảy ra là, như Ngài đã hứa, Đức Thánh Linh đang dạy họ điều cần phải nói khi họ đứng trước người cai trị và nhà cầm quyền. Những người cầm quyền Y-sơ-ra-ên đã từng chối bỏ lời chứng của Chúa Jêsus, giờ đang được làm chứng cho bởi Đức Thánh Linh. Ngài sẽ là nhân chứng cuối cùng của họ (Lu-ca 12: 10-12). Vẫn còn có sự tha thứ cho việc chối bỏ Chúa Jêsus; nhưng trong bản chất của các sự việc, thì không có sự tha thứ cho việc biết mà vẫn chối bỏ nhân chứng cuối cùng của Đức Chúa Trời, là Đức Thánh Linh.

Tuy nhiên, vào lúc này, họ cảm thấy tự tin rằng họ đã giữ lại đủ

thẩm quyền “thuộc linh” và chức phận để dọa nạt các sứ đồ thuận phục. Cuối cùng thì họ cũng chỉ là những tín hữu bình thường không có chức vị. Các thầy tế lễ dĩ nhiên không thể chối bỏ phép lạ – toàn Giê-ru-sa-lem đều biết về nó, họ cũng không thể nói đó là một phép lạ không có ích lợi (4:4-16). Nhưng họ cảm thấy rằng họ chỉ cần phải đàn áp các sứ đồ bằng mọi thẩm quyền tôn giáo của họ, và họ có thể dựa vào sự tôn trọng và sợ hãi mà những tín hữu bình thường không có chức phận có đối với những thầy tế lễ thông tuệ để thực hiện các công việc đó: các sứ đồ sẽ gãy gục. Vì thế họ quyết định đe dọa các sứ đồ (4:17). Họ cảm thấy không đi quá xa để trừng phạt các sứ đồ. Người bị què lần trước đã hơn bốn mươi tuổi: ở đây không phải là trường hợp bị thối miên xúi dục. Đó thật sự là một phép lạ, và dân chúng đang ngợi khen Đức Chúa Trời vì phép lạ đó. Việc hình phạt các sứ đồ vốn là những người đã thực hiện phép lạ chính là bảo với dân chúng ngừng ngợi khen Đức Chúa Trời: một thầy tế lễ khó có thể thực hiện việc này mà vẫn giữ được uy tín với dân chúng (4:21-22). Vì vậy, họ quyết định đe dọa các sứ đồ (4:17) – và đó không phải là những lời đe dọa suông, vì trong mệnh lệnh của họ mang theo một số hăm dọa gay gắt.

Nhưng mưu chước của họ không thành. Phi-e-rơ nói, chính các ông hãy suy xét, trước mặt Đức Chúa Trời có nên vâng lời các ông hơn là vâng lời Đức Chúa Trời chăng? (4:19). Các sứ đồ đã phải lựa chọn. Chúa Jê-sus đã ra lệnh cho họ rao giảng và trở nên chứng nhân của Ngài (1:2,4,8). Họ không thể vâng lời Ngài mà không bất tuân và chống đối Hội đồng; và họ không thể vâng lời Hội đồng mà không bất tuân hoàn toàn mạng lệnh của Ngài.

Điều đó dấy lên câu hỏi Jê-sus là ai. Nếu Jê-sus chỉ đơn giản là một nhà cải cách tôn giáo giống như nhiều người cùng thời của Ngài, người cho rằng thầy tế lễ đương thời là người không hợp pháp nắm giữ chức vị này; nếu Ngài cũng giống như nhiều người, gồm cả những thầy tế lễ bình thường, đơn giản là một đảng tiên tri chống lại xu hướng gia đình trị của các thầy tế lễ quý tộc, chống lại bạo lực và bạo hành mà họ thực hiện chống lại các thầy tế lễ bình thường; và nếu Ngài đơn giản là một ra-bi nào đó giải nghĩa Ngũ kinh trong lĩnh

vực được yêu thích, ấy là sự hiệp nhất tôn giáo và các hệ phái theo một cách sâu sắc và mới mẻ, thì có thể dưới sự chống đối, các sứ đồ đã chịu khuất phục trước lệnh cấm của Hội đồng và cố gắng thay đổi dần dần.

Nhưng Jêsus không chỉ là một nhà cải cách, một đảng tiên tri, hay một ra-bi. Đức Chúa Trời đã tỏ ra rằng Ngài vừa là Chúa vừa là Đấng Christ. Ngài là Chúa nhập thể, được tôn đến địa vị và thẩm quyền tối cao trong vũ trụ. Chức vị tế lễ thượng phẩm (nếu không phải đương nhiệm) có được thẩm quyền vốn có là do những điều khoản nói về chức vị này trong Cựu ước được soi dẫn bởi Đức Chúa Trời. Nếu Chúa Jêsus Christ là Đức Chúa Trời nhập thể, một người không thể trong bất cứ trường hợp nào để sang bên thẩm quyền của Ngài mà lại không đồng thời cất bỏ mọi thẩm quyền mà thầy tế lễ thượng phẩm có thể có. Nhưng không vâng lời Chúa Jêsus vì tôn trọng chức vị của thầy tế lễ thượng phẩm và vì mục đích trật tự và hiệp nhất tôn giáo đối với các sứ đồ là điều không thể. Điều đó sẽ hủy hoại điều căn bản nhất của hội thánh (Ma-thi-ơ 16:13-18); và còn tệ hơn nữa, đó là sự bất trung đối với Đấng Đức Chúa Trời đã lập làm Chúa và Đấng Christ.

Phán quyết cuối cùng

Tuy nhiên, đó là một hành động cùng cực khi những tín hữu không có chức vị và dốt nát thách thức thẩm quyền thuộc linh cao nhất trong đất nước của họ. Vì vậy, thật đáng để nghiên cứu chi tiết lời cầu nguyện mà cộng đồng Cơ đốc đã dùng để phòng vệ bản thân khi họ nghe các sứ đồ tường thuật về lệnh cấm được ban hành bởi thầy tế lễ thượng phẩm (4:32). Bày tỏ rõ ràng thái độ của họ đối với câu hỏi thẩm quyền điều khiển nằm ở đâu trong các vụ tranh chấp.

Trước hết, họ kháng cáo vượt cấp, bỏ qua người đứng đầu những thầy tế lễ cả và Tòa Công luận, trực tiếp kháng cáo lên thẩm quyền của Đấng Tạo hóa: “Lạy Chúa, là Đấng dựng nên trời, đất, biển, cùng muôn vật trong đó” (4:24).

Thứ hai, họ kháng cáo đến Kinh thánh, là Lời được soi dẫn của Đức Chúa Trời, vốn là thẩm quyền mà bởi đó thầy tế lễ thượng phẩm,

các thầy tế lễ cả, Tòa Công luận, và tất cả các hành động và thái độ của họ phải được phán xử: “và đã dùng Đức Thánh Linh, phán bởi miệng tổ phụ chúng tôi, tức là đấng Đấng Ngài, là vua Đa-vít” (4:25). Họ biết, Tòa Công luận sẽ đưa ra một sự giải nghĩa rất khác về đoạn Kinh thánh này; nhưng rõ ràng họ cho rằng chính họ có quyền và nghĩa vụ đoán xét các quyết định của các thầy tế lễ dựa theo ánh sáng hướng dẫn của Kinh thánh mà Đấng Christ đã ban cho để họ hiểu Kinh thánh.

Thứ ba, họ thực hiện phán quyết không dựa trên một hay hai phân đoạn Kinh thánh không phù hợp bị dứt ra khỏi ngữ cảnh, nhưng dựa trên một sự so sánh chi tiết của Kinh thánh phù hợp với tình huống của họ. Họ trích dẫn toàn bộ Thi thiên 2:1-2:

và đã dùng Đức Thánh Linh, phán bởi miệng tổ phụ chúng tôi, tức là đấng Đấng Ngài, là vua Đa-vít, rằng:

Vì sao các dân nổi giận, Lại vì sao các nước lập mưu vô ích?

Các vua trên mặt đất dấy lên, Các quan hiệp lại,

Mà nghịch cùng Chúa và Đấng chịu xức dầu của Ngài.

Vả, Hê-rốt và Bô-xơ Phi-lát, với các dân ngoại, cùng dân Y-sơ-ra-ên thật đã nhóm họp tại thành này đặng nghịch cùng Đấng Đấng Ngài là Đức Chúa Jê-sus mà Ngài đã xức dầu cho, để làm mọi việc tay Ngài và ý Ngài đã định trước. (4:25-28).

Thứ tư, bởi sự soi dẫn của Kinh thánh, họ đã xác lập rõ ràng họ cảm thấy vấn đề này đang gặp nguy hiểm ở những chỗ nào. Việc đóng đinh Chúa Jê-sus, dù ở một mức độ đã được quyết định từ trước bởi quyền năng và ý muốn của Đức Chúa Trời, đã là một sự “đẩy nghịch chống lại Đức Chúa Trời”, là một sự tấn công có tính toán vào Chúa Jê-sus là đấng Đấng Ngài và được xức dầu của Đức Chúa Trời (4:25, 27-28). Đó không phải là một vấn đề mà họ có thể thỏa hiệp. Sự tôn kính Đức Chúa Trời và Đấng Mê-si-a của Ngài đang bị đe dọa.

Cuối cùng, họ cầu xin một sự bào chữa thích hợp, không phải cho chính họ, nhưng cho danh của Chúa Jê-sus. Họ cầu xin sự bào chữa cần phải có hai điều: (1) rằng họ có thể được ban cho ân điển nhiều hơn ân điển của loài người, không phải để bẹp dìm trước những đe dọa của Tòa Công luận và phải bỏ vấn đề, nhưng để lên tiếng cách can đảm không thỏa hiệp; và (2) rằng chính Đức Chúa Trời sẽ can

thiệp không chỉ bằng việc thực hiện những phép lạ thôi, mà là những phép lạ trong danh đầy tớ thánh của Ngài là Chúa Jêsus (4:29-30). Họ đã nói cho cả đám đông (3:16) và Tòa Công luận (4:10-12) rằng bởi danh Chúa Jêsus mà người què được chữa lành; và Tòa Công luận đã cấm họ, không cấm làm phép lạ, nhưng “cấm họ... chớ lấy danh đó dạy dỗ không cứ là ai” (4:17). Các công việc siêu nhiên thực hiện bởi họ thì mơ hồ tối nghĩa: vì rõ ràng con người của tội lỗi cũng làm nhiều điều như vậy (IITê. 2:9-10). Điều được đòi hỏi là những phép lạ đó được thực hiện trong danh Chúa Jêsus để danh của Ngài được xác nhận, khác xa với bất kỳ lợi ích nào đã từng được nhận.

Lời cầu nguyện của họ được nhậm: “Khi đã cầu nguyện, thì nơi nhóm lại rúng động; ai nấy đều được đầy dẫy Đức Thánh Linh, giảng đạo Đức Chúa Trời cách dạn dĩ.” (4:31).

THỬ THÁNH LINH CỦA ĐỨC CHÚA TRỜI: MỘT CẢNH QUANG BÊN TRONG CỘNG ĐỒNG CƠ ĐỐC (4:32-5:16)

Vậy là câu chuyện đầu tiên trong Chuyển động thứ 2 liên quan đến sự chống đối các Cơ đốc nhân đầu tiên; vì thế đây là câu chuyện tiếp theo. Trong câu chuyện thứ nhất sự chống đối đến từ bên ngoài; trong câu chuyện thứ hai này chống đối sẽ đến từ bên trong. Sự chống đối thứ nhất được mô tả không có gì hơn là các vua chúa của thế gian “đẩy lên nghịch cùng Đức Chúa Trời”, và nó mang hình dạng của một cuộc tấn công vào “Đức Chúa Trời và Đấng Mê-si-a” của Ngài. Cuộc chống đối thứ hai sẽ bắt nguồn từ Sa-tan (5:3), không sử dụng một người vô danh mà chính là đôi vợ chồng có vẻ bề ngoài là tín hữu Cơ đốc tên là A-na-nia và Sa-phi-ra, được mô tả theo từng cách sai trật của họ, ấy là “nói dối Đức Chúa Trời” (5:4), “lừa dối hay nói dối cùng Đức Thánh Linh” (5:3), và “thử Thánh Linh của Đức Chúa Trời” (5:9). Câu chuyện thứ nhất liên quan đến việc giải quyết thông suốt thắc mắc về thẩm quyền, và lập ra nguyên tắc để áp dụng khi mệnh lệnh của người cai trị mâu thuẫn với mệnh lệnh của Đấng Christ, các sứ đồ cần phải cự tuyệt thẩm quyền của các nhà cầm quyền và vâng lời Đức Chúa Trời hơn là loài người. Câu chuyện thứ hai cũng liên quan đến thẩm quyền, và sẽ thiết lập sự thật về sự cai trị của Chúa trong Hội thánh, có hiệu lực bởi Thánh Linh, qua các sứ

đồ của Chúa Jêsus.

Vậy thì trong phần này của sách Công vụ, câu chuyện chính sẽ là câu chuyện về hành động sai trật của A-na-nia và Sa-phi-ra. Có hai điều giúp chúng ta nhận thấy ý nghĩa đặc biệt trong việc họ đã làm. Thứ nhất, Lu-ca đặt trước câu chuyện của họ là những thực hành thông thường của cộng đồng Cơ đốc (4:33-37), và đặt ở sau câu chuyện về họ lời mô tả về thái độ và phản ứng của những người bên ngoài đối với cộng đồng Cơ đốc (5:12-15). Thứ hai, trong cấu trúc tường thuật của ông, Lu-ca đặt câu chuyện của A-na-nia và Sa-phi-ra đối xứng với câu chuyện của Giu-đa (xem trang). Sự so sánh sẽ chứng minh tính bổ ích.

Thực hành thông thường của các Cơ Đốc nhân đầu tiên

Ba tuyên bố về thực hành thông thường của các Cơ Đốc nhân đầu tiên: tuyên bố đầu tiên trong 4:32, tuyên bố thứ hai trong 4:33-35, và tuyên bố thứ ba trong 4:36-3. Cả ba tuyên bố đều quan tâm đến thái độ của họ đối với việc sở hữu của cải vật chất; nhưng mỗi tuyên bố cộng thêm vào một sắc thái cụ thể, và chúng không nên bị nhầm lẫn với nhau.

Tuyên bố đầu tiên cho biết rằng họ chia sẻ với nhau mọi điều mình có, và giải thích điều gì khiến họ làm như vậy và “chia sẻ” có nghĩa là gì. Lu-ca nói rằng “[Tất cả các tín hữu] cứ một lòng một ý cùng nhau”; và chính là ý nghĩa to lớn của sự hiệp một thuộc linh này ảnh hưởng đến thái độ của họ đối với của cải vật chất. Họ không còn tuyên bố rằng đồ vật của họ “thuộc về họ,” nghĩa là chúng chỉ hạn chế cho cá nhân và bản thân họ sử dụng mà thôi. Mỗi người đều mong muốn những tín hữu khác xem và sử dụng tài sản của họ như thể chúng là của chung. Điều này hoàn toàn là tự phát. Không ép buộc. Không có nơi nào nói rằng đây là điều cần thiết và không thể thiếu để được cứu, hay để được chấp nhận như là một Cơ đốc nhân chân chính. Đây hoàn toàn là một phản ứng tự nhiên, tự nguyện. Dù chúng ta không muốn đánh giá thấp sự tận hiến của những Cơ đốc nhân đầu tiên này, nhưng hành động này là một phản ứng được lặp lại hàng triệu lần kể từ sự kiện này. Bất kể khi nào tín hữu bị chinh phục hoàn toàn bởi sự thật về sự cứu rỗi và cảm nhận sự hiệp một của họ đối với

các tín hữu trong Đấng Christ, họ không chỉ vui lòng chia sẻ điều họ có, họ còn nôn nả làm như vậy. Khi Hội thánh đánh nhất ý nghĩa của sự thật về sự cứu rỗi và ý nghĩa của gia đình của Đức Chúa Trời, thì sự ích kỷ và thái độ sở hữu vật chất len vào.

Tuyên bố thứ hai đi xa hơn, dù chúng ta cần phải cẩn thận không tự suy ra nhiều ý nghĩa hơn điều bản thân nó muốn nói. Câu 33-35 giải thích quyền năng vĩ đại của lời rao giảng của các sứ đồ và ân điển vô cùng ở với tất cả họ: Lu-ca nói (bản dịch Hy-Lạp cũng đồng ý vậy) “vì trong tín đồ không ai thiếu thốn cả.” Thật là một việc làm suy giảm năng quyền trong lời chứng của họ, nếu trong khi rao giảng công khai rằng Chúa Jêsus là Đấng Mê-si-a, và rằng tất cả các tín hữu là “anh [chị] em” của Ngài, mà họ lại không thương xót mà để cho người “anh [chị] em nghèo của Đấng Mê-si-a” lê lết cuộc sống nghèo khó ở giữa họ.

Câu 34 và 35 cho chúng ta biết làm thế nào nhu cầu của người nghèo được đáp ứng, và bản dịch NIV đã thể hiện thì của động từ (toàn bộ là thì tiếp diễn) rất hiệu quả điều được Lu-ca sử dụng để mô tả điều đang xảy ra: “... bởi những người có ruộng hay nhà, đều bán đi, bán được bao nhiêu tiền cũng đem đến đặt dưới chân các sứ đồ; rồi tùy theo sự cần dùng của [bất kỳ người nào có cần] mà phát cho.”

Lu-ca không nói rằng mỗi tín hữu có nhà riêng khi cải đạo thì lập tức bán nó đi và đem dâng số tiền bán được. Vì nếu họ đã làm như vậy, thì mỗi người sẽ ngủ ở đâu vào ban đêm? Trên nguyên tắc đó, tất cả năm ngàn người cải đạo cộng với vợ và gia đình của họ sẽ sớm không có nơi cư trú; và Ma-ri, mẹ của Mác, sẽ không có một ngôi nhà cho Phi-e-rơ đi đến khi ông ra khỏi tù (12:12).

Không, câu “những người có ruộng hay nhà, đều bán đi” mô tả những người ngày nay chúng ta gọi là “điền chủ” hay “người sở hữu nhiều ruộng đất”; và điều xảy ra là hết lúc này đến lúc khác, mỗi khi có nhu cầu đặc biệt xuất hiện, người đàn ông này hay người phụ nữ kia – không cần thiết là lập tức cùng một lúc – nhận thấy cơ hội đầu tư tài chính qua việc bán một ngôi nhà hay một mảnh ruộng, rồi sử dụng tiền thu được giúp đỡ những Cơ đốc nhân nghèo khó.

Một chi tiết khác cũng quan trọng không kém. Lu-ca không nói

rằng những địa chủ này bán gia sản của họ và đem tiền cho người nghèo, nhưng họ đặt tiền đó dưới chân các sứ đồ, và sau đó số tiền đó được phân chia cho người nghèo. Hành động của họ vừa khôn ngoan vừa mang tính biểu tượng. Nếu họ muốn, không có luật lệ nào cấm họ trực tiếp đem tiền đến cho từng Cơ đốc nhân nghèo. Nhưng điều này nguy hiểm vì nó khiến cho người nghèo quá lệ thuộc vào một số cá nhân giàu có. Sẽ tốt hơn nếu họ được chu cấp từ quỹ chung của Hội thánh Giê-ru-sa-lem.

Nhưng việc đặt tiền “dưới chân các sứ đồ” chắc chắn còn mang một ý nghĩa sâu sắc nữa. Các sứ đồ là những đại diện chính thức và là người được Chúa Jêsus ủy nhiệm. Qua việc đặt tiền dưới chân các sứ đồ, các tín hữu không chỉ tham gia vào việc làm từ thiện: họ đang dâng hiến cho Chúa, và bày tỏ quyền tể trị tối cao của Ngài trên mọi thứ họ sở hữu. Ngài không chỉ đơn thuần là thầy của họ: Ngài là Đấng giải cứu của họ, Đấng đã mua họ và mọi thứ họ sở hữu (ICô. 6:20). Ngài là Đấng Mê-si-a của Y-sơ-ra-ên: toàn bộ vườn nho và hoa trái của nó đều thuộc về Ngài cách chính đáng. Ngài được tôn cao ngai bên hữu Đức Chúa Trời: vũ trụ thuộc về Ngài. Với sự hợp lý đầy vui mừng, họ bày tỏ lòng tin qua hành động của mình.

Thứ ba, Lu-ca đề cập đến trường hợp đặc biệt của Giô-sép còn gọi là Ba-na-ba, “đặc biệt” là vì ông là một người Lê-vi. (4:36-37). Vì ông đến từ Chíp-rơ nên có thể chưa bao giờ ông thực hiện tư cách thiêng liêng như một người Lê-vi trong đền thờ Giê-ru-sa-lem. Nhưng bây giờ, khi ông bán một đám ruộng của mình, và dâng số tiền đó cho Chúa khi đặt nó dưới chân của các sứ đồ, ông đã làm trọn tinh thần luật pháp cổ đại yêu cầu: “Song Môi-se không phát sản nghiệp cho chi phái Lê-vi, vì Giê-hô-va Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên là sản nghiệp của chi phái ấy, y như Ngài đã phán cùng họ vậy” (Giô-suê 13:33). Những chương sau của sách Công vụ sẽ cho thấy ông là một người tận hiến cách đặc biệt cho Chúa, chuẩn bị rời bỏ quê hương và đi khắp thế giới vì Cơ Đốc Christ. Ông tạo thành một tiêu điểm trái ngược với Giu-đa, người sở hữu tư cách sứ đồ thiêng liêng, lại từ bỏ tư cách đó và mua một đám ruộng bằng số tiền ông có được vì phản bội Đấng Christ (1:16-18).

Vụ việc bất thường của A-na-nia và Sa-phi-ra

Vì vậy, chính trong bối cảnh mọi tâm tình tận hiến được bày tỏ cách tự phát đối với Đấng Christ và người của Ngài này, A-na-nia và vợ đã thực hiện việc làm gian ác của họ. Sự nghiêm trọng trong hình phạt dành cho họ đưa đến giả định việc làm của họ là đặc biệt nghiêm trọng. Để nhìn biết điều này nghiêm trọng đến mức nào, chúng ta hãy trước hết dọn sạch tâm trí mình khỏi một số điều.

Đầu tiên, họ không bị buộc phải bán đám ruộng của mình và dâng tiền cho hội thánh. Phi-e-rơ đã nói rất rõ về điều này: “Nếu người chưa bán ruộng đó, há chẳng phải là của người sao?” (5:4). Đúng vậy, dĩ nhiên là như vậy. Trở lại với Đấng Christ không phải là hủy bỏ quyền sở hữu tài sản. Nếu việc một Cơ đốc nhân sở hữu tài sản là sai trái cơ bản, thì việc trao tài sản đó cho một ai khác sở hữu cũng sai trái.

Thứ hai, Phi-e-rơ nói “Khi bán rồi, giữ [tiền] đó há chẳng được sao?” (5:4, nghĩa đen là “thuộc thẩm quyền của người”). Vâng, đúng là vậy. Nếu họ bán tài sản, dự định đem tiền dâng cho Chúa, họ vẫn không bị buộc phải đặt tiền dưới chân các môn đồ vì họ có quyền quyết định mình nên làm gì với số tiền đó. Chính họ có thẩm quyền giống như một người quản lý tiền bạc của Đức Chúa Trời có thẩm quyền phân phát tiền đó ở nơi nào họ thấy thích hợp.

Trong mỗi liên kết này chúng ta phải nhìn biết rõ ràng đâu là yêu cầu của Chúa đối với các môn đồ, và điều nào không phải: “Nếu ai trong các người không bỏ mọi sự mình có, thì không được làm môn đồ ta” (Lu-ca 14:33). Hai câu hỏi trở lên là:

1. “Mọi sự mình có” bao gồm những điều gì? Mọi nguy hiểm nằm ở chỗ chúng ta chỉ giới hạn mọi sự mình có ở tài sản vật chất của mình. Không phải vậy. Nếu một người bị buộc phải lìa khỏi vợ và con cái và bị đưa đi lưu đày vì trở thành một Cơ đốc nhân, như tại một số quốc gia (tương tự việc đã từng xảy ra với một người bạn của tôi), theo Lu-ca 14:26, anh ta phải sẵn sàng chia tay vợ và con của mình.

2. Đành rằng khi trở thành môn đồ chúng ta phải từ bỏ mọi điều

chúng ta có, vậy thì, để ai đẹp lòng mà chúng ta phải từ bỏ chúng? Câu trả lời dĩ nhiên là để Đức Chúa Trời đẹp lòng. Ví dụ, một phụ nữ Cơ đốc được cho biết là cơ thể của cô ấy không thuộc quyền sở hữu của cô ấy, nó thuộc về Đức Chúa Trời (ICô. 6:19-20). Nhưng khi cô ấy đã nhượng lại quyền sở hữu cơ bản này cho Ngài, thì chắc chắn Ngài vẫn cho phép cô có quyền sở hữu cá nhân của cô để bảo vệ cơ thể đó trước tất cả mọi người khác. Dưới sự chủ tể của Ngài, cô ấy có quyền quyết định cô ấy sẽ cưới ai. Là một Cơ đốc nhân không có nghĩa là cô ấy phải cưới bất kỳ người nam Cơ đốc nào cần một người vợ và hỏi cưới cô ấy.

Đổi với của cải vật chất cũng vậy. Khi chúng ta nhượng hoàn toàn quyền sở hữu của chúng ta cho Đức Chúa Trời như chúng ta vốn phải làm, Ngài đặt chúng dưới quyền quản trị của chúng ta, và ban cho chúng ta thẩm quyền quyết định dưới sự hướng dẫn của Ngài, như Phi-e-rơ nhắc nhở A-na-nia, chúng nên được sử dụng như thế nào; cái gì và số lượng bao nhiêu để dành dùng cho chúng ta và gia đình của chúng ta, cái gì đem dâng cho hội thánh, cho công việc truyền giáo, cứu tế xã hội, và những công việc tương tự.

Vậy thì, nếu “dâng cho Đức Chúa Trời” được hiểu theo nghĩa rất hạn hẹp này, nghĩa là việc dâng hiến cho cộng đồng Cơ đốc khác với việc mua cho mình một bộ đồ mới hay một chiếc ô tô mới, thì A-na-nia vẫn có thể làm như vậy khi ông bán đám ruộng và lấy tiền, dâng một phần cho hội thánh và giữ lại cho mình một phần.

Vậy thì tội của A-na-nia và Sa-phi-ra nằm ở chỗ nào? Trước hết nó nằm ở việc họ “nói dối Đức Chúa Trời” (5:4). Khi họ để tiền dưới chân các sứ đồ, họ làm như thể họ đã dâng hết số tiền đã bán được cho Đức Chúa Trời; và khi họ được hỏi cách cụ thể phải chăng họ đã dâng toàn bộ số tiền, họ đã xác nhận như vậy (5:8). Nhưng để công bố là toàn bộ số tiền đã được dâng cho Đức Chúa Trời làm cho số tiền đó thuộc về Đức Chúa Trời theo một ý nghĩa nghiêm ngặt và rất hạn hẹp của từ ngữ này. Trong trường hợp đó, tội của họ chính là một hình thức biển thủ, hay tham ô số tiền giờ đã thuộc về Đức Chúa Trời. Vậy thì đây là một vụ việc theo nghĩa đen là “trộm cắp của Đức Chúa Trời” như Ma-la-chi đã nói (Ma-la-chi 3:8), hay lừa dối Đức Thánh

Linh qua việc tham ô tiền của Ngài, như Phi-e-rơ đã mô tả (5:3).

Tuy nhiên, dù xấu tệ như vậy, đó không phải là yếu tố đặc biệt nhất trong hành động của họ. Rốt cuộc thì họ có thể thề hứa dâng cho Đức Chúa Trời toàn bộ số tiền cách riêng tư, và sau đó không thực hiện lời hứa trong yên lặng mà không cần lôi kéo các sứ đồ vào vụ việc. Trong trường hợp đó, đó là một tội lỗi nghiêm trọng nghịch cùng Đức Chúa Trời, nhưng nó không liên quan đến thối nát liệu sự hiện diện của Đức Thánh Linh Đức Chúa Trời trong Hội thánh là có thật hay không; trong những ngày đầu tiên thì đây là toàn bộ vấn đề được tranh luận, dù với những đám đông tại Giê-ru-sa-lem hay trước Tòa Công luận. Quyền năng đổ đầy trên các môn đồ vào lễ Ngũ tuần và khiến họ nói lưu loát nhiều ngôn ngữ ngoại quốc mà họ chưa từng học này là gì? Quyền năng mà bởi đó Phi-e-rơ và Giăng đã khiến cho xương khớp và chân cẳng người què kia được khỏe mạnh hoàn toàn là gì? Đó là bởi lòng tin kính của họ, hay là gì khác? (3:12). Đám đông muốn biết; và các thầy tế lễ hoài nghi đòi hỏi được giải thích: “Bởi quyền [năng] nào hay là nhân danh ai mà các người làm điều này?” (4:7). “Quyền [năng] rất lớn” mà bởi đó các sứ đồ làm chúng (4:33) và cũng là điều khiến cho lời rao giảng của họ có hiệu quả vô cùng này là gì? Dĩ nhiên, các sứ đồ vẫn tiếp tục nói rằng đó là quyền năng của Đức Chúa Trời, là Đức Thánh Linh, đến thế gian để làm chúng về sự phục sinh và được tôn cao của Jê-sus, và dùng các sứ đồ và môn đồ như là phương tiện để bày tỏ. Nhưng có phải là như vậy không? Hay đó chỉ đơn thuần là một trường hợp phấn khích tôn giáo và kích động quần chúng?

Trong bối cảnh này, những điều A-na-nia và Sa-phi-ra đã làm cũng tệ giống như điều Giu-đa đã làm. Sa-tan ám vào lòng Giu-đa để ông phản bội Chúa Jê-sus (Lu-ca 22:3-4; Giăng 13:2, 27). Bây giờ, một lần nữa, Sa-tan ám vào lòng A-na-nia để lừa và dối Đức Thánh Linh (5:3), và giống như Giu-đa, ông làm như vậy vì tiền. Nếu A-na-nia không bị tổn hại gì, thì uy tín của toàn bộ sự thật đằng sau Lễ Ngũ tuần đều bị mất, mà sự thật cụ thể ở đây chính là Đức Thánh Linh, vốn là quyền năng ở trong, ở với, và ở đằng sau lời chứng của Hội thánh. Giống như dân Y-sơ-ra-ên ở trong đồng vắng (Dân.14:22),

A-na-nia và Sa-phi-ra thử Thánh Linh của Chúa bất chấp các dấu kỳ và phép lạ mà Đức Chúa Trời đã thi hành vừa mới đây trong danh Chúa Jê-sus (5:9), và họ cố ý làm như vậy. Nếu họ là những người nghèo bị những người chung quanh buộc phải dâng hiến hết lòng cho Đấng Christ, khiến họ muốn dâng một của lễ đẹp đẽ trong khi họ thật sự không đủ khả năng; và nếu trong lúc bối rối, cũng là để không bị mất mặt, họ tỏ ra như thể họ đã dâng nhiều hơn số tiền họ thực sự dâng, thì chắc chắn họ đã được thương xót. Nhưng sự thật không phải vậy. Họ chú ý lập mưu thử Chúa rồi chờ xem họ có thể đi được bao xa và nhận lãnh hậu quả gì vì điều đó.

Họ đã nghe lời công bố rằng Chúa Jê-sus đã phục sinh và được tôn cao, vừa là Chúa vừa là Đấng Christ. Họ đã cảm nhận quyền năng của lời rao giảng, đã nhìn thấy những phép lạ phi thường, và đã biết được tiếng nói của Đức Thánh Linh ở trong lòng mình. Họ đã nghe những lời cảnh báo về ngày của Chúa, và họ muốn thoát khỏi sự đoán phạt của ngày đó. Vì thế, họ đã gia nhập Hội thánh và bày tỏ lòng tận hiến đối với Đấng Christ. Nhưng đó là giả tạo. Họ không sẵn sàng để đạt đến sự vâng phục và tận hiến trọn lành đối với Chúa Jê-sus; họ chỉ giả vờ như vậy. Tưởng tượng rằng họ có thể lừa dối các sứ đồ, họ cố thử xem họ có thể nhận lãnh hậu quả gì. Họ thấy mình trong thực tế đang thử Thánh Linh của Chúa, nói dối Đức Chúa Trời, lừa dối Đức Thánh Linh. Đức Thánh Linh đã phơi bày sự giả hình của họ, và xác nhận chính Ngài và sự hiện diện của Ngài trong Hội thánh. A-na-nia và Sa-phi-ra đã ngã xuống dưới sự đoán phạt của Đức Chúa Trời.

Vì sao họ làm điều đó? Bởi vì, giống như dân Y-sơ-ra-ên trong đồng vắng, dường như họ không phải là tín hữu thật. Nhưng hãy để Lu-ca nói lời sau cùng. Ông nói, “Bấy giờ cả cộng đồng tín hữu đều đồng tâm nhất trí, không ai coi tài sản mình là của riêng, nhưng kể mọi vật là của chung.” (4:32). Thật rõ ràng, nếu đó là điều các tín hữu thật làm, thì A-na-nia và Sa-phi-ra không phải là tín hữu thật.

Hiệu quả của sự đoán phạt

Hiệu quả của sự đoán phạt của Đức Chúa Trời trên A-na-nia và Sa-phi-ra là nỗi khiếp sợ, cả bên trong lẫn bên ngoài Hội thánh (5:5, 11, 13). Đó là nỗi khiếp sợ rất hữu ích và cần thiết. Nó không ức chế

những cuộc trò chuyện chân thật, như Lu-ca giải thích trong 5:13-14; nhưng đã ngăn chặn đám đông những người không có đức tin thật tham gia vào hội thánh do phẫn khích trước những phép lạ được thi hành (5:15-16), hay vì bị thu hút bởi những lợi ích kinh tế mà người ta có thể nhận được khi là thành viên của Hội thánh: “Nhưng người ngoài không ai dám tham dự, mặc dù các tín hữu đều được dân chúng ca ngợi.” (5:13); Nhưng số người tin nhận Chúa [thêm vào Hội thánh] ngày càng gia tăng đông đảo gồm cả nam lẫn nữ (5:14). Sự thật là những tín hữu Cơ đốc đầu tiên thấy bản thân họ có nghĩa vụ thách thức thẩm quyền của các thầy tế lễ thượng phẩm và Tòa Công luận. Nhưng họ không phải là những người vô chính phủ thuộc linh. Có một thẩm quyền trong Hội thánh: đó là thẩm quyền của Thánh Linh Đức Chúa Trời, vốn sống động và năng động giữa vòng các tín hữu.

Ai đó có thể hỏi, nếu đã xảy ra một trường hợp rõ ràng về sự đoán phạt của Đức Chúa Trời thì tại sao Ngài không tiếp tục đoán phạt vào lúc này và trong mọi lúc? Câu trả lời có vẻ như là sự đoán phạt A-na-nia và Sa-phi-ra là một trường hợp ngoại lệ, cần thiết được lập nên và xác định sự thật về sự hiện đến và hiện diện của Thánh Linh Đức Chúa Trời trong Hội thánh. Nhưng không phải sự hiện đến của Thánh Linh, cũng không phải sự đoán phạt trên A-na-nia và Sa-phi-ra ngụ ý về sự mở đầu Ngày của Chúa nhiều hơn là việc chữa lành người què ngụ ý về sự bắt đầu thời điểm phục hồi muôn vật. Ngày đó sẽ đến, nhưng nó được lên chương trình là sẽ xảy đến sau. Chúa Jê-sus sẽ đoán xét kẻ sống và kẻ chết vào lúc Ngài hiện ra (IITim. 4:1). Trong thời gian hiện tại, những khiếm khuyết không bị nhỏ bật rể, nhưng chúng sẽ bị nhỏ lên. Không ai có thể lừa dối Đức Chúa Trời. Hãy nhớ về vợ của Lót, nhưng cũng hãy nhớ về A-na-nia và Sa-phi-ra.

CHỐNG NGHỊCH CÙNG ĐỨC CHÚA TRỜI? CUỘC ĐIỀU TRA THỨ HAI CỦA HỘI ĐỒNG (5:17-42)

Bấy giờ Tin lành bắt đầu nhanh chóng lan tràn ra không chỉ tại Giê-ru-sa-lem nhưng còn ở tại các vùng phụ cận. Sứ điệp sự sống phục sinh rao giảng (5:20) thu hút cách chói lóa, những phép lạ phi thường đi kèm theo làm cho người ta từ mọi nơi đổ về tràn ngập Giê-ru-sa-lem để tìm sự chữa lành (5:15-16). Khiến cho giới thầy tế lễ

quý tộc đầy lòng ghen tức (5:17), và cũng vô cùng lo lắng (5:28). Họ quyết định rằng họ phải nỗ lực đàn áp chuyển động này thêm một lần nữa. Vì vậy lần này họ bắt giam hết mười hai vị sứ đồ, rồi đưa các sứ đồ đến trước Tòa Công luận.

Phạm tội làm đổ huyết Chúa Jêsus?

Sự kết án nhằm là vì các thầy tế lễ khó chịu với cách các sứ đồ hoàn toàn làm ngơ trước lệnh cấm rao giảng trong danh Chúa Jêsus. Nhưng còn có nỗi khiếp sợ trộn lẫn với sự khó chịu này: "...các ngươi lại làm cho thành Giê-ru-sa-lem đầy đầy đạo giáo mình. Vậy, các ngươi [định đổ tội giết Người ấy cho chúng ta sao?]" (5: 28 – BDM).

Điều thầy cả thượng phẩm và các quý tộc của ông lo ngại là đám đông từng được họ thuyết phục lớn tiếng đòi đóng đinh Chúa Jêsus giờ có thể bị các sứ đồ kích động và quay lại chống đối, thậm chí dùng bạo lực để chống lại các thầy tế lễ cả vì quần chúng cho họ là nhóm người đã giết hại Chúa Jêsus. Dĩ nhiên, đám đông không bao giờ làm điều đó, các Cơ đốc nhân cũng không bao giờ xúi giục họ làm như vậy. Nhưng ngày nay chúng ta không thể lắng nghe thầy tế lễ thượng phẩm bày tỏ nỗi khiếp sợ của ông mà không liên tưởng về nỗ lực giết hại hàng loạt người Do Thái của Đức Quốc xã và lời kết án, dầu cho nó được cường điệu và vô cùng phi lý, rằng do việc dạy dỗ rằng người Do Thái giết hại Chúa Jêsus, nên Cơ đốc nhân phải chịu trách nhiệm về sự gian ác của chủ nghĩa bài Do Thái cũng như nỗ lực hủy diệt dân tộc này. Không có điều gì chúng ta sắp nói đây làm giảm đi lời xưng nhận của chúng ta về tội lỗi thật sự của thế giới Cơ đốc với vấn đề bài Do Thái (xem Phụ lục 1, trang ...). Mặt khác, câu trả lời của Phi-e-rơ trước kết án của thầy tế lễ thượng phẩm vẫn còn có hiệu lực và thích hợp.

Dĩ nhiên, trước tiên là Phi-e-rơ không thể bị kết án bài Do Thái. Ông là một thành viên trung thành của Y-sơ-ra-ên như bất cứ một thành viên nào của Hội đồng. Ông không bài Do Thái hơn Ê-sai hay Giê-rê-mi khi họ tố cáo tội lỗi của quốc gia. Nhưng cuối cùng thì lịch sử không thể bị phủ nhận hay bị đảo ngược được. Ông nói, "[Jêsus] đã bị quý vị giết chết bằng cách treo trên cây gỗ" (5:30 – BHD). Lúc

này Phi-e-rơ không nhắm đến toàn quốc gia, nhưng nhắm đến thầy tế lễ thượng phẩm và Tòa Công luận. Một thực tế không thể thay đổi là họ đã thắng Phi-lát để đóng đinh Chúa Jêsus; và khi yêu cầu đóng đinh Ngài họ đã buộc Chúa Jêsus chịu hình thức tử hình đáng hổ thẹn và sỉ nhục nhất. Theo luật pháp của họ (Phục. 21:22-23), người bị treo lên cây trụ hình là người bị Đức Chúa Trời rửa sả.

Phải thừa nhận là lịch sử là bất di bất dịch; nhưng tại sao không để cho điều đã qua đó qua đi? Tại sao cứ tiếp tục rao giảng về điều đó cho dân chúng? Điều đó có thể làm nên chuyện gì tốt đẹp, trừ việc đùa giỡn với sự thù địch và khao khát báo thù của dân chúng? Tại sao không chấp nhận lệnh cấm và để cho toàn bộ sự việc đi vào quên lãng?

Phi-e-rơ nói rằng “[Nhưng chúng tôi] thà phải vâng lời Đức Chúa Trời còn hơn là vâng lời người ta” (Công vụ 5:29). Đó là Đức Chúa Trời của tổ phụ chúng ta (Ngài không hề bài xích Do Thái!) Ngài là Đấng đã khiến Chúa Jêsus, Đấng mà các ông đã giết, sống lại và tôn cao Đấng ấy. Đức Chúa Trời đã giữ lại phán quyết dành cho các ông và Ngài muốn phán quyết này được công khai trước dân chúng. Các ông sẽ công khai gấn cho Chúa Jêsus sỉ nhục của một cái chết bị Đức Chúa Trời rửa sả, mà không để cho Đức Chúa Trời công khai biện hộ cho Chúa Jêsus vì sợ điều đó sẽ làm các ông bối rối sao? Chính Đức Chúa Trời muốn công khai điều đó, và chúng tôi phải thực hiện mạng lệnh của Ngài, không phải mạng lệnh của các ông.

Nhưng thêm một lần nữa không cần phải khiếp sợ trước công chúng. Đức Chúa Trời không tìm cách báo thù cũng không cố gieo hạt giống báo thù vào tâm trí của dân chúng, “Đức Chúa Trời đã đem Đấng ấy lên bên hữu Ngài, làm Vua và Cứu Chúa, để ban lòng ăn năn và sự tha tội cho dân Y-sơ-ra-ên” (5:31). Toàn thể đất nước Y-sơ-ra-ên, con người cũng như các thầy tế lễ đều cần được tha thứ. Không ngoại lệ, các người cũng có thể có được sự tha thứ; không chỉ vì đóng đinh Chúa Jêsus, nhưng qua sự đóng đinh đó.

Dĩ nhiên cần phải đáp ứng một điều kiện cần thiết để được tha thứ: ăn năn. Ăn năn về việc giết hại Chúa Jêsus, và cũng ăn năn theo nghĩa nhận thức nhu cầu cứu rỗi. Nhưng sự ăn năn thậm chí không

được xem là một đòi hỏi thù địch, tàn bạo, mà là một món quà cao thượng lạ lùng. “Đức Chúa Trời đã đem [Chúa Jêsus] ấy lên bên hữu Ngài, làm Vua và Cứu Chúa, để ban lòng ăn năn ... cho dân Y-sơ-ra-ên.” (5:31). Được phép ăn năn là một ơn thương xót không thể đo lường.

Phi-e-rơ nói “Chúng ta đây là kẻ làm chứng mọi việc đó,” rằng có sự tha thứ trọn vẹn sẵn dành cho Y-sơ-ra-ên qua sự chết và tôn cao của Jêsus Christ. Hơn nữa, họ không cần đơn thuần tiếp nhận lời chứng của các sứ đồ vì đã có sẵn một nhân chứng còn vĩ đại hơn và trực tiếp hơn dành cho họ. Đức Chúa Trời đã ban Đức Thánh Linh cho hàng ngàn người trong Y-sơ-ra-ên. Toàn thể Toà Công luận đều có thể nhận được cùng một Thánh Linh ấy, và cùng với Ngài là sự tha thứ, phục hòa, và hoà bình với Đức Chúa Trời dựa trên điều kiện tương tự: quy phục Đức Chúa Trời qua Chúa Jêsus Christ (5:32).

Lời khuyên giải của Ga-ma-li-ên

Khi nghe câu trả lời của Phi-e-rơ, họ bị “cửa vào lòng,” thật đáng tiếc là họ không ăn năn hối hận như đám đông tại Giê-ru-sa-lem đã ăn năn vào ngày Lễ Ngũ tuần (2:7), nhưng trong cơn giận dữ tột cùng mà con người ta cảm thấy, khi cuộc tranh luận đã đạt được mục tiêu và trong thâm tâm họ biết điều đó, họ kiên quyết không ăn năn, ngược lại còn tự biện minh cho bản thân và bằng mọi giá làm cho những người cáo buộc họ phải im lặng.

Họ nổi giận điên cuồng và quyết tâm giết chết các các sứ đồ (5:33).

Nhưng cùng với lời chứng của các sứ đồ họ cũng nhận được hai cảnh báo.

Thứ nhất, họ bắt giam các sứ đồ nguyên một ngày và bị ở trong khám suốt đêm, sẵn sàng để được đem ra trước Tòa Công luận vào ngày kế tiếp. Vì thế khi toàn thể Tòa Công luận tập hợp lại, họ sai người vào trong khám điếu các sứ đồ đến. Nhưng những người này trở lại báo cáo rằng cửa khám đóng kỹ, lính canh vẫn đứng trước cửa, nhưng khi mở ra chẳng thấy một người nào ở trong.

Tòa Công luận chưa có thời gian để phục hồi khỏi cơn sốc trước,

thì lại nhận thêm một cú sốc khác: các sứ đồ đang đứng trong các hành lang của đền thờ dạy dỗ dân chúng sứ điệp thường ngày của họ về sự sống và sự bất diệt phục sinh của Đấng Christ (5:20, 25). Khi biết được điều đó, quan coi đền thờ, vốn là người chịu trách nhiệm trên các lính canh đền thờ, đã đích thân đi cùng người của mình áp giải các sứ đồ đến Tòa Công luận.

Lu-ca cho chúng ta biết rằng vào buổi tối trước đó một thiên sứ đã mở cửa khám, đưa các sứ đồ ra ngoài, và dặn họ chường mặt nơi đền thờ mà rao giảng cho dân chúng trọn vẹn sứ điệp về sự sống mới này (5:19-20). Nhưng các thầy tế lễ thượng phẩm là người theo phái Sa-đu-sê; họ không tin vào sự sống lại cũng không tin thiên sứ, hay là các thần linh (23:8). Vì thế chẳng có gì đáng nghi ngờ khi họ có lời giải thích duy lý của riêng mình đối với việc trốn thoát này. Bất chấp mọi điều đó, vốn là những người nhạy cảm, họ tự hỏi điều gì sẽ xảy ra từ việc này (5:24). Vì bây giờ có một tiến trình tâm lý mạnh mẽ khác đang hành động. Dù cho bản thân họ có chịu thừa nhận điều đó hay không, có một khuôn mẫu đang được lặp lại. Chỉ ba tháng trước họ đã cắt đặt lính canh ở trước một ngôi mộ để đảm bảo rằng xác chết bên trong không đi ra ngoài. Rồi sang buổi sáng ngày thứ ba những tên lính canh đó đã thông báo rằng cái xác không còn ở đó nữa. Họ đã cũng nghĩ ra lời giải thích duy lý cho việc ấy rồi (Ma-thi-ơ 28:11-15). Nhưng sự giống nhau giữa sự kiện đó và sự việc hiện tại quả thật kỳ lạ.

Điều đó đúng là có chủ ý. Thật ra đó là một hành động thương xót về phía Đức Chúa Trời dành cho những con người kiên quyết không chịu ăn năn, những người trong khi tức giận bởi ký ức ám ảnh của sự đóng đinh sắp bị cảm dỗ để đàn áp Tin lành bằng việc xử tử các sứ đồ. Đó là một lời cảnh báo kịp thời để họ đừng cộng thêm một tội ác ghớm ghiếc nữa vào danh sách tội lỗi nặng nề của họ khi cố gắng làm điều không thể làm. Họ đã giết Jê-sus, và đặt lính canh nơi mộ của Ngài. Nhưng, như Phi-e-rơ đã chỉ ra vào dịp Lễ Ngũ tuần, “sự chết... không thể giữ Người lại dưới quyền nó, [Đức Chúa Trời] đã cho [Chúa Jê-sus] biết đường sự sống” (2:24, 28). Sự sống hiện giờ đang tuôn đổ năng quyền trên các sứ đồ, sự sống họ đang rao giảng cho

đám đông cũng chính là sự sống không thể kim hãm của Đấng Christ phục sinh. Họ có thể giam thân thể của các sứ đồ vào ngục, hay thậm chí giết đi; nhưng họ không thể nào đàn áp hay hủy diệt sự sống đó. Nếu họ kiên quyết không ăn năn, không chấp nhận Chúa của Sự sống hay sự tha thứ và sự sống Ngài ban cho họ, thì ít nhất họ cũng không chông chát thêm vào danh sách tội lỗi của họ khi nỗ lực ngăn chặn không để sứ điệp của sự sống tràn ra cho nhiều người khác.

Cảnh báo thứ hai được đưa ra bởi một thành viên của chính Tòa Công luận, Ga-ma-li-ên, một giáo sư về luật, người rất được kính trọng trên toàn quốc gia. Ông ấy là một người Pha-ri-si, chứ không phải là người Sa-đu-sê giống như thầy cả thượng phẩm chủ tọa, các thầy tế lễ thượng phẩm, và nhiều quý tộc không nắm chức vị kia (5:43). Vì vậy, ông tin vào giáo lý phục sinh, dù không (hoặc là chưa phải là hoàn toàn) tin vào sự việc cụ thể và sự phục sinh thật của Chúa Jê-sus. Lời khuyên của ông đối với Tòa Công luận đã được nhiều người xem như là một người hoài nghi không chịu xác định chủ kiến, nhưng ở một chừng mực, đó là một lời khuyên tốt cho những người kiên quyết không chịu ăn năn. Ít nhất nó cứu họ khỏi việc xử tử tàn ác mười hai người vô tội. Vậy nên, nếu nhìn sự việc theo ý nghĩa đó thì Ga-ma-li-ên là người đáng được khen ngợi. Ông đại diện cho đa số dân Do Thái trong mọi thế kỷ, những người Do Thái bi quan, không tin Chúa Jê-sus là Đấng Mê-si-a, hay vào sự phục sinh của Ngài, hay vào sự cứu rỗi mà Ngài ban tặng, trên hết cũng không tin vào thần thánh của Ngài; nhưng mặt khác lại là những người không tán thành việc đóng đinh Ngài, và phản đối mọi bắt bớ con người vì cơ niềm tin của họ, gồm cả Cơ đốc nhân.

Nói cách ngắn gọn, lời khuyên của Ga-ma-li-ên là thế này. Trích dẫn ví dụ về hai đám người biểu tình ồn ào vì mục đích chính trị gần đây, những người đã lãnh đạo những phong trào nổi dậy ngăn ngừa và sau đó đã thất bại thảm hại, ông biện luận rằng Tòa Công luận không cần phải cố sức đàn áp phong trào Cơ đốc mới mẻ này. Nếu nó không đến từ Đức Chúa Trời, nó cũng giống những phong trào kia sẽ không còn. Hoặc giả, nếu phong trào Cơ đốc mới xuất hiện này đến từ Đức Chúa Trời, thì nỗ lực đàn áp nó là vô ích. Tệ hơn nữa: đó là liều mình

đánh giặc cùng Đức Chúa Trời (5:35-39).

Tòa Công luận đã bị thuyết phục, và trong thời điểm hiện tại họ từ bỏ ý tưởng giết hại các sứ đồ. Dĩ nhiên, họ sử dụng quyền kỷ luật cho đánh đòn các sứ đồ, và nhắc lại lệnh cấm rao giảng trong danh Chúa Jê-sus. Nhưng lệnh cấm đó không hề có hiệu lực, mà trong thực tế là phản tác dụng. Nghe theo lời chỉ dạy của Chúa Jê-sus (Lu-ca 6:22-23), họ vui mừng về vinh dự được kể là xứng đáng chịu khổ vì Danh Ngài; và họ tiếp tục mạnh mẽ, kiên trì dạy dỗ rao giảng hơn bao giờ hết (5:40-42).

Dưới ánh sáng của những sự việc này, có một thông báo đáng buồn mà sau này Phao-lô đã nói ra cho những người ngoại bang cải đạo ở Tê-sa-lô-ni-ca về những người Do Thái (không phải trên toàn thế giới, nhưng) thuộc địa phận Giu-đê – và trong bối cảnh này ấy là các bậc lãnh đạo, cụ thể là các quý tộc Sa-đu-sê, cả người mang chức tế lễ lẫn người bình thường:

Hỡi anh em, anh em thật đã trở nên người bất chước các hội thánh của Đức Chúa Trời tại xứ Giu-đê, là các Hội thánh trong Đức Chúa Jê-sus Christ: anh em đã chịu khổ bởi người đồng xứ mình, cũng như chính các Hội Thánh ấy chịu khổ bởi người Giu-đa, là người đã giết Đức Chúa Jê-sus và các Đấng tiên tri, đã bắt bớ chúng tôi; làm trái ý Đức Chúa Trời và thù nghịch với mọi người nữa, ngăn trở chúng tôi giảng dạy dân ngoại cho được cứu, lại hằng đầy dẫy cái lương tội lỗi mình. Nhưng con thịnh nộ của Đức Chúa Trời sau hết đã đến trên họ (ITês. 2:14-16).

Đó là điều Phao-lô chia sẻ giữa vòng gia đình, với những người mà ông đã đem họ về với Chúa đang chịu bắt bớ. Có hai điều nên được lập ra để chống lại điều đó. Trước nhất là lời nhận định của Phao-lô cho Hội thánh tại Rô-ma: “Nếu luận về Tin Lành thì họ là nghịch thù bởi cơ anh em, còn luận về sự lựa chọn, thì họ được yêu thương bởi cơ các tổ phụ” (Rô. 11:28). Và thứ hai là giải thích của ông cho các lãnh đạo người Do thái ở Rô-ma, lý do ông kháng án lên Sê-sa Nê-rô: “Những người [La-mã] này đã xét việc tôi rồi, thì muốn tha ra, vì tôi chẳng hề làm điều gì đáng chết. Song người Giu-đa chống cự điều đó, nên buộc tôi kêu nài đến Sê-sa, nhưng chẳng phải có ý kiện bản quốc ta đâu” (Công vụ 28:18-19).

Phần còn lại là lịch sử. Người La-mã đã hủy phá đền thờ vào năm

70 SC. Dĩ nhiên cuộc tấn công đó không hủy diệt được Do thái giáo, vốn thích nghi mạnh mẽ và tốt đẹp với những điều kiện mới khiến nó gia tăng mạnh mẽ thành một tôn giáo của nhà hội và Kinh Thánh. Nhưng khi đèn thờ không còn nữa, những thầy tế lễ cả người Sa-đu-sê, và hết thảy những thầy tế lễ thấp hơn đã đánh mất ý nghĩa và tầm quan trọng của họ; và họ dần dần biến mất.

PHÂN BIỆT ĐỐI XỬ CHỐNG LẠI ANH EM TÍN HỮU CƠ ĐỐC: THÊM MỘT QUAN ĐIỂM KHÁC TRONG CỘNG ĐỒNG CƠ ĐỐC (6:1-7)

Sự việc cuối cùng trong Phần Một rất ngắn, chỉ kéo dài từ 6:1 đến 6:6. Có hai điều chứng tỏ nó thuộc về Phần Một. Thứ nhất, Lu-ca đã đặt công cụ phân chia chia ở 6:7. Thứ hai, chủ đề nêu lên trong Sự việc này phù hợp với chủ đề chính của toàn Phần Một; và ý nghĩa nó đưa ra là cần thiết để chủ đề được hoàn tất và được trình bày cân đối và đa dạng.

Sự việc thứ 2 nói về Giu-đa, về việc ông phản bội Đấng Christ để đổi lấy tiền, và về đám ruộng của ông; Sự việc thứ 4 về người què xin ăn hàng ngày; và Sự việc thứ 6 về A-na-nia và Sa-phi-ra, việc họ gian dối với Đức Thánh Linh trong vấn đề tiền bạc và một đám ruộng. Sự việc cuối cùng này cũng giải quyết thái độ của cộng đồng Cơ đốc đối với tiền bạc và vật chất. Sự việc mô tả điều họ làm đối với một trường hợp lạm dụng xuất hiện liên quan đến việc phân phối thực phẩm hàng ngày.

Cụ thể, sứ điệp của Sự việc này liên quan và bổ sung cho bài học dạy dỗ được rút ra từ câu chuyện chữa lành người què. Cả hai câu chuyện chứng tỏ rằng các Cơ đốc nhân đầu tiên nghiêm túc nhận lãnh trọng trách xã hội của họ, trách nhiệm đối với thế giới chung quanh (như với người què) và trách nhiệm đối với các thành viên của Hội thánh (việc phân phát thực phẩm hàng ngày cho những góa phụ Cơ đốc). Cả hai câu chuyện nhắc nhở chúng ta về tầm quan trọng của việc giữ các trách nhiệm xã hội ở đúng vị trí và đúng mức độ, và đừng bao giờ cho phép những công việc ấy chiếm đoạt hoặc che khuất tầm quan trọng vượt trội của việc rao giảng tin lành và dạy dỗ Lời của Đức Chúa Trời.

Trong câu chuyện thuật về sự chữa lành cho người què, chúng ta nhận thấy đa phần đều tương đối sẵn sàng giúp đỡ người nghèo qua công việc từ thiện của Hội thánh, và bên cạnh việc sẵn sàng ban cho tiền bạc (nếu họ có) các sứ đồ còn ban cho nhiều thứ khác nữa. Nhưng khi đám đông tụ tập để nghe Phi-e-rơ giảng giải về phép lạ, ông không cho phép họ đi khỏi với ấn tượng rằng công việc từ thiện giúp đỡ người nghèo và chữa lành cho người bệnh là mục vụ chủ đạo của Cơ đốc giáo. Ngược lại, mục vụ chủ đạo và hết sức quan trọng của Cơ đốc giáo là rao giảng Tin lành. Ông chỉ ra cho đám đông rằng họ đã giết Chúa của sự sống, rằng bây giờ điều họ cần hơn hết là ăn năn, và tin vào Chúa Cứu Thế, không còn cách nào khác hơn để bảo toàn sự cứu rỗi là ngoài việc đặt niềm tin cách cá nhân vào trong Đấng Christ. Sự cứu rỗi này nhất định cần thiết nếu họ muốn sẵn sàng đón Chúa trở lại lần thứ hai. Thái độ mãn nguyện khi đem hàng cứu trợ xã hội và chữa lành thể xác đến cho một thế giới đầy tội lỗi nhưng lại không rao giảng Tin lành, trong khi nhu cầu lớn nhất và cấp bách nhất của thế giới là được nói cho biết làm thế nào để làm hòa với Đức Chúa Trời và nhận được sự sống vĩnh cửu, thái độ đó là một biến dạng vô cùng đáng tiếc về những thứ tự ưu tiên thật. Cho phép công tác cứu trợ xã hội chiếm vị trí của công tác truyền giáo là phạm tội xao lãng nhiệm vụ cả với Đức Chúa Trời và với đồng loại.

Câu chuyện cuối cùng giảng dạy một bài học tương tự; câu chuyện này liên hệ đến đời sống bên trong Hội thánh. Điều đó cho thấy rằng các Cơ đốc nhân đầu tiên có mối quan tâm vô cùng mạnh mẽ và tích cực đối với nhu cầu xã hội của các thành viên. Cụ thể, họ phân phát thực phẩm hàng ngày cho các góa phụ. Hơn nữa, khi phát hiện ra rằng một số góa phụ bị bỏ bê, nếu không phải là bị chủ động chống đối do kỳ thị, các sứ đồ khuyên Hội thánh cử ra những người tin kính và có năng lực để điều hành nguồn tài lực chung theo cách công bằng và hiệu quả. Nhu cầu xã hội của các tín hữu đã không bị giải quyết một cách bừa bãi.

Nhưng – và đây là điểm chính yếu của câu chuyện – bản thân các sứ đồ không sẵn sàng đứng ra điều hành công việc cứu trợ đó. Lý do họ đưa ra cho thấy cảm nhận khẩn cấp của họ về thứ tự ưu tiên thật:

Bỏ sự dạy đạo Đức Chúa Trời mà giúp việc bàn tiệc thật chẳng xứng hợp. Vậy, ... hãy chọn trong bọn mình bảy người có danh tốt, đầy đầy Đức Thánh Linh và trí khôn, rồi chúng ta sẽ giao việc [xã hội] này cho. Còn chúng ta sẽ cứ chuyên lo về sự cầu nguyện và chức vụ giảng đạo (6:2-4).

Để đưa ra bài học dạy dỗ, Lu-ca đã rất quan tâm khi đánh dấu kết thúc Phân Một của ông: “Đạo Đức Chúa Trời càng ngày càng tràn ra, số môn đồ tại thành Giê-ru-sa-lem thêm lên nhiều lắm. Cũng có rất nhiều thầy tế lễ vâng theo đạo nữa [nghĩa là họ cải đạo]” (6:7).

Mối liên hệ giữa sự tăng trưởng của Hội thánh và hai hoạt động rao giảng Tin lành và giảng giải Lời Chúa dĩ nhiên không phải là ngẫu nhiên; và chúng ta phải để kỹ thuật về khởi nguyên của Cơ đốc giáo này đánh giá chúng ta và các thực hành hiện đại của chúng ta ngày nay. Trong chừng mực điều chúng ta quan tâm chỉ là bề ngoài đề trình ra cho thế giới, nhiều Hội thánh dường như đánh mất sự tự tin của mình ở Tin lành để đem tội nhân trở lại đạo và khiến họ trở thành những môn đồ của Chúa Jêsus. Vì thế họ chỉ tập trung thực hiện các công tác xã hội tốt đẹp, đem cho thế giới sự trợ giúp. Thế giới không hề nhận biết rằng Cơ đốc giáo còn có nhiều hơn điều đó, tiếp nhận trợ giúp đó, nhưng nhận thấy không cần thiết phải đến với Đấng Christ để nhận được sự cứu rỗi; không có sự cải đạo chân thật xảy ra, và các Hội thánh suy yếu.

Bên trong Hội thánh cũng tương tự như vậy, điều đó có thể dễ dàng xảy ra đến nỗi các hoạt động xã hội trở nên điểm nhấn và hầu như chiếm ưu thế so với việc rao giảng Lời Chúa và cầu nguyện. Một vài người phản đối rằng ngày nay ta không thể trông mong hội chúng kiên nhẫn chịu đựng đối với những bài giảng giải Lời của Đức Chúa Trời một cách hệ thống và nghiêm túc; ta phải cho họ cái giá nhẹ hơn và “thích hợp” hơn. Điều đó có thể đúng. Nhưng nếu vậy, chẳng phải điều đó cho thấy rằng họ không phải là môn đồ đúng theo ý nghĩa mà Lu-ca và các sứ đồ ý thức về thuật ngữ này sao? Nếu các Hội thánh cảm thấy Lời của Đức Chúa Trời chán không chịu được, làm thế nào họ có thể trông chờ thế giới lắng nghe khi họ rao giảng Lời đó? Và nếu Lời của Đức Chúa Trời không được rao giảng và gieo rộng ra, thì làm thế nào số lượng các môn đồ gia tăng, chứ đừng nói gì đến việc gia tăng cách nhanh chóng?

PHẦN HAI

SỰ THỜ PHƯỢNG VÀ LÀM CHỨNG CỦA CƠ ĐỐC GIÁO (6:8-9:31)

Quan sát sơ bộ

Dàn ý Phần Hai

- Chuyển động 1:* Tin lành và sự Thờ phượng của Do Thái giáo Chính thống (6:8-8:3)
- Chuyển động 2:* Tin Lành và sự thờ phượng không chính thống của người Samaria (8:4-25)
- Chuyển động 3:* Tin Lành của Người Đầy tớ chịu Thương khó (8:26-40)
- Chuyển động 4:* Tin Lành của Con Đức Chúa Trời (9:1-31)

PHẦN HAI: Sự Thờ Phượng Và Làm Chứng Của Cơ Đốc Giáo **Quan sát Sơ bộ**

Hiện tại chúng ta đang nghiên cứu đến sự phân rẽ phương hướng thứ hai giữa Cơ đốc giáo và Do thái giáo. Những vấn đề gây phân rẽ lần này rất phức tạp; cho dù không quá không chính xác, có lẽ chúng có thể được tóm lược dưới chủ đề “Sự Thờ phượng và Làm chứng của Cơ đốc giáo.”

Trong Phần Hai có bốn chuyển động cơ bản. Chuyển động đầu tiên bao gồm một câu chuyện dài kể về sự bất bớ, biện hộ, và tuân đạo của Ê-tiên (6:8-8:3). Vụ bất bớ chống lại Ê-tiên này dính dáng đến thái độ và nhận xét của ông về đền thờ (6:13-14).

Chuyển động thứ hai liên quan đến việc truyền giáo cho Sa-ma-ri (8:4-25). Trên thực tế, người Sa-ma-ri và người Do thái kịch liệt không ưa nhau, phần lớn là do quan điểm khác biệt của họ về sự thờ phượng và đền thờ. Giống như điều người phụ nữ Sa-ma-ri tại Si-kha đã nói với Chúa Jesus: “Tổ phụ chúng tôi đã thờ lạy trên hòn núi này; còn dân Giu-đa lại nói rằng nơi đáng thờ lạy là tại thành Giê-ru-sa-lem.” (4:20).

Vậy thì câu hỏi về sự thờ phượng trong câu chuyện thứ nhất là: Cơ đốc giáo đã phải nói gì về đền thờ của Do thái giáo chính thống và sự thờ phượng ở tại Giê-ru-sa-lem; câu hỏi trong câu chuyện thứ hai là: Cơ đốc giáo đã phải nói gì với những người Sa-ma-ri không tuân theo tục lệ của người Do thái, những người dù chấp nhận Ngũ kinh của Môi-se là Lời Đức Chúa Trời, lại chối bỏ đền thờ tại Giê-ru-sa-lem mà thờ phượng trên núi Ga-ri-xim tại Sa-ma-ri.

Chuyển động thứ ba trình bày câu chuyện về sự cải đạo của một người Ê-thi-ô-pi lên Giê-ru-sa-lem thờ phượng, vốn đang đọc sách tiên tri Ê-sai trên đường trở về (8:26-40). Đền thờ tại Giê-ru-sa-lem không chỉ là một trung tâm thờ phượng của người Do thái mà thôi, nó còn là một lời chứng mạnh mẽ cho các quốc gia ngoại bang chung

quanh. Người Ê-thi-ô-pi này vốn là một trong rất nhiều người nam, nữ khôn ngoan thời cổ đại, những người không thỏa lòng với tín ngưỡng đa thần thô tục của ngoại giáo, nhận thấy rằng chính họ có ấn tượng bởi đền thờ không hình tượng tại Giê-ru-sa-lem, cùng với lời chứng về một Đức Chúa Trời Chân thật. Điều nổi bật trong suốt câu chuyện này là những điều Do thái giáo không có, nhưng Cơ đốc giáo lại có để mà trình bày cho những người này.

Chuyến động thứ tư cũng là chuyến động cuối cùng kể về sự cải đạo của Sau-lơ người Tạt-sơ (9:1-31). Một điểm nổi bật. Khi sai một người có tên A-na-nia đến truyền đạt cho Sau-lơ đang bị mù điều cần phải làm, Chúa đã giải thích cho A-na-nia rằng: “Ta đã chọn người này làm một đồ dùng ta, để đem danh ta đồn ra trước mặt các dân ngoại, các vua, và con cái Y-sơ-ra-ên” (9:15). Vì vậy, câu chuyện này cũng liên quan đến lời chứng của Y-sơ-ra-ên cho dân ngoại.

Như chúng ta vừa quan sát, qua nhiều thế kỷ Do thái giáo là một nhân chứng cho Đức Chúa Trời giữa thế gian. Cụ thể là trong các giai đoạn hưng thịnh của Hy-Lạp và La-mã, khi hàng ngàn người Do thái bị lưu đày sống và làm việc tại nhiều quốc gia chung quanh Địa Trung Hải, và một vài người thậm chí đã vươn lên đến các chức vị cao. Nhưng phong trào truyền giáo phun trào từ Y-sơ-ra-ên dưới hình dạng Cơ đốc giáo đã chứng minh sự độc đáo về tâm cỡ, sự mạnh mẽ, và hiệu quả. Nhiều phong trào truyền giáo đã được khởi đầu mạnh mẽ bởi Sau-lơ người Tạt-sơ; và, khi chúng ta đọc câu chuyện của ông, chúng ta sẽ muốn biết điều gì đã thay đổi con người của ông quá đổi sâu sắc từ một kẻ không mệt mỏi bắt bớ Cơ đốc nhân, cố sức ngăn chặn Cơ đốc giáo tràn ra khỏi biên giới Y-sơ-ra-ên (9:2), trở thành một nhà truyền giáo vĩ đại nhất cho thế giới từng bước ra từ Y-sơ-ra-ên.

Bây giờ chúng ta hãy cân nhắc nhiều hơn những tư tưởng liên kết rõ ràng giữa bốn câu chuyện trong phần này.

Trong câu chuyện đầu, Sau-lơ người Tạt-sơ đồng chịu trách nhiệm cho việc xử tử Ê-tiên: “các kẻ làm chứng lấy áo xống mình để nơi chân một người trẻ tuổi kia tên là Sau-lơ.” (7:58). Trong câu chuyện cuối cùng cũng chính Sau-lơ ấy trở lại đạo, không bao giờ

bắt bớ người nào nữa, mà bắt đầu rao giảng về đức tin mà trước đây mình cố hủy diệt.

Nhưng còn có một điểm tương đồng khác, lại còn có nhiều ý nghĩa hơn. Ngay đầu câu chuyện thứ nhất (7:2-3), Ê-tiên nhận xét: “Đức Chúa Trời vinh hiển đã hiện ra cùng tổ chúng ta là Áp-ra-ham.” Ở đầu của câu chuyện thứ tư (9:3), Lu-ca đã ký thuật rằng “thình lình có ánh sáng từ trời soi sáng chung quanh người [Sau-lơ người Tạt-sơ].” Sự tương đồng trong ngôn từ và ý tưởng thật rõ ràng; nhưng hãy cân nhắc đến ý nghĩa đặc biệt của nó. Sự xuất hiện của Đức Chúa Trời vinh hiển đối với Áp-ra-ham là một kinh nghiệm thuộc linh tối hệ trọng đằng sau sự ra đời của quốc gia Hê-bơ-rơ. Tầm quan trọng của nó hoàn toàn không thể phóng đại. Hiệu quả của nó vẫn còn trên chúng ta. Nhưng hãy chú ý đến chuyển động mà nó đã khởi xướng: nó đã mang Áp-ra-ham ra khỏi vòng dân ngoại để thành lập một quốc gia về sau hoàn toàn khác với tất cả các quốc gia khác, độc nhất trong lời chứng của họ đối với một Đức Chúa Trời Chân thật và trong sự chống đối của họ với chủ nghĩa đa thần của dân ngoại. “Hãy ra khỏi quê hương và bà con người, mà đi đến xứ ta sẽ chỉ cho” (7:3).

Tuy nhiên, khi ánh sáng từ thiên đàng chiếu rọi chung quanh Sau-lơ, một giai đoạn khác trong lịch sử Y-sơ-ra-ên bắt đầu, quan trọng hoặc có nghĩa không kém. Tuy nhiên, nó đem Sau-lơ trực tiếp đi ngược với phương hướng mà từ đó Áp-ra-ham đã đi ra. Là một người Hê-bơ-rơ, con của người Hê-bơ-rơ (Phil. 3:5), ông được sai đi ra khỏi lòng quốc gia Hê-bơ-rơ và tiến về phía dân ngoại, “để đem danh [Đức Chúa Trời] đồn ra trước mặt các dân ngoại, các vua” (9:15).

Mới nhìn có vẻ như chuyển động thứ hai mâu thuẫn với chuyển động thứ nhất. Nhưng không phải vậy. Chuyển động thứ hai làm ứng nghiệm và trọn vẹn chuyển động thứ nhất. Mục đích của Đức Chúa Trời khi gọi Áp-ra-ham ra khỏi vòng dân ngoại là từ nơi ông mọi chi tộc trên thế gian sau cùng sẽ nhờ đó mà được phước (Sáng 12:3). Với sự hiện đến của Đấng Mê-si-a và việc Sau-lơ người Tạt-sơ trở lại đạo và được sai đi, mục đích nguyên thủy của Đức Chúa Trời trong việc kêu gọi Áp-ra-ham ra khỏi vòng dân ngoại đang được ứng nghiệm cách chưa từng có cho tới nay, ấy là phước hạnh trải rộng khắp thế

giới cho dân ngoại. Qua Sau-lơ người Tạt-sơ, qua sự rao giảng và các thư tín của ông, vô số dân ngoại suốt nhiều thế kỷ đã tin nơi Đức Chúa Trời của Áp-ra-ham.

Dĩ nhiên, cả hai chuyển động đều cần thiết cho việc truyền giáo cho thế giới. Sự kêu gọi ra khỏi vòng dân ngoại của Đức Chúa Trời dành cho Áp-ra-ham không hàm ý rằng từ thời điểm đó trở đi mọi người ở ngoài Áp-ra-ham và dòng dõi của ông đã bị Đức Chúa Trời bỏ rơi và bị hư mất mãi mãi. Mặt khác, nhân loại vào lúc đó thực hành trên toàn cầu xu hướng giảm sút kiến thức nguyên thủy về một Đức Chúa Trời Chân thật mà hướng đến diễn giải thế giới theo phương hướng đa thần và đầy dẫy hình tượng. Cách duy nhất để tái lập sự hiểu biết của thế giới về Đức Chúa Trời Chân thật, và hành vi đạo đức luân lý mà sự hiểu biết đó đòi hỏi, là một lần nữa Đức Chúa Trời bắt đầu với một người, bày tỏ chính Ngài cho người ấy, thiết lập một mối liên hệ đặc biệt giữa Ngài và hậu tự của người ấy, và xây dựng từ duy người ấy một quốc gia mà quốc gia đó cần đứng ra công bố rõ ràng niềm tin vào một và duy chỉ một Đức Chúa Trời.

Rõ ràng điều này rất khó để thực hiện; bởi vì như các tiên tri của chính Y-sơ-ra-ên cho thấy, quốc gia này mãi mãi thỏa hiệp, và quay khỏi sự hiểu biết của mình về Đức Chúa Trời, sa vào cả việc thờ lạy hình tượng lẫn sự vô luân của các quốc gia ngoại bang. Nhưng trừ khi điều đó được thực hiện, nếu không thì khái niệm sâu sa của Đức Chúa Trời qua Đấng Christ có thể khó lòng được thực hiện. Có ích gì khi rao giảng rằng Chúa Jêsus là Con Đức Chúa Trời cho một thế giới có khái niệm sai lầm và gian ác về chính Đức Chúa Trời trong tất cả mọi lĩnh vực? Nhưng cuối cùng trận chiến đã thắng lợi, thắng lợi vĩnh viễn. Sau khi Y-sơ-ra-ên từ xứ lưu đày trở về, quốc gia này dường như là đã trở thành một quốc gia chưa bao giờ rơi vào việc thờ lạy hình tượng lần nữa. Ngày nay một lượng lớn người Do thái có thể theo thuyết vô thần hay bất khả tri; nhưng từ lần lưu đày đó trong lúc đền thờ và các nhà hội Do thái trên toàn thế giới trong suốt thời gian nó tồn tại, đã và hiện vẫn không chịu thỏa hiệp trong niềm tin độc thần của mình.

Vậy thì, thành công trong chuyển động đầu tiên là từ Y-sơ-ra-ên,

cần có một chiến thuật khác để trồng cây hiểu biết về Đức Chúa Trời Chân thật, và niềm tin cá nhân nơi Ngài, lan đến khắp các quốc gia ngoại bang trên thế giới. Vì vậy, đến một thời điểm chính Đức Chúa Trời vinh hiển này đã phải hiện ra với một người Hê-bơ-rơ khác và sai ông ra đi, theo một quy trình ngược lại, từ Y-sơ-ra-ên trở về với dân ngoại. Không phải là cải đạo dân ngoại và đem họ về với một quốc gia được biệt riêng, Y-sơ-ra-ên – điều đã thường xuyên diễn ra ở một quy mô nhỏ trong nhiều thế kỷ – nhưng để thiết lập hiểu biết về một Đức Chúa Trời Chân thật ngay giữa vòng dân ngoại.

Đức Chúa Trời đã làm điều này vào lúc ánh sáng từ thiên đàng chiếu rọi quanh Sau-lơ người Tạt-sơ, Ngài đã sai phái ông đi ra như là một sứ đồ cho dân ngoại. Từ đó, dù trực tiếp hay gián tiếp, qua lời rao giảng và các thư tín của ông, hàng triệu triệu người ngoại bang đã lia bỏ thần tượng của họ. Họ không trở nên người Do thái hay thành viên của quốc gia Y-sơ-ra-ên hay nhà hội; nhưng họ tin theo Đức Chúa Trời của Áp-ra-ham, Y-sác, và Gia-cốp, một và duy một Đức Chúa Trời Chân thật .

Những điều xảy ra ở tâm vĩ mô trong lịch sử cũng là sự thật ở tầm vi mô trong kinh nghiệm cá nhân của chúng ta. Đức Chúa Trời vinh hiển đã hiện ra cùng Áp-ra-ham và khiến ông trở thành một lữ hành. Còn ánh sáng từ trời soi chiếu quanh Sau-lơ khiến ông trở thành một nhà truyền giáo. Thật đáng ngờ nếu chúng ta là những nhà truyền giáo chân thật mà lại không trước hết trở nên những lữ hành. Điều đem Áp-ra-ham lia xa dân ngoại không phải một chuỗi những cảm đoán và mệnh lệnh kiêng cử, mà chính là khả thị cho ông về sự vinh hiển vô song của Đức Chúa Trời hằng sống và khả tượng về thành đời đời mà Đức Chúa Trời đã hứa dành cho ông. Chính sự thu hút này khiến ông rời miền đất quê hương và “xưng mình là kẻ khách và bộ hành trên đất” (xem Hê. 11:13). Làm sao chúng ta có thể làm chứng hiệu quả giữa thế giới ngoại giáo hiện đại đầy hình tượng, trừ khi một quang cảnh vinh quang tương tự của Đức Chúa Trời trước hết chiếu vào trong chúng ta đánh vỡ lòng “yêu thế gian” vốn “chẳng từ Cha mà đến” (IGiăng 2:16) và ban cho chúng ta những mục tiêu cao cả hơn và một phong cách sống khác hơn những người có tầm nhìn bị

thế gian trói buộc?

Nhưng giả như chúng ta đã cùng chia sẻ khái tượng của Áp-ra-ham, và trong lòng đã lìa bỏ thế gian như ông đã làm thì sao. Điều này vẫn chưa đủ; cũng giống như Phao-lô chúng ta cần phải trở nên những người truyền giáo và quay trở lại trong thế giới để khiến thế giới này nhìn biết Đức Chúa Trời. Hiếm khi chúng ta có thể tuyên bố rằng ánh sáng từ thiên đàng đã chiếu soi quanh chúng ta trừ khi ánh sáng đó, ít nhất ở mức độ nào đó, làm thắm nhuần trong chúng ta lòng thương xót cho những người đang ngồi trong bóng tối giống như nó đã làm trên Phao-lô.

Nhưng bây giờ chúng ta cần quay trở về với những nhiệm vụ cần thực hiện. Chúng ta đã chọn ra những mối liên quan tư tưởng giữa Chuyển động 1 và 4: bây giờ, tại đây, chúng ta cần tìm ra mối liên quan giữa Chuyển động 2 và 3.

Câu chuyện của Lu-ca về cuộc truyền giáo của Phi-líp cho người Sa-ma-ri đem những điểm nổi bật rất lớn đặt trên một người tên là Si-môn vốn nổi tiếng nhờ tà thuật và ma thuật. Nếu từng có một người thì người này chính thật là một lang băm về tôn giáo! Đúng, nhưng vấn đề là mọi tầng lớp Sa-ma-ri tại địa phương đã nhìn nhận Si-môn và đưa ra nhiều xác nhận đầy ấn tượng về ông. Họ nói, ông có quyền năng của Đức Chúa Trời gọi là “quyền phép lớn.” Đối với người Do thái, dù phải hay không phải là Cơ đốc nhân, những tuyên bố như thế này có vẻ như là phạm thượng. Nhưng vậy thì, dĩ nhiên, đối với đại đa số người Do thái xưa và nay, tuyên bố Jesus là Con Đức Chúa Trời của Cơ đốc nhân đã, và vẫn có vẻ là phạm thượng tương tự như vậy – nếu không nói là còn phạm thượng hơn. Làm thế nào chúng ta có thể chắc chắn rằng các Cơ đốc nhân đầu tiên không nhầm lẫn trong các tuyên bố của họ về Chúa Jêsus giống như người Sa-ma-ri đã sai lầm trong tuyên bố của họ đối với Si-môn? Làm thế nào chúng ta chắc chắn rằng Chúa Jêsus không phải là người mà một số học giả Do thái luôn kiên trì cho là một trong số ra-bi “làm phép lạ” được biết đến trong Do thái giáo, là những người có danh tiếng được đồn thổi đến mức phạm thượng bởi những người dân ngoại đi theo họ?

Một câu trả lời cho câu hỏi này nằm ở Chuyển động thứ 3. Tại

đây Phi-líp giảng giải cho người Ê-thi-ô-pi rằng Chúa Jêsus là Đầy tớ chịu thương khó vốn được hứa từ lâu như được chép trong Ê-sai 53 (8:32-35). Các Cơ đốc nhân tin tưởng một cách quả quyết rằng Jêsus đã thực hiện các phép lạ, đó là những phép lạ mang ý nghĩa vô cùng đặc biệt. Đức tin của họ được lập ở trên phép lạ tối cao ấy là sự phục sinh của Ngài. Nhưng, cũng vẫn đúng khi nói rằng không phải người-làm-phép-lạ Jesus chiếm được trái tim của hàng triệu người theo Ngài. Mà chính là Jesus, Đầy tớ chịu thương khó của Đức Chúa Trời, Chiên con bị dẫn đến hàng làm thịt, Chiên câm trước mặt kẻ hót lông, Đấng Christ chịu đóng đinh vì tội lỗi của chúng ta, Đấng bị thương vì sự gian ác của chúng ta, và bởi lần roi Ngài chịu chúng ta được lành bệnh. Không thể so sánh Ngài với Si-môn của thế gian này.

Tiếp theo sau đó là mục lục ngắn gọn được chọn lựa nhằm giữ cho phần này trọn vẹn đối với tâm nhãn của chúng ta và đề xuất thể nào bốn chuyển động kia liên kết với nhau và với tổng thể.

PHẦN HAI: SỰ THỜ PHƯỢNG VÀ LÀM CHỨNG CỦA CƠ ĐỐC GIÁO (6:8-9:31)

I. SỰ CHẾT CỦA Ê-TIÊN; SAU-LƠ BẮT BỐ HỘI THÁNH (6:8-8:3)

1. “ Đức Chúa Trời vinh hiển đã hiện ra cùng tổ chúng ta là Áp-ra-ham, mà phán rằng: Hãy ra khỏi quê hương và bà con người” (7:2-3).
2. Đức Chúa Trời trong bụi gai cháy mà không tàn. Đức Chúa Trời khăng định với Môi-se Ngài là “Đức Chúa Trời của tổ phụ người,... Ta đã đoái xem và thấy cảnh khó khăn của dân ta... và xuống đặng giải cứu” (7:30-34).
3. “[Ê-tiên] thấy sự vinh hiển của Đức Chúa Trời, và Đức Chúa Jêsus đứng bên hữu Đức Chúa Trời; thì người nói rằng: Kìa, ta thấy... Con người đứng bên hữu Đức Chúa Trời. Bây giờ, chúng ... ném đá người” (7:55-58).

II. PHI-LÍP VÀ SỰ CẢI ĐẠO CỦA NGƯỜI SA-MA-RI (8:4-25)

1. Sa-ma-ri và các tà thuật của Si-môn (8:9).

2. “ Si-môn... tự khoe mình làm người danh tiếng ... Hết thầy từ trẻ đến già đều nghe theo người, mà nói rằng: Chính người là quyền phép của Đức Chúa Trời, tức là quyền phép lớn như thường gọi vậy” (8:9-10).

III. PHI-LÍP VÀ SỰ CẢI ĐẠO CỦA NGƯỜI Ê-THI-Ô-PI (8:26-40).

1. Giê-ru-sa-lem và Kinh thánh (2:27-28)
2. “Người đã bị kéo đi như con chiên đến hàng làm thịt, lại như chiên con câm trước mặt kẻ hót lông, người chẳng mở miệng. Trong khi người hèn hạ thì sự đoán xét Người đã bị cất đi... Hoạn quan cất tiếng nói cùng Phi-líp rằng: Tôi xin hỏi ông, đáng tiên tri đã nói điều đó về ai?... Phi-líp bèn mở miệng, bắt đầu từ chỗ Kinh Thánh đó mà rao giảng Đức Chúa Jê-sus cho người” (8:32-35).

IV. SỰ CẢI ĐẠO CỦA KẺ BÁCH HẠI TÊN LÀ SAU-LƠ (9:1-31).

1. Sau-lơ bắt bớ các sứ đồ; Chúa khải định với ông Ngài là “Jê-sus mà người đang bắt bớ” (9:4-5).
2. “ Ánh sáng từ trời soi sáng chung quanh người” (9:3); “ Nhưng Người này làm một đồ dùng ta, để đem danh ta đồn ra trước mặt các dân ngoại...” (9:15).
3. “Người liền giảng dạy... rằng Đức Chúa Jê-sus là Con Đức Chúa Trời. [Và]... người Giu-đa mưu với nhau để giết Sau-lơ.” (9:20-23).

PHẦN HAI: CHUYỂN ĐỘNG 1

Tin lành và sự thờ phượng của Do thái giáo chính thống (6:8-8:3)

Con thủy triều của sự sống mới tràn dâng xuyên suốt Phần Một không suy giảm mà tiếp tục càn quét vào Phần Hai. Trước khi các chương thuộc về phần này kết thúc, Tin lành sẽ trải ra từ Giu-đê đến Sa-ma-ri; tia nắng đầu tiên trong buổi ban mai của Cơ đốc giáo sẽ chạm đến Ê-thi-ô-pi; và một vị sứ đồ đặc biệt sẽ trở lại đạo, được sai phái, và được chuẩn bị cách đặc biệt để đem Tin lành đến với mọi tầng lớp trong toàn thể dân ngoại.

Tính chất của sự sống không chỉ nằm ở chỗ trải ra, lan ra nhưng còn nằm ở chỗ trưởng thành, tiến bộ: từ thuở thơ ấu đến tuổi trưởng thành; từ đứa trẻ chơi đùa với búp bê trở thành một người mẹ thật sự hay là một ý tá; từ những bài học ở trường đến các hoạt động và trách nhiệm của cuộc sống trưởng thành; từ cưỡi xe do ngựa kéo đến phát minh ra tàu lửa chạy bằng hơi nước, xe ô tô, máy bay, và tàu du hành vũ trụ.

Sự sống thuộc linh cũng vậy. Y-sơ-ra-ên đã từng là một đứa trẻ (Ô-sê 11:1), là một hiện tượng trên thế giới cả về phương diện lịch sử và thuộc linh. Tình yêu của Đức Chúa Trời cho con của Ngài trong ngày thơ ấu thật rất mãnh liệt, mạnh mẽ, và đầy lòng thương xót. Ngài đã bẻ gãy cái ách nô lệ Ê-díp-tô đặt trên nó, ban cho nó nền độc lập và một sản nghiệp riêng tại Ca-na-an. Sau đó, từ năm này qua năm khác, Y-sơ-ra-ên đã ghi ơn con sinh trong Lễ Vượt qua là con sinh đầu tiên gieo hiệu hứng trên tự do của nó. Hàng năm nó kỷ niệm niềm vui có được sản nghiệp mới trong các dịp Lễ Đầu mùa và Lễ Ngũ tuần. Sau đó, phát triển từ tuổi ấu thơ du mục trong sa mạc, trải qua tuổi thiếu niên chinh phục và phát triển sản nghiệp của mình tại Ca-na-an, rồi đánh dấu việc bước vào tuổi thanh niên vinh quang oai nghi của chế độ quân chủ bằng sự kiện thay thế đền tạm lưu động trong đồng vắng bằng một đền thờ được xây bằng đá, uy nghiêm và bền vững.

Bây giờ, cùng với sự hiện đến của Đấng Mê-si-a, Con Đức Chúa Trời, thời điểm để tiến vào giai đoạn hoàn toàn trưởng thành đã đến. Những con chiên trong một ngàn Lễ Vượt qua đã được thay thế bằng Chiên Con của chính Đức Chúa Trời; những chiếc bánh khiêm nhường được làm bằng bột ngô vừa thu hoạch trong Lễ Ngũ tuần đã bị vượt qua bằng sự hiện đến của Thánh Linh Đức Chúa Trời, trái đầu mùa của một sản nghiệp thuộc về thiên đàng. Bây giờ, một cái bóng bắt đầu len vào phía trên ngôi đền thờ vinh quang được xây bằng đá tại Giê-ru-sa-lem: đền thờ sắp bị làm cho lu mờ bởi một sự vinh hiển sáng lạn hơn từ nơi ngự vượt bậc của Đức Chúa Trời.

Thay đổi không lành mạnh chỉ đơn giản từ chổi, phản bội, và hủy diệt sự tốt lành của quá khứ và hiện tại; còn thay đổi chân thực làm hoàn thiện sự tốt lành đó và thay thế nó bằng điều tốt hơn. Chống đối trước những thay đổi không lành mạnh là đúng; nhưng giận dữ và chống đối những thay đổi chân thật, như nhiều người Do thái đã làm, là biến sự tốt lành trong quá khứ và hiện tại trở thành điều ác. Việc một đứa con trai nhỏ không thể hay không chịu lìa bỏ đồ chơi của mình để đến trường biến việc chơi đùa với đồ chơi của nó thành thảm họa cho con người.

Đối với thầy tế lễ thượng phẩm và các thầy tế lễ cả, “những người thợ xây” đền thờ Giê-ru-sa-lem cũng vậy. Khi Đức Chúa Trời sai Con Ngài đến trở nên viên đá móng của một ngôi đền thờ thuộc linh mới dành cho toàn vũ trụ, thì những người thợ xây này đã hủy diệt Ngài; và Phi-e-rơ đã phải thông báo cho họ biết rằng viên đá mà họ đã loại bỏ, giờ Đức Chúa Trời đã lập thành viên đá góc trong ngôi đền thờ mới của Ngài (4:11). Rồi Ê-tiên xuất hiện và ông cảnh báo chính những thầy tế lễ đó rằng khi họ chối bỏ Đấng Christ vì yêu mến đền thờ truyền thống chính là đang bám chặt vào một hệ thống thờ phụng đã sớm lỗi thời và sẽ dần biến mất. Họ giết ông vì ông đã nói những lời đó, đó là ác cảm của họ đối với sự thay đổi.

Vì thế, sau Chúa Jê-sus của chúng ta, Ê-tiên là Cơ đốc nhân đầu tiên tuân đạo. Thông thường người ta sẽ không chịu tử vì đạo, trừ khi đó là vì những nguyên tắc mà họ cho là quan trọng hơn cả mạng sống. Ê-tiên đã chết vì khác biệt về cách tiếp cận với Đức Chúa Trời

của Do thái giáo Cơ đốc giáo.

Đĩ nhiên Ê-tiên không phải là một người duy nhất trong số những người cùng thời với ông cho rằng trong sự thờ phượng của Y-sơ-ra-ên trong đền thờ Giê-ru-sa-lem có gì đó không đạt chuẩn. Cộng đồng tôn giáo Do thái Qumran rất nghiêm ngặt ở bên bờ Biển Chết đã từ lâu rút lui không tham gia vào tất cả các buổi thờ phượng của đền thờ. Geza Vermes nói, “Đối với các hệ phái, đền thờ Giê-ru-sa-lem là một nơi ghớm ghiếc; ngoại vi của nó bị xem là ô nhiễm, thầy tế lễ của nó gian ác, và trong danh mục nghi lễ thể hiện sự trái phép.” Vì vậy, trong lúc này, họ không thể chuyên tâm tham dự vào sự thờ phượng hiện thời đang diễn ra. Vì tất cả mọi điều đó, thái độ của họ đối với đền thờ rất khác với thái độ của Ê-tiên. Họ không phản đối đền thờ và sự thờ phượng bên trong, nhưng chỉ phản đối với những lạm dụng đang tràn lan. Họ hy vọng một ngày nào đó sự thờ phượng trong đền thờ sẽ trong sạch như ban đầu và lại một lần nữa tuân theo các luật lệ của Cựu ước giống như cách họ hiểu về các luật lệ đó. Khi điều đó xảy ra, họ sẽ lại mừng rỡ tham gia vào sự thờ phượng đó.

Ngược lại, ban đầu các Cơ đốc nhân đầu tiên còn chính thống hơn cả cộng đồng Qumran. Họ cứ tiếp tục vui mừng đi đến đền thờ và tham gia vào thờ phượng tại đó (Lu-ca 24:52-53; Công vụ 2:46-3:1). Nhưng sau đó Ê-tiên xuất hiện, ông bắt đầu nói lên ý kiến, mà khi ý kiến ấy được trình bày đầy đủ, sẽ khiến các bạn hữu Cơ Đốc của ông hoàn toàn lia bỏ đền thờ, lia bỏ chức tế lễ, và các nghi thức của họ. Không giống với cộng đồng Qumran, ông không than phiền rằng đền thờ và những sự thờ phượng đã không còn đi theo Kinh thánh và cần phải được cải cách: ông khẳng định rằng chúng đã trở nên lỗi thời và sẽ cùng biến mất.

Vì cuộc cách mạng và những tư tưởng gây xúc phạm (đối với Do thái giáo chính thống thời bấy giờ) vì thế, ông đang bị mang đến trước hội đồng tối cao của quốc gia, bị buộc tội, lên án, và xử tử.

Những cáo buộc cụ thể chống lại Ê-tiên là: “Người này hằng nói những lời phạm đến nơi thánh và luật pháp. Vì chúng chúng ta đã nghe người nói rằng Jêsus ở Na-xa-rét này sẽ phá nơi đây và đổi tực lệ mà Môi-se đã truyền lại cho chúng ta” (6:13-14). Từ những cáo

buộc cụ thể này, sau đó người cáo buộc đã đưa ra cáo buộc tổng quát là Ê-tiên đã phạm tội “nói ra những lời phạm đến Môi-se và Đức Chúa Trời” (6:11). Không cần phải nói, cáo buộc tổng quát này rất nghiêm trọng: nếu được chứng minh là đúng, nó bắt buộc đem đến một bản án tử hình (Lê. 24:16). Lu-ca tư vấn cho chúng ta (6:11, 13) rằng những cáo buộc cụ thể này là một sự xuyên tạc méo mó các dữ kiện thật, và rằng các nhân chứng được đưa ra để hỗ trợ các cáo buộc này là những người đồi bại. Chúng ta hầu như có thể tự mình đoán biết gần hết qua việc đọc bốn sách Phúc âm. Không có kỹ thuật nào về Đấng Christ nói rằng tự Ngài sẽ dùng sức hủy phá đền thờ Giê-ru-sa-lem; và cũng không có khả năng Ê-tiên từng nói rằng Ngài sẽ làm như vậy.

Mặt khác, điểm đặc biệt là không có chỗ nào trong bài phát biểu dài của mình (ít nhất là trong nội dung bài giảng mà Lu-ca đã ghi lại) cho thấy Ê-tiên đã nỗ lực giải thích rằng ông không hề nói như ý họ âm mưu cáo buộc, rằng Chúa Jê-sus sẽ dùng sức phá hủy đền thờ. Có khả năng là ông không nghĩ điều này đáng để ông đề ý: vì phần còn lại của cáo buộc là sự thật. Ông thật có nói rằng Jê-sus người Na-xa-rét sẽ thay đổi – thực tế là đã thay đổi – các tập tục mà Môi-se đã trao lại cho quốc gia. Lần đầu, khi hội đồng nghe đến thì nhận thấy dường như điều này cũng phạm thượng không kém. Họ tin rằng Môi-se nhận các tập tục từ Đức Chúa Trời, sau đó ông đã trao lại cho họ; và hơn nữa họ tin rằng Kinh Cựu ước, vốn là nơi lưu lại các tập tục này, được viết ra dưới sự soi dẫn trực tiếp của Đức Chúa Trời. Phát biểu cho rằng Chúa Jê-sus Christ đã thay đổi, hay sẽ thay đổi những tập tục này đối với hội đồng dường như là phạm thượng không thể chối cãi; và đó sẽ phải là đòn tấn công chủ đạo trong bài giảng của Ê-tiên khi dùng chính những đoạn Kinh thánh Cựu ước này để chứng minh rằng điều đó không phải là phạm thượng, cũng không phải là chống nghịch với Đức Chúa Trời hay với Môi-se vậy.

Có một số câu hỏi xuất hiện. Điều gì đã khiến Ê-tiên phát sinh suy nghĩ rằng Chúa Jê-sus đã thay đổi hoặc sẽ thay đổi các hướng dẫn liên quan đến đền thờ của Môi-se và phương cách con người đến gần với Đức Chúa Trời? Những thay đổi đó là gì? Tại sao, khi nhìn thấy

đồng bào Do thái tức giận cay đắng vì điều đó, ông vẫn cứ kiên trì nói về nó? Tại sao, khi ông chuẩn bị bị kết án, ông vẫn nghĩ thay đổi này là vô cùng quan trọng đến nỗi ông thà chịu chết chứ không chối bỏ?

BỐI CẢNH ĐẲNG SAU Ý TƯỞNG VÀ LỜI CHỨNG CỦA Ê-TIÊN

Việc tham khảo bài giảng của Ê-tiên không giúp ích gì cho chúng ta để có thể hiểu ông đã nghĩ gì và nói gì về những vấn đề này; bởi vì như chúng ta đã nói, ông đã không hề nỗ lực giải thích Đấng Christ đã và sẽ thay đổi điều gì; ông chỉ quan tâm đến việc bày tỏ rằng không có gì là phạm thượng khi nói những thay đổi đó sẽ và phải được thực hiện. Để sắp xếp xây dựng lại tư tưởng của Ê-tiên chúng ta phải tham khảo tại những nơi khác. Hiện có sẵn ba nguồn tham khảo chính.

Thứ nhất là kinh nghiệm Đấng Christ của chính ông; thứ hai là những điều ông có thể biết được từ các sứ đồ và những tín hữu Palestine về những phát biểu của Chúa chúng ta khi Ngài thi hành chức vụ trên đất liên quan đến đền thờ cũng như sự chết, sự phục sinh, và thăng thiên của Ngài; và thứ ba là thư tín gửi cho người Hê-bơ-rơ mãi tận sau này. Cho dù tác giả của thư tín này là ai, dường như ông cũng giống Ê-tiên, là một người bị ảnh hưởng bởi văn hóa Hy-Lạp, và, như giáo sư W. Manson chỉ ra, ông phát triển sâu hơn những tư tưởng mà Ê-tiên đã bày tỏ.

Kinh nghiệm về sự tha thứ của Ê-tiên

Vậy, trước hết là kinh nghiệm cá nhân của Ê-tiên về sự tha thứ qua Chúa Jêsus Christ.

Chúng ta không biết Ê-tiên tin nhận Chúa Jêsus là Đấng Christ khi nào, hay ông được nghe ai trình bày về Tin lành lần đầu tiên. Nhưng nếu Công vụ là một tập sách hướng dẫn bất kỳ, mỗi bài giảng mà ông có thể đã nghe đều đi theo một khuôn mẫu cơ bản: một phát biểu về những sự kiện trong cuộc đời của Đấng Christ (ví dụ như việc Ngài bị đóng đinh, phục sinh, và thăng thiên), làm nổi bật ở vai trò của Ngài là Chúa và Đấng Mê-si-a. Sau đó trình bày sự tha thứ hoàn toàn và món quà Thánh Linh cho tất cả những người thật lòng ăn năn và đặt đức tin nơi Chúa Jêsus Đấng đã bị đóng đinh, đã sống lại, và

được làm cho vinh hiển (2:38; 3:19; 10:42-43; 13:38-39). Sau đó, bởi lòng tin người đó sẽ nhận được sự tha thứ và kinh nghiệm niềm vui và sự kỳ diệu. Người đó có thể đã cảm nhận được Đức Chúa Trời chấp nhận khi Đức Thánh Linh thực hiện trong lòng mình điều mà Đức Thánh Linh được sai đến để thực hiện: “tình yêu của Đức Chúa Trời đã tuôn đổ vào lòng chúng ta – BD 2011” (Rô. 5:5)

Đây là điều hoàn toàn mới mẻ đối với Ê-tiên. Dĩ nhiên, là một người Do thái đầy nhiệt huyết, trước đây ông có thể đã biết và đã kinh nghiệm về sự tha thứ. Nhưng trong cả cuộc đời mình ông chưa bao giờ được ban sự tha thứ qua việc tin vào một Người thật đã từng sống trên đất này. Trong toàn bộ Cựu ước, không có chỗ nào đảm bảo với ông rằng chỉ cần ông tin, ví dụ như Môi-se, hay Ê-li, thì ông sẽ nhận được sự tha tội. Nhưng sự tha thứ hiện tại ông đang tận hưởng không chỉ đến với ông sau khi ông tin Chúa Jêsus, hay thậm chí đơn giản là vì ông tin vào Chúa Jêsus: nó đến với ông qua Chúa Jêsus (Công vụ 4:30; 10:43; 13:39), bởi vì, như ông có thể đã được cho biết, Chúa Jêsus trong tư cách Con Người có thẩm quyền cá nhân để phân phát sự tha tội, và thẩm quyền đó đã được xác nhận bởi sự phục sinh của Ngài (Lu-ca 7:48-49; Công vụ 4:30).

Sau đó Ê-tiên có thể nhanh chóng học biết rằng sự tha thứ đến qua Đấng Christ theo một ý nghĩa khác. Lu-ca cho chúng ta biết rằng ngay từ ban đầu những Cơ đốc nhân đầu tiên “bền lòng... bẻ bánh” (Công vụ 2:42). Lu-ca chắc phải có nhiều ngụ ý hơn việc kể lại rằng họ dùng bữa mỗi ngày: thậm chí trước khi họ trở thành một tín hữu Cơ đốc họ còn làm điều gì khác? Ngụ ý của Lu-ca chính là họ đều đặn giữ lễ Tiệc thánh; Ê-tiên có thể đã cùng họ tham dự ngay sau khi ông trở lại đạo. Tại đó ông có thể đã nghe nhắc lại nhiều lần lời của Chúa Jêsus: “Hãy lấy ăn đi, này là thân thể ta... này là huyết ta, huyết của sự giao ước đã đổ ra cho nhiều người được tha tội.” (Ma-thi-ơ 26:26, 28).

Khi Ê-tiên đặt câu hỏi, vốn là việc ông chắc chắn sẽ làm, Đấng Christ có ngụ ý gì khi Ngài nói “huyết của sự giao ước,” các sứ đồ có thể đã bảo với ông điều sau đó họ bảo với Lu-ca (Lu. 22:20) rằng giao ước mà ông hỏi là giao ước mà Đức Chúa Trời đã hứa qua Giê-

rê-mi (Giê. 31:31-34). Ê-tiên đã có cảm nhận rất tốt về lịch sử: chúng ta nhận thấy điều này từ bài giảng của ông về sau. Ông không thể nào cứ liên tục được nghe tham chiếu về giao ước mới này mà không hề suy nghĩ lâu dài và kỹ càng về những ý nghĩa của nó. Trong thế giới cổ đại nói chung, cụ thể là trong các luật lệ của Cựu ước, giao ước phải được phê chuẩn bằng việc đổ huyết của các con sinh giao ước. Giao ước Đức Chúa Trời thực hiện qua trung gian là Môi-se đã vì thế được phê chuẩn (Xuất. 24:5-8). Người ta trông đợi là giao ước tiếp theo sẽ phải được phê chuẩn giống như vậy. Trong giờ Tiệc thánh, Đấng Christ đã không ngừng nhắc Ê-tiên nhớ rằng dòng huyết khiến cho giao ước mới được phê chuẩn chính là huyết của Ngài, là con sinh tế tại Gô-gô-tha.

Câu hỏi sớm hay muộn sẽ xuất hiện, không thể tránh khỏi là: Ước mới này liên hệ với giao ước cũ như thế nào? Chúng ta đều biết rằng tác giả Hê-bơ-rơ sau này đã nhìn thấy được mối liên hệ rõ ràng này và diễn đạt nó rất súc tích: “Gọi ước đó là mới, thì đã xưng ước trước là cũ; và, điều chi đã cũ đã già, thì gần tiêu mất đi” (Hê. 8:13).

Nhưng chính tác giả đó lại đau lòng chỉ ra rằng ông vốn rút ra kết luận của mình từ những phát biểu rõ ràng của nguyên bản Cựu ước. Tại đó chính Đức Chúa Trời phán rằng giao ước mới sẽ không giống giao ước cũ bởi vì giao ước cũ không thể đạt được kết quả mãn nguyện (Giê. 31:32), và phải bị thay thế bằng một giao ước mới mẻ khác. Chắc chắn Ê-tiên cũng hẳn cảm không kém với tác giả thư gửi cho người Hê-bơ-rơ. Ông cũng có thể nhìn thấy rằng có thêm một giao ước mới cũng chẳng ích gì nếu giao ước cũ vẫn có thể thỏa mãn yêu cầu. Dân sự của Đức Chúa Trời cũng không thể liên hệ với Ngài nhờ vào các điều kiện của đồng thời cả hai giao ước khác nhau. Vì vậy, ông có thể kết luận giống như tác giả của thư gửi người Hê-bơ-rơ, rằng giao ước cũ đã bị bãi bỏ. Chúa Jêsus Christ đã thay đổi tập tục được Môi-se lưu truyền. Ngài là Đấng Trung bảo của một giao ước tốt hơn được lập trên những lời hứa tốt hơn (Hê. 7:22; 8:6). Ê-tiên đã có thể tuyên bố một cách công khai, và đã tiếp tục tuyên bố như vậy dầu bị bách hại chống đối gay gắt – cuối cùng trả giá bằng mạng sống của ông – bởi vì đây không phải là một chi tiết nhỏ nhặt

tâm thường của tư tưởng Cơ đốc. Đây là trọng tâm quan trọng của Tin lành Cơ đốc: các điều khoản và điều kiện để nhận được sự tha thứ và sự chấp nhận của Đức Chúa Trời trong giao ước mới qua sự hy sinh của Chúa Jêsus Christ chúng ta.

Đấng Christ và đền thờ mới

Nhưng có thể Ê-tiên cũng nghe từ các sứ đồ và những tín hữu Palestine về những hành động và phát biểu của Đấng Christ liên quan đến đền thờ tại Giê-ru-sa-lem. Việc Ngài dẹp sạch đền thờ vốn đã rất nổi tiếng.

Thật vậy, khi những người làm chứng đôi tại phiên xử Đấng Christ tố cáo Ngài đã nói rằng (và hiện đang tố cáo Ê-tiên đã lặp lại những lời đó) “Ta có thể phá đền thờ của Đức Chúa Trời, rồi dựng lại trong ba ngày.” (Ma-thi-ơ 26:61), họ đưa ra lời giải thích phỏng đoán và nhảm lẩn về điều Ngài đã thật sự nói vào dịp ấy: “Hãy phá đền thờ này đi, trong ba ngày ta sẽ dựng lại” (Giăng 2:19). Giăng cho chúng ta biết rằng đến các môn đồ của Đấng Christ cũng không hiểu được rằng đền thờ Ngài nói vào lúc ấy thật ra là chính thân thể của Ngài; cho đến khi Ngài phục sinh thì họ đều đã hiểu (Giăng 2:22). Vì có đó, Ê-tiên dĩ nhiên cũng có thể hiểu. Trước hết, ông thấy Đấng Christ đã công bố một thể loại đền thờ mới; và thứ hai, Ngài không đơn giản phán rằng chừng nào Ngài còn sống trên đất thì thân thể của Ngài sẽ lập nên một đền thờ cho Đức Chúa Trời. Ngài nói rằng đền thờ vốn là thân thể của Ngài sẽ sống lại từ cõi chết và được “xây dựng lại” như là một đền thờ. Điều này đã tự động định hướng lại cách thức Ê-tiên đến gần với Đức Chúa Trời. Là một người Do thái sốt sắng ông có thể đã luôn tin vào sự toàn tại của Đức Chúa Trời, như điều được diễn đạt cách uy nghiêm trong Thi thiên 139. Nhưng qua nhiều thế kỷ, Đức Chúa Trời đã chu cấp cho Y-sơ-ra-ên một tòa nhà, một ngôi đền thờ, một địa phương trên đất, nơi có thể định vị được sự hiện diện của Ngài theo một cách đặc biệt, nơi “mà Đức Giê-hô-va sẽ chọn để bày tỏ danh Ngài” (Phục. 16:2), nơi người ta có thể đến tìm và gặp Ngài. Hàng triệu người qua các thế hệ đã đến, đã tìm và đã gặp. Tuy nhiên, qua cuộc đời trên đất của Chúa Jêsus, thân thể của Ngài đã hình thành nên một ngôi đền thờ, nơi người ta có thể gặp được Đức

Chúa Trời cách trực tiếp hơn cả trong đền thờ. Bây giờ, bởi sự phục sinh và thăng thiên của Ngài, Chúa Jêsus Đấng hằng sống và được tôn cao sẽ tiếp tục là “nơi” trong vũ trụ của Đức Chúa Trời là chính chỗ con người ta có thể tìm thấy Đức Chúa Trời: Ê-tiên có thể đã xác minh điều này bằng kinh nghiệm cá nhân của ông. Khi ông muốn đến gần với Đức Chúa Trời, ông có thể đi trực tiếp đến với Đấng Christ hằng sống một cách hết sức tự nhiên. Ông không còn cảm thấy rằng chỉ đền thờ Giê-ru-sa-lem là nơi có thể đến gần Đức Chúa Trời nhất. Nếu đã được biết lẽ thật này, thì ông không bao giờ phải cần đến đền thờ mới có thể có thể đến rất gần với Đức Chúa Trời. Đức Chúa Trời hiện diện trong nơi sâu kín nhất của đền thờ, Nơi Chí thánh. Người bình thường không bao giờ được cho phép có mặt ở gần đó. Thậm chí họ còn không được phép vào khu vực ngoài cùng của đền thờ, nói gì đến nơi Chí thánh. Thậm chí đối với các thầy tế lễ được phép vào đền thờ, nhưng cũng không bao giờ được phép vào nơi Chí thánh.

Ngoại lệ duy nhất là mỗi năm một lần, ấy là vào ngày Đại lễ Chuộc tội, thầy tế lễ thượng phẩm được phép vén góc tấm màn lớn ngăn lối vào nơi Chí thánh và đứng trong sự hiện diện trực tiếp của Đức Chúa Trời; tại đó ông sẽ vẩy huyết của con sinh chuộc tội cho dân tộc lên hòm giao ước và nắp thi ân vốn tạo thành ngai của Đức Chúa Trời trên đất. Chắc chắn đó là khoảnh khắc vô cùng trang nghiêm đối với những người nhóm hiệp bên ngoài hành lang; vì thầy tế lễ thượng phẩm đang đại diện cho họ. Nếu Đức Chúa Trời chấp nhận ông, và ông bước trở ra vẫn còn sống, có nghĩa là Đức Chúa Trời đã chấp nhận ông, ít nhất là cho đến ngày Đại lễ Chuộc tội vào năm sau. Nhưng dù cảm nhận của họ về sự chấp nhận của Đức Chúa Trời vốn là thật và sâu sắc, chưa bao giờ cho họ sự tự do để đến gần Ngài, hay để bước vào nơi Chí thánh. Cánh cửa đền thờ luôn luôn đóng ở trước mặt họ; còn tấm màn lớn thì vẫn luôn ngăn trở lối dẫn vào trong sự hiện diện của Đức Chúa Trời.

Dĩ nhiên Ê-tiên có thể đã hiểu rõ chức năng và ý nghĩa đặc biệt của tấm màn đó. Vậy nên, ông có thể đã vô cùng thích thú khi được các tín hữu Palestine cho biết rằng vào lúc Chúa Jêsus chết trên đồi Gô-gô-tha bức màn trong đền thờ bị xé làm hai từ trên chí dưới

(Ma-thi-ơ 27:51). Có thể ông đã đầy lòng vui mừng và hết lòng thờ phượng khi nghe các sứ đồ nói rằng sau khi Đấng Christ chịu chết và đổ huyết của Ngài vì tội của họ, sau đó sống lại, họ đã thấy Ngài được cất lên trong thân thể vật lý, nhưng không phải được đem vào nơi sâu kín nhất trong đền thờ tại Giê-ru-sa-lem, mà là vào chính thiên đàng. Ngài đã dẫn họ ra đến làng Bê-tha-ni, đưa tay lên như một thầy tế lễ dâng chúc phước cho họ. Khi Ngài đứng đó trong phong thái của một thầy tế lễ, Ngài đã được cất lên thiên đàng vào trong sự hiện diện của Đức Chúa Trời. Thật vậy, ở cuối bài giảng của mình, mắt thuộc thể của Ê-tiên được cho phép nhìn thấy những điều bởi đức tin ông biết đó vốn là sự thật: Con Người đang đứng bên hữu Đức Chúa Trời (7:56) đảm bảo với ông về việc chào đón ông vào trong sự hiện diện của Chúa Cha. Từ đó trở về sau, Ê-tiên đã sống trong vui mừng của sự chào đón đó. Chính bản thân ông đã kinh nghiệm Đấng Christ là Đấng hằng sống đang ban phước cho dân sự của Ngài tại chính thời điểm Ngài thăng thiên, và vẫn không ngừng ban phước cho họ từ đó về sau.

Ngài chưa từng chối bỏ hay lãng quên họ. Ngài đã bước vào trong sự hiện diện của Đức Chúa Trời như Cứu Chúa và Đấng đại diện cho họ, giống như thầy cả thượng phẩm của Y-sơ-ra-ên đã bước vào nơi Chí thánh trong đền thờ với tư cách là người đại diện của Y-sơ-ra-ên. Rõ ràng Đức Chúa Trời chấp nhận Ngài là Đấng đại diện trọn vẹn và vĩnh viễn cho dân sự Ngài. Mà dân sự của Ngài cũng chấp nhận điều này!

Giống như điều Phao-lô đã bày tỏ sau đó, bây giờ, thông qua Đấng Christ họ đã không còn bị ngăn không cho “đến gần Đức Chúa Cha, [bởi] một Thánh Linh” (Êph. 2:18). Giống như tác giả thư Hê-bơ-rơ sau đó đã viết (Hê. 10:19-22), qua con đường mà Đấng Christ đã khai lập, thậm chí là vào thời hiện tại này, tâm linh họ được mời bước vào nơi Chí thánh tại thiên đàng và được thúc giục tiếp nhận lời mời này cách dạn dĩ. Suy nghĩ của Ê-tiên có thể không thực sự được trình bày rõ ràng như của Phao-lô hay của tác giả thư tín Hê-bơ-rơ. Nhưng ông đã vui mừng tận hưởng phước lành không thể đo lường được cũng nhiều như hai người này đã tận hưởng, ấy là quyền lợi của

mỗi tín hữu trong Chúa Jêsus: ngay bây giờ và tại nơi này, được đảm bảo được hoàn toàn chấp nhận ở trước sự hiện diện của Đức Chúa Trời.

Dù qua lời tiên tri của Đấng Christ ông hiểu rõ ràng và nhận thức được rằng đến một ngày đền thờ tại Giê-ru-sa-lem sẽ bị hủy diệt, Ê-tiên vẫn không đau buồn chút nào. Ông đã nhanh chóng từ bỏ mối quan tâm dành cho đền thờ. Qua nhiều thế kỷ, đền thờ đã phục vụ Y-sơ-ra-ên rất tốt, đền thờ đóng vai trò của một “ản dụ” được ban cho bởi Đức Chúa Trời, một “hình và bóng của những sự trên trời,” và là “bóng của sự tốt lành ngày sau” (Hê. 9:9; 8:5; 10:1). Khi “những sự tốt lành” này qua Đấng Christ xuất hiện, thì không còn cần đến cái bóng nữa. Những người như Ê-tiên vốn nhận biết rằng Con Đức Chúa Trời đã chết cho tội lỗi của họ, đã thăng thiên bước vào thiên đàng và ngay lúc này đang đứng trước mặt Đức Chúa Trời với tư cách là người đại diện và Thầy Cả Thượng phẩm, họ sẽ thấy khó mà kéo dài việc thích thú ngắm xem những thầy cả thượng phẩm hoàn toàn là người phạm – dù trang phục của họ có lộng lẫy và dù cho nghi lễ họ thực hiện có gây ấn tượng đến đâu đi nữa – vén một bức màn bình thường lên rồi biến mất ở căn phòng sâu bên trong ngôi đền thờ trên đất này vài phút mỗi năm.

Vậy thì, trong một ý nghĩa nào đó, sẽ không đúng khi nói rằng Chúa Jêsus Christ sẽ hủy phá đền thờ; Ê-tiên chưa từng nói rằng Ngài sẽ làm như vậy. Trong một ý nghĩa khác, Đấng Christ thật đã hủy phá đền thờ rồi. Các Cơ đốc nhân đã không nhận thức được điều đó ngay lập tức; và Đức Chúa Trời cũng không ra sức thúc giục họ. Nhưng đến khi họ hiểu trọn vẹn sự cứu rỗi mà Đấng Christ đã đạt được cho họ, thì Đức Chúa Trời sẽ từ từ kêu gọi họ từ bỏ đền thờ, thông qua những đầy tớ được Ngài soi dẫn, ví dụ như tác giả thư Hê-bơ-rơ. Khi mà lẽ ra tất cả mọi người tin Đức Chúa Trời không phân biệt đều được chào đón vào trong sự hiện diện của Đức Chúa Trời trên Thiên đàng mỗi ngày trong cuộc sống của họ, hành động vĩnh viễn duy trì một hệ thống quy định rằng nơi Chí thánh, nơi Đức Chúa Trời hiện diện chỉ có thể được bước vào mỗi năm một lần, không phải người bình thường mà chỉ thầy tế lễ thượng phẩm mới có thể bước vào –

đó là che khuất, nếu không nói là chối bỏ Tin lành. Trong khi Đấng Christ đã đạt được sự cứu rỗi đời đời và sự tha thứ trọn vẹn cho chúng ta bởi tế lễ toàn hảo của Ngài tại đồi Gô-gô-tha, thì hành động tiếp tục dâng sinh tế để được tha tội sẽ làm tâm trí người ta lẫn lộn vì thắc mắc liệu Đức Chúa Trời có chấp nhận họ hay không. Việc vẫn tuân thủ các điều khoản trong giao ước cũ trong khi Đức Chúa Trời bãi bỏ chúng và giới thiệu giao ước mới – là ngăn trở chính Đấng Toàn năng.

Với tâm lòng tràn đầy sự tôn kính với các truyền thống lâu đời của đền thờ, các Cơ đốc nhân đầu tiên sẽ cần, và sẽ được ban cho thời gian để hiểu những điều này và hiểu rõ ý nghĩa của nó. Còn Ê-tiên thì đã hiểu các ý nghĩa đó rồi. Vì Tin lành, vì sự hiểu biết và vui mừng về sự cứu rỗi của mọi người, ông đã nói lên cách rõ ràng, nhắc đi nhắc lại, không hề thỏa hiệp, và đã nói điều đó với năng quyền không thể phủ nhận của Đức Thánh Linh (6:10), tận cho đến khi những viên đá nghiền nát hơi thở trong thân thể của ông.

BÀI GIẢNG TRƯỚC TÒA CÔNG LUẬN CỦA Ê-TIÊN

Có lẽ sẽ có người phản đối rằng nếu Ê-tiên thật đã có suy nghĩ đến tất cả những điều chúng ta đã đặt ra trong những trang trước, thì ông phải đề cập đến ít nhất vài điều trong số đó trong bài giảng của ông nhằm giải thích với Tòa Công luận lý do và điều gì khiến ông tin Chúa Jê-sus đã thay đổi các tập tục được Môi-se lưu truyền lại. Họ còn có thể biện luận sâu hơn rằng trong bài giảng của ông, hầu như không đề cập đến bất cứ vấn đề nào cho thấy ông không nghĩ đến những điều này, và việc tái kiến trúc suy nghĩ của ông, nếu không bảo là sai, thì ít ra cũng không có mối liên hệ nào.

Nhưng biện luận như vậy là hiểu lầm mục đích bài giảng của ông và hiểu sai lý lẽ của nó. Tòa Công luận không lấy làm thú vị khi nghe Ê-tiên nói về thể nào, và lý do nào khiến ông nghĩ rằng Chúa Jê-sus Christ đã làm cho tất cả các thể chế về đền thờ, chức vị tế lễ, và các của lễ hy sinh mà Môi-se truyền lại đều trở nên lỗi thời. Chính ý tưởng cho rằng Chúa Jê-sus có thể khiến cho đền thờ bị lỗi thời – không cần biết làm thế nào hay vì lý do gì – đối với họ là phạm thượng chống lại Đức Chúa Trời và từ chối mạc khải của Đức Chúa

Trời về chính Ngài cho Môi-se và qua Môi-se. Vì vậy, Ê-tiên đã phải chỉ ra rằng đó không phải là phạm thượng; ông chỉ ra điều đó bằng cách liệt kê lịch sử và tính chất mạc khải của Đức Chúa Trời về chính Ngài vốn đã được mạc khải qua một thẩm quyền không bị tranh chấp là Cựu ước. Chúng ta có thể tóm tắt những yếu tố khác nhau trong tranh luận của ông như sau:

Trước hết, Cựu ước bày tỏ rằng không phải tất cả mọi mạc khải của Đức Chúa Trời về chính Ngài cho Y-sơ-ra-ên đều được thực hiện ngay lập tức, nhưng được ban cho tại những thời điểm khác nhau qua những con người khác nhau: ban cho Áp-ra-ham và qua Áp-ra-ham ở Cha-ran (7:2-3), sau đó ở Ca-na-an (7:5-8); cho Giô-sép và qua Giô-sép (7:9-14); ban cho Môi-se và qua Môi-se, đầu tiên ở Ai-cập (7:17-29), sau đó là trong xứ Ma-đi-an (7:30-35), rồi đến Ai-cập (7:36), và sau nữa là trong đồng vắng ở một nơi cụ thể tại Si-nai (7:36-68, 44); qua Giô-suê, Đa-vít, và Sa-lô-môn (7:45-47); sau đó qua A-mốt (7:42-43), qua Ê-sai (7:48-49) và tất cả các đấng tiên tri khác (7:52); rồi cuối cùng qua chính Đấng Mê-si-a (7:52). Vậy nên, việc Đức Chúa Trời bày tỏ chính mình Ngài không dừng ở một chỗ mà là một quá trình lũy tiến. Mặt khác, dù mạc khải lũy tiến này được tỏ ra qua nhiều người khác nhau, tại các thời điểm khác nhau, thì Đấng đã phán và đã hành động và qua đó bày tỏ chính Ngài vẫn là một Đức Chúa Trời duy nhất này.

Thứ hai, khi mỗi kỷ nguyên trong mạc khải vinh quang của Đức Chúa Trời cho dân sự của Ngài sản sinh ra trong họ một loại đáp ứng tin kính và vâng phục đầy yêu thương, nó khởi xướng chuyển động mới, tiến triển mới, kinh nghiệm mới và rộng hơn về những sự chu cấp của Đức Chúa Trời cho việc giải cứu họ.

Mạc khải vinh quang của Đức Chúa Trời cho Áp-ra-ham đã cảm động ông rời khỏi tín ngưỡng tà giáo của cả vùng Mê-sô-bô-ta-ni lẫn Cha-ran, và bởi đức tin đi theo sự hướng dẫn của Đức Chúa Trời cho đến khi ông vào trong xứ Ca-na-an, nơi dành cho Dòng dõi Lời hứa, nơi một quốc gia mới được hình thành (7:2-8).

Mạc khải của Đức Chúa Trời trong một giấc mơ của Gia-cốp sau đó (Sáng. 4:2-4) đã dẫn ông đi theo phương hướng đối diện, rời khỏi

Ca-na-an, mang theo đại gia đình cùng con cháu đi xuống Ai-cập, nơi họ có thể kinh nghiệm làm thế nào Đức Chúa Trời dự liệu nhu cầu của họ theo một phương cách tuyệt diệu. Ngài đã sai Giô-sép đi xuống trước để cứu họ khỏi nạn đói, để gìn giữ, nuôi nấng họ, và chu cấp những điều kiện thuận lợi ở nơi đại gia đình của họ có thể phát triển thành các chi tộc rồi sau đó thành một quốc gia (7:9-16).

Dù là vậy, khi đem Gia-cốp và trường các chi phái xuống Ai-cập, Đức Chúa Trời không bao giờ có chủ ý là họ sẽ ở lại tại nơi đó. Theo kế hoạch Ngài đã công bố cho Áp-ra-ham lúc trước (7:6-7), thời điểm đó đến khi quốc gia phải di chuyển một lần nữa. Dự liệu cho nhu cầu của họ, trong sự chuẩn bị của Ngài, Đức Chúa Trời bảo toàn và cho phép Môi-se nhận được nền giáo dục tốt nhất sẵn có tại Ai-cập (7:19-22), và sau đó tiến đến bày tỏ chính Ngài cho ông, trước hết là tại bụi gai cháy, sau đó là trên núi Si-nai, nhằm trang bị ông trở thành người giải cứu Y-sơ-ra-ên khỏi Ai-cập và đem họ băng qua sa mạc tiến vào xứ Ca-na-an (7:30-38).

Mặc khải của Ngài dành cho Y-sơ-ra-ên qua Môi-se có phạm vi rộng hơn nhiều so với mặc khải của Ngài cho Áp-ra-ham, Y-sác, Gia-cốp, và Giô-sép; mà kinh nghiệm của quốc gia này cũng rộng lớn tương ứng. Vì vậy, tại điểm này, Đức Chúa Trời đã có thể đem Y-sơ-ra-ên đến một giai đoạn mang nhiều ý nghĩa hơn, ấy là lần đầu tiên Ngài bắt đầu dạy dỗ họ việc có Đức Chúa Trời ngự ở trong họ và chính họ ở trong Đức Chúa Trời có ý nghĩa gì. Môi-se đã được hướng dẫn dựng một đền tạm (7:44). Dầu tràn ngập ân điển cùng với sự vinh hiển tỏa ra bởi sự hiện diện của Đức Chúa Trời (xem Xuất. 40:34-38), được chăm sóc bởi những nghi lễ do Đức Chúa Trời ban ra và được làm phong phú bởi những trang bị nội thất mang tính biểu tượng đất tiền và những nghi lễ mang tính dạy dỗ, thì đó cũng chỉ là bước thứ đầu tiên trong sự mặc khải của Đức Chúa Trời về chính Ngài. Về sau, khi cuộc chinh phạt Ca-na-an bắt đầu bởi Giô-suê cuối cùng đã được Đa-vít hoàn tất, Đức Chúa Trời đã trao cho Đa-vít các kế hoạch mà con ông là Sa-lô-môn chịu trách nhiệm thực hiện, ấy là thay thế đền tạm có thể tháo rời kia bằng một ngôi đền thờ được xây bằng đá, tinh xảo và vĩnh viễn rực rỡ hơn rất nhiều. Chỉ cần đọc những chương

thích hợp trong 1 Các vua và 2 Sử ký người ta có thể nhận ra kiến trúc của ngôi đền thờ này khiến cho khái niệm của Y-sơ-ra-ên về vinh hiển của Đức Chúa Trời và sự cứu rỗi vô cùng đẹp đẽ của Ngài được mở rộng và nâng cao.

Dù vậy, đây không phải là lời cuối cùng của Đức Chúa Trời nói về chủ đề này, một ngôi đền bằng đá lộng lẫy cũng không phải là ngôi đền thờ lý tưởng mà Đức Chúa Trời dự định. Không thể như vậy. Thực chất, “Đấng Rất Cao chẳng ở trong nhà bởi tay người ta làm ra” (7:48). Vì vậy, nhìn vượt lên trên sự kiện đền thờ do Sa-lô-môn xây dựng bị phá hủy và vượt lên trên thời điểm những người bị lưu đày trở về xây lại đền thờ, Đức Chúa Trời qua đấng tiên tri Ê-sai muốn căng trái tâm trí của dân sự Ngài bằng sự mặc khải đầy đủ về sự vĩ đại của Ngài là Đấng Tạo hóa siêu việt, và vì thế làm cho họ cân nhắc đến một thể loại đền thờ duy nhất cuối cùng có thể làm Ngài thỏa mãn: “Trời là ngai ta, Đất là bệ chân ta. Nào có nhà nào các ngươi cất cho ta, Có nơi nào cho ta yên nghỉ chẳng? Há chẳng phải tay ta đã dựng nên mọi vật này chẳng?” (7:49-50). Thậm chí đền thờ của Hê-rốt (tại Y-sơ-ra-ên) cùng với vẻ tráng lệ cho đến nay không gì sánh nổi cũng phải trở nên lỗi thời và bị bỏ rơi khi đem so với ngôi đền thờ lý tưởng mà Đức Chúa Trời hài lòng, “đền tạm thật, bởi Chúa dựng lên, không phải bởi một người nào... đền tạm lớn hơn và trọn vẹn hơn, không phải tay người dựng ra, nghĩa là không thuộc về đời này” (Hê. 8:2; 9:11).

Nhưng đây không phải là tuyên truyền Cơ đốc nhằm chống lại người Do thái. Thậm chí không thể được xem là cách nhìn của một hệ phái trong Do thái giáo. Đây là một quan điểm của thời tương lai xuất hiện từ thời xa xưa được đấng tiên tri kinh điển Ê-sai tiên báo trước, và do những người được soi dẫn rất đặc biệt trong Y-sơ-ra-ên thấu hiểu. Khi tuân thủ theo đúng Cựu ước, Do thái giáo đã luôn hiểu rằng mặc khải của Đức Chúa Trời về chính Ngài là theo phương cách tiệm tiến, Ngài không thể cho phép sự nghi ngại và định cư lâu dài không hoàn hảo của dân sự Ngài.

Nhưng ở chỗ thứ ba, bài giảng về lịch sử Cựu ước của Ê-tiên đã làm rõ rằng trong khi việc tự mặc khải về chính mình của Đức Chúa

Trời vẫn tiến triển, thì sự mặc khải này vẫn không hề bất thường, không nhất quán, hay tùy ý. Xuyên suốt tất cả những thay đổi rõ ràng về phương hướng Ngài dẫn dắt Y-sơ-ra-ên, Đức Chúa Trời vẫn luôn đi theo mục đích nguyên thủy của Ngài. Sự tự mặc khải về sự vinh hiển của Ngài cho Áp-ra-ham, và qua Áp-ra-ham cho quốc gia Y-sơ-ra-ên, được thiết kế nhằm kêu gọi họ đáp ứng trong sự vâng phục và tôn thờ. Nếu Đức Chúa Trời trước tiên đưa Áp-ra-ham ra khỏi Mê-sô-bô-ta-mi vào trong xứ Ca-na-an, sau đó thông báo cho ông biết rằng dòng dõi của ông sẽ phải lìa Ca-na-an và đi xuống sống tại Ai-cập trong vài thế kỷ, Đức Chúa Trời không hành động không nhất quán, cũng không từ bỏ hay bỏ sung mục đích nguyên thủy của Ngài. Vào phần cuối bản tóm tắt thông tin của Ngài cho Áp-ra-ham, Đức Chúa Trời thông báo cho ông biết rằng “kể đó, chúng nó sẽ ra khỏi, và thờ phượng ta trong nơi này” (7:6-7; Sáng 15:13-14). Những thế kỷ sống ở Ai-cập, cách xa Đất hứa không phải là bỏ quên mục đích nhưng là một nấc thang quan trọng để mục đích được ứng nghiệm ở mức độ cao hơn. Mặc khải vinh hiển của Đức Chúa Trời cho Áp-ra-ham đã đem ông ra khỏi Mê-sô-bô-ta-mi vào trong xứ Ca-na-an, ở tại nơi đó nhiều lần kinh nghiệm được sự thờ phượng Đức Chúa Trời hết sức sâu sắc (Sáng 12:7,8; 13:4, 18; 22:5,9). Qua sự mặc khải vinh hiển của Đức Chúa Trời cho Môi-se ở bụi gai cháy tại Si-nai, toàn bản Y-sơ-ra-ên đã rời khỏi Ai-cập và sau đó tiến vào xứ Ca-na-an, tại nơi đó thờ phượng Đức Chúa Trời giống như Áp-ra-ham đã thờ phượng. Nhưng trong khi Áp-ra-ham chưa bao giờ chiếm hữu bất kỳ vùng đất nào trong xứ Ca-na-an, chỉ đơn thuần dựng một cái bàn thờ của gia đình tại bất cứ chỗ nào ông dựng trại, thì sau này khi Y-sơ-ra-ên tiến vào xứ Ca-na-an, họ mang theo đền tạm tinh xảo, và khi chiếm được đất họ lập đền tạm và bàn thờ trở thành trung tâm thờ phượng cố định cho toàn thể dân sự. (f. 7)

Tương tự như vậy, dù sau khi cung ứng đền tạm của Môi-se và thậm chí là ngôi đền thờ vinh hiển hơn nữa của Sa-lô-môn, dù Đức Chúa Trời đã tuyên bố qua Ê-sai rằng không có một ngôi đền xây trên đất nào có thể xứng đáng làm nơi ngự của Đấng Tạo hóa siêu việt, thì Đức Chúa Trời vẫn không từ bỏ ý tưởng ngự ở giữa loài người hay là họ ở cùng với Ngài. Trong đền tạm và đền thờ, Đức Chúa Trời không

chỉ ngự giữa họ theo một ý nghĩa nhất định, nhưng, như chúng ta đều nhớ, mỗi năm ít nhất một lần một người được phép bước vào sự hiện diện của Đức Chúa Trời trên đất.

Qua việc công bố rằng bây giờ Chúa Jêsus đã làm cho đền thờ trở nên lỗi thời, Ê-tiên đang có ý nói rằng Đức Chúa Trời đã tiến đến làm ứng nghiệm chính mục đích và mong đợi kia, nhưng là ở một mức độ cao hơn vô hạn. Ê-tiên đã nói “Kìa, ta thấy các tầng trời mở ra, và Con người đứng bên hữu Đức Chúa Trời” (7:56). Không có gì ngạc nhiên khi Tòa Công luận nhận thấy mặt ông giống như mặt của một thiên sứ (6:15)! Con Người mà ông nhìn thấy không ai khác hơn chính là Jêsus, Jêsus – con người bằng xương bằng thịt, người vừa mới đây đã từng bước đi trên đất này. Bây giờ chính Jêsus này – Đấng có thân thể vật lý sống lại từ trong cõi chết và được cất lên thiên đàng trong thân thể vật lý – hiện đang đứng ngay bên hữu Đức Chúa Trời. Không chỉ cho riêng Ngài. Là Con Người, Con Người Lý tưởng, Ngài hiệp nhất và trong Ngài mọi người thuộc về Ngài. Nếu Ngài có thể bước vào và được hoan nghênh tại thiên đàng vinh hiển đó, thì họ cũng có thể được như vậy. Điều này thật mới mẻ – mới mẻ cách lạ thường và vinh hiển. Nhưng đó không phải là việc chối bỏ hay thoái thác ý tưởng đàng sau việc thầy cả thượng phẩm mỗi năm vào trong nơi Chí thánh trên đất: đó là sự ứng nghiệm, và vì vậy, là sự thay thế ở mức độ tột cùng.

Nhưng ở chỗ thứ tư, Ê-tiên đã cho thấy rất rõ rằng rằng khi mà các giai đoạn tự mặc khải của Đức Chúa Trời luôn nhất quán với sự ứng nghiệm, trong đó, mục đích nguyên thủy của Ngài gia tăng lên mức độ cao hơn, thì sự xuất hiện của một giai đoạn mới trong sự mặc khải đó thường đòi hỏi Y-sơ-ra-ên bắt đầu hành động theo một cách rất khác với cách họ hành động trước đây. Khi một đứa trẻ đã được dạy các nguyên tắc cơ bản trong phép cộng một cộng một bằng hai bằng những viên gạch màu, đứa trẻ sẽ không từ bỏ nguyên tắc cơ bản đó khi nó chuyển từ việc sử dụng gạch sang sử dụng máy tính. Nhưng nó sẽ từ bỏ những viên gạch.

Vì vậy, Đức Chúa Trời đã đem Áp-ra-ham ra khỏi Mê-sô-bô-ta-mi vào xứ Ca-na-an; và Ngài bảo với Y-sác không đi xuống Ai-cập

mà ở tại Ca-na-an (Sáng 26:2-3). Nhưng ở giai đoạn tiếp theo trong mục đích của Đức Chúa Trời bắt đầu, Đức Chúa Trời bảo với Giô-sép làm điều ngược lại, đi xuống xứ Ai-cập (Sáng 46:2-4). Dĩ nhiên Đức Chúa Trời đã nói rõ với Gia-cốp rằng Ngài không từ bỏ mục đích nguyên thủy đã được công bố của Ngài: quốc gia cuối cùng sẽ trở lại; tin vào lời hứa đó, Gia-cốp và các tổ phụ đã truyền mệnh lệnh rằng họ muốn được chôn tại xứ Ca-na-an. Nhưng nếu Gia-cốp biện luận rằng vì Áp-ra-ham đã được đem vào Ca-na-an, và Y-sác đã nhận được mệnh lệnh ở lại đó, thì ông cũng ở lại Ca-na-an và không đi xuống Ai-cập, đó không phải là trung thành với mục đích và lời phán của Đức Chúa Trời, mà là bất trung không giữ theo đúng nhịp độ với Đức Chúa Trời hằng sống và sự mặc khải liên tục của Ngài.

Tương tự, khi Môi-se xuất hiện dẫn Y-sơ-ra-ên ra khỏi Ai-cập, nếu ai đó biện luận rằng bởi vì từ đầu Đức Chúa Trời đã bảo Gia-cốp đem các tổ phụ xuống Ai-cập, nên việc rời bỏ Ai-cập và tiến về Ca-na-an là sai, thì đó không phải là trung thành với ý chỉ được mặc khải của Đức Chúa Trời, nhưng lại là lòng sốt sắng đáng buồn dành cho quá khứ bị đặt nhầm chỗ. Bắt đầu cuộc hành trình từ Ai-cập trở về và sau đó tấm lòng của họ lại quay lại với Ai-cập như một số người trong bọn họ đã làm (7:39), điều ấy không khác gì rời khỏi Đức Chúa Trời hằng sống.

Tương tự đối với người cùng thời với Ê-tiên. Khi công bố rằng bởi vì chính Đức Chúa Trời ban đầu đã trao các hướng dẫn về đền tạm cho Môi-se, cũng trao những hướng dẫn về đền thờ cho Đa-vít và Sa-lô-môn, vậy thì khi nói rằng Đấng Christ bây giờ đã làm cho đền thờ bị lỗi thời và đã đưa ra một giai đoạn cao hơn và xa hơn vào trong việc ứng nghiệm mục đích của Đức Chúa Trời cũng là phạm thượng chống lại Đức Chúa Trời, cả hai đều nhầm lẫn và sai lầm. Đó là trung thành với Đức Chúa Trời, nhưng chống đối lại nguyên tắc mặc khải tiệm tiến của Đức Chúa Trời khi được làm chứng cho lời đó.

Có lẽ một vài người đồng thời với Ê-tiên đã phản đối – như một vài người ngày nay có thể cũng phản đối – rằng giáo lý mặc khải tiệm tiến của Đức Chúa Trời này là một khái niệm hết sức nguy hiểm. Nó mở ra một con đường cho những vị tiên tri có phong cách cá nhân

trực tiếp giới thiệu những giáo lý và thực hành mới lạ mâu thuẫn với những tuyên bố rõ ràng trong Lời thành văn của Đức Chúa Trời, và làm như vậy là không dựa trên thẩm quyền nào lớn hơn sự phán xét chủ quan của điều gọi là tiên tri. Dĩ nhiên thế giới Cơ đốc đã chịu nhiều đau đớn vì sự gian ác này. Dưới sự hướng dẫn bị gương ép cho là sự hướng dẫn của Đức Thánh Linh, và việc được xưng công chính bởi một giáo lý về phát triển, đủ mọi loại giáo lý không thuộc về Kinh thánh, chống lại Kinh thánh, truyền thống, giáo lý, và thực hành được giới thiệu ra, những điều ngay từ lúc bắt đầu đã mâu thuẫn với Kinh thánh và cuối cùng đã thay thế Kinh thánh.

Một số nhà thần học tự do rất thích tranh luận rằng trong thời của Ngài, Chúa Jêsus Christ đã loại bỏ một vài điều trong Cựu ước và diễn giải lại phần còn lại; và rằng khi làm như vậy, Ngài đặt xuống một khuôn mẫu cho chúng ta noi theo: chúng ta không cần phải tin hay noi theo lập trường của Tân ước. Chúng ta vâng theo lời của Ngài và của các sứ đồ Ngài, vâng theo một số điều, loại bỏ một số điều, và diễn giải phần còn lại theo ánh sáng của bất cứ triết lý hay thế giới quan nào có vẻ hợp lý nhất vào thời điểm hiện hành.

Không cần phải nói, giáo lý của Ê-tiên về sự mặc khải tiệm tiến không hề mang dáng vẻ nào của trò hề này. Bài học quan trọng thứ năm chúng ta có thể học từ bài giảng của Ê-tiên về lịch sử Cựu ước là sau việc Đức Chúa Trời hiện ra cùng Áp-ra-ham lần đầu, thì ở mỗi giai đoạn mới trong mục đích của Đức Chúa Trời, cùng với sự kêu gọi tương ứng với sự thay đổi trong cách thực hành của Y-sơ-ra-ên, đều được thông báo và tuyên hứa rõ ràng rất lâu bởi Đức Chúa Trời trước khi việc đó xảy ra. Khải tượng của Gia-cốp (Sáng 46:2-4), điều khiến ông tuyên bố là cho ông có thẩm quyền mang các tổ phụ và gia đình của họ ra khỏi Ca-na-an đến Ai-cập, đã ứng nghiệm điều từ lâu Đức Chúa Trời đã báo trước với Áp-ra-ham rằng điều đó sẽ xảy ra (7:6). Việc Môi-se đem dân Y-sơ-ra-ên ra khỏi Ai-cập trở về Đất hứa cũng tương tự, được Đức Chúa Trời thông báo cho Áp-ra-ham bốn trăm năm trước (7:17).

Sự hiện đến của Đấng Mê-si-a, không phải là một điều mới lạ chưa từng được nghe đến trước đó. Môi-se đã thông báo nhiều thế kỷ

trước (7:37), và tất cả các đấng tiên tri cũng đã thông báo như vậy (7:52).

Thêm ý tưởng khác nữa là đền thờ trên đất tại Giê-ru-sa-lem không thể chứng minh được là ngôi đền thờ cuối cùng lý tưởng và bền vững của Đức Chúa Trời, không phải là đền thờ được các Cơ đốc nhân theo dựng nên và bỗng nhiên vừa mới được Ê-tiên công bố lần đầu tiên. Đức Chúa Trời đã chỉ định điều đó qua Ê-sai nhiều thế kỷ trước (7:48-50).

Giống như tác giả của Thư gửi cho người Hê-bơ-rơ đã làm sau đó, Ê-tiên có thể vừa thêm vào rằng giao ước mới, chức vị tế lễ mới theo dòng Mên-chi-xê-đéc, và việc bãi bỏ dâng sinh tế bằng thú vật do một điều khác tốt đẹp hơn, hết thảy đều đã được công bố trong các sách tiên tri và Thi thiên nhiều thế kỷ trước khi chúng trở thành sự thật bởi Đấng Christ (xem Hê. 7, 8, 10).

Quả là một tương phản đáng chú ý vì chúng ta không tìm thấy gợi ý nào trong Tân ước, cho dù là từ Đấng Christ hay các sứ đồ, rằng theo diễn tiến sau nhiều thế kỷ, các yếu tố trong Tin lành Cơ đốc sẽ phải bị bỏ đi bỏ một điều khác tốt đẹp hơn. Chẳng hạn như không hề có dấu hiệu nào cho thấy rằng Lễ tiệc thánh sẽ dần trở nên lỗi thời và phải được bãi bỏ vì một loạt biểu trưng khác chỉ về một phương thức tha thứ khác hơn và tốt đẹp hơn. Ngược lại chúng ta được dạy rằng Cơ đốc nhân phải giữ Lễ Tiệc thánh, qua đó rao truyền sự chết của Chúa cho đến lúc Ngài đến (ICô. 11:26). Tất nhiên hiểu biết chủ quan của chúng ta về sự mặc khải ban cho chúng ta qua Con Đức Chúa Trời mang ý nghĩa tiệm tiến “cho đến chừng chúng ta thấy điều hiệp một trong đức tin và trong sự hiểu biết Con Đức Chúa Trời, mà nên bậc thành nhân, được tầm thước vóc giạc trọn vẹn của Đấng Christ” (Êph. 4:13). Nhưng chừng nào sự mặc khải thành văn khách quan của Đức Chúa Trời còn được quan tâm, chúng ta được chỉ dạy cách rõ ràng rằng sự mặc khải ấy “đã truyền cho các thánh một lần đủ rồi” (Giu. 3). Tân ước bảo cho chúng ta biết là tất nhiên việc tự mặc khải của Đức Chúa Trời cho chúng ta sẽ tiến đến một giai đoạn khác sâu nhiệm hơn: giai đoạn đó sẽ xảy ra vào lúc Đức Chúa Trời vĩ đại cũng là Cứu Chúa Jêsus Christ của chúng ta hiện ra (IGiăng 3:2). Nhưng

cho đến lúc đó chúng ta không trông đợi cũng không chấp nhận bất cứ thay đổi nào. Nhiệm vụ của chúng ta là “giữ lấy điều phước tốt lành” đã giao cho chúng ta (II Tim 1:14). Tất cả các châu báu tri thức và khôn ngoan đều được chôn giấu trong Đấng Christ (Côl. 2:3). Không có điều quý trọng nào vượt trên Ngài.

Nhưng giờ hãy trở về bài giảng của Ê-tiên. Tòa Công luận đang chuẩn bị kết án ông vì phạm thượng, đẩy ông ra khỏi tòa án và ném đá ông cho đến chết. Làm như vậy họ tỏ ra mình là người biện hộ cho Lời của Đức Chúa Trời, người bảo hộ cho đức tin chính thống. Có lẽ họ nghĩ rằng đó là bản chất thật của họ. Nhưng sự thật thì lại khác: vì lợi ích của họ Ê-tiên còn có bài học thứ sáu rất trang trọng rút ra từ bài giảng về lịch sử Cựu ước của ông. Trước mỗi giai đoạn mới mẻ của quá trình tự mặc khải về chính mình của Đức Chúa Trời Y-sơ-ra-ên vẫn không thay đổi, trước hết chối bỏ Đấng mà Đức Chúa Trời đã khiến sống lại từ cõi chết để truyền đạt sự mặc khải của Ngài, làm Cứu Chúa của họ, hay dẫn họ bước vào những kiểu hành vi mới thích đáng với sự mặc khải mới.

Giô-sép, người đã chứng minh mình đúng là người giải cứu được Đức Chúa Trời chỉ định cho họ tại Ai-cập, lý do ông đến Ai-cập là bởi vì vào lúc ban đầu các anh của ông thù ghét ông vì khái tượng Đức Chúa Trời đã truyền đạt cho ông (Sáng 37:8), trong cơn ghen tức đã bán ông qua xứ Ai-cập (7:9). Môi-se, người Đức Chúa Trời sai đến để giải phóng Y-sơ-ra-ên khỏi xiềng xích và bất công của Ai-cập, trước hết bị chối bỏ bởi chính đồng bào của mình (7:25-29) bị buộc phải chạy trốn qua xứ Ma-đi-an. Thậm chí sau khi Đức Chúa Trời đã bày tỏ Ngài cho ông, trước hết trong bụi gai cháy, sau đó tại Si-nai, rồi Môi-se đã giải phóng dân tộc này khỏi Ai-cập, nhưng cuối cùng họ khước từ ông, bội bạc cùng Đức Chúa Trời, thờ hình tượng, lòng quay trở lại cùng Ai-cập (7:38-41).

Thế hệ đầu tiên được ban đền tạm đã bỏ lơ đền tạm phân lớn trong bốn mươi năm đầu tồn tại của đền tạm trong đồng vắng, đa số họ thích thờ lạy thần tượng thấp kém mà họ đã học được từ dân ngoại bang chung quanh. Rồi nhiều thế kỷ sau, A-mốt đã nhắc lại hành vi đối với đền tạm này bởi vì những người cùng thời với ông cũng vì

phạm đối với đền thờ vì hành động thờ lạy tà thần tượng, cho đến khi Đức Chúa Trời không thể chịu đựng được hơn nữa, mà trục xuất mười chi phái đến A-si-ry và hai chi phái đến Ba-by-lôn (7:42-43). Hết đáng tiên tri này đến đáng tiên tri khác – những người đã hứa rằng một ngày kia Đức Chúa Trời sẽ khiến họ ăn năn, khôi phục điền sản của họ, ban Đấng Mê-si-a đến để dẫn họ vào các lối công bình vì danh Ngài – đã bị bách hại cách cay đắng bởi người cùng thời với mình.

Vì vậy, bởi việc phản bội và giết hại Chúa Jê-sus, đảng cầm quyền giới tế lễ, giai cấp cai trị của quốc gia và Tòa Công luận, đã tỏ mình không phải là những người bảo hộ trung thành và thành tín đối với mặc khải của Đức Chúa Trời, cũng không phải là những nhà vô địch của sự chính thống. Họ đang cố gắng để trở nên loại người đó. Việc họ chối bỏ Chúa Jê-sus, Đấng Công bình là tính ngoan cố của những người chưa được tái sinh chống đối cùng Đức Thánh Linh, bị đui mù và điếc lác đối với Tin lành, giống như cha ông của họ đã từng có thái độ như vậy đối với luật pháp và các lời tiên tri (7:51-53).

Nhưng đây là ngôn ngữ rất trực tiếp, rất mạnh mẽ. Những lời này tràn đầy sự tức giận đến nỗi thay vì nguôi đi, Ê-tiên vẫn giữ vững tuyên bố của mình rằng Chúa Jê-sus đã thay đổi và sẽ thay đổi các tập tục được Môi-se truyền lại, Ngài cũng khiến cho đền thờ và các nghi lễ của đền thờ thành ra lỗi thời. Vì vậy, cuối cùng khi Ê-tiên tuyên bố rằng ông có thể nhìn thấy thiên đàng mở ra và Con Người đứng ở bên hữu Đức Chúa Trời, thì họ không chịu đựng thêm nữa, chỉ trong một giờ ngắn ngủi thì Ê-tiên chết.

Chỉ trong một vài năm, chính xác là vào năm 70 SC, đền thờ không còn nữa; gia tộc thầy tế lễ quý tộc Sa-đu-sê và toàn thể dòng dõi thầy tế lễ dần chìm vào quên lãng.

Nhưng chúng ta có thể hy vọng là điều này không phải là dấu chấm hết của câu chuyện. Dầu họ kết tội Ê-tiên với lời hết sức nghiêm trọng, khi ông chết ông đã kêu lên thành tiếng lớn, đến nỗi tất cả họ có thể nghe rằng ông tha thứ cho họ “Lạy Chúa, xin đừng đổ tội này cho họ!” (7:60). Khi đọc lại lần nữa thông điệp của ông chúng ta sẽ nhận thấy thông điệp này chứa đựng nhiều hơn một tia

hy vọng. Anh em của Giô-sép, những người lúc ban đầu từ bỏ ông, cuối cùng nhận ra rằng ông là người giải cứu họ, nên đã ăn năn, và được hòa giải với ông (7:11-14). Dù đồng bào của Môi-se ban đầu khước từ ông và ông buộc phải trốn qua xứ Ma-đi-an, nhưng khi ông trở lại, họ đồng ý để ông lãnh đạo dẫn dắt họ ra khỏi Ai-cập. Dù sau khi qua khỏi Si-nai, một lần nữa họ từ bỏ quyền lãnh đạo của ông và từ chối để cho ông dẫn dắt họ vào Đất hứa, nhưng dòng dõi tiếp đó đã tin cậy ông và bước vào sản nghiệp Đức Chúa Trời ban cho họ. Nếu trong việc phản bội Chúa Jêsus và khiến Ngài bị hành hình bởi người La-mã, những người đương thời với Ngài đã đi theo kiểu mẫu chối bỏ ban đầu, thì chúng ta có thể chắc chắn rằng sẽ đến một ngày quốc gia này sẽ lập lại kiểu mẫu thuần phục tiếp theo kia. Họ sẽ nhận ra Đấng-lớn-hon-Giô-sép của mình, họ sẽ vâng phục Đấng-tiên-tri-giống-như-Môi-se của mình, và qua Đấng Christ bước vào phước hạnh sung mãn do Đức Chúa Trời thực hiện lời hứa không thể hủy bỏ với Áp-ra-ham và dòng dõi của ông.

MỘT VÀI SUY NGẪM SÂU XA

Chúng ta vẫn còn có thể cân nhắc về những phương cách phản ứng khác nhau của Do thái giáo và Cơ đốc giáo đối với việc đền thờ bị phá hủy.

Chúng ta biết rằng Chúa Jêsus vào lúc lên thành Giê-ru-sa-lem lần cuối cùng đã nhìn thành ấy, khi nghĩ về sự khốn khó và bất hạnh sẽ xảy ra cùng việc thành bị hủy phá, Ngài đã khóc cho thành (Lu. 19:41-44). Mỗi Cơ đốc nhân thật cũng sẽ có cảm xúc giống như vậy về thành.

Sau sự việc thành và đền thờ bị hủy phá, kể từ sau đó Y-sơ-ra-ên tồn tại không chỉ như một dân tộc, mà là một dân tộc có đức tin nơi Đức Chúa Trời – đức tin không hề bị vỡ nát vì có thảm họa. Vì lý do đó, tất cả các Cơ đốc nhân thật sẽ vui mừng cách chân thành. Như Phao-lô nói, nếu luận về Tin Lành thì Y-sơ-ra-ên là nghịch thù bởi có anh em, còn luận về sự lựa chọn, thì họ được yêu thương bởi có các tổ phụ; vì các sự ban cho và sự kêu gọi của Đức Chúa Trời chẳng hề đổi lại được bao giờ (Rô. 11:28-29). Họ đã vấp ngã, đúng! Nhưng họ không vấp vấp đến nỗi bị ngã mà không còn gượng dậy được nữa

(Rô. 11:11). Đến một ngày, “cả dân Y-sơ-ra-ên” (tức là toàn quốc gia vốn khác biệt với “một phần còn sót lại theo sự lựa chọn của ân điển,” Rô. 11:5) “sẽ được cứu” (Rô. 11:26). Chúa chúng ta nói, thành Giê-ru-sa-lem thậm chí sẽ bị dân ngoại giẫm đạp cho đến chừng nào các kỳ của dân ngoại được trọn (Lu. 21.24).

Một bí mật về sự sống sót của Y-sơ-ra-ên sau khi đền thờ bị hủy phá, như Ra-bi Tiên sĩ Isidore Epstein chỉ ra, là nhờ vào thể chế nhà hội:

Họ đã phát triển thể chế Nhà hội cùng với những nghi lễ được trau chuốt, là nơi bây giờ có thể thay thế vị trí của Đền thờ để cầu nguyện và thờ phụng. Hơn nữa, khái niệm Luật truyền khẩu giúp họ hàn gắn giữa sự phát triển và thay đổi với lòng trung thành đối với truyền thống, và giúp đảm đương những sự điều chỉnh khó có thể đạt được trong đời sống của người Do thái do những điều kiện mới phát sinh nảy đòi hỏi... Một số biện pháp đã được áp dụng để đáp ứng các vấn đề gây bởi rồi phát sinh từ vô số những điều phải tuân giữ vốn xoay quanh đền thờ và chức vị tế lễ. Những buổi thờ phụng và nghi lễ thiêng liêng được đúc kết và chỉnh sửa lại bằng việc thay thế dâng sinh tế với lời cầu nguyện và đưa vào các lời khẩn xin thay cho sự phục hồi nhanh chóng của đền thờ và các chính thể Hê-bơ-rơ cổ đại.

Cơ đốc nhân sẽ rất sẵn sàng nhìn nhận rằng họ mang nợ thể chế nhà hội, bởi vì các Hội thánh đầu tiên rất giống với các nhà hội, cụ thể là trong hình thức quản trị. Nhưng “việc thay thế dâng sinh tế bằng các lời cầu nguyện” của nhà hội chỉ ra một sự khác biệt hùng hồn không thể giải hòa giữa Do thái giáo và Cơ đốc giáo. Niềm tin vào đền thờ là chỗ duy nhất Y-sơ-ra-ên có thể dâng của lễ chuộc tội đã bị hủy phá, khiến cho Do thái giáo không có huyết chuộc tội; và chúng ta có thể nhìn ra vị trí không thích đáng và không nhất quán của đền thờ khi cân nhắc lý do Đức Chúa Trời đưa ra trong Luật lệ về của lễ chuộc tội:

Phàm người nào của nhà Y-sơ-ra-ên hay là kẻ khách kiều ngụ giữa họ, ăn huyết chi cũng mặc, thì ta sẽ nổi giận cùng kẻ ăn đó, truất nó khỏi dân sự mình; vì sanh mạng của xác thịt ở trong huyết; ta đã cho các người huyết rưới trên bàn thờ dâng làm lễ chuộc tội cho linh hồn mình; vì nhờ sanh mạng mà huyết mới chuộc tội được. (Lê. 17:10-11).

Cho đến ngày nay Do thái giáo chính thống tuân giữ nghiêm khắc việc cấm ăn huyết, xem đó là quy luật không thay đổi và không thể thay đổi của Đức Chúa Trời. Nhưng lý do nguyên thủy cho việc cấm

đoán này, như Đức Chúa Trời giải thích, là vì Ngài chỉ định “huyết rưới trên bàn thờ” là của lễ chuộc tội cho linh hồn. Dù Do thái giáo tôn trọng những điều ngăn cấm, nhưng họ không còn đưa ra được lý do thuyết phục nữa. Họ đã từ bỏ ý tưởng chuộc tội bằng huyết, và thay thế bằng sự cầu nguyện. Nhưng sự cầu nguyện rõ ràng không phải là sự thay thế thích hợp và tương đương cho việc đổ huyết và cho sự hy sinh của một mạng sống vô tội trên bàn thờ, tại vị trí của người phạm tội.

Nhưng có lẽ là không công bằng khi nói rằng Do thái giáo đã từ bỏ ý tưởng chuộc tội bằng huyết. Việc họ bị áp buộc phải chấm dứt dâng con sinh là bởi vì đền thờ đã bị phá hủy. Nếu đền thờ vẫn còn nguyên, thì ít nhất Do thái giáo chính thống vẫn sẽ dâng huyết của con sinh trên bàn thờ của đền thờ để có được sự tha tội. Và như Tiến sĩ Epstein nhắc nhở chúng ta, nhà hội vẫn cầu nguyện để đền thờ nhanh chóng được khôi phục lại, và vì vậy, có lẽ là do chức năng dâng tế lễ của nó.

Trái lại, Cơ đốc giáo không từ bỏ yêu cầu của Đức Chúa Trời rằng tội lỗi phải được chuộc bởi việc đổ huyết. Dĩ nhiên Cơ đốc giáo sẽ thừa nhận, thật ra là khẳng định rằng huyết của con sinh tế không thể, và không bao giờ có thể thật sự làm sạch bất kỳ tội lỗi nào (Hê. 10:4). Của lễ bằng con sinh tế cũng giống như những trang ghi nợ. Chúng thừa nhận món nợ tội; chúng hứa hẹn sự hoàn trả; chúng mô tả hình thức mà sự hoàn trả phải được thực hiện cách rất ráo; nhưng tự bản thân chúng không trả được gì cả. Mặt khác, tội lỗi không thể bị quên đi cách dễ dàng. Lời hứa ghi trên chúng phải được hoàn thành. Đó là điều Chúa Jesus đã làm. Ngài đã trả đúng hạn vô số các giấy ghi nợ mà những người trung tín trong Y-sơ-ra-ên đã ký thác khi họ dâng con sinh làm của tế lễ, và đã trả xong các món nợ tích lũy kia khi đổ huyết của chính Ngài và đem chính thân Ngài làm tế lễ. Dĩ nhiên, khi món nợ được người chịu trách nhiệm trả nợ ở trên tờ ghi nợ công nhận và được trả hết, quý vị đương nhiên có thể hủy bỏ tờ ghi nợ. Nhưng đó là một việc hoàn toàn khác với việc đơn giản từ bỏ không làm trọn lời hứa ghi ở trên giấy ghi nợ và hoàn trả món nợ đó. Khi Chúa Jêsus ngồi xuống dùng Lễ Vượt qua cuối cùng của Ngài với

các môn đồ, Ngài đã phán cùng họ: “Ta rất muốn ăn lễ Vượt Qua này với các ngươi trước khi ta chịu đau đớn. Vì, ta nói cùng các ngươi, ta sẽ không ăn lễ này nữa cho đến khi lễ ấy được trọn trong nước Đức Chúa Trời” (Lu. 22:15-16). Do thái giáo chỉ đơn giản lia bỏ việc dâng tế lễ bằng huyết: Còn Đấng Christ đã thành toàn việc đó.

Vậy thì Cơ đốc giáo phản ứng với việc đền thờ, việc dâng tế lễ, thầy cả thượng phẩm, và chức vị tế lễ bị phá hủy như thế nào? Nếu Ê-tiên và tác giả thư Hê-bơ-rơ là người hướng dẫn, thì các Cơ đốc nhân đầu tiên thấy họ đối diện cái chết mà không hề khiếp đảm. Họ vẫn có một Thầy tế lễ Thượng phẩm, và Ngài là Đấng vô hạn, cao hơn bất kỳ người nào thuộc dòng dõi A-rôn. Dĩ nhiên họ đã có một đền tạm không ở trên đất này: họ đã có một cái đền tạm vĩ đại hơn và hoàn hảo hơn, nơi Đấng Christ đang coi sóc và là nơi họ đã có đường để vào. Việc chấm dứt dâng của lễ bằng con sinh để được tha tội cũng sẽ không giống như một thảm họa gây tổn thương cho họ. Họ đã có sự tha tội hoàn toàn qua của lễ hy sinh của Đấng Christ, và họ sẽ không thấy có bất kỳ nhu cầu nào để phải tiếp tục dâng của lễ để được tha thứ. Chúng ta không hy sinh bất kỳ điều gì để nhận được điều mà chúng ta đã có rồi.

Nhưng điều đó cho thấy đây vốn là hiểu biết thông thường, khi về sau này thế giới Cơ đốc tại một mức độ báo động nhất định đã đánh mất sự hiểu biết trọng yếu về Tin lành và theo nhiều cách đã quay trở lại với Do thái giáo thời kỳ tiền Cơ đốc, phục hồi lại các yếu tố mà Do thái giáo đã lia bỏ. Lấy lĩnh vực tế lễ làm ví dụ: theo Tin lành của Tân ước, tất cả các tín hữu đều là thầy tế lễ và không có thắc mắc trong việc phân chia dân sự của Đức Chúa Trời thành hai nhóm khác nhau, nhóm có chức sắc tế lễ và nhóm tín hữu bình thường (Khải. 1:6; 5:15; 1 Phi. 2:5,9). Tương tự, theo Tin lành, Cơ đốc nhân cũng giống như Do thái giáo, chỉ có một thầy tế lễ thượng phẩm, và thầy tế lễ thượng phẩm đó là Đấng Christ.

Nhưng những thế kỷ sau này thế giới đã Cơ đốc không an nghỉ thỏa lòng với Tin lành. Thế giới quay trở lại và phát minh ra một chức vị tế lễ theo kiểu mẫu của Do thái giáo cổ đại. Họ chia dân sự mà từ trước đến nay không thể chia rẽ của Đức Chúa Trời thành hai

nhóm khác nhau: nhóm có chức vụ tế lễ và nhóm tín hữu bình thường không có chức vị. Sau đó, họ chia nhóm có “chức vị tế lễ” sâu hơn nữa, trở thành ba bang tế lễ theo Do thái giáo cổ đại: chấp sự (tương ứng với dòng Lê-vi), thầy tế lễ toàn thời gian, và những thầy tế lễ thế gian, vì thế cuối cùng tạo ra một điều bất thường mà Do thái giáo chưa từng biết đến, đó là đồng thời có hai thầy tế lễ thượng phẩm, một ở trên trời và một ở trên đất.

Sau đó, vì các thầy tế lễ của Do thái giáo lặp đi lặp lại việc dâng tế lễ trên bàn thờ để được tha tội, thế giới Cơ đốc đã xây nhiều bàn thờ trong nơi thờ phượng, biến Lễ Tiệc thánh thành một tế lễ, và bảo “các thầy tế lễ” rằng bây giờ họ cũng có một của lễ thật có thể và phải dâng lên lặp đi lặp lại trên các bàn thờ kia để có được sự tha thứ cho chính họ và cho “những tín hữu bình thường không có chức vị.” Thêm nữa, đền thờ cổ đại của Do thái giáo lại bị một bức màn chia thành hai phần, phần thứ nhất là Nơi thánh, rồi sau đó, bên trong bức màn, là Nơi Chí thánh. Vì vậy, thế giới Cơ đốc bắt đầu xây nơi thờ phượng của họ giống với khuôn mẫu đền thờ của người Do thái: đầu tiên là nơi những tín hữu bình thường có thể ngồi hay đứng (nave); rồi đến khu vực được ngăn ra bằng một hàng rào (railed off), chỗ thỉnh thoảng được che lại bằng một bức màn tinh xảo, hay trong một số trường hợp là một bức tường thấp, rồi đến nơi chỉ có các thầy tế lễ, trợ tá của họ, và ca đoàn mới có thể tiến vào trong các giờ thờ phượng (the chancel). Chẳng có gì ngạc nhiên khi đa số mọi người đều có ấn tượng rằng nếu họ không được phép vào nơi chí thánh của tòa nhà này, thì họ không thể chắc chắn rằng cuối cùng họ có được phép vào thiên đàng của Đức Chúa Trời hay không, chứ nói gì đến việc bây giờ, bởi đức tin bước vào Nơi Rất Chí thánh bởi huyết của Chúa Jêsus.

Chúng ta có thể hỏi rằng Ê-tiên có thể nói gì về tất cả những điều này nếu ông vẫn còn sống mà nhìn thấy? Chắc chắn ông sẽ không cho rằng nó chỉ nguy hại một chút, nhưng nếu có những lời khuyên bệnh hoạn, sai trật thì ông tin rằng những khác biệt giữa Do thái giáo và Cơ đốc giáo trong những điều cụ thể này rất thiết yếu đối với trọng tâm của Tin lành và đối với niềm vui trọn vẹn của con người về sự cứu rỗi

vĩ đại được mua bởi Đấng Christ, rằng ông đã chuẩn bị để sẵn sàng chết còn hơn là giữ yên lặng về những điều đó.

Nếu ông xem việc Do thái giáo từ chối tiến vào trong sự mặc khải cuối cùng và trọn vẹn của Đức Chúa Trời trong Đấng Christ như là một hành động lìa khỏi Đức Chúa Trời hằng sống, thì ông sẽ nói gì về việc thế giới Cơ đốc quay trở lại với Do thái giáo cổ đại?

Các dấu hiệu trong các thập kỷ gần đây cho thấy thế giới Cơ đốc đã bắt đầu thanh lọc bản thân khỏi những sự sa trở lại vào Do thái giáo cổ đại. Nhưng nó vẫn còn một con đường dài để đi trước khi nó không nhầm lẫn mà đứng vững cho sự đầy trọn không thỏa hiệp và không hề suy giảm của Tin lành Cơ đốc chân thật.

PHẦN HAI: CHUYỂN ĐỘNG 2

Tin lành và sự thờ phượng không chính thống của người Sa-ma-ri (8:4-25)

Câu chuyện thứ hai trong Phần Hai nói về cuộc truyền giáo cho người Sa-ma-ri của Phi-líp; và cũng thật không quá khó để nhìn ra tư tưởng liên quan giữa câu chuyện thứ hai này với câu chuyện thứ nhất. Giống như người Do thái, người Sa-ma-ri cũng có một ngôi đền thờ – hoặc ít nhất họ đã từng có, cho đến khi thầy tế lễ thượng phẩm John Hyrcanus phá hủy nó vào khoảng năm 128 TC (một số người cho là vào năm 108 TC). Không giống với đền thờ của người Do thái, đền thờ của người Sa-ma-ri không được xây dựng tại Giê-ru-sa-lem, nhưng ở trên ngọn núi Ga-ri-xim; và dù bây giờ nó không còn tồn tại nữa, người Sa-ma-ri vẫn thờ phượng tại chỗ cũ. Đối với họ, địa điểm này không phải là một địa điểm địa lý mang tính tình cờ hay là một vấn đề không quan trọng. Đó là nơi đã được chủ ý lựa chọn cách cẩn trọng, và nó được duy trì với niềm tự hào dân tộc và tự hào tôn giáo mạnh mẽ (xem Giảng 4:20).

Cũng giống như người Do thái, đối với người Sa-ma-ri, sự hiện đến của Đức Thánh Linh khiến cho họ có thể nếm trước một hình thức thờ phượng cao hơn bất cứ hình thức thờ phượng nào họ từng biết trước kia. |Giống như đền thờ của người Do thái, đền thờ của họ là một ngôi đền được xây bằng đá nằm ở vị trí được xác định trên đỉnh núi Ga-ri-xim. Sự hiện diện của Đức Thánh Linh sẽ như một quà tặng đem đến sự biến đổi từng người Sa-ma-ri tiếp nhận Ngài trở thành một ngôi đền thờ thuộc linh. Vị trí địa lý không còn có ý nghĩa quan trọng nữa, như Chúa chúng ta đã từng nói với một phụ nữ Sa-ma-ri: “Hỡi người đàn bà, hãy tin ta, giờ đến, khi các người thờ lạy Cha, chẳng tại trên hòn núi này, cũng chẳng tại thành Giê-ru-sa-lem” (Giăng 4:21).

Thời điểm đó đã đến; và qua sự giảng dạy về Tin lành của Phi-líp, người Sa-ma-ri được mời tiếp nhận mạch nước hằng sống đó (Giăng 4:14), món quà Thánh Linh qua đức tin trong Chúa Jê-sus sẽ cho phép

họ thờ phụng Đức Chúa Trời với cách thờ phụng lý tưởng duy nhất có thể hoàn toàn làm Đức Chúa Trời vui thỏa. Chúa của chúng ta đã nói với người phụ nữ Sa-ma-ri “Nhưng giờ hầu đến, và đã đến rồi, khi những kẻ thờ phụng thật lấy tâm thần và lẽ thật mà thờ phụng Cha: ấy đó là những kẻ thờ phụng mà Cha ưa thích vậy. Đức Chúa Trời là thần, nên ai thờ lạy Ngài thì phải lấy tâm thần và lẽ thật mà thờ lạy” (Giăng 4:23-24).

Nhưng người Sa-ma-ri có một khó khăn rất đặc biệt. Người Do thái về phần mình cảm thấy khó có thể thay đổi từ hình thức thờ phụng truyền thống vốn tốt đẹp và là điều được Đức Chúa Trời tỏ cho họ sang hình thức thờ phụng cao hơn hiện giờ được Đấng Christ hướng dẫn. Thật sự là có rất nhiều người Do thái không bao giờ chịu thay đổi. Ngược lại, có rất nhiều người Sa-ma-ri tỏ ra sẵn sàng và hào hứng thay đổi từ cách thờ phụng truyền thống của mình sang cách mới. Nhưng không may là trong cách thờ phụng truyền thống của họ có một lỗi cơ bản nghiêm trọng mà thậm chí khi họ tin vào Chúa Jêsus và được làm báp têm trong danh của Ngài, sau một thời gian, họ vẫn không được phép và không thể thay đổi. Đức Thánh Linh, Đấng mà nếu không có Ngài thì họ sẽ không bao giờ biết Đức Chúa Cha cách thật sự, cũng không thể thờ phụng Chúa Cha bằng tâm thần và lẽ thật, tạm thời được giữ lại nên họ không nhận được, cho đến khi họ được đem đến đối diện với lỗi lầm trong quá khứ kia, ăn năn, và quyết ý từ bỏ nó (8:14-17).

Vậy lỗi lầm đó là gì? Tại sao nó lại nghiêm trọng đến như vậy? Để nhìn ra nó, chúng ta phải đào xới lịch sử của họ.

BỐI CẢNH CUỘC TRUYỀN GIÁO CỦA PHI-LÍP CHO SA-MA-RI

Như câu chuyện cuối cùng đã tỏ cho chúng ta thấy, nếu đối với đại đa số người Do thái, sự tôn kính dành cho đền thờ là một biểu hiện quan trọng của sự chính thống, thì người Sa-ma-ri quả thật là rất không chính thống. Họ không hề có chút tôn kính nào đối với đền thờ tại Giê-ru-sa-lem. Đây không phải vì họ là dân ngoại. Họ không phải là dân ngoại. Họ tin thờ cùng một Đức Chúa Trời mà người Do thái tin thờ, và họ thừa nhận Ngũ kinh là Lời được Đức Chúa Trời soi dẫn. Họ tin rằng đến một ngày Đức Chúa Trời sẽ sai Đấng Mê-si-a đến thế

gian làm Cứu Chúa của thế gian. Họ cũng tin vào Ngày Phán xét. Họ tôn kính dâng các tế lễ theo đúng đòi hỏi của Luật Môi-se.

Nhưng họ khước từ Giê-ru-sa-lem và đền thờ của nó. Không phải vì họ suy nghĩ giống cộng đồng Qumran. Như quý vị nhớ, cộng đồng này cảm thấy trong đền thờ và chính đền thờ Giê-ru-sa-lem là tốt lành; chỉ là sự lạm dụng hiện tại và sự vi phạm trong vòng các thầy tế lễ và các kỹ lễ hội khiến họ không thể tham gia vào sự thờ phượng và các lễ nghi. Người Sa-ma-ri không hề tin vào đền thờ Giê-ru-sa-lem một chút nào.

Họ cũng không giống như Ê-tiên cho rằng các đền thờ trên đất, chức vị tế lễ của người Lê-vi, và việc dâng sinh tế là lỗi thời và sắp sửa không còn nữa. Đúng là vào lúc Phi-líp đem Tin lành đến cho họ, họ không còn có đền thờ của riêng mình nữa. Nhưng họ vẫn có một thầy cả thượng phẩm, họ vẫn dâng sinh tế ở nơi đền thờ từng tọa lạc; và họ không có ý định từ bỏ những điều này.

Thậm chí cũng không phải họ phản đối hình thức của đền thờ Giê-ru-sa-lem hay các chức vị tế lễ cao cấp. Không, lập trường của người Sa-ma-ri là như vậy. Giống như người Do thái, họ thừa nhận những chỉ dẫn của Môi-se trong Phục truyền 12:4-18 định rõ rằng vào mỗi một thời điểm trên toàn Đất hứa chỉ có thể tồn tại một trung tâm là nơi được thừa nhận để dâng tế lễ. Họ chỉ không tin đền thờ tại Giê-ru-sa-lem là trung tâm được Đức Chúa Trời chỉ định. Theo họ, ngọn núi Ga-ri-xim mới là trung tâm. Như người phụ nữ Sa-ma-ri nói với Đấng Christ: “Tổ phụ chúng tôi đã thờ lạy trên hòn núi này; còn dân Giu-đa lại nói rằng nơi đáng thờ lạy là tại thành Giê-ru-sa-lem” (Giăng 4:20).

Sự bất đồng này có từ lần trở về từ nơi bị lưu đày, khi sự thờ phượng của người Sa-ma-ri bị trộn lẫn nặng nề với việc thờ hình tượng, và người Do thái vì lý do đó đã từ chối không cho phép người Sa-ma-ri tham dự vào việc xây dựng đền thờ Giê-ru-sa-lem. Sau đó người Sa-ma-ri từ bỏ thần tượng của họ; nhưng người Do thái vẫn không chấp nhận họ bởi vì họ khẳng khẳng muốn giữ lại đền thờ của mình ở trên núi Ga-ri-xim.

Sự bất đồng căn bản giữa người Do thái và người Sa-ma-ri trở

nên một vết thương mãn tính mừng mủ, và vào thời Chúa Jêsus nó thường vỡ ra thành bạo lực theo dạng nào đó. Về phần người Do thái, như chúng ta đã quan sát, họ đã hủy phá đền thờ của người Sa-ma-ri; và người Sa-ma-ri cũng đã trả đũa lại.

Starck và Billerbeck đã đem ví dụ câu chuyện sau:

R Ishmael b. Jose đang đi lên thành Giê-ru-sa-lem để cầu nguyện. Khi đang đi ngang qua một gốc cây (gân Ga-ri-xim) thì có một người Sa-ma-ri nhìn thấy ông. Người ấy nói với ông “Người đi đâu đây?” Ông trả lời, “Ta đang đi lên Giê-ru-sa-lem cầu nguyện.” Người kia nói, “Lẽ nào cầu nguyện trên ngọn núi đáng chúc phước này không tốt hơn là đi đến chỗ đồng phân kia sao?”

Vào khoảng giữa thế kỷ thứ 6 đến thứ 9 SC có vài người Sa-ma-ri đi lên Giê-ru-sa-lem vào dịp Lễ vượt qua và rải xương cốt ra trong đền thờ – một hành động cố ý nhằm làm lây lan ô uế cao nhất (xem Dân. 19) tại nơi thiêng liêng nhất của người Do thái.

Một lần khác, khi Đấng Christ và các môn đồ của Ngài muốn ngủ qua đêm tại một ngôi làng của người Sa-ma-ri, dân làng đã “không tiếp rước Ngài, vì Ngài [đang trên đường đi về] thành Giê-ru-sa-lem” – điều này khiến cho Gia-cơ và Giăng nổi giận đến nỗi họ muốn khiến lửa từ trời xuống thiêu những người này (Lu. 9:51-56). Và vào thế kỷ 52 SC, người Sa-ma-ri thật đã giết một số khách hành hương người Do thái tại En-gannim, và dĩ nhiên người Do thái đã trả đũa.

Phản ứng hiện đại đối với những xung đột tôn giáo như vậy thường kinh tởm và thiếu nhẫn nại, mà còn nhiều hơn vậy nữa bởi vì lịch sử Cơ đốc giáo hàm chứa nhiều ví dụ còn tệ hại hơn là lịch sử tranh chấp của người Do thái và người Sa-ma-ri. Con người mệt mỏi vì hận thù và bạo lực nhân danh tôn giáo. Cả hai phía đều phải trả giá nghiêm trọng. Họ xúi giục rằng tâm linh thật liên quan đến việc yêu thương lẫn nhau và rằng những câu hỏi về giáo lý nằm ẩn dưới các tranh chấp như vậy không đáng để mang ra tranh luận.

Nhưng đó không phải là thái độ của Đấng Christ đối với những khác biệt như vậy. Hết lần này đến lần khác, trong hành động và trong việc dạy dỗ, Ngài bước ra khỏi con đường của mình để tách chính Ngài khỏi thù hận đầy ác ý và những tranh chiến phát sinh vì chưa được tái sinh của người Do thái đối với người Sa-ma-ri, và tích

cực bày tỏ tình yêu của Đức Chúa Trời dành cho họ (Lu. 10: 30-37; 17:11-19; Giăng. 4). Nhưng cùng với lòng thương xót, sự thành tín không thay đổi, Ngài đã không do dự khi chỉ ra cho người Sa-ma-ri những sai trái trong lập trường của họ. Khi người phụ nữ Sa-ma-ri nhắc đến bàn cãi lâu đời kia, Ngài đã đáp lại: “Các ngươi thờ lạy sự các ngươi không biết, chúng ta thờ lạy sự chúng ta biết” (Giăng 4:22).

Mọi người đều đồng ý với ngụ ý của Ngài. Ngài ám chỉ đến sự thiếu hiểu biết mà người Sa-ma-ri tự mang vào mình vì chối bỏ toàn bộ Kinh thánh Cựu ước ngoại trừ Ngũ kinh. Westcott diễn giải lời Chúa chúng ta phán với người phụ nữ kia: “Sự thờ phượng của các ngươi hướng đến Đấng mà bản tánh của Ngài được chính Ngài bày tỏ qua các đấng tiên tri và trong lịch sử của dân tộc Ngài, các ngươi thật không quen biết Ngài. Các ngươi biết phải thờ phượng ai, nhưng các ngươi không biết Ngài.” Sự thiếu hiểu biết kia quả thật đáng buồn; nhưng nó cũng đáng khiển trách, vì nó là do tự bản thân họ gây ra.

Thêm vào mất mát vô lượng do tự mình gây ra còn có hậu quả nghiêm trọng khác. Nếu họ thừa nhận và đọc các sách Tiên và Hậu Tiên tri và các sách Văn thơ (phần thứ hai và thứ ba của Kinh Cựu ước), họ sẽ tìm ra câu trả lời cho câu hỏi họ phải dâng tế lễ và thờ phượng Đức Chúa Trời ở chỗ nào? Ví dụ như họ sẽ đọc 2 Sa-mu-ên 5:6-10 và 2 Sa-mu-ên 7 và biết rằng Đức Chúa Trời đã bước vào trong một giao ước với vua Đa-vít của Giu-đa và Y-sơ-ra-ên; rằng Ngài đảm bảo duy trì một mối liên hệ đặc biệt giữa Ngài và dòng dõi Đa-vít; và rằng Ngài chỉ định Sa-lô-môn con trai của Đa-vít, dựng xây cho Ngài một ngôi đền cho Danh của Ngài (2 Sam. 7:13). Họ sẽ khám phá từ các sách lịch sử, các sách Tiên tri và Thi thiên còn lại rằng Giê-ru-sa-lem là nơi Đức Chúa Trời chọn để xây đền thờ đó (xem ví dụ ở Thi. 132 cụ thể ở các câu 13-14, và Xa. 3-4 .)

Theo quan điểm ủng hộ người Sa-ma-ri, người ta thường cho rằng khi sự phân ly giữa họ và người Do thái xảy ra, thì Ngũ kinh là phần duy nhất của Kinh Cựu ước được xem, thậm chí bởi người Do thái, là phù hợp với tiêu chuẩn để được công nhận là Lời của Đức Chúa Trời và chính vì vậy nên có thẩm quyền. Vì vậy, người Sa-ma-ri thừa nhận Ngũ kinh bởi vì phù hợp với tiêu chuẩn để được công

nhận là Lời của Đức Chúa Trời, nhưng rất tự nhiên sau đó, vì khước từ Giê-ru-sa-lem, họ đã phớt lờ các sách còn lại vốn phát xuất từ nguồn đó. Nhưng đánh giá hiện đại từ các bằng chứng sẵn có lại cho thấy rằng sự phân rẽ vốn không xảy ra sớm như vậy, ấy là vào thời của Nê-hê-mi, như người ta vẫn dự đoán. Dù người Sa-ma-ri xây cho mình ngôi đền thờ vào năm 400 TC, đổ vỡ cuối cùng giữa họ với Do thái giáo và việc họ cuối cùng khước từ Giê-ru-sa-lem đã không xảy ra cho đến thời Hasmonean, có thể sau khi đền thờ của họ bị phá hủy bởi John Hyrcanus, vào khoảng 120 TC. Vào thời điểm đó, các sách Tiên và Hậu Tiên tri chắc chắn được người Do thái cho là phù hợp tiêu chuẩn để được công nhận là Lời của Đức Chúa Trời, và có xác xuất rất cao là gồm cả các sách Văn thơ nữa. Vậy thì, đổ vỡ cuối cùng giữa người Sa-ma-ri và Do thái giáo, và sự khước từ Giê-ru-sa-lem và đền thờ, đã được xác lập nên – bởi các lãnh đạo, thầy tế lễ, giáo sư của họ; người ta không thể trách móc những người bình thường giống như người phụ nữ tại giếng nước Si-kha vì điều đó – dù hiểu biết trọn vẹn những điều các sách (thuộc về Kinh thánh – Tiên và Hậu Tiên tri, và các sách Văn thơ) này đã viết.

Vậy thì, khước từ Giê-ru-sa-lem và khước từ hai phần ba Kinh Cựu ước là bởi vì họ yêu chuộng Ga-ri-xim hơn, điều này vốn nghiêm trọng gấp đôi. Trước hết, nó liên quan đến việc bất tuân ý chỉ của Đức Chúa Trời bày tỏ về vấn đề thờ phụng. Nhưng thêm vào đó nó che khuất, nếu không phải là chối bỏ, mọi thắc mắc quan trọng về nguồn gốc nơi mà Đấng Cứu Thế của thế gian hiện đến. Chúa Jêsus đã phán rằng “Các ngươi thờ lạy sự các ngươi không biết, chúng ta thờ lạy sự chúng ta biết, vì sự cứu rỗi bởi người Giu-đa mà đến” (Giăng 4:22). Người Sa-ma-ri tin rằng, một ngày kia Đức Chúa Trời sẽ sai Đấng Mê-si-a đến, vì Môi-se trong Ngũ kinh đã hứa rằng “Từ giữa anh em ngươi, Giê-hô-va Đức Chúa Trời ngươi sẽ lập lên một đấng tiên tri như ta” (Phục. 18: 15). Nhưng khi nhiều thế kỷ đã trôi qua, Đức Chúa Trời đã thêm lời hứa vào lời hứa, và lời tiên tri vào lời tiên tri, chỉ ra cho thấy rằng nơi chốn và thời gian và phương cách Đấng Mê-si-a và Đấng Cứu thế được hứa của thế gian sẽ được hạ sinh; hầu cho con người có thể biết nơi để tìm Ngài và từ nơi nào mà trông đợi Ngài, và có thể nhận ra Ngài khi Ngài đến. Trong nhiều chi tiết khác, Đức

Chúa Trời đã chỉ định rằng Đấng Cứu Thế sẽ thuộc về dòng dõi vua Đa-vít (Ê-sai 11:1), được sinh ra ở quê hương của Đa-vít, là thành Bết-lê-hem thuộc Giu-đê (Mi-chê 5:2), và khi Ngài chính thức hiện ra, Ngài sẽ đến thành của Đa-vít là Giê-ru-sa-lem với tư cách là Vua của Giê-ru-sa-lem (Xa. 9:9).

Vì vậy, việc khước từ Giê-ru-sa-lem và chối bỏ hai phần ba lời hứa và lời tiên tri trong Kinh Cựu ước vốn được ban cho bởi Đức Chúa Trời đã đem người Sa-ma-ri vào sự ngu dốt có mầm mống nguy hiểm và đáng buồn. Dĩ nhiên, sau mọi thù địch người Sa-ma-ri phải gánh chịu từ phía người Do thái thì quả thật rất khó để họ bỏ đi thành kiến lâu đời ăn sâu trong lòng mà tiếp nhận “sự cứu rỗi bởi người Giu-đa mà đến.” Chắc chắn Chúa Jêsus không bào chữa hay viện lý do cho hành vi tội bại, kiêu ngạo, ngu dốt, và thù hận của người Do thái, lẽ ra phải là những người hiểu biết hơn. Nhưng nếu người Sa-ma-ri mong muốn tìm được sự cứu rỗi và sự thỏa lòng, và nhận được món quà Đức Thánh Linh để có thể dâng lên cho Đức Chúa Trời sự thờ phượng thật mà Ngài mong muốn, họ sẽ phải nhìn nhận rằng Cứu Chúa của thế gian là người Do thái, không phải người Sa-ma-ri, là một vị vua đóng đô tại Giê-ru-sa-lem, chứ là không phải Ga-ri-xim, Đấng gọi đền thờ tại Giê-ru-sa-lem là “Nhà Cha ta” (Lu-c 2:49; tham chiếu 19:46) – một người Do thái chân chính, là Đấng đã được xác định trong phần Kinh thánh mà họ đã chối bỏ không nhìn nhận suốt nhiều thế kỷ qua.

PHI-LÍP, THÀNH PHỐ CỦA NGƯỜI SA-MA-RI, VÀ VIỆC NHẬN LÃNH THÁNH LINH

Tin tức về đồng bào người Si-kha đã tin nhận Chúa Jêsus là Đấng Mê-si-a (Giăng 4:39-41) không có gì đáng nghi ngờ sẽ nhanh chóng lan tràn đến các thành khác trong vùng. Điều này giúp giải thích kết quả mỹ mãn theo sau bài giảng về Tin lành của Phi-líp khi ông ghé thăm một thành phố của người Sa-ma-ri. Dĩ nhiên, giống với Chúa của mình ngày trước, Phi-líp đã hành xử rất khôn ngoan. Trước tiên ông không tiếp cận với những người Sa-ma-ri này bằng cách lặp lại những tranh chấp bất đồng cũ, và chắc chắn ông cũng không tuyên truyền các khẳng định về đền thờ tại Giê-ru-sa-lem.

Lu-ca cho biết, Phi-líp công bố về Đấng Christ (8:5); và Đức Chúa Trời đã chuẩn y sứ điệp này bằng việc cho phép nhiều phép lạ xảy ra.

Có rất nhiều người trở lại tin nhận Đấng Christ. Nhưng rồi có một điều kỳ lạ xảy ra: Thánh Linh đã không giáng trên họ (8:15-16). Họ đã không nhận được Thánh Linh sau khi tin nhận Đấng Christ, trước khi chịu báp tem, giống như điều mà những người ngoại bang khác vẫn nhận được (xem trường hợp của Cọt-nây, 10: 44-48; 11:15-17, và nhận xét của Phi-e-rơ ở 15:7-9). Ngay cả sau khi chịu báp tem họ cũng không nhận được Thánh Linh, giống như người Do thái đã nhận được vào ngày Lễ Ngũ tuần (xem 2:38). Đến cuối cùng họ cũng đã nhận được Thánh Linh, nhưng trước hết họ bị buộc phải chờ đợi.

Tại sao? Rất nhiều câu trả lời được đưa ra; nhưng cách an toàn nhất để tiếp tục là chú ý đến điều đã xảy ra, và phỏng đoán điều đã xảy ra, trước khi Đức Chúa Trời sẵn lòng ban Thánh Linh cho họ. Các sứ đồ từ Giê-ru-sa-lem (lưu ý ngôn ngữ tỉ mỉ của Lu-ca) đã phải đến cầu nguyện cho họ và đặt tay trên họ; về phần những người Sa-ma-ri cũng phải thuận phục để các sứ đồ từ Giê-ru-sa-lem đến đặt tay trên họ; sau đó, và chỉ sau đó, Đức Chúa Trời sẵn lòng công khai thừa nhận sự chân thành cải đạo của họ qua việc công khai ban Thánh Linh Ngài cho họ (8:14-17).

Chúng ta lại hỏi, tại sao lại như vậy? Rõ ràng không phải vì Phi-líp là một thầy giảng không đủ tiêu chuẩn: câu chuyện tiếp theo kể về sự trở lại đạo của người Ê-thi-ô-pi cũng không đưa ra gợi ý nào (8:26-28), tại sao mục vụ của Phi-líp phải được bổ sung bởi các sứ đồ tại Giê-ru-sa-lem trước khi hoàn toàn có hiệu quả. Cũng không có trường hợp nào khác được ghi lại trong toàn bộ Công vụ, nói rằng các sứ đồ tại Giê-ru-sa-lem phải xuất phát từ Giê-ru-sa-lem và đặt tay trên những người trở lại đạo trước khi họ có thể nhận được Thánh Linh.

Câu trả lời cho câu hỏi này dường như rất rõ ràng: trước tiên, người Sa-ma-ri bị buộc phải đợi một thời gian, sau đó bởi hành động đặt tay có thể nhìn thấy bằng mắt thường thừa nhận sự lệ thuộc của họ vào Giê-ru-sa-lem, và tự xác nhận rằng họ có cùng lập trường với

các sứ đồ tại Giê-ru-sa-lem. Thái độ chối bỏ Giê-ru-sa-lem lâu đời của họ phải bị loại bỏ. Thật vậy, họ sẽ không bị buộc phải bắt đầu tham dự thờ phượng trong đền thờ tại Giê-ru-sa-lem: cả đền thờ này và nơi thánh trên núi Ga-ri-xim vào lúc này nhanh chóng trở nên lỗi thời. Đức Chúa Trời cũng không nói rằng mãi mãi về sau Giê-ru-sa-lem sẽ phải được nhìn nhận như là trụ sở giáo hội của Hội thánh. Nhưng họ bị buộc phải nhìn nhận những điều Cứu Chúa đã phán với người phụ nữ ở Si-kha: một câu nói mang tính lịch sử, “sự cứu rỗi bởi người Giu-đa mà đến,” và nó đến từ Giê-ru-sa-lem.

Chỉ có một Cứu Chúa của thế gian, và một sự cứu rỗi (4:12). Trong một thế giới có cả một ngàn lẻ một tiếng nói, tuyên truyền các tuyên bố của vô số tôn giáo, thì điều quan trọng nhất là chúng ta cần phải có chứng cứ lịch sử khách quan rõ ràng để khẳng định vầng vàng Đấng Cứu Thế có một và duy nhất của chúng ta là ai. Đức Chúa Trời đã dành nhiều thế kỷ chu cấp chứng cứ: qua việc kêu gọi Áp-ra-ham; qua việc phát triển một quốc gia đặc biệt; qua Môi-se thiết lập các khung luật pháp, sự giải cứu, và sự thờ phượng; và cuối cùng và cao hơn hết là qua việc đẩy lên Đa-vít, vua của Giu-đa tại Giê-ru-sa-lem, tổ phụ và là hình mẫu của Đấng Mê-si-a, cùng với vô số các lời tiên tri trải qua vài thế kỷ tiên báo về sự hạ sinh, quê hương, chức vụ, sự chết, sự phục sinh, và thăng thiên của Ngài. Tin lành Cơ đốc không phải là một triết lý mà bất kỳ ai, dù là ai và thuộc về quốc gia nào, có thể nghĩ ra hay phát triển nên từ các nguyên tắc phổ quát chung – cho dù người đó là thiên đĩnh thiên tài. Tin lành, như Phao-lô sau này đã viết xuống, là “Tin Lành [của] Đức Chúa Trời, là Tin Lành xưa kia Đức Chúa Trời đã dùng các đấng tiên tri Ngài mà hứa trong Kinh Thánh, về Con Ngài, theo xác thịt thì bởi dòng dõi vua Đa-vít...” (Rô. 1:1-3). Tin lành là một kết quả của một tiến trình có liên quan đến địa lý, lịch sử khách quan và lâu dài, được giám sát tại mỗi thời điểm bởi một Đức Chúa Trời mà Tin lành là của Ngài.

Về lịch sử, nó không thể tách rời khỏi Giê-ru-sa-lem. Theo Lu-ca, giữa sự phục sinh và sự thăng thiên của Ngài, Đấng Christ đã tóm tắt cho các sứ đồ mục vụ rộng khắp thế giới của họ, Ngài làm như vậy với những lời này: “Có lời chép rằng Đấng Christ phải chịu đau đớn

đường ấy, ngày thứ ba sẽ từ kẻ chết sống lại, và người ta sẽ nhân danh Ngài mà rao giảng cho dân các nước sự ăn năn để được tha tội, bắt đầu từ thành Giê-ru-sa-lem” (Lu. 24:46-47). Mãi mãi Tin lành vốn liên kết không thể tách rời với những sự kiện lịch sử nhất định đã xảy ra tại Giê-ru-sa-lem.

Nếu người Sa-ma-ri đã được cho phép nhận lãnh Thánh Linh mà trước hết không từ bỏ việc chối bỏ Giê-ru-sa-lem vốn xuất phát từ lâu đời, và việc khước từ tất cả những lời tiên tri trong Kinh thánh xác định Đấng Mê-si-a “thuộc dòng vua Đa-vít,” họ đã có thể gặp nguy hiểm thật sự. Có thể dễ dàng tưởng tượng rằng họ có thể tin nơi “Jesus” và nhận lãnh “Thánh Linh” mà không ăn năn thái độ trước đó của mình. Có thể có hai hình thức Cơ đốc giáo được thành hình: một mang hình thức của người Do thái, dựa trên nhân vật Jêsus của lịch sử, có mối liên hệ không thể tách rời với Giê-ru-sa-lem, và một phiên bản của người Sa-ma-ri với một “Jêsus” và một “Thánh Linh” vốn không cần thiết phải có liên hệ nào với Giê-ru-sa-lem cả; và họ có thể khẳng định có được “sự cứu rỗi” không đến “bởi người [Do thái].”

Phiên bản của người Sa-ma-ri đó dĩ nhiên là giả mạo. Thậm chí ngày nay vẫn có các tà giáo sai lạc khẳng định mình là Cơ đốc, và nói rất nhiều về Chúa Jêsus và Thánh Linh, nhưng lại vừa chối bỏ việc Chúa Jêsus trong quá khứ đã thật sự chịu chết tại Giê-ru-sa-lem, hoặc chối bỏ việc Ngài sống lại trong thân thể vật lý, và khước từ thẩm quyền của các sứ đồ đến từ Giê-ru-sa-lem. Chúa Jêsus và Thánh Linh của họ hoặc là rất ít hoặc là không hề có mối liên hệ nào với các sự kiện lịch sử.

Chúng ta cũng không nói về những mối nguy hiểm trong tưởng tượng. Qua Môi-se Đức Chúa Trời từ lúc đầu đã chỉ thị rằng dân sự của Ngài không được dâng tế lễ tại bất cứ chỗ nào, nhưng chỉ ở một nơi là nơi duy nhất Ngài sẽ chọn, chỉ thị này không phải được thúc giục bởi tâm trí độc quyền hẹp hòi. Nó có ý nghĩa như là một sự bảo vệ chống lại mối nguy hiểm có thật ấy là bị dụ dỗ bởi những nghi thức tế lễ sai lạc của dân Ca-na-an chung quanh họ trong xứ Palestine. Thật dễ dàng cho con người, đặc biệt là những người thuộc thời đại tiền khoa học này, tiếp nhận mê tín dị đoan, ma thuật, và

việc thờ lạy ma quỷ của tôn giáo của dân ngoại. Phục truyền 12 nói rõ ràng rằng nhằm bảo vệ Y-sơ-ra-ên chống lại các kiểu lừa dối như vậy mà Đức Chúa Trời đã chỉ thị cho họ lập nên một và duy một trung tâm làm nơi sự hiểu biết về Đức Chúa Trời chân thật được lưu truyền. Đúng là Y-sơ-ra-ên đã không vâng lời và lập nên những nơi thờ phượng không hợp pháp khác – và việc lưu dày mười chi phái và sự hỗn tạp trong tín ngưỡng của người Sa-ma-ri tại những năm đầu là một bằng chứng cho điều cuối cùng cũng đã xảy ra vì sự bất tuân đó. Đúng là bản thân đền thờ tại Giê-ru-sa-lem cũng trở nên thối nát, và bị hủy phá trong thời kỳ Lưu đày, và đã được xây dựng lại. Nhưng truyền thống đúng đắn không bao giờ bị che khuất mãi, và Giê-ru-sa-lem tiếp tục là trung tâm mà Đức Chúa Trời chọn, và là nơi Ngài được biết đến qua Lời thành văn của Ngài, qua đền thờ không có hình tượng, và qua hệ thống tế lễ và sự thờ phượng thiêng liêng được chỉ định.

Nhưng người Sa-ma-ri đã chối bỏ trung tâm của Đức Chúa Trời là Giê-ru-sa-lem, đền thờ, và hai phần ba Lời thành văn của Đức Chúa Trời. Vì vậy, chúng ta không nên ngạc nhiên khi thời điểm Phi-líp đến Sa-ma-ri, họ đã phải trả giá cho lỗi lầm của mình: họ hoàn toàn bị lừa gạt bởi một thầy pháp tên là Si-môn. Ông ta rao bán một hỗn hợp giữa ma thuật và thông linh giáo, và tự cho mình là một nhân vật vĩ đại. Kinh ngạc trước ma thuật của ông, họ đã bị lừa dối mà nghĩ rằng Si-môn là “quyền phép của Đức Chúa Trời, tức là quyền phép lớn như thường gọi vậy” (8:10). Thậm chí trước khi Phi-líp đến, công bố Đấng Mê-si-a chân thật, người Sa-ma-ri chưa từng bị lừa dối bởi thầy pháp ngoại bang này. An-ne và Cai-phe tại Giê-ru-sa-lem có thể không phải là lời cuối cùng của tình trạng tâm linh thật; nhưng đền thờ và các sự thờ phượng cùng các hoạt động tâm linh khác không có chỗ cho những con người giống như Si-môn. Nếu người Sa-ma-ri đã không chối bỏ hai phần ba Kinh Cựu ước vốn là nơi họ có thể tìm thấy các mô tả về Đấng Mê-si-a thật, thì điều đó sẽ cứu họ khỏi sự lừa dối của Si-môn, cùng với các khái niệm về thần thánh ngoại giáo, các thuật ngữ không có trong Kinh thánh của ông, và quyền lực của ma quỷ trong ông ta.

Hơn nữa, quả là một bài học tốt nếu lưu ý rằng khi Si-môn nghe về Chúa Jê-sus và nhìn thấy các phép lạ được thi hành trong danh của Ngài, ông rất sẵn sàng “tin” Chúa Jê-sus và chịu báp-têm trong danh của Ngài. Nhưng điều xảy ra tiếp theo tỏ cho thấy ông không có khái niệm vỡ lòng về lập trường mà nhân vật Jê-sus của lịch sử chọn, cũng không có khái niệm đúng đắn về Thánh Linh của Đức Chúa Trời. Đối với ông “Jê-sus” và “Thánh Linh” chỉ đơn giản là hai thế lực của ma quỷ, mạnh mẽ hơn nhưng cùng giống với những thế lực mà ông đã sử dụng. Ông đã sẵn sàng trả một số tiền đáng kể để thêm “Jê-sus” và “Thánh Linh” vào trong kho tàng của mình, để thu được quyền lực lớn hơn trên người ta, xây dựng nên tôn giáo của mình và gia tăng lợi nhuận cho mình.

Vì vậy, Đức Chúa Trời đã dạy dỗ người Sa-ma-ri một bài học rất cần thiết và bổ ích khi Ngài từ chối xác nhận tuyên bố ăn năn và tuyên bố đức tin nơi Chúa Jê-sus của họ cho đến khi họ thuận phục, và tự xác nhận mình đồng hội đồng thuyền với các sứ đồ tại Giê-ru-sa-lem.

SUY GẤM SAU CÙNG

Chúng ta đã có thời gian dài nghiên cứu hai câu chuyện đầu trong Phần Hai của sách Công vụ, hơn xa thời gian chúng ta sẽ cần để nghiên cứu hai câu chuyện tiếp theo. Dù vậy, chúng ta nên nán lại thêm chút nữa để cân nhắc làm thế nào những bài học dạy dỗ từ hai câu chuyện kia bổ sung cho nhau.

Câu chuyện của Ê-tiên mạnh mẽ giải nghĩa sự kiện Đức Chúa Trời là Đức Chúa Trời của sự mặc khải tiệm tiến, Đấng luôn hành động suốt lịch sử; thúc giục chúng ta phải đảm bảo rằng chúng ta tiến về phía trước cùng với Đức Chúa Trời trong sự mặc khải đầy trọn của Ngài ở trong Con Ngài, và không ở lại trong Do thái giáo hay trở về với sự pha tạp giữa Cơ đốc giáo và Do thái giáo thời kỳ tiền Cơ đốc.

Câu chuyện của Phi-líp tạo ra điểm đối lập, nhưng cũng có tầm quan trọng tương tự: Cơ đốc giáo chân thật đó đâm rễ từ trong lịch sử, và chúng ta không bao giờ được chặt đứt những cái rễ đó. Chúng ta không thể từ chối tiếp nhận sự mặc khải và quyền lực thiêng liêng

của Kinh Cựu ước và vẫn cứ chân thành với Đấng Christ và Cơ đốc giáo. Chắc chắn nhất, chúng ta không thể từ chối lời dạy dỗ và thẩm quyền của các sứ đồ đến từ Giê-ru-sa-lem mà vẫn cứ đòi hỏi quyền rao giảng về Đấng Christ. Những người chối bỏ sự mặc khải và thẩm quyền của Kinh Tân ước và tuyên truyền một Cơ đốc giáo ly khai khỏi niềm tin vào tính chất lịch sử của các sự kiện vốn nhờ đó Cơ đốc giáo được thiết lập, là những người không hề rao giảng về Cơ đốc giáo chân thật. Họ đã chặt bỏ gốc rễ của họ khỏi lịch sử. Những lời rao giảng tốt nhất cũng chỉ là hỗn hợp giữa đạo đức Cơ đốc và thế giới quan xa lạ, thuộc về dân ngoại, thậm chí hiện đại và đầy triết lý; còn tệ nhất, thì cũng không tốt hơn sự mê tín của Si-môn là bao.

PHẦN HAI: CHUYỂN ĐỘNG 3

Tin lành của đầy tớ chịu thương khó (8:26-40)

Câu chuyện thứ ba trong phần này thậm chí còn ngắn hơn câu chuyện thứ hai, chỉ mười lăm câu Kinh thánh so với hai mươi hai câu. Tuy nhiên, sẽ không cần thiết phải kể lại một phần lớn bối cảnh lịch sử để hiểu ý chính mà câu chuyện muốn nói và điều nó đóng góp cho sứ điệp tổng thể của Phần Hai.

Một lần nữa, cũng giống như trong hai câu chuyện đầu, ít nhất là tại phần mở đầu, chúng ta quan tâm đến đền thờ tại Giê-ru-sa-lem: vị Bộ trưởng của Ê-thi-ô-pi đã lên Giê-ru-sa-lem để thờ phụng, và trên đường trở về ông đang ngồi trên chiến xa đọc một bản sao của sách tiên tri Ê-sai mà có khả năng ông đã mua được tại Giê-ru-sa-lem (8:27-28). Điều này làm cho chúng ta không chỉ nghĩ đến sự thờ phụng và việc đến gần Đức Chúa Trời của Do thái giáo, mà còn cả việc nó làm chứng cho các quốc gia ngoại bang chung quanh. Chỉ có hai yếu tố chính trong việc làm chứng đó: đền thờ và Kinh thánh của họ. Cả hai đều độc đáo theo cách riêng của mình. Không giống những ngôi đền của các quốc gia chung quanh, đền thờ của Y-sơ-ra-ên không hề có hình tượng các thần, và là một biểu hiện bày tỏ lời chứng của quốc gia này về một Đấng Tạo hóa siêu việt vô hình duy nhất. Đối với những dân tộc ngoại bang sâu sắc, ví dụ như dân tộc Ê-thi-ô-pi, điều này sẽ hình thành một sự tương phản đầy ấn tượng đối với sự phi lý về mặt trí tuệ và sự sa đọa về mặt đạo đức trong tôn giáo đa thần thời bấy giờ ở mọi nơi khác trong thế giới cổ đại.

Sẽ thật khó để đoán được có bao nhiêu người ngoại bang như vậy đã tin vào Đức Chúa Trời hằng sống qua lời chứng của đền thờ. Một số đông dân ngoại, và thỉnh thoảng những người ngoại bang có địa vị chính trị và xã hội ưu việt đã dâng các loại tế lễ trong đền thờ tại Giê-ru-sa-lem. Nhưng điều này không cần chỉ ra rằng việc chấp nhận chủ nghĩa độc thần của Do thái giáo hay niềm tin cá nhân vào Đức Chúa Trời chân thật:

Dâng của lễ tại một vài nơi thờ phượng tôn nghiêm thường không khác hơn là một cách bày tỏ lòng tôn kính vốn đã trở nên phổ biến trên khắp thế giới, một hành động xã giao đối với quốc gia hay thành phố liên quan, không hề có ý gia nhập vào một tôn giáo cụ thể. Bởi vì điều này đã xảy ra trong những buổi lễ tại những nơi thờ phượng tôn nghiêm khác, tại sao không thể xảy ra tại Giê-ru-sa-lem? Về phần họ, người Do thái và các thầy tế lễ của họ không có lý do gì để chối từ sự tôn kính tỏ ra đối với Đức Chúa Trời của họ, thậm chí nếu đó chỉ là một hành động lịch sự.

Nhiều người ngoại bang khi biết người Do thái không sẵn sàng khen ngợi đáp lễ và bày tỏ lòng tôn trọng đối với vị thần của quốc gia họ, họ thấy bị xúc phạm nặng nề. Họ cũng có huynh hướng tức giận đối với các điều kiện không khoan nhượng mà các giáo sư Do thái căn cứ trên các tiêu chuẩn của Kinh thánh Cựu ước, đã lên án các tệ nạn và các sai lạc thông thường trong xã hội của dân ngoại bang; vì các đền thờ và thầy tư tế của dân ngoại thường không phiến lòng về những điều như vậy. Vì tất cả những điều đó, đền thờ tại Giê-ru-sa-lem đã được thăm viếng bởi rất nhiều người ngoại bang, là những người dầu không hoàn toàn cải đạo tin theo Do thái giáo và trở thành người Do thái, nhưng lại chia sẻ sâu sắc với niềm tin của Y-sơ-ra-ên, và bởi những người giống như người Ê-thi-ô-pi này vốn khát khao tìm kiếm điều tốt hơn điều mà tôn giáo đa thần của dân ngoại có thể đem đến cho họ.

Nhưng việc người Ê-thi-ô-pi đang đọc một bản sao của sách Ê-sai trên đường trở về nhắc chúng ta rằng trong lời chứng của Do thái giáo cho dân ngoại còn có một yếu tố khác thậm chí còn hiệu quả hơn cả đền thờ. Đó là Kinh thánh của họ. Nơi họ dùng để công bố sứ điệp của Kinh thánh là nhà hội của các cộng đồng Do thái địa phương. Ở nhiều nơi, cộng đồng Do thái có thể nhỏ bé và không thể có được một nhà hội, như tại Phi-líp, tại nơi “người ta nhóm lại dâng cầu nguyện” Phao-lô đã gặp toàn phụ nữ (16:13-14). Nhưng tại những nơi khác, như A-léc-xa-đơ ở Ai cập, thì cộng đồng Do thái lại phát triển lớn mạnh và thịnh vượng. Vào thời Tân ước, dù sống trong cộng đồng lớn hay nhỏ, hầu như người Do thái đã xây dựng nhà hội trên khắp thế giới cổ đại.

Sự tác động của những nhà hội này là rất đáng kể. Chính Công vụ

là lời làm chứng rằng trong số các du khách đến từ Rô-ma tại Lễ Ngũ tuần có nhiều người ngoại bang cải đạo tin vào Do thái giáo (2:10), và trong nhà hội tại Bi-si-đi An-ti-ôt (13:43). Dù ngày nay ý nghĩa chính xác của thuật ngữ “người kính sợ Đức Chúa Trời” và “người thờ phụng Đức Chúa Trời” mà Lu-ca dùng vẫn đang còn trong tranh chấp, thầy đội Cột-nây người La-mã tại thành Sê-sa-rê (10:2), người buôn vải sắc tía Ly-đi tại Phi-líp (16:4), và công dân La-mã Ti-ti-u Giút-tu tại Cô-rinh-tô, tất cả rõ ràng đã tiến đến niềm tin nơi Đức Chúa Trời chân thật của Y-sơ-ra-ên. Thầy đội trong Lu-ca 7:5 thậm chí đã xây dựng cho người Do thái một cái nhà hội trong thị trấn của ông. Tuy nhiên, từ Josephus chúng ta biết rằng trong nửa đầu thế kỷ thứ nhất SC Nữ hoàng Helena của Adiabene và con trai Izates đã cải đạo sang Do thái giáo; và rất có khả năng nhiều thần dân của họ cũng tiếp nhận niềm tin này. Thậm chí có một số bằng chứng rằng Flavius Clement, lãnh sự người La mã vào năm 95 SC và là chú của hoàng đế, cùng với vợ ông, Flavia Domitilla, có thể đã cải đạo sang Do thái giáo.

Vậy thì, không có phần nào của bản tóm tắt của Cơ đốc giáo làm giảm giá trị lời chứng truyền giáo của người Do thái cho dân ngoại, hay là phủ nhận rằng chính niềm tin thật nơi Đức Chúa Trời và Lời của Ngài khiến họ trở thành lực lượng truyền giáo như vậy:

... niềm tin vào tính phổ quát toàn cầu trong tương lai của tôn giáo thật này, sự hiện đến của một thời đại mà “Chúa sẽ là Vua trên đất,” khi “Chúa sẽ là Đấng Duy nhất và danh Ngài là Duy nhất,” đưa đến nỗ lực cải đạo dân ngoại để họ thờ phụng một Đức Chúa Trời chân thật và dẫn họ đến chỗ tin nhận và thuận phục y theo sự mặc khải mà Ngài ban truyền, và khiến Do thái giáo là tôn giáo truyền giáo vĩ đại trong thế giới Địa Trung Hải.

Tuy nhiên, câu chuyện của Phi-líp và người Ê-thi-ô-pi, đã chỉ ra sự khác biệt giữa Cơ đốc giáo và Do thái giáo nằm ở trọng tâm của Cơ đốc giáo và hình thành động lực chủ yếu của phong trào truyền giáo của Cơ đốc giáo. Khi Phi-líp đến gần chiến xa của người Ê-thi-ô-pi, người này đang đọc bản sao sách Ê-sai đến chỗ này: “Người đã bị kéo đi như con chiên đến hàng làm thịt, lại như chiên con câm trước mặt kẻ hót lông, người chẳng mở miệng. Trong khi người hèn hạ thì sự đoán xét Người đã bị cất đi. Còn ai sẽ kể đời của Người? Vì

sự sống Người đã bị rút khỏi đất rồi.” (8:32-33 = Ês. 53:7-8).

Đoạn Kinh thánh này khiến người Ê-thi-ô-pi khó hiểu, và ông vì không biết nên đã hỏi: “Tôi xin hỏi ông, đáng tiên tri đã nói điều đó về ai? Có phải nói về chính mình người chẳng, hay là về người nào khác?” (8:34). Dĩ nhiên Phi-líp đã đáp lại bằng câu trả lời Cơ đốc: “Phi-líp bèn mở miệng, bắt đầu từ chỗ Kinh Thánh đó mà rao giảng Đức Chúa Jêsus cho người” (8:35).

Phi-líp không gặp khó khăn nào trong việc bày tỏ sự thương khó, phiên tòa xét xử và sự đóng đinh của Chúa Jêsus phù hợp thế nào đối với những mô tả này của Ê-sai. Nhưng không thỏa lòng với điều đó, ông đã tiếp tục nói về “tin lành” rằng Chúa Jêsus đã sống lại từ cõi chết. Ông sẽ biện luận, giống như Phi-e-rơ đã biện luận (3:17-18), và Phao-lô cũng đã biện luận (13:27-37), rằng sự phục sinh của Chúa Jêsus không chỉ chứng minh rằng mặc cho sự thương khó và phục sinh của Ngài, Ngài là Đấng Mê-si-a; nhưng chính sự thương khó của Ngài là bằng chứng cho việc Ngài là Đấng Mê-si-a, vì những điều đó làm ứng nghiệm những điều các đáng tiên tri nói về việc Đấng Mê-si-a phải trải qua.

Nếu giải thích của Phi-líp còn xa hơn điều đó nữa, ông đã chỉ đến một đặc điểm của Tin lành vốn chiếm hữu được trí tưởng tượng, trái tim và sau cùng là sự sùng kính tôn thờ của hàng triệu người thuộc mọi quốc gia: công bố của một Đấng Mê-si-a vốn là Vua của Đức Chúa Trời nắm giữ đại quyền nhưng không trả thù, mà trái lại, yêu thương chính kẻ thù của mình và “khi người ta sỉ nhục Ngài, Ngài không đáp trả; khi Ngài chịu thống khổ, Ngài không hề đe dọa”; là vị Vua tự nguyện chịu chết không chỉ cho đồng bào và bằng hữu – dầu Ngài cũng đã chịu chết cho họ – mà còn cho mọi người nam và nữ thuộc mọi quốc gia, cho kẻ thù của Đức Chúa Trời và loài người, và cho chính những người đã đóng đinh Ngài.

Nhưng, chúng ta có thể chắc chắn, Phi-líp sẽ không thỏa lòng nếu chỉ rao giảng cho người Ê-thi-ô-pi này việc Đấng Christ chịu thương khó mà không hề trả thù, dù cho việc này có vinh hiển đến bậc nào. Lu-ca nói rằng ông bắt đầu bằng đoạn Kinh thánh người Ê-thi-ô-pi đang đọc khi gặp ông – vốn là một hành động hợp lý.

Nhưng phỏng đoán cho rằng ông sẽ không tiếp tục giải thích cho người Ê-thi-ô-pi thể nào thượng và hạ văn của Ê-sai 53 áp dụng trên Chúa Jê-sus, như nhiều người vẫn nghĩ, là không hợp lý. Trên căn bản của các câu Kinh thánh này, ông sẽ chỉ ra rằng sự thương khó của Chúa Jê-sus không chỉ là không có mục đích, mà chính là sự thay thế và chuộc tội:

Nhưng người đã vì tội lỗi chúng ta mà bị vết, vì sự gian ác chúng ta mà bị thương. Bởi sự sửa phạt người chịu chúng ta được bình an, bởi lần roi người chúng ta được lành bệnh. Chúng ta thấy đều như chiên đi lạc, ai theo đường nầy; Đức Giê-hô-va đã làm cho tội lỗi của hết thảy chúng ta đều chất trên người. Đức Giê-hô-va lấy làm vừa ý mà làm tổn thương người, và khiến gặp sự đau ốm. Sau khi đã dâng mạng sống người làm tể chuộc tội, người sẽ thấy dòng dõi mình; những ngày người sẽ thêm dài ra... [Bởi] sự thông biết về mình làm cho nhiều người được xưng công bình; và người sẽ gánh lấy tội lỗi họ. (Ês. 53:5-6, 10, 11).

Đây mới thật sự là Tin lành. Các Cơ đốc nhân đầu tiên không hề kém kiên quyết hơn so với thái độ của Do thái giáo đối với sự thánh khiết của Đức Chúa Trời, đối với đòi hỏi trong luật pháp của Ngài, và đối với sự gian ác và xấu xa của tội lỗi loài người; xem hai chương rưỡi đầu tiên trong thư gửi cho người Rô-ma của Phao-lô. Các Cơ đốc nhân đầu tiên cũng đã kiên quyết tương tự cho đến nỗi khi một ai đó được làm hòa với Đức Chúa Trời, được cứu, được tha thứ, và được xưng công bình bởi đức tin trong Chúa Jê-sus, người đó cần áp dụng đạo đức của Đấng Christ chặt chẽ và liên tục cho chính mình. Nhưng không có điều nào trong các điều đó là Tin lành mà bởi đó kẻ thù của Đức Chúa Trời được giải hòa với Ngài, tội nhân được tha thứ, và kẻ vi phạm được xưng công bình.

Hỡi anh em, tôi nhắc lại cho anh em Tin Lành mà tôi đã rao giảng [cho] anh em ... Nhờ đạo ấy, anh em được cứu rồi...

Tôi đã dạy dỗ anh em điều mà chính tôi đã nhận lãnh, ấy là Đấng Christ chịu chết vì tội chúng ta theo lời Kinh Thánh; Ngài đã bị chôn, đến ngày thứ ba, Ngài sống lại, theo lời Kinh Thánh (1 Cô. 15:1-4).

Không chỉ đây là Tin lành: đây là động lực chủ yếu của phong trào truyền giáo của các nhà truyền giáo Cơ đốc. Một lý do rõ ràng cho biết tại sao luật pháp của Đức Chúa Trời và đạo đức Cơ đốc không giục giã nhiều người chúng ta đi ra làm người truyền giáo cho thế giới: chúng ta thiếu hụt tiêu chuẩn và đòi hỏi của hai điều này một

cách khủng khiếp. Tôi là ai mà lại đi đến bảo người khác phải làm người tốt? Thậm chí tôi có đến và nói với họ trong khi tôi vẫn là một tội nhân, Đấng Christ đã chết thay cho tôi và bởi sự chết của Ngài, Ngài mua cho tôi món quà tha thứ và cứu rỗi đời đời – cùng với phần bổ sung là nếu Đấng Christ vì thế mà yêu thương và cứu tôi, Ngài hiển nhiên cũng sẽ cứu bất kỳ người nào ăn năn và tin cậy Ngài.

Do thái giáo ngày nay khó có thể được gọi là một phong trào truyền giáo. Sở dĩ là như vậy, vì chẳng có gì đáng ngờ khi có rất nhiều lý do; nhưng một trong số các lý do đó là: Do Thái Giáo chẳng có Tin lành nào để mà công hiến cho nhân loại. Lời chứng của Do thái giáo cho một Đức Chúa Trời chân thật, và chống đối của nó nghịch lại các hình thức thờ thần tượng trong xã hội hiện đại của chúng ta vẫn còn có giá trị và vẫn cần thiết y như trong thời của Ê-sai. Việc Do Thái Giáo đứng ra bênh vực giá trị của cuộc sống loài người và mối quan tâm đối với đạo đức chung, theo bản chất của chúng, dựa trên luật pháp được mặc khải của Đức Chúa Trời, là hơn cả đáng khen. Nhưng khi đối diện với nan đề cơ bản của loài người, với tội lỗi đích thật vì vi phạm luật pháp của Đức Chúa Trời, thì ngày nay Do Thái Giáo không hề có câu trả lời thỏa đáng. Trong những thế kỷ của quá khứ, Do Thái Giáo vốn có một câu trả lời: đó là hệ thống tế lễ mà Đức Chúa Trời chỉ định cùng với luật pháp của Ngài. Đành rằng đó chỉ là các biểu tượng; nhưng chúng vẫn là điều có giá trị. Nhưng khi đền thờ bị hủy phá chúng đã mất đi những biểu tượng này và không có lẽ thật đầy thuyết phục để đặt vào chỗ của chúng. Sứ điệp làm thỏa mãn người Ê-thi-ô-pi và đem ông đến chỗ tin nhận, thì Do thái giáo chối bỏ; và vì không có nó, Do thái giáo không có sứ điệp về sự giải cứu, không có của lễ chuộc tội, và vì vậy không có Tin lành.

Thế giới Cơ đốc cũng vậy, luôn đối diện với mỗi nguy đánh mất đức tin vào Tin lành, cùng với lòng nhiệt huyết truyền giáo. Nhiều người cảm thấy theo cách nào đó, thế giới hiện đại của chúng ta lại không giống như vậy; rằng Tin lành mà “Đấng Christ chịu chết vì tội chúng ta... [và] đến ngày thứ ba Ngài từ kẻ chết sống lại,” Tin lành đã cứu người Ê-thi-ô-pi và người dân thành Cô-rinh-tô và gây dựng Hội thánh trên khắp thế giới vào thế kỷ thứ nhất sẽ không cứu những

tội nhân hiện đại của chúng ta.

Vì vậy, khi được ban cho cơ hội chỉ ra vấn đề của thế giới, họ lại rao giảng đạo đức Cơ đốc. Họ kêu gọi người chưa được tái sinh đi đấu tranh bảo vệ người nghèo, tin tưởng vào gia đình, tranh đấu cho công lý, và họ quên nói cho những người đó rằng Đấng Christ đã chết cho tội lỗi của họ vì thế chúng ta có thể – như chúng ta cần phải – được cứu, được xưng công bình, và được hòa giải với Đức Chúa Trời. Vì thế thế giới vẫn không biết rằng cần phải có sự cứu rỗi; người cải đạo trở nên hiếm hoi, và Hội thánh ngưng không còn làm công tác truyền giáo. Vậy nên, khi tiến đến mức độ chấm dứt công tác truyền giáo, thì Hội thánh cũng chấm dứt không còn là Cơ đốc nhân.

PHẦN HAI: CHUYỂN ĐỘNG 4

Tin lành của Con Đức Chúa Trời (9:1-31)

Câu chuyện thứ tư cũng là câu chuyện cuối cùng trong Phần Hai là sự trở lại đạo của Sau-lơ người Tạt-sơ. Câu chuyện tiếp tục chủ đề được đề cập trước đó: lời chứng của Do thái giáo cho thế giới ngoại bang. Cuối cùng thì, Sau-lơ người Tạt-sơ, nhà truyền giáo cho dân ngoại vĩ đại nhất của mọi thời đại, lại xuất thân từ Do thái giáo. Mặt khác, trước đó Sau-lơ không phải là một nhà truyền giáo; nhưng chính bởi việc trở lại tin nhận Đấng Christ khiến ông trở nên một nhà truyền giáo. Vì vậy, khi đọc câu chuyện của ông, chúng ta sẽ đối diện với một khác biệt cơ bản nữa giữa Do thái giáo và Cơ đốc giáo.

Sách Công vụ ghi lại ba câu chuyện kể về sự cải đạo của Sau-lơ. Câu chuyện thứ hai (22:3-21) và thứ ba (26:9-23) được kể lại qua lời chứng của Sau-lơ. Câu chuyện thứ nhất là lời kể của Lu-ca, và, ở mức cơ bản nhất, có thể được phân tích thành ba giai đoạn trong một cuộc hành trình:

1. Hành trình đến Đa-mách của Sau-lơ (9:1-9)
2. Sau-lơ tại Đa-mách (9:10-22)
3. Sau-lơ trở về Giê-ru-sa-lem và đi đến Tạt sơ (9:23-30)

Thậm chí tại cấp độ này, rõ ràng sự cải đạo của Sau-lơ không phải là một điều chỉnh nhỏ nhỏ đối với niềm tin trước đây của ông, hay một sự bồi đắp ích lợi cho tín ngưỡng Do thái giáo của ông. Nhưng bao hàm một thay đổi triệt để. Hành trình nguyên thủy đến Đa-mách của ông không bao giờ được hoàn tất. Mục tiêu của nó đã bị hủy bỏ, trở nên một loại hành trình hoàn toàn khác, vốn từng là một người phát động phong trào đầy nhiệt tình, sáng chói; bây giờ Sau-lơ (9:1-2) bị mù và được nắm tay dắt đi, lê chân bước vào thành Đa-mách, ở dưới quyền quản lý mới, chờ đợi chỉ thị.

Chuyến trở lại Giê-ru-sa-lem của ông cũng khác hoàn toàn so với điều ông dự tính. Khi còn là một chàng trai trẻ, ông rời quê hương Tạt-sơ, đến học tại Giê-ru-sa-lem vốn là thủ đô cao cấp của niềm tin

của mình; và tại thời điểm ông cải đạo, ông đang hướng đến Đa-mách để bắt các Cơ đốc nhân dị giáo trở về Giê-ru-sa-lem. Nhánh dị giáo đó nếu chỉ tồn tại trong khuôn khổ Giê-ru-sa-lem thôi cũng đủ tồi tệ rồi; và ông đã cố hết sức để dập tắt nó ở đó. Nhưng để tràn lan ra khắp Giu-đê, Sa-ma-ri, cho đến tận Đa-mách là không thể chấp nhận được. Những người dị giáo này cần phải được đưa về Giê-ru-sa-lem và gánh chịu kỷ luật của Tòa Công luận tại Giê-ru-sa-lem (9:2) trước khi họ bắt đầu ảnh hưởng đến các nhà hội nằm bên ngoài Palestine. Trong mắt ông, và qua nỗ lực của ông, Giê-ru-sa-lem phải là và sẽ là cơ quan chấp hành giáo lý chính thống vì lợi ích của người Do thái trên toàn thế giới.

Nhưng khi trở lại Giê-ru-sa-lem, ông trở thành kẻ trắng tay, bản thân lại là một người “dị giáo” đang bước đi trên “Con đường” chính ông đã từng lên kế hoạch đàn áp (9:2). Hơn nữa, sau một thời gian ngắn ngủi, dưới sự hướng dẫn của Chúa Jê-sus, vì một số hoàn cảnh bất buộc – hầu như ngược lại với mong muốn của chính ông (xem 22:17-21) – ông rời Giê-ru-sa-lem và trở về Tạt-sơ. Giê-ru-sa-lem không bao giờ còn là căn cứ của ông nữa. Tạt-sơ, và sau đó là An-ti-ốt sẽ đảm nhiệm vai trò này khi ông trở thành một nhà truyền giáo cho dân ngoại, là những người vốn không phụ thuộc vào thẩm quyền của Tòa Công luận Giê-ru-sa-lem, và sẽ không bao giờ phải phụ thuộc vào; họ là những người trở sẽ lại tin vào Đức Chúa Trời chân thật của Y-sơ-ra-ên, nhưng sẽ không bao giờ trở thành người Do thái.

Nếu những ảnh hưởng bên ngoài sự cải đạo của Sau-lơ mang vẻ kịch tính, thì trọng tâm lại không kém hơn một cuộc cách mạng: đó là một khái niệm mới và sâu sắc về Đức Chúa Trời. Dĩ nhiên, ngay cả trước khi cải đạo ông là một người tin vào một Đức Chúa Trời chân thật mãnh liệt. Ông không phải là người thờ hình tượng ngoại bang, thậm chí cũng không phải giống như một số thầy cả thượng phẩm thời tiền Maccabean, một người ủng hộ chủ nghĩa hỗn tạp. Ông là một người kế thừa sự mặc khải của Đức Chúa Trời về chính Ngài cho Áp-ra-ham cách trung thành và kiên quyết. Sự mặc khải đó đã đem Áp-ra-ham ra khỏi vòng dân ngoại và khỏi các khái niệm thờ lạy thần linh, và đã khiến ông trở thành người sáng lập dòng dõi Hê-bơ-

ơ. Đức tin vào cùng một Đức Chúa Trời chân thật đó cũng đã khiến Phao-lô trở thành một “người Hê-bơ-rơ, con của người Hê-bơ-rơ” (Phil. 3:5). Nếu dân ngoại bang sẵn sàng từ bỏ các khái niệm xem Đức Chúa Trời như hình tượng của họ, đặt niềm tin nơi Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên, và cải đạo y theo các luật lệ khắc nghiệt của phái Pha-ri-si, ông sẵn sàng chào đón họ như là một thành viên thật sự của Y-sơ-ra-ên. Nhưng ông không sẵn lòng thỏa hiệp.

Ông sẽ không cho phép việc so sánh Gia-vê ngang hàng với thần Zeus của dân Hy Lạp hay thần Ba-anh của dân Sy-ri, chỉ là một danh xưng khác cho cùng một vị thần tối cao ở giữa hết thảy những vị thần khác. Điều làm phật lòng ông hơn mức chịu đựng là những đồng bào Do thái đến nay từ bỏ chủ nghĩa độc thần huy hoàng mà họ được dưỡng dục, mà đem lòng tôn kính dành cho Jê-sus người Na-xa-rét mà xem là ngang bằng với Đức Chúa Trời. Xuất phát từ lòng nóng nảy chân thành đối với sự tôn kính thiêng liêng dành cho danh của Đức Chúa Trời, ông cố hết sức bách hại họ.

Đó chính là bi kịch. Trung thành với điều ông biết về Đức Chúa Trời, ông đã quá tin chắc rằng sự hiểu biết nguyên khối của ông về chủ nghĩa độc thần là tất cả mọi điều cần biết về Đức Chúa Trời đến nỗi vào lúc đầu ông đã không để chính Đức Chúa Trời dạy cho ông biết nhiều hơn; ông đã quá tự tin vào khái niệm của cá nhân ông về Đức Chúa Trời đến nỗi ông sẵn sàng đấu tranh cho khái niệm của ông, chống lại lẽ thật về Đức Chúa Trời. Khi Đức Chúa Trời, Đấng mà ông đặt đức tin vào, hiện thân làm người, ông đã đã man bách hại Ngài và tất cả những người tin Ngài; vì thế ông tỏ ra chính mình không chỉ là một người vô tín, nhưng như sau này ông thú nhận (1 Tim. 1:12-17; Rô. 5:10), ông còn là kẻ thù, người bách hại, kẻ phạm thượng chống lại Đức Chúa Trời. Có ai dám nói rằng sự phạm thượng của ông ít nghiêm trọng hơn sự phạm thượng của dân ngoại theo chủ nghĩa đa thần? Chắc chắn ông không bao giờ quên điều ông đã làm với Đức Chúa Trời nhập thể, với các môn đồ, và các thánh của Ngài (xem 1 Cô. 15:9; Công vụ. 26:9-11; 1 Tim. 1:12-17); điều đó khiến cho ông mãi mãi không mang cảm giác mình vượt trội hơn dân ngoại quanh ông, cũng như những bằng hữu Cơ đốc vốn trước kia là người theo đa thần giáo.

CUỘC GẶP GỠ CỦA SAU-LƠ VỚI CHÚA JÊSUS – CỨU CHÚA PHỤC SINH

Khi ánh sáng từ thiên đàng đột nhiên chiếu rọi chung quanh ông và một giọng nói vang lên, “Hỡi Sau-lơ, Sau-lơ, sao ngươi bắt bớ ta?” (9:4), đầu người đó là ai, theo bản năng ngay lập tức Sau-lơ xung với người phán cùng mình là “Chúa”; vào giây phút bất ngờ ấy, cho dù ý định của ông chính xác mang sắc thái gì, rất nhanh sau đó ông nhận ra rằng Jêsus mà ông đang xung là Chúa theo bản năng kia chính là Chúa theo ý nghĩa cao nhất của từ này.

Đầu tiên là những tích tụ do việc ông bắt bớ Cơ đốc nhân. Những Cơ đốc nhân này đang có thói quen cầu nguyện với Chúa Jêsus, và họ nói về việc cầu nguyện này như là “kêu đến danh của Chúa.” Nhân vật A-na-nia của câu chuyện này chính là một trường hợp điển hình. Cầu nguyện với Jêsus (tham chiếu câu 17, câu 10-16) và gọi Ngài là Chúa, ông nói “Lạy Chúa, tôi có nghe nhiều kẻ nói người này [Sau-lơ] đã làm hại biết bao các đấng thánh của Chúa trong thành Giê-ru-sa-lem. Bây giờ người ở đây, có trọn quyền của các thầy tế lễ cả phó cho, đang bắt trói hết thảy mọi người cầu khẩn đến danh Ngài” (9:13-14). Hơn nữa, như chúng ta được biết từ 9:21, việc các Cơ đốc nhân kêu cầu danh Chúa Jêsus được biết đến rộng rãi giữa vòng người Do thái, thậm chí giữa vòng người Do thái ở Đa-mách. Thật sự đó là một trong những lý do khiến họ bị bắt bớ. Như chúng ta được biết qua Kinh thánh Cựu ước, “kêu đến danh của Chúa” là một lời mô tả dành cho việc cầu nguyện với Đức Chúa Trời. Vì vậy, trong Kinh thánh Cựu ước người Y-sơ-ra-ên không bao giờ kêu đến danh của một vị thiên sứ vì một lý do đơn giản là Y-sơ-ra-ên không được phép cầu nguyện với thiên sứ. Khi dân Y-sơ-ra-ên “kêu đến danh của Ba-anh” thì hành động đó được xem là bội đạo hoàn toàn, vì hành động đặt Ba-anh ở vị trí của Đức Chúa Trời, mà Ê-li đã giết tất cả những người cổ vũ và thực hành điều đó (1 Vua 18:16-46).

Chúng ta có thể vì vậy hiểu được cơn giận của Sau-lơ chống lại các Cơ đốc nhân đầu tiên. Như Pliny người La-mã sau này mô tả, kêu đến danh của Chúa Jêsus là cầu nguyện với Chúa Jêsus giống như cầu nguyện với Đức Chúa Trời. Sau-lơ biết thói quen của họ, xem đó

là phạm thượng, và đang hăng hái xông pha trên đường lên Đa-mách để đàn áp thói quen đó thì một tia sáng đến từ thiên đàng chiếu rọi quanh ông, và một giọng nói gọi ông, theo bản năng ông nhận ra đó là một vị thần, và xưng người nói kia là Chúa – chỉ để nhận ra rằng vị Chúa đó là Jêsus.

Nếu nói rằng trong cái chớp mắt này, toàn bộ khái niệm về Đức Chúa Trời của ông đã được cách mạng hóa là nói giảm nhẹ. Khi Đức Chúa Trời vinh hiển hiện ra cùng Áp-ra-ham, Áp-ra-ham ngay lập tức nhận biết được sự ưu việt vô biên của Đức Chúa Trời chân thật bên trên các khái niệm thấp kém về thần linh của dân ngoại. Bây giờ, khi ánh sáng của hiểu biết về Đức Chúa Trời trên gương mặt Chúa Jêsus chiếu soi chung quanh Sau-lơ, Sau-lơ ngạc nhiên sững sờ cảm nhận rằng sự thật về Đức Chúa Trời hằng sống và chân thật vốn lớn hơn vô tận so với sự thật từng phần được mặc khải về chính Ngài cho các vị tổ phụ và các tiên tri của Y-sơ-ra-ên.

Khi Môi-se khám phá được vì sao bụi gai cháy mãi không tàn, và đứng tại đó chất vấn Chúa, “Danh Ngài là chi?” ông cũng đồng thời khám phá được rằng đối với kích lệ to lớn dành cho ông, Đức Chúa Trời của tổ phụ ông không chỉ đơn giản là một nhân vật xa xôi trong quá khứ, cũng không chỉ là một vị Chúa được tôn cao ở thiên đàng: Ngài đã “ngự xuống” đặng cứu dân sự của Ngài (Xuất. 3:8), và đứng cùng vị trí với họ trong sự thống khổ. Không phải tất cả bách hại mà Pha-ra-ôn ném ra nhằm chống lại họ có thể hủy diệt được họ.

Nhưng với nỗi kinh ngạc đáng kinh sợ Sau-lơ bây giờ nhìn thấy vinh quang không thể dập tắt của Chúa phục sinh và nghe Ngài phán, “Ta là Jêsus mà ngươi đang bắt bớ” (9:5). Sự hiện thấy khiến ông bị mù, về phần thuộc linh nó cũng có thể biến tất cả nhưng hiểu biết khoe khoang trước đây về Đức Chúa Trời trở thành bóng tối mờ ảo. Đức Chúa Trời đã ngự xuống như là một nhà truyền giáo để “tìm và cứu kẻ bị mất” (Lu. 19:10), còn Sau-lơ đã không nhận ra Ngài. Ngài đã sống trên đất này trong thân phận mang tên Jesus, bị thiêu cháy trong ngọn lửa của Gô-gô-tha – mà Sau-lơ thì không nhìn thấy được chút gì trong quang cảnh vĩ đại này. Bây giờ khi đã trở về thiên đàng của Ngài, Ngài vẫn không phân cách nhưng đứng cùng với những tín

hữu, môn đồ, các thánh bị bách hại của Ngài – và tại đây, Sau-lơ, vốn là người được cho là một nhà chính thống vô địch, lại đóng một vai bất khả thi, là Pha-ra-ôn thời hiện đại.

Tấm lòng của người Ê-thi-ô-pi đã bị hấp dẫn bởi sứ điệp của Người Đầy tớ khiêm nhường của Đức Chúa Trời, Đấng đã bị dẫn đi như chiên con đến hàng làm thịt, như chiên cằm trước mặt kẻ hót lông, Đấng vì tội lỗi chúng ta mà bị vết, vì sự gian ác của chúng ta mà bị thương. Nhưng Người Đầy tớ khiêm nhường này chính là Chúa được tôn cao; người Na-xa-rét này chính là Đức Chúa Trời nhập thể. Một chút quang cảnh vinh quang của Ngài bây giờ đã khiến Sau-lơ, kẻ thù của Ngài, hạ mình xuống sát tận đất; lòng thương xót của Ngài đã tha cho ông, và thẩm quyền thiêng liêng của Ngài lệnh cho ông đi đến Đa-mách và đợi ở đó để được chỉ dẫn chi tiết. Sau-lơ người Tạt-sơ đã khám phá tìm ra Đức Chúa Trời theo đúng bản chất thật sự của Ngài.

SAU-LƠ ĐƯỢC CHÚA JÊSUS TIẾP NHẬN VÀ SAI PHÁI

Quả là một công việc nổi bật và đầy ý nghĩa khi chỉ vì muốn bắt giữ Sau-lơ và buộc ông phủ phục quỳ xuống mà đích thân Đấng Christ đã trực tiếp hiện ra cùng ông, không qua bất kỳ trung gian nào; nhưng vì mục đích tiếp nhận ông cách trang trọng, đồ đầy Thánh Linh trên ông, khôi phục thị lực cho ông, và sai phái ông, Đấng Christ đã không trực tiếp hiện ra cùng ông, nhưng Ngài giải quyết các việc này với ông thông qua một người đại diện tên là A-na-nia. Điều đáng được tập trung chú ý hơn nữa là nhằm chuẩn bị cho Sau-lơ tiếp nhận sự xuất hiện của A-na-nia và bảo đảm với ông rằng A-na-nia là người đại diện hợp lệ được Chúa Jêsus chỉ định, Sau-lơ phải được cho thấy một khả tượng khác thêm vào trong kinh nghiệm trên đường đi của ông (9:11-12).

Lý do sử dụng một con người làm đại diện là vì, cũng như trong các trường hợp khác mà chúng ta đã gặp, Sau-lơ cần phải được ban cho một cơ hội để bày tỏ rằng sự ăn năn và đức tin của ông là chân thành. Vào ngày Lễ Ngũ tuần, vốn có rất nhiều người trong đám đông Giê-ru-sa-lem đã công khai kêu la đòi đóng đinh Chúa Jêsus, nên đã bị buộc phải tỏ ra sự ăn năn của họ là chân thành bằng cách công khai

chịu báp têm trong danh Chúa Jêsus và bày tỏ rõ ràng lập trường của họ đối với việc giết hại Ngài (2:38-40). Người Sa-ma-ri phải chứng tỏ rằng họ đã ăn năn việc chối bỏ Lời của Đức Chúa Trời về Giê-ru-sa-lem qua việc thuận phục để cho các sứ đồ đến từ Giê-ru-sa-lem đặt tay (8:14-17). Bấy Giờ Sau-lơ bị buộc phải chờ đợi cho đến khi A-na-nia đến và đặt tay lên mình để được đổ đầy Thánh Linh, được báp têm, phục hồi thị lực, và được sai phái (9:17).

Tại sao phải như vậy? Bởi vì tội xúc phạm cụ thể này là một biểu hiện thù hận của Sau-lơ chống lại Đức Chúa Jêsus. Ông đã là người chống lại các môn đồ của Chúa Jesus bằng cách dọa giết họ (9:1); ông đã gây ra nguy hại lớn đối với các thánh của Chúa Jêsus tại Giê-ru-sa-lem (9:13); ông đã gây phá hoại giữa vòng những kẻ kêu cầu danh Chúa Jêsus (9:21); ông cố ý bắt giam các Cơ đốc nhân ở Đa-mách (9:21).

Nhưng bây giờ ông đã xưng Chúa Jêsus được tôn cao là Chúa. Ông có thật lòng nhìn nhận điều ông tuyên xưng? Đó có phải là sự bày tỏ chân thật của một tấm lòng ăn năn thống hối? Hay đó chỉ đơn thuần là đáp ứng tạm thời ở bề ngoài mà ông nguy tạo, ngược lại với tâm ý của ông do bị khải tượng gây ảnh hưởng không thể khống chế? Làm thế nào quý vị chắc chắn được? Rất đơn giản! Nếu Sau-lơ chân thành tiếp nhận Jêsus là Chúa, là người thuộc về Chúa ông sẽ phải sẵn sàng nhìn nhận những người vốn bị ông khinh bỉ và bắt bớ; là anh em, không chỉ nhìn nhận họ, nhưng tiếp nhận họ, đem mình đặt chung với vị trí của họ cả trong nơi riêng tư lẫn trước công chúng.

A-na-nia, người được Chúa dùng như đại diện của Ngài trong hoàn cảnh này, không phải là một sứ đồ. Theo như chúng ta biết, ông không giữ chức vụ cao nào trong Hội thánh. Ông là một tín hữu “bình thường,” trước đây chưa bao giờ được nhắc đến trong Kinh thánh, và chỉ được nhắc đến một lần sau đó (22:12). Trong tay ông không có phép thuật nào. Nhưng khi ông đặt tay trên người xưa kia từng bách hại kẻ bị khinh miệt người Na-xa-rét, cử chỉ của ông bày tỏ sự chân thật trong lời nói của ông: “Hỡi anh Sau-lơ!” (9:17). Điều ông nói sau đó đã chỉ ra thế nào mối liên hệ mới mẻ này được hình thành, và lực lượng trọng yếu của nó là gì: “Chúa là Jêsus này, đã hiện ra cùng anh

trên con đường anh đi tới đây, đã sai tôi đến, hầu cho anh được sáng mắt lại và đầy Đức Thánh Linh” (9:17).

Vậy thì đây là một nguyên tắc cơ bản của sự cải đạo chân thật. Quý vị có thể bước đến với đức tin cứu rỗi trong Đấng Christ, như Sau-lô đã làm, hoàn toàn bởi tự bản thân quý vị qua sự tiếp nhận Chúa Jêsus là Chúa cách cá nhân. Nhưng nếu đức tin đó chân thành, nó sẽ dẫn đến việc chấp nhận những người thuộc về Chúa Jêsus.

Tôi có thể bị thu hút bởi chim chóc mà không cần phải đi đến gần cộng đồng quan sát chim chóc địa phương. Thật sự, tôi có thể từ chối không có bất cứ việc gì liên quan đến các thành viên của cộng đồng này, mà bản thân vẫn là một người quan sát chim chóc giỏi giang. Nhưng tôi không thể tiếp nhận Đấng Christ cách chân thành mà lại khước từ không có bất cứ việc gì liên quan đến những người thuộc về Ngài. Họ là môn đồ của Ngài, là các thánh của Ngài, họ kêu cầu danh Ngài; khi ban Thánh Linh cho từng người tiếp nhận Ngài, Ngài kết hiệp hết thảy họ thành một thân thể (tham khảo 1 Cô. 1:2; 12:13). Tôi không thể nhận lãnh Thánh Linh này mà lại từ chối trở thành thành viên của thân thể này. Tôi không thể tuyên bố yêu mến Chúa Jêsus mà từ chối yêu thương các thánh của Ngài. Tôi không thể tuyên bố đứng cùng với Ngài và từ chối đứng cùng với những người thuộc về Ngài.

Một chứng cứ khác về sự cải đạo chân thành của Sau-lô là đáp ứng của ông đối với sự sai phái của Chúa Jêsus. Trước khi được sai phái ông “đã tin rằng nên dùng đủ mọi cách mà chống lại danh Jêsus ở Na-xa-rét” (26:9). Bây giờ khi bị mù và nằm dài trong một căn phòng tại Đa-mách, A-na-nia đem đến cho ông sứ mạng từ Chúa Jêsus: ông phải đem danh Chúa Jêsus đồn ra trước mặt các dân ngoại, các vua, và con cái Y-sơ-ra-ên; ông sẽ phải chịu đau đớn vì danh ấy là bao nả. (9:15-16), Lu-ca nói “Người liền giảng dạy trong các nhà hội rằng Đức Chúa Jêsus là Con Đức Chúa Trời.” (9:20), và chứng minh rằng “Đức Chúa Jêsus là Đấng Christ” (9:22).

Dĩ nhiên, chúng ta có thể nói rằng trường hợp của Sau-lô là trường hợp đặc biệt. Đúng như vậy, vì ông là một sứ đồ. Nhưng những điều áp dụng cho ông ở địa vị được tôn quý của ông cũng áp dụng cho hết

thầy chúng ta: không có sự cải đạo nào (từng) xảy ra trừ khi cá nhân liên quan đó sẵn sàng ngay lập tức xưng nhận thân tánh hoàn toàn của Chúa Jêsus. Chúng ta đều biết rất nhiều người cần một thời gian dài để tiến đến chỗ hoàn toàn đặt đức tin vào Chúa Jêsus; giống như người mù trong câu chuyện nổi tiếng của Giăng (Giăng 9), họ bắt đầu bằng cách tin vào điều gì đó trước khi họ cuối cùng tin vào mọi điều. Nhưng không có ai cải đạo hoàn toàn và chân thành, không có ai là một Cơ đốc nhân chân thật, cho đến khi anh ta hay cô ta tin và sẵn sàng xưng nhận thân tánh hoàn toàn của Chúa Jêsus. Nếu Chúa Jêsus không phải là Đức Chúa Trời nhập thể, thì Ngài không có sự cứu rỗi để ban cho chúng ta. Đạo đức, đúng vậy, và gương sáng và sự khuyên dạy cổ vũ – tất cả đều rất cao quý. Nhưng không có sự cứu rỗi. Nếu Ngài chỉ đơn thuần là Đầy tớ chịu thương khó của Đức Chúa Trời, nhưng không phải là Con Đức Chúa Trời, thì sự chết của Ngài không chuộc được tội của chúng ta, Ngài cũng không thể ban Thánh Linh cho bất cứ người nào, cũng không hiệp nhất hàng triệu triệu tín hữu đến với Ngài.

Cuối cùng, Sau-lơ không chỉ sẵn sàng công khai xưng nhận thân tánh của Chúa Jêsus, nhưng còn chịu khổ vì sự xưng nhận này. Cơ hội không lâu sau sẽ đến; khi cơ hội đến, nó không phát sinh trong một bối cảnh trần tục mà trong một bối cảnh thần học và sùng kính. Rất thường như vậy. Nhưng cho đến ngày nay sự sẵn sàng chịu khổ cho Danh ấy là một dấu hiệu không thể thiếu của sự cải đạo chân thành.

SAU-LƠ LÁNH KHỎI ĐA-MÁCH, TRỞ VỀ GIÊ-RU-SA-LEM, RỒI ĐI ĐẾN TẠT-SƠ

Bấy giờ Lu-ca tường thuật vắn tắt yếu tố thứ ba trong tiến trình khiến Sau-lơ “người Hê-bơ-rơ, con của người Hê-bơ-rơ” trở thành một sứ đồ cho dân ngoại. Đó chính là do đồng bào Do thái của ông khước từ sứ điệp của ông và bách hại ông.

Trên đường trở về Giê-ru-sa-lem, đầu tiên ông bị các Cơ đốc nhân nghi ngờ, sợ rằng ông không thật lòng cải đạo (9:26). Nhưng cần phải cảm ơn tâm tình phục vụ của Ba-na-ba đã thuyết phục họ dần dần tiếp nhận ông; và ông chứng minh sự chân thành của mình qua việc

không sợ sệt mà công khai làm chứng trong danh Chúa Jê-sus. Hơn nữa, khi kẻ cầm đầu phong trào chống lại Cơ đốc nhân giờ đã cải đạo, thì Hội thánh tại Giu-đê, Ga-li-lê, và Sa-ma-ri được bình an, và bắt đầu phát triển cả về phương diện thuộc linh lẫn về số lượng (9:31). Phóng theo tường thuật của cá nhân ông (22:17-21), thì ông sẽ rất vui mừng ở lại Giê-ru-sa-lem; và khi Chúa Jê-sus hiện ra cùng ông trong một khải tượng tại đền thờ và bảo ông rằng người Do thái tại Giê-ru-sa-lem sẽ không nghe ông, và vì vậy, ông cần phải rời khỏi Giê-ru-sa-lem và đem Tin lành đến cho dân ngoại, thì ông đã phản đối. Ông đã quá sốt sắng cho đức tin của Y-sơ-ra-ên, năng nổ hơn bất cứ người nào hoặc là hết thầy bọn họ trong việc chống đối Cơ đốc giáo. Nếu bây giờ ông có một sự mặc khải cá nhân từ Đức Chúa Trời, họ sẽ không lắng nghe ông sao? Ít nhất cũng tôn trọng ông chứ? Nhưng không, điều đó chẳng ích lợi gì cả. Bị buộc phải chạy trốn khỏi người Do thái ở Đa-mách để bảo toàn mạng sống (9:23-25), y như vậy, ông đã rất nhanh chóng bị buộc phải chạy trốn khỏi người Do thái mang ảnh hưởng của văn hóa Hy Lạp tại Giê-ru-sa-lem (9:29-30).

Đó là một khuôn mẫu lặp đi lặp lại nhiều lần; và nó sẽ gây ra cho ông chuỗi phiền muộn không dứt (Rô. 9:1-2). Nhưng trong thực tế, một số người Do thái tại Đa-mách, tại Giê-ru-sa-lem, và ở khắp mọi nơi trên thế giới đã đến tin nhận Jê-sus là Chúa, ông nhận ra lời tuyên hứa của Đức Chúa Trời rằng Ngài sẽ không chối bỏ dân sự mà Ngài biết từ trước. Đến một ngày, hết thầy Y-sơ-ra-ên sẽ được cứu. Đồng thời, trong sự khôn ngoan của Đức Chúa Trời, việc người Do thái chối bỏ Tin lành sẽ ảnh hưởng đến tốc độ đem sứ điệp của Tin lành truyền rao cho dân ngoại; và việc cải đạo của hàng triệu dân ngoại bang, không phải trở về cùng một vị thần xa xưa nào, nhưng trở về với Đức Chúa Trời của Áp-ra-ham, Y-sác, và Gia-cốp là Đấng cuối cùng đã phán qua Con Ngài, cuối cùng sẽ khiêu khích khiến Y-sơ-ra-ên ghen tương cách lành mạnh và ăn năn quay trở về. Những cái vảy sẽ rơi khỏi mắt họ giống như đã từng rơi khỏi mắt Sau-lơ. Họ cũng sẽ nhìn thấy Chúa Jê-sus và được cứu (Rô. 11:1-31).

Tuy nhiên, được dạy dỗ từ chính kinh nghiệm của bản thân, ông nhìn thấy rõ ràng điều gì xảy ra nếu Y-sơ-ra-ên được cứu. Theo một chừng mực nhất định, chính ông đã luôn là một người tin nơi Đức Chúa Trời, và một người trung thành với niềm tin đó (23:1); nhưng

nếu Chúa Jêsus Christ là Đức Chúa Trời nhập thể, thì có một vài năm ông từng là một người vô tín, một người chối bỏ không chịu vâng phục Đức Chúa Trời. Sự cải đạo đối với ông đã từng mang ý nghĩa trước hết là khám phá ra rằng ông không phải là người tin nhận Đức Chúa Trời như là ông vốn nghĩ. Điều tương tự cũng sẽ xảy ra với dân tộc của ông.

Giải thích chiến lược của Đức Chúa Trời đối với kết quả đảo ngược vào thời điểm cuối cùng trên dân tộc Y-sơ-ra-ên mà ông yêu thương, ông đã viết cho các Cơ đốc nhân ngoại bang tại Rô-ma như sau: “Lại như khi trước anh em đã nghịch cùng Đức Chúa Trời, mà bây giờ được thương xót bởi sự nghịch của họ, thì cũng một thể ấy, bây giờ họ đã nghịch, hầu cho cũng được thương xót bởi sự thương xót đã tỏ ra với anh em” (Rô. 11:30-32). Từ ngữ ông sử dụng cho hành động không thuận phục không mang ý nghĩa không tuân theo các điều răn mà mang nghĩa từ chối không vâng phục trong đức tin. Khi ông nhắc nhở dân ngoại rằng họ đã từng không vâng phục, là ông đang nghĩ đến điều ông nói trước đó (Rô. 1:18-28), rằng Đức Chúa Trời đầu tiên bày tỏ chính Ngài cho các dân tộc nhưng họ không thích điều họ nhìn thấy về Đức Chúa Trời và từ chối tiếp nhận hoặc tin vào điều ấy. Bây giờ Đức Chúa Trời qua Đức Chúa Jêsus bày tỏ về Ngài nhiều hơn, và lần này người Do thái không thích điều này và từ chối không tiếp nhận hay tin vào điều này. Đó là một thảm họa; nhưng Đức Chúa Trời vẫn quyết tâm biến điều đó trở nên một cái kết tốt đẹp. Phao-lô kết luận, “Vì Đức Chúa Trời đã nhốt mọi người trong sự bịt mắt, đặng thương xót hết thảy” (Rô. 11:32). Bước đầu tiên không thể tách rời để đến với đức tin, và nhân đó đến với sự cứu rỗi, là khám phá ra rằng ta vốn là một kẻ vô tín. Đối với những người sùng đạo, điều này có thể rất khó khăn. Đối với Sau-lơ người Tạt-sơ cũng vậy. Trong vài năm ông đã đấu tranh chống đối không chịu thừa nhận điều đó; nhưng trên đường đến Đa-mách ông đã chịu khuất phục, và xưng nhận điều đó với tất cả đức tin chân thành nơi Đức Chúa Trời với một ý nghĩa duy nhất thật sự quan trọng mà ông đã chưa bao giờ từng tin. Trong khoảnh khắc đó ông tìm thấy đức tin, lòng thương xót, và sự cứu rỗi. Điều này cũng áp dụng cho hết thảy chúng ta, dù là dân ngoại bang, người Do thái, hay người mang danh tín hữu Cơ đốc (1 Tim. 1:12-16).

PHẦN BA

Lý Thuyết Và Thực Hành Cơ Đốc Về Sự Nền Thánh (9:32-12:24)

Quan sát sơ bộ

Dàn ý Phần Ba

Chuyển động 1: Tin Lành xuất phát từ Xã hội Do Thái Biệt lập.

Chuyển động 2: Tin lành được tự do khỏi sự thao túng của Trung tâm hành chính & Chính trị của Giáo quyền Do thái (11:19-12:24).

PHẦN BA: Lý thuyết và Thực hành Cơ Đốc về Sự Nên Thánh

Quan sát sơ bộ

Bây giờ chúng ta tiến đến nguyên nhân chính yếu thứ ba gây nên sự phân rẽ đường hướng giữa Cơ đốc giáo và Do thái giáo. Điều này xảy ra ở lĩnh vực tổng quát mà chúng ta có thể sử dụng từ ngữ mang nghĩa rộng để gọi, ấy là lý thuyết và thực hành của sự nên thánh. Đó là một vai trường hợp xảy ra do tiến bộ đáng kể được tạo ra trong quãng thời gian này qua việc Tin lành phát tán ra cho dân ngoại.

Dĩ nhiên đây là một phần trong sự sai phái của Chúa Jêsus đối với các môn đồ của Ngài ngay từ lúc bắt đầu, rằng họ sẽ là những chứng nhân của Ngài cho đến tận cùng trái đất (1:8) và rằng họ phải môn đồ hóa muôn dân (Mat. 28:19). Nhưng cho đến tận lúc này rất ít sự việc được thực hiện theo hướng này; và tại giai đoạn này họ bắt đầu đối diện với trách nhiệm, họ phải đối mặt với một số chương ngại cổ xưa nhất định vốn cần phải vượt qua và quét sạch.

Câu chuyện được kể trong hai chuyện động. Chuyện động 1 (9:32-11:18) liên quan đến tất cả thông qua một hành trình truyền giáo và sứ mạng chân bầy do Phi-e-rơ thực hiện trải từ Giê-ru-sa-lem đến Ly-đa, Gióp-bê, Sê-sa-rê rồi trở lại Giê-ru-sa-lem (9:32, 38; 10:1, 24; 11: 2). Bao gồm hai cặp câu chuyện. Việc Phi-e-rơ viếng thăm Ly-đa và Gióp-bê hình thành một cặp câu chuyện; chuyên viếng thăm của ông đến Sê-sa-rê, và phần tiếp theo tại Giê-ru-sa-lem. Tuy nhiên, chuyên động tập trung mạnh mẽ tiến về phía trước mà Cơ đốc giáo đã thực hiện được khi Phi-e-rơ đem Tin lành đến cho Cọt-nây tại Sê-sa-rê.

Cọt-nây vốn là một người ngoại bang, gia đình ông và bầy hữu của ông cũng vậy. Nếu đê Phi-e-rơ chủ động, ông sẽ không bao giờ viếng thăm nhà của Cọt-nây và ăn uống cùng ông ta, thậm chí cũng không có chủ ý đem ông ta đến với niềm tin trong Đấng Christ. Theo truyền thống và niềm tin của ông, đó là vi phạm luật lệ trong Kinh thánh Cựu ước về sự nên thánh. Nếu quý vị cho phép, sự nên thánh là một chương ngại vật chống lại việc Tin lành được lan truyền ra!

PHẦN BA: LÝ THUYẾT VÀ THỰC HÀNH CƠ ĐỐC VỀ SỰ THÁNH KHIẾT (9:32-12:24)

<p>CHUYỂN ĐỘNG 1: TIN LÀNH PHÁT XUẤT TỪ XÃ HỘI DO THÁI BIỆT LẬP (9:32-11:18)</p>	<p>CHUYỂN ĐỘNG 2: TIN LÀNH TỰ DO KHỎI SỰ THAO TÚNG CỦA TRUNG TÂM HÀNH CHÍNH & CHÍNH TRỊ CỦA GIÁO QUYỀN DO THÁI (11:19-12:24)</p>
<p>1. Ê-NÊ (9-32-35) Phi-e-rơ đi khắp các xứ (9:32) Các thành đồ (9:32) Người bại được chữa lành, hết thầy mọi người ở Ly-đa và Sa-rôn trở lại cùng Chúa Jê-sus</p> <p>2. ĐÔ-CA (9:36-43) Công tác xã hội: quần áo cho các góa phụ</p> <p>3. PHI-E-RƠ và CỘT-NÂY (10:1-48) Chấm dứt sự chia rẽ về tôn giáo và xã hội giữa người Do thái và dân ngoại Sự cầu nguyện: Cột-nây (10:4) và Phi-e-rơ (10:9) Sự hiện thấy; thiên sứ (10:3, 16) Phi-e-rơ: “[bây giờ] ta biết...” (10:34)</p> <p>4. PHI-E-RƠ: KẾT QUẢ (11:1-18) “Có người tín đồ vốn chịu phép cắt bì trách móc người...” (11:2) “Tín đồ nghe bấy nhiêu lời xong, đều thỏa thuận và ngợi khen Đức Chúa Trời...” (11:18)</p>	<p>5. AN-TI-ỐT 1 (11:19-26) Môn đồ tan lạc và đi các nơi (11:19) Môn đồ được gọi là Cơ đốc nhân (11:26) “Có một vài người què ở Chip-rơ... giảng dạy [Tin lành] cho người Gờ-réc nữa, ... số người tin và trở lại cùng Chúa rất nhiều” (11: 20-21)</p> <p>6. AN-TI-ỐT 2 (11:27-30) Công tác xã hội: cứu trợ nạn đói</p> <p>7. HÊ-RỐT VÀ PHI-E-RƠ (12:1-19) Kỳ thị về mặt chính trị vì lý do tôn giáo Sự cầu nguyện: của toàn Hội thánh (12:5) Sự hiện thấy? Thiên sứ! (12:7-9) Phi-e-rơ: “Bây giờ ta nhận biết [không chút nghi ngờ]...” (12:11)</p> <p>8. HÊ-RỐT: HẬU QUẢ (12: 20-24) Hê-rốt “[cãi và với] dân thành Ty-rơ và dân thành Si-đôn” (12:20) Hê-rốt “truyền phán giữa công chúng... có thiên sứ của Chúa đánh vua Hê-rốt, bởi cố chẳng nhường sự vinh hiển cho Đức Chúa Trời” (12:21-23)</p>

Vì vậy, trong sự phát triển của Cơ đốc giáo tại giai đoạn này, chính Đức Chúa Trời đã trực tiếp can thiệp để dạy dỗ Phi-e-rơ rằng căn bản và thực hành của sự nên thánh trong Cơ đốc giáo sẽ rất khác với căn bản và thực hành của sự nên thánh từng có trong Do thái giáo.

Là một Cơ đốc nhân, ông có tự do để hòa lẫn với dân ngoại trong giao tế xã hội và ăn uống với họ; và ông phải sẵn sàng làm như vậy

để đem Tin lành đến cho họ. Phi-e-rơ vâng lời và lên đường. Khi ông vào nhà Cọt-nây, Cơ đốc giáo đã bước một bước tiến vĩ đại từ Do thái giáo sang Cơ đốc giáo toàn diện. Rào cản cũ kỹ kéo dài nhiều thế kỷ, bức tường ngăn cách thù địch giữa người Do thái và dân ngoại đã bị xói mòn bởi thập tự giá, đã bị phá dỡ. Hòa bình và sự hiệp nhất mới mẻ trong Đấng Chrsit được đặt vào đúng vị trí của nó (Êph. 2:14).

Chuyển động 2 cũng giống chuyển động 1, đều có hai cặp câu chuyện. Một cặp được ưu tiên dành cho việc thiết lập Hội thánh tại An-ti-ốt và các vấn đề của Hội thánh này (11:19-26 và 27-30); cặp kia dành cho việc Hê-rốt A-t-ríp-ba bắt giam Phi-e-rơ và phân tiếp theo đó (12:1-19 và 20-24). Chủ đề thống nhất trong hai phần này là sự bách hại và mối liên hệ của nó với sự phát tán Tin lành.

Cặp câu chuyện đầu tiên kể về việc dù hoàn toàn vô tình, thế nào sự bách hại đã giúp Tin lành phát tán. Nó thô bạo chấm dứt tất cả các phương cách mà các Cơ đốc nhân đầu tiên có thể có nhằm ở lại tại Giê-ru-sa-lem và Giu-đê, và ném họ ra ngoài thế giới ngoại bang rộng lớn. Nó cũng chủ động điều khiển hiệu quả việc điều hành mục vụ dành cho dân ngoại vốn nằm ngoài tầm tay của Hội thánh tại Giê-ru-sa-lem. Vì thế nó đảm bảo rằng khi Tin lành đến với người ngoại, nó không được đem đến bởi những người ở dưới sự bảo hộ và hướng dẫn của một tổ chức Do thái có trụ sở tại Giê-ru-sa-lem; và vì thế, khi Hội thánh chủ yếu là dân ngoại đầu tiên được thiết lập ở một quốc gia ngoại bang, dù là trong những ngày đầu, Hội thánh cũng không ở dưới sự kiểm soát hành chính của một quốc gia ngoại bang.

Cũng giống như vậy, cặp câu chuyện thứ hai trong Chuyển động 2 giải quyết vấn đề bất bớ bách hại. Xảy ra do Hê-rốt A-t-ríp-ba đệ nhất bị ảnh hưởng bởi tư tưởng của những người sử dụng tôn giáo như là một công cụ hỗ trợ chính trị xưa cũ, cho rằng nhà nước có nhiệm vụ kiểm soát niềm tin tôn giáo của mọi người và có quyền đàn áp những tôn giáo thiểu số để hỗ trợ và cố gắng chiếm được thiện ý của tôn giáo của số đông. Trong câu chuyện này, Hê-rốt được khích lệ từ phía người Do thái, là dân tộc mà Kinh thánh Cựu ước đòi hỏi các lãnh đạo tôn giáo trong Y-sơ-ra-ên kêu gọi thế lực dân sự đàn áp dị giáo. Tường thuật này cho biết thế nào Đức Chúa Trời đã can thiệp

để bày tỏ rằng Ngài không tán đồng với những người sử dụng tôn giáo như là một công cụ hỗ trợ chính trị, và Ngài đã giải phóng dân sự của Ngài khỏi những người đó. Chủ trương sử dụng tôn giáo như một công cụ hỗ trợ chính trị không còn là một phương tiện thích hợp cho Y-sơ-ra-ên để củng cố điều có vẻ như là chính thống và nhằm gìn giữ sự thuần túy trong tôn giáo.

Cuối cùng, cho thấy đây là một hình thức xuyên tạc về sự nên thánh. Khi nhận thấy rằng chủ đề chính của phần này là sự tương phản giữa lý thuyết và thực hành về sự nên thánh của Do thái giáo và Cơ đốc giáo, chúng ta cũng phải lưu ý đến điểm nhấn mạnh được đặt trên một đặc điểm mà cả người Do thái và Cơ đốc nhân đều có điểm chung: tầm quan trọng của việc lành.

Không cần phải nói điều gì để công khai truyền thống vĩ đại và tràn đầy tình cảm của Do thái giáo trong việc bố thí và làm việc lành: danh tiếng của nó được toàn thế giới biết đến. Có lẽ có một vài điều cần được nhắc đến để nhắc nhở Cơ đốc nhân rằng Cơ đốc giáo chân thật nhấn mạnh tương tự trên nghĩa vụ làm việc lành.

Tại 9:36 chúng ta được cho biết về một phụ nữ được gọi là Đô-ca luôn làm lành và giúp đỡ người nghèo. Công việc đặc biệt của bà là may áo xống cho các góa phụ. Cũng vậy, như chúng ta được cho biết (10:2, 4), người ngoại bang tên là Cọt-nây đã rộng rãi bố thí cho người nghèo và ở trước mặt Đức Chúa Trời những món quà của ông tặng cho người nghèo trở thành điều khiến Ngài nhớ đến ông. Hay xem xét mô tả về Chúa Jê-sus, là Đấng làm việc lành tối cao trong đoạn mở đầu bài giảng của Phi-e-rơ trong nhà Cọt-nây: “các người biết... thế nào Đức Chúa Trời đã xúc cho Đức Chúa Jê-sus ở Na-xa-rét bằng Đức Thánh Linh và quyền phép, rồi Ngài đi từ nơi nọ qua chỗ kia làm phước và chữa lành...” (10:37-38). Lại một lần nữa, tại 11:27-30, chúng ta được cho biết thế nào Hội thánh An-ti-ốt vừa mới thành lập đã gửi tiền cứu trợ đến cho các Cơ đốc nhân chịu đói kém tại Giu-đê.

Sự nên thánh không đơn thuần là một thái độ tiêu cực chỉ liên quan đến việc không làm điều xấu và không đụng chạm đến những đồ vật ô uế, mặc dầu dĩ nhiên là vậy, giống như một nhà phẫu thuật và

vi khuẩn, một thái độ cực kỳ tiêu cực đối với sự ô uế là cực kỳ lành mạnh. Nhưng sự nên thánh cũng mang tính tích cực khi nó đóng vai trò làm nên thánh cho Đức Chúa Trời và các công việc liên quan đến việc thờ phượng và hầu việc Ngài, và trong thái độ hết lòng phục vụ người khác.

Bây giờ, một bảng nội dung được lựa chọn ngắn gọn sẽ giúp chúng ta nhìn thấy thế nào các câu chuyện chính trong cả hai chuyển động có liên hệ với nhau và với Phần Ba như một tổng thể (xem trang 152).

Chúng ta quan sát thấy rằng trong suốt phần này, ở phần xung nhận cá nhân, Phi-e-rơ học được không phải một mà là hai bài học quan trọng, và khi ông bày tỏ đó là điều gì, ông giới thiệu chúng bằng ngôn ngữ gần như giống hệt nhau. Bài học đầu ở trong câu chuyện thứ 3 ở 10:34, “Quả thật [tiếng Hy Lạp. ep’ aletheias], ta biết Đức Chúa Trời chẳng hề vị nể ai” (Bản NIV: [Ta bây giờ nhận ra quả thật] Đức Chúa Trời chẳng hề vị nể ai). Bài học thứ hai xảy ra trong Câu chuyện thứ 7 ở 12:11. “Bây giờ ta nhận biết thật [tiếng Hy Lạp. ep’ aletheias] Đức Chúa Trời đã sai thiên sứ Ngài giải cứu ta ra khỏi tay Hê-rốt cùng khỏi điều dân Giu-đa đang mong đợi”. Sự tương đồng trong ngôn ngữ và vị trí trùng hợp của hai câu chuyện trong cấu trúc của tường thuật khiến chúng ta có mong muốn so sánh hai câu chuyện cách vô cùng chặt chẽ và cẩn thận. Bài học thứ nhất nổi tiếng và có những bài học áp dụng rõ ràng và liên tục cho sự phát triển của Cơ đốc giáo và cho việc truyền giáo cho thế giới. Câu hỏi đặt ra là: “Câu chuyện thứ hai có quan trọng giống như vậy, và có bài học áp dụng liên tục tương tự cho chúng ta? Hay câu chuyện cụ thể đó bây giờ chỉ mang tính thu hút về mặt lịch sử mà thôi?”

Chúng ta cũng nên lưu ý việc sử dụng từ ngữ tương tự giữa câu chuyện thứ 4 và thứ 8. Câu chuyện thứ 4 thuật rằng các bầy hũ Cơ đốc của Phi-e-rơ tại Giê-ru-sa-lem cuối cùng đã “[đồng] thỏa thuận và ngợi khen Đức Chúa Trời” (11:18). Câu chuyện thứ 8 kể thế nào Hê-rốt phát biểu một bài diễn văn trước công chúng, không dâng vinh hiển cho Đức Chúa Trời và bị đánh chết bởi một thiên sứ gây họa của ông (12:21-23). Sự tương phản rất sinh động. Dĩ nhiên, nó

có thể đơn thuần chỉ thuộc về mức độ từ ngữ hoàn toàn hời hợt; mặt khác, nó có thể đáng để xem xét có mối liên hệ sâu sắc hơn giữa hai câu chuyện này hay không.

Không chỉ vị trí của chúng nhưng chức năng của chúng, tại bên trong chuyển động riêng biệt của hai câu chuyện, cũng đều giống nhau. Câu chuyện thứ 4, thắc mắc của các bằng hữu Do thái tại Giê-ru-sa-lem về việc Phi-e-rơ viếng thăm Cọt-nây là kết quả tất yếu đối với chuyến viếng thăm đó, là một kết quả tự nhiên đối với chuyến viếng thăm này như được kể trong câu chuyện thứ 3. Câu chuyện thứ 8 về cái chết của Hê-rốt cũng tương tự như vậy, là một kết quả theo sau của câu chuyện thứ 7 nói về việc Hê-rốt bách hại Hội thánh Giê-ru-sa-lem. Cả hai hậu quả đều kết thúc bằng giai điệu chiến thắng: Câu chuyện thứ 4 thông báo sự rút lui cuối cùng của Hội thánh Giê-ru-sa-lem, không còn chống đối việc đem Tin lành rao cho dân ngoại; và câu chuyện thứ 8 công bố cái chết của kẻ bách hại Hội thánh Giê-ru-sa-lem, bởi vậy, là chấm hết cho sự chống đối này.

Dĩ nhiên, cả hai kết quả cung cấp một cao trào tự nhiên cho chuyển động của nó. Chuyển động 1 bắt đầu với việc kể về những chuyến đi của Phi-e-rơ qua nhiều nơi; Câu chuyện thứ 4 đem những chuyến đi này đến chỗ kết thúc thắng lợi bởi việc Phi-e-rơ quay trở lại căn cứ Giê-ru-sa-lem. Chuyển động 2 bắt đầu bằng việc đề cập đến sự bách hại xảy ra tại Giê-ru-sa-lem và Giu-đê bởi sự kiện liên quan đến Ê-tiên và ảnh hưởng của nó trên Hội thánh Giê-ru-sa-lem. Chuyển động này tiếp tục với việc Hê-rốt điều động khiến cho cuộc bách hại Hội thánh Giê-ru-sa-lem leo thang. Câu chuyện thứ 8 kết thúc tất cả các bách hại tại thời điểm này qua việc Đức Chúa Trời giáng cái chết ô nhục xuống trên kẻ chủ mưu cuộc bách hại. Tuy nhiên, câu hỏi còn lại là phải chăng câu chuyện thứ 4 và thứ 8 có mối liên hệ về chủ đề; về sau chúng ta cần phải điều tra khám phá điều này.

Dĩ nhiên tất cả các câu chuyện của Lu-ca đều thú vị và chứa đựng nhiều thông tin. Nhưng chúng ta có thể được miễn thứ nếu ngay từ cái nhìn đầu tiên một vài câu chuyện này có vẻ như quan trọng hơn một số câu chuyện khác, và phân lượng dành cho chúng cũng có chút kỳ lạ. Nhưng tư liệu được lựa chọn và sắp xếp cân trọng của Lu-ca

trong Phần Ba gợi ý rằng trong suy nghĩ của ông, ít nhất, kỹ thuật của ông không phải là một bộ sưu tập không đồng đều về những chi tiết quá quan trọng, quá ít quan trọng và không hề quan trọng. Mỗi chương mục đều được chọn lựa và sắp xếp để góp phần cần thiết của nó vào trong sứ điệp tổng thể.

PHẦN BA: CHUYỂN ĐỘNG 1

Tin lành xuất phát từ xã hội Do thái biệt lập (9:32-11:18)

Bản thân chuyển động chủ yếu đầu tiên của Phần Ba liên quan đến các chuyến đi của Phi-e-rơ. Có thể điểm đáng được đề cập đến theo Công vụ là Phi-e-rơ cũng đã thực hiện các chuyến đi: Phao-lô không phải là người duy nhất thực hiện điều này (tham chiếu 1 Cô. 9:5). Trên thực tế, các chuyến đi của ông đem ông đến chỗ khiến ông đối mặt với thế giới của dân ngoại và được Đức Chúa Trời trang trọng, chính thức sử dụng để mở đường cho Tin lành Cơ đốc được đem đến cho dân ngoại. Chuyến viếng thăm Cọt-nây của ông có thể không phải là chuyến viếng thăm đầu tiên của một Cơ đốc nhân Do thái đối với một người ngoại bang. Không phải là ý này. Nguyên nhân chính yếu là việc Phi-e-rơ viếng thăm Cọt-nây rõ ràng đã dấy lên những lý thuyết và nguyên tắc Thánh kinh liên quan đến những cuộc viếng thăm như vậy, và giải quyết vấn đề này ở mức độ cao nhất ngay trong một lần.

Nhưng trước khi Lu-ca chú ý kỹ thuật lại chuyến viếng thăm Cọt-nây mang tính quyết định này, ông được hướng dẫn lựa chọn hai sự việc xảy ra ở giai đoạn đầu trong hành trình giảng dạy của Phi-e-rơ. Sự ngắn gọn của hai câu chuyện này gợi ý rằng đầu bản thân chúng quan trọng, nhưng trong một chừng mực nào đó chúng là phần mở đầu cho câu chuyện chủ đạo. Câu chuyện đầu tiên chỉ chiếm bốn câu Kinh thánh, câu chuyện thứ hai không nhiều hơn tám câu. Nếu câu chuyện chủ đạo nói về sự nền thánh, thì hai câu chuyện mở đầu này nói về điều gì để có thể phù hợp với chủ đề này?

Ê-NÊ (9:32-35)

Lu-ca cho biết “Vả, Phi-e-rơ đi khắp các xứ, cũng đến cùng các thánh đồ ở tại thành Ly-đa” (9:32). Lưu ý thuật ngữ “các thánh đồ,” đó là “những người thánh.” Trong sách Công vụ, Lu-ca sử dụng một số thuật ngữ để chỉ các thành viên cùng niềm tin với ông. “Các môn

đồ” (disciples) là thuật ngữ ông ưa thích: ông sử dụng thuật ngữ này khoảng ba mươi lần. “Cơ-rê-tiên” (Christian) tự nhiên là hiếm thấy: lần đầu tiên ông ký thuật từ này là để chỉ các môn đồ (11:26), ông chỉ sử dụng nó thêm một lần sau đó (26:28). Nhưng “các thánh đồ” cũng hiếm được dùng đến: thuật ngữ này xuất hiện ở 9:13, tại đây 9:32, và một lần nữa ở 9:41, sau đó ở 26:10, và không còn dùng ở chỗ nào khác nữa trong Công vụ. Vì vậy, cũng có thể Lu-ca sử dụng các từ “môn đồ,” “các thành đồ,” và “Cơ-rê-tiên” như là thay đổi nho nhỏ, không hề có nhấn mạnh cụ thể nào về ý nghĩa chính xác của chúng. Nhưng việc ông sử dụng từ “các thánh đồ” trong hai trường hợp trong hai câu chuyện mở đầu này, chỉ trước câu chuyện dài nói về sự nên thánh, thì hoàn toàn không phải là tình cờ. Đây là hai câu chuyện mở đầu về các thánh đồ, những thánh đồ Cơ đốc Do thái. Cả hai đều có phép lạ, cả hai phép lạ đều dẫn đến một mùa cải đạo bội thu giữa nơi công cộng: vì cả hai đều thể hiện ra điều Đức Chúa Jê-sus có thể làm liên quan đến vấn đề địa vị thánh đồ này.

Hai câu chuyện bày ra một số tương phản nhất định: một câu chuyện nói đến một người đàn ông, câu chuyện kia kể về một phụ nữ. Lúc còn sống người phụ nữ này luôn làm nhiều việc lành. Ngược lại người đàn ông không có mấy việc lành để khoe khoang: ông là một người bại nằm liệt giường suốt tám năm. Đương nhiên, việc ông không thể làm được việc lành nào không phải là do lỗi của ông. Tương tự như vậy, quả là đáng buồn khi thấy một người đàn ông trưởng thành lại bị tàn tật vĩnh viễn vô phương giúp đỡ, cũng không có sức lực để tự sửa soạn giường cho mình hay để tự kiếm ăn. Phi-e-rơ nói, “Hỡi Ê-nê, Đức Chúa Jê-sus-Christ chữa cho ngươi được lành, hãy chỗi dậy, dọn dẹp lấy giường ngươi” (hay “tự kiếm cho mình một bữa ăn”: tiếng Hy Lạp bao gồm cả hai nghĩa này). Tức thì, ông làm theo, khi người dân thành Ly-đa và Sa-rôn nhìn thất kết quả một người trước bị bại nay được lành đang làm việc, có thể tự chăm sóc thân mình, họ “trở về cùng Chúa” (9:35).

Người bại là bại theo nghĩa đen, và sự chữa lành là một phép lạ chữa lành thể chất. Nhưng chúng ta sẽ không quá sai trật nếu chúng ta phỏng đoán rằng, cùng với các phép lạ chữa lành thể chất của Chúa

chúng ta, phép lạ này cũng bao hàm một bài học có mức độ sâu hơn. Việc Chúa Jêsus làm phép lạ hóa bánh và cá ra nhiều chỉ ra rằng Ngài là Bánh của Sự sống (Giăng 6). Món quà sáng mắt của Ngài ban cho người mù vượt qua chính bản thân của người ấy chỉ ra quyền năng của Ngài trong việc truyền đạt khả năng nhìn nhận trong phương diện thuộc linh (Giăng 9). Việc Ngài chữa lành người què và sau đó người này có khả năng đi lại được và làm việc được rõ ràng đưa ra một minh chứng về tính chân thực trong sự tha thứ mà người đàn ông nhận được (Lu. 5:17-26). Cũng vậy trong việc chữa lành cho Ê-nê. Trong ví dụ đầu tiên, việc bày tỏ năng quyền siêu nhiên trên thể chất quảng bá tính chân thực của Đấng Christ phục sinh. Nhưng chắc chắn là còn nhiều hơn thế nữa. Hiển nhiên điều đó không mang một lời hứa ngầm định rằng mỗi một người bị bại hoặc bị liệt tứ chi sẽ được chữa lành ngay lập tức khi trở nên một Cơ đốc nhân. Lịch sử chỉ ra điều ngược lại. Nhưng nó đã chỉ ra năng quyền của Đấng Christ ban quyền năng cho dân sự của Ngài; trong ngôn ngữ ẩn dụ của Hê-bơ-rơ 12:12-13, để phục hồi cánh tay và đầu gối ủ rũ của họ. Bản dịch NEB dịch như thế này, “chi thể khuyết tật sẽ không bị để trật khỏi khớp nối, nhưng sẽ có lại được năng lực khi trước”.

Cơ đốc nhân rất dễ dàng gây cho người ta một ấn tượng về nên thánh khiết khiến họ lánh xa. Dĩ nhiên, đúng là hết thảy các tín hữu đều được kêu gọi là “thánh đồ.” Họ đã được làm cho nên thánh bởi việc dâng thân thể của Chúa Jêsus một lần đủ cả (Hêb. 10:19). Theo ý nghĩa này, một tín hữu không thánh hơn một tín hữu khác. Các thành viên của Hội thánh tại Cô-rinh-tô gặp rắc rối vì các lầm lỗi, sai trật, bất khiết và chia rẽ dù họ được gọi là “thánh đồ” (1 Cô. 1:2), giống như là các tín hữu tại Rô-ma (Rô. 1:7) hay tại Phi-líp (Phi. 1:1) hay ở bất cứ nơi nào khác.

Nhưng đó chỉ là một mặt của câu chuyện. Sự nên thánh thật sớm muộn cũng sẽ bắt đầu làm cho mọi người cảm biết sự hiện diện của nó; vì nó không phải là một hình dạng yếu đuối, khích lệ mọi người sống trong sự trưởng thành thuộc linh lệ thuộc lẫn nhau, lúc nào cũng bị ám ảnh bởi “các khó khăn” và “các vấn đề.” Sự nên thánh vốn tích cực, mạnh mẽ, năng động, tự mình chăm sóc cách chín chắn, và

có thể đứng vững trên chân của mình về mặt thuộc linh. Chúa Jêsu Christ của chúng ta có năng quyền làm cho chúng ta nên thánh trong ý nghĩa thiết thực này; và giải phóng chúng ta khỏi sự kềm chế và sự yếu đuối không lành mạnh; khiến chúng ta mạnh mẽ và năng động trong công việc Ngài giao cho chúng ta làm và vì thế làm cho chúng ta trở thành sự quảng bá cho thế giới thế nào là sự nên thánh thật của Cơ đốc giáo.

ĐÔ-CA (9:36-43)

Đô-ca không bị liệt: bà “làm nhiều việc lành và hay bố thí” (9:36). Hơn nữa, có lẽ là đúng khi nói rằng bà học làm điều lành bởi Do thái giáo thậm chí từ trước khi trở thành một Cơ đốc nhân. Cơ đốc giáo không độc quyền trong chuyện lành việc lành. Do thái giáo chân thật có một truyền thống lâu đời được duy trì về việc rộng rãi chăm sóc người nghèo được khắc sâu trong suốt các thế hệ bởi Môi-se và các đấng tiên tri. Vậy thì Đấng Christ có thể thêm được điều gì vào sự thôi thúc mà Do thái giáo đã mang lại cho sự nên thánh thực kia?

Câu chuyện kể về Đô-ca chết, nhưng Phi-e-rơ lại đến và khiến bà sống lại từ cõi chết. Có lẽ sự phục sinh của bà, chỉ là việc làm cho hồi sinh, giống như các trường hợp được tường thuật trong các sách Tin lành. Cho dù là như vậy, điều này đối với bà cũng là một kinh nghiệm tuyệt vời không thể quên, luôn ở trong lòng bà suốt phần đời còn lại. Chỉ cần hình dung lại tình huống của bà. Bà rất bận rộn với công việc cứu tế xã hội khi sự chết can thiệp và chấm hết mọi công việc của bà. Nhưng ngay sau đó bà một lần nữa bà mở mắt ra, và đứng trước mặt bà không ai khác hơn chính là sứ đồ Phi-e-rơ, người đã khiến bà sống lại và đem bà sang phòng bên cạnh. Nơi đó, có đầy đầy những người bà đã hết lòng giúp đỡ trước khi bà chết, họ đã chào đón bà với niềm vui và lòng biết ơn vô hạn. Cũng tại đó là các đồ vật bà đã làm, áo xống bà đã may, các góa phụ đang đem chúng đến cho vị sứ đồ xem (9:39). Đó chính là lòng biết ơn, sự tôn trọng, sự nhìn nhận công sức của bà! Nếu có người phụ nữ nào nhìn thấy được quang cảnh hiệu quả và giá trị lâu dài của công việc mình làm, thì người phụ nữ đó chính là Đô-ca khi bà sống lại từ cõi chết. Điều này chắc chắn đem lại cho bà thêm một động lực để tiếp tục hết sức làm công việc của

mình cho đến cuối đời.

Bây giờ, nếu chúng ta quan tâm, chúng ta có thể xem câu chuyện của bà đơn thuần là một mảnh bảo tàng của lịch sử cổ đại, một dạng phép lạ phi thường, thậm chí trong thời của Chúa Jêsus của chúng ta và các sứ đồ của Ngài, và tuyệt đối càng hiếm lạ hơn kể từ sau đó, như lịch sử một lần nữa cho chúng ta thấy. Nhưng nếu chúng ta làm như vậy, chúng ta sẽ làm chính mình suy yếu nghèo nàn. Việc Chúa của chúng ta khiến La-xa-rô sống lại (Giăng 11), giống như việc Phi-e-rô khiến Đô-ca sống lại, chỉ là một sự hồi sinh, nhưng Chúa của chúng ta sử dụng điều đó như là một dấu hiệu cho một điều vĩ đại hơn: trước hết là như một bảng chỉ đường đến Ngài là Sự sống lại và Sự sống, và sau đó là chỉ đến sự phục sinh toàn vẹn của tất cả các thánh của Ngài lúc Ngài hiện đến lần thứ hai. Nếu Ngài cũng sử dụng sự hồi sinh của La-xa-rô như thế, thì chúng ta khó có thể sai lầm để rút ra sự khích lệ tương tự từ sự sống lại của Đô-ca. Chính và tự bản thân sự phục vụ của chúng ta đối với Đức Chúa Trời và đối với loài người có giá trị nằm ở sự tốt lành mà nó đem đến cho cuộc sống này. Nhưng giá trị và ý nghĩa của nó không chấm dứt tại phần mộ. Thực tế chắc chắn về sự phục sinh của Đấng Christ, tương lai vinh hiển của sự phục sinh và biến đổi của chính chúng ta vào lúc Ngài hiện đến bảo đảm cho chúng ta rằng trong Chúa công khó của chúng ta không ra vô ích (1 Cô. 15: 50-58). Chúng ta cũng sẽ một lần nữa nhìn thấy công việc của mình.

Đây là sự khích lệ để tiếp tục kiên trì trong nỗi khó nhọc, cũng là một cảnh báo không được đắm mình trong công việc kém chất lượng. Khi Chúa Jêsus đến và người chết được khiến sống lại cùng với người sống được cất lên gặp mặt Ngài, tất cả phải “ứng hầu trước tòa án Đấng Christ, hầu cho mỗi người nhận lãnh tùy theo điều thiện hay điều ác” ông ấy hay bà ấy “đã làm lúc còn trong xác thịt” (2 Cô. 5:10). Nếu công việc của chúng ta còn lại sau sự kiểm tra của Đấng Christ, thì công việc này sẽ là một niềm vui nhân lên bốn lần. Trước hết là có được niềm vui tốt cùng vì biết rằng chúng ta đã làm Chúa hài lòng. Thứ hai, có được niềm vui vì kinh nghiệm được lòng biết ơn và tình bằng hữu vĩnh cửu của những người chúng ta đã giúp đỡ

ở trên đất (16:9). Thứ ba, niềm vui vì nhìn thấy công việc chúng ta làm trong đời mình tồn tại vĩnh cửu. Và trên hết mọi điều đó, là phần thưởng từ chính Đấng cứu rỗi (1 Cô. 3:12-14).

Nhưng cũng có thể công việc của chúng ta bị đánh giá là không đáng giá và không đủ tiêu chuẩn, và bị thiêu rụi bởi sự tra xét của Chúa chúng ta. Một tín hữu trong trường hợp đó vẫn được cứu, vì sự cứu rỗi là một món quà, và trong mọi trường hợp đều không phải là một phần thưởng vì hoàn tất một công tác nào đó. Nhưng tín hữu đó sẽ cảm thấy mất mát gấp bốn lần. Trước hết, là nhận thức rằng Chúa không đẹp lòng. Thứ hai là lãng phí cơ hội để kết bạn vĩnh cửu: không có lòng biết ơn vĩnh cửu của ai, không có tình bạn đặc biệt với ai. Thứ ba, công việc cả đời chẳng còn gì. Và thứ tư, không có phần thưởng (1 Cô. 3: 15).

Vậy nên, chúng ta hãy nắm chắc rằng sự nên thánh của chúng ta là một điều thực tế, giống như Đô-ca, và sự tin chắc sáng lạn về sự phục sinh giữ chúng ta luôn “làm công việc Chúa cách dư dật luôn” (1 Cô. 15:58).

PHI-E-RƠ VÀ CỘT-NÂY (10:1-48)

Đây có vẻ là một việc lạ lùng khi người ta nghe lần đầu, rằng chính mỗi quan tâm đến sự nên thánh vào lúc ban đầu đã đóng vai trò như là một rào cản chống lại sự phát tán Tin lành lại được thực hiện bởi các Cơ đốc nhân đầu tiên. Đúng là như vậy. Nếu để ông một mình hành động, thì Phi-e-rơ sẽ không bao giờ bước vào nhà của một người ngoại bang không chịu cắt bì và ăn uống với họ, bởi vì theo cách nghĩ của ông, đó là làm trái với luật pháp Cựu ước về sự nên thánh. Phi-e-rơ và đồng bào Do thái của ông, những người tuân giữ luật pháp này là “những người thánh;” những ai không giữ các luật lệ này bị xem là “ô uế.” Sẽ là sai nếu “những người thánh”, là những người muốn làm đẹp lòng Đức Chúa Trời vì duy trì sự nên thánh lại đồng hóa với xã hội và ăn uống với những người “ô uế.” Vì vậy, nếu mang Tin lành đến cho dân ngoại có nghĩa là bước vào trong nhà của họ và ăn uống với họ thì Phi-e-rơ và đồng bào Do thái của ông không thể làm điều này được. Sự nên thánh không cho phép làm như vậy.

Có lẽ phản ứng đầu tiên của chúng ta khi nghe điều này có thể là loại bỏ toàn bộ khái niệm nền thánh này, xem như là điều vô lý hay còn tệ hơn, và gán cho Phi-e-rơ và nội bộ đồng bào Do thái cụ thể của ông danh từ những người có tâm trí hẹp hòi vô lý. Nhưng chúng ta không được làm như vậy. Có lẽ họ đã cường điệu các yêu cầu của luật pháp Cựu ước với mong ước ngăn chặn chính mình mon men đến chỗ vi phạm các luật lệ ấy. Nhưng chính Đức Chúa Trời là Đấng ban luật pháp. Cần lưu ý rằng khi Chúa dạy Phi-e-rơ bài học có minh họa sinh động thì Phi-e-rơ đã phản đối mệnh lệnh của Chúa, “Hỡi Phi-e-rơ, hãy dậy, làm thịt và ăn” (10:13), Đức Chúa Trời không có nói, “Này Phi-e-rơ, đừng có hẹp hòi như vậy. Quên những điều mê tín và cấm đoán ngu ngốc kia đi. Hãy ăn tùy thích.” Dĩ nhiên không phải vậy. Chính Đức Chúa Trời là Đấng đặt ra các luật lệ này, và chắc chắn Ngài không khiển trách Phi-e-rơ vì ông hết sức trung tín vâng giữ chúng. Điều Chúa nói chính là các luật lệ kia bây giờ đã bị hủy bỏ (10:15).

Nhưng điều đó làm nảy sinh thắc mắc đang hiện diện tiến xa hơn. Tại sao trước đây Đức Chúa Trời đặt ra các luật lệ này?

Mục đích của Luật lệ về Thực phẩm trong Cựu ước

Một quan điểm được nhiều người đồng ý ấy là Đức Chúa Trời ban các luật lệ này bởi vì Ngài quan tâm đến sức khỏe và vệ sinh của dân sự Ngài. Lập luận này cho rằng, trong những ngày tiền sử xa xưa, khi người ta không có hiểu biết khoa học về vi khuẩn và vi-rút, và không có tủ đông lạnh để ngăn không cho thịt bị hư thối, Đức Chúa Trời đã cấm ăn một số loại thú vật, chim trời, và cá để bảo vệ dân sự của Ngài không bị ngộ độc do những chất độc mà các sinh vật kia mang trên mình.

Nhưng giải thích như vậy là không thỏa đáng. Khi Chúa Jê-sus còn ở trên đất Ngài đã xóa bỏ những luật lệ về thực phẩm này – xem Mác 7:19: Khi tuyên bố điều này, Chúa Jê-sus công bố toàn bộ thực phẩm là “thanh sạch.” Đó không phải là vì trong thời của Ngài khoa học hay kỹ thuật đã tiến bộ hơn nên việc ăn các thực phẩm mà vào lúc trước vẫn còn nguy hiểm cho sức khỏe thì nay đã trở nên an toàn! Nếu chúng đã là thức ăn nguy hiểm trong thời của Môi-se thì chúng

sẽ vẫn là thức ăn nguy hiểm trong thời Chúa Jêsus. Nếu hiện nay chúng thích hợp để ăn, thì là vì chúng được thánh hóa bởi Lời của Đức Chúa Trời và bởi sự cầu nguyện, như Phao-lô sau đó đã nói (1 Tim. 4:4-5).

Một giải thích khả thi hơn về luật lệ thực phẩm trong Cựu ước sẽ bắt đầu bằng việc quan sát xem xét lý do tại sao Chúa của chúng ta lại bãi bỏ chúng:

Chẳng có sự gì ở ngoài vào trong người mà làm “dơ dáy” người được. “Vả, sự đó không vào lòng người, nhưng vào bụng...”

Hết sự gì từ người ra, đó là sự làm “dơ dáy” người! Vì thật là tự trong, tự lòng người mà ra những ác tưởng, sự dâm dục, trộm cướp, giết người, tà dâm, tham lam, hung ác, gian dối, hoang đàng, con mắt ganh đố, lộng ngôn, kiêu ngạo, điên cuồng. Hết thầy những điều xấu ấy ra từ trong lòng thì làm cho “dơ dáy” người.” (Mác 7:18-23).

Vì vậy, điều Chúa chúng ta quan tâm là sự ô uế về đạo đức thật sự, và rất mạnh mẽ Ngài đưa ra quan điểm rằng thực phẩm vật chất vào trong cơ thể không thể làm ô uế người ta về mặt đạo đức hay thuộc linh: vì nó chạm đến dạ dày của anh ta, chứ không phải tâm lòng của anh ta. Bây giờ chính việc các môn đồ không hiểu Ngài vào lúc ban đầu (xem Mác 7:15-18), và Ngài buộc phải lặp lại lời dạy dỗ của mình, tỏ ra rằng các môn đồ vào lúc ban đầu đã nhầm lẫn giữa hai điều này. Ban đầu họ nghĩ rằng ăn “thực phẩm ô uế” làm cho người ta ô uế về mặt đạo đức trong khi sự thật không phải là như vậy. Đó là lệnh cấm của Đức Chúa Trời về một số loại thực phẩm làm cho việc ăn vào trở thành ô uế, không phải bản thân thực phẩm đó ô uế.

Đây là một điểm quan trọng được chỉ ra cho Phi-e-rơ trong khái tượng của ông. Khi Phi-e-rơ chống lại việc ăn bất cứ thứ gì chẳng sạch hay ô uế, tiếng phán đã đáp rằng: “Phàm vật chi Đức Chúa Trời đã làm cho sạch, thì chớ cầm bằng dơ dáy” (10:15). Chắc chắn chúng ta sẽ đặt câu hỏi Đức Chúa Trời đã làm cho sạch theo ý nghĩa nào? Rõ ràng không phải là loại trừ các hóa chất độc hại và các loại vi-rút, để từ lúc này trở đi thịt heo sẽ không bao giờ còn khiến cho bất kỳ người nào bị mắc bệnh sán xơ mít! Ngài đã làm sạch chúng theo ý nghĩa cất bỏ sự cấm đoán mà Ngài đã từng đặt ra, và cho phép Phi-e-rơ và mọi người khác sử dụng chúng: bây giờ họ có thể ăn thịt heo với một lương tâm nhẹ nhàng.

Nếu vậy chúng ta khẳng định rằng chính sự cấm đoán của Đức Chúa Trời ban đầu đã khiến cho các thực phẩm đó ô uế, chứ không phải chất độc bên trong thực phẩm, chúng ta lại đối diện với câu hỏi: Tại sao vào lúc ban đầu Đức Chúa Trời lại cấm dân Y-sơ-ra-ên ăn một số thực phẩm?

Câu trả lời là: để dạy họ một số bài học qua việc đặt ra các danh mục nghi lễ thanh sạch và không thanh sạch.

Để các luật lệ về thực phẩm này sang một bên trong chốc lát. Y-sơ-ra-ên trong tư cách là một quốc gia đã được biệt riêng ra khỏi các quốc gia khác để vui hưởng một mối liên hệ đặc biệt với Đức Chúa Trời và để gánh vác một vai trò đặc biệt giữa các quốc gia. Như Ba-la-am đã nói, “Tôi thấy người... là một dân ở riêng ra, Sẽ không nhập số các nước” (Dân. 23:9). Như Đức Chúa Trời đã giải thích cho họ tại núi Si-nai: “... trong muôn dân, các người sẽ thuộc riêng về ta, vì cả thế gian đều thuộc về ta. Các người sẽ thành một nước thầy tế lễ, cùng một dân tộc thánh cho ta.” (Xuất. 19:5-6). Vì vậy, cùng với vai trò đặc biệt này, đương nhiên họ phải nhận mệnh lệnh gìn giữ mình thanh sạch tránh đi sự ô uế về đạo đức và thuộc linh vốn đã khiến các dân ngoại bang trở nên ô uế. Liệt kê và cấm những tội vô đạo đức về tình dục, thờ thần tượng, gian dối trong mua bán, giết trẻ sơ sinh, thờ lạy ma quỷ, loạn luân vốn phổ biến giữa các dân ngoại, Đức Chúa Trời đã giải thích:

Các người chớ làm một trong mấy việc đó mà tự gây cho mình ô uế; bởi dân mà ta sẽ đuổi khỏi trước mặt các người đã thành ô uế vì có làm các việc đó. Đất vì chúng nó mà bị ô uế; ta sẽ phạt tội ác họ; đất sẽ mưa dân nó ra vậy ... Vậy, chớ làm đất thành ô uế, e khi đất mưa các người ra, như đã mưa dân cư trú tại xứ trước các người chẳng (Lê. 18:24-28).

Vậy thì đây là những nghiêm cấm về đạo đức và thuộc linh. Nhưng để củng cố, Đức Chúa Trời đã thêm vào luật lệ về những nghi lễ thanh sạch:

Vậy, hãy phân biệt thú tinh sạch với thú ô uế, chim ô uế với chim tinh sạch; chớ gây cho mình ra gớm ghiếc vì loài vật, vì chim chóc, vì các loài côn trùng trên mặt đất, mà ta đã dạy các người phân biệt như loài ô uế. Đối cùng ta các người hãy nên thánh, vì ta, Đức Giê-hô-va, là thánh; ta đã phân rẽ các người với các dân, để các người thuộc về ta (Lê. 20:25-26).

Các luật lệ về nghi thức và nghi lễ này sẽ mang đến hiệu quả tích cực lẫn tiêu cực. Về mặt tích cực, chúng củng cố suy nghĩ của Y-sơ-ra-ên rằng là một quốc gia được biệt riêng ra cho Đức Chúa Trời, đặc biệt để dành riêng cho Ngài. Tuy nhiên các thành viên thanh sạch về mặt đạo đức và thuộc linh của các quốc gia khác lại không có được vai trò mà Y-sơ-ra-ên với tư cách là một quốc gia có được. Trong tư cách là một quốc gia, vai trò của Y-sơ-ra-ên rất đặc biệt, thật ra là độc nhất. Nghi lễ cách ly khỏi một số loại thực phẩm mà các quốc gia khác vẫn dùng củng cố và nhấn mạnh rằng theo một ý nghĩa đặc biệt, họ được biệt riêng ra cho Chúa, “nên thánh” một cách đặc biệt theo nghi thức.

Về mặt tiêu cực, những luật lệ về thực phẩm này có một hiệu quả thực tế tức thì: chúng khiến cho việc hòa nhập xã hội với các quốc gia khác trở nên khó khăn, vì Y-sơ-ra-ên không thể ăn uống thực phẩm của dân ngoại. Điều này sẽ không chỉ củng cố việc Y-sơ-ra-ên là một quốc gia đặc biệt, nhưng cũng đóng vai trò là một sự nhắc nhở liên tục rằng Y-sơ-ra-ên phải tránh khỏi các vấn đề ô uế về đạo đức và thuộc linh của dân ngoại.

Dĩ nhiên không phải tất cả các dân tộc ngoại bang đều đòi bại và ô uế như dân Ca-na-an. Nhưng đây cũng là một vấn đề: rất nhiều dân tộc ngoại bang có những lễ thói đòi bại tội lỗi. Vậy làm thế nào Y-sơ-ra-ên có thể được bảo vệ khỏi ảnh hưởng của họ? Đây là cách Đức Chúa Trời sử dụng để xây dựng một bức tường giữa Y-sơ-ra-ên và tất cả các dân tộc ngoại bang. Giống như người cha người mẹ bảo vệ đứa con của mình: không phải mọi người đều là kẻ lạm dụng trẻ em, nhưng một số người này khiến cho nhiều bậc cha mẹ phải chọn cách khôn khéo và nhạy cảm để bảo vệ con, họ cấm con trẻ nhận kẹo hoặc tiền hay đi nhờ xe bất cứ người lạ nào.

Phương pháp loại suy luôn là một cách tốt để tránh những rắc rối theo sau. Cha mẹ có thể cấm con gái tuổi vị thành niên của họ đi đến một số khu vực nhếch nhác trong thành phố. Họ làm như vậy, không phải vì nghĩ rằng con gái của họ có bản chất tốt hơn những đứa con gái khác, nhưng thật ra vì họ biết rằng con gái của họ có không bản chất tốt hơn những cô gái khác. Cô cũng có bản chất con người như

những người khác. Cô cũng có thể bị hư hỏng như những cô gái khác đã hư hỏng. Một trái táo tốt đặt chung chỗ với những trái táo hư hỏng không làm những trái táo hư hỏng tốt lên: những trái táo hư hỏng làm hư trái táo tốt.

Phao-lô nói rằng Y-sơ-ra-ên ở dưới luật pháp giống như một đứa trẻ (Ga. 4:1-3); và Đức Chúa Trời đã đối xử với họ cách thích đáng. Ngài đặt một bức tường về luật lệ nghi lễ thực phẩm quanh họ để nhắc rằng họ là một dân tộc được biệt riêng ra cho Đức Chúa Trời, và bảo vệ họ càng nhiều càng tốt khỏi những dân ngoại ô ướ. Nhu cầu và tầm quan trọng của bức tường đó có thể được nhìn thấy từ lịch sử của họ: khi họ không quan tâm đến bức tường đó, họ trở nên hư hỏng như những quốc gia khác.

Việc bãi bỏ các luật lệ về thực phẩm của Cựu ước

Nhưng dĩ nhiên, kỹ thuật bức tường này cũng có các hạn chế và điểm yếu của nó. Trước hết, nó không cố ý khiến Y-sơ-ra-ên nghĩ rằng về bản chất họ tốt hơn dân ngoại; trong khi thật ra họ không phải vậy. Chính trong Cựu ước cho thấy việc Đức Chúa Trời lựa chọn họ không phải vì họ ưu việt hơn nhưng vì tình yêu tối thượng của Ngài. Thứ hai, nó dẫn đến một nhầm lẫn giữa một bên là sự nên thánh về đạo đức và thuộc linh với một bên là nghi lễ về sự nên thánh. Thậm chí các môn đồ cũng ngạc nhiên khi Chúa của chúng ta chỉ ra rằng không có thực phẩm nào tự bản thân nó khiến cho người ta bị ô ướ về mặt đạo đức và thuộc linh: chúng không chạm đến tâm lòng của họ, nhưng chỉ chạm đến dạ dày của họ (Mác 7:14-23). Bản chất tự nhiên của con người dù thế nào, cũng luôn luôn bị cám dỗ tập chú vào nghi lễ về sự nên thánh bề ngoài và bỏ qua sự nên thánh thật bề trong, về đạo đức, và thuộc linh – giống những người Pha-ri-si kia là những người mà Chúa đã phán: “Hỡi các người là người Pha-ri-si, các người rửa sạch bề ngoài chén và mâm, song bề trong đầy sự trộm cướp và điều dữ” (Lu. 11:39).

Thứ ba, nó dẫn đến ý tưởng sai lầm rằng người Y-sơ-ra-ên là những người được Đức Chúa Trời yêu thích, mặc cho bất cứ (gian ác) nào họ làm, trong khi dân ngoại bị Đức Chúa Trời loại bỏ mặc cho họ có làm (điều tốt) nào. Phao-lô đã nhắc nhở đồng bào Do thái của ông:

Thật thế, nếu người làm theo luật pháp, thì phép cắt bì có ích; còn nếu người phạm luật pháp, thì dấu chịu cắt bì cũng như không. Vậy nếu kẻ chưa chịu cắt bì giữ các điều răn của luật pháp thì sự chưa chịu cắt bì đó há chẳng cảm như đã chịu sao? Kẻ vốn không chịu cắt bì, mà làm trọn luật pháp sẽ đoán xét người, là kẻ dấu có chữ của luật pháp và phép cắt bì, lại phạm luật pháp (Rôm. 2:25-27)

Việc thiếu nhận thức về quy tắc này về phía người Do thái dẫn đến rất nhiều hiểu lầm và thù địch sâu sắc về phái dân ngoại. Có một mối ghen tương và oán giận tự nhiên đối với Y-sơ-ra-ên vì họ tuyên bố rằng họ đứng trong mối liên hệ đặc biệt với Đức Chúa Trời và gánh vác một vai trò đặc biệt. Dân ngoại nhận thấy thái độ của Y-sơ-ra-ên khi đứng riêng biệt ở đằng xa và tỏ ra rằng tôi thánh hơn anh là khó mà chấp nhận. Nhưng khi những cá nhân Do thái vừa có thể không có chút nguyên tắc nào trong công việc và vẫn cứ xem họ là “thánh,” lại xứng đáng để những người Do thái khác cùng ăn với, trong khi những người ngoại bang bản thân họ liêm chính, và ngay thẳng trong công việc lại bị gạt bỏ và cho là không xứng đáng để ăn cùng, thì khả năng cảm thấy ghê tởm, oán hận, tức giận, và giận dữ là vô giới hạn.

Cùng với sự nhập thể của Con Đức Chúa Trời, “kỳ hạn đã được trọn” (Ga. 4:4). Người Y-sơ-ra-ên bây giờ liả bỏ thời thơ ấu của họ và học sống và được đối xử như người trưởng thành. Một trong những điều đầu tiên để bắt đầu là luật lệ về thực phẩm. Chính Chúa của chúng ta đã bãi bỏ chúng, như chúng ta đã thấy trước đây (Mác 7:18-23). Các môn đồ đã không lập tức nhìn thấy được hàm ý của điều này, và thậm chí khi họ nhìn thấy chúng, một vài người đã tỏ ra chậm chạp trong việc áp dụng chúng vào cuộc sống cách trọn vẹn. Nhưng bây giờ thời khắc quan trọng đã đến: tin lành phải được đem đến cho dân ngoại; không có điều gì được phép dùng hay ngăn trở tin lành, hoặc che đậy sứ điệp ấy. Phi-e-rơ đã được dạy dỗ một bài học trực tiếp, cá nhân, và có minh họa sinh động từ chính Chúa rằng luật lệ về thực phẩm đã bị bãi bỏ, và rằng bởi vì vậy ông được tự do ăn uống cùng người ngoại bang Cọt-nây để đem tin lành đến cho ông ấy.

Hãy tưởng tượng tình huống bất thường nảy sinh nếu Phi-e-rơ không học được bài học này. Cọt-nây là một hình mẫu cho người

sống đạo đức và mộ đạo. Dầu ông chỉ là một người ngoại bang, ông đã từ bỏ việc thờ thần tượng của tổ phụ và quay lại thờ phượng Đức Chúa Trời có một và chân thật của Y-sơ-ra-ên, và được kính trọng bởi những người Do thái lân cận. Ông rộng rãi bố thí cho những người có nhu cầu, và cầu nguyện với Đức Chúa Trời thường xuyên. Tuy nhiên, ông đã nghe về Chúa Jê-sus và ước ao được biết nhiều hơn về Ngài. Vậy mà chỉ vì ông không chịu cắt bì và không tuân giữ luật lệ về thực phẩm nên ông không phải là “thánh.” Phi-e-rơ sẽ từ chối ăn cùng ông hay thậm chí không bước vào nhà của ông. Mặt khác, cũng giống như vậy với những người Pha-ri-si và Sa-đu-sê là người Chúa Jê-sus đã lên án (không phải tất cả mọi người Pha-ri-si đều xấu xa và bị lên án). Bên trong lòng họ đầy sự tham lam, giả hình, và độc ác. Lòng họ xa cách Đức Chúa Trời đến nỗi họ đã giết hại con cái Ngài. Nhưng họ là “thánh”! Phi-e-rơ, dù chưa bao giờ được mời, sẽ cảm thấy hoàn toàn tự do khi ăn cùng với họ!

Không đúng, đã đến lúc phải thay đổi. Đức Chúa Trời, Đấng đã ấn định luật lệ về thực phẩm, bây giờ Ngài bãi bỏ các luật lệ đó. Ngài vốn đã tạo nên (đó là công bố) mọi loại thực phẩm đều thanh sạch. Phi-e-rơ đã không tiếp tục gọi những thực phẩm mà hiện giờ Đức Chúa Trời công bố thanh sạch là không tinh sạch (đó vốn là các thực phẩm theo nghi lễ không thích hợp cho những người “thánh” dùng). Ông có thể đi đến và ăn thực phẩm của dân ngoại, trong nhà của người ngoại bang, cùng với những người ngoại bang. Bởi vì điều đó đã không còn bị gọi là không tuân giữ điều răn, điều đó không làm ô uế tấm lòng hay lương tâm của ông, và dĩ nhiên, chính thực phẩm không thể chạm đến tấm lòng của ông về mặt đạo đức và thuộc linh.

Thế thì, Cơ đốc giáo đang tạo ra một sự đổ vỡ rất lớn đối với Do thái giáo khi Phi-e-rơ bước vào nhà Cột-nây. Nhưng nếu Cơ đốc giáo hiện đang phá vỡ yếu tố quan trọng trong sự nên thánh của Do thái giáo này thì điều được thay vào chỗ của nó là điều gì? Bức tường được đầu tư để phục vụ một mục đích thực tế cần thiết. Nó không lý tưởng, nhưng có thì tốt hơn là không có. Thế giới đã thay đổi. Nó vẫn là một thế giới bị ô uế, không làm bạn với ân điển hay cùng Đức

Chúa Trời. Cơ đốc giáo có đơn thuần đi phá vỡ bức tường, lựa chọn thái độ dễ dãi và nói rằng sự ô uế đã không còn là vấn đề quan trọng? Dĩ nhiên là không! Nó sẽ đòi hỏi tiêu chuẩn cao hơn của Do thái giáo, thực tế hơn, đòi hỏi nhiều hơn. Nhưng cùng lúc đó, nó sẽ cung cấp năng lực để sống thánh khiết mà Do thái giáo chưa hề biết đến.

Sự nên thánh theo cách của Cơ đốc giáo

Vậy thì, sự nên thánh Cơ đốc bây giờ được đặt ra trong phần còn lại của chuyển động 1: trước hết là trong bài giảng của Phi-e-rơ tại nhà của Cọt-nây; và sau đó là trong giải thích sâu hơn của ông dành cho các anh em tín hữu tại Giê-ru-sa-lem.

Khi ông bước vào nhà của Cọt-nây, Cọt-nây gặp ông và quỳ nơi chân ông cách kính sợ. Phi-e-rơ lập tức đỡ ông ta đứng dậy. Vì đây là bài học đầu tiên: “chính ta cũng chỉ là người mà thôi” (10:26). Ông là một người Do thái. Chẳng thành vấn đề: ông chỉ là một con người giống như những người ngoại bang. Giữa loài người không hề có hai giai cấp, một có địa vị cao hơn, một có địa vị thấp hơn.

Phi-e-rơ cũng là một sứ đồ của Chúa Jêsus. Dầu vậy ông không cho phép Cọt-nây quỳ dưới chơn ông để bày tỏ lòng tôn kính đối với chức vị của ông. Mặc cho chức vụ mà ông có, ông vẫn là một con người cùng cấp bậc với Cọt-nây.

Vậy Phi-e-rơ thừa nhận làm thế nào bản thân ông được Đức Chúa Trời sửa dạy. “Người nói cùng chúng rằng: người Giu-đa vốn không được phép giao thông với người ngoại quốc hay là tới nhà họ; nhưng Đức Chúa Trời đã tỏ cho ta biết chẳng nên coi một người nào là ô uế hay chẳng sạch” (10:28). Vì vậy rất thường một người thừa nhận rằng bản thân anh ta gần đây được sửa dạy và đã thay đổi quan điểm sẽ là người giáo viên được chấp nhận và sẵn sàng nhất đối với người khác.

Nhưng chúng ta phải ở lại một lúc với bài học mà Phi-e-rơ bảo rằng Đức Chúa Trời đã dạy dỗ ông. “Đức Chúa Trời đã tỏ cho ta biết chẳng nên coi một người nào là ô uế hay chẳng sạch” (10:28). Bài học mà Đức Chúa Trời đã dạy Phi-e-rơ về thực phẩm trong khái tượng của ông: Chúa đã cất bỏ mọi cấm đoán, Ngài đã công bố mọi

thực phẩm là tinh sạch; vậy nên Phi-e-rơ phải chấm dứt việc xem các loại thực phẩm này là không thanh sạch, tức là không thích hợp cho thánh nhân, người nên thánh, sử dụng. . Nhưng bây giờ Đức Chúa Trời tiếp tục chỉ cho Phi-e-rơ một bài học sâu xa hơn. Không con người nào là tầm thường hay là không tinh sạch.

Điều đó có nghĩa gì? Ngài không thể ngụ ý rằng không hề có người ô uế trên thế gian, phải không? Phao-lô nói về một số người rằng “họ đã mất cả sự cảm biết, đành bỏ mình trong một đời buông lung, đem lòng mê đắm không biết chán mà phạm hết mọi điều ô uế” (Êph. 4:19). Phi-e-rơ không ước ao mâu thuẫn với chính mình, đúng không? Thậm chí chính Phi-e-rơ khi mô tả cách người ngoại bang sống đã nói rằng họ “ăn ở theo tà tịch, tư dục, say rượu, ăn uống quá độ, chơi bời, và thờ hình tượng đáng gớm ghiếc” (1 Phi. 4:3).

Không phải, để hiểu ngụ ý của ông chúng ta phải đọc điều ông nói trong văn cảnh của nó. Là một người Y-sơ-ra-ên, ông xem bản thân mình là “thánh” bởi vì ông là một thành viên của dân tộc “thánh” và bởi vì ông gìn giữ luật về nghi lễ thực phẩm và tẩy rửa. Mặt khác, dân ngoại mà ông cho là “không thanh sạch”: họ không phải là thành viên của dân “thánh”; ông xem họ là ô uế, bởi vì họ không chịu cắt bì, và không tuân giữ nghi lễ luật lệ về thực phẩm và tẩy rửa. Chính tình huống mà Phi-e-rơ đã nhìn thấy giờ đang thay đổi. Nếu Đức Chúa Trời đã bãi bỏ lệnh cấm về thực phẩm và công bố rằng mọi thực phẩm đều thanh sạch, thì dân ngoại không còn bị kể là “ô uế” bởi vì họ ăn một số loại thực phẩm kia. Sâu sắc hơn: nếu Đức Chúa Trời bây giờ cất đi vinh dự đặc biệt của Y-sơ-ra-ên, hủy bỏ bức tường ngăn cách giữa dân Do thái và dân ngoại, thì dân ngoại không còn bị xem là “ô uế” nữa, Y-sơ-ra-ên cũng không được xem là “thánh” nữa. Người Do thái và dân ngoại đồng đứng trên một mặt bằng. Không còn bất cứ dân tộc hay quốc gia hạng hai nào nữa.

Phi-e-rơ, lúc này đã được đưa vào bên trong, đã nói với những người đồng có mặt tại đó. Lời mở đầu của ông là “Quả thật, ta biết Đức Chúa Trời chẳng hề vị nể ai, nhưng trong các dân, hễ ai kính sợ Ngài và làm sự công bình, thì nấy được đẹp lòng Chúa” (10:34-35).

Đây chưa phải là một bài học khác nữa sao? Nếu vậy, ông đã

học nó như thế nào? Tại sao, ông vừa mới nghe lời giải thích của Cọt-nây về điều khiến ông ta mời Phi-e-ro đến: bốn ngày trước, một thiên sứ hiện ra cùng ông khi ông đang cầu nguyện và phán, “Hỡi Cọt-nây, lời cầu nguyện ngươi đã được nhậm, Đức Chúa Trời đã ghi nhớ việc bố thí của ngươi” (10:31); và lời giải thích đã dạy Phi-e-ro rằng việc công bình là việc công bình, và sự kính sợ Đức Chúa Trời là sự kính sợ Đức Chúa Trời, dù là ai làm việc ông bình và tỏ lòng kính sợ. Không quan hệ là người đó đến từ quốc gia nào: Không phải Đức Chúa Trời chấp nhận việc công bình của một người bởi vì anh ta là một người Do thái và chối từ việc công bình của người khác vì anh ta là dân ngoại bang. Đức Chúa Trời không bỏ qua lòng kính sợ Ngài và lời cầu nguyện của một người nào bởi vì anh ta là dân ngoại bang và chấp nhận lòng kính sợ và lời cầu nguyện của một người khác và anh ta là người Do thái. Không có sự khác biệt trong cái nhìn của Đức Chúa Trời – điều này chưa từng và sẽ không bao giờ xảy ra. Đây không phải là điều gì mới mẻ. Đức Chúa Trời đã tạo lập một sự phân biệt giữa Y-sơ-ra-ên và dân ngoại về mặt vai trò, sự thánh khiết và sự thánh hóa mà Ngài mong đợi ở Y-sơ-ra-ên; nhưng không phải trong lĩnh vực đạo đức. Tội của Y-sơ-ra-ên cũng là tội, cũng như tội của dân ngoại bang. Việc công bình của dân ngoại cũng tốt giống như của Y-sơ-ra-ên.

Vậy nên, Phi-e-ro đã học được điều Phao-lô sau này nói ở Rô-ma 2:6 và 9-11:

[Đức Chúa Trời] sẽ trả lại cho mỗi người tùy theo công việc họ làm ... Sự hoạn nạn khôn khó giáng cho mọi người làm ác, trước cho người Giu-đa, sau cho người Gờ-réc; nhưng vinh hiển, tôn trọng, cùng sự bình an cho mọi người làm lành, trước cho người Giu-đa, sau cho người Gờ-réc. Vì trước mặt Đức Chúa Trời, chẳng vị nể ai đâu.

Phi-e-ro (cả Phao-lô cũng vậy) không nói rằng bất kỳ người nào, dù là thuộc quốc gia nào, có thể tích lũy công đức, và đạt được sự cứu rỗi dựa trên việc công bình của họ. Vì quy tắc này, Đức Chúa Trời không thiên vị ở bất kỳ nơi đâu: “sự công bình của Đức Chúa Trời, bởi sự tin đến Đức Chúa Jêsus Christ, cho mọi người nào tin, chẳng có phân biệt chi hết [tức là giữa người Do thái và dân ngoại], vì mọi người đều đã phạm tội, thiếu mất sự vinh hiển của Đức Chúa Trời”

(Rô. 3:22-23). Điều ông đang nói ấy là Đức Chúa Trời đánh giá cao và chấp nhận việc lành mà không thiên vị, và đánh giá của Ngài hoàn toàn không bị ảnh hưởng bởi quốc gia quê hương của người đó. Vì vậy, đây quả là một điều may mắn vì Phi-e-rơ đã học được bài học này trước khi ông bắt đầu giảng đạo cho Cọt-nây. Thật là không may nếu ông bước vào nhà của ông ta và bắt đầu bài giảng bằng việc công bố rằng Cọt-nây là một người ngoại bang ô uế, và thậm chí các việc công bình ông ta làm chỉ là rác rưởi ô uế. Vì có thể Cọt-nây sẽ đáp rằng “Quả thật kỳ lạ: vì ngày hôm trước, một vị thiên sứ đã hiện đến vào bảo tôi rằng Đức Chúa Trời đã nghe lời cầu nguyện của tôi và nhớ đến tặng phẩm tôi đem cho người nghèo!”

Chúng ta không được làm lần hai vấn đề riêng rẽ này. Khi bị phán xét theo tiêu chuẩn toàn hảo của Đức Chúa Trời, thì việc lành của mọi người chẳng tốt gì hơn những thứ rác rưởi ô uế. Dĩ nhiên, nếu chúng ta cố lệ thuộc vào chúng để được cứu rỗi, thì luật pháp của Ngài sẽ không có chọn lựa nào mà chỉ lên án mọi việc lành ấy và cả chúng ta. Cần phải chú ý rằng dù thiên sứ của Đức Chúa Trời đã bảo cho Cọt-nây rằng Đức Chúa Trời nhớ đến công việc lành của ông, thiên sứ cũng nói cho ông biết rằng ông vẫn cần phải được cứu (11:13-14). Cọt-nây đã không nỗ lực cho rằng việc làm của ông đáng nhận được sự cứu rỗi. Cuối cùng, khi ông nghe rằng có sự tha thứ và cứu rỗi qua Đấng Christ, ông đã không vắn vẹo lại rằng: “Tôi không cần sự cứu rỗi: việc làm của tôi cũng tốt lành như của các anh.” Ông khiêm nhường thừa nhận nhu cầu được tha thứ và chấp nhận sự cứu rỗi chỉ có được duy nhất qua đức tin nơi Đấng Christ.

Nhưng việc việc lành của con người không thể đem lại cho họ sự cứu rỗi không có nghĩa là Đức Chúa Trời không quan tâm đến việc làm công bình, hay cố gắng làm việc công bình của họ. Có thể chúng ta khiến mọi người có ấn tượng sai ở chỗ này:

Vì quá bận khoản trong việc phá vỡ những ràng buộc của những người chưa tin Chúa đối với việc làm lành để được cứu; nên chúng ta dễ gặp nguy hiểm khi tạo ấn tượng rằng cố làm việc lành trước khi được cứu là không tốt, và cuối cùng, lại cho rằng dù họ có làm việc lành sau khi được cứu thì cũng không có chút giá trị gì nào, vì

sự cứu rỗi không dựa vào việc lành. Vì thế chúng ta gặp phải nguy hiểm tạo ra một dòng dõi giáo hội cải cách luôn nghĩ rằng theo lẽ tự nhiên, những người tin Chúa là tốt đẹp hơn những người chưa được cứu đơn giản bởi vì họ là những tín hữu, những môn đồ, thậm chí nếu như cuộc sống trong gia đình của họ, đạo đức công việc của họ, và việc thiện của họ có thấp kém hơn những người không thuộc về nhóm người đã được cứu.

Sự thật là Đức Chúa Trời yêu thích việc lành, và Ngài quan tâm đến việc lành thậm chí là của những người chưa được cứu. Ngài “ghi nhớ việc bố thí của [ông]” (10:31). Ngài xem những việc lành ấy là biểu hiện thực tế trong ước vọng làm đẹp lòng Đức Chúa Trời của Cọt-nây. Cọt-nây kính sợ Đức Chúa Trời, tin kiếm Đức Chúa Trời, tìm kiếm sự cứu rỗi và mối thông công: công việc của ông là dấu hiệu bày tỏ lòng chân thành trong sự tìm kiếm của ông. Đức Chúa Trời đã đáp lại bằng cách sai một thiên sứ đến nói với ông cách để tìm được một người truyền đạo là người có thể tỏ cho ông biết làm thế nào để được cứu.

Dầu sự cứu rỗi không phải là bởi việc lành, kết quả của sự cứu rỗi tạo ra việc lành: “Đức Chúa Trời lớn và Cứu Chúa chúng ta, là Đức Chúa Trời Jêsus Christ, là Đáng liêu mình vì chúng ta, để chuộc chúng ta khỏi mọi tội và làm cho sạch, đặng lấy chúng ta làm một dân thuộc riêng về Ngài, là dân có lòng sốt sắng về các việc lành” (Tít 2:13-14; tham khảo bản AV, “sốt sắng làm việc lành”).

Thay vì nhấn mạnh tình trạng tội lỗi của Cọt-nây và nhu cầu cứu rỗi của ông ngay từ phần đầu bài giảng, Phi-e-rơ lại bắt đầu một chiến thuật hoàn toàn khác. Ông trình bày Tin lành như là tin tức tốt lành về sự bình an bởi Đức Chúa Jêsus Christ (10:36): Tin lành được đem đến cho người Y-sơ-ra-ên-không thể chối cãi vai trò đặc biệt làm sứ giả của Y-sơ-ra-ên- nhưng Đức Chúa Jêsus Christ “là Chúa của mọi người.” Như Phao-lô đã nói, chính Chúa của mọi người đó giàu ơn đối với “[mọi người] kêu cầu danh Ngài” (Rô. 10:12).

Thứ hai, ông trình bày sự sống và các công việc của Chúa Jêsus. Ông nhắc nhở họ câu chuyện bắt đầu bằng lễ báp tem mà Giảng rao giảng, kêu gọi người ta ăn năn và chuẩn bị cho sự hiện đến của Chúa.

Ngài đã đến. Đức Chúa Trời đã xức dầu cho Ngài bằng Thánh Linh và năng quyền; và “Ngài đi từ nơi nọ qua chỗ kia làm phước và chữa lành hết thấy những người bị ma quỷ ức hiếp, vì Đức Chúa Trời ở cùng Ngài” (10:37-38).

Thật là thú vị. Cọt-nây là một người chân thành kiên tâm làm lành và giúp đỡ người nghèo. Phi-e-rơ trình bày cảm phục và đức tin vào Đấng làm lành Siêu việt của ông. Thậm chí tại mức độ Đấng Christ hiệp nhất cả người Do thái và dân ngoại. Những người chuyên tâm hết lòng sống đạo đức, những người chân thành yêu thích sự thiện lành và chuyên tâm làm việc lành, dù họ thuộc chủng tộc nào, quốc gia nào, hay bối cảnh thế nào, cũng phải hết lòng cảm phục việc lành của Đức Chúa Jê-sus Christ.

“Chúng ta từng chứng kiến về mọi điều Ngài đã làm trong xứ người Giu-đa và tại thành Giê-ru-sa-lem.” (10:39). Một vị sứ đồ đã nói, được lựa chọn cho chính mục đích này (1:8, 21-22). Nhưng bây giờ lại xuất hiện một vấn đề làm xôn xao dư luận. “Chúng đã treo Ngài trên cây gỗ mà giết đi” (10:39).

Ai đã làm điều đó? Làm vì cái gì? Một loạt các câu hỏi nổ tung trong tâm trí. Tuyên bố thật mạnh mẽ! Dĩ nhiên, không có gì nghi ngờ là Lu-ca chỉ đem đến cho chúng ta phần tóm tắt, không phải là một bản tường trình đầy đủ từng chữ. Dầu vậy, sự vấn tắt của tuyên bố thật khác thường. Quả là một sự thừa nhận. Phi-e-rơ thật sự không nói, “Người Do thái đã giết Ngài.”

Nhiều người khác tham gia cùng với họ: Hê-rốt, Phi-lát. Nhưng một điều mà một người Do thái phải nói cho một người ngoại bang: rằng người Do thái, các thánh nhân, dân tộc được chúc phước vì có một tôn giáo do chính Đức Chúa Trời ban cho, sốt sắng vì việc lành, với vai trò đặc biệt giữa các dân tộc, lại giết Đấng làm lành siêu việt! Không chỉ giết Ngài, mà còn treo Ngài lên cây gỗ. Đó là một án phạt dành cho tội phạm gian ác nhất. Trong tư tưởng của bất kỳ người Do thái nào, ai bị treo trên cây gỗ là “bị Đức Chúa Trời rửa sã” (xem Phục. 21:22-23). Làm thế nào tấm lòng của con người, với thần trí mộ đạo, lại quá đổi ngoan cố đến nỗi kết án một cuộc đời sống từng cách đẹp đẽ nhất lại như là cuộc đời xấu xa nhất? Người “nên thánh,”

người có “thái độ tốt-đẹp-hơn-dân-ngoại” sẽ đạt được vinh hạnh gì nếu nó đã trở thành như thế này? Đúng là một tín ngưỡng bị khinh tặn, đúng là khác xa đáng sợ với điều gọi là việc lành. Điều này không phải do một người ngoại bang lên án người Do thái: đây là lời thú nhận của một người Do thái với một người ngoại bang điều quốc gia Do thái của anh ta đã làm với Chúa Jêsus!

Nhưng các dân tộc ngoại bang có tốt đẹp hơn chút nào không? Dĩ nhiên là không! Vài thập niên gần đây đang gia tăng một phong trào ồn ào chống đối người Do thái, đó là tội đáng kinh sợ chống lại dòng dõi Sem vốn được thúc đẩy bởi sự dạy dỗ mỗi thế hệ con trẻ của Cơ đốc giáo rằng chính người Do thái đã giết Chúa Jesus. Trong sự chống đối này có một ít sự thật. Thế giới Cơ đốc đã phạm tội kiêu ngạo và độc ác đáng buồn. Nhưng đó chính là sự kiêu ngạo và độc ác của thế giới Cơ đốc chưa được tái sinh và gian ác. Mỗi Cơ đốc nhân chân thật gốc ngoại bang sẽ không do dự xưng nhận rằng họ không hề tốt đẹp hơn những người Do thái đã đóng đinh Chúa Jêsus. Họ lên kế hoạch khiến Ngài chết đi và sử dụng người La-mã để thực hiện mục đích, nhưng mỗi và mọi Cơ đốc nhân ngoại bang sẽ nói rằng cũng chính tội lỗi của họ đã đóng đinh Chúa Jêsus. Vì đây mới là trọng tâm của Tin lành: trên thập tự, Ngài mang hết mọi tội trên thân Ngài. Thù hận chống lại Đức Chúa Trời bị phơi bày bởi việc đóng đinh Đức Chúa Trời nhập thể là một việc gian ác nằm tại tâm lòng của mỗi con người, cả Do thái và dân ngoại.

Vậy thì ở đây, tại chân thập tự giá của Đấng Christ, người Do thái và dân ngoại đều có cùng địa vị: không có chỗ cho sự khoe mình hay tự mãn; cũng không có ai ưu việt hơn người khác. Họ đều đứng cùng nhau trong tội lỗi như nhóp.

“Nhưng...Đức Chúa Trời đã khiến Ngài sống lại, lại cho Ngài được tỏ ra” (10:40), và sai phái một số tông đồ của Ngài làm chứng về sự chân thật của sự phục sinh: “chúng ta... đã ăn uống cùng Ngài, sau khi Ngài từ trong kẻ chết sống lại” (10:41). Rao giảng về sự phục sinh là rao giảng về sự kiện. Đó không phải là một cách huyền bí để nói rằng chúng ta hy vọng và tin rằng trong một thế giới khác ở đâu đó nhưng sai lầm của thế giới này sẽ được sửa sang lại. Đó là một

tuyên bố của một sự kiện từng xảy ra. Đức Chúa Trời đã làm đảo ngược các quyết định của con người: Con Ngài đã được khiến sống lại từ cõi chết, về thể lý và thể xác.

“Chúng ta... đã ăn uống cùng Ngài, sau khi Ngài từ trong kẻ chết sống lại” (10:41). Vì vậy, thật ý nghĩa khi Phi-e-rô bây giờ được yêu cầu đi đến ăn và uống với người ngoại bang!

Vậy thì, những người làm chứng về sự phục sinh của Ngài bây giờ được sai phái đi giải thích về ý nghĩa đặc biệt của nó: “Ngài đã biểu chúng ta khá giảng dạy ... và chúng quyết chính Ngài là Đấng Đức Chúa Trời đã lập lên để đoán xét kẻ sống và kẻ chết” (10:42). Chúng ta đã rất thường xuyên nghe về điều này đến nỗi có lẽ đã đánh mất năng lực làm chúng ta giật mình ngạc nhiên. Nhưng hãy nhìn điều này: không phải “Đức Chúa Trời sẽ đoán xét,” mà “Jêsus người Na-xa-rét sẽ đoán xét.” Đức Chúa Trời chỉ định Ngài làm thẩm phán bởi vì nhân tánh vô tội của Ngài. Ngài là một con người: Ngài đã sống trong thế giới của chúng ta. Sự đoán xét của Ngài sẽ công bằng, bởi vì Ngài chưa từng làm theo ý riêng của mình (Giăng 5:30). Ngài là chuẩn mực để so sánh. Không có chỗ nào cho dân ngoại trả lời lại: “Tôi cũng tốt như anh. Anh có quyền gì mà lên án tôi?” Cũng không có chỗ nào cho người Do thái cảm tưởng mình siêu việt hơn, vì người Do thái đã đóng đinh Ngài.

Nhưng một điều gây giật mình – giật mình vì vui mừng – là: hết thấy các đấng tiên tri đều làm chứng này về Ngài rằng hễ ai tin Ngài thì được sự tha tội vì danh Ngài (10:43) – sự tha thứ, không phải sự lên án, hoặc kết tội dù là người Do thái hay dân ngoại. Thêm một lần nữa, không có khác biệt giữa người Do thái và dân ngoại: chính Đấng Duy nhất đó là Chúa của muôn loài, ban phước dư dật cho tất cả những người kêu cầu danh Ngài. “Ai kêu cầu danh Chúa thì sẽ được cứu.” (Rô-ma 10:12-13).

Vậy thì đây chính là điều cơ bản của sự nền thánh thật của Cơ đốc nhân: điều này được tìm thấy tại chân thập tự giá, cả Do thái và dân ngoại bang đều có địa vị giống nhau: cả hai đều là tội nhân, mặc cho tôn giáo hay việc lành của họ. Cả hai đều được tha thứ dựa trên những điều kiện hoàn toàn giống nhau: ấy là món quà miễn phí qua

sự chết và phục sinh của Chúa Jesus Christ. Không còn lại điều gì để khoe khoang rằng mình vượt trội hơn người khác; muôn vật đều vui mừng cùng nhau.

Đó là yếu tố đầu tiên của sự nên thánh thật: sự khám phá trung thực về tội lỗi; và tiếp sau đó là sự tha thứ. Nhưng còn có yếu tố thứ hai. Trong khi Phi-e-rơ vẫn đang nói, Đức Thánh Linh ngự đến trên tất cả mọi người nghe sứ điệp. Những tín hữu người Do thái đi theo Phi-e-rơ đã rất ngạc nhiên. Tất nhiên, bởi vì sự ban xuống của Thánh Linh tỏ ra rằng Đức Chúa Trời đã chấp nhận sự ăn năn và tin nhận của những người ngoại bang này hoàn toàn giống với việc Ngài đã chấp nhận sự ăn năn và tin nhận của người Do thái. Cần lưu ý rằng Ngài đã làm điều đó dựa trên đức tin của họ nơi Đức Chúa Jêsus. Ngài và sự chết chuộc tội của Ngài không chỉ là điều cơ bản, nhưng là điều cơ bản trọn vẹn đầy đủ. Đức tin nơi Ngài dẫn đến việc mọi người được hoàn toàn chấp nhận: không cần phải thêm vào điều nào nữa. Vì thế, trên nền tảng đó Phi-e-rơ đã yêu cầu họ chịu báp tem bằng nước. Nếu Đức Chúa Trời đã chấp nhận họ, thì các Cơ đốc nhân Do thái cũng chấp nhận (10:44-48).

PHI-E-RƠ: NHỮNG VIỆC TIẾP THEO (11:1-18)

Lu-ca thêm vào phần sau của câu chuyện này; và điều này giúp chúng ta nắm bắt sâu hơn ý nghĩa đặc biệt của việc Thánh Linh ngự xuống trên các tín hữu thuộc về dân ngoại này. Khi Phi-e-rơ trở lại Giê-ru-sa-lem, các Cơ đốc nhân Do thái đã phê phán ông vì vào nhà của người không chịu phép cắt bì và ăn với họ (11:1-3).

Vậy nên Phi-e-rơ kiên nhẫn giải thích từng chi tiết của toàn bộ câu chuyện: bài học Đức Chúa Trời đã dạy ông – trong khái tượng, lời mời đến viếng thăm của Cọt-nây, người đã được một thiên sứ ra lệnh đến mời ông; và sau đó là hành động kiên quyết ban Thánh Linh Ngài cho dân ngoại của Đức Chúa Trời. Phi-e-rơ giải thích, “Ta mới khởi sự nói, thì có Đức Thánh Linh giáng trên họ, cũng như ban đầu Ngài đã giáng trên chúng ta... Ta là ai mà chống đối Đức Chúa Trời? Chính Đức Chúa Trời làm việc đó. Ta không thể không làm theo. Ta chỉ rao giảng. Còn lại là Đức Chúa Trời làm.” (11:15-17). Tranh biện tốt đấy, Phi-e-rơ!

Tuy nhiên, ý nghĩa đặc biệt cho mục đích của chúng ta là bây giờ ông mô tả sự ngự đến của Đức Thánh Linh: “Ta bèn nhớ lại lời Chúa đã truyền rằng: Giăng đã làm phép báp-tem bằng nước; nhưng các người sẽ chịu phép báp-tem bằng Đức Thánh Linh” (11:16).

Đây là yếu tố thứ hai trong sự nền thánh thật: trước tiên, tha thứ qua sự chết và sống lại của Đấng Christ; nhưng thứ hai, ban năng quyền qua Đức Thánh Linh để sống một đời sống nền thánh thật và làm chứng về Chúa Jêsus.

Bây giờ chúng ta thấy được tại sao có thể nói Đức Chúa Trời có thể phá đổ bức tường Ngài đã từng đặt vây quanh Y-sơ-ra-ên. Trong những ngày đó, họ không biết gì về báp tem trong Thánh Linh; không biết gì về việc Thánh Linh ngự trong họ để ban năng lực cho họ sống cuộc sống thánh khiết. Vậy nên, điều tốt nhất có thể làm là đặt quanh họ một bức tường và giữ họ không trộn lẫn với xã hội ngoại bang bại hoại. Nhưng dĩ nhiên nó cũng có những nhược điểm. Một bức tường ở bên ngoài và vây quanh không làm cho bề trong của người Y-sơ-ra-ên bên trong bức tường trở nên thánh hơn chút nào. Câu trả lời chung cuộc là gì nếu sự nền thánh phụ thuộc vào việc giam giữ người ta khỏi thế giới thực?

Nhưng cùng với sự cứu rỗi và thanh tẩy được ban cho bởi sự chết của Đấng Christ, thì Đức Thánh Linh có thể ngự đến và ngự trong mỗi tín hữu và vì vậy ban cho họ năng quyền để sống thánh khiết, để Thánh Linh của Sự sống trong Chúa Jesus Christ có thể giải cứu chúng ta thoát khỏi quy luật của tội lỗi và sự chết, và đòi hỏi cả luật pháp có thể được tron trong chúng ta là những người không bước đi trong xác thịt nhưng bước đi trong Thánh Linh. Bây giờ khi bức tường đã không còn nữa, nhưng có Thánh Linh ở với họ, các tín hữu sẽ được tự do để đi đến bất cứ nơi nào trên thế giới để mang Tin lành đến cho mọi tạo vật.

Còn hơn như vậy nữa. Vào lúc đó, Phi-e-rơ và các sứ đồ có thể không nhận ra rằng còn có một hàm ý sâu xa hơn trong dân ngoại cũng như người Do thái được báp tem bằng Thánh Linh. Nhưng không phải nhiều năm trôi qua trước khi Phao-lô được soi dẫn để viết rằng: “Vì chung chúng ta hoặc người Giu-đa, hoặc người Gờ-

réc, hoặc tôi mọi, hoặc tự chủ, đều đã chịu phép báp-tem chung một Thánh Linh để hiệp làm một thân; và chúng tôi đều đã chịu uống chung một Thánh Linh nữa” (1 Cô. 12:13). Đây là kết thúc đối với bức tường phân chia nằm chính giữa: Do thái và dân ngoại, các thành viên chia sẻ cuộc sống giống nhau, cùng hiệp tác trong cùng một thân thể của Đấng Christ.

Vậy nên, đây là sự nên thánh Cơ đốc vốn khác biệt với sự nên thánh của Do thái giáo.

Nhưng trở lại với các tín hữu Do thái tại Giê-ru-sa-lem. Khi họ nghe câu chuyện của Phi-e-rơ, họ từ bỏ mọi chống đối, và ngợi khen Đức Chúa Trời (11:18). Tất cả là công của họ. Việc từ bỏ vị trí vinh dự vốn có được thực hành nhiều thế kỷ có thể đối với một vài người là một nỗi đau đớn như mất người thân, nhưng lại không như vậy đối với họ.

Những người đã kinh nghiệm ân điển hết sức lớn lao của Đức Chúa Trời trong Đấng Christ như là một món quà miễn phí cảm thấy bản thân họ giàu có đến nỗi họ có thể có đủ để chia sẻ tất cả mọi điều họ có với mọi người cách công bằng. Họ dâng vinh hiển cho Đức Chúa Trời; vì một Đức Chúa Trời cao quý của ân điển không có gì sánh bằng, tỏ ra rằng Ngài là Đấng: “Vậy Đức Chúa Trời cũng đã ban sự ăn năn [thậm chí] cho người ngoại để họ được sự sống” (11:18). “[Thậm chí] cho người ngoại” có phải là có gì tí đó kỳ lạ? Tại sao không chỉ là “dân ngoại”? Vậy thì sắp xếp câu chữ lại để nhìn thấy được ân điển diệu kỳ trong hết thảy: “Vậy Đức Chúa Trời đã ban cho [thậm chí] chúng ta để chúng ta được sự sống.”

Cùng với cao trào vinh quang này, chúng ta đã đi đến điểm kết thúc của Chuyển động 1.

PHẦN BA: CHUYỂN ĐỘNG 2

Tin lành được tự do khỏi sự thao túng của Trung tâm hành chính & Chính trị của Giáo quyền Do thái (11:19-12:24)

Cũng giống Chuyển động 1, Chuyển động 2 nói về việc Tin lành truyền ra cho dân ngoại. Giống với Chuyển động 1, nó quan tâm đến những rào chắn vào lúc ban đầu phát sinh chống lại việc rao truyền Tin lành và làm thế nào chúng bị dẹp yên. Giống Chuyển động 1, nó gồm có hai cặp câu chuyện. Trong Chuyển động 1, yếu tố chung giữa hai cặp câu chuyện là các chuyến đi của Phi-e-rơ. Trong chuyển động này yếu tố chung là sự bách hại. Cặp câu chuyện đầu nói về việc thế nào sự bách hại dù không cố ý lại gây nên sự tràn lan của Tin lành. Cặp câu chuyện thứ hai nói về việc làm thế nào sự bách hại có thể ngăn chặn ngọn nguồn của Tin lành mà Đức Chúa Trời không can thiệp. Đương nhiên, địa điểm tham khảo của cả hai cặp câu chuyện là Giê-ru-sa-lem.

SỰ THÀNH LẬP HỘI THÁNH AN-TI-ỐT (11:19-26)

Chuyển động 1 đã kể lại rất nhiều cách Phi-e-rơ đã chính thức mở ra cánh cửa đức tin cho dân ngoại; và thế nào trong chuyến viếng thăm Cột-nây của mình Đức Chúa Trời đã chủ động đưa ra và giải quyết các thắc mắc về sự nền thánh có liên quan.

Nhưng theo như Công vụ cho chúng ta biết, dòng chảy lớn đầu tiên của Tin lành cho dân ngoại và sự thành lập Hội thánh đầu tiên chủ yếu dành cho dân ngoại không phải do Phi-e-rơ hay bất kỳ vị sứ đồ nào dẫn dắt. Cũng không được khởi xướng hay được điều hành sau đó bởi Hội thánh tại Giê-ru-sa-lem.

Đây là điều thật đáng được chú ý; khi ta càng nghĩ, thì nó càng trở nên đáng được chú ý. Điều đoạn Kinh thánh này sẽ mô tả là một điều hoàn toàn mới mẻ: không phải việc thành lập nhà hội Cơ đốc Do thái An-ti-ốt nơi mà người ngoại bang có thể được thừa nhận khi trở thành người Do thái, nhưng là việc thành lập một cộng đồng nơi các

tín hữu Do thái và các tín hữu ngoại bang gặp nhau dựa trên các điều kiện bình đẳng đến nỗi một tên gọi mới “Cơ đốc nhân” (Cơ-rê-tiên), được phát minh để gọi các thành viên của cộng đồng này (11:26). Dù một Hội thánh như vậy đã được thành lập ở đâu đó thì Lu-ca cũng không nói cho chúng ta biết. Cho đến cùng nào sách Công vụ còn được quan tâm, thì đây là Hội thánh đầu tiên được thành lập ở bên ngoài Giê-ru-sa-lem và Giu-đê (Lu-ca không nói rằng điều xảy ra tại Sa-ma-ri, hay tại Rô-ma là kết quả của Lễ Ngũ tuần, 2:10).

Sự sai phái nguyên thủy Chúa truyền cho các một đồ xác định rằng họ sẽ là chứng nhân cho Đấng Christ tại Giê-ru-sa-lem và trong cả Giu-đê và Sa-ma-ri và đến cùng trái đất (1:8). Người ta có thể trông đợi rằng dưới áp lực của sự sai phái này các sứ đồ tại Giê-ru-sa-lem ít nhất sẽ chủ động khởi xướng và hướng dẫn mục vụ cho dân ngoại, dù cho tự bản thân họ không tiến hành. Cuối cùng thì đó là một điều quan trọng!

Nhưng điều ngược lại mới là sự thật. Các sứ đồ tại Giê-ru-sa-lem không khởi xướng, hướng dẫn, cũng không điều hành mục vụ này. Thật ra Hội thánh tại An-ti-ốt được thành lập thậm chí là trước khi Hội thánh tại Giê-ru-sa-lem nghe về An-ti-ốt.

Điều thiết lập mục vụ lại là sự bách hại nổi lên vốn có liên quan đến Ê-tên. Như 8:1 cho chúng ta biết, “trừ ra các sứ đồ, còn hết thảy tín đồ đều phải chạy tan lạc trong các miền Giu-đê và xứ Sa-ma-ri.” Lý do tại sao các sứ đồ ở lại thì Lu-ca không cho chúng ta biết. Có thể họ ở lại là vì cũng giống như thuyền trưởng của một con tàu, họ là người sẽ rời tàu cuối cùng; và có thể nỗ lực và sự hy sinh đòi hỏi để duy trì Hội thánh tại Giê-ru-sa-lem trong những hoàn cảnh như vậy xâm chiếm tâm trí và năng lượng của họ, cho đến khi sự bách hại giảm xuống, nhiều người bị tản lạc khắp Giu-đê và Sa-ma-ri trở lại Giê-ru-sa-lem, và hơn nữa chiếm lấy tâm lòng người chần bầy của các sứ đồ.

Tuy nhiên điều đó cũng có thể là, thậm chí những người bị tản lạc ở hướng Phê-nê-xi, đảo Chíp-rơ, và An-ti-ốt dường như không cố ý đặt mục tiêu truyền giáo cho dân ngoại. Vào lúc đầu họ chỉ rao sứ điệp cho người Do thái (11:19). Rồi sau đó, trong thời điểm được

thôi thúc, vài tín hữu vốn đến từ Chíp-rơ và Sy-ren bắt đầu nói cho cả người Gờ-rét tin tức tốt lành về Đức Chúa Jesus Christ (10:20). Lu-ca cho biết rằng tay của Chúa ở cùng họ và đó là bí mật. Chính Chúa đứng ở phía sau làm toàn bộ công việc vận hành, khởi động, kiểm soát, hướng dẫn, và ban thành công: “nên số người tin và trở lại cùng Chúa rất nhiều” (11:21).

Điều thú vị tiếp theo là Hội thánh tại Giê-ru-sa-lem đã làm gì khi họ nghe điều đã xảy ra tại An-ti-ốt. Họ sai Ba-na-ba đến An-ti-ốt (11:22). Lu-ca cho biết, khi ông ta đến, ông thấy ân điển của Đức Chúa Trời. Nghĩa là, ông nhìn nhận rằng những điều xảy ra là sự can thiệp của chính Đức Chúa Trời, một biểu thị của ân điển Đức Chúa Trời; và ông đã vui mừng.

Sau đó ông khích lệ họ hết lòng tham dự vào... Giê-ru-sa-lem? Không đúng! ... mà là vững lòng theo Chúa (11:23). Điều này có ý nghĩa vô cùng. Đây là tiền bộ vô cùng quan trọng của Tin lành đối với một mức độ hoàn toàn mới: người Do thái và dân ngoại bang cùng đứng với nhau trong một Hội thánh Cơ đốc (không phải là một nhà hội Cơ đốc Do thái).

Toàn bộ điều này đã được thực hiện mà không cần nhận lời khuyên hay tìm kiếm sự cho phép của Hội thánh Giê-ru-sa-lem. Nhưng Ba-na-ba không nói: “Tôi vui mừng vì mọi việc đã trở nên tốt đẹp như vốn phải như vậy. Nhưng dĩ nhiên các anh chị em phải tham khảo với Giê-ru-sa-lem trước khi các anh chị em bước thêm bước đi nào, và dĩ nhiên là trước khi anh chị em thành lập một Hội thánh. Vì vậy, trong tương lai anh chị em sẽ phải cẩn thận, xin trung thành với Giê-ru-sa-lem và luôn tham khảo ý kiến của Giê-ru-sa-lem trước khi anh chị em có thêm bất kỳ sáng kiến nào.”

Không phải vậy! Nếu họ đã đợi Hội thánh Giê-ru-sa-lem sai phái họ như là giáo sĩ cho dân ngoại, thì Hội thánh tại An-ti-ốt có thể vẫn chưa được thành lập. Thật ra, dầu chúng ta không thể tranh biện cách chắc chắn trong yên lặng, thì cũng có một điều thú vị mà chúng ta chưa bao giờ đọc thấy trong Công vụ nói về việc Hội thánh tại Giê-ru-sa-lem chủ động khởi xướng bất kỳ sứ mạng nào cho người ngoại bang như vậy.

Vậy nên, lời khuyên của Ba-na-ba là họ nên vâng theo Chúa. Lu-ca nói rằng ông đưa ra lời khuyên như vậy là bởi vì ông là một người lành, đầy đầy Thánh Linh và đức tin (11:24). Sự thiện lành của ông thực ra được nhìn thấy qua việc ông không có thái độ khó chịu và ganh tị khi những tín hữu vô danh đã thực hiện một việc hết sức ý nghĩa mà trước hết không tham khảo ý kiến của Giê-ru-sa-lem. Còn đức tin của ông được nhìn thấy trong việc ông nhận thức rằng ân điển của Đức Chúa Trời đang hành động, và Đức Chúa Trời, Đấng đã dẫn dắt các tông đồ của Ngài và làm cho họ được thịnh vượng, thì họ vẫn có thể tiếp tục nhờ cậy Ngài khởi xướng, hướng dẫn, lãnh đạo, và bảo vệ công việc của Ngài, chỉ cần những Cơ đốc nhân và Hội thánh mới mẻ này trung thành vâng theo Ngài. Trung thành với Chúa Jê-sus đòi hỏi phải vâng phục giáo lý và thực hành y theo sự dạy dỗ của các sứ đồ, đầu cho những vị sứ đồ này ở tại bất cứ địa điểm nào vào bất cứ thời điểm nào. Nhưng trung thành với Chúa Jê-sus sẽ không đòi hỏi Hội thánh tại Sy-ri (hay ở bất cứ nơi nào khác) thuận phục theo sự kiểm soát về hành chính và tổ chức của Hội thánh tại Giê-ru-sa-lem. Vị trí trọng tâm của Giê-ru-sa-lem trong Do thái giáo, Cơ đốc giáo không cần có thêm một cái nữa. Cơ đốc giáo cũng không cần sự điều động hay kiểm soát từ Giê-ru-sa-lem. Và – để xem trước một chút – khi chúng ta khám phá những sự hướng dẫn đầy đầy năng quyền được Hội thánh tại An-ti-ốt thực hiện (xem 13:1-3), chúng ta có thể nhận thấy sự khôn ngoan trong lời khuyên của Ba-na-ba.

Điều thứ hai Ba-na-ba thực hiện nhằm khuyến khích và giúp đỡ phát triển Hội thánh tại An-ti-ốt là đón Sau-lơ từ Tạt-sơ đến; và họ cùng nhau nhóm với Hội thánh trong suốt một năm, dạy dỗ rất nhiều người (11:25-26). Sau-lơ dường như đã rời Giê-ru-sa-lem trở về Tạt-sơ. Nhưng Ba-na-ba đã nhận ra trong ông vốn là một người đặc biệt đầy ơn và thích hợp, được kêu gọi để giúp đỡ dân ngoại. Vì thế ông đến đón Sau-lơ, và họ dạy Lời của Đức Chúa Trời cho mọi người theo cách có hệ thống. Đây là công thức thật để Hội thánh tăng trưởng và phát triển: không phải vâng theo các trụ sở giáo hội nhưng vâng theo Chúa; mặt khác không lệ thuộc và tự cung tự cấp cách ngốc nghếch, nhưng chấp nhận giúp đỡ từ các giáo sư đến từ bên ngoài là những người vốn được Đức Chúa Trời bổ nhiệm; không lấy việc “vâng phục

Chúa” làm cái cơ để chạy theo những ý tưởng và ưa thích riêng của bất cứ ai, nhưng đi theo động lực muốn trở nên mạnh mẽ và có hệ thống, là điều vốn được dạy dỗ trong Lời của Chúa.

Điều thú vị thứ ba là lần đầu tiên các môn đồ được gọi là Cơ đốc nhân là tại An-ti-ốt. Ở một tầng ý nghĩa, đây quả thật là điều may mắn nhất vì nó đã xảy ra tại nơi này. “Đấng Mê-si-a” là một thuật ngữ Hê-bơ-rơ mà những người Do thái nói tiếng Hy-lạp phiên dịch từ thuật ngữ “Christos,” có nghĩa là Đấng Christ. Nhưng “Cơ đốc nhân,” có nghĩa là “người tin vào, hay tôi tớ của Đấng Christ” là một thuật ngữ hoàn toàn mới, mà ngay từ lần đầu tiên sử dụng thì đã áp dụng đồng đều trên cả người Do thái lẫn người ngoại bang. Với điều đó, chúng ta lưu ý một điều quan trọng khác. Trong Chuyên động 1 chúng ta đã nhìn thấy thế nào sự phân cách giữa người Do thái và người ngoại bang đã bị phá đổ. Nhưng điều đó không có nghĩa rằng bây giờ không có sự khác biệt nào giữa mọi người. Một sự phân chia mới đang xảy ra: không còn giữa người Do thái và người ngoại bang, nhưng một mặt là giữa Cơ đốc nhân Do thái và người ngoại bang, và mặt khác là giữa người Do thái không phải là Cơ đốc nhân và người ngoại bang.

HỘI THÁNH TẠI AN-TI-ỐT VÀ CÔNG VIỆC CỨU TRỢ XÃ HỘI (11:27-3)

Trong Chuyên động 1 chúng ta đã nhìn thấy trong quan niệm nên thánh của người Do thái nhấn rất mạnh mẽ và lạnh mạnh về việc làm lành và mối quan tâm đến xã hội là thế nào. Rồi chúng ta cũng đã thấy những thiếu sót của sự nên thánh trong Do thái giáo và thế nào phải được thay thế bởi sự nên thánh của Cơ đốc giáo. Cụ thể là bức tường phân cách vốn như là một rào chắn giữa người Do thái và người ngoại bang cần phải được dỡ bỏ, và các luật lệ về thực phẩm vốn gây khó khăn vô cùng cho các mối liên hệ xã hội cũng cần phải được bãi bỏ. Bây giờ, chúng ta nhìn thấy tại An-ti-ốt một Hội thánh đặt nền tảng trên các nguyên tắc nên thánh Cơ đốc. Câu hỏi đặt ra là, Hội Thánh ấy sẽ vận hành thế nào? Hội Thánh ấy sẽ để lại những ảnh hưởng nào trên lương tâm của xã hội? Liệu hội thánh ấy có lơ là đối với nghĩa vụ đúng đắn về mặt xã hội và đạo đức hay không?

Không hề! Hãy nhìn vào những điều đã xảy ra tại An-ti-ốt. Khi

được nghe từ một vài vị tiên tri rằng khắp thế giới sắp sửa lâm vào nạn đói kém, các môn đồ, có vẻ như là tự thân họ, đã quyết định mỗi người dựa vào khả năng của riêng mình, gửi cứu trợ đến các anh chị em ở Giu-đê (11:27-30). Đây quả là một nghĩa cử ấm lòng, và là một bày tỏ thực tế về sự hiệp một của người Do thái và người ngoại bang trong Đấng Christ. Trong một ý nghĩa nhất định, mối quan tâm xã hội tự phát này thậm chí còn gây ấn tượng cao hơn việc làm của Đô-ca (9:36-43), bởi vì nó vượt qua mọi rào cản cũ xưa của tự hào, định kiến, và thù oán tôn giáo, các khác biệt về chủng tộc và khoảng cách địa lý. Cho đến ngày nay, sự hiệp một trong Đấng Christ tồn tại giữa các tín hữu trên toàn thế giới, vượt qua các rào chắn về chính trị, giáo dục, xã hội, chủng tộc, và quốc gia vẫn là một sự thật để lại ấn tượng lớn lao vô cùng.

Đáng mỉa mai ấy là cuộc bách hại đầu tiên xảy ra với Ê-tiên đã chống lại chính hội thánh. Vào thời kỳ đầu tiên, Hội thánh tại Giê-ru-sa-lem bị giảm đáng kể về số lượng. Nhưng điều đó không chỉ dẫn đến sự mở mang mà không phải là sự gia giảm của Cơ đốc giáo trên thế giới, nhưng còn dẫn đến một Hội thánh mới được thiết lập tại An-ti-ốt, đến lượt mình, gửi cứu trợ để giúp đỡ duy trì Hội thánh tại Giê-ru-sa-lem.

HÊ-RỐT BẮT BỚ HỘI THÁNH VÀ CUỘC ĐÀO THOÁT CỦA PHI-E-RƠ (12:1-19)

Bây giờ chúng ta lại gặp sự bách hại, và một lần nữa lại nhắm vào Hội thánh Giê-ru-sa-lem. Một lần nữa hội thánh đắc thắng sự bắt bớ. Nhưng lần này vấn đề và bài học nhận được lại khác. Chính Vua Hê-rốt đã phát động cuộc bắt bớ và dùng gươm chém chết Gia-cơ (12:1-2). Chúng ta không được cho biết lý do khiến ông bắt đầu việc này; nhưng chúng ta được cho biết rằng “[Vua] thấy điều đó vừa ý người Giu-đá, nên cũng sai bắt Phi-e-rơ nữa” (12:3.) Vì thế, những điều chúng ta có tại đây là một vụ việc kỳ thị chính trị dựa trên lý do tôn giáo.

Kỳ thị chính trị dựa trên lý do tôn giáo trong thế kỷ trước đã càng được nhìn thấy nhiều vì sự gian ác của nó, ít nhất là trong thế giới Cơ đốc. Tuy nhiên, chúng ta không được quên rằng trong phần lớn

những thế kỷ Cơ đốc, những phong cách sống này đã được trải rộng khắp thế giới Cơ đốc, thật ra là hầu hết vũ trụ, và là nguồn của những sự tàn ác và những cuộc bách hại lớn và đầy tai tiếng.

Vì thế chúng ta nên dừng lại trong chốc lát và suy nghĩ thông suốt những giả định cơ bản tạo nên những kỳ thị dường như là một điều đúng đắn và lành mạnh không chỉ đối với người Do thái cổ đại nhưng cũng đối với nhiều thế hệ trong thế giới Cơ đốc, thậm chí đối với một vài hội nhóm cùng thời với chúng ta.

Trong người Hê-rốt A-t-ríp-ba đệ nhất chảy một ít dòng máu Do thái dù cho dòng Hê-rốt có tổ tiên là người Ê-đôm và hoàn toàn không phổ biến trong vòng người Do thái, bà của ông là công chúa Hasmonaeam, tên là Mariamne. Có lẽ điều này là có thể hiểu được, vì Hoàng đế Claudius đã tiếp nhận Giu-đê vào vương quốc của A-t-ríp-ba vào năm 41 SC, nên A-t-ríp-ba có quyền làm mọi điều ông có thể để chiếm được lòng người Do thái. Nhưng thật đáng buồn vì ông đã xử tử Gia-cơ để làm “vừa ý người Do thái,” và điều đó khuyến khích ông bắt luôn cả Phi-e-rơ.

Giáo sư F. F. Bruce đã đưa ra dự đoán rằng lý do Hê-rốt tấn công “một vài người trong Hội thánh” (12:1) thay vì tấn công tất cả các thành viên của Hội thánh Giê-ru-sa-lem cách bừa bãi, có thể là vì Phi-e-rơ và những sứ đồ khác vào gần thời gian đó có liên quan đến, hoặc đã được công nhận việc phá bỏ các rào cản giữa người Do thái và dân ngoại bang, và đem đến cho người ngoại bang các đặc quyền thuộc về người Do thái (như cách người Do thái nhìn nhận) mà không đòi hỏi những người ngoại bang này trở nên người Do thái. Nếu điều này là sự thật, thì những gì chúng ta chứng kiến hiện tại sẽ là một cuộc bùng nổ mới của sự thù địch Do thái chống lại Cơ đốc giáo. Họ đã đạt được một vài tạm ước với Cơ đốc giáo miễn là các Cơ đốc nhân Do thái ít nhất cũng phải duy trì những đặc quyền đặc trưng của người Do thái chống lại người ngoại bang. Nhưng bây giờ họ bắt đầu nhìn thấy điều Tin lành Cơ đốc thật sự liên quan và điều mà sự nền thánh Cơ đốc hàm ý – ấy là việc xóa bỏ tất cả các đặc quyền của người Do thái – sự thù địch của họ lại một lần nữa bùng lên chống lại Tin lành.

Cho dù đây thật sự là tình huống một lần nữa khiến thổi bùng lên thành một ngọn lửa, hay cho dù sự thù địch của người Do thái đơn giản là mối hận thù xưa cũ chống lại Cơ đốc giáo đơn thuần, thì cũng thật quan trọng cần phải nhìn ra rằng điều khiến người Do thái đặt mình vào vị trí chống đối chính là trọng tâm của Tin lành Cơ đốc. Đó không phải là một vài đặc điểm nho nhỏ trong niềm tin và thực hành Cơ đốc vốn là những điều mà các Cơ đốc nhân có tâm thần Cơ đốc chân thật có thể đã từng được khuyên nhủ thỏa hiệp để cùng tồn tại trong hòa bình với Do thái giáo.

Nhưng dĩ nhiên, người Do thái có thể cũng đã công bố rằng họ sở hữu thẩm quyền được Kinh thánh cho phép trong việc sử dụng quyền dân sự để xử tử những người phạm tội tà giáo nghiêm trọng. Phục truyền 17:2-7 quy định luật lệ rằng nếu bất kỳ người nào bị bắt gặp tham gia thờ lạy hình tượng, thì người đó, dù là nam hay nữ, đều phải chịu án tử hình. Phục truyền 13:6-18 cũng bao hàm luật lệ này, lại còn thêm rằng nếu một thành phố trong Y-sơ-ra-ên bị bắt gặp thờ lạy hình tượng, thì toàn quốc gia phải đem quân đội đến hủy diệt hoàn toàn thành phố đó cùng với mọi thứ cư ngụ và được chứa ở trong thành. Vì vậy, Y-sơ-ra-ên có thể tranh cãi rằng khi thờ phượng Chúa Jêsus như là Đức Chúa Trời, các Cơ đốc nhân đã phạm tội thờ tà thần cùng cực, và phạm đến danh của Đức Chúa Trời, và vì vậy đáng bị xử tử bởi quyền lực dân sự. Chắc chắn thế giới Cơ đốc trong nhiều thế kỷ cũng đã có cùng cái nhìn này, rằng thẩm quyền thuộc linh và giáo hội nắm giữ một nhiệm vụ do Đức Chúa Trời ban cho để hủy diệt những kẻ dị giáo thông qua việc trao họ cho quyền lực dân sự để xử tử; và rằng quyền lực dân sự vì thế có trách nhiệm ủng hộ thẩm quyền giáo hội và bảo trì quốc giáo thanh sạch.

Nhưng tại đây xuất hiện điểm then chốt của vấn đề. Y-sơ-ra-ên cổ đại vốn là một nền chính trị thần quyền do chính Đức Chúa Trời lập nên. Không chỉ các thầy cả thượng phẩm, nhưng rất nhiều vị vua của nó là “người được xức dầu của Đức Chúa Trời.” Mỗi thành viên của đất nước phải là một thành viên tôn giáo của đất nước. Mỗi đứa trẻ nam phải được làm lễ cắt bì vào ngày tuổi thứ tám. Bất kỳ đứa trẻ nào không làm lễ cắt bì sẽ bị “dứt khỏi giữa vòng dân sự.” Tôn

giáo và chính trị là hai mặt của một đồng tiền. Nhà nước là một nhà nước tuân theo nghi lễ tôn giáo. Dưới những điều khoản đó, dị giáo là một tội phạm chống lại nhà nước, và nhà nước có quyền và nghĩa vụ trừng phạt nó.

Tuy nhiên, vào thế kỷ thứ nhất SC, Y-sơ-ra-ên đã từ lâu không còn là một nhà nước tuân theo nghi lễ tôn giáo. Không chỉ mười chi phái, mà Giu-đa cũng đã đánh mất quyền lực chính trị. Người A-si-ri đã hủy diệt vương triều phương bắc, còn người Ba-by-lôn hủy diệt vương triều phương nam. Nhà Đa-vít không còn cầm quyền. Thậm chí sau khi bị lưu đày trở về, khi đền thờ và thành Giê-ru-sa-lem được khôi phục, vương triều cũng không còn. Chúng ta có thể để sang một bên câu hỏi phải chăng các vị vua Hasmonean có đủ tư cách được xem là “người được xúc dầu của Chúa”: triều đại của họ cũng đã chấm dứt. Hê-rốt Đại đế chắc chắn không phải là người được xúc dầu của Chúa. Ông còn không phải là một người Y-sơ-ra-ên chân chính. Ông là một người Y-đu-mê, mà theo Phục truyền 17:15, thì ông không có đủ phẩm chất làm vua của người Do thái.

Vậy nên, người Do thái đã mất đi lãnh tụ chính trị chân chính, một vị vua thuộc về nhà Đa-vít, và điều đó không hề là một sự tình cờ. Chính Đức Chúa Trời, Đấng kết thúc triều đại Đa-vít và đoạt lấy quyền lực chính trị trong tay Y-sơ-ra-ên và trao nó cho dân ngoại trong thời kỳ Lưu đày, bởi vì tội của quốc gia và sự nổi loạn chống lại Đức Chúa Trời. Và càng khiến cho sự việc tồi tệ hơn nữa, Y-sơ-ra-ên gần đây đã chối bỏ và xử tử vị vua chân chính thuộc về nhà Đa-vít, cũng là Đấng được xúc dầu của Đức Chúa Trời, là Chúa Jêsus. Theo ý nghĩa đó, Hê-rốt At-ríp-ba đệ nhất, người được Hoàng đế La mã Claudius bổ nhiệm, chắc chắn không được Đức Chúa Trời công nhận, ông được bổ nhiệm (cùng với những điều khác) để xử tử những kẻ dị giáo hầu gìn giữ đức tin và thực hành tôn giáo của Y-sơ-ra-ên trong sạch.

Vậy nên, Y-sơ-ra-ên đã từ lâu đánh mất quyền sử dụng thẩm quyền dân sự của mình để xử tử những người mà các lãnh đạo tôn giáo đương thời của Y-sơ-ra-ên cho là kẻ dị giáo, đừng nói gì đến một số dân ngoại bang, hay dân bán ngoại bang. Và càng khiến cho sự

việc trở nên tồi tệ hơn, Hê-rốt đã giam Phi-e-rơ vào ngục vào dịp lễ Vượt qua (12:4). Chỉ cần nhớ lại rằng Lễ Vượt qua tượng trưng cho điều gì, thì có thể nhìn thấy được điều mỉa mai đáng buồn của tình huống này. Lễ Vượt qua nguyên thủy tượng trưng tự do tôn giáo để thờ phượng Đức Chúa Trời theo lương tâm của mỗi người. Y-sơ-ra-ên vào lúc ấy ở dưới quyền lực chính trị của một vương triều ngoại bang, Pha-ra-ôn. Nhân danh Đức Chúa Trời, Môi-se yêu cầu Pha-ra-ôn: “Hãy tha dân ta đi, để chúng nó hầu việc ta” (Xuất. 10:3). Pha-ra-ôn đã đề xuất nhiều thỏa hiệp; nhưng Môi-se khẳng khái rằng chỉ có tự do hoàn toàn cho một dân tộc thờ lạy Đức Chúa Trời theo lương tâm và niềm tin của họ mới có thể làm thỏa lòng ông hoặc Đức Chúa Trời.

Nhưng bây giờ, ở tại một kỳ Lễ Vượt qua khác, Y-sơ-ra-ên được khuyến khích bởi chính quyền bán ngoại bang của mình, đã khước từ không để cho các Cơ đốc nhân người Do thái có quyền thờ phượng Đức Chúa Trời dựa theo lương tâm của họ, mà thật ra là quyền sống còn của họ.

Chúng ta có thể được đảm bảo một điều: sự kỳ thị chính trị vì lý do tôn giáo như vậy không phải là sự nên thánh chân chính, nó cũng không làm đẹp lòng Đức Chúa Trời! Bản thân người Y-sơ-ra-ên khi bị buộc phải sống như những kẻ kiều ngụ ở xứ sở ngoại bang, cũng đã cầu xin và vẫn thường được chấp thuận có được tự do thực hành tôn giáo của riêng họ. Khi họ bị khước từ, thì có hàng dài những người tuận đạo nhằm bày tỏ sự phản kháng cao quý của mình. Nhưng sự tự do tôn giáo mà đáng tiên tri Đa-ni-ên của họ đã đạt được, dù bản thân ông, các bạn đồng liêu của ông, dân tộc của ông đã phải trả cái giá rất đắt; và là điều mà người Do thái trong mỗi thế hệ từ lúc đó đã đại diện và chịu khổ tại các quốc gia khác; điều khuyến khích người Do thái chịu khổ trong suốt nhiều thế kỷ được gọi là quãng thời gian Cơ đốc giáo thống trị; lại là điều người Do thái trong thời của Phi-e-rơ lấy làm đẹp lòng khi thấy nó bị khước từ không ban cho những Cơ đốc nhân đầu tiên, là Gia-cơ và Phi-e-rơ.

Thế giới Cơ đốc hiếm khi đứng ở vị trí chỉ trở kết án Do thái giáo cổ đại. Cuối cùng khi nó hình thành một liên minh xấu xa giữa Hội

thánh và nhà nước, nó tự xem mình chẳng khác nào một nhà nước theo nghi thức tế lễ giống như Do thái giáo. Thật ra chính Hội thánh sau này đã sử dụng quyền lực của mình kích động phân biệt đối xử chống đối và sau đó bách hại người Do thái; rồi cuối cùng tiến đến bách hại những Cơ đốc nhân là những kẻ dị giáo, hoặc bị phán xử là dị giáo. Thế giới Cơ đốc cũng đã dùng các phương pháp giống với các phương pháp của Do thái giáo để duy trì một nhà nước theo nghi lễ tôn giáo. Ở trong Do thái giáo, một cách để đảm bảo mỗi thành viên của nhà nước cũng là một thành viên của quốc giáo là khăng khăng đòi hỏi mỗi công dân nam phải chịu cắt bì trong kỳ sơ sinh. Trong thế giới Cơ đốc thì lễ báp tem được xem là nghi lễ tương đương với lễ cắt bì; và vì vậy, cuối cùng tại các quốc gia khác nhau và trong các thế kỷ khác nhau, lễ báp tem cho từng trẻ sơ sinh trong đất nước được quy định bởi luật dân sự ở dưới nỗi đau của sự chết hoặc khuyết tật về chính trị. Chúng ta không cần phải một lần nữa ở tại chỗ này khóc than cho sự tàn ác khủng bố và sự kỳ thị không công bằng gây nên trên nền tảng chủ nghĩa gìn giữ các nghi lễ tôn giáo cách tiêu cực cho đến thời gian khá gần đây. Họ đã than khóc đủ rồi. Nhưng chúng ta không nên quên đi những sự kiện lịch sử, hay cũng không cho phép sự giả định của chủ nghĩa gìn giữ các nghi lễ tôn giáo cách tiêu cực bị quên lãng. Tư tưởng gìn giữ các nghi lễ tôn giáo cách tiêu cực như vậy không phải là một hình thức hợp lệ của sự nền thánh. Kết nối Hội thánh cùng với nhà nước và sử dụng kỳ thị chính trị để củng cố vị trí đặc quyền của Hội thánh và giữ cho nhà nước trong sạch(!) là vô cùng trái ngược với sự nền thánh Cơ đốc.

Hãy trở lại với Phi-e-rơ. Chứng kiến việc Gia-cơ bị xử tử, giờ ông lại nhận ra mình đang ở trong ngục tù (12:4). Không cần dùng quá nhiều trí tưởng tượng để nhận ra ông có thể nghĩ và cảm thấy thế nào trong những ngày trầm trọng này. Ông đã không chỉ là một lãnh đạo tất yếu của các Cơ đốc nhân tại Giê-ru-sa-lem từ ngày lễ Ngũ tuần; gần đây ông đã dẫn đầu trong việc phá dỡ những rào chắn cũ xưa vốn ngăn cách giữa người Do thái và dân ngoại, trong việc đem Tin lành đến cho dân ngoại, và trong việc tiếp nhận các tín hữu người ngoại bang như là những Cơ đốc nhân hoàn toàn và chân thật mà không cần họ phải trở thành người Do thái. Bây giờ sự bách hại đã nổ ra.

Gia-cơ đã chết rồi. Bản thân ông, nếu không có được sự can thiệp của Đức Chúa Trời, thì cũng sẽ chết sớm thôi. Người ta có thể nghi ngờ rằng điều đó không mấy nghiêm trọng đối với Phi-e-rơ. Nhưng nếu ông duy trì vị trí Cơ đốc của mình cùng những hiểu biết gần đây Đức Chúa Trời ban cho ông trong các áp dụng của Tin lành cho việc truyền giáo cho dân ngoại, thì nhiều đồng bào tín hữu Do thái của ông sẽ đi theo gương của ông, và họ có thể nhanh chóng cũng sẽ chết. Nói theo cảm tính của loài người thì ông sẽ phải chịu trách nhiệm cho cái chết của họ.

Ông phải làm thế nào đây? Nghiêng về bên ông biết là chân thật, Tin lành mà sự cứu rỗi cho vô số dân ngoại bang lệ thuộc vào. Làm thế nào ông dàn xếp được?

Nghiêng về bên kia, tuy nhiên, là sức nặng ghê gớm của nền tảng tôn giáo của Do thái giáo, của đại lượng những người Do thái trung thành, và bây giờ là của tất cả quyền lực của nhà vua và nhà nước. Trong những ngày đầu, Hội đồng tôn giáo của người Do thái đã cấm ông và Giảng nhân danh của Chúa Jê-sus rao giảng, Phi-e-rơ và Giảng đã thách thức họ mà không hề do dự. Nhưng bây giờ quyền lực dân sự thiết lập bởi La-ma đã tham dự vào và chiếm vị trí dẫn đầu trong cuộc bách hại. Chúng ta không thể nói Phi-e-rơ đã cảm thấy thế nào bởi vì ông không nói cho chúng ta biết. Nhưng chúng ta biết Luther cảm thấy thế nào khi ông phải đối mặt với không chỉ đại diện của Giáo hoàng mà còn có Hoàng đế Tây Ban Nha. Có thể nào ông đứng còn hết thấy những quyền lực ưu việt kia sai? Ông có làm đúng không khi chống lại hoàng đế? Ông có thể tiến hành chia rẽ thế giới Cơ đốc?

Nếu chúng ta không biết Phi-e-rơ đã cảm thấy thế nào trong tình huống nghiêm trọng này, thì chúng ta lại có thể biết được sự nhẹ nhõm ông trải qua khi ông phát hiện ra mình đã ở bên ngoài nhà tù, và đó quả là một sự giải thoát đối với ông. Ông có nói cho chúng ta biết về điều đó. Sự giải thoát của ông vốn là một phép lạ. Ngay từ lúc đầu ông đã không nhận ra rằng điều đó đang thật sự xảy ra: ông nghĩ đó là một khái tượng (12:9). Nhưng khi ông đứng ở bên ngoài nhà tù, bước vào trong làn không khí mát lạnh của đêm, ông nói: “Bây giờ ta

nhận biết thật Đức Chúa Trời đã sai thiên sứ Ngài giải cứu ta ra khỏi tay Hê-rốt cùng khỏi điều dân Giu-đa đang mong đợi” (12:11). Hãy lưu ý đến cách ông được giải cứu. Đó không chỉ đơn giản: “Thật tôi đã ra khỏi ngục hay là tôi đang mơ? – A, đúng rồi, tôi thật đã ra khỏi ngục.” Mà đó là phương cách ông ra khỏi ngục: Đấng đã giải thoát ông. Đó là một phép lạ. Chúa đã làm điều đó. Hàm ý rất rõ ràng: giống như Đức Chúa Trời đã can thiệp và khiến Chúa Jêsus sống lại từ cõi chết, vì thế đảo ngược sự phán xét trên Tòa Công luận Do thái và sự xếp đặt xấu xa với Phi-lát và Hê-rốt của họ, vì thế bây giờ Đức Chúa Trời can thiệp và làm cho vô hiệu kỳ thị chính trị và bách hại tôn giáo của Hê-rốt A-t-ríp-ba, và bác bỏ không thừa nhận thái độ gìn giữ các nghi lễ tôn giáo cách tiêu cực của Do thái giáo. Chính Đức Chúa Trời đã giải thoát Phi-e-rơ, và cùng với ông Tin lành cũng được giải thoát. Nhà nước Do thái đã không còn quyền kiểm soát của một nhà nước đối với vấn đề đức tin nữa rồi; và chắc chắn không có quyền lực để thực thi chế độ độc quyền tôn giáo của quốc giáo đối với lẽ thật được bày tỏ của Đức Chúa Trời. Tin lành được giải thoát để đem các phước lành của Áp-ra-ham (Ga. 3:14) đến cho dân ngoại; và dân ngoại có thể nhận lãnh mà không cần phải trở thành người Do thái. Tin lành vốn là dành cho toàn thế gian, nằm ở ngoài sự kiểm soát của chính phủ Giu-đê, dầu là ở bên trong hay ở bên ngoài biên giới của nhà nước. Trong việc giải thoát Tin Lành khỏi sự kiểm soát của nhà nước Giu-đê, chúng ta có thể chắc chắn rằng Đức Chúa Trời không bao giờ can thiệp để đặt Tin Lành ở dưới sự kiểm soát của bất kỳ nhà nước ngoại bang nào.

Bài học mà Phi-e-rơ học được trong làn không khí mát lạnh của đêm ở bên ngoài nhà ngục vì vậy cũng quan trọng giống như bài học ông đã học được qua khái tượng mang ông đến nhà của Cọt-nây và các sự việc xảy ra tại đó. Sự can thiệp của Đức Chúa Trời trong việc mang Phi-e-rơ đến nhà người ngoại bang Cọt-nây đã giải phóng Tin lành khỏi những rào cản chặ chẽ của các luật lệ về thực phẩm liên quan đến tôn giáo của Do thái giáo và chủ nghĩa biệt lập. Sự can thiệp của Ngài nhằm giải thoát Phi-e-rơ khỏi nhà ngục đã giải thoát Tin lành khỏi sự kiểm soát của nhà nước gìn giữ các nghi lễ tôn giáo cách tiêu cực của Do thái giáo. Cả hai lần can thiệp đều cần thiết như nhau

để Tin lành có thể đến được với tất cả quốc gia trên thế giới. Làm thế nào Tin lành có thể tự do đến với mọi người thuộc các quốc gia khác nếu nó hoàn toàn nằm dưới sự kiểm soát của nhà nước Do thái? Hay ở dưới bất kỳ nhà nước nào? Cho đến hiện nay, chính sự sợ hãi của nhiều quốc gia (và không kém tại các nước vốn vẫn còn là nhà nước gìn giữ các nghi lễ tôn giáo cách tiêu cực – bao gồm cả các nhà nước cộng sản) rằng Tin lành thật sự là một vũ khí của chủ nghĩa đế quốc phương Tây hay chế độ dân chủ phương Tây. Và ở bên trong một vài quốc gia, các chính phủ lo sợ rằng Tin lành là vũ khí của chủ nghĩa tư bản, hay của chủ nghĩa cộng sản, tùy thuộc vào màu sắc của các chính phủ đặt nghi vấn. Nếu muốn Tin lành chiếm được cách chạm đến trái tim của mọi người thuộc mọi quốc gia, thì Tin lành cần được giải thoát khỏi tất cả mọi kiểm soát nhà nước và chính trị. Đúng vậy, Tin lành quan tâm đến việc thúc đẩy hiệp nhất giữa người Do thái và dân ngoại. Nhưng sự hiệp nhất đó là một sự hiệp nhất trong Đấng Christ, mà không phải là một liên minh quốc tế của các nhà nước. Chắc chắn là Tin lành quan tâm đến việc thúc đẩy làm việc lành và các mối quan tâm xã hội và nhận lãnh trách nhiệm. Không có ở nơi nào điều này được minh họa cách chặt chẽ hơn tại chính phần này trong sách Công vụ. Nhưng những công việc xã hội tốt đẹp đó phát nguồn từ chính Tin lành và từ sự cứu rỗi được ban cho qua Đấng Christ; Tin lành không phải là một sản phẩm, cũng không phải là một tên đầy tớ của bất kỳ lý thuyết chính trị cụ thể nào; cũng không phải là một vũ khí của bất kỳ chính phủ hay phong trào chính trị nào.

Nhưng hãy quay trở lại với Phi-e-rơ. Khi ông nhận ra rằng việc giải thoát ông khỏi nhà ngục không phải là một khái tượng, nhưng là sự thật, thì ông đi đến nhà của Mary, là mẹ Giăng Mác (12:12). Ở tại nhà đó, có một số các tín hữu đang cầu nguyện để Phi-e-rơ được tha ra. Khi họ nghe tiếng gõ cửa và tiếng của ông, sự vui mừng và sự ngỡ vực đã giữ họ lại trong chốc lát trước khi họ thừa nhận đó là ông. Hiện tại thật khó khăn cho nhóm tín hữu nhỏ đang còn bị kẹt lại ở Giê-ru-sa-lem để họ tin rằng Đức Chúa Trời sẽ làm một phép lạ lớn dường ấy để giải thoát Phi-e-rơ và Tin lành. Điều này tỏ ra rằng, ở bất kỳ mức độ nào, các Cơ đốc nhân đầu tiên đã không trông đợi có nhiều phép lạ xảy ra mỗi giờ trong ngày, hay mỗi ngày trong tuần.

Nhiều năm sau khi họ tường thuật phép lạ này cho Lu-ca, họ cho biết rằng phép lạ đó đã là một sự ngạc nhiên lạ thường đối với họ cũng như đối với bất kỳ người nào.

Bây giờ mức độ đáng tin cậy của phép lạ trước hết phụ thuộc vào nhân vật và tính đáng tin của nhân chứng và của bản ghi chép. Nhưng nó cũng phụ thuộc cách nhất định vào mức độ nghiêm trọng hoặc quan trọng. Nếu chúng ta được cho biết rằng Đức Chúa Trời đã can thiệp bằng cách sai một thiên sứ đến giúp Phi-e-rơ tìm thấy một cái hạt nút bị rơi khỏi áo của ông, thì phương tiện được sử dụng rõ ràng vượt quá mức độ quan trọng của tình huống khiến câu chuyện trở nên khó tin.

Độ đáng tin cậy của câu chuyện giải cứu Phi-e-rơ ra khỏi ngục cách kỳ diệu trước hết phụ thuộc vào ước tính của chúng ta về mức độ đáng tin của nhà sử học được soi dẫn là Lu-ca. Nhưng nó cũng sẽ phụ thuộc vào ước tính của chúng ta đối với tầm quan trọng của vấn đề đang gặp đe dọa.

Một vài nhà giải kinh đã đề xuất rằng câu chuyện về thiên sứ chỉ là một cách đề cao trong thơ văn nhằm nói rằng bởi sự quan phòng tốt lành của Đức Chúa Trời mà có một người nào đó trong những người đứng đầu nhà ngục, vì cảm thông với Phi-e-rơ, đã cho phép ông ra khỏi đó. Nhưng cách giải thích đó không hợp lý. Trước hết, bởi vì Lu-ca nói rằng đó là một thiên sứ (12:7, 8, 9, 10). Thêm vào đó, chỉ có sự can thiệp trực tiếp, kỳ diệu của Đức Chúa Trời mới thích đáng để giải quyết vấn đề đang gặp đe dọa. Giống như chính Đức Chúa Trời đã ban cho Y-sơ-ra-ên các luật lệ về thực phẩm, thì chính Đức Chúa Trời đã thiết lập nhà nước Y-sơ-ra-ên cùng với quyền lực dân sự cần thiết để thực thi niềm tin và thực hành tôn giáo. Vì thế, khi Đức Chúa Trời hủy bỏ các luật lệ về thực phẩm, chính Ngài phải tận tay thực hiện điều đó. Sẽ không tốt nếu Phi-e-rơ đề nghị với các đồng liêu ở Giê-ru-sa-lem rằng ông nghĩ rằng có thể bỏ qua các luật lệ về thực phẩm vào lúc này. Đức Chúa Trời đã phải giải quyết vấn đề qua việc cất công việc ra khỏi tay Phi-e-rơ và chính Ngài tuân đổ Thánh Linh trên dân ngoại. Tương tự, nếu Đức Chúa Trời muốn mọi người nhận thấy rằng tất cả thẩm quyền thiên thượng đã được cất bỏ khỏi

nhà nước theo chủ nghĩa gìn giữ các nghi lễ tôn giáo cách tiêu cực Giu-đê, thì cách duy nhất Ngài có thể làm là qua sự can thiệp thiên thượng trực tiếp. Chỉ quan điểm đơn giản của Phi-e-rơ, hay của tất cả các sứ đồ kết hợp lại, cũng sẽ không thích đáng.

Và theo mức độ quan trọng: sự phóng thích đức tin, giảng dạy và thực hành Tin lành khỏi sự kiểm soát của nhà nước Do thái – và khỏi tất cả các nhà nước theo nghi lễ tôn giáo khác – ngay bên cạnh chính sứ mạng của Tin lành, là một vấn đề quan trọng có tính cơ bản đối với công việc truyền giáo cho thế giới.

Nhưng dĩ nhiên Hê-rốt A-t-ríp-ba không thấy được thuyết phục. Ông kiên trì với quan điểm cho rằng điều đó xảy ra hoặc là do sự bất cẩn của các lính canh hoặc là đã có người bên trong thực hiện. Ông đem những người lính canh (vô tội) xử tử (12:19) – thêm một vài nạn nhân cộng thêm vào tổng số mà quyền lực của chủ nghĩa gìn giữ các nghi lễ tôn giáo theo cách tiêu cực đã giết hại.

HÊ-RỐT: HẬU QUẢ (12:20-24)

Hê-tốt A-t-ríp-ba thậm chí không phải là một người Do thái chân chính. Khi chủ nghĩa gìn giữ các nghi lễ tôn giáo theo cách tiêu cực của Do thái giáo vẫn nhận được thừa nhận thiên thượng, việc bỏ nhiệm ông trên ngai vàng của nhà nước Giu-đê sẽ làm trái với Kinh thánh Cựu ước (Phục. 17:15). Nhưng điều đó đã không làm cho người Do thái dửng dưng hài lòng khi ông sử dụng quyền lực chính trị của mình để đàn áp Tin lành và các mục vụ của nó (12:1-5). Nhưng nếu các lãnh đạo tôn giáo không có thẩm quyền của Đức Chúa Trời khích lệ quyền lực dân sự để phân xử trong các vấn đề đức tin, thì các nhà lãnh đạo tôn giáo sẽ phải ngạc nhiên khi quyền lực dân sự cuối cùng bắt đầu cư xử như nó là Đức Chúa Trời.

Ít nhất đó là điều Hê-rốt A-t-ríp-ba đệ nhất đã làm. Trong quá trình diễn ra những thương lượng chính trị nhất định, ông đã sắp xếp một cảnh tượng tuyệt vời để gây ấn tượng với dân chúng. Khoác trên người áo bào hoàng gia, ông ngồi trên ngai và truyền phán giữa công chúng (12:21). Đám đông đáp ứng gán cho ông vinh dự thiên thượng: họ kêu lên “Áy là tiếng của một thần, chẳng phải tiếng người ta đâu!”

(12:22). Ông chấp nhận lời nịnh hót vô lý và liên quan đến tội thờ lạy hình tượng của họ, và “Liên lúc đó, có thiên sứ của Chúa đánh vua Hê-rốt, bởi có chẳng nhường sự vinh hiển cho Đức Chúa Trời; và vua bị trùng đục mà chết” (12:23).

Cấu trúc tường thuật của Lu-ca khơi dậy điều phải suy nghĩ. Chúng ta đã lưu ý đến các lời vọng giữa 11:18 – “...Tín đồ nghe bấy nhiêu lời xong, đều thỏa thuận và ngợi khen Đức Chúa Trời” và 12:21, 23 – “...[ông] truyền phán giữa công chúng... [ông] chẳng nhường sự vinh hiển cho Đức Chúa Trời.”

Nhưng sự tương phản còn sâu xa hơn. Công vụ 11:1-18 nói về lễ báp têm của cả người Do thái và dân ngoại trong Thánh Linh. Lễ báp têm này đã mang lại một sự hiệp nhất trực tiếp giữa tín hữu Do thái và dân ngoại là điều chưa từng được biết đến trong toàn bộ lịch sử trước đây. Mặc dầu vậy, cũng không chắc vào thời điểm đó họ nhìn thấy được ý nghĩa đáng kinh ngạc của điều này. Nhưng sau đó họ đã tỏ cho Phao-lô, và từ nơi Phao-lô, Lu-ca đã biết được về họ trước khi ông viết sách Công vụ. Như Phao-lô đã giải thích cho người Cô-rinh-tô: “chúng ta hoặc người Giu-đa, hoặc người Gờ-réc... đều đã chịu phép báp-têm chung một Thánh Linh để hiệp làm một thân” (1 Cô. 12:13). Thân thể mà ông nói đến không yếu kém hơn “Đấng Christ,” là điều mới mẻ và độc nhất trong vũ trụ của Đức Chúa Trời vốn được thành hình vào Lễ Ngũ tuần, thân thể của Đấng Christ; thân thể tuyệt vời đó được tạo nên qua việc đặt để loài người vào trong Thánh Linh của Đức Chúa Trời, và khiến họ uống lấy Thánh Linh của Đức Chúa Trời. Vì vậy họ ở trong Thánh Linh của Đức chúa Trời, và Thánh Linh của Đức Chúa Trời ở trong họ (Rô. 8:9). Kết quả là thành hình một thân thể mà Con người Jê-sus là Đầu, và tại đó mỗi thành viên chia sẻ cùng một sự sống, và, không hề đánh mất trách nhiệm cá nhân của mỗi người, cũng không còn đơn thuần là một cá thể đơn lẻ, nhưng cùng với Chúa Jê-sus và mỗi một tín hữu khác làm một thành viên trong một thân thể lớn hơn, thân thể của Đấng Christ. Con người đã được đem vào ở trong Đức Chúa Trời!

Điều mà đoạn Kinh thánh cuối cùng của Chuyển động thứ 2 trình bày (12:20-30) là một sự giả mạo ngớ ngẩn đáng buồn: con người cố

gắng để chiếm lấy vị trí của Đức Chúa Trời và bắt chước Đức Chúa Trời, hiến thân cho tham vọng vốn được cấy ở trong tâm lòng con loài người vào buổi bình minh bởi chính kẻ cám dỗ đầu sỏ: “người... sẽ như Đức Chúa Trời” (Sáng. 3:5). Đó chỉ là một ví dụ nhỏ về một tinh thần vẫn chưa được thể hiện đầy đủ khi Antichrist, “tức là kẻ đối địch,” sẽ đi ngang qua trái đất, “đối địch và... tôn mình lên trên mọi sự mà người ta xưng là Đức Chúa Trời hoặc người ta thờ lạy, rất đỗi ngời trong đền Đức Chúa Trời, chính mình tự xưng là Đức Chúa Trời” (2 Tê. 2:4).

Lại còn một so sánh khác đáng để cân nhắc. Nếu thật trong sách Công vụ có sáu phần, thì phần Hê-rốt tự xưng là thần và cái chết của ông nằm ở cuối phần thứ ba, thì theo cấu trúc, câu chuyện này nằm ngay ở giữa của sách. Điểm giữa của sách Tin lành Lu-ca là tại 9:50, vì theo Lu-ca, tại 9:51 Chúa Jêsus bắt đầu cuộc hành trình đem Ngài từ Giê-ru-sa-lem trở về với sự vinh hiển mà từ nơi đó Ngài đã đến. Nếu là như vậy, thì thật thú vị khi nhận thấy rằng sự việc quan trọng cuối cùng trong phần đầu của Tin lành của Lu-ca là việc Con người Jêsus được làm cho vinh hiển trên núi hóa hình (Lu. 9:28-36).

Sự tương phản giữa hai phần này thật sống động. Trong sách Lu-ca, Con người Jêsus có “diện mạo... khác thường, áo Ngài trở nên sắc trắng chói lòa” (Lu. 9:29), và trong đám mây vinh hiển có sự hiện diện của Đức Chúa Trời hiện ra, có tiếng từ trong đám mây phán ra rằng: “Đây là Con Ta, Người được lựa chọn của Ta, hãy nghe người” (Lu. 9:35). Còn ở Công vụ, con loài người Hê-rốt A-t-ríp-pa I mặc hoàng bào, ngồi trên ngai của mình, đọc một bài diễn thuyết hay ho, tiếp nhận sự xưng thần – và bị trùng đực cắn nuốt (12:20-23)!

Dĩ nhiên, có thể Lu-ca không cố ý tạo ra những điểm tương tự và tương phản này. Nhưng vì cả hai sự việc đều là những sự kiện lịch sử mà Lu-ca đã được hướng dẫn ghi chép lại, thì không có lý do gì chúng ta không so sánh và đối chiếu sự tương phản của chúng trong tâm trí của mình.

Tiến bộ của loài người qua nhiều thế kỷ; việc gia tăng quyền lực cho ông (Hê-rốt) một cách ly kỳ trong những thập niên gần đây; việc thế giới gia tăng xu hướng trở nên một mái nhà chung nơi mà một vài

tôn giáo và triết lý trọng yếu sẽ có sự cạnh tranh giành quyền thống trị; vì vậy nhu cầu cần có một chính phủ chung cho toàn cầu để tìm kiếm phương cách ngăn chặn các tôn giáo và các triết lý có vũ trang không xâm xé thế giới thành mảnh vụn; mọi điều này có thể cám dỗ một ai đó lại thử phương kế mà các hoàng đế La-mã đã dùng để thống nhất đế chế của họ với tất cả các tôn giáo đa dạng của nó, và để chấm dứt cuộc đấu tranh và đổ máu vốn đã lật đổ nền cộng hòa La-mã: ấy là việc nhà nước thần thánh hóa người đứng đầu nhà nước, và mạnh mẽ áp đặt thêm sự thờ phượng này lên tất cả các tôn giáo khác. Nếu chuyện này xảy ra, không nghi ngờ nó sẽ đem đến một loại hòa bình trong lúc nó còn tồn tại, nhưng với cái giá là sự nô lệ thuộc linh lớn nhất mà thế giới từng biết.

PHẦN BỐN
Giáo Lý Cơ Đốc Về Sự Cứu Rỗi
(12:25-16:5)

Quan sát Sơ bộ

Dàn ý Phần Bốn

Chuyển động 1: Sự Rao giảng về Tin Lành Cứu Rỗi.

Chuyển động 2: Thảo luận về những Điều kiện để được Cứu rỗi.

PHẦN BỐN: Giáo Lý Cơ Đốc Về Sự Cứu Rỗi

Quan sát sơ bộ

Bây giờ chúng ta đi đến phần quan trọng thứ tư gây ra sự phân rẽ giữa Cơ đốc giáo và Do thái giáo. Vấn đề lần này liên quan đến sự cứu rỗi, cùng điều khoản và điều kiện của sự cứu rỗi. Câu hỏi này nằm ở trọng tâm của Tin lành. Danh Chúa Jêsus, như chúng ta biết, có nghĩa là “Chúa Cứu thế,” và danh này được Đức Chúa Trời ban cho, vì thế thiên sứ đã giải thích cùng Giô-sép, “... vì Ngài sẽ cứu dân mình ra khỏi tội” (Mat. 1:21). Vậy nên sự cứu rỗi là điều mà Tin lành truyền tải. Như Phao-lô đã viết, “Thật vậy, tôi không hổ thẹn về Tin Lành đâu, vì là quyền phép của Đức Chúa Trời để cứu mọi kẻ tin, trước là người Giu-đa, sau là người Gờ-réc” (Rô. 1:16).

Vì vậy, mới đọc, chúng ta có thể có cảm giác kỳ lạ vì cuộc thảo luận trang trọng của các sứ đồ về điều khoản và điều kiện của sự cứu rỗi, và tuyên bố giáo lý chính thức về chủ đề lại xuất hiện rất trẻ trong kỹ thuật của Lu-ca. Dĩ nhiên Chúa của chúng ta được công bố là Chúa Cứu thế như trước đó ở 5:31: “Đức Chúa Trời đã đem Đấng ấy lên bên hữu Ngài, làm Vua và Cứu Chúa, để ban lòng ăn năn và sự tha tội cho dân Y-sơ-ra-ên”; và ở 4:12 nói cách đơn giản rằng “Chẳng có sự cứu rỗi trong đấng nào khác; vì ở dưới trời, chẳng có danh nào khác ban cho loài người, để chúng ta phải nhờ đó mà được cứu.” Hơn nữa, sự việc được làm rõ ngay từ ban đầu rằng để được cứu, người ta phải ăn năn và tin nhận. Nhưng lại không có thảo luận và tuyên bố chính thức trang trọng về việc để được cứu có hay không người ta phải làm trọn những điều kiện khác nữa, ví như là chịu cắt bì và gìn giữ luật pháp Môi-se – mãi cho đến khi chúng ta đi đến phần thứ tư này của sách Công vụ.

Có một lý do hết sức đơn giản và thực tế cho việc này. Trước hết, tất cả những người tin Chúa Jêsus là Đấng Mê-si-a, Con của Đức Chúa Trời và là Chúa Cứu thế, đều là người Do thái. Tất cả những người nam giữa họ đều đã chịu cắt bì. Hết thầy họ từ lúc sơ sinh đã

PHẦN BỐN: GIÁO LÝ CƠ ĐỐC VỀ SỰ CỨU RỖI (12:25-16:5)

CHUYỂN ĐỘNG 1: SỰ GIẢNG DẠY CỦA TIN LÀNH CỨU RỖI (12:25-14:28)	CHUYỂN ĐỘNG 2: THẢO LUẬN VỀ ĐIỀU KIỆN CỦA SỰ CỨU RỖI (15:1-16:5)
<p>1. TỪ AN-TI-ỐT ĐẾN BA-PHÔ (12:25-13:12) Tiên tri giả Ba-Giê-su (13:16) cố khiến cho một người ngoại bang không tin (13:8)</p> <p>Phao-lô khiến vị tiên tri giả kia bị mù (13:9-11)</p>	<p>5. AN-TI-ỐT 1 (11:19-26)</p> <p>Các giáo sư giả từ Giu-đê (15: 1) giảng dạy rằng dân ngoại bang phải chịu cắt bì để được cứu</p> <p>Phao-lô và Ba-na-ba bàn cãi và tranh luận sắc bén với các giáo sư giả (15:2)</p>
<p>2. AN-TI-ỐT xứ BI-SI-ĐI (13:13-52)</p> <p>“Đức Chúa Trời bèn bởi dòng dõi người mà đẩy lên... một Cứu Chúa, tức là Đức Chúa Jê-sus” (13:23)</p> <p>“... lời rao truyền sự cứu chuộc nầy đã phán cho chúng ta vậy” (13:26); “... sự sáng cho các dân, ... sự cứu-rỗi cho đến cùng cõi đất” (13:47)</p> <p>Đa-vít (13:22, 34-37) và Môi-se (13:39)</p> <p>Trích dẫn từ Cựu ước liên quan đến dân ngoại (13:46-48)</p>	<p>6. HỘI NGHỊ (15:6-21)</p> <p>“Chúng ta tin rằng nhờ ơn Đức Chúa Jê-sus, chúng ta [những người Do thái] được cứu cũng như người ngoại vậy.” (15:11)</p> <p>Đa-vít (15:16) và Môi-se (15:21)</p> <p>Trích dẫn từ Cựu ước liên quan đến dân ngoại (15:14-19)</p>
<p>3. Y-CÔ-NI ĐẾN ĐỆT-BƠ (14:1-20)</p> <p>“Những người Giu-đê... khêu chọc lòng người ngoại” (14:2)</p> <p>Phao-lô và Ba-na-ba ngăn trở dân ngoại thờ hình tượng (14:11-18)</p>	<p>7. BỨC THƯ (15:22-35)</p> <p>“Một vài người [nam làm] biến loạn lòng các người” (15:24)</p> <p>“Kiêng ăn của cúng thần tượng” (15:29)</p>
<p>4. SỰ TRỞ LẠI (14:21-28)</p> <p>“ Bền đỗ trong đức tin... [Chúng ta] phải trải qua nhiều nỗi khó khăn mới vào được nước Đức Chúa Trời” (14:22)</p> <p>“[Họ] bèn thuật lại mọi việc Đức Chúa Trời... làm, và Ngài mở cửa đức tin cho người ngoại là thể nào” (14:27)</p>	<p>8. SỰ TRỞ LẠI (15:36-16:5)</p> <p>Phao-lô và Ba-na-ba tranh cãi sâu sắc và phân rẽ. Phao-lô làm phép cắt bì cho Ti-mô-thê (15:36-16:3)</p> <p>“Các Hội thánh được vững vàng trong đức tin” (16:5)</p>

được gieo ấn tượng nghiêm ngặt về trách nhiệm gìn giữ luật pháp Môi-se của mình. Vì vậy, khi họ ăn năn tội lỗi, và đặt niềm tin vào Chúa Cứu thế, nhiều người trong số họ không ngừng suy nghĩ thế nào việc họ chịu cắt bì và gìn giữ luật pháp liên quan đến sự cứu rỗi; phải chăng chúng là điều kiện tiên quyết cần thiết để được cứu, đến nỗi nếu một người không chịu cắt bì và không gìn giữ luật pháp thì người ấy không thể được cứu, dù người đó có thật sự ăn năn và tin vào Chúa Cứu thế; hay chúng chỉ là những điều cần phải thực hiện sau khi được cứu, như là việc bày tỏ lòng yêu mến và trung thành với Đức Chúa Trời.

Nhưng sau đó, khi Tin lành tràn ra, hàng trăm người ngoại bang bắt đầu ăn năn và tin nơi Chúa Jêsus. Tuy vậy, họ không chịu cắt bì, cũng không bị buộc phải gìn giữ luật pháp Môi-se.

Ví dụ như tại An-ti-ốt, họ nhóm lại như các Hội thánh của Cơ đốc nhân. Cũng rất dễ hiểu, điều này đã xảy ra không lâu trước khi câu hỏi có độ chính xác sắc bén và độ cấp thiết không thể tránh khỏi xuất hiện: Người ngoại bang có thể được cứu mà không cần chịu cắt bì và không cần gìn giữ luật pháp Môi-se hay không? Nếu là như vậy, thì phép cắt bì đã đóng vai trò nào trong sự cứu rỗi? Hay nó không hề đóng góp điều gì hết? Và luật pháp Môi-se cũng không?

Một khi được nêu lên, câu hỏi này cần phải được giải đáp một cách dứt khoát rõ ràng. Cơ đốc giáo cần phải định nghĩa giáo lý cứu rỗi của mình. Cơ đốc giáo đã làm như vậy; và vì thế Cơ Đốc giáo bước một bước xa khỏi Do thái giáo.

Phần 4 kéo dài từ 12:25 đến 16:5, ngay tại chỗ Lu-ca đặt một trong các điểm mốc phân chia kỹ thuật của ông. Phần này được biên soạn về hai chuyển động. Chuyển động 1 bắt đầu với sự trở về của Ba-na-ba và Sau-lơ từ Giê-ru-sa-lem đến An-ti-ốt (12:25) và bắt đầu hành trình truyền giáo đầu tiên cùng nhau của họ (13:1-4). Kỹ thuật của Lu-ca về cuộc hành trình tập trung vào bốn phần chính: hành trình xuyên qua Chíp-rơ, với tiêu điểm đặc biệt là sự cải đạo của quan trấn thủ Sê-giúp Phau-lút bất kể chống đối của một vị tiên tri giả người Do thái, Ê-ly-ma (13:4-12); bài giảng của Phao-lô ở An-ti-ốt xứ Bi-si-đi và việc xảy đến sau đó (13:13-52); sự giảng dạy của

ông xuyên suốt Y-cô-num, Lít-tơ, Đet-bơ, nhưng với điểm nổi bật đặc biệt từ một phép lạ được thi hành tại Lít-tơ và hiệu quả của nó (14:1-20); và cuối cùng đến Lít-tơ, Y-cô-num, An-ti-ốt xứ Bi-si-đi, Bam-phi-ly, Bết-giê, và Át-ta-li, đến cơ sở ở An-ti-ốt, nơi họ báo cáo cho Hội thánh (14:21-28).

Chuyển động 2 mô tả một hành trình khác, lúc này từ An-ti-ốt đến Giê-ru-sa-lem rồi trở lại (15:1-31); và sau đó là khởi đầu của cuộc hành trình thứ ba (15:36-16:4). Nó cũng được biên soạn từ bốn phần chính. Phần đầu cho biết thế nào các giáo sư giả từ Giu-đê đến An-ti-ốt, và thế nào một cuộc tranh chấp khốc liệt nảy sinh, Phao-lô, Ba-na-ba, và vài người khác đến gặp các sứ đồ và trưởng lão tại Giê-ru-sa-lem để giải quyết tranh chấp này (15:1-5). Phần thứ hai tường thuật lại kết quả giáo hội nghị tại Giê-ru-sa-lem và quyết định giáo hội nghị đạt được (15:6-21). Phần thứ ba kể về việc thế nào giáo hội nghị đã viết một bức thư cho các tín hữu ngoại bang ở An-ti-ốt và những nơi khác, và thế nào nó được chuyển bởi một số người được chọn cùng với Phao-lô và Ba-na-ba (15:22-35). Phần thứ tư ký thuật rằng sau một thời gian ở An-ti-ốt, Phao-lô và Ba-na-ba quyết định trở lại thăm các anh em ở tất cả những nơi họ đã rao giảng trong cuộc hành trình truyền giáo thứ nhất. Nhưng đã có một bất đồng gay gắt phát sinh, Phao-lô và Ba-na-ba phân rẽ nhau, Ba-na-ba mang theo Mác, Phao-lô mang theo Si-la và Ti-mô-thê (15:36-16:5).

Vậy là những gì chúng ta có trong Phần 4 là hai chuyển động chính cùng với phần chính trong mỗi chuyển động. Mục lục nội dung đơn giản cho phần này, liệt kê một số chi tiết chính trong mỗi phần.

Không phải ngẫu nhiên mà tư liệu trong phần này tạo nên một đối xứng rõ ràng. Nó được tạo nên bởi chủ ý của Lu-ca nhằm trình bày một câu chuyện cân bằng giữa giáo lý cơ bản của đức tin Cơ đốc này với việc nó được định nghĩa thế nào.

Hãy lấy một ví dụ rõ ràng nhất: việc đặt đề tóm tắt điểm mốt phân ký thuật chia tại 16:5. Điều này thật lạ vào lúc ban đầu. Lu-ca không đặt nó tại cuối cuộc hành trình truyền giáo thứ nhất của Phao-lô tại 14:28, nơi nó có thể trông tự nhiên, cũng không đặt tại cuối cuộc hành trình của ông ấy đến Giê-ru-sa-lem và trở lại, tại 15:35.

Thay vào đó ông bắt đầu câu chuyện về hành trình truyền giáo thứ hai của Phao-lô, theo sau đó một vài câu, 15: 36-16:4, sau đó đột ngột cắt ngang với một điểm mốc phân chia kỹ thuật tại 15:5, trước khi tiếp tục phần còn lại của cuộc hành trình truyền giáo thứ hai. Tại sao đặt một điểm mốc phân chia sau một phần mười hai cuộc hành trình truyền giáo thứ hai?

Một giải thích có thể đó là tại thời điểm tường thuật của Lu-ca đến 16:4, Phao-lô chỉ có thể đi thăm lại những nơi ông và Ba-na-ba đã từng đi qua trong cuộc hành trình truyền giáo thứ nhất. Việc bắt đầu những địa điểm mới chỉ bắt đầu tại 16:6. Nhưng một giải thích quan trọng hơn đang nhìn chăm chú vào chúng ta. Tại 15:1-5, Phao-lô, cùng với Ba-na-ba, đã đấu tranh mãnh liệt chống lại sự áp đặt của phép cắt bì, và cuối cùng tất cả các sứ đồ bày tỏ quan điểm thống nhất của họ rằng việc áp đặt phép cắt bì phá hoại giáo lý cứu rỗi. Dầu vậy, ở 16:1-3, Phao-lô đã làm phép cắt bì cho Ti-mô-thê! Sự bất nhất rõ ràng đối với một vấn đề quan trọng như vậy quả thật rất bắt mắt đến nỗi thời gian và vị trí địa lý đều không còn mang có ý nghĩa quan trọng khi được đem ra so sánh. Phao-lô làm phép cắt bì cho Ti-mô-thê khi nào và ở đâu đều không quan trọng, dầu cho đó là trong cuộc hành trình truyền giáo thứ nhất, thứ hai, hay thứ hai mươi hai của ông. Điều quan trọng là hành động này của ông cần được đọc ở trên lập trường của ông chống lại phép cắt bì tại An-ti-ốt và Giê-ru-sa-lem. Lu-ca đã cố hết sức mình để đảm bảo rằng chúng ta có thể hiểu điều đó qua việc đặt dấu phân chia tại 16:5, vì thế đặt trong ngoặc cả hai sự việc với nhau trong cùng một chuyển động.

Dĩ nhiên, nghiên cứu kỹ hơn sẽ thấy rằng sự bất nhất này chỉ là vẻ bề ngoài, không phải là sự thật. Tại An-ti-ốt và Giê-ru-sa-lem các giáo sư giả đang khẳng khẳng rằng phép cắt bì vốn là điều cần thiết để được cứu rỗi. Vì vậy, Phao-lô và Ba-na-ba kiên quyết chống đối họ. Việc Ti-mô-thê được làm phép cắt bì không phải là điều kiện để ông được cứu rỗi – ông đã được cứu rỗi rồi – nhưng đây là bày tỏ lòng tôn kính đối với lương tâm của những người Do thái Cơ đốc và không phải Cơ đốc, là những người có suy nghĩ rằng dù là ai, một khi công bố rằng mình được cứu thì sẽ cản thận thi hành những đòi hỏi

của luật pháp.

Lấy một ví dụ khác về sự cân bằng giống như vậy. Trong phần 2, có thể nghe được nhấn mạnh ở trong bài giảng của Phao-lô tại An-ti-ốt xứ Bi-si-di rằng sự xưng công nghĩa là bởi đức tin và không phải bởi việc làm của luật pháp (13:38-39); nhưng trong phần 3 ông nhấn mạnh tương đương về sự vâng phục đối với đòi hỏi của luật pháp: “Trước mặt Ta người chớ có các thần khác” (14:13-18).

Vậy nên, Lu-ca đang tỏ cho chúng ta sự cân bằng đẹp đẽ của giáo lý và thực thành của sự cứu rỗi qua việc cẩn thận chọn lựa và kết nối những sự việc, Phao-lô cũng làm giống như vậy, khi ông thực hiện điều có thể gọi là tuyên bố thần học thẳng thắn của ông trong thư ông gửi cho người Rô-ma: “chúng ta kể rằng người ta được xưng công bình bởi đức tin, chớ không bởi việc làm theo luật pháp” (Rô. 3:28); và như vậy “hầu cho sự công bình mà luật pháp buộc phải làm được trọn trong chúng ta, là kẻ chẳng noi theo xác thịt, nhưng noi theo Thánh Linh” (Rô. 8:4).

Hãy cùng xem lại Mục lục. Phần 1 cho chúng ta biết rằng, giống với phỏng đoán của chúng ta, sự chống đối niềm tin và giáo lý của Chúa Jê-sus (13:8, 12) vốn đến từ bên ngoài cộng đồng Cơ đốc. Phần 5 lại chỉ ra những điều không thể phỏng đoán trước được, đó là những tư tưởng sai lạc về giáo lý cứu rỗi được dạy dỗ bởi những người ở ngay trong cộng đồng Cơ đốc (15:1-5). Chắc chắn là Lu-ca chân thành khi ông cho chúng ta biết rằng việc như vậy đã xảy ra vào thời của ông. Nhưng sự việc còn hơn như vậy nữa. Những ý tưởng sai lạc liên quan đến thắc mắc về sự cứu rỗi không tiêu tan hoàn toàn chỉ đơn giản vì tất cả các sứ đồ, các trưởng lão, và toàn thể Hội thánh tại Giê-ru-sa-lem bài bác chúng. Chúng vẫn kiên trì tồn tại bên trong thế giới Cơ đốc trong nhiều thế kỷ cho đến tận bây giờ. Vì vậy, lịch sử trung thực của Lu-ca trở nên lời khích lệ cổ vũ chúng ta tra xét niềm tin của chúng ta dựa trên chủ đề này. Thời đại của chúng ta cũng không an toàn hơn gì so với thời đại của Lu-ca để nghĩ rằng giáo lý cứu rỗi được dạy dỗ trong một hội nhóm có vẻ bề ngoài là Hội thánh Cơ đốc bởi những giáo sư có vẻ bề ngoài là giáo sư Cơ đốc thì nhất thiết phải thống nhất với những điều các sứ đồ đã dạy. Điều an toàn duy nhất để

làm là sử dụng Bản Kinh thánh được các sứ đồ công nhận để tra xét.

Dĩ nhiên, có rất nhiều điểm tương đồng cũng như điểm đối lập giữa những chi tiết của hai chuyển động. Nhưng vào lúc này như vậy là tạm đủ; hàm nghĩa đặc biệt của chúng sẽ hiển lộ ở phía sau.

PHẦN BỐN: CHUYỂN ĐỘNG 1

Rao giảng về Tin lành Cứu rỗi (12:25-14:28)

TỪ AN-TI-ỐT ĐẾN BA-PHÔ (12:25-13:12)

Nếu Phần Ba của sách Công vụ quan tâm đến những tác động về chính trị và xã hội liên quan đến lý thuyết và thực hành về sự nên thánh của Tin Lành, thì bản thân Phần Bốn sẽ quan tâm đến giáo lý cứu rỗi của Tin lành.

Vì vậy, giáo lý và sự dạy dỗ được nhấn mạnh ngay từ phần khởi đầu. Khi giải thích về cách mà cuộc hành trình truyền giáo thứ nhất của Phao-lô được khởi xướng, Lu-ca cho biết, “Trong Hội thánh tại thành An-ti-ốt có mấy người tiên tri và mấy thầy giáo sư, tức là: Ba-na-ba, Si-mê-ôn gọi là Ni-giê, Lu-si-út người Sy-ren, Ma-na-hem là người đồng dưỡng với vua chư hầu Hê-rốt, cùng Sau-lô” (13:1). Chính lúc các tiên tri và giáo sư này đang thờ phượng Chúa và kiêng ăn thì Đức Thánh Linh đã phán, “Hãy để riêng Ba-na-ba và Sau-lô đăng làm công việc ta đã gọi làm” (13:2). Sau này Phao-lô đã mô tả việc này bằng những lời lẽ như sau: “...Ta đã được cử làm thầy giảng, là sứ đồ và giáo sư cho dân ngoại, để dạy họ về đức tin và về lẽ thật” (1 Tim. 2:7). Vậy nên, rất tự nhiên những người được Đức Chúa Trời đã lập làm tiên tri và giáo sư nên cùng nhau chờ đợi Đức Chúa Trời bày tỏ cho biết làm cách nào họ thiết lập và thực hiện nhiệm vụ lớn lao, là rao giảng cho dân ngoại và dạy họ giáo lý đức tin Cơ đốc. Cũng tự nhiên như vậy, người được sai phái bởi Đức Thánh Linh để làm nhiệm vụ vĩ đại này chính là những người được lựa chọn từ những tiên tri và giáo sư đó. Thường là vậy. Chính những người đó được ban tặng món quà này, họ là những người vừa có khả năng về nhu cầu và vừa có phương cách đáp ứng nhu cầu, chứ không phải Hội thánh nói chung. Hạnh phúc thay là những người trong hoàn cảnh như vậy lại có sự tự tin, phước hạnh, và sự trợ giúp từ Hội thánh trong công việc mà Thánh Linh (không phải Hội thánh) sai phái họ (13:4).

Họ đi đến Sê-lơ-xi, rồi từ đó đi Chíp-rơ. Tại Chíp-rơ họ rao giảng Lời của Đức Chúa Trời trong những nhà hội Do thái ở Sa-la-min. Nên

lưu ý “các nhà hội” là danh từ số nhiều (13:5). Tối thiểu thì chuyến đi này có hai bài giảng và có thể nhiều hơn. Sau đó họ đi xuyên qua toàn đảo và đến Ba-phô. Cho đến lúc này Lu-ca đã không chọn nói cho chúng ta biết đâu chỉ là một từ trong các bài giảng họ rao giảng hay các phản ứng họ đối diện. Nhưng hiện tại ông dừng lại kể cho chúng ta chi tiết đáng nói về những đã gì xảy ra tại Ba-phô, bởi vì liên hệ đặc biệt của sự kiện đến chủ đề của ông: tại Ba-phô sự dạy dỗ của Phao-lô về sự cứu rỗi bị chống đối bởi các tiên tri giả (13:6-12).

Ba-phô là trụ sở hành chính của Rô-ma trên đảo và có một vị quan trấn thủ là Sê-giút Phau-lút cư trú. Lu-ca cho biết ông ta là một người khôn ngoan (13:7), và ông sai mời Ba-na-ba và Sau-lơ bởi vì ông muốn nghe Lời của Đức Chúa Trời. Tuy nhiên, trong đoàn tùy tùng của quan trấn thủ có một người Do thái tên là Ba-Giê-su. Thật không may ông không phải là Đa-ni-ên, tự tin vào sự mặc khải của Đức Chúa Trời trong Cựu ước và can đảm làm chứng trong hoàn cảnh đen tối của tín ngưỡng ngoại giáo. Dầu ông tự xưng là một tiên tri, ông đã thuộc về phía ma thuật và thông linh giáo. Giống như nhiều người, thậm chí là ở trong thế giới Cơ đốc, ông đã khám phá ra rằng phía sau nhiều giáo phái thông linh vô nghĩa có một thế giới tâm linh thật sự vốn có thể liên hệ với loài người. Đó chính xác là bởi vì thế giới đó là thật sự, và không phải bởi vì nó không có thực, mà Đức Chúa Trời đã nghiêm khắc nghiêm cấm Y-so-ra-ên liên hệ với nó (Phục. 18:9-14). Nhưng thế giới của ma quỷ có một sức thu hút với nhiều người. Đối với họ nó dường như có thật hơn Đức Chúa Trời và Kinh thánh. Đức Chúa Trời và Kinh thánh phán với lương tâm và sự đánh giá đạo đức đúng sai của chúng ta. Thông linh giáo thì không. Nó chạm đến lòng yêu chuộng quyền lực của loài người. Vì vậy, con người nghĩ rằng tiên đoán của nó cho phép con người nhìn thấy trước những khó khăn, mất mát, tổn thương sắp xảy đến, và né tránh những điều này. Nó đem đến cho nhiều người quyền kiểm soát hoàn cảnh của họ, nếu cần thiết, còn là hoàn cảnh của người khác nữa. Nó không nói đến đạo đức, cũng không đòi hỏi sự ăn năn. Bởi vì con người nhận thấy nó là thật, theo nghĩa nó thật sự tồn tại và có quyền năng nhất định, họ không hỏi phải chăng nó đúng đắn, nghĩa là phải chăng nó đúng đắn về mặt đạo đức và tâm linh, phải chăng về

mặt tâm linh nó thuận theo Đấng Tạo hóa vốn là Lẽ thật.

Nhưng những linh thể ở đằng sau thông linh giáo, dù là thật, lại không đúng. Chúng là những kẻ phản loạn chống nghịch với Lẽ thật. Khi nói đến những vấn đề liên quan đến đạo đức và tâm linh, ma quỷ được định nghĩa là những linh thể lừa dối, và sự dạy dỗ của chúng cũng vậy (xem 1 Tim. 4:1-2). Đó là lý do tại sao những chống đối dữ dội và thẳng thừng nhất của ma quỷ chống lại Chúa Jesus khi Ngài còn ở trên đất này là chống lại việc dạy dỗ Lời Đức Chúa Trời của Ngài tại các nhà hội (Xem Mác 1:21-27). Chúng sẽ luôn tấn công Lẽ thật của Đức Chúa Trời, nếu chúng có thể, và cụ thể chúng sẽ tìm đem những ý tưởng sai trái về Đấng Christ thâm nhập vào Hội thánh (xem 1 Giăng 2:18-23; 4:1-6). Chúng gây ấn tượng với nhiều người bởi các phép lạ có năng lực vượt quá khả năng của loài người và những lời tiên đoán thình thoảng trở thành sự thật, nhằm lừa dối con người về Lẽ thật. Đó là lý do tại sao giáo lý Cơ đốc, sự dạy dỗ của Tin lành, sự giải bày Lời và Lẽ thật của Đức Chúa Trời thì vô cùng quan trọng trong việc truyền giáo cho thế giới ngoại bang. Là lỗi chiến thuật phổ biến nhất là khi Cơ đốc nhân đánh mất niềm tin của mình vào việc dùng Lời của Đức Chúa Trời làm mũi nhọn của công tác truyền giáo; bởi vì vấn đề gặp nguy hiểm cuối cùng không phải là “Chúng ta có thể tiếp xúc với quyền năng siêu việt ở nơi nào?” mà là “Lẽ thật là gì?”

Nhưng trở lại với Ba-Giê-su, hay Ê-ly-ma (= thầy phù thủy) như cách ông được gọi (13:8). Ông dĩ nhiên ông không phải là một người Do thái chính thống. Ông là một kẻ bỏ đạo hoàn toàn. Nhưng ông không hài lòng với việc chỉ mình ông từ bỏ Lời của Đức Chúa Trời; như chúng ta có thể trông đợi từ bản chất tự nhiên của việc ông liên hệ với thế giới khác, ông đã làm hết sức mình để khiến cho quan trấn thủ xoay rời khỏi đức tin. Một lần nữa quan sát thuật ngữ Lu-ca sử dụng: [niềm] tin (13:8), đó là thân thể của Lẽ thật được bày tỏ của Đức Chúa Trời. Ê-ly-ma không đơn giản chỉ ngăn cản quan trấn thủ khỏi phát triển niềm tin cá nhân vào một vấn đề không quan trọng: ông đứng ra để ngăn ông ta lắng nghe về niềm tin, đó là lẽ thật của Đức Chúa Trời. Ngay sau đó, Phao-lô lên án ông vì con người của

ông, là một công cụ cho ma quỷ, và tuyên cáo rằng Đức Chúa Trời sẽ ngay lập tức đánh hạ khiến ông tạm thời bị mù. Và ông đã bị như vậy (13:11).

Đó là một bài học có minh chứng sinh động, hình phạt thích hợp đối với tội ác. Đây là một vị quan trấn thủ, sinh ra trong tối tăm của tín ngưỡng ngoại giáo đang dò dẫm tìm kiếm ánh sáng Lẽ thật của Đức Chúa Trời và yêu cầu Phao-lô cùng Ba-na-ba hướng dẫn ông, và Ê-ly-ma cố tình phá hư “đường thẳng của Chúa” (13:10) và cố níu giữ quan trấn thủ ở lại trong bóng tối. Vì thế Ê-ly-ma bị khiến trở nên mù lòa và phải đi vòng quanh cố tìm ai đó đưa tay dắt mình; vì vậy nỗi sợ hãi vì bị mù lòa có thể khiến ông ấy cảm biết sự nghiêm trọng của tình trạng và sinh hoạt tâm linh của mình trước khi quá trễ.

Dù điều đó có xảy ra hay không, Lu-ca tập trung sự chú ý của chúng ta vào hiệu quả tất cả những sự việc này tác động trên vị quan trấn thủ. Một lần nữa, việc quan sát những thuật ngữ ông sử dụng sẽ mang lại sự dạy dỗ. Ông nói, “Quan trấn thủ thấy sự đã xảy đến, bèn tin, lấy làm lạ về” – chúng ta có thể nói là “về quyền năng của Đức Chúa Trời,” chứ còn gì nữa? Nhưng không phải vậy,... “về đạo Chúa”(13:12 – Bản NIV, về sự dạy dỗ về Chúa).

Lu-ca không cố nói cho chúng ta đức tin của quan trấn thủ sâu sắc như thế nào, và còn có ai khác cải đạo chẳng. Ông đưa ra quan điểm ông muốn nói: điều quan trọng về mặt chiến thuật của đức tin (13:8), như là một vũ khí trong công tác truyền giáo; đó là Lời của Đức Chúa Trời (13:5,7); đó là đạo của Chúa (13:2), đó là giáo lý Cơ đốc. Chúng ta cần lưu ý kỹ càng. Ê-ly-ma là một người Do thái bỏ đạo. Nhưng thế giới Cơ đốc cũng không thiếu những kẻ bỏ đạo. Phao-lô nói: Phải biết rằng “Đức Thánh Linh phán tỏ tường rằng, trong đời sau rốt, có mấy kẻ sẽ bội đạo mà theo các thần lừa dối, và đạo lý của quỷ dữ... hãy giảng đạo... vì sẽ có một thời kia, người ta không chịu nghe đạo lành” (1 Tim. 4:1; 2 Tim. 4:2-3).

AN-TI-ỐT XỨ BI-SI-ĐI (13:13-52)

Không khí trong nhà hội tại An-ti-ốt xứ Bi-si-đi rất khác lạ. Ở đây Do thái giáo đang ở mức độ cao nhất của nó, học hỏi và rao giảng Lời

của Đức Chúa Trời, và thu hút những người ngoại bang có ấn tượng với sứ điệp của Cựu ước đến với nhà hội; ấn tượng này sâu sắc đến nỗi họ đã được dẫn đến thờ phượng một Đức Chúa Trời chân thật cùng với người Do thái, cho dù họ không trở nên người Do thái (xem 13:6). Những quan cai nhà hội lịch thiệp mời Phao-lô và Ba-na-ba phát biểu trước hội chúng trong khi họ viếng thăm người Do thái. Phao-lô chỗi dậy giảng dạy, và chủ đề ông giảng là chủ đề cần được lấy làm trọng tâm đối với tất cả các bài giảng Cơ đốc: sự cứu rỗi qua Chúa Jêsus Christ của chúng ta.

Được xưng công bình bởi đức tin, không phải bởi các việc làm của luật pháp

Sau lời giới thiệu ông đi thẳng vào điểm chính của mình: “Đức Chúa Trời bèn bởi dòng dõi người mà dậy lên cho dân Y-sơ-ra-ên một Cứu Chúa, tức là Đức Chúa Jêsus” (13:22); và ông nhấn mạnh rõ ràng cho hội chúng rằng sự cứu rỗi này thật dành cho họ: “Lời rao truyền sự cứu chuộc này đã phán cho chúng ta vậy” (13:26). Hơn nữa, khi ông đạt đến cao trào của bài giảng ông chỉ ra rằng qua “sự cứu rỗi” ông có ý nói đến điều ấy không thể có được qua luật pháp Môi-se, nhưng được ban cho bởi Đức Chúa Trời cho mọi người chỉ đơn giản dựa trên nền tảng đức tin trong Đấng Christ, ấy là “sự tha tội” và “được xưng công bình” (13:38).

Trước khi ông bắt đầu nói, Phao-lô chắc chắn là biết hậu quả của việc trình bày về sự siêu việt của Chúa Jêsus đối với Môi-se một cách trực tiếp, rõ ràng, về sự xưng công bình bởi đức tin đối với sự xưng công bình dựa trên nỗ lực tuân giữ luật pháp; cũng như ông sẽ đối diện với phản ứng nào khi nói với những người mộ đạo này rằng bất chấp nỗ lực tôn giáo của mình, họ vẫn cần được giải cứu. Việc này có thể giống như chọc vào tổ ong vò vẽ. Nếu như ông mạnh mẽ lên án tội lỗi của họ và thúc giục mọi người hết lòng ăn năn để gìn giữ luật pháp Môi-se nghiêm khắc hơn, thì có thể sẽ ít gặp phải hoặc không gặp phải chống đối. Cuối cùng thì đó là điều hầu hết tín hữu tin kính trông đợi các thầy giảng và các đấng tiên tri rao giảng, và các thầy giảng Do thái nói chung có thể rất trực tiếp bày tỏ chính mình một cách vô cùng mạnh mẽ. Nhưng rao giảng rằng người ta không thể

trông đợi để được xưng công bình bởi luật pháp Môi-se, dù họ có cố gắng gìn giữ cách kỹ lưỡng và chân thành đến độ nào, dường như đối với nhiều người là nhạo báng đối với nỗ lực trở thành người tốt hết sức chân thành của loài người. Và họ căm giận điều đó. Rao giảng rằng loài người có thể được xưng công bình không cần việc làm, nhưng chỉ đơn giản bởi đức tin nơi Chúa Jêsus là tấn công họ và phá hoại hoàn toàn nỗ lực đạo đức, và họ khước từ nó, xem nó như là sự chống đối vô trách nhiệm về đạo đức.

Vì vậy Phao-lô đã dành toàn bộ phần giới thiệu bài giảng của mình chỉ ra rằng giáo lý được xưng công bình và cứu rỗi bởi đức tin không phải là một tiểu thuyết lạ lẫm nào đó được các Cơ đốc nhân sáng tạo: nó là một giáo lý được Luật pháp và đấng Tiên tri trong Cựu ước chứng nhận (tham khảo Rô. 3:21).

Sự cứu rỗi bởi đức tin được chứng nhận bởi Luật pháp và các đấng Tiên tri

Để chứng minh luận điểm của mình, Phao-lô đã trưng dẫn ba trường hợp giải cứu dân Y-sơ-ra-ên trong lịch sử. Đầu tiên, ông chứng minh thể hiện mức độ cứu rỗi thấp hơn sự cứu rỗi thuộc linh dành cho chúng ta trong Đấng Christ.

Đầu tiên, ông trưng dẫn những kinh nghiệm thật sự rằng Đức Chúa Trời là Đấng Cứu rỗi, vì vậy chúng có thể được xem là những tiền lệ thiết lập những điều kiện căn bản mà dựa vào đó Đức Chúa Trời ban sự cứu rỗi của Ngài ở bất cứ nơi đâu cho mọi thành phần khác nhau.

Đầu tiên, ông trưng dẫn toàn bộ câu chuyện rất dài kể về việc Đức Chúa Trời chọn lựa một dân tộc và việc Ngài đem họ vào xứ Ca-na-an. Đó là một tiến trình vốn rất dài, mất khoảng 450 năm (13:20).

Nhưng tại mỗi ngã rẽ trên chặng đường này, chính Đức Chúa Trời giải cứu dân tộc của Ngài, chứ không phải họ đã tự giải cứu mình. Để bắt đầu, chính Đức Chúa Trời chọn các tổ phụ, và chính Cựu ước công bố rằng sự chọn lựa đó không có liên quan gì đến công đức của họ (xem Phục. 9:6-8).

Vậy nên, trung thành với lời hứa Ngài đã hứa với Áp-ra-ham thậm chí trước khi ông sinh được một đứa con trai, Đức Chúa Trời

đã gia tăng dòng dõi của một chi tộc nhỏ bé của Áp-ra-ham trở thành một dân tộc đông vô số ở tại Ai-cập, bảo toàn họ vượt qua bách hại, và cuối cùng giải cứu họ ra khỏi trại nô lệ cưỡng bức lao động bởi các phép lạ siêu nhiên (13:17). Sau đó “ước chừng bốn mươi năm, Ngài chịu tính nét họ trong nơi đồng vắng” (13:18). Mỗi người dân Do thái trong hội chúng biết chính xác điều Phao-lô nhắc đến. Bất chấp việc họ được Đức Chúa Trời giải cứu kỳ diệu tại Ai-cập, thế hệ đi ra khỏi Ai-cập đã chứng minh họ hoàn toàn là những người bội đạo (ngoại trừ một số rất ít người trong số họ). Chỉ là nhờ lòng thương xót và ân điển dành cho người không đáng nhận của Đức Chúa Trời đã cứu dân tộc này khỏi bị diệt chủng (xem Xuất. 32:10-14; 34:5-10) và cuối cùng đem thế hệ kế tiếp vào trong xứ Ca-na-an. Và cũng ở đó, chính Đức Chúa Trời đã hủy diệt bảy dân tộc bản địa trong xứ Ca-na-an và ban lãnh thổ cho Y-sơ-ra-ên như là sản nghiệp quốc gia. Cuộc chinh phục Ca-na-an sẽ không bao giờ bắt đầu nếu Đức Chúa Trời không rẽ nước sông Giô-đanh cách diệu kỳ, cũng như đánh sập tường thành Giê-ri-cô. Tất cả những điều Y-sơ-ra-ên dành được qua cuộc chiến đấu của họ lệ thuộc vào những hành động “cứu rỗi” thiêng liêng ban đầu.

Vậy cho đến lúc này, đây là trường hợp tương tự đầu tiên. Việc tạo dựng một dân tộc từ Áp-ra-ham và Sa-ra (khi họ hầu như đã chết), giải cứu họ khỏi nhà nô lệ, ban cho tự do về mặt chính trị, tha thứ sự phản loạn của dân tộc trong đồng vắng, và cuối cùng ban cho lãnh thổ quốc gia, rồi lập quốc tại đó – tất cả những điều này là hành động giải cứu cho dù không xứng đáng của Đức Chúa Trời. Không một điều nào trong số đó là kết quả của công đức Y-sơ-ra-ên có được vì gìn giữ luật pháp Môi-se. Phục truyền 9:4-6 tóm tắt điều đó hết sức cô đọng:

Chớ nói trong lòng rằng: Ấy vì có sự công bình tôi mà Đức Giê-hô-va khiến tôi vào nhận lấy xứ này... Ngươi vào nhận lấy xứ của các dân tộc ấy, chẳng phải vì cớ sự công bình ngươi, hay là lòng chánh trực của ngươi đâu... Khá biết rằng chẳng phải vì cớ sự công bình ngươi mà Giê-hô-va Đức Chúa Trời ngươi cho ngươi nhận lấy xứ tốt tươi này đâu...

Ví dụ thứ hai về sự cứu rỗi do ân điển

Cùng với điều đó Phao-lô chuyển sang ví dụ thứ hai của ông trong Cựu ước. Ông nói, “kể đó Ngài lập cho họ các quan đoán xét

cho đến đời tiên tri Sa-mu-ên” (13:20). Bây giờ, cùng phán xét với chúng ta là những người chủ tọa trong các tòa án, và tuyên án kẻ có tội bằng những hình phạt thích đáng. Nhưng những thẩm phán trong Y-sơ-ra-ên là những người Phao-lô đề cập như là những đấng cứu rỗi và người giải cứu dân sự. Các quan xét 2:18 viết, “Khi Đức Giê-hô-va đẩy lên các quan xét cho Y-sơ-ra-ên, thì Đức Giê-hô-va ở cùng quan xét đó, và trọn đời quan xét, Ngài giải cứu Y-sơ-ra-ên khỏi tay kẻ thù nghịch mình.”

Theo sách Các quan xét, tình huống xảy ra định kỳ là bất chấp việc được ban cho lãnh thổ Ca-na-an, Y-sơ-ra-ên không bao giờ liên tục gìn giữ luật pháp của Đức Chúa Trời. Còn hơn vậy. Từng thế hệ, hoặc ít nhất là vậy, họ phá vỡ giao ước của mình với Đức Chúa Trời và chạy theo các thần tượng ngoại bang đầy thô tục và nghịch lý của các dân tộc chung quanh (Các quan xét 2:10-23; 3:5-7). Kết quả là, hết lần này đến lần khác họ rơi vào tay các dân tộc đó và trở thành nông nô và nô lệ của các dân ấy. Nếu sự giải cứu quốc gia của họ trong những ngày đó lệ thuộc vào việc họ vâng giữ luật pháp, thì họ vẫn còn là nông nô và nô lệ. Nhưng trong cơn thống khổ họ kêu khóc cùng Đức Chúa Trời, thì Ngài đẩy lên cho họ những đấng cứu rỗi, người giải cứu (ví dụ Quan. 3:9, 15). Dĩ nhiên những người giải cứu này phán xét dân sự theo cách lên án tội lỗi của họ và kêu gọi ăn năn. Nhưng họ không làm gì khác hơn điều đó. Được ban năng lực bởi Thánh Linh (ví dụ Quan. 6:34), họ giải cứu dân sự khỏi sự nô dịch của những kẻ áp bức. Toàn bộ sách Các quan xét thật ra không phải là một ký sự về ân phước của Đức Chúa Trời ban cho dân sự vì gìn giữ luật pháp, nhưng là một bản ghi chép về tội lỗi không ngừng của Y-sơ-ra-ên, về sự phán xét của Đức Chúa Trời trên tội lỗi của họ, và sau đó là sự tha thứ và sự giải cứu đầy khoan nhân của Ngài đối với dân sự Ngài qua ân điển của Ngài.

Ví dụ thứ ba về sự cứu rỗi được ban cho bởi Đức Chúa Trời qua một đấng giải cứu

Tuy nhiên, cuối cùng, Y-sơ-ra-ên ngày càng trở nên không thỏa lòng với phương cách Đức Chúa Trời giải cứu họ, và xác xược yêu cầu Đức Chúa Trời ban cho họ một vị vua cai trị trên họ và cứu họ

khỏi kẻ thù (ISam. 12:8-12). Nhằm dạy họ rằng cả họ lẫn vị vua được họ lựa chọn đều không có sự khôn ngoan và năng lực để cứu họ, Đức Chúa Trời ban Sau-lơ làm vua của họ (13:21). Ông ta chính là một thâm họa. Hai lần ông dẫn dắt dân sự cố ý không vâng lời Đức Chúa Trời trong những tình huống cực kỳ nghiêm trọng. Sau đó ông tỏ ra yếu thế khi đối mặt với nhà vô địch Phi-li-tin là Gô-li-át trong trận chiến đấu tay đôi. Tệ hơn nữa, khi Đa-vít đánh bại Gô-li-át và giải cứu cả dân tộc lẫn Sau-lơ, Sau-lơ lại khước từ và bách hại người giải cứu do Đức Chúa Trời ban cho và xua đuổi vị này ra khỏi đất nước. Sau đó, chính ông sa vào ma thuật và cuối cùng dẫn dân sự đến một chiến bại tan tác trong tay người Phi-li-tin, đưa chính mình đến chỗ tự sát. Hội chúng vốn sẽ nhớ rất rõ câu chuyện này. Câu trả lời của Đức Chúa Trời là loại bỏ Sau-lơ, vốn là ý tưởng của loài người về một đấng giải cứu, và ban cho họ một đấng cứu rỗi do chính Ngài chỉ định: “Ngài... lại lập Đa-vít làm vua, mà làm chứng về người rằng: Ta đã tìm thấy Đa-vít con của Gie-sê, là người vừa lòng ta, người sẽ tuân theo mọi ý chỉ ta” (13:21-22).

Đa-vít không hoàn hảo đến mức không hề phạm tội. Nhưng ông không bao giờ trở nên một kẻ bội đạo như Sau-lơ; và ông đã làm điều Chúa chỉ định mình làm: ông giải cứu Y-sơ-ra-ên khỏi người Phi-li-tin và khỏi mọi kẻ thù của họ, vì thế đặt nền tảng cho triều đại hòa bình của Sa-lô-môn. Hơn nữa, khi làm điều này, ông trở nên một hình mẫu của Đấng Mê-si-a theo lời hứa. Nhiều, rất nhiều lần trong những thế kỷ sau đó, khi Đức Chúa Trời tuyên hứa qua nhiều đấng tiên tri rằng Ngài sẽ sai Đấng Mê-si-a đến như là Đấng cứu rỗi tối thượng và siêu việt của dân tộc, Ngài chỉ ra rằng Đấng Mê-si-a đó sẽ là một hậu tự của Đa-vít. Một lần nữa, mỗi một người Do thái trong nhà hội đều quen thuộc với các lời tiên tri về Đấng Mê-si-a này.

Chúa Jêsus là Đấng Cứu rỗi siêu việt

Bây giờ Phao-lô nói đến trọng tâm trong sứ điệp của ông: Đấng giải cứu đó hiện đã đến! Từ trong dòng dõi của Đa-vít Đức Chúa Trời đã đem đến cho Y-sơ-ra-ên Đấng giải cứu, Jêsus, như Ngài đã hứa. Giảng Báp-tít đã được sai đến để chuẩn bị mọi người cho việc Ngài đến bằng cách kêu gọi họ ăn năn, và sau đó, làm tiên phong chính

thức của Đấng Mê-si-a, giới thiệu Ngài với đất nước. “Hỡi anh em, là con cháu dòng Áp-ra-ham, và [là dân ngoại] kính sợ Đức Chúa Trời, lời rao truyền sự cứu chuộc này đã phán cho chúng ta vậy” (13:23-26).

Cho đến bây giờ mọi việc vẫn tốt đẹp. Nhưng bây giờ Phao-lô cần phải nói cho người dân An-ti-ốt (là những người ở tại đất nước xa xôi của họ có thể không được nghe nhiều về điều đang xảy ra, nếu có điều gì đó xảy ra tại Giê-ru-sa-lem) một vài điều có vẻ kỳ lạ khi họ nghe đến: Đấng giải cứu là Jê-sus mà ông giới thiệu này đã bị xử tử do yêu cầu đoàn kết của tất cả cư dân và lãnh đạo của thành phố thủ đô tôn giáo của họ, Giê-ru-sa-lem. Những điều này có ngụ ý gì? Làm thế nào Phao-lô sử dụng chúng cách hiệu quả?

Ông không giấu diếm sự việc vì chúng là nhược điểm trong trình bày của ông. Sự chết và phục sinh của Chúa Jê-sus trước hết là chứng cứ mạnh mẽ tỏ ra rằng Chúa Jê-sus là Đấng Mê-si-a. Nhưng quan trọng hơn chúng chính là phương tiện Đức Chúa Trời chu cấp sự cứu rỗi theo ý nghĩa trọn vẹn nhất ở mức độ cao nhất có thể. Các đấng tiên tri đã nói rằng Đấng Mê-si-a sẽ bị chối từ bởi dân tộc của mình. Ê-sai đã nói về điều đó rất rõ ràng (Ês. 53). Không chỉ có vậy. Câu chuyện của Sau-lơ và Đa-vít trong sách đầu của Sa-mu-ên cung cấp một điều tương tự mang tính tiên báo rõ ràng: Đa-vít, đấng giải cứu được chỉ định bởi Đức chúa Trời, như chúng ta đã nhìn thấy, đã bị Sau-lơ chối bỏ và đuổi ra khỏi đất nước. Vậy, không nhìn nhận Chúa Jê-sus là Đấng Mê-si-a và bị điếc lạng lòng đối với tiếng phán của các đấng tiên tri này, người dân Giê-ru-sa-lem và các lãnh đạo của họ, trong nỗ lực của mình đã chấm dứt những công bố của Chúa Jê-sus, đã chứng minh họ là đúng (13:27-29). Họ đối đãi với Ngài mọi điều các đấng tiên tri đã nói về việc Y-sơ-ra-ên sẽ đối đãi với Đấng Mê-si-a. Họ không thể bị buộc tội đồng lõa với Ngài: họ ra sức chứng minh Ngài không phải là Đấng Mê-si-a!

Đa-vít, bị Sau-lơ chối bỏ và ném ra khỏi đất nước, đã trở lại và lên ngôi vua. Chúa Jê-sus cũng vậy! Đức Chúa Trời đã khiến Ngài sống lại từ cõi chết, và những người trước kia cùng đi với Ngài từ xứ Ga-li-lê, vì vậy biết Ngài rất rõ ràng, đã nhìn thấy Ngài trong một

đoạn thời gian nhiều ngày sau khi Ngài phục sinh, và làm chứng cho đất nước như vậy (13:31).

Hơn nữa, trong tất cả chuyện này, Phao-lô không đổ lỗi hoặc tố cáo Y-sơ-ra-ên vì đóng đinh Chúa Jêsus: sự chết và phục sinh của Chúa Jêsus theo quan điểm của ông là tin tức tốt lành. Chúng là Tin lành. Ông nói: “Còn chúng tôi, thì rao truyền cho các anh em tin lành này về lời hứa ban cho tổ phụ chúng ta, rằng Đức Chúa Trời bởi khiến Đức Chúa Jêsus sống lại thì đã làm ứng nghiệm lời hứa đó cho chúng ta là con cháu của tổ phụ” (13:32-33). Y-sơ-ra-ên đã phạm vào việc diên đại nhất trong tất cả các sự diên đại: họ đã xử tử Đấng Mê-si-a và Đấng giải cứu được Đức Chúa Trời sai phái! Dù là vậy, Đức Chúa Trời, vẫn nhất quán không thay đổi, đã khiến Ngài sống lại từ cõi chết và qua Ngài gửi đến cho toàn thể Y-sơ-ra-ên nói chung, và hội chúng tại An-ti-ốt nói riêng, một sứ điệp cứu rỗi. Còn hơn vậy, Chúa Jêsus được khiến sống lại từ cõi chết, đã không bao giờ lại chết một lần nữa. Đây chính là Đấng Cứu rỗi vốn đã chinh phục sự chết. Trong Ngài Đức Chúa Trời đã đảo ngược kết quả của sự diên đại của Y-sơ-ra-ên trở thành lợi ích bất ngờ và bất tận của Y-sơ-ra-ên. Đây không phải là ví dụ vinh hiển nhất về sự cứu rỗi mà Y-sơ-ra-ên từng đối diện trong lịch sử sự cứu rỗi lâu dài bởi Đức Chúa Trời sao (13:32-34)?

Lời chứng của Cựu ước về sự phục sinh của Đấng Mê-si-a

Nhưng Phao-lô không bị đem đi mất bởi những chuyển bay tưởng tượng của một thầy giảng. Nếu Kinh thánh đã tiên báo rằng Đấng Mê-si-a sẽ chết, thì cũng nói tiên tri rằng Ngài sẽ được khiến sống lại từ cõi chết. Phao-lô trích dẫn ba đoạn Kinh thánh để chứng minh điều đó.

Trước hết ông viện dẫn Thi thiên 2:7. Thi thiên này bắt đầu bằng một sự công kích của những quốc gia chống lại Chúa và chống lại Đấng Mê-si-a (Thi. 2:1-3). Để trả lời cho sự diên đại của họ, Đức Chúa Trời đáp lại qua công bố: “Ta đã lập Vua ta trên Si-ôn là núi thánh ta” (Thi 2:4-6). Sau đó, Đấng Mê-si-a hiện đã được lập nên phán: “Ta sẽ giáng ra mạng lịnh: Đức Giê-hô-va phán cùng ta rằng: Ngươi là Con ta; Ngày nay ta đã sanh Ngươi” (Thi. 2:7).

Phao-lô xác nhận tình huống mô tả trong Thi thiên này thật ra xảy ra trong cuộc đời và sự chết của Chúa Jê-sus. Những lãnh đạo tôn giáo Do thái liên hiệp với các lãnh đạo ngoại bang, Hê-rôt và Phi-lát, để buộc Chúa Jê-sus vào chỗ chết. “Dầu trong Ngài chẳng tìm thấy có gì đáng chết, họ cứ xin Phi-lát giết Ngài đi” (13:28). Việc xử tử được thực hiện dưới hình thức treo Ngài trên một cây gỗ (13:29), là điều theo luật pháp Do thái là một bản án tội tệ nhất và nhục nhã nhất đối với một người (xem Phục. 21:22-23). Khi Ngài chết, họ đem Ngài xuống khỏi cây gỗ, theo đòi hỏi của luật pháp, và chôn Ngài trong một ngôi mộ (13:29). Đó quả là một đòn tấn công, không chỉ đối với Đấng Mê-si-a nhưng cũng đối với chính Đức Chúa Trời: luật pháp của Đức Chúa Trời được dùng để xử tử và chôn Đấng chịu xúc dầu của Đức Chúa Trời! Nó trở nên một bằng chứng sống động về việc luật pháp không thể thay đổi thù địch thâm sâu trong lòng đối với Đức Chúa Trời, và biến một tội nhân trở thành một thánh nhân.

Đức Chúa Trời đã đưa ra câu trả lời của Ngài. Theo ngôn ngữ của Thi thiên, “Ta đã lập Vua ta Trên Si-ôn là núi thánh ta.” Và Đấng Mê-si-a, sau khi được minh định qua sự phục sinh, đã công bố mạng lệnh của Chúa cho toàn vũ trụ nghe biết sự phục sinh và thắng thiên của Ngài chứng minh điều gì: “Đức Giê-hô-va phán cùng ta rằng: Người là Con ta; Ngày nay ta đã sanh Người.” Vậy nên, bước quan trọng đầu tiên trong sự cứu rỗi là giải cứu chính Đấng Mê-si-a khỏi sự chết (Hê. 5:7) và đem Ngài đến bên hữu Đức Chúa Trời làm Hoàng vương và Đấng Cứu rỗi của thế giới.

Hai trung dẫn tiếp theo của Phao-lô đưa luận điểm này đến mức độ sâu hơn. Bản thân Cựu ước ký thuật nhiều trường hợp phục sinh (xem 1 Vua. 17:19-23 và 2 Vua. 4:20-37). Nhưng chúng thật sự chỉ là những lần hồi sinh: những người này cuối cùng lại chết. Phao-lô chỉ ra sự phục sinh của Đấng Mê-si đi theo một trật tự hoàn toàn cao hơn: Ngài không bao giờ chết nữa, cũng không bao giờ kinh nghiệm sự hư nát (13:34, 35; trích Ês. 55:3).

Thật không tốt khi triết lý hóa sự chết và sự hư nát và cố gắng tự yên ủi mình bằng ý tưởng đây là những điều tự nhiên. Đối với một số người, quá trình bệnh tật và chết đi bắt đầu thậm chí trước khi

họ được sinh ra. Thật không tự nhiên chút nào. Hãy cố nói với một thiếu nữ trẻ trung xinh đẹp, là một người mẹ hai mươi tám tuổi vừa mới được báo cho biết rằng cô ấy mắc bệnh ung thư không thể chữa trị, rằng sự chết và sự hư nát chỉ là tự nhiên! Sự chết không hề “tự nhiên” trong chủng tộc loài người. Đó là một thù địch, đã được đưa vào chủng tộc bởi tội lỗi. Và nó trải ra một tấm màn bất mãn sâu sắc quanh cuộc sống khi mà loài người vốn là loài có trí tuệ và nhìn thấy được sự tươi đẹp cuộc sống mang đến, lại bị từ chối sự thỏa mãn đó vì bệnh tật trầm trọng và sự chết.

Vì vậy, chúng ta hãy đi theo hướng mà Phao-lô đã dùng trung dẫn Ê-sai 55:3 để chỉ ra chúng ta, và lắng nghe Đức Chúa Trời phán với Y-sơ-ra-ên cổ đại về sự giải cứu đem lại thỏa mãn mà Ngài đã dành sẵn cho họ và cho toàn thể giới:

Hỡi những kẻ nào khát,
hãy đến suối nước!

Và người nào không có tiền bạc,
hãy đến, mua mà ăn!

Hãy đến, mua rượu và sữa
mà không cần tiền, không đòi giá.

Sao các ngươi trả tiền để mua đồ không phải là bánh?
Sao các ngươi đem công lao mình đổi lấy vật chẳng làm cho no?

Hãy chăm chỉ nghe ta, hãy ăn của ngon,
và cho linh hồn các ngươi vui thích trong của béo.

Hãy nghiêng tai, và đến cùng ta;
hãy nghe ta, thì linh hồn các ngươi được sống.

Ta sẽ lập với các ngươi một giao ước đời đời,
tức là sự nhân từ chắc thật đã hứa cùng Đa-vít.

Này, ta đã lập người lên làm chứng kiến cho các nước,
làm quan trưởng và quan tướng cho muôn dân.

Này, ngươi sẽ kêu gọi nước mà ngươi chưa hề biết,
và nước chưa hề biết ngươi sẽ chạy đến cùng ngươi,

vì có Giê-hô-va Đức Chúa Trời ngươi,
là Đấng Thánh của Y-sơ-ra-ên,
là Đấng đã làm vinh hiển ngươi (Ês. 55:1-5).

Đây là sự giải cứu đem lại thỏa mãn của Đức Chúa Trời; nhưng “sự nhân từ chắc thật” Đức Chúa Trời đã hứa cùng Đa-vít chính xác là gì? Phao-lô đánh đồng chúng với lời tiên tri được ban cho qua Đa-vít về Đấng Mê-si-a trong Thi thiên 16:9-11. Mối liên hệ tư tưởng trong Anh ngữ thì mơ hồ; nhưng trong tiếng Hê-bơ-rơ, nó dựa trên các hình

thức biểu hiện khác nhau của cùng một từ gốc trong hai đoạn Kinh thánh. Chúng ta có thể nỗ lực biểu đạt nó theo phong cách Anh ngữ. Trong Ê-sai Đức Chúa Trời mô tả sự cứu rỗi của Ngài là “sự nhân từ chắc thật” của Ngài. Ngài mô tả chúng ở mức độ sâu sắc hơn như là “sự nhân từ chắc thật đã hứa cùng Đa-vít” bởi vì chúng được nói qua Thi Thiên, Đức Chúa Trời đã sử dụng Đa-vít để nói tiên tri và cam kết giữ lòng thành tín của Đức Chúa Trời đối với hậu duệ của Đa-vít, là Đấng Mê-si-a. Thi thiên 16, theo Phao-lô đây là một đoạn Kinh thánh nói về việc Đức Chúa Trời đã thiết lập những cam kết này, Thi thiên này nói về những điều Đức Chúa Trời sẽ thi hành cho “Người Thánh” của Ngài: “Vì Chúa sẽ chẳng bỏ linh hồn tôi trong âm phủ, Cũng không để cho người thánh Chúa thấy sự hư nát” (Thi. 16:10). Nhưng từ “Người Thánh” được dịch ở đây liên quan đến từ “sự nhân từ chắc thật” trong Ê-sai 55. Nó ngụ ý điều gì đó giống như “Người Thánh nhân từ chắc thật.” Dem hai đoạn Kinh thánh đặt với nhau và chúng ta có được điều đã thấy trong đoạn Kinh thánh trước kia (trang 62): tâm lòng thành tín, tận hiến không lay chuyển của Đấng Mê-si-a đối với Đức Chúa Trời (Thi. 16) được đáp trả bằng tâm lòng nhân từ chắc thật của Đức Chúa Trời đối với Ngài (Ês. 55) khi không để cho Ngài trở nên hư nát, nhưng khiến Ngài sống lại từ cõi chết, chỉ cho Ngài con đường sự sống và làm đầy dẫy trên Ngài sự khoái lạc và sự vui sướng vô cùng tại bên hữu Đức Chúa Trời (Thi. 16:10-11).

Phao-lô lý luận, vậy thì lời hứa không trải qua sự hư nát này không thể có ý định áp dụng trước hết trên vua Đa-vít được: Đa-vít đã chết, được chôn, và thân thể của ông bị hư nát; vì ông là một con người tội lỗi giống như tất cả chúng ta. Nhưng Chúa Jêsus vô tội; và sự trung thành không tiêm nhiễm tội lỗi của Ngài đối với Đức Chúa Trời đã đoạt lấy cho Ngài sự sống lại trực tiếp để đạt đến cuộc sống không có bóng sự chết. Không chỉ cho Ngài, nhưng đến cuối cùng, cũng dành cho chúng ta nữa (13:32-33). Qua Đấng Christ, đến một ngày chúng ta cũng có thể được ban cho món quà phục sinh và sự sống không phai tàn; vì điều đó cũng được bao gồm trong phạm vi của sự cứu rỗi. Vậy nên, đây là sự cứu rỗi vốn làm thỏa mãn những thiên hướng sâu xa nhất của sự sống: sự sống mãi mãi không cần phải bị nản lòng và bị nhạo báng bởi sự chết và sự hư nát.

Trọng tâm của sự cứu rỗi

Nhưng đảm bảo của sự phục sinh không được mọi người chào đón ngay lập tức; bởi vì lương tâm, cũng như Kinh thánh, làm chứng rằng nếu có một lần phục sinh, thì cũng sẽ có một lần đoán xét chung kết. Rất nhiều người, không chắc chắn Đức Chúa Trời sẽ dành cho họ phán quyết nào, xem đó là một viễn cảnh đầy khó chịu và sợ hãi. Nhưng – ở đây chúng ta đi đến với trọng tâm của sự cứu rỗi, và đi đến với điều, mà ở một chừng mực nào đó là điều vinh hiển nhất – không ai cần phải sống trong sự mơ hồ đó.

Hãy nghe Phao-lô nói gì khi ông đạt đến cao trào trong bài giảng về sự cứu rỗi của mình. Đây là toàn bộ ý tưởng của bài giảng: “Vây, hỡi anh em, khá biết rằng nhờ Đấng đó mà sự tha tội được rao truyền cho anh em” (13:38). Đức Chúa Trời muốn chúng ta biết rằng sự tha thứ đã có sẵn rồi.

Và khi chúng ta đã đặt đức tin vào Đấng Christ, Đức Chúa Trời muốn chúng ta biết rằng chúng ta đã được tha thứ. Không hề có gì không chắc chắn về điều này, cũng không có phương tiện hay phương pháp nào để qua đó chúng ta nhận được sự tha thứ này. Nó có thể được tóm tắt khi đặt hai nhóm từ trong công bố này: “nhờ Đấng đó – truyền cho anh em.” Đây là món quà trực tiếp và riêng tư từ Đấng sống cho tất cả những ai đặt niềm tin nơi Ngài.

Ai đó có thể nghĩ rằng điều đó đã đủ rõ ràng rồi. Nhưng nó vẫn chưa đủ rõ ràng với Phao-lô. Tự bản thân sự tha thứ được ban cho này, trong nhiều trường hợp, có thể vẫn còn khiến cho mọi người không cảm thấy được sự đảm bảo về việc họ được Đức Chúa Trời chấp nhận hoàn toàn. Sự tha thứ xâm nhập vào họ như một mảnh nhỏ, thường thường lặt lại, tách rời và không bao giờ là một công việc có thể xác định được điểm cuối. Sự tha thứ cho ngày hôm nay đối với một số tội lỗi cụ thể, và có sự chắc chắn vừa phải là họ sẽ được tha thứ vào tuần đến nếu cần thiết đối với một số tội lỗi khác, dầu vậy họ vẫn cứ cảm thấy không chắc chắn về bản án cuối cùng của Đức Chúa Trời dành cho loài người họ là gì. Liệu Ngài sẽ chấp nhận hay từ chối họ? Họ không biết, và họ tưởng rằng đó là điều không thể biết được khi ở bờ bên này của cõi vĩnh hằng.

Hạnh phúc thay chính điều ngược lại mới là sự thật: sự tha thứ có thể được biết đến, và được biết trong thời kỳ hiện tại này. Chính Đức Chúa Trời muốn nó được biết đến. Vì thế mệnh đề sau đã được thêm vào: “nhờ Ngài mà hề ai tin thì được xưng công bình về mọi điều theo luật pháp Môi-se chẳng có thể được xưng công bình” (13:39).

Vậy thì, ở đây bản chất sự tha thứ của Đức Chúa Trời được định nghĩa bởi từ ngữ “xưng công bình”; và có bốn điều cần ghi nhớ về cách Kinh thánh sử dụng từ ngữ này. Đầu tiên, trong cả tiếng Hê-bơ-rơ và tiếng Hy-lạp, động từ “xưng công bình” không có nghĩa là “làm cho ai đó trở nên công bình” nhưng lại là “công bố ai đó là công bình.” Thứ hai, Đức Chúa Trời luôn là Đấng thực hiện việc xưng công bình. Giây phút một người đặt niềm tin của mình vào Chúa Jêsus, Đức Chúa Trời công bố rằng người đó là công bình; có nghĩa là được xóa bỏ mọi bản án án chống lại họ trước tòa án của Đức Chúa Trời (Rô. 8:33), được Đức Chúa Trời nhìn nhận, được Đức Chúa Trời chấp nhận. Và thứ ba, sự xưng công bình theo ý nghĩa này không phải là một tiến trình lâu dài làm cho nao sòn; cũng không phải là một phán quyết được ban ra hôm nay, nhưng rất có thể bị hủy bỏ vào ngày mai và cần được thỉnh cầu trở lại vào ngày sau đó. Đó là một hành động tức thời không bao giờ lặp lại, bởi vì nó không bao giờ cần phải được lặp lại. Vào giây phút một ai đó đặt niềm tin của mình vào Đấng Christ, Đức Chúa Trời công bố bản án của Ngài trên người đó: “Được tha thứ khỏi mọi điều và được xưng công bình!” Một khi phán quyết được tuyên ra thì sẽ vĩnh viễn được công nhận. Thứ tư, hiệu lực của phán quyết lệ thuộc hoàn toàn vào Đấng Christ: sự chết và phục sinh của Ngài giải thoát các tín hữu khỏi tất cả món nợ tội lỗi của họ, từ đầu tiên cho đến cuối cùng, và gìn giữ họ mãi mãi yên ninh thoát khỏi khả năng bị kết án và sự từ bỏ của Đức Chúa Trời (Rô. 8:34). Cho đến nỗi, như Phao-lô nói, được xưng công bình bởi đức tin ngay bây giờ vào lúc này, và mãi mãi chúng ta được hòa thuận với Đức Chúa Trời (Rô. 5:1).

Những phản ứng với món quà cứu rỗi

Tiến đến phần kết của bài giảng. Phao-lô hẳn đã thấy những đám mây giông tụ tập trên gương mặt các tín hữu của mình, vì ông đột

nhiên trở nên rất nghiêm trọng. Ông khẩn khoản, “Hãy giữ lấy cho khỏi mắc đều đã chép trong sách tiên tri rằng: “Hỡi kẻ hay khinh dể kia, khá xem xét, sợ hãi và biến mất đi; Vì trong đời các ngươi, ta sẽ làm một việc, Nếu có ai thật lại cho, các ngươi cũng chẳng tin” (13:40-41).

Cảm giác đối với các giá trị của một vài người rất kỳ lạ. Tôn giáo thúc giục họ hành động đạo đức nhưng không bao giờ cho họ cái cảm giác hoàn toàn được chấp nhận bởi Đức Chúa Trời – vốn là điều họ rất xem trọng. Sự cứu rỗi có thể đem cho họ sự tha thứ và sự chấp nhận của Đức Chúa Trời ngay lúc này, và một hy vọng chắc chắn cho tương lai – thì họ không chỉ chối bỏ: họ xem thường nó. Điều đó có vẻ là một hiện tượng phổ biến; nhưng đối với người Do thái vào thời của Phao-lô, và đối với người Do thái tại An-ti-ốt xứ Bi-si-đi, nó là một hiện tượng đặc biệt đáng lo ngại. Họ sắp sửa nhìn thấy Đức Chúa Trời thực hiện một việc giữa dân ngoại mà trước đây họ chưa bao giờ được nhìn thấy. Ngày Thứ Bảy tiếp theo đó trên thực tế là cả thành phố sẽ đến để nghe Lời của Đức Chúa Trời. Chắc hẳn là nhà hội sẽ chào đón họ với vòng tay mở rộng?

Đã có rất nhiều người ngoại bang tham dự thờ phượng tại nhà hội của họ, một vài người trong số họ rất nổi tiếng; và việc giảng dạy luật pháp Môi-se của nhà Hội đã thực hiện công việc chuẩn bị cách xuất sắc để khiến họ từ bỏ tín ngưỡng ngoại giáo, tin vào Đức Chúa Trời chân thật, và dạy dỗ lương tâm của họ khiến họ nhận ra nhu cầu cần có sự cứu rỗi, tha thứ, và xưng công bình. Lẽ nào nhà hội sẽ không vui mừng hơn hờ khi nhìn thấy những người ngoại bang này thật sự tìm được sự cứu rỗi?

Hơn nữa, nếu Phao-lô đúng khi tuyên bố rằng “lòng nhân từ chắc thật đã hứa cùng Đa-vít” ở Ê-sai 55 nói về việc Đức Chúa Trời khiến Chúa Jê-sus sống lại từ cõi chết, thì người ta có thể trông đợi phần còn lại của lời tiên tri được ứng nghiệm. Nói rằng (xem trang 201) Đấng Mê-si phục sinh sẽ chứng minh mình là một nhân vật có sức thu hút tâm cỡ thế giới đối với dân ngoại, là những người đổ xô đến cùng Ngài. Vậy thì, kết quả bài giảng và cuộc đối thoại của Phao-lô đảm bảo dân ngoại với số lượng chưa từng có (đối với An-ti-ốt xứ

Bi-si-đi) – thực tế là toàn thành phố sẽ đến nghe Phao-lô giảng dạy vào tuần tiếp sau đó (13:42-43). Đây có phải là điều Ê-sai đã nói? Và thậm chí nếu không phải, lẽ nào nhà hội không hài lòng khi nhìn thấy dân ngoại với số lượng lớn như vậy cảm thấy bị cuốn hút muốn nghe giảng giải Lời Chúa?

Nhưng không! Họ không chỉ chống đối điều Phao-lô và Ba-na-ba đang rao giảng, họ lạm dụng sứ điệp của hai người (13:45). Lu-ca nói rằng họ làm điều đó vì lòng ghen tị, và chắc chắn chúng ta có thể hiểu điều đó. Thế giới Cơ đốc kinh nghiệm hiện tượng tương tự. Những nhà lãnh đạo tôn giáo biết và hiểu tôn giáo nhưng không có kinh nghiệm cá nhân đối với sự cứu rỗi, các bài giảng của họ chưa bao giờ là điều gì khác hơn sự kích lệ cổ vũ sống chân thành, yêu thương, quan tâm, có trách nhiệm đối với xã hội – tóm gọn trong một từ, là đạo đức – và hầu như không bao giờ giảng dạy về sự cứu rỗi, họ có thể ghen ghét và phê phán công khai những nhà truyền giáo lôi cuốn các đám đông vì rao giảng về sự cứu rỗi. Theo như Lu-ca đưa ra, đối với người Do thái ở An-ti-ốt thì sự việc này nghiêm trọng hơn chỉ là một nắm đấm vì ghen tị.

“Phao-lô và Ba-na-ba bèn nói cùng họ cách dạn dĩ rằng: Ấy cần phải truyền đạo Đức Chúa Trời trước nhất cho các ngươi; nhưng vì các ngươi đã từ chối, và tự xét mình không xứng đáng nhận sự sống đời đời, nên đây này, chúng ta mới xây qua người ngoại” (13:46). Lời ấy thật khó nghe! Nhưng là lời đúng đắn. Phao-lô và Ba-na-ba không nói, “Theo quan điểm của chúng ta, bản thân các ngươi còn chưa phải là người được cứu.” Họ trung ra thực tế khách quan: “Các ngươi tự xét mình không xứng đáng nhận sự sống đời đời.” Đức Chúa Trời ban cho họ món quà sự sống đời đời. Đó là nội dung của sự cứu rỗi. Chối từ sứ điệp cứu rỗi và đơn giản bám víu vào đạo đức tôn giáo là chối từ món quà sự sống đời đời. Người ta có thể làm điều này cách thành thật; người ta có thể làm điều này với một thái độ có vẻ khiêm nhường “Tôi không nghĩ ai đó ngay trong đời này có thể biết rằng anh ta có được món quà sự sống đời đời”; nhưng nó hướng tới đích tương tự: “tự xét mình không xứng đáng nhận sự sống đời đời.”

Việc Do thái giáo chối từ sứ điệp cứu rỗi sẽ không ngăn trở lời

tiên tri của Ê-sai được ứng nghiệm, cũng không dùng Phao-lô và Ba-na-ba tham gia vào sứ mạng của Đấng Mê-si-a dành cho dân ngoại. “Bây giờ chúng ta quay sang dân ngoại. Vì đây là điều Chúa đã giao phó cho chúng ta: “Ta dùng người làm ánh sáng cho dân ngoại, để người có thể đem sự cứu rỗi đến cùng đầu đất.”

Lu-ca cho biết khi những người ngoại nghe lời đó thì vui mừng. Điều này cũng dễ hiểu.

Họ ngợi khen đạo Chúa (13:48). Lại cũng có thể hiểu được. Đạo đức là điều cần thiết và có ích, giống như vệ sinh và sạch sẽ; nhưng cũng giống như vệ sinh và sạch sẽ, không phải là tất cả và thiết yếu nhất của cuộc sống, vốn không gì khác hơn là việc cá nhân tiếp nhận Đức Chúa Trời, và giữ mỗi thông công mỗi ngày và đời đời với Đức Chúa Trời. Đạo đức không thể đem lại điều đó cho chúng ta; nhưng sự cứu rỗi, sự tha thứ, và sự xưng công bình có thể và làm được. Không có gì lạ khi sứ điệp của Tin lành đem dân ngoại đến với đức tin và sự thờ phượng theo cách mà sự giảng dạy của luật pháp chưa bao giờ có được. Và không có gì lạ khi nó tiếp tục lan tràn ra (13:9).

Lu-ca nói, nhưng người Do thái sử dụng ảnh hưởng của họ trên những người thuộc tầng lớp thượng lưu ở An-ti-ốt đã khuấy động đàn áp, và đuổi các sứ đồ ra khỏi thành của họ (13:50). Có lẽ họ đã tranh cãi rằng rao giảng về ân điển của Phao-lô, (13:43; tham khảo 14:3), về sự xưng công bình bởi đức tin không phải bởi việc làm của luật pháp, là hoàn toàn chống lại đạo. Đây là một cách dễ dàng để xuyên tạc Tin lành, và cách này vẫn còn được sử dụng. Nhưng nếu như vậy, điều xảy ra trong phần tiếp theo của Lu-ca sẽ bác bỏ lời buộc tội đó.

TỬ Y-CÔ-NI ĐẾN ĐỆT-BƠ (14:1-20)

Sau phác thảo sơ bộ về bài giảng về sự cứu rỗi bởi ân điển của Phao-lô (14:3) ở Y-cô-ni, và sự gia tăng chống đối của người Do thái cuối cùng buộc các sứ đồ phải rời Lít-tơ, Lu-ca đã trình bày đến trọng tâm của phần thứ ba này. Tại Lít-tơ, Phao-lô đã chữa lành cách kỳ diệu cho một người đàn ông bị què từ lúc mới sinh. Ảnh hưởng này trên dân chúng địa phương rất mạnh mẽ. Cuối cùng họ là dân ngoại bang, và tại nơi này của thế giới họ không phải là những người

ngoại bang phức tạp giống như ở những nơi khác trên thế giới. Họ lập tức kêu lên bằng ngôn ngữ địa phương: “Các thần đã lấy hình loài người mà xuống cùng chúng ta” (14:11). Họ nhất quyết cho rằng Ba-na-ba là thần Zeus và Phao-lô là thần Hermes, được dẫn đầu bởi các thầy tế lễ của thần Zeus, họ đem bò đực và vòng hoa đến cửa thành, dự định dâng của lễ cho những “vị thần trong hình dạng loài người” này (14:8-13).

Nếu thầy phù thủy Si-môn là Phao-lô hay Ba-na-ba thì hãy tưởng tượng xem ông ta sẽ làm gì với cơ hội này. Có thể ngay lập tức sẽ có một đền thờ dành cho Simon Magus, được dựng lên từ quyên góp của công chúng; và cho đến cuối đời, Simon có thể sẽ không thiếu thốn bất kỳ điều gì.

Nhưng Phao-lô và Ba-na-ba không phải là những gã bịp bợm. Giáo lý “được xưng công bình bởi đức tin nhờ ân điển” của họ cũng rất rõ ràng. Chắc chắn họ đã rao giảng rằng không thể đạt được sự chấp nhận của Đức Chúa Trời bởi việc gìn giữ luật pháp; vì vậy, sự cứu rỗi phải là hoàn toàn bởi ân điển. Nhưng điều đó không có nghĩa là họ khuyến khích mọi người không tuân giữ luật pháp. Ở tại Lít-tơ này mạng lệnh cơ bản đầu tiên của luật pháp đã bị đe dọa: “Trước mặt ta, người chớ có các thần khác” (Xuất. 20: 3). Không hề do dự một chút nào, Phao-lô và Ba-na-ba đã lao vào đám đông, dùng mọi cử điệu có thể để ngăn họ vi phạm điều răn thứ nhất; và họ tiến đến diễn thuyết cho đám đông ngoại bang này cách mạnh mẽ theo cách mà một người Do thái chính thống nhất có thể làm về những tội ác của đa thần giáo và thờ hình tượng, rao giảng kêu gọi họ từ bỏ ngoại giáo và thờ phượng một Đức Chúa Trời chân thật, là Đấng Tạo hóa (14:14-18).

Lu-ca cho biết, dù vậy, sự việc đang chứng minh rằng ngăn cản mọi người dâng tế lễ cho Phao-lô và Ba-na-ba không phải là một công việc dễ dàng (14:18), khi một số người Do thái từ An-ti-ốt và Y-cô-ni đến nơi xảy ra sự kiện. “Và khi họ phát hiện ra rằng Phao-lô và Ba-na-ba đang hết sức nài xin dân ngoại bang gìn giữ luật pháp của Đức Chúa Trời, họ không còn nỗ lực tấn công các sứ đồ nữa; vì điều đó sẽ để lại trong dân ngoại bang ấn tượng rằng người Do thái

đang chống lại việc tuân giữ luật pháp của Đức Chúa Trời. Thay vào đó, họ cùng góp sức với Phao-lô và Ba-na-ba thúc giục dân ngoại thờ phượng Đức Chúa Trời độc nhất và chân thật.” Đáng buồn là không phải vậy. Đó không phải là điều Lu-ca cho biết. Ông đã nhận xét ngắn gọn hùng hồn rằng “Bấy giờ có mấy người Giu-đa từ thành An-ti-ốt và thành Y-cô-ni đến dỗ dành dân chúng; chúng ném đá Phao-lô, tưởng người đã chết, nên kéo ra ngoài thành” (14:19).

Có lẽ chúng ta có thể hiểu được sự thay đổi thái độ đột ngột của đám đông từ biết ơn đến ghen ghét giết người. Nhiều người trong số họ đã cảm thấy bị cự tuyệt bởi vì Phao-lô đã không cho phép họ dâng tế lễ cho ông, và có thể sẽ cân nhắc nhận xét của ông về việc “xây bỏ các thần hư không kia, mà trở về cùng Đức Chúa Trời hằng sống” (14:15) là một sự sỉ nhục đối với tôn giáo và thầy tế lễ của họ. Vì thế, sẽ tương đối dễ dàng cho người Do thái từ An-ti-ốt và Y-cô-ni tận dụng lòng tự hào bị tổn thương và sự bất bình của họ để chống lại Phao-lô.

Nhưng chúng ta sẽ nói gì về những người Do thái đã làm việc này? Điều có thể nói, trừ việc thỉnh thoảng vài người sùng đạo muốn những người khác cứ ở trong tôn giáo ngoại bang, việc thờ hình tượng, tội lỗi, và sự trăn tục của họ hơn là “được cứu.” Vì vậy, đối kháng với sự cứu rỗi có thể là tôn giáo đơn thuần!

SỰ TRỞ LẠI (14:21-28)

Điều xảy ra tại Lít-tơ đã tỏ cho chúng ta điều này: giáo lý Cơ đốc về sự cứu rỗi bởi ân điển nhờ đức tin kiên quyết duy trì luật pháp về đạo đức của Đức Chúa Trời giống như người Do thái – trên thực tế còn kiên quyết hơn một số người trong số họ. Và bây giờ trong phần kết ngắn gọn của chuyển động đầu tiên này chúng ta sẽ gặp một mặt khác của giáo lý Cơ đốc. Sự tha thứ, xung công bình, và được Đức Chúa Trời chấp nhận, sự sống đời đời, tất cả những điều này là những món quà hoàn toàn miễn phí; nhưng những ai đón nhận có thể sẽ nhận ra rằng còn có một cái giá rất cao liên quan khi tiếp nhận chúng.

Từ đó ông và Ba-na-ba bắt đầu hành trình quay trở về. Họ một lần nữa viếng thăm, theo thứ tự ngược lại, Lít-tơ, Y-cô-ni, và An-ti-ốt xứ

Bi-si-di. Trên đường từ đó trở về An-ti-ốt (xứ Sy-ri), Hội thánh nhà của họ, họ rao giảng ở Bết-giê. Nhưng những gì họ đã nói, và kết quả thế nào, Lu-ca không nói cho chúng ta biết.

Điều ông tập trung vào là những điều họ nói và làm tại các hội thánh mới thành lập là những nơi mà gần đây họ đã thành lập tại Lít-tơ, Y-cô-ni, và An-ti-ốt xứ Bi-si-di. Họ làm mạnh mẽ linh hồn của các môn đồ, khuyên giục họ bền đỗ trong đức tin (4:22). Chúng ta quan sát một lần nữa thuật ngữ “đức tin [này]” – ấy là khung giáo lý Cơ đốc – là điều được đánh dấu trong phần này của sách Công vụ. Nhưng bây giờ chúng ta hãy lưu ý đến thuật ngữ “bền đỗ” (Bản NIV – “remain true to” tạm dịch là “cứ hết lòng ở trong”). Sự cứu rỗi là bởi ân điển, là món quà của Đức Chúa Trời dành cho mỗi người tin nhận. Nhưng bằng chứng chứng tỏ một người là tín hữu chân thật đến từ việc người ấy bền đỗ trong đức tin. Đây là điều Chúa của chúng ta đã nói với những người tuyên xưng tin nhận Ngài: “Nếu các ngươi [bền đỗ] ở trong đạo ta, thì thật là môn đồ ta” (Giăng 8:31, Bản RSV). Ngài chỉ ra rằng những người không “[bền đỗ] ở trong đạo của Ngài,” sẽ không, và sẽ không bao giờ, là con cái của Đức Chúa Trời. Đây là sứ điệp tất cả các thư tín đều truyền tải. “Bền đỗ trong đức tin [này]” không phải là điều kiện để được xưng công bình. Nhưng đây là kết quả tự nhiên và là chứng cứ cần thiết của một tín hữu chân chính.

Thứ hai, Phao-lô và Ba-na-ba cứ nhắc nhở những người trở lại đạo gần đây rằng trải qua nhiều hoạn nạn thì mới vào được nước Đức Chúa Trời (14:22). Một lần nữa, chúng ta cần lưu ý rằng trải qua hoạn nạn không tìm được hay tích lũy công đức để cho chúng ta cơ hội nhập cảnh vào cõi vĩnh hằng. Việc nhập cảnh là một món quà. Nhưng nếu chúng ta tiếp nhận món quà đó, thế giới và ma quỷ sẽ không chóng thì chầy kết hợp lại để đẩy lên mọi hoạn nạn chúng có thể tự tập được nhằm chống lại chúng ta. “Các ngươi sẽ có sự hoạn nạn trong thế gian” (Giăng 16:33, Bản RSV). “...nếu thế gian ghen ghét anh em, thì chớ lấy làm lạ” (1 Giăng 3:13). Chính Phao-lô là một ví dụ sinh động cho nguyên tắc mà ông dạy dỗ những người ông đem trở lại đạo. Trước khi trở lại đạo, trong những ngày ông cố gắng tìm

kiếm sự chấp nhận của Đức Chúa Trời bằng việc gìn giữ luật pháp, ông không hề trải qua hoạn nạn. Chính ông là người bách hại những người khác. Nhưng khi ông khám phá ra rằng sự chấp nhận của Đức Chúa Trời là một món quà, ông nhận lấy, thì ông bắt đầu một cuộc sống hầu như không ngừng trải qua hoạn nạn (xem Phil. 3).

Cuối cùng Phao-lô và Ba-na-ba trở lại căn cứ tại An-ti-ốt. Họ tụ họp tại nhà thờ và báo cáo những điều Đức Chúa Trời đã làm cho dân ngoại qua họ. Cụm từ họ sử dụng thật thú vị. Khi Phi-e-rơ trở về Giê-ru-sa-lem, sau một cuộc hành trình tương tự, và báo cáo những điều Đức Chúa Trời đã làm cho dân ngoại qua ông, đồng bào Do thái của ông đã nhận xét: “Vậy Đức Chúa Trời cũng đã ban sự ăn năn cho người ngoại để họ được sự sống” (11:18). Nhưng khi tường trình với Hội thánh tại An-ti-ốt, Phao-lô và Phi-e-rơ đã kể thế nào “Đức Chúa Trời đã... mở cửa đức tin cho người ngoại là thế nào” (14:27). Có một khác biệt nhỏ, nhưng là một khác biệt thích hợp dưới ánh sáng của chủ đề chính của Phần Bốn: sự cứu rỗi và xưng công bình bởi ân điển nhờ đức tin không bởi việc làm của luật pháp, dầu vậy dẫn đến việc gìn giữ luật pháp và vui lòng trả giá của việc làm môn đồ.

PHẦN BỐN: CHUYỂN ĐỘNG 2

Thảo luận về những điều kiện để được Cứu Rỗi (15:1-16:5)

Suốt Chuyển động 1 chúng ta đã đối diện sự chống đối với Tin lành. Bây giờ trong Chuyển động 2 chúng ta sẽ thấy kiểu mẫu này được lặp lại. Chỉ là có một khác biệt vào lúc này. Trong chuyển động 1 sự chống đối đến từ Do thái giáo, từ cả phía bội đạo lẫn chính thống. Trong chuyển động 2 sự chống đối đến từ ngay trong cộng đồng Cơ đốc. Trong Chuyển động 1 chúng ta nghe Tin lành được giảng bằng ngôn ngữ phổ biến, thường là cho những hội chúng đông đảo những người không tin. Trong Chuyển động 2 chúng ta sẽ nghe Tin lành được định nghĩa bằng những thuật ngữ thần học ở bên trong Hội thánh Cơ đốc.

TỪ AN-TI-ỐT ĐẾN GIÊ-RU-SA-LEM (15:1-5)

Đường như đây là một điều gây sững sốt để nói rằng sự chống đối với giáo lý Cơ đốc về sự cứu rỗi trong những năm đầu đến từ chính bên trong Hội thánh Cơ đốc. Nhưng sự việc là vậy. Lu-ca cho biết, “Vả, có mấy người từ xứ Giu-đê đến, dạy các anh em rằng: Nếu các ngươi chẳng chịu phép cắt bì theo lễ Môi-se, thì không thể được cứu rỗi” (15:1).

Ngay lập tức, Phao-lô và Ba-na-ba phản đối họ. Đây không phải là thời điểm để khoan dung. Chính sứ điệp Tin lành đang bị đe dọa, những điều kiện cơ bản của sự cứu rỗi. Giữ im lặng ở đây là bất trung với cả lẽ thật của Đức Chúa Trời và với sự cứu rỗi và tự do của mọi người. Như Phi-e-rơ đã diễn tả sau đó (15:10), đó vừa là thử Đức Chúa Trời vừa đặt một cái ách không thể chịu nổi trên cổ của các môn đồ. Có rất nhiều vấn đề ít quan trọng hơn trong Cơ đốc giáo là chỗ các Cơ đốc nhân được phép có những khác biệt. Nhưng những điều khoản và điều kiện về sự cứu rỗi thì không phải là một trong các vấn đề đó. Phao-lô và Ba-na-ba sẽ không đứng yên lặng ở một bên khi người ta dạy các tín hữu “tin lành khác”. “Thật chẳng phải có tin lành

khác” (Ga. 1:6-7); cái gọi là “Tin lành” vốn là điều nếu họ cố ý và cố tình tiếp nhận Tin lành đó thì có nghĩa là Đấng Christ không có giá trị nào đối với họ; một điều thêm vào Tin lành chân chính vô cùng trái ngược với quy tắc cơ bản đến nỗi việc tiếp nhận nó là phá huỷ Tin lành hoàn toàn, là mang hàm ý rằng Đấng Christ chịu chết không vì điều gì cả, là để cho mọi người không được cứu và chất lên họ cái ách nô lệ (Gal. 2:21; 5:1-4).

Phao-lô và Ba-na-ba đã bước vào “cuộc cãi lẽ dữ dội” (15:2) với những người rao truyền Tin lành giả dối và chống đối họ cách không khoan nhượng.

Kết quả là Phao-lô và Ba-na-ba đã được chỉ định cùng với một vài tín hữu khác đi lên Giê-ru-sa-lem để hỏi các sứ đồ và trưởng lão về thắc mắc này (15:2). Đó không phải là vì bản thân Phao-lô không có đầy đủ thẩm quyền sứ đồ để thiết lập các điều khoản và điều kiện của sự cứu rỗi mà không cần tham vấn những người khác (xem Gal. 1:1, 11- 2:10). Đó là vì các giáo sư giả đã đến từ Giu-đê, và chẳng có gì đáng ngờ khi họ nói bóng gió rằng các sứ đồ và trưởng lão tại Giê-ru-sa-lem đồng ý với họ. Chúng ta nhìn thấy từ thực tế khi các sứ đồ và trưởng lão viết một lá thư gửi đến An-ti-ốt đưa ra quan điểm của họ về vấn đề này, họ bắt đầu bằng việc bác bỏ các giáo sư giả: “Bởi từng nghe có một vài người trong vòng chúng ta, chẳng lãnh mạng lệnh nào nơi chúng ta, tự lấy lời mình khuấy rối, và biến loạn lòng các người nữa” (15:24).

Trên đường trở về Giê-ru-sa-lem qua xứ Phi-ni-xi và xứ Sa-ma-ri, Lu-ca cho biết: “[họ] thuật lại sự người ngoại trở về đạo, và như vậy làm cho anh em thay thay được vui mừng lắm” (15:3). Đó là phản ứng tự nhiên của những người được cứu khi nghe về sự cứu rỗi của người khác; và trước khi cải đạo những người này càng “kỳ quặc” thì họ càng vui mừng khi nghe được điều đó – và đối với người Do thái, những người ngoại bang này rất “kỳ quặc.” Phản ứng tại Giê-ru-sa-lem cũng giống vậy khi họ nghe tường thuật của Phao-lô và Ba-na-ba.

Trừ một số người. “Nhưng có mấy kẻ về đảng Pha-ri-si đã tin đạo, đứng dậy nói rằng phải làm phép cắt bì cho những người ngoại,

và truyền họ phải tuân theo luật pháp Môi-se” (15:5).

Điều đầu tiên cần lưu ý về yêu cầu này là nó đến từ bên trong Hội thánh, từ những người Lu-ca mô tả là tín hữu. Sau này chúng ta sẽ phải hỏi họ là tín hữu theo nghĩa nào, vì tuyên bố của họ không vô hại giống như nó xuất hiện lần đầu tiên. Nếu chúng ta không biết toàn bộ câu chuyện, chúng ta có thể phỏng đoán rằng những người Pha-ri-si “đã tin đạo” chỉ đơn giản nói rằng: “Vâng, chúng tôi đồng ý. Những người ngoại bang đã ăn năn và đặt niềm tin nơi Chúa Jesus này đã được cứu, đã được xưng công bình, và được Đức Chúa Trời chấp nhận duy chỉ dựa trên nền tảng đức tin. Nhưng, dĩ nhiên bây giờ, họ phải được dạy dỗ làm thế nào để sống đẹp lòng Đức Chúa Trời, và điều đó sẽ có nghĩa là dạy dỗ họ nhận lễ cắt bì và gìn giữ luật pháp Môi-se.”

Nhưng họ không ngụ ý như vậy. Họ đang đồng tình với những người từ Giu-đê đến An-ti-ốt. Họ đang nói rằng anh phải chịu cắt bì và gìn giữ luật pháp Môi-se để được cứu. Chúng ta thấy sự việc là vậy từ những điều Phi-e-rơ đã nói khi các sứ đồ và trưởng lão gặp gỡ để thảo luận câu hỏi này, và Phi-e-rơ chỗi dậy phát biểu về vấn đề này. Theo ông hiểu câu hỏi được những người Pha-ri-si đặt ra đang ở trước mặt họ không phải là “Nhưng người ngoại bang được cứu phải cư xử thế nào?” mà là “Làm thế nào, và dựa trên điều khoản nào, những người ngoại bang – hoặc Do thái liên quan vấn đề này – có thể được cứu?” (15: 10-11).

Vậy nên, chúng ta không nên ngạc nhiên khi nhận ra rằng câu hỏi này đã được tranh cãi giữa các tín hữu đầu tiên. Nó đã được bàn cãi trong thế giới Cơ đốc nhiều thế kỷ, và hiện vẫn còn. Không ai trong thế giới Cơ đốc ngày nay cho rằng anh phải chịu cắt bì để được cứu. Nhưng việc làm báp tem cho trẻ sơ sinh được tuân giữ rộng rãi trong Cơ đốc giáo được cho là tương tự với lễ cắt bì cho trẻ sơ sinh trong Do thái giáo; họ cho rằng lễ báp tem này thật sự ảnh hưởng đến sự tái sinh của trẻ sơ sinh; và rằng thông thường, lễ báp tem là điều cần thiết để được cứu, đến nỗi một đứa trẻ sơ sinh chết đi mà chưa chịu lễ báp tem thì không thể vào thiên đàng; và đối với người trưởng thành cũng tương tự như vậy, báp tem thật sự làm họ được sạch tội, và cần

thiết để được cứu trừ những trường hợp cực kỳ đặc biệt giống như trường hợp của tên cướp sắp chết, khi mà báp tem trên thực tế không thể không thực hiện, và Đức Chúa Trời sử dụng những phương tiện ngoại lệ khác.

Thậm chí việc một người không cần phải giữ các luật lệ về nghi lễ, nhưng chắc chắn cần phải giữ luật đạo đức của Môi-se để được cứu còn được công nhận rộng rãi hơn. Đó là lý do cả trên bục giảng và trên các băng ghế, tư tưởng cho rằng ngay khi còn sống người ta có thể biết rằng họ đã được cứu, hiện tại đã được cứu, và hoàn toàn chắc chắn sẽ được cứu thường bị phản đối như là một điều rõ ràng là vô lý. Rõ ràng là vô lý là bởi vì như họ nói, sự cứu rỗi phụ thuộc vào việc gìn giữ luật pháp về đạo đức; và một người không thể biết liệu anh ta đã làm đủ theo hướng đó để đạt tiêu chuẩn nhận được sự cứu rỗi cho đến ngày phán xét chung cuộc. Họ nghĩ rằng bất kỳ người nào tuyên bố rằng đã được cứu rỗi, thì giống như là một sinh viên tuyên bố đã vượt qua các kỳ thi cuối năm thậm chí trước khi thi.

Sự thật là một vài yếu tố trong sự cứu rỗi được nói đến trong Tân ước như là ở trong tương lai. Sự cứu rỗi thân thể vật lý là một trong các yếu tố này (Phil. 3:20-21; Rô. 8:23-25); và sự cứu rỗi khỏi cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời cũng vậy, Phao-lô nói: “chúng ta ... sẽ nhờ Ngài [Đấng Christ] được cứu khỏi cơn thịnh nộ [của Đức Chúa Trời] là dường nào” (Rô. 5:9). Nhưng ngay cả với những khía cạnh này của sự cứu rỗi, tương lai không mang hàm ý không chắc chắn. Ngay trong chính đoạn Kinh thánh này Phao-lô chỉ ra rằng (bởi vì bản tánh yêu thương nhất quán của Đức Chúa Trời) một khi chúng ta được xưng công bình bởi đức tin, thì việc có được sự cứu rỗi khỏi cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời thậm chí còn chắc chắn hơn cả sự chết của Đấng Christ cho chúng ta khi chúng ta còn là người có tội (Rô. 5:8-9). Chúng ta trông đợi Đấng Christ như là Đấng giải cứu chúng ta khỏi cơn thịnh nộ hầu đến, ông khẳng định trong 1 Tê. 1:10; và khi chúng ta trông đợi Ngài trở lại, chúng ta biết rằng Đức Chúa Trời không chỉ định chúng ta “bị cơn thịnh nộ, nhưng cho được sự giải cứu bởi Đức Chúa Jêsus Christ” là Đấng chết thay cho chúng ta (1 Tê. 5:9-10). Một tín hữu có công việc phục vụ Đấng Christ trong

cuộc đời không đạt tiêu chuẩn, và không thể tồn tại trước sự đoán phạt của Đấng Christ, sẽ phải chịu mất mát không gì so sánh được; nhưng người ấy sẽ không đánh mất sự cứu rỗi: bản thân anh ta sẽ được cứu (1 Cô. 3:15) bởi vì sự cứu rỗi của anh ta không đặt điều kiện trên công việc của anh, và vì vậy không bao giờ là không chắc chắn.

Hơn nữa, dù một vài yếu tố trong sự cứu rỗi là nhất thiết ở trong tương lai, một số khác, đối với tín hữu, có thể được nói một cách chính đáng như là điều đã xảy ra. Sự xưng công bình và nhận sự sống đời đời là hai yếu tố như vậy, vì thế Phao-lô có thể nói cho những người trở lại đạo: “Và, ấy là nhờ ân điển... mà anh em [đã] được cứu” (Êph. 2:8-10). Công thức có thể cũ, nhưng nó vẫn là sự thật: tín hữu đã được cứu khỏi án phạt tội lỗi, được cứu khỏi quyền lực của tội lỗi, và đến một ngày sẽ được cứu khỏi sự hiện diện của tội lỗi.

Vì vậy, câu hỏi dấy lên lần đầu tiên tại An-ti-ốt và sau đó tại Giê-ru-sa-lem đối với Phao-lô và Ba-na-ba không đơn giản chỉ thuộc về thần học hàn lâm. Nó liên quan đến con người, sự hòa thuận của họ với Đức Chúa Trời, cảm giác được chấp nhận, sự tự do, niềm vui. Qua suốt cuộc tranh luận, có thể khuôn mặt của nhiều người sẽ hiện ra trước mặt họ, những khuôn mặt của những người ngoại bang đã trở lại đạo qua sự giảng dạy của họ. Họ đã ăn năn và đặt niềm tin vào Đấng Christ: họ đã được cứu rồi chứ? Chắc chắn họ chưa chịu cắt bì. Nếu sự cứu rỗi phụ thuộc vào việc chịu cắt bì, thì họ chưa được cứu. Nếu sự cứu rỗi và được Đức Chúa Trời chấp nhận phụ thuộc vào quyết định của sự phán xét cuối cùng dựa trên việc họ có gìn giữ luật đạo đức đủ tốt suốt cả cuộc đời hay không – thì dĩ nhiên, không thể có sự không chắc chắn về điều đó: họ không bao giờ được cứu. Vì không có ai từng được công bố là công bình dưới cái nhìn của Đức Chúa Trời dựa trên cơ sở đó (Rô. 3:30).

GIÁO HỘI NGHỊ GIÊ-RU-SA-LEM (15:6-21)

Tuyên bố của Phi-e-rô về giáo lý chân chính của sự cứu rỗi

Tại giáo hội nghị, trước hết họ có một vài thảo luận dài dòng; và sau đó Phi-e-rô đứng lên và trình bày sự phán xét của mình. Dĩ nhiên,

ông có thẩm quyền của sứ đồ để làm như vậy. Nhưng ông không đơn giản viện dẫn đến thẩm quyền sứ đồ của mình và chấm dứt cuộc thảo luận bằng việc tùy tiện tuyên bố quyết định của mình. Ông chỉ ra một số hành động của Đức Chúa Trời trong quá khứ gần đây qua đó Đức Chúa Trời đã chỉ ra địa vị này là gì.

Hành động đầu tiên của Đức Chúa Trời là việc Ngài chọn Phi-e-rơ và qua ông dân ngoại nghe về sứ điệp của Tin lành và tin nhận (15:7). Phi-e-rơ đề cập đến việc của Cọt-nây; khi chúng ta nhớ lại việc Đức Chúa Trời chuẩn bị Phi-e-rơ bằng khái tượng trực tiếp đặc biệt, và sau đó hàng loạt ban cho “trùng hợp ngẫu nhiên” cất bỏ mọi nghi ngờ về sự hướng dẫn của Thánh Linh, rõ ràng không thể phủ nhận rằng lựa chọn của Đức Chúa Trời chọn ra Phi-e-rơ từ những người còn lại, làm một người đem tin lành đến cho dân ngoại. Một ngụ ý không được nói nằm ngay trên bề mặt: nếu giáo lý của những người “Pha-ri-si đã tin đạo” cho rằng dân ngoại cần phải chịu cắt bì và gìn giữ luật pháp để được cứu là đúng, thì tại sao Đức Chúa Trời không chọn họ thay vì Phi-e-rơ đem sứ điệp của Tin lành đến cho Cọt-nây? Hơn nữa, những người ngoại bang không chịu cắt bì này thật đã tin nhận Chúa Jê-sus là kết quả của việc giảng của Phi-e-rơ trong khi rất nhiều người Do thái đã chịu cắt bì và gìn giữ luật pháp lại không tin nhận.

Nhưng Đức Chúa Trời đã làm nhiều hơn là chọn Phi-e-rơ đem sứ điệp của Tin lành đến cho những người ngoại bang này. Hành động thứ hai của Ngài là khi họ tin nơi Chúa Jê-sus, Đức Chúa Trời đã can thiệp trực tiếp để bày tỏ rằng Ngài đã chấp nhận họ, qua việc ban cho họ Thánh Linh của Ngài. Không ai có thể chất vấn phải chăng chính Đức Chúa Trời làm việc này, vì Phi-e-rơ đã không dự phần trong hành động đó. Dĩ nhiên, không một ai, cho dù người đó có được tôn làm sứ đồ, có thể ban Thánh Linh thiêng liêng của Đức Chúa Trời cho một người nào. Chỉ duy Đức Chúa Trời có thể làm điều đó. Nhưng trong trường hợp này Đức Chúa Trời thậm chí đã không làm điều đó qua việc đặt tay của Phi-e-rơ, giống như Ngài đã làm tại Sa-ma-ri (8:17-18). Phi-e-rơ vẫn đang nói, ông vẫn chưa đi đến phần cuối bài giảng của mình, khi Thánh Linh giáng xuống trên

những người đang nghe đạo (10:44). Không có nghi lễ. Họ không có phép cắt bì. Họ chưa chịu báp tem. Họ chưa “tiến đến,” nếu dùng thuật ngữ truyền giáo hiện đại. Họ chưa được khuyên bảo, không ai đặt tay trên họ, họ chưa ký biên bản quyết định hay lập bất cứ tuyên xưng công khai nào. Ngay tại chỗ họ đang ngồi, họ đã nghe sứ điệp của Tin lành và đã tin nhận. Lập tức Đức Chúa Trời ban Thánh Linh cho họ, và sau đó thể hiện cho mọi người đang hiện diện, biết rằng Ngài đã chấp nhận họ. Họ đã được xưng công bình. Họ đã được cứu. Họ đã được làm hòa với Đức Chúa Trời.

Nhưng bây giờ tại giáo hội nghị Phi-e-rơ có một vài bài học sâu rộng rút ra từ hành động của Đức Chúa Trời.

Trước nhất, trong việc ban Thánh Linh cho họ “Ngài chẳng phân biệt chúng ta với người ngoại đâu” (15:9). Khi Ngài ban Thánh Linh cho chúng ta, chúng ta đã chịu phép cắt bì rồi. Họ thì không; dầu vậy Ngài đã ban Thánh Linh cho họ đúng như Ngài đã ban cho chúng ta. Điều đó tỏ ra rằng phép cắt bì không liên quan đến việc nhận lãnh Thánh Linh.

Thứ hai, đối với bất cứ người nào được hiệp một với Đấng Christ hằng sống, bởi việc được ban cho, và được ngự trị bởi Thánh Linh của Đức Chúa Trời, thì không chỉ đơn thuần là một sự giúp đỡ tiến đến sự cứu rỗi: đó là sự cứu rỗi.

Thứ ba, rõ ràng Đức Chúa Trời không đặt Thánh Linh của Ngài vào trong tấm lòng không thanh sạch. Vì vậy, nếu Ngài đặt Thánh Linh vào trong tấm lòng của những người ngoại bang này, thì là bởi vì Ngài không biết tình trạng thật sự trong lòng họ; Ngài là Đức Chúa Trời Đấng biết lòng người (15:8). Vậy thì, tấm lòng của họ phải được làm cho thanh sạch đến mức làm Đức chúa Trời thỏa mãn đến nỗi Ngài có thể đặt Thánh Linh của Ngài vào trong lòng họ. Làm thế nào họ được làm cho thanh sạch? Rõ ràng không phải bởi phép cắt bì, vì họ không chịu cắt bì; và làm thế nào hoạt động đó làm sạch tấm lòng của họ? Cũng không phải do lễ báp tem: họ chưa được báp tem khi họ nhận lãnh Đức Thánh Linh. Khi họ chịu báp tem (10:46-48), thực tế là họ đã nhận lãnh Thánh Linh Đấng chứng thực cho báp tem của họ rồi, không phải bởi báp tem họ chịu mà họ nhận lãnh Thánh Linh.

Vậy thì tấm lòng của họ được làm cho thanh sạch bằng cách nào: ai làm cho họ thanh sạch, bằng những phương tiện gì, và khi nào? Phi-e-rơ trả lời cả ba câu hỏi này.

Trước hết, chính Đức Chúa Trời làm công việc thanh tẩy (15:9). Không phải những người ngoại bang này bởi tuân theo kỷ luật thuộc linh để cuối cùng thanh tẩy tấm lòng của mình đến mức Đức Chúa Trời có thể ban Thánh Linh của Ngài cho họ. Không phải, chính Đức Chúa Trời là Đấng làm công việc thanh tẩy. Thứ hai, phương tiện Đức Chúa Trời sử dụng là đức tin của họ: “Ngài... đã lấy đức tin khiến cho lòng họ tinh sạch” (15:9); và theo ý nghĩa này mà các tín hữu có thể được nói là đã làm tinh sạch linh hồn của họ, như trong 1 Phi-e-rơ 1:22. Nhưng để hiểu rõ điều này nghĩa là gì, chúng ta phải hiểu nó trong ngữ cảnh của câu trả lời cho câu hỏi thứ ba: Ngài đã làm cho họ tinh sạch bởi đức tin của họ khi nào? Có phải đó là một tiến trình dài đằng đặc, mỗi mòn, qua tiến trình đó, khi mà đức tin của họ dần trở nên mạnh mẽ hơn, thì Đức Chúa Trời có thể càng làm sạch tấm lòng của họ cho đến khi họ đạt đến tiêu chuẩn thánh sạch cần thiết để nhận lấy Thánh Linh? Không phải vậy! Phi-e-rơ cho biết, “[Về việc này], Ngài chẳng phân biệt chúng ta với người ngoại đâu” (15:9); và để làm rõ quan điểm để không phải nghi ngờ, chúng ta có thể nhớ lại điều Phi-e-rơ đã nói về nó trong một dịp trước đó: “Đức Chúa Trời đã ban cho họ cũng một ơn như cho chúng ta [khi chúng ta] đã tin đến Đức Chúa Jê-sus Christ” (11:17).

Tác động nghiêm trọng của giáo lý cứu rỗi giả dối

Tại điểm này Phi-e-rơ dùng vài từ ngữ mạnh mẽ để đáp lại những người Pha-ri-si đã tin đạo: “Vậy bây giờ, có sao anh em thử Đức Chúa Trời, gán cho môn đồ một cái ách mà tổ phụ chúng ta hoặc chính chúng ta cũng chưa từng mang nổi” (15:10)?

“Thử Đức Chúa Trời” là một việc làm nghiêm trọng. Nói một cách thô sơ, nó có nghĩa là thử lòng nhẫn nại của Đức Chúa Trời, thử xem ta có thể đi được bao xa và ta có thể đem được gì đi cùng, trước khi thúc ép Đức Chúa Trời quá thể và khiêu khích Ngài ra tay can thiệp. Chính luật pháp tại Phục truyền 6:16 cấm điều này. Điều liên quan giữa sự răn cấm này với câu hỏi đang được đem ra thảo luận tại

giáo hội nghị chính là điều này.

Nếu Đức Chúa Trời làm sạch tâm lòng của người ngoại bang bởi đức tin và công bố rằng Ngài thỏa mãn với sự thanh tẩy đó đến nỗi Ngài có thể ban cho họ Thánh Linh của Ngài, thì việc hàm ý rằng sự thanh tẩy chính Đức Chúa Trời thực hiện bởi đức tin là không đủ tốt, và không thể đem đến cho một người sự cứu rỗi và sự chấp nhận của Đức Chúa Trời bởi việc đó, nhưng phải được bổ sung bởi phép cắt bì và việc gìn giữ luật pháp – đây là một sự xúc xược khủng khiếp và xúc phạm đến Đức Chúa Trời, cho dù người có hàm ý đó người nào – dù cho động cơ của họ có tốt đẹp bao nhiêu. Một người xúc phạm Đức Chúa Trời như vậy và đảo lộn quyết định đã được công bố của Ngài có thể đi bao xa trước khi tự chuốc lên đầu của mình án phạt nặng nề nhất của Ngài? Giảng dạy rằng nghi lễ và việc gìn giữ luật pháp để được cứu có thể nghe như là nghiêm nhặt về mặt đạo đức, thánh khiết, và đáng khen ngợi. Thật ra điều đó đã, và vẫn là một sự xúc phạm đến Đức Chúa Trời.

Thứ hai, cả hai đều vô dụng và tàn ác. Phi-e-rơ nói rằng cả chúng ta lẫn tổ phụ của mình đều không thể mang được cái ách đó (15:10). Ông thốt lên từ kinh nghiệm cá nhân cay đắng của mình. (Đây không phải là hiểu lầm của Cơ đốc nhân, đây là một người Do thái kể ra cách ông nhận thức sự việc.) Không chỉ như vậy, việc cố giữ từng chấm từng nét trong luật pháp giống như là một gánh nặng có sức nghiền nát, đặc biệt là khi nó được giảng giải bởi những ra-bi càng nghiêm khắc hơn nữa trong thế kỷ thứ nhất SC. Nhưng nó không bao giờ đem đến cho người ta sự thanh thản trong lương tâm và cảm giác được Đức Chúa Trời chấp nhận, thậm chí sau những nỗ lực và cố gắng ép mình tuân giữ kỷ luật thật khắt khe, khi người ta cảm thấy có lẽ mình đã tiếp cận điểm nào đó gần với lần mức hoàn thành nhiệm vụ. Có lẽ, tất cả mọi điều nó có thể là làm cho người ta cảm thấy dễ chịu hơn những người không nỗ lực hết sức. Nhưng nó không bao giờ có thể đem đến sự hòa thuận với Đức Chúa Trời. Điều đó lại khiến cho công việc cố gắng gìn giữ luật pháp dường như là một gánh nặng không bao giờ chấm dứt.

Điều này vẫn đúng trong thời đại này. Không ai từng đạt đến

được sự hòa thuận với Đức Chúa Trời và cảm giác được chấp nhận của Ngài dựa trên cơ sở gìn giữ luật pháp. Đó là cách không thể thực hiện được. Đức Chúa Trời sẽ không ban Thánh Linh của Ngài dựa trên những điều khoản đó. Đề kiến hoặc dạy dỗ rằng Ngài sẽ làm như vậy là đặt một cái ách nô lệ lên cổ mọi người. Sau cùng thì cứu rỗi là cứu rỗi. Đó là một sự giải cứu khỏi ách nô lệ, không phải là một yêu cầu làm công việc nặng nhọc. Một lần nữa hãy nghĩ đến hình ảnh tương tự Phao-lô đã sử dụng tại An-ti-ốt xứ Bi-si-đi (13:16-23). Sự cứu rỗi cho người Y-sơ-ra-ên trong trại lao động nô lệ ở Ai-cập không đòi hỏi thêm công việc nặng nhọc nào vào công việc của nô lệ đã có sẵn nhằm đạt đủ phẩm chất để được tự do. Không, sự cứu rỗi và tự do là những món quà, ban cho họ bởi ân điển và việc làm của Đức Chúa Trời qua năng quyền của Ngài. Sự tha thứ, sự xung công bình, và món quà Thánh Linh của Đức Chúa Trời cũng vậy. Phao-lô tán thành ý kiến của Phi-e-rơ và nói, “Đấng Christ đã buông tha chúng ta cho được tự do; vậy hãy đứng vững, chớ lại để mình dưới ách tội mọi nữa” (Ga. 5:1).

Kết luận của Phi-e-rơ

Về các mặt lịch sử, giáo lý, thần học, và kinh nghiệm thì kết luận của Phi-e-rơ có tầm quan trọng tạo ra một kỷ nguyên mới, đòi hỏi phải xem xét từng câu chữ.

Phi-e-rơ đã nói, “Chúng ta tin rằng...”; và qua từ “chúng ta” ông ngụ ý tất cả các sứ đồ và tất cả các trưởng lão, không có ngoại lệ. Rõ ràng là để trở thành một Cơ đốc nhân chân chính chúng ta phải có thể xác định bản thân không dè dặt với tuyên bố đức tin của họ.

“Chúng ta tin rằng nhờ ơn Đức Chúa Jê-sus...”; và qua từ “ơn” ông không có ngụ ý rằng Chúa Jê-sus ban cho chúng ta ân điển để thực hiện các nghi lễ, để gìn giữ luật pháp, và để làm công việc cho đến một ngày, chúng ta hy vọng, những điều đó sẽ khiến chúng ta đủ tiêu chuẩn để có được sự chấp nhận của Đức Chúa Trời và sự cứu rỗi. Đó là điều “những người Pha-ri-si đã tin đạo” đã nói, và Phi-e-rơ đang định nói điều hoàn toàn trái ngược. Vì vậy, “Nhờ ơn” có nghĩa là “không phải nhờ các nghi lễ, công việc, việc vâng giữ luật pháp.”

“Chúng ta tin rằng nhờ ơn Đức Chúa Jêsus, chúng ta được cứu cũng như người ngoại vậy” Khi nói như vậy, Phi-e-rơ thiết lập hai nguyên tắc. Trước hết, nếu những người ngoại bang không được cứu mà không cần phải chịu cắt bì, thì phép cắt bì không cần thiết để được cứu. Thứ hai, nếu những người Do thái chịu cắt bì được và buộc phải được cứu y theo cách người ngoại bang được cứu, thì phép cắt bì không cần thiết để được cứu, nhưng, thêm vào đó, nó không công hiến bất cứ điều gì vào trong sự cứu rỗi của bất kỳ người nào, việc gìn giữ luật pháp cũng vậy.

Sau khi hoàn thành bài tổng kết, Phi-e-rơ ngồi xuống; và có lẽ chúng ta có thể được phép tự hỏi “những người Pha-ri-si đã tin đạo” phản ứng với điều ông nói như thế nào. Trước đó họ đã khẳng khẳng cho rằng phép cắt bì và việc gìn giữ luật pháp là cần thiết để được cứu rỗi. Điều đó phải có nghĩa là đức tin để được cứu của họ đã, ít nhất là một phần nào đó, đặt vào những điều này. Đó là một vấn đề nghiêm trọng. Bởi vì đức tin một phần đặt nơi Đấng Christ, một phần đặt nơi việc gìn giữ luật pháp thì không phải là đức tin. Cộng thêm công việc nhỏ nhất vào như là một điều kiện để được cứu và một người không còn có sự cứu rỗi bởi ân điển nữa (Gal. 5:2-4). Vậy thì, nếu trước kỳ giáo hội nghị, đức tin để được cứu của họ một phần đặt vào phép cắt bì và việc gìn giữ luật pháp, họ có được cứu không? Họ đã tin, Lu-ca nói vậy (15:5), theo một mức độ ý nghĩa, họ có lẽ đã tin rằng Chúa Jêsus là Đấng Mê-si-a. Nhưng về câu hỏi về sự cứu rỗi, quan điểm của họ hoàn toàn trái ngược với giáo lý Cơ đốc về sự cứu rỗi theo Phi-e-rơ định nghĩa; và điều mọi người tin có ý nghĩa quan trọng. Hãy hy vọng là họ đã ăn năn, đã tin, và đã nhận được sự cứu rỗi bởi ân điển như là một món quà miễn phí từ Chúa Jêsus.

Phi-e-rơ đã nói với thẩm quyền và lẽ thật hiển nhiên đến nỗi khi ông ngồi xuống: “Cả hội đồng đều lắng lắng, nghe Ba-na-ba và Phao-lô thuật lại những phép lạ dấu kỳ mà Đức Chúa Trời đã cậy mình làm ra giữa người ngoại” (15:12). Điều đó phải là một điều thú vị đầy thu hút; nhưng nó không được thiết kế như là một giải pháp giảm nhẹ sau một cuộc tranh luận thần học gay gắt.

Nó là một phần chứng cứ của lẽ thật về giáo lý cứu rỗi nhờ ân

điên bởi đức tin. Chúng ta hãy chắc chắn mình nắm giữ những mối liên quan đối với vấn đề đang được thảo luận. Những người tiên phong vĩ đại đầu tiên trong việc đem Tin lành đến cho dân ngoại là những người tin rằng sự tẩy thanh tâm lòng là cần thiết để nhận được Thánh Linh và lời chứng của Ngài về việc được Đức Chúa Trời chấp nhận, là bởi đức tin; và bởi đức tin theo ý nghĩa một người nghe sứ điệp của Tin lành, tin nhận, và trên cơ sở đó nhận lãnh Thánh Linh và rồi được cứu. Đó là điều Phi-e-rơ tin; là điều Phao-lô và Ba-na-ba tin; và Đức Chúa Trời đã chứng thực họ truyền giáo bằng dấu kỳ và phép lạ, những tác dụng kỳ diệu của sự cứu rỗi đã được nhìn thấy trong đời sống của những người họ đem trở lại đạo không phải là điều nhỏ nhất.

Phán quyết của Gia-cơ

Cuối cùng Gia-cơ chỗi dậy phát biểu phán quyết của mình: ông đồng ý với giáo lý cứu rỗi được đề xuất bởi Phi-e-rơ, Phao-lô, và Ba-na-ba một trăm phần trăm. Có một số khó khăn nhất định trong các chi tiết nguyên bản ông trích dẫn từ A-môt 9:11-12, nhưng những ý chính của lập luận thì đủ rõ ràng.

Gia-cơ bắt đầu bằng việc quan sát điều Phi-e-rơ (là một người Palestine, Gia-cơ gọi ông bằng tên cũ của ông, Si-môn) đã mô tả là hành động mở của Đức Chúa Trời trong công việc của Ngài chọn ra một dân cho danh Ngài từ giữa dân ngoại. Mới nhìn vào điều đó có thể nghe như một tuyên bố lạ lùng đối với người Do thái, hầu như trái ngược với các điều khoản. Y-sơ-ra-ên, theo cách suy nghĩ của họ, là “dân tộc được xưng danh của Đức Chúa Trời.” Phải thừa nhận rằng vị tổ phụ thành lập đất nước, Áp-ra-ham, vốn là một người ngoại bang; nhưng Đức Chúa Trời đã đem ông, và tất cả hậu tự của ông ra khỏi vòng dân ngoại theo ý nghĩa họ không còn là dân ngoại nữa và vì vậy trở thành Y-sơ-ra-ên, một quốc gia đặc biệt, một dân tộc thuộc sở hữu của Chúa (xem Xuất. 19:5-6). Bây giờ Gia-cơ đang nói rằng Đức Chúa Trời đang thực hiện những chuyển động đầu tiên trong tiến trình dẫn dắt một dân tộc cho danh Ngài từ dân ngoại bang, theo ý nghĩa dân tộc này sẽ không cần phải trở nên người Do thái: họ sẽ mang danh của Chúa, giống như Y-sơ-ra-ên đã mang, trong khi vẫn

còn là dân ngoại. Đối với một số người Do thái điều này có thể giống như là một tiểu thuyết gây sốc, thậm chí là với các Cơ đốc nhân người Do thái, Gia-cơ chỉ ra rằng ý tưởng này không hề là tiểu thuyết. Đức Chúa Trời đã công bố rằng điều này là điều Ngài sẽ làm, nhiều thế kỷ trước (15:8), qua các đấng tiên tri. Vậy thì, không cần phải ngạc nhiên khi nghe điều Đức Chúa Trời đã thực hiện gần đây qua Phi-e-rơ: Gia-cơ công bố lời của các đấng tiên tri hoàn toàn nhất trí với điều Đức Chúa Trời thực hiện qua ông gần đây.

Vậy thì lời của các đấng tiên tri nói là điều gì? Họ nói về hai điều: trước hết, sẽ đến một thời điểm Đức Chúa Trời xây dựng lại đền tạm của vua Đa-vít bị đổ nát. Thứ hai, việc xây lại đền tạm bị đổ nát của vua Đa-vít sẽ dẫn đến một lượng lớn dân ngoại tìm kiếm Chúa (nếu chúng ta theo chính xác từ ngữ của nguyên bản như Gia-cơ trung dẫn), hay đền tạm của vua Đa-vít “thâu lại” một lượng lớn các quốc gia ngoại bang (nếu chúng ta theo nguyên bản Masoretic).

Hình ảnh “dựng lại đền tạm của vua Đa-vít” đã gây khó khăn cho nhiều người. Một vài người đã nghĩ rằng “đền tạm của vua Đa-vít” là quốc gia Y-sơ-ra-ên và điều Gia-cơ đang nói là một lượng lớn dân ngoại bây giờ sẽ được kết hợp vào Y-sơ-ra-ên (thuộc linh mới). Những người khác nghĩ rằng “trại, hay đền tạm của Đa-vít” ngụ ý đền tạm thuộc linh mới hay đền thờ được thành lập cho cả người Do thái và dân ngoại để thờ phượng Đức Chúa Trời (Êph. 2:14-22). Vẫn có một số người khác cảm thấy rằng việc xây dựng lại đền tạm của Đa-vít ngụ ý việc khôi phục Y-sơ-ra-ên trong ngày đến, họ cũng cảm thấy sự khôi phục sẽ được theo sau bởi một lượng lớn dân ngoại bang trở lại đạo.

Nhưng ẩn dụ “đền tạm của Đa-vít” không ngụ ý đến quốc gia Y-sơ-ra-ên, cũng không phải đền thờ của Đức Chúa Trời tại Giê-ru-sa-lem, cả hai đều vẫn còn tồn tại sò sờ trong thời của Gia-cơ, và không có chỗ nào bị hư hại. Đó là ẩn dụ cho hoàng tộc và vương triều của Đa-vít. Dòng dõi và vương triều này đã bị hư hoại từ khi Nê-bu-cát-nét-sa đặt dấu chấm hết cho vương triều của Đa-vít trong thời kỳ lưu đày. Điều Gia-cơ đang nói là bây giờ thời gian đã đến để Đức Chúa Trời xây dựng lại đền tạm của Đa-vít, chính là hoàng tộc

và vương triều của ông, như đã được hứa trong các sách tiên tri.

Gia-cơ đã hiểu nó theo ý nghĩa nào? Theo chính xác ý nghĩa mà chúng ta vừa mới nghe Phao-lô trình bày trong những lời hứa song song ở sách Ê-sai. Ở An-ti-ốt xứ Bi-si-đi, như chúng ta nhớ, Phao-lô đã trung dẫn lời của Ê-sai 55:3, “Ta sẽ lập với các ngươi một giao ước đời đời, tức là sự nhân từ chắc thật đã hứa cùng Đa-vít” (13:34; cũng xem ở trang 201-205; Nguyên văn: Ta sẽ ban cho ngươi các phước lành chắc chắn và thánh khiết của Đa-vít. Sau đó ông giải thích rằng những lời hứa ban phước lành này được ứng nghiệm khi Đức Chúa Trời khiến Chúa Jêsus từ kẻ chết sống lại, không bao giờ bị hư nát.

Chúng ta cần lưu ý hơn nữa là, theo lời tiên tri của Ê-sai, khi Đức Chúa Trời làm ứng nghiệm những lời hứa phước hạnh cho Đa-vít, những lời hứa đó dẫn đến việc Đấng Mê-si-a “làm chứng kiến cho các nước, làm quan trưởng và quan tướng cho muôn dân. Nay, ngươi sẽ kêu gọi nước mà ngươi chưa hề biết, và nước chưa hề biết ngươi sẽ chạy đến cùng ngươi” (Ês. 55:3-5). Sau đó, Gia-cơ đang nói điều tương tự như lời của Phao-lô, ấy là đến một ngày một lượng lớn dân ngoại sẽ quay trở về cùng Chúa và trở nên “dân sự của Ngài,” “dân [ngoại] được xưng danh của Đức Chúa Trời”; và rằng điều này sẽ xảy ra khi dòng dõi hoàng tộc của Đa-vít được phục hồi – ấy là, bởi sự giáng sinh của Chúa Jêsus là Đấng Mê-si-a trong thành Đa-vít, và cụ thể hơn là bởi sự phục sinh từ cõi chết của Ngài (cũng xem tại Công vụ 2:25-31, 2 Tim. 2:8).

Nhưng cần lưu ý điểm Gia-cơ không hiểu lời tiên tri của A-mốt để mà ngụ ý. Ông không nói rằng dòng người ngoại bang đến cùng Đấng Mê-si-a vĩ đại này, dân tộc mới được xưng danh của Đức Chúa Trời đến từ dân ngoại bang này, sẽ trở thành người Do thái như là một phần của quốc gia Y-sơ-ra-ên. Ông nói điều ngược lại hoàn toàn. Ông đồng ý với Phi-e-rơ rằng dân ngoại không cần phải chịu cắt bì và sống như người Do thái để được cứu và trở thành dân sự của Đức Chúa Trời. Ông cũng nói rằng trong phán xét của ông họ không bị đòi hỏi chịu cắt bì và sống như là người Do thái sau khi họ được cứu. (Chúng ta có thể tưởng tượng rằng ông sẽ không nói điều này với người Do thái cải đạo.) Ông nói “Vây, theo ý tôi, thật chẳng nên

khuấy rối những người ngoại trở về cùng Đức Chúa Trời; song khá viết thư dặn họ kiêng giữ cho khỏi sự ô uế của thần tượng, sự tà dâm, sự ăn thịt thú vật chết ngột và huyết” (15:20).

Lời phán xét của Gia-cơ về giáo lý cứu rỗi bởi đức tin

Dĩ nhiên, dầu là ý thức hay vô thức, Gia-cơ đã không phán xét cho làm mâu thuẫn với giáo lý được cứu rỗi bởi đức tin của Phi-e-rơ mà ông đã nói rằng ông đồng ý cùng với nó. Để hiểu được điều ông giới thiệu, hãy nhìn lại danh sách những điều dân ngoại được yêu cầu thực hiện. Hết thấy những điều này đều tiêu cực: những sự việc cần kiêng cử. Không đề cập đến những nhiệm vụ tích cực của một tín hữu như “hết lòng, hết trí khôn, hết linh hồn, hết sức mà kính mến Chúa và yêu người lân cận như mình.” Thậm chí danh sách các việc cần kiêng cử này không bao gồm những vấn đề đạo đức cơ bản liên quan đến giết người, dối trá, trộm cắp, và tham lam. Ngay lúc đó Gia-cơ đã không nghĩ đến những điều răn vĩ đại của luật pháp. Thậm chí ông cũng không đề nghị bây giờ đời sống của những người ngoại bang được cứu phải được dạy đáp ứng dần những đòi hỏi công bình của luật pháp qua năng lực của Thánh Linh Đức Chúa Trời ngự trị – dầu điều này đúng đắn và cần thiết, hơn nữa mọi người tại giáo hội sẽ đồng ý với ông. Khi ông nói, ông đang nghĩ về thực tế rằng “Vì trải bao nhiêu đời nay, trong mỗi thành vẫn có người giảng luật pháp Môi-se, bởi mọi ngày Sa-bát, trong các nhà hội người ta có đọc luật ấy” (15:21)

Vì vậy, trong tất cả các thành, dân ngoại nói chung sẽ biết cả hai từ việc giảng dạy liên tục trong các nhà hội, và hơn nữa từ mối liên hệ xã hội với người Do thái, đó là một số điều nhất định mà dựa vào đó người Do thái đã có một lương tâm rất mạnh mẽ: họ sẽ không ăn thực phẩm được dâng lên cho thần tượng; danh sách các mối liên hệ gồm cả các mối liên hệ bị cấm trong hôn nhân còn dài hơn tập quán hôn nhân của dân ngoại; họ sẽ không ăn thịt của các thú vật chết ngột, cũng không dùng huyết dưới bất kỳ hình thức nào. Tín hữu người ngoại bang không thể bị đòi hỏi phải bị cáo trách về những điều này. Nhưng nếu những tín hữu ngoại bang không tôn trọng lương tâm của những anh chị em tín hữu Do thái của họ, thì sẽ làm cho mối tương

quan xã hội trở nên bất khả thi; và tại phần lớn các thành phố của dân ngoại, việc có hai nhóm Cơ đốc nhân, mà một nhóm trong đó không thể có mối liên hệ xã hội cùng với một lương tâm trong sạch với nhóm kia, việc này đối với mong muốn gây ấn tượng tốt cho những người chưa trở thành Cơ đốc nhân có thể xem là một sự việc chống lại Tin lành cách nghiêm trọng. Nếu những tín hữu Do thái đi ngược lại lương tâm của họ và cư xử giống như dân ngoại, điều đó sẽ khiến họ bị nguy hại về thuộc linh. Vậy nên, Gia-cơ đang yêu cầu các tín hữu ngoại bang, khi cần thiết, từ bỏ tự do của họ trong những điều này vì tôn trọng lương tâm của người khác, và vì cố uy tín và sự lan tràn của Tin lành. Sau đó, Phao-lô đã viết điều tương tự cho những người được ông đem trở lại đạo (1 Cô. 8-10, Rôm. 14).

BỨC THƠ (15:22-35)

Vì vậy các sứ đồ và trưởng lão và toàn Hội thánh (lưu ý rằng không chỉ các sứ đồ, cũng không phải các sứ đồ cùng với các trưởng lão, mà toàn Hội thánh cùng hành động) chọn hai người của mình để đồng hành với Phao-lô và Ba-na-ba trở lại An-ti-ốt; và cùng với họ, Hội thánh cũng gửi một lá thư cho những tín hữu người ngoại bang tại An-ti-ốt xứ Sy-ri và Si-li-si.

Trong bức thư, họ cự tuyệt tất cả các liên hệ và thừa nhận với các giáo sư giả là những người vào lúc đầu đã từ Giu-đê đến An-ti-ốt. Họ nói, những người này “lấy lời mình khuấy rối, và biến loạn lòng các người ” (15:24 – Bản NIV).

Đó là ngôn ngữ rất nặng nề. Giống với biểu hiện Lu-ca sử dụng tại 14:2 để mô tả mưu chước được sử dụng bởi những người Do thái không tin đạo thù địch tại Y-cô-ni để ngăn chặn dân ngoại nghe Tin lành” “[họ] xui giục và khêu chọc lòng dân ngoại nghịch cùng anh em” (NIV). Dạy dỗ trong cộng đồng Cơ đốc rằng sự cứu rỗi bởi việc làm thì không phải là một biểu hiện của niềm tin Cơ đốc hợp lệ để được cân nhắc lựa chọn: mỗi một phần nhỏ bé của nó đều là một sự tấn công đối với Cơ đốc giáo chân thật giống như điều đó được kẻ thù của Cơ đốc giáo phát động từ bên ngoài vào.

Thứ hai, họ tán dương Phao-lô và Ba-na-ba bằng những từ ngữ

cao nhất có thể: “kẻ rất yêu dấu của chúng ta là Phao-lô và Ba-na-ba – hai người vốn đã liều thân vì danh Đức Chúa Jêsus Christ là Chúa chúng ta.” (15:26).

Thứ ba, họ xác định rằng họ không nhập nhàn và rõ rệt với Ba-na-ba và Phao-lô trong Tin lành mà họ rao giảng. Những tín hữu là người ngoại bang không cần phải thêm vào việc chịu cắt bì và gìn giữ luật pháp để được cứu, như những giáo sư giải đã nói. “Ấy là Đức Thánh Linh và chúng ta đã ưng rằng chẳng gán gánh nặng nào khác cho anh em ngoài những điều cần dùng” (15:28); và những yêu cầu cần dùng là những sự việc nhỏ mà những tín hữu ngoại bang được yêu cầu phải tôn trọng lương tâm của những anh chị em tín hữu Do thái (15:29).

Những phái viên và bức thư đã đến An-ti-ốt đúng lúc, và cả hai nội dung và mục vụ của cả hai anh em đến từ Giê-ru-sa-lem, là Giu-đa và Si-la, đã đem đến sự khích lệ, vui mừng, và mạnh mẽ lớn lao cho các tín hữu ngoại bang (15:30-32).

Thật ra, còn nhiều hơn điều có lẽ họ nhận ra được, một chiến thắng vô cùng vĩ đại đã giành được. Bây giờ đối với những thế kỷ tiếp theo sau, điều khoản và điều kiện để được cứu đã được định nghĩa: sự cứu rỗi và xung công bình là nhờ ân điển bởi đức tin không phải bởi việc làm theo luật pháp. Đó không phải là hai loại Tin lành có giá trị ngang nhau, một giành cho người Do thái và một cho dân ngoại, một dành cho nhánh Cơ đốc giáo này và một dành cho nhánh kia. Chỉ có một Tin lành duy nhất. Tất cả các Cơ đốc nhân chân chính đã đứng cùng nhau trên vấn đề này. Gia-cơ và Phi-e-rơ hiệp làm một cùng với Ba-na-ba và Phao-lô. Bất cứ ai dạy dỗ về sự cứu rỗi này một cách khác biệt – và có một vài người như vậy – thì người đó đứng dưới sự định tội dứt khoát của tất cả các sứ đồ và trưởng lão mà không có trường hợp ngoại lệ.

SỰ TRỞ LẠI (15:36-16:5)

Tranh cãi của Phao-lô cùng Ba-na-ba

Chẳng phải là điều gì bất thường trong cuộc sống Cơ đốc khi theo sau những chiến thắng vẻ vang lại là những điều thất bại nhỏ nhất,

đau đớn và đáng buồn. Sau khi Phao-lô và Ba-na-ba dành thời gian ở An-ti-ốt, họ quyết định trở lại và viếng thăm những anh em tại tất cả các thị trấn họ đã rao giảng Lời của Chúa, và xem họ xoay sở thế nào (15:36). Nhưng lúc đó lại nổi ra một bất hòa lớn giữa họ đến nỗi họ đã phân rẽ nhau. Cả hai người vốn từng cùng nhau đứng cách vũng vàng không thể phân rẽ trong cuộc tranh cãi và tranh luận nảy lửa chống lại các giáo sư giả, nay lại tách ra và đứng đối chọi nhau trong một cuộc tranh luận khác.

Điều đó thật buồn, chúng ta phải cố xem nó trong bối cảnh thích hợp và phân tỷ lệ chân thực của sự kiện.

Trước hết là nguyên nhân của cuộc tranh chấp. Không liên quan đến các giáo lý của niềm tin Cơ đốc. Trên những vấn đề như vậy, như chúng ta đã thấy trong suốt những đoạn Kinh thánh trước, Phao-lô và Ba-na-ba, và tất cả các sứ đồ khác, cùng đứng trong sự đồng thuận không thể tan vỡ. Vấn đề này vốn liên quan đến những tiêu tiết thực tế trong các tiến trình công việc của Chúa. Ba-na-ba muốn mang chàng trai trẻ Giăng Mác theo cùng như là một phần của nhóm trong cuộc hành trình truyền giáo thứ hai (15:37). Phao-lô lại phản đối. Lý do của ông là Giăng Mác đã không tiếp tục với họ trong công việc, và từ bỏ họ trong cuộc hành trình thứ nhất trước đó (15:38). Rõ ràng Phao-lô cảm thấy thái độ vô trách nhiệm và thiếu kiên trì, thiếu trung thành như vậy khiến chàng trai trẻ không xứng đáng làm thành viên của nhóm trong dịp tiện thứ hai. Phao-lô không nghi ngờ đối với sự cứu rỗi của chàng trai, cũng không đặt dấu hỏi đối với việc chàng trai có thích hợp là thành viên của một Hội thánh. Nhưng những phẩm chất để trở thành một thành viên của một nhóm truyền giáo của các sứ đồ thì đương nhiên là nghiêm khắc và đòi hỏi cao. Một Hội thánh phải chăm sóc và bồi dưỡng những người yếu đuối, sợ hãi, và hay thay đổi. Một đội truyền giáo tiên phong có thể cần nhắc suy nghĩ vừa khôn ngoan vừa nhân từ đối với những người như vậy trong đội. Công việc Chúa không phải là trò chơi mà người ta có thể tham gia khi họ thích và lia bỏ khi đòi hỏi trở nên nghiêm ngặt.

Rõ ràng Ba-na-ba nghĩ rằng việc đào ngũ của Mác không nghiêm trọng như Phao-lô nghĩ, và rằng Mác nên được cho thêm một cơ hội

khác. Kinh Thánh cho biết, thực tế sau này Mác đã làm tốt, thậm chí đạt đến tiêu chuẩn của Phao-lô, và khi Phao-lô bị tù, ông yêu cầu gửi Mác đến để trợ giúp ông (2 Tim. 4:11). Nhưng nếu Phao-lô biết trước, ông có thể cân nhắc để cho chàng trai trẻ được tạo cơ hội trưởng thành trong những điều kiện ít khó khăn hơn, trước khi lại tham gia vào những khó khăn gay gắt của công tác truyền giáo tiên phong thì sẽ tốt hơn.

Dầu sao đi nữa, Phao-lô và Ba-na-ba đã không thể thống nhất ý kiến, có lẽ chính xác là bởi vì không có liên quan đến nguyên tắc cơ bản của niềm tin: đây chỉ là một vấn đề thực tế có nhiều điều có thể nói về cả hai phía, và hai người có tính khí khác nhau tự nhiên sẽ đưa ra cân lượng khác nhau đối với những cân nhắc khác nhau.

Vì vậy, họ phân rẽ. Nhưng chúng ta có nên đổ quá nhiều nước mắt cho vấn đề này không là điều đáng nghi ngờ. Ảnh hưởng đầu tiên là bây giờ có hai đội truyền giáo thay vì một đội, cả hai đều được dẫn đầu bởi những người có khả năng. Đây chưa chắc đã là một điều xấu. Thế giới thì rộng lớn: hẳn có đủ chỗ cho hai đội truyền giáo!

Thứ hai, Phao-lô và Ba-na-ba không phân rẽ Hội thánh vì điều này. Lu-ca nói cho chúng ta biết rằng khi Phao-lô và người bạn đồng hành mới là Si-la rời khỏi, họ được các anh em giao phó mình cho ân điển của Chúa (15:40). Không có chỗ nào đề cập đến việc tiến cử giống như trong trường hợp của Ba-na-ba và Mác. Có lẽ Hội thánh tại An-ti-ốt không thích quyết định của Ba-na-ba. Nhưng cũng hoàn toàn không có đề cập gì đến một cuộc tranh luận trong Hội thánh để Hội thánh đi đến một quyết định và trông đợi Phao-lô và Ba-na-ba bị ràng buộc bởi quyết định này. Hội thánh tại An-ti-ốt không kiểm soát các đoàn truyền giáo; các Hội thánh tại Giê-ru-sa-lem còn ít hơn.

Phao-lô và Ba-na-ba cũng không phạm vào hành vi phạm tội nghiêm trọng chống lại danh và nguyên cơ của Đấng Christ vốn trở nên lan tràn vào những thế kỷ gần đây. Họ không thành lập những nhóm Hội thánh riêng biệt và dán nhãn “Các Hội thánh của Phao-lô” và “Các Hội thánh của Ba-na-ba,” mỗi nhóm cùng với trụ sở, tổ chức và những nhóm trung thành riêng biệt của mình, vì thế đảm bảo rằng cả thế giới sẽ lưu ý đến sự tranh chấp, và tiếp tục lưu ý đến việc

phân rẽ lâu sau những chi tiết ban đầu của sự tranh chấp đã bị quên lãng. Họ chỉ đơn giản thành lập các Hội thánh Cơ đốc; thế giới rộng lớn chưa bao giờ biết đến sự tranh chấp này, và thân thể Đấng Christ không bị chia rẽ.

Phao-lô làm phép cắt bì cho Ti-mô-thê

Phần cuối cùng của Chuyển động 2 trình bày một sự tương phản có ý nghĩa rất cao và đầy ấn tượng với phần đầu. Ở 15:1-5, đối mặt với đòi hỏi rằng các tín hữu là dân ngoại phải chịu cắt bì, Phao-lô và Ba-na-ba đã kiên quyết phản đối đòi hỏi này; và sau đó họ đã có được bức thư từ các sứ đồ, trưởng lão, và Hội thánh tại Giê-ru-sa-lem nói rõ quan điểm thống nhất của họ rằng đòi hỏi kia là trái với giáo lý cơ bản của niềm tin. Dù vậy, tại 16:1-5, chúng ta biết được rằng Phao-lô và Si-la đi từ thành này sang thành khác trao bức thư này cho các Hội thánh, vì thế “các Hội thánh được vững vàng trong đức tin” (16:5), họ đến một nơi gọi là Lít-tơ. Ở đó họ tìm được một môn đồ trẻ tuổi tên là Ti-mô-thê, và quyết định đem chàng đi cùng họ trong hành trình truyền giáo, Phao-lô đã làm cắt bì cho chàng!

Cấu trúc cẩn thận mà Lu-ca dành cho tường thuật của ông cho thấy rằng ông muốn chúng ta đặc biệt lưu ý đến hành động không nhất quán rõ ràng này của Phao-lô; bởi vì khi chúng ta nhìn cẩn thận, thì sẽ thấy nó không hề không nhất quán chút nào. Lý do Phao-lô chống đối phép cắt bì trong trường hợp đầu tiên là vì các giáo sư giả đang khăng khăng cho rằng phép cắt bì là cần thiết cho sự cứu rỗi; việc ông làm cắt bì cho Ti-mô-thê, ở mặt khác, không có gì liên quan đến sự cứu rỗi của Ti-mô-thê. Nếu có ai đòi hỏi Ti-mô-thê phải chịu cắt bì để được cứu thì Phao-lô sẽ chống lại đòi hỏi này như ông đã làm trong trường hợp bạn đồng liêu của ông là Tít. Trong trường hợp đó, lẽ thật của sự cứu rỗi gặp nguy, và cũng là nhu cầu cần thiết để hành động như vậy để tín hữu ở mọi nơi không nghi ngờ lẽ thật của Tin lành và các điều kiện của sự cứu rỗi (Ga. 2:3-5).

Với Ti-mô-thê, tình huống hoàn toàn khác. Bắt đầu với việc ông là một đứa trẻ trong một cuộc hôn nhân kết hợp: cha ông là một người Hy Lạp, mẹ ông là một người Do thái (16:1). Đó có thể là lý do ông không được cắt bì khi còn là con trẻ. Nhưng trong mắt người Do thái, mẹ ông là người Do thái cho nên ông là người Do thái.

Thứ hai, tất cả các Cơ đốc nhân Do thái đều sẽ đồng ý với Phi-e-rơ rằng ngay cả đối với người Do thái, phép cắt bì không cần thiết cho sự cứu rỗi, cũng không đóng góp bất cứ điều gì cho sự cứu rỗi. Mặt khác, rất nhiều người trong số họ cảm thấy vì lẽ cắt bì là điều Đức Chúa Trời đã truyền lệnh trong Cựu ước rằng tất cả mọi người Do thái đều phải thực hành, Cơ đốc nhân Do thái cũng nên thực hành, đơn giản là để làm đẹp lòng Đức Chúa Trời.

Tình huống này đối với họ giống như tình huống của các Cơ đốc nhân ngoại bang đối với ngày Sa-bát ngày nay (trừ những Cơ đốc nhân Do thái tin rằng phép cắt bì là một mạng lệnh chỉ ban cho người Do thái mà thôi, không phải cho dân ngoại, dầu có là Cơ đốc nhân hay không). Tất cả các Cơ đốc nhân chân chính đều sẽ đồng ý rằng không cần thiết phải giữ ngày Sa-bát để được cứu. Nhưng sau ngày hôm đó họ đã chia rẽ. Một vài người, có lẽ là đa số, cho rằng ngày Sa-bát là một phần của luật lệ về nghi lễ của Y-sơ-ra-ên đã bị bãi bỏ cùng với luật lệ về thực phẩm, chức vị tế lễ, các nghi thức nghi lễ, và đền thờ, và rằng vì vậy Cơ đốc nhân không bị ràng buộc phải tuân giữ nó. Những người khác cho rằng ngày Sa-bát là một phần của luật lệ về đạo đức ngày nay vẫn còn có hiệu lực. Vì vậy, họ cho rằng các tín hữu chân chính phải giữ ngày Sa-bát (không phải vào ngày cuối tuần, nhưng vào ngày Chúa nhật, ngày đầu tiên trong tuần): không phải để được cứu, nhưng bởi vì đó là ý muốn của Đức Chúa Trời đối với dân sự của Ngài, và rằng những đòi hỏi công bình của luật pháp cần phải được ứng nghiệm trên những người không bước đi trong xác thịt nhưng trong Thánh Linh. Hơn nữa, trong khi họ thấy khá rõ ràng giữ ngày Sa-bát là không cần thiết để được cứu, họ sẽ xem đó như là một kết quả rõ ràng của sự cứu rỗi, và vì thế bắt buộc đối với các tín hữu chân chính, rằng nếu bất kỳ tín hữu đã xưng nhận nào liên tục từ chối gìn giữ nó thì tính xác thực của đức tin của người ấy có thể bị nghi vấn.

Vậy thì, thử tưởng tượng một nhà truyền giáo rất được thuyết phục trong lòng rằng người ấy không cần giữ ngày Sa-bát; nhưng người này cảm thấy được dẫn dắt đi ra và rao giảng Tin lành ở một nơi trên thế giới nơi mà đa số các tín hữu cảm thấy rằng Cơ đốc nhân chân chính có nghĩa vụ phải giữ ngày Sa-bát. Người ấy sẽ làm gì?

Nếu người này lái xe hay chạy xe đạp vào ngày Chúa nhật, người ấy sẽ xúc phạm đến lương tâm của những tín hữu địa phương đối địch với họ.

Vì vậy, nếu người này có bất kỳ cảm giác thực tế nào, chưa cần nói đến tình yêu thương Cơ đốc, liệu anh ấy sẽ làm theo các hướng dẫn Phao-lô đã để lại trong tình huống ở Rô-ma 14:1-18 (đặc biệt xem tại 14:5-6). Người ấy sẽ từ bỏ điều mình xem là quyền và tự do của bản thân, và giữ ngày Sa-bát để không xúc phạm đến lương tâm của các anh chị em Cơ đốc nhân của mình.

Thêm vào đó, có thể lắm nhiều người địa phương, những người chưa được cứu, nhưng rất mộ đạo và nghĩ rằng việc gìn giữ ngày Sa-bát và gìn giữ luật lệ của họ là cần thiết để họ được cứu. Nhà truyền giáo sẽ muốn chỉ cho họ rằng sự cứu rỗi không phải là gìn giữ luật pháp, mà là bởi ân điển. Nhưng nếu họ nhìn thấy người ấy liên tục vi phạm ngày Sa-bát mà họ xem là một phần của luật đạo đức, họ sẽ bác bỏ thông điệp về cứu rỗi nhờ ân điển của người này giống như là một kẻ chống đối đầu sỏ. Giống như người ấy bỏ nguyên tuần lễ trộm cắp tại siêu thị địa phương, và sau đó giảng về sự cứu rỗi bởi ân điển vào ngày Chúa nhật.

Vì vậy, vì lý do tương tự, Phao-lô đã để Ti-mô-thê chịu cất bị không phải là điều cần thiết để được cứu, nhưng vì lòng kính trọng đối với lương tâm của cả người Do thái là Cơ đốc nhân hay không phải là Cơ đốc nhân, để việc rao giảng Tin lành giữa họ có thể hiệu quả hơn. Như khi ông giải thích cho người Cô-rinh-tô sau này:

Vả, tôi đối với ai vẫn cũng là được tự do, mà tôi đành phục mọi người, hầu cho tôi được nhiều người hơn. Với người Giu-đa, tôi ở như một người Giu-đa, hầu được những người Giu-đa; với những người dưới quyền luật pháp, (dẫu chính tôi chẳng ở dưới quyền luật pháp), tôi cũng ở như kẻ dưới quyền luật pháp, hầu được những người dưới quyền luật pháp (1 Cô. 9:19-20).

Vậy thì, một lần nữa, cấu trúc văn học cân bằng cẩn thận trong tường thuật của Lu-ca đã thu được sự chú ý của chúng ta đối với một sự cân bằng lành mạnh trong những niềm tin và hành vi của các Cơ đốc nhân đầu tiên. Nguyên Thánh Linh của Đức Chúa Trời tạo ra một viễn cảnh cân bằng tương tự trong chúng ta.

PHẦN NĂM
**Cơ Đốc Giáo Và Thế Giới Ngoại Giáo
(16:6-19-20)**

Quan sát Sơ bộ

Dàn ý Phần Năm

- Chuyển động 1:* Thánh Linh và Quyền lực của sự Tội tằm (16:6-40)
- Chuyển động 2:* Đấng Mê-si-a của Đức Chúa Trời và Chính trị, Tôn giáo, và Triết học của Dân ngoại (17:1-34)
- Chuyển động 3:* Đấng Mê-si-a của Đức Chúa Trời và Dân mới của Đức Chúa Trời (18:1-28)
- Chuyển động 4:* Đức Thánh Linh và Danh của Đức Chúa Jêsus (19:1-20)

PHẦN NĂM: Cơ Đốc Giáo Và Thế Giới Ngoại Giáo **Quan sát sơ bộ**

Có một sự thay đổi không khí đáng chú ý tràn ngập Phần Năm của sách Công vụ. Phương diện địa lý góp một phần trách nhiệm vào sự thay đổi này, vì ngay phần đầu, Phao-lô và các nhà truyền giáo đồng liêu tiến vào Châu Âu và viếng thăm một chuỗi các thành phố (một vài thành phố trong số đó rất nổi tiếng) – gồm Phi-líp, Tê-sa-lô-ni-ca, Bê-rê, A-then, và Cô-rinh-tô – trước khi trở về Tiểu Á và thủ đô Ê-phê-sô lòng lẫy của nó.

Sự việc chịu nhiều phần trách nhiệm cho sự thay đổi không khí này hơn nữa chính là việc Lu-ca lựa chọn tư liệu dành cho tường thuật của ông. Cho đến lúc này ông đã định nghĩa gần như toàn bộ những đặc trưng trọng yếu của Cơ đốc giáo liên quan đến sự khác biệt với những đảng phái khác nhau trong Do thái giáo, hay của con gái nuôi của Do thái giáo, là chủ nghĩa Sa-ma-ri. Những tóm tắt dài và chi tiết của ông về các bài giảng của Phi-e-rơ, Ê-tiên, và Phao-lô, tất cả đều được ghi chép lại từ những điều họ nói với khán giả khác nhau là người Do thái, hay Cơ đốc nhân Do thái, hay là với những người ngoại bang như Cọt-nây, là người đã cùng chia sẻ trọng tâm niềm tin với Do thái giáo trong Đức Chúa Trời độc nhất, giống như điều Cơ đốc giáo đã chia sẻ với Do thái giáo. Chỉ có một ngoại lệ duy nhất, ấy là sự kiện Phao-lô và Ba-na-ba kịch liệt phản đối việc thờ lạy thần tượng ngoại bang tại Lít-trơ (14:11-18).

Nhưng bây giờ xuất hiện một thay đổi. Trong Phần Năm, không có các tóm tắt đầy đủ, chi tiết của vô số bài giảng mà trên thực tế Phao-lô đã giảng cho người Do thái trong các nhà hội, hoặc ở đâu đó trong giai đoạn này được ghi lại. Thỉnh thoảng, các chủ đề của các bài diễn thuyết của ông được cung cấp (ví dụ 17:3 và 18:5), nhưng không phải là những tóm tắt dài. Các bài giảng và thuyết trình của ông, không có gì nghi ngờ, đi theo khuôn mẫu chung giống như những bài giảng mà Lu-ca đã tường thuật. Vì cung cấp thêm ví dụ

nữa cũng chẳng có ý nghĩa gì. Trong giai đoạn này, bài phát biểu duy nhất mà Lu-ca tóm tắt tất cả các chi tiết là phát biểu của Phao-lô với Tòa Areopagus tại A-then. Một số thành viên của tòa án, nếu không phải là tất cả, có học vấn uyên thâm, nhưng dĩ nhiên, tất cả họ đều là những người ngoại giáo. Để giải thích với tòa án những điều trọng yếu của Cơ đốc giáo, Phao-lô không thể tránh được khi không chống lại bối cảnh của Do thái giáo, nhưng chống lại các tư tưởng và thực hành chính trị, triết lý, và tôn giáo ngoại giáo.

Lu-ca cung cấp cho chúng ta dàn ý của phát biểu này tương đối đầy đủ, bởi vì nó tiêu biểu cho nhấn mạnh đặc biệt mà ông muốn phần này của sách Công vụ chuyển tải.

Yếu tố cụ thể trong bài giảng của Phao-lô làm chỗi dậy sự tò mò kinh ngạc của một số thành viên của tòa án A-then, dẫn đến việc ông được mời để nói về điều đó, là việc ông liên tục đề cập đến các từ ngữ “Jêsus” và “sự phục sinh.” Họ có ấn tượng rằng ông đang giới thiệu vào A-then một vài vị thần ngoại quốc. Vì thế họ yêu cầu ông giải thích (17:18-19). Vậy nên, đây là cơ hội để Phao-lô giải nghĩa chi tiết cho dân ngoại trọng tâm của sứ điệp Cơ đốc khác biệt này; qua tóm tắt của Lu-ca có thể đánh giá rằng Phao-lô đã sử dụng tốt nhất cơ hội của mình. Giải thích về “Jêsus” và “sự phục sinh” đã tạo nên cao trào mạnh mẽ trong bài diễn thuyết của ông (17:30-31). Cùng lúc đó, công bố cho người ngoại giáo A-then, như ông đã làm, rằng Jêsus là Thảm phán của toàn nhân loại được Đức Chúa Trời chỉ định cũng không hữu ích gì nhiều, nếu trước hết ông không giải thích ông đang nói đến Đức Chúa Trời nào, thể loại Đức Chúa Trời nào. Ông đã phải bắt đầu, và dành rất nhiều thời gian của mình để giải thích kỹ càng giáo lý cơ bản của Tinh lành mà Cơ đốc giáo thừa hưởng từ Y-sơ-ra-ên và nắm giữ không kém kiên cường: sự tồn tại của một Đấng Tạo hóa, Đấng Duy trì và Cai trị thánh khiết, toàn năng, Tự hữu về thân vị, siêu việt của toàn vũ trụ và hết thảy nhân loại (17:23-29). Vậy thì đây là niềm tin đầu tiên và căn bản phân biệt Cơ đốc giáo với ngoại giáo.

Công bố Chúa Jêsus là vị Thảm phán sẽ đến của toàn nhân loại của Phao-lô sử dụng những thuật ngữ dân ngoại bang ngoại giáo có

thể ngay lập tức hiểu được, vì thế đã thông tin cho họ một khía cạnh của giáo lý cơ bản thứ hai là điều mà Cơ đốc giáo đối đầu với ngoại giáo, ấy là Chúa Jê-sus là Đấng Mê-si-a được hứa ban bởi Đức Chúa Trời trong Cựu ước của Y-sơ-ra-ên. Dĩ nhiên, Công vụ từ lâu đã giảng về Jê-sus là Đấng Mê-si-a (ví dụ 2:36) và là Thảm phán của mọi người (10:42).

Nhưng trong nửa đầu của Công vụ 17 chúng ta sẽ thấy người Do thái tại Ê-sa-lô-ni-ca mạnh mẽ duy trì trước quan tòa của thành phố rằng “Đấng Mê-si-a” của Cơ đốc nhân là một thuật ngữ chính trị; rằng Tin lành Cơ đốc mang bản chất một tuyên ngôn chính trị, đặt Jê-sus lên phía trước như là một đối thủ đối với sự cai trị của Sê-sa trong trật tự chính trị của thế giới; và rằng công tác truyền giáo Cơ đốc trong thực tế là một nỗ lực cổ vũ đấu tranh chính trị rộng rãi nhằm vào việc phá vỡ các cấu trúc của đế chế La-mã và thay thế chúng bằng một dạng chính phủ khác (17:5-8).

Lời buộc tội có thể đúng, vì có nhiều đảng phái trong Do thái giáo sử dụng thuật ngữ “Đấng Mê-si-a” mang ý nghĩa chính trị này; nó đã từng dấy lên các cuộc khởi nghĩa tại một số thời điểm (xem ví dụ 5:36-37; 21:37-39), và sau đó sẽ dẫn đến những cuộc nổi loạn lớn chống lại ngoại giáo La-mã. Hơn nữa, một trong các môn đồ của Chúa Jê-sus, Si-môn Xê-lôt (Lu-ca 1:15), trước khi cải đạo đã từng là một thành viên của một nhóm chính trị liên quan đến đấng Mê-si-a như vậy. Bản thân Phao-lô không có cơ hội đáp trả lời buộc tội trong dịp này: ông bị trục xuất khỏi thành phố.

Nhưng cả trong thời ấy và thời bây giờ, đây là điều cấp bách vì lợi ích của Tin lành mà Lu-ca nên chỉ ra từ những điều Phao-lô đã nói tại Ê-sa-lô-ni-ca trước đó, và từ những điều ông đã nói tại A-then sau đó, rằng lời buộc tội là không đúng; và rằng ông nên tích cực làm rõ ràng chính xác điều Cơ đốc giáo ngụ ý qua việc công bố rằng Chúa Jê-sus là Đấng Mê-si-a, là Vua, là Thảm phán, và điều liên quan đến vương quyền của Ngài cho các nhà chính trị ngoại giáo.

Vấn đề nguy hiểm thứ ba giữa Cơ đốc giáo và ngoại giáo trong phần này là điều Cơ đốc giáo gọi là Thánh Linh. Như chúng ta đã nhìn thấy ngay từ ban đầu của sách Công vụ, các Cơ đốc nhân đầu

tiên, sau Lễ Ngũ tuần tự nhiên họ đã nói nhiều về việc nhận lãnh Đức Thánh Linh, về việc được đầy đầy Thánh Linh, và cụ thể là về việc được Thánh Linh hướng dẫn (ví dụ 8:29, 39; 10:19; 11:12; 13:2). Đối với một người Do thái trung bình, ít nhất thuật ngữ này cũng dễ hiểu, vì người ấy sẽ biết rằng Thánh Linh đang được chất vấn chính là Thánh Linh của Đức Chúa Trời. Nhưng trong thế giới ngoại giáo cổ đại, cả hàng ngàn người bước đi trong cuộc sống có thói quen tìm kiếm hướng dẫn cho cá nhân, gia đình, và các công việc kinh doanh từ những người bói toán, chiêm tinh gia, các bà đồng, thông linh, sấm truyền, các thần linh, và ma quỷ. Vô số người hiện vẫn làm như vậy tại vùng Viễn Đông, và có một sự gia tăng về số lượng ở phương Tây ngày nay. Vì vậy, các câu hỏi sẽ dấy lên rất tự nhiên trong tâm trí của những người ngoại giáo, và ngay cả trong tâm trí của các Cơ đốc nhân vừa mới cải đạo (19:18): Có gì khác nhau giữa kinh nghiệm được hướng dẫn bởi Thánh Linh của Cơ đốc nhân và thói quen của dân ngoại trong việc tìm kiếm hướng dẫn từ những hình thức thông linh? Thông linh giáo có phù hợp với Tin lành Cơ đốc hay không? Liệu việc tín hữu trong Chúa Jêsus tiếp tục thờ phượng các linh của tổ tiên, tìm kiếm lời khuyên từ các thầy bói và sử dụng các sự giúp đỡ của các bà đồng cốt và những người chữa lành nhờ ma quỷ có được chấp nhận hay không?

Sự lựa chọn tư liệu của Lu-ca trả lời rất quả quyết cho các câu hỏi này. Một phần tư đầu tiên của Phần Năm mở ra với hai lần đề cập trong nhiều câu Kinh thánh rằng Phao-lô và các nhà truyền giáo đồng lao của ông được Thánh Linh hướng dẫn trong các chuyến đi (16:6-7). Phần tư cuối cùng của phần này mở đầu với câu chuyện của mười hai người vốn là môn đồ của Giảng Báp-tít nhưng chưa bao giờ học biết tin vào Chúa Jêsus cách cá nhân, cũng chưa nhận được Thánh Linh. Vào lúc tin nhận, họ nhận được Thánh Linh ngay lập tức; và rõ ràng Phao-lô xem việc nhận lãnh Thánh Linh này là không thể thiếu để trở thành một Cơ đốc nhân đến nỗi sau đó ông làm báp tem lại cho những người này, lần này là trong danh của Chúa Jêsus (19:1-7).

Ở thái cực khác, câu chuyện chính trong phần tư đầu tiên của Phần Năm xuất hiện từ việc Phao-lô đuổi quỷ khỏi một phụ nữ làm

nghe bói khoa ở thành Phi-líp (16:16-19). Bà tỏ ý muốn đem thuận lợi đến cho Tin lành, và giới thiệu Tin lành cùng các thầy giảng của Tin lành cho những người đứng chung quanh. Nhưng Phao-lô xem lời chứng của bà và linh ở trong bà là không thể chấp nhận được. Ông rõ ràng xem thông linh giáo là không thích hợp với Cơ đốc giáo; và thể hiện sự khác nhau giữa hai bên qua việc đuổi quỷ ra khỏi người phụ nữ.

Tương tự, câu chuyện chính trong phần tư cuối cùng của Phần Năm cũng liên quan đến ma quỷ (19:11-20); chỉ là ở đây sự khác nhau không phải giữa Cơ đốc giáo và ma quỷ, nhưng giữa Cơ đốc giáo chân chính và những người đuổi quỷ chuyên nghiệp, bản thân họ không phải là Cơ đốc nhân, và không có ý định trở thành Cơ đốc nhân, họ trộn lẫn thuật ngữ Cơ đốc cùng với phần còn lại của các tiết mục của họ với nỗ lực thúc đẩy thành công việc trừ quỷ của họ. Bảy người Do thái tại Ê-phê-sô chiếm dụng danh của Chúa Jêsus theo cách này. Nhưng ma quỷ ở trong người đàn ông bị ám vạch trần sự chiếm dụng của họ, và nạn nhân của nó đã đánh họ và nhổ bật rở những người thích trở thành người trừ quỷ. Điều này dẫn đến việc nâng cao danh và quyền năng độc nhất của Chúa Jêsus rộng khắp thành phố, và một sự đắc thắng công khai mạnh mẽ của Lời Đức Chúa Trời đối với các thuật huyền bí khiến Ê-phê-sô nổi tiếng khắp thế giới.

Vậy thì tóm lại, như Lu-ca mô tả Cơ đốc giáo chống lại bối cảnh của ngoại giáo, ba lĩnh vực chính được quan tâm sẽ là:

1. Công bố của Cơ đốc giáo về sự hiện hữu và bản chất của một Đức Chúa Trời chân thật, và mối liên hệ của loài người với Ngài, như là sự chống đối cả đa thần giáo của tôn giáo ngoại giáo và các học thuyết của (một vài) triết gia ngoại giáo về nguồn gốc và hoạt động của vũ trụ và về vị trí và mục đích của nhân loại trong vũ trụ.

2. Ý nghĩa và tầm quan trọng đặc biệt trong quả quyết của Tin lành Cơ đốc rằng Chúa Jêsus là Đấng Mê-si-a, là Vua, và Thẩm phán của thế giới, dưới ánh sáng của chính trị thế giới và các hệ thống đạo đức đã được đúc kết bởi những triết gia ngoại giáo nhất định.

3. Tầm quan trọng của kinh nghiệm Cơ đốc về Thánh Linh, được

làm cho nổi bật qua kinh nghiệm của những người Do thái đã tiếp nhận phép báp tem của Giăng Báp-tít nhưng chưa chịu báp tem trong Chúa Jêsus; và cội nguồn của kinh nghiệm đó trái ngược với các liên hệ của thế giới ngoại giáo trong vương quốc của thông linh giáo, ma quỷ, và các tập tục huyền bí.

Tuy nhiên, việc Lu-ca thích thú đặc biệt trong vấn đề Cơ đốc giáo đương đầu với ngoại giáo không có nghĩa là ông ước ao chúng ta ngày nay quên đi Do thái giáo và vai trò của họ trong thế giới ngoại giáo. Lu-ca chỉ ra rằng chiến thuật của Phao-lô trong suốt giai đoạn này luôn giữ như chúng vẫn đã từng. Bất kỳ thành phố nào ông đến, lúc nào trước hết ông cũng đi đến nhà hội của người Do thái (nếu có), rao giảng Tin lành cho người Do thái và cho những người ngoại bang gia nhập vào nhà hội (16:3; 17:2, 10,17; 19; 19:8). Lời chứng cao quý của các nhà hội mọi nơi đã đem nhiều người ngoại giáo trước đây đến trong niềm tin vào Đức Chúa Trời có một và chân thật, và vì vậy đã chuẩn bị chính họ (thậm chí là không cố ý) cho đức tin nơi Chúa Jêsus là Đấng Mê-si-a. Lu-ca không hề miễn cưỡng và lặp đi lặp lại khi ký thuật rằng từ trong vòng tròn những tín hữu ngoại bang cụ thể này mà nhiều người trở lại đạo do nơi Phao-lô ở các thành phố thuộc về Hy Lạp và La-mã đã đến. Dĩ nhiên nhiều người Do thái cũng được đem trở lại đạo (17:4; 18:8), cũng như những người ngoại đạo hoàn toàn (16:30-34; 17:12, 18:8).

Dĩ nhiên, một mặt khác, Lu-ca không giấu giếm thực tế rằng trong khi hầu hết tại các nhà hội Phao-lô đều được tiếp đón nồng hậu ngay từ đầu (17:1-4, 11, 18:19-20; 19:8), thì chống đối mạnh mẽ và bạo lực về phía của một số thành viên cuối cùng đây Phao-lô và những người ông đem trở lại đạo ra khỏi nhà hội (17:5; 18:6-7; 19:9), và tại những nhà hội lân cận cũng vậy (17:13). Dạng sự việc này đã xảy ra trước đó (13:45-46; 14:2, 5 – lưu ý ở đây đề cập đến những người lãnh đạo/những nhà cai trị. Nhưng bây giờ trong Phần Năm, Lu-ca tường thuật một sự phát triển quan trọng: trong hai trường hợp khi người Do thái bách hại các Cơ đốc nhân trước chính quyền ngoại giáo, kết án họ mưu phản chống lại nhà nước (17:7) và thúc đẩy một hình thức tôn giáo bất hợp pháp (18:12-17). Như Lu-ca sẽ tỏ cho

thấy sau đó, không có lời buộc tội nào đúng cả. Dạng chống đối này của người Do thái thật đáng buồn; nhưng điều này dẫn đến những kết quả tích cực cho thế giới ngoại giáo. Nó ngưng tụ thành hình dạng của các Hội thánh độc lập (như tại Tê-sa-lô-ni-ca, Cô-rinh-tô, và Ê-phê-sô); nó dẫn đến sự tràn lan và đặc trưng rất lớn của Lời của Chúa trong thế giới ngoại giáo (dù chỉ mơ hồ đối với dân chúng nói chung), nó khiến công chúng nhận biết rằng danh của Chúa Jêsus có năng quyền cứu rỗi và ban phước cho họ hơn điều mà Do thái giáo sở hữu, thậm chí dù là đạt mức độ tốt nhất (19:1-7), chứ đừng nói đến khi ở mức danh tiếng kém hơn (19:13-17).

Dĩ nhiên, có những chủ đề phụ tái xuất hiện hết lần này đến lần khác. Một chủ đề như vậy là mối liên hệ giữa Tin lành với việc kinh doanh và việc kiếm tiền. Thế giới cổ điển coi việc một số người làm ra rất nhiều tiền do biến tôn giáo trở thành một công việc kinh doanh là đương nhiên (như vẫn xuất hiện ở một vài nơi trong thời hiện đại). Chủ của người làm thầy bói nhờ ma quỷ là một ví dụ (16:9); và nhà xuất bản sách về sự huyền bí tại Ê-phê-sô là một ví dụ khác (19:9). Vì vậy, sẽ thật thú vị khi nhìn thấy những việc kinh doanh hỗ trợ ngay trong đợt truyền giáo tiên phong của Phao-lô. Ly-đi tại thành Phi-líp ở trong ngành buôn bán thời trang (16:14); A-na-nia, Bê-rít-sin, và Phao-lô tại Cô-rinh-tô ở trong ngành kinh doanh may trại (18:1-3). Trong cả hai ví dụ về công việc kinh doanh thuộc về thế gian cung cấp cho Phao-lô một chỗ đặt chân tại Châu Âu và với số tiền cần thiết cho việc rao giảng Tin lành miễn phí cho người nghe (tham khảo 1 Tê. 2:9; Phil. 4:15-16 với Công vụ 18:5; 1 Cô. 9:8 và 2 Cô 11:7-9).

Hay một lần nữa trong bài giảng tại Areopagite, Phao-lô đã phát biểu rằng Đức Chúa Trời “khiến [muôn dân] ở khắp trên mặt đất... hầu cho tìm kiếm Đức Chúa Trời, và hết sức rờ tìm cho được” (17:26-27). Trong ngữ cảnh, Phao-lô đang đề cập đến việc Đức Chúa Trời kiểm soát quan phòng trên các quốc gia trải suốt lịch sử; nhưng ở mức thấp hơn chúng ta sẽ nhìn thấy nguyên tắc tương tự thể hiện trong các cuộc hành trình truyền giáo của Phao-lô. Khi ông rời Châu Á, và đến Châu Âu, hết nhà này đến nhà khác mở rộng cửa tiếp đón ông: nhà của Ly-đi (16:15) và người coi ngục ở Phi-líp (16:34), hiển nhiên

là nhà của Gia-sôn ở Tê-sa-lô-ni-ca (17:5-7); Bê-rít-sin và A-qui-la (18:1-3) và sau đó là nhà của Ti-ti-u Giút-tu ở Cô-rinh-tô (18:7). Tất cả những ngôi nhà này là một phần chiến thuật trong việc gây dựng Cơ đốc giáo ở Châu Âu. Vì vậy, từ những chỗ chúng ta có thể, việc tìm câu trả lời câu hỏi làm thế nào những ngôi nhà ấy đã được đặt để tại nơi chúng hiện có, và làm thế nào, bởi tình huống nào và sự chu cấp nào mà Phao-lô đến nơi đó, và làm thế nào đến lượt họ mở cửa cho ông – quan sát những những điều này sẽ đem đến một vài ích lợi.

Vừa lúc này chúng ta đã ngụ ý rằng Phần Năm của sách Công vụ được biên soạn thành bốn phần hoặc chuyển động. Gợi ý đầu tiên là điều này thực ra có thể như vậy là vì được cung cấp bởi chuỗi bốn giai đoạn chính, trong mỗi giai đoạn Phao-lô và Tin lành đều bị cáo buộc cách sai lạc hoặc bị hiểu sai, hoặc là bị bóp méo, rồi sau đó được chứng thực và bảo vệ thành công: 16:16-39

16:16-39 (a) Một lời buộc tội sai. Phao-lô và Si-la bị buộc tội trước thượng quan vì là người Do thái “ làm rối loạn thành ta..., dạy dỗ các thói tục mà chúng ta chẳng nên nhận lấy, hoặc vâng theo, vì chúng ta là người Rô-ma” (16:20-21). Họ đã bị đánh đòn và bị ném vào ngục.

(b) Sự biện hộ. Không những không thể ngăn chặn quyền năng của Tin lành, việc tổng giam Phao-lô và Si-la qua một trận động đất được cho phép xảy ra đúng thời điểm dẫn đến sự cải đạo của quan cai ngục và gia đình của ông.

Hơn nữa, khi phát hiện ra rằng Phao-lô và Si-la đều là người La-mã, thượng quan còn phải đến và cung kính hộ tống hai người ra khỏi ngục (17:16-31)

17:16-31 (a) Một quan niệm sai lầm. Người thuộc trường phái Epicuriens và Stociens tưởng tượng rằng Phao-lô đang tuyên truyền về hai vị thần nước ngoài, “Jê-sus” và “phục sinh.”

(b) Lời giải thích. Phao-lô giải thích cho Tòa A-ê-ô-

PHẦN NĂM: CƠ ĐỐC GIÁO VÀ THỂ GIỚI NGOẠI GIÁO (16:6-19:20)

<p>CHUYỂN ĐÔNG 1: ĐỨC THÁNH LINH VÀ CÁC QUYỀN LỰC CỦA BÓNG TỐI (16:6-40)</p>	<p>CHUYỂN ĐÔNG 2: ĐẲNG MÊ-SI-A CỦA ĐỨC CHÚA TRỜI VÀ CHÍNH TRỊ, TÔN GIÁO VÀ TRIẾT LÝ CỦA DÂN NGOẠI (17:1-34)</p>	<p>CHUYỂN ĐÔNG 3: ĐẲNG MÊ-SI-A CỦA ĐỨC CHÚA TRỜI VÀ DÂN SỰ MỚI CỦA ĐỨC CHÚA TRỜI (18:1-28)</p>	<p>CHUYỂN ĐÔNG 4: ĐỨC THÁNH LINH VÀ DANH CỦA CHÚA JÉSUS (19:1-20)</p>
<p>A. TỪ PHI-RI-GI ĐẾN PHI-LÍP</p> <p>1. Từ Phi-ri-gi đến Trô-ách và người Ma-xê-đoan</p> <p>Sự hướng dẫn của Đức Thánh Linh: “Vi Đức Thánh Linh đã cảm truyền đạo trong cõi A-si” (16:6); “hai người sắm sửa Yáo xư Bê-thi-ni; những Thánh Linh của Đức Chúa Jê-sus không cho phép” (16:7). Một người Ma-xê-đoan đến với Phao-lô trong một sự hiện thấy vào ban đêm (16:9-10).</p> <p>2. Từ Trô-ách đến Phi-líp và nhà của Ly-đi</p> <p>Tại “nơi... cầu nguyện,” Chúa mở lòng Ly-đi chú ý đến những điều Phao-lô nói, “Người xin chúng ta rằng, “Nếu các ông đã đoán tôi là trung thành với Chúa, thì hãy vào nhà tôi, mà ở lại đó; rồi người ép mời vào” (16:15).</p>	<p>A. TÊ-SA-LÔ-NI-CA VÀ BÊ-RÊ</p> <p>1. Tê-sa-lô-ni-ca và nhà của Giô-sôn</p> <p>Phao-lô tranh luận trong nhà hội rằng Chúa Jê-sus là Đấng Mê-si-a đã báo trước trong Kinh thánh. Người Do thái bước tới Phao-lô và Si-la dạy dỗ trái với mạng lệnh của Sê-sa (17:1-9).</p> <p>2. Bê-rê-Bê-đui, khởi nhà hội và thành phố</p> <p>Người ở nhà hội tại Bê-rê “có ý hân hoan hơn người Tê-sa-lô-ni-ca, đều sẵn lòng chịu lấy đạo, ngày nào cũng tra xem Kinh thánh.”</p> <p>Vi vậy, nhiều người tìm Chúa, nhưng những người Do thái bách hại từ Tê-sa-lô-ni-ca đuổi Phao-lô và Si-la ra khỏi (17:10-15)</p>	<p>A. VIỆC PHAO-LÔ Ở LẠI THÀNH CÔ-RINH-TÔ (1)</p> <p>1. Cô-rinh-tô và ngôi nhà của A-qui-la và Bê-rít-sin</p> <p>Một sắc lệnh của Sê-sa gián tiếp bảo đảm chỗ đặt chân của Phao-lô tại Cô-rinh-tô. Ông giảng dạy cho người Do thái và người Hy Lạp trong nhà hội vào mỗi ngày Sa-bát (18:1-4).</p> <p>2. Cô-rinh-tô: Bị đuổi khỏi nhà hội đến nhà của Ti-ti-u Giô-tu</p> <p>Phao-lô dành toàn thời gian để giảng dạy rằng Đấng Mê-si-a là Chúa Jê-sus. Khi người Do thái chống đối và phạm thượng, Phao-lô đã nói “Ước gì màu sắc người đổ lại trên đầu các người!” và sang nhà của của Ti-ti-u ở kế bên.</p> <p>Chúa hiện ra cùng Phao-lô trong một khái tượng vào ban đêm; và ông ở đó một năm rưỡi, giảng dạy lời Chúa (18:5-11)</p>	<p>A. VIỆC PHAO-LÔ Ở LẠI THÀNH Ê-PHÊ-SÔ (1)</p> <p>1. Ê-phê-sô và mười hai môn đồ nhận lãnh Thánh Linh:</p> <p>“Từ khi anh em tin, có lãnh được Đức Thánh Linh chăng?; Chúng tôi cũng chưa có nghe Đức Thánh Linh nào... Thánh Linh giảng trên chúng” (19:1-7)</p> <p>2. Ê-phê-sô: Bị đuổi khỏi nhà hội đến trường học Ti-ra-nu</p> <p>Phao-lô giảng dạy ba tháng trong nhà hội. Khi một vài người Do thái cứng lòng và nói phạm đến đạo Chúa trước mặt mọi người. Ông rời nơi đó và đi đến trường học Ti-ra-nu nơi ông đàm luận trong hai năm “đến nỗi mọi người trong cõi A-si... đều nghe đạo Chúa” (8-10).</p>

<p>B. Ờ PHI-LÍP 1. Sự vụ không. Phao-lô đuổi quỷ ra khỏi người phụ nữ bói khoa (16:16-18). Chủ của bà lên án ông và Si-la "gây rối loạn thành ta. Ấy là người Giu-đa dạy dỗ các thời tục mà chúng ta chẳng nên nhận lấy hoặc vâng theo, vì chúng ta là người Rô-ma" (16:19-21). Phao-lô và Si-la bị đánh đòn và bị giam vào ngục (16:22-24).</p>	<p>B. A-THÊN 1. Sự vụ làm Một vài người thuộc phái Stoiciens và Epicuriens nghĩ rằng Phao-lô đang tuyên truyền hai vị thần nước ngoài, "Jésus" và "Phục sinh" (17:16-21)</p>	<p>B. PHAO LÔ Ở TẠI CÔ-RINH-TÔ (2) 1. Sự vụ không Người Do thái bách hại Phao-lô trước quan trấn thủ Ga-li-ôn: "Người này xui dân thờ Đức Chúa Trời một cách trái luật pháp" (18:12-13)</p>	<p>B. PHAO-LÔ Ở TẠI Ê-PHÊ-SÔ (2) 1. Nỗ lực không đứng Đức Chúa Trời "dùng tay Phao-lô làm các phép lạ khác thường." Bảy thầy phù thủy người Do thái cố đuổi quỷ "nhân danh Đức Chúa Jesus... là Đấng mà Phao-lô giảng" (19:11-14)</p>
<p>2. Sự báo chữa Ngược lại với kết quả ngăn chặn sự thành công của Tim-lanh, qua một trận đồng đất được cho phép xảy ra, việc Phao-lô và Si-la bị tổng giam vào ngục dẫn đến việc quan cai ngục tự mình cải đạo, và sự cải đạo của cả gia đình ông. Quan cai ngục đưa Phao-lô và Si-la về nhà mình (16:25-34)</p>	<p>2. Lời giải thích Phao-lô không nhục mạ những vị thần ngoại bang. Đức Chúa Trời là Đấng Tạo hóa và là Đấng Bảo tồn của cả loài người. Ngài đã tạo nên hết thảy loài người từ một người đầu tiên. Đức Chúa Trời ở gần mọi người. Bảy giờ Ngài "biểu hết thảy các người trong mọi nơi đều phải ăn năn." Ngài sẽ phán xét thế gian bằng sự công bình bởi Con người mà Ngài đã chỉ định. Đám bảo của điều này đã được ban cho qua sự chết của Chúa Jesus (17:22-31)</p>	<p>2. Sự báo chữa Ga-li-ôn bác bỏ và xem vụ việc như là một cuộc tranh chấp về thần học nội bộ giữa vòng người Do thái, không liên quan đến tòa án tư pháp La-mã: "ta chẳng khứng xử đoán những việc đó đâu" (18:14-17)</p>	<p>2. Sự phơi bày Quỷ dữ đáp lại rằng: "Ta biết Đức Chúa Jesus, và rõ Phao-lô là ai; nhưng các người là kẻ nào?" Sau đó nạn nhân của nó hành hạ khiến những người "đuổi quỷ" trốn ra khỏi nhà trấn trưởng và bị thương (19:15-16)</p>
<p>3. Kết quả Thường quan buộc phải trực tiếp đến đưa Phao-lô và Si-la ra khỏi ngục. Sau đó họ yêu cầu hai người rời khỏi đó. Phao-lô và Si-la đi đến nhà Ly-đi, khích lệ các anh chị em, sau đó rời khỏi thành Phi-líp (16:35-40)</p>	<p>3. Kết quả Khi nghe giảng về sự phục sinh, một vài người nhạo báng, một số khác tự vệ. Vì vậy, Phao-lô rời khỏi Tòa A-rê-ô-pa. Nhưng một vài người theo Phao-lô và trở thành tín hữu.</p>	<p>3. Kết quả Phao-lô rời nơi đó đi đến Ê-phê-sô, Sa-ra-rê, và An-ti-ốt; sau đó bắt đầu cuộc hành trình truyền giáo thứ ba. Trong khi đó, A-bô-lô đến Ê-phê-sô giảng về báp tem của Giảng lấy là báp tem của sự ăn năn). Dưới sự hướng dẫn cần kè của A-qui-la và Bê-rít-sin, sau đó ông đến thành Cô-rinh-tô và làm chứng cho người Do thái rằng Đấng Mê-si là Chúa Jesus (18:18-28)</p>	<p>3. Kết quả Danh của Chúa Jesus lan rộng ra khắp thành Ê-phê-sô. Các sách về thực hành huyền bí có giá trị lên đến 50.000 đồng bạc đều được đem đốt công khai "nhờ quyền phép của Chúa, đạo bèn đồn ra, càng ngày càng được thăng" (19:17-20)</p>

pa rằng Đức Chúa Trời mà ông rao giảng không phải là thần ngoại bang nào đó: Ngài là Đấng Tạo hóa và Đấng Bảo hộ của toàn nhân loại. Chúa Jêsus và sự phục sinh cũng không phải là thần ngoại bang. Sự phục sinh lịch sử của một con người lịch sử, Jêsus, là sự xác nhận của Đức Chúa Trời đối với tất cả mọi người ở khắp mọi nơi rằng Chúa Jêsus là Đấng Phán xét tối cao của toàn nhân loại.

18:12-17 (a) Một lời buộc tội sai. Người Do thái kháng cáo chống lại Phao-lô lên trước quan trấn thủ Ga-li-ôn rằng ông đã “xui dân thờ Đức Chúa Trời một cách trái luật pháp [của người Do thái]” (18:13).

(b) Lời giải thích. Ga-li-ôn bác bỏ cáo buộc vì chỉ đơn giản là một vấn đề thuộc về thần học của người Do thái, và vì vậy không liên quan đến tòa án La-mã.

19:13-16 (a) Một quan niệm sai lầm. Một số người đuổi quỷ chuyên nghiệp không phải là tín hữu lạm dụng danh của Chúa Jêsus và nỗ lực sử dụng danh ấy như là bùa chú hay phù phép để gia tăng thành công trong việc đuổi quỷ của họ.

(b) Lời giải thích. Thâm quyền và bản tánh thật của Chúa Jêsus là sự giải thích khi một tà linh đáp lại: “Ta biết Đức Chúa Jêsus... nhưng các ngươi là kẻ nào?” (19:15), và tiến tới đánh đập những người mong muốn làm người đuổi quỷ.

Bốn chuyển động được đánh dấu sâu sắc hơn bởi dòng tư tưởng nối liền các phần chính của chúng:

Chuyển động 1 (16:6-40): Các sự kiện trên đường đi đến, và tại thành Phi-líp

- a) Phao-lô và đoàn của ông được hướng dẫn bởi Đức Thánh Linh (16:6-7, 9) và bởi một khả tượng do Chúa đem đến, vì thế đã đến thành Phi-líp. Tấm lòng của Ly-đi được Chúa mở ra, bà tin nhận, và mời Phao-lô và Si-la đến sống trong nhà của bà

(16:14-15).

- b) Phao-lô đuổi quỷ ra khỏi một người bói khoa. Dẫn đến kết quả ông và Si-la bị giam vào ngục. Nhưng Đức Chúa Trời dùng một trận động đất để mở hết thảy các cánh cửa (16:26).

Người cai ngục tin Chúa (16:34) và đem họ vào nhà của ông (16:32). Thượng quan của thành phố cung kính hộ tống họ ra khỏi ngục và yêu cầu họ rời khỏi thành Phi-líp (16:39).

Chuyển động 2 (17:1-43): sự bách hại khiến Phao-lô từ Tê-sa-lô-ni-ca đến Bê-rê và từ Bê-rê đến A-then

- a) Tại Tê-sa-lô-ni-ca, và một lần nữa tại Bê-rê, Phao-lô chứng minh rằng theo Kinh thánh Đấng Mê-si-a phải chết và sau đó sống lại từ cõi chết; và rồi sự chết của Chúa Jê-sus và sự phục sinh chứng tỏ Ngài là Đấng Mê-si-a được tiên báo trước bởi Kinh thánh (17: 2-3, 10-11).
- b) Tại A-then, được yêu cầu để giải thích ý nghĩa của từ “Jê-sus” và “phục sinh,” Phao-lô khẳng định rằng sự phục sinh của Chúa Jê-sus là sự đảm bảo của Đức Chúa Trời cho toàn nhân loại, rằng Chúa Jê-sus là Thâm phán của thế gian (17:18-19, 30-31).

Chuyển động 3 (18:1-28): Các sự kiện chính tại thành Cô-rinh-tô

- a) Phao-lô đến thành Cô-rinh-tô, nơi ông làm chứng cho người Do thái rằng Đấng Mê-si-a là Chúa Jê-sus (18:1,5). Người Do thái chống cự lại; Phao-lô rời khỏi nhà hội và đi đến với dân ngoại; rất nhiều người trở lại đạo (18:6-11). Phao-lô ở tại Cô-rinh-tô trong một năm rưỡi (18:11).
- b) Người Do thái bách hại Phao-lô trước quan tổng trấn Ga-li-ôn. Vụ việc của họ bị bác bỏ (18:12-17) và sau đó một thời gian Phao-lô rời Cô-rinh-tô và đi đến A-si (18:18-23); nhưng A-bô-lô từ A-si đến Cô-rinh-tô (18:24-18; “A-chai” trong câu 27 là Cô-rinh-tô, xem 19:1) và “nhờ ơn Đức Chúa Trời mà bỏ ích cho kẻ đã tin theo. Vì người hết sức bê bác người Giu-đa giữa thiên hạ, lấy Kinh Thánh [mà Pha-lô đã giảng dạy trước đó] mà bày tỏ rằng Đức Chúa Jê-sus là Đấng Christ” (18:27-28).

Chuyển động 4 (19:1-20): Các sự kiện tại thành Ê-phê-sô

- a) Mười hai người được báp tem của Giăng Báp-tít biết và tin vào Chúa Jêsus. Sau đó họ chịu báp tem trong danh Chúa Jêsus và nhận lãnh Thánh Linh. Sau ba tháng tại nhà hội, sự chống đối đuổi Phao-lô ra khỏi. Ông giảng dạy hàng ngày tại trường Ti-ra-nu trong hai năm, “đến nỗi mọi người..., hoặc người Giu-đa hay là người Gờ-réc, đều nghe đạo Chúa” (19:10).
- b) Bảy người Do thái không phải là tín hữu Cơ-đốc nỗ lực đuổi quý bằng cách “mạo kê danh Chúa Jêsus... là Đấng mà Phao-lô giảng” (19:17). Điều này dẫn đến việc đốt sách về sự huyền bí rất lớn tại nơi công cộng, “Ấy vậy, nhờ quyền phép của Chúa, đạo bèn đồn ra, càng ngày càng được thắng” (19:13-20).
(f3)

Cuối cùng, trong vòng mỗi chuyển động sự tường thuật đi theo một khuôn mẫu giống nhau. Nhưng điều này được nhìn thấy rõ nhất từ mục lục, vốn cũng sẽ giúp chúng ta nhận thấy mối liên hệ của các hợp phần với nhau và với tổng thể.

PHẦN NĂM: CHUYỂN ĐỘNG 1

Thánh Linh Và Quyền Lực Của Sự Tồi Tăm (16:6-40)

TIN LÀNH VÀ CÁC NỀN VĂN HÓA NGOẠI QUỐC

Trong thực tế vẫn còn đến hàng triệu người, cụ thể là ở Châu Á, xem Tin lành là một tôn giáo của phương Tây, là tôn giáo có vẻ ngoài ngoại quốc và không tương thích với đặc tính quốc gia của họ. Họ có thể tôn trọng tôn giáo này từ đằng xa, nhưng họ phần nộ đối với cố gắng khiến họ cải đạo của các giáo sĩ Cơ đốc; họ cảm thấy, đó là một sự xúc phạm đối với tôn giáo và văn hóa của họ, một việc làm thiếu nhạy cảm, nếu không nói là ngạo mạn của chủ nghĩa đế quốc phương Tây.

Về phản ứng này bản thân thế giới Cơ đốc có một phần lỗi, trong đó trong quá khứ các nhà truyền giáo thường liên kết Tin lành với các Hội thánh quốc gia của họ, hay thậm chí với các chính phủ của quốc gia của họ, vì thế người dân của những quốc gia khác có một ấn tượng có thể hiểu được, rằng Tin lành Cơ đốc là một cánh tay của chủ nghĩa thực dân phương Tây. Và ấn tượng này đã được làm mạnh mẽ thêm bởi những lần thỉnh thoảng thất bại của các nhà truyền giáo trong việc phân biệt Tin lành mà họ rao giảng với những cái bẫy văn hóa, âm nhạc, kiến trúc, hình thức thờ phượng, và vân vân đã được tập hợp tại đất nước của các nhà truyền giáo trải qua nhiều thế kỷ. Những quốc gia khác vì vậy e sợ Cơ đốc giáo như là điều gì đó xa lạ sẽ kiểm chế biểu hiện tính cách quốc gia của họ.

Dĩ nhiên ngày nay những sai lầm này được nhìn nhận cách rộng rãi và xưng nhận cách dễ dàng. Thật ra, nguy hiểm nằm ở chỗ phản ứng đối với những điều này đem người ta đến một cực đoan khác. Ở mọi nơi đều gia tăng việc lên tiếng đề nghị rằng nỗ lực đem người từ các niềm tin khác trở lại Cơ đốc giáo là sai trái đối với tinh thần của Đấng Christ, một hình thức đáng hổ thẹn của chủ nghĩa tôn giáo cực đoan tưởng tượng rằng, bản thân nó, và chỉ có nó hàm chứa lẽ thật.

Người ta nói điều Cơ đốc giáo thật phải làm là từ bỏ tất cả những tuyên bố cho mình là duy nhất độc tôn về sự độc nhất của Đấng Christ, và tham gia các cuộc đối thoại cởi mở cách thành thật với người từ các niềm tin khác. Điều đó có nghĩa là thừa nhận rằng giá trị cơ bản của các tôn giáo chính, xưng nhận các giới hạn của tất cả các tôn giáo đó, bao gồm cả Cơ đốc giáo, và cùng nhau tiến tới việc tìm kiếm lẽ thật tối hậu. Họ biện luận rằng, chỉ như vậy thì Cơ đốc giáo mới đạt được sự tôn trọng của người ở Châu Á, và Châu Phi, và tránh được những lời buộc tội cho đến nay vẫn còn hiệu lực rằng nó là tôn giáo phương Tây, thối nát với khát vọng thống trị phần thế giới còn lại của phương Tây.

Nhưng, như Lu-ca sắp chỉ ra, sự thật là khi Phao-lô và Si-la đem Tin lành đến Châu Âu, nhóm người Châu Âu đầu tiên mà họ gặp đã phản nộ dữ dội đối với Tin lành chính xác là vì Tin lành trái nghịch với đặc thù quốc gia của họ. Sự khác nhau duy nhất giữa phản ứng của họ với người trong thế giới hiện đại là họ than phiền rằng Tin lành là một tôn giáo Đông Á không thích hợp với văn hóa phương Tây của họ. Nếu Phao-lô chấp nhận phản đối của họ, xem đó là một lý do hợp lý chống lại việc cố gắng cải đạo tín hữu thuộc các niềm tin khác đến với Đấng Christ, ông có thể đã ngừng nỗ lực truyền giáo cho Châu Âu, xấp hành lý, và trở về nhà không lâu sau đó.

Người dân thành Phi-líp vì niềm tự hào về địa vị của thành phố của họ là thuộc địa La-mã, và về địa vị của riêng họ là công dân La-mã, đã chống đối Phao-lô và Si-la mãnh liệt vì có “Những người này làm rối loạn thành ta; ấy là người Giu-đa, dạy dỗ các thói tục mà chúng ta chẳng nên nhận lấy, hoặc vâng theo, vì chúng ta là người Rô-ma” (16:20-21). Theo như ký thuật của Lu-ca sau này về phán xét được đưa ra bởi quan trấn thủ Ga-li-ôn ở Cô-rinh-tô (18:12-16), thì dĩ nhiên, phần thứ hai trong lời buộc tội của họ là không đúng. Và phần đầu tiên của câu chuyện chỉ đúng một nửa: Phao-lô thật là người Do thái, nhưng ông cũng là một công dân La-mã, bình đẳng với bất kỳ người nam hay nữ nào tại thành Phi-líp. Dầu vậy cả đám đông lẫn thượng quan đều không cho hai người cơ hội để nói ra điều đó, hoặc nếu hai người đã nói, thì họ cũng đã không chú ý đến. Họ đánh đòn

hai người và bỏ vào ngục.

Thật ra người La-mã nói chung không thích người Do thái, như chúng ta biết được từ những biểu hiện sinh động của nhà văn châm biếm Juvenal sau này. Ông đã kinh hoàng trước nghi lễ cắt bì mọi rợ của họ, việc giữ ngày Sa-bát của họ và luật pháp Môi-se bí hiểm khiến họ nổi bật so với các chuẩn mực văn hóa của xã hội La-mã; ông bêu xấu việc họ từ chối thờ phượng thần nào khác hơn là thần của riêng họ; và ông không có gì ngoài sự khinh miệt đối với những ngôi nhà cầu nguyện nhỏ bé nằm ở đâu đó bên đường của họ, so với những ngôi đền to lớn đẹp đẽ tuyệt vời của chính giáo của toàn quốc gia La-mã. Có một nhà “cầu nguyện” của người Do thái (hay ít nhất một nơi gặp mặt để cầu nguyện) tại thành Phi-líp, nơi những người phụ nữ thường xuyên lui tới, và từ những điều chúng ta biết được, các công dân địa phương đã để cho nó được yên, theo như quy định của luật pháp La-mã. Nhưng khi Phao-lô và Si-la khiến công việc của một thầy bói địa phương chấm dứt, thì sự phẫn nộ và lòng tự hào dân tộc bị tổn thương của dân thành Phi-líp sôi sục lên; và họ đã bỏ tù các nhà truyền giáo là điều hoàn toàn trái với luật pháp của họ.

Tuy nhiên, suy nghĩ bình tĩnh hơn có thể chỉ ra cho người dân thành Phi-líp rằng văn hóa quốc gia và tự hào dân tộc kia không liên quan đến câu hỏi liệu sứ điệp mà Phao-lô và Si-la đang công bố có thật hay không. Như suy nghĩ đầu tiên của người dân thành A-then sau này (17:18), Phao-lô đã không cố gắng giới thiệu một vị thần ngoại quốc vào nền văn hóa địa phương; ông cũng không bênh vực thần của riêng quốc gia của ông một cách cuồng nhiệt chống lại thần đại diện của người dân thành Phi-líp. Đầu tiên, ông công bố Đấng Tạo hóa độc nhất của nhân loại, cũng là Đấng Tạo hóa của người dân thành Phi-líp và các quốc gia khác. Do thái giáo chắc chắn là tin nơi Ngài, trong khi không một ai trong các vị thần của dân thành Phi-líp tuyên xưng bản thân là một Đấng Tạo hóa giống như vậy. Nhưng Đấng Tạo hóa không phải là sản phẩm cũng không phải là tài sản quốc gia của người Do thái. Phao-lô có thể sẽ nói, “Đức Chúa Trời chỉ là Đức Chúa Trời của dân Giu-đa sao? Há chẳng phải cũng là Đức Chúa Trời của dân ngoại ư? Phải, Ngài cũng là của dân ngoại

nữ; Vì chỉ có một Đức Chúa Trời...” là Đấng đặt ra các điều kiện để mọi người nhận được sự cứu rỗi là giống nhau (Rô. 3:29-30). Và thứ hai, Phao-lô không tuyên truyền Do thái giáo như là một tôn giáo; ông đang rao giảng về Đấng Christ là sự mặc khải tối hậu và cuối cùng của Đức Chúa Trời cho toàn nhân loại. Tôn giáo của Y-sơ-ra-ên nguyên thủy vốn được Đức Chúa Trời thánh sạch và thánh khiết ban cho; nhưng Phao-lô thậm chí không ép buộc tôn giáo đó trên dân ngoại. Dù giữ lại nhiều đặc tính cao quý của tôn giáo nguyên thủy của Y-sơ-ra-ên, Do thái giáo đương đại đã làm hư hỏng những đặc tính cao quý khác, và đã công khai chối bỏ và giết hại Con Đức Chúa Trời. Đến một ngày Đức Chúa Trời sẽ phán xét Do thái giáo vì điều đó. Chắc chắn Phao-lô đã không tuyên truyền Do thái giáo như là một tôn giáo cho người dân thành Phi-líp. Và chúng ta có thể nhanh chóng thêm vào rằng nếu từ ngữ “Cơ đốc giáo” được sử dụng theo nghĩa một hệ thống chính trị-tôn giáo rộng lớn đã phát triển chung quanh danh của Đấng Christ, nếu không thì được biết đến như là thế giới Cơ đốc, thì Cơ đốc nhân ngày nay không cần phải cố gắng cải đạo những người không phải là Cơ đốc nhân trở lại Cơ đốc giáo theo ý nghĩa đó. Hình thức đó của Cơ đốc giáo đã thường, và vẫn đang thường chứa đựng rất nhiều điều thậm chí một đứa trẻ cũng có thể nhìn thấy sự trái ngược với Thánh Linh của Đấng Christ và với sự dạy dỗ trong Tân ước. Đức Chúa Trời cũng sẽ phán xét điều đó – có lẽ, càng nghiêm khắc hơn bất kỳ điều gì khác.

Vậy nên, Phao-lô không rao giảng về Do thái giáo, nhưng về Đức Chúa Trời chân thật độc nhất, là Đấng Tạo hóa của mọi người; và không rao giảng về thế giới Cơ đốc phương Đông hay phương Tây – rõ ràng là không phải – mà là về Đấng Christ. Hơn nữa, trong việc kêu gọi mọi người thuộc mọi chủng tộc và quốc gia liả bỏ các vị thần do loài người tạo nên và giải thích đồng bóng từ vũ trụ, Phao-lô chỉ thúc giục họ làm điều mà các tổ phụ của ông đã làm trong các thế kỷ xa xưa. Dĩ nhiên, chúng ta vốn được xem là Cơ đốc nhân Tây phương sẽ nhìn nhận cách tự do rằng tất cả các tổ tiên của chúng ta cũng là những người thờ các thần linh được tạo nên bởi trí tưởng tượng của con người cho đến khi Tin lành từ Châu Á đến với Châu Âu và kêu gọi họ đối diện sự thật và trở lại với niềm tin nguyên thủy của loài

người vào Đấng Tạo hóa Tự hữu duy nhất, và sau đó là với sự bày tỏ của chính Ngài qua Chúa Jêsus Christ.

Trong tất cả điều này không có nguyên nhân chân chính nhằm làm tổn thương lòng tự ái dân tộc hay oán giận về văn hóa khác hơn việc sao Hải vương có lý do chính đáng để cảm giác bị xúc phạm về văn hóa nếu Trái đất cố cải đạo để nó (nếu nó cần cải đạo) đến với một niềm tin rằng nó xoay quanh mặt trời giống như những hành tinh khác. Khi nói đến vấn đề thuần túy văn hóa, Phao-lô (như chúng ta biết từ các thư tín của ông) là một người dễ thích nghi nhất, sẵn sàng sống giống như một người ở Do thái giữa những người Do thái hay là giống như một người Hy Lạp ở giữa những người Hy Lạp (1 Cô. 9:19-22). Nhưng ông không bao giờ đồng ý với đề xuất rằng sự lựa chọn giữa độc thân và đa thân chỉ đơn giản là một vấn đề tùy thích dựa theo cách thức giải thích truyền thống về vũ trụ của một cá nhân; hay sự độc nhất của Đức Chúa Trời và sự tự mặc khải trong Đấng Christ có thể bị chối bỏ mà không bị trừng phạt nếu không thích hợp với sự yêu thích mang tính quốc gia, chủng tộc, hay văn hóa của một cá nhân.

Nhưng hãy trở lại với người dân thành Phi-líp. Có thể họ khó có suy nghĩ bình tĩnh vào thời điểm này còn là vì những lý do khác nữa. Khi kỹ thuật hành động của Phao-lô trong việc giải thoát cho người làm nghề bói khoa tại Phi-líp khỏi quỷ dữ (16:16-18), Lu-ca đã đặt ngón tay của ông trên hai lĩnh vực rất nhạy cảm trong tôn giáo ngoại giáo. Điều đầu tiên không đáng được cảm thông; điều còn lại ít nhất cần được thông hiểu bởi lòng đầy trắc ẩn.

Người làm nghề bói khoa đã bị kiểm soát bởi một số người kinh doanh là những người thao túng cô và điều kiện của cô để giúp họ kiếm được rất nhiều tiền. Khi Phao-lô giải thoát người phụ nữ khỏi quỷ dữ, ông cắt bỏ nguồn thu nhập của những người làm kinh doanh này (16:19). Dĩ nhiên họ không đem trung điều này ra làm lý do để bách hại các nhà truyền giáo; họ chọn sử dụng định kiến và lòng tự hào dân tộc của đám đông và thượng quan. Nhưng sự đe dọa của Cơ đốc giáo đối với các lợi nhuận tài chính họ đang là nguyên nhân chính của sự chống đối của họ. Việc kiếm tiền từ tôn giáo luôn là một

vụ việc đầy tai tiếng trong suốt lịch sử - và vẫn còn là như vậy. Thế giới Cơ đốc giáo cũng không thoát khỏi điều này: việc vạch trần sự tham nhũng gần đây của một số nhà truyền giáo trên TV cung cấp thêm một ví dụ nữa về việc lạm dụng lâu đời của Cơ đốc giáo trong nhiều lĩnh vực xếp thành một kho báu to lớn và một số tiền lớn lạm dụng danh của Đấng Christ.

Nhưng hành động của Phao-lô trong việc chấm dứt khả năng bói khoa nói về vận mạng đã chạm đến một sợi dây thần kinh nằm sâu bên trong của ngoại giáo: hành động này cắt đứt nguồn hướng dẫn siêu nhiên mà nhiều người trong thành khao khát muốn biết và cảm thấy như là một sự giúp đỡ không thể thiếu để sống thành công. Dĩ nhiên họ căm ghét hành động đó.

Có lẽ có rất ít người chưa bao giờ cảm thấy vào một lúc nào đó trong cuộc đời của họ, họ có một khát vọng có thể nhìn thấy những điều còn đang ở trong tương lai. Khát vọng đó không cần phải đơn giản chỉ là một sự tò mò vì rảnh rỗi, hay chỉ là lòng tham của những người muốn tham vấn với các thần linh, như một vài người thường làm, để có được các lời khuyên hay là một con số chính xác cần phải chọn để thắng một canh bạc. Cuộc sống hết lần này đến lần khác đem đến cho hết thầy chúng ta những quyết định không thể tránh, các quyết định này mang những kết quả khó đạt đến cho cuộc sống của chính chúng ta hay của người khác. Sự khôn khéo nằm ở chỗ chúng ta phải quyết định mà không biết chắc việc chúng ta chọn sẽ ra sao, sẽ thành công hay trở thành thảm họa. Trong những hoàn cảnh như vậy thì thật dễ hiểu khi người chưa bao giờ biết Chúa là một người Cha yêu thương, chưa bao giờ có kinh nghiệm cá nhân đối với sự cứu rỗi, sự tha thứ, sự chăm sóc, và sự hướng dẫn của Ngài, người không có lòng vững tin vào sự khôn ngoan của Ngài trong việc chu cấp hàng ngày cũng như bất kỳ sự bảo đảm mà tất cả mọi sự hiệp lại làm ích cho người yêu mến Đức Chúa Trời – vì họ không biết gì về mục đích vĩ đại và tối hậu của Đức Chúa Trời vốn tập hợp và làm cho tất cả các chi tiết nhỏ trong đời sống trở nên có ý nghĩa – cũng dễ hiểu khi họ cảm thấy bị thu hút vào thế giới thần linh, đến với các lời sấm truyền, người dự đoán tương lai, các thầy bói, và chiêm tinh gia để

được hướng dẫn cách có được điều mà họ khao khát. Cũng tương tự như vậy đối với các tang quyến. Những người không có sự đảm bảo và yên ủi Cơ đốc trong việc “lìa bỏ thân thể này đang ở cùng Chúa” (2 Cô. 5:8), có thể dễ hiểu khi họ cảm thấy không thể mang nỗi đau thương và mất mát của mình, và sẽ ao ước chấp nhận những thông tin mang tính yên ủi về nơi ở của những người thân quá cố của họ vốn do các tà linh mạo danh nói lại cho họ qua các thầy bói là sự thật.

Nhiều người trong thế giới cổ đại xem những tập tục này là một sự pha trộn giữa nỗi nghi ngờ và nỗi sợ hãi mang tính mê tín dị đoan. Những triết gia cứng đầu như phái Epicureans (người mà chúng ta sẽ gặp lúc này) hoàn toàn phản đối tất cả các tuyên bố liên quan đến việc tương giao với thế giới bên ngoài. Nhưng rất ít người trong thế giới cổ đại là những triết gia cứng đầu, và đối với nhiều người trong bọn họ, cũng như đối với hàng triệu người ngày nay, đó là điều rất thật. Vì vậy, khi Cơ đốc giáo, cũng giống như Do thái giáo chân chính, cầm cả gốc lẫn ngọn của nó, lên án và tranh đấu chống lại những mê tín dị đoan như là một phần không có thật và một phần thì quá thật, gian ác, nguy hiểm và hèn hạ, thật dễ hiểu khi nhiều người bực tức xem Cơ đốc giáo như là một tôn giáo xa lạ, cứng đầu, khắt khe, hay can thiệp mà không có suy nghĩ và thông cảm cho nhu cầu tâm lý của cá nhân bị vây khốn trong những phức tạp đáng sợ của cuộc sống. Dĩ nhiên, còn ngược lại là đằng khác; nhưng đây là lúc chúng ta để Lu-ca tự biện hộ cho mình trực tiếp hơn và càng chi tiết hơn.

ĐỨC CHÚA TRỜI VÀ MỖI CÁ NHÂN

Tỷ lệ của những lời tường thuật ở Chuyển động 1 trong Phản Năm của sách Công vụ thật đáng kể. Tường thuật dành cho một sự kiện so với bất kỳ tiêu chuẩn nào đều có ý nghĩa rất lớn trong lịch sử của Hội thánh: bước tiến truyền giáo đầu tiên của Phao-lô vào Châu Âu và khởi đầu của Hội thánh đầu tiên được thiết lập tại đó như là kết quả của công sức của ông. Nhưng việc thành lập một Hội thánh thì hiếm khi trở thành một tiêu điểm mà tường thuật tập trung vào. Đúng vậy, nó cho chúng ta biết rằng, theo sau sự cải đạo của Ly-đi và quan cai ngục, thành viên của cả gia đình họ đều trở lại đạo (16:15, 31, 33-34), dầu không có chi tiết nói về họ. Đành rằng, chúng ta cũng được cho

biết khi Phao-lô và Si-la ra khỏi tù, họ đi đến nhà của Ly-đi, gặp các anh chị em, và khích lệ họ; đầu một lần nữa chúng ta không được cho biết có bao nhiêu người. Một người có thể suy luận từ tường thuật rằng bản thân Lu-ca có thể ở lại thành Phi-líp khi Phao-lô và những người khác đi; dù người ta phải rất sắc bén mới tìm được đầu mối. Trong tất cả mọi sự, chúng ta có thể thấy rằng vào thời gian Phao-lô rời Phi-líp, ít nhất hạt nhân của Hội thánh đã được hình thành; dù Lu-ca không có chỗ nào đề cập điều ông chắc chắn biết, khi sau đó ông biên soạn sách Công vụ, rằng hạt nhân này dần dần phát triển thành một Hội thánh mạnh mẽ góp phần đáng kể cho công cuộc truyền giáo của Phao-lô ở cả Châu Âu và Châu Á. Thay vào đó, chín mươi lăm phần trăm lời tường thuật của ông trong chuyến động này tập trung vào hai cá nhân, Ly-đi và quan cai ngục. Toàn bộ nửa đầu của chuyến động lấy câu chuyện Ly-đi trở lại đạo và việc đem Phao-lô và đoàn của ông vào ngôi nhà rộng rãi của bà (16:6-15) làm thành cao trào; và tất cả các chi tiết sôi động của nửa sau của cao trào, không phải trong việc thượng quan buộc phải đích thân hộ tống Phao-lô và Si-la ra khỏi tù và sau đó, yêu cầu rằng nếu các ông hài lòng, xin hãy rời khỏi thành phố! – quả là một cao trào không gây hứng thú – nhưng đó là sự cải đạo của quan cai ngục và một phân cảnh nửa đêm tràn đầy vui mừng khôn tả khi ông “mời hai người lên nhà mình, đặt bàn” và người với cả nhà mình đều mừng rỡ (16:34). Kể từ câu chuyện của Cọt-nây (chương 10) việc ký thuật đã không còn tập trung vào chi tiết cải đạo của cá nhân như vậy nữa.

Vậy thì đây là bài học đầu tiên của chúng ta: Từ phần tỷ lệ trong tường thuật của Lu-ca chúng ta học biết về ý nghĩa trong phần tỷ lệ của Đức Chúa Trời. Đức Chúa Trời yêu thương toàn thể giới. Ngài không phải không thích thú đối với việc Tin lành chinh phục toàn bộ các lục địa và quốc gia. Chính phần này sẽ dần dần kể cho chúng ta biết rằng, kết quả sự dạy dỗ của Phao-lô ở Ê-phê-sô là tất cả người Do thái và Hy Lạp sống trong vùng A-si đều nghe Lời của Chúa (19:10). Nhưng trong phương diện cứu rỗi, Đức Chúa Trời không suy nghĩ ở phạm vi lục địa cùng hàng loạt người đông đảo: Ngài quan tâm đến con người ở mức độ từng cá nhân. Ngài biết mỗi một người trong số họ, tâm lòng của họ, mong ước của họ; Ngài biết công

việc của họ, việc làm, gia đình, và các chuyến đi của họ; Ngài biết chính xác họ đang ở đâu; thật ra, Ngài đã “định trước giới hạn chỗ ở [của người ta], hầu cho tìm kiếm Đức Chúa Trời, và hết sức rờ tìm... được” (17:26-27).

Một chuỗi các sự kiện phức tạp đan xen nằm phía sau việc Ly-đi gặp gỡ Tin lành và đặt niềm tin của bà vào Chúa Jêsus. Mặt khác, có sự hướng dẫn trực tiếp của Đức Chúa Trời dành cho Phao-lô và đoàn của ông (16:6-10). Khi họ vừa mới bước vào hành trình truyền giáo thứ hai, theo như chúng ta được biết, thì họ không có ý định viếng thăm thành Phi-líp. Kế hoạch ban đầu của họ là “trở lại thăm hết thầy anh em trong các thành mà chúng ta trước đã giảng đạo Chúa [trong cuộc hành trình truyền giáo thứ nhất], xem thử ra thể nào.” (15:36). Điều họ đã lên kế hoạch để thực hiện sau đó chúng ta không được cho biết. Nhưng bây giờ Phần Năm mở ra với tuyên bố rằng Đức Thánh Linh đã can thiệp và cấm họ nói về Lời Chúa trong vùng A-si (16:6). Sự ngăn cấm, như Phần Năm sẽ chỉ ra (18:18-21; 19:1-20), chỉ là tạm thời. Sau đó, Đức Chúa Trời sẽ đem Phao-lô đến Ê-phê-sô để làm một công việc lạ lùng tác động đến toàn vùng Tiểu Á. Nhưng vào lúc này Đức Chúa Trời rõ ràng có một vài thực giục nữa trong tâm trí; đầu đó là điều gì, Phao-lô và những người đồng hành với ông rõ ràng không được cho biết vào thời điểm đó. Sau khi trải qua vùng Phi-ri-gi và Ga-la-ti họ cố vào xứ Bi-thi-ni, và Đức Chúa Trời đã phải ngăn cản một lần nữa: “Thánh Linh của Đức Chúa Jêsus không cho phép [họ]” (16:7). Vì vậy họ đi xuống Trô-ách; và tại đó Đức Chúa Trời lại ngăn trở. Đương ban đêm, Phao lô thấy sự hiện thấy: một người Ma-xê-đoan đang đứng trước mặt và nài xin ông: “Hãy qua xứ Ma-xê-đoan mà cứu giúp chúng tôi” (16:9-10). Ba lần trực tiếp ngăn trở bởi Đức Chúa Trời, rồi sau đó, trong phạm vi tường thuật của năm câu Kinh thánh; cao trào được dựng lên: mục tiêu lớn lao mà tất cả những lần can thiệp từ thiên thượng này tập trung vào là gì? Câu trả lời là: tâm lòng và gia đình của một người tên Ly-đi, là người buôn hàng sắc tía tại thành Phi-líp. Đúng vậy, dĩ nhiên là còn có những mục tiêu khác nữa, cả tại Ma-xê-đoan và sau đó là ở A-chai, mà Đức Chúa Trời đã để mắt đến. Nhưng điều này là mục tiêu thứ nhất của sự hướng dẫn của Đức Chúa Trời.

Và còn có một mặt khác của câu chuyện. Cho đến giờ chúng ta đã nghe nói về sự hướng dẫn đặc biệt đã đưa Phao-lô và những người đồng hành với ông đến thành Phi-líp, nơi mà chiến lược thông thường đem ông trước tiên đến gần bên sông là nơi người ta thường nhóm lại dâng cầu nguyện. Nhưng làm thế nào Ly-đi đến nơi đó để có thể gặp Phao-lô, nghe Tin lành, và đặt lòng tin nơi Đấng Christ? Câu 12-15 cho biết câu chuyện bên lề của bà.

Bà được sinh ra ở Thi-a-ti-rơ – tại nơi từng là vương quốc cổ xưa của Ly-đi (vì thế tên của bà là “người phụ nữ Ly-đi”) – một thành phố nổi tiếng về hàng nhuộm sắc tía. Điều gì đã mang bà đến Phi-líp? Rõ ràng là công việc buôn bán. Bà đã phải kiếm sống như bao người khác, và rất tự nhiên bà đã học kinh doanh hàng sắc tía tại thành phố quê nhà. Phi-líp vốn là thuộc địa của Rô-ma, là nơi có nhiều người dư giả tiền bạc để mua trang phục màu tía. Những bản dịch khác cho chúng ta biết rằng thực chất có một phường buôn hàng sắc tía trong thành này. Vì thế bà đã đến đó và lập nên việc kinh doanh nhập khẩu và bán lẻ. Việc kinh doanh của bà rất phát đạt: khi bà trở lại đạo, bà đã có một ngôi nhà rộng rãi đủ để đón tiếp Phao-lô và những người đồng hành với ông (16:15). Chúng ta có thể biết chắc rằng không có điều nào trong những điều này chỉ đơn giản là tình cờ. Chính Đức Chúa Trời Đấng quyết định nơi chốn chúng ta sẽ sống đã chăm xem khi bà được sinh ra, lớn lên, lựa chọn nghề nghiệp, di cư đến thành Phi-líp, thành đạt trong công việc kinh doanh, và vai trò mà sau đó điều này thực hiện trong công cuộc truyền giáo cho Châu Âu.

Dẫu là vậy, bà có thể chưa bao giờ gặp Phao-lô. Nhưng bà đã trở thành một người thờ phượng Đức Chúa Trời chân thật (16:14); điều chúng ta không biết là bà trở lại thờ phượng Đức Chúa Trời tại thành phố quê nhà của bà tại Thi-a-ti-rơ hay là sau khi bà đã đến thành Phi-líp. Tuy nhiên, điều chúng ta biết là tại Phi-líp bà đã tham gia cầu nguyện là nơi cầu nguyện gần bên sông, (có lẽ là phôi thai) một nhà hội Do thái giáo. Bà cũng không mang định kiến văn hóa và chủng tộc ngu ngốc của người La-mã tại thành Phi-líp. Qua người Do thái, bà đã khám phá được lẽ thật rằng có một Đức Chúa Trời có một và độc nhất. Bà không chỉ khám phá điều đó như là một dữ kiện: bà

đem lòng mình chuyên tâm tìm kiếm lẽ thật và Đức Chúa Trời hằng sống, như chúng ta nhìn thấy từ việc bà thường xuyên tham dự tại nơi cầu nguyện khiêm tốn này. Đức Chúa Trời siêu việt, Đấng nhìn biết lòng của mọi người, đã nhìn biết lòng ao ước của bà, đã nghe lời cầu nguyện của bà, và sai phái Phao-lô và bạn đồng hành cùng ông vốn không hề biết gì lại dẫn bước trên cuộc hành trình lâu dài, dưới sự hướng dẫn thiên thượng trực tiếp đến gặp Ly-đi và làm thỏa mãn cuộc tìm kiếm của bà. Ngài còn làm nhiều hơn nữa: “[Ngài] mở lòng bà và bà đáp ứng sứ điệp Phao-lô giảng” (16:14 – BD 2011). Chỉ những người đã có kinh nghiệm tương tự mới nhận ra điều này nghĩa là gì: nghĩa là sự soi sáng của Thánh Linh bắt lấy sự chú ý và đổ đầy tâm trí với nhận thức trực quan và sự đảm bảo rằng điều mình đang nghe chính là Lời của Đức Chúa Trời, được chính Chúa phán trực tiếp và cá nhân vào trong tâm lòng của mình. Và Ly-đi đã đáp ứng lại qua việc tin nhận Chúa Jêsus. Bà đã gặp Đức Chúa Trời mà bà hằng tìm kiếm.

Trước khi chúng ta rời khỏi câu chuyện của bà, vẫn còn có một hay hai điều chúng ta cần lưu ý. Trước hết, là bằng chứng cho thấy đức tin của bà là thành thật và kinh nghiệm thuộc linh của bà là xác thực. Bà không tin nhận và được báp tem nhanh chóng trước khi bà nhận ra bằng bản năng của tất cả những điều bà có được qua việc kinh doanh, và cụ thể là nhà của bà, là được ban cho bởi Đức Chúa Trời, và bây giờ phải được dâng cho Chúa và sử dụng cho việc hỗ trợ Tin lành. Không phải Phao-lô thúc giục và hỏi xin rồi cuối cùng cưỡng bách bà nhìn nhận đó là nghĩa vụ của bà để đóng góp vào sự nghiệp của Tin lành. Chính bà nài ép Phao-lô và người đồng hành cùng ông đến ở trong nhà bà. Như giáo sư F. F. Bruce đã viết “Bà sẽ không từ chối.” Bà khẳng khái rằng nếu họ xem bà là một tín hữu chân thành trong Chúa Jêsus, họ phải cho phép bà được xếp chung với người làm chứng cho Chúa Jêsus tại trong thành; dùng nhà của mình làm nơi đặt chân của Tin lành tại thành Phi-líp và là nguồn hỗ trợ để Tin lành tràn ra cả xứ Ma-xê-đoan và A-chai và đến mọi nơi trên thế giới. Sau này khi Hội thánh Phi-líp hết lần này đến lần khác gửi tiền giúp đỡ công việc truyền giáo tiên phong của Phao-lô (Phi. 4:15-16), chúng ta có thể chắc chắn rằng phần đóng góp của Ly-đi là

một phần lớn trong số đó.

Từ hết thảy những điều này chúng ta có thể kết luận rằng sự quan tâm đến mỗi cá nhân của Đức Chúa Trời, việc Ngài riêng chọn Ly-đi cho chuyến viếng thăm đặc biệt hàm chứa đầy ân điển này của Ngài không phải chỉ vì một mình bà mà thôi. Ngài cứu bà trong tư cách một cá nhân; nhưng không chỉ đơn giản vì lợi ích tư kỷ của riêng bà, nhưng để bà có thể được lôi cuốn một cách sống động vào ngọn thủy triều yêu thương dâng cao của Đức Chúa Trời dành cho thế gian.

Điều thứ hai để suy gẫm về vấn đề này là: Lu-ca đã tập trung vào trường hợp của Ly-đi hết sức chi tiết, cũng giống như việc ông sắp sửa tường thuật về quan cai ngục vậy. Nhưng chắc chắn ông làm như vậy không phải để gây ấn tượng cho chúng ta rằng trường hợp của Ly-đi là đặc biệt hay hiếm thấy. Mà thật ra nó là một ví dụ về điều Đức Chúa Trời vẫn liên tục thực hiện ở những nơi Ngài sai phái Phao-lô đến; và vẫn đang làm điều đó ở bất cứ nơi nào Ngài sai phái sứ giả của Ngài ngày nay. Ly-đi đã tìm kiếm Đức Chúa Trời chân thật và hằng sống; và Ngài đã dịch chuyển trời và đất sao cho đảm bảo rằng bà tìm thấy được Ngài. Đáng Tạo hóa định đoạt những thời điểm sắp đặt cho chúng ta là tạo vật của Ngài, và những nơi chốn chính xác nơi chúng ta có thể sống để chúng ta có thể tìm Ngài và gặp Ngài, Đáng ấy đã ban cho chúng ta sự bảo chứng này khi đích thân Ngài đến sống giữa chúng ta: “Hãy xin, sẽ được; hãy tìm, sẽ gặp... Bởi vì, hễ ai xin thì được; [và] ai tìm thì gặp” (Mat. 7:7-8).

BẢN CHẤT CỦA SỰ HƯỚNG DẪN THIÊN THƯỢNG

Trước khi chuyển sang xem xét mối quan tâm của Đức Chúa Trời đối với một cá nhân thứ hai, quan cai ngục, chúng ta cần phải truy ngược trở lại trong chốc lát để suy gẫm về chừng mực bản chất của sự hướng dẫn của Đức Chúa Trời, ít nhất, có thể được nhìn thấy trong kinh nghiệm của Phao-lô và những người đồng hành với ông vào thời điểm này. Như chúng ta đã quan sát, ba trường hợp can thiệp thiên thượng đã làm thay đổi cuộc hành trình của họ và vì thế đem họ đến thành Phi-líp.

Nhiều câu hỏi phát sinh. Mối liên hệ giữa phương cách hướng dẫn

trực tiếp này với quyền ra quyết định cá nhân của con người, với ý thức theo lẽ thường của họ, phán xét đạo đức và thuộc linh của họ, và trách nhiệm tối hậu của họ đối với những quyết định mà họ thực hiện là gì? Có phải tất cả các Cơ đốc nhân đều nhận được phương thức hướng dẫn này; nếu vậy, có thường xuyên không? Mỗi ngày trong tuần? Hơn một tuần, hay ít nhất đối với các quyết định quan trọng? Hay thỉnh thoảng mà thôi? Dĩ nhiên chúng ta phải nhận thức khái quát quá nhiều từ kinh nghiệm cụ thể của Phao-lô và những người đồng hành với ông trong trường hợp này. Nhưng một số nguyên tắc nổi lên rất rõ ràng.

Trước hết, Lu-ca không nói rằng cuộc hành trình truyền giáo thứ hai được khởi xướng bởi sự hướng dẫn đặc biệt nào đó của Thánh Linh. Cuộc hành trình truyền giáo thứ nhất của Phao-lô thì có (13:1-3); nhưng cuộc hành trình thứ hai này có nguyên cơ tằm thường hơn nhiều. Vì vậy, chúng ta phải tham chiếu đến 15:36: “Sau ít lâu, Phao-lô nói với Ba-na-ba rằng: Chúng ta hãy trở lại thăm hết thầy anh em trong các thành mà chúng ta trước đã giảng đạo Chúa, xem thử ra thể nào.” Nói cách khác, họ đang đáp ứng theo nghĩa vụ khái quát của người chăn bầy cần chăn dắt và nuôi dưỡng những người đã được họ cải đạo trong cuộc hành trình lần trước. Họ không cần hướng dẫn đặc biệt từ trời cho những điều đó. Họ có những mệnh lệnh thường trực từ Chúa dành cho việc truyền giáo cho thế giới và cho việc dạy dỗ và chăn dắt Hội thánh. Vì vậy, thông thường điều họ được trông đợi là tiếp nhận việc thực hiện các mệnh lệnh thường trực kia; trừ khi và cho đến khi họ được Đức Chúa Trời thu lại mệnh lệnh, chúng cấu thành sự hướng dẫn của Ngài mà không cần sự can thiệp trực tiếp và liên tục. Rốt cuộc thì tôi không cần, hay ít nhất tôi không nên đòi hỏi phải có một bức thư riêng từ Nữ hoàng mỗi tuần hướng dẫn tôi cách đóng thuế thu nhập.

Nguyên tắc tương tự cũng được áp dụng cho tất cả các tín hữu. Đức Chúa Trời đã bảo cho chúng ta biết mục tiêu lớn của Ngài dành cho chúng ta là gì: chúng ta phải trở nên giống như Con Ngài. Cùng lúc đó, và cho đến cuối cùng, Ngài đã đặt ra các nhiệm vụ khái quát của chúng ta cách rõ ràng. Chúng ta phải hết lòng, hết trí, hết linh

hồn, hết sức mà yêu kính Chúa là Đức Chúa Trời chúng ta, và yêu người lân cận như mình. Chúng ta phải trước hết tìm kiếm sự tể trị tuyệt đối của Ngài trong mọi lĩnh vực của đời sống mình. Chúng ta phải làm việc để sinh sống, phải yêu thương và chăm sóc gia đình của chúng ta; phải làm chứng về Chúa Jêsus và về phương cách cứu rỗi của Đức Chúa Trời trong thế gian; phải tham gia vào công tác truyền giáo cho thế giới tùy theo ân tứ và tài nguyên mình có; phải yêu thương, hỗ trợ, và khích lệ anh chị em tín hữu trong Hội thánh; phải vâng lời “nhà cầm quyền” trong thế gian; phải trả các loại truy thu và thuế của mình; phải làm điều thiện cho tất cả mọi người v.v. Đây là những mệnh lệnh thường trực dành cho chúng ta. Chúng ta không cần hướng dẫn đặc biệt nói cho chúng ta biết khi nào chúng ta thi hành chúng. Trong những tình huống đặc biệt, người mẹ nào lại cầu nguyện khẩn thiết với Chúa để được hướng dẫn trực tiếp đặc biệt xem ý Chúa muốn cô ta cho con mình ăn sáng hay là không?

Thứ hai, điều học được trong sự hướng dẫn đặc biệt Phao-lô và những người đồng hành với ông nhận được trong hai trường hợp đầu tiên (ví dụ. 16:6 và 7) chính là sự phủ định và ngăn trở, nhằm mục đích ngăn họ đi rao giảng ở nơi họ định đi đến. Trước hết, họ bị cấm bởi Thánh Linh không được rao giảng Lời Chúa trong xứ A-si. Nhưng rõ ràng sự ngăn cấm này không mang theo thông tin chi tiết mục tiêu tiếp theo của họ là gì; vì khi họ đến biên giới My-si, họ cố vào địa phận Bi-thi-ni, thì Đức Thánh Linh của Chúa Jêsus không cho phép họ vào (16:7). Dĩ nhiên họ không cố thử nếu họ biết trước nơi họ được sai đến.

Điều đó cho thấy rằng: sự hướng dẫn đặc biệt từ thiên thượng không cần thiết phải cất bức màn tương lai trước một thời gian quá dài. Sự hướng dẫn này thường khiến chúng ta tiến về phía trước mỗi ngày làm công việc rõ ràng tiếp theo trong quá trình thực thi những mệnh lệnh thường trực, và chỉ can thiệp khi chúng ta làm điều gì đó mâu thuẫn với một mục tiêu cụ thể mà Chúa đang để mắt đến. Thậm chí khi họ ngừng lại không đi vào Bi-thi-ni, họ vẫn không được cho biết rằng Chúa đã có ý định riêng dành cho Ma-xê-đoan và Phi-líp. Họ chỉ đơn giản đi xuống Trô-ách, mãi cho đến khi họ đến đó, họ

được tỏ cho biết sự hướng dẫn đặc biệt cuối cùng ở dưới dạng một sự hiện thấy, rằng họ phải đi qua xứ Ma-xê-đoan. Chúng ta không được cho biết họ đã mất bao lâu để đi từ Đet-bơ sang Trô-ách; nhưng rõ ràng là họ không nhận được sự hướng dẫn đặc biệt liên tục mỗi ngày trong tuần. Đức Chúa Trời không sử dụng cách can thiệp trực tiếp như vậy; vì nếu Ngài sử dụng, thì Ngài sẽ hạ thấp các tội tở của Ngài xuống tầm mức của trẻ con vốn không thể chỉ đơn giản yêu cầu phải làm cỏ cả luống hoa, nhưng phải được chỉ bảo trong mỗi tình huống để phân biệt cây nào là cỏ và cây nào là hoa. Đức Chúa Trời muốn dân sự của Ngài là những người trưởng thành có thể được tín nhiệm để tự đưa ra những quyết định chi tiết trong khuôn khổ những mạng lệnh thường trực, và dĩ nhiên khi cần thiết sẽ luôn thuận phục theo những can thiệp của Ngài.

Chúng ta có thể được lợi khi cân nhắc những hình thức hướng dẫn đặc biệt diễn ra, và những từ ngữ được sử dụng để mô tả. Lu-ca cho biết “Đức Thánh Linh đã cấm.” (16:6), và “Thánh Linh của Đức Chúa Jêsus không cho phép” (16:7). Ở nhiều nơi trong Tân ước nơi tính từ “Thánh” được sử dụng khi bản tánh thánh khiết của Thần linh (Spirit) cần được nhấn mạnh. Một nơi như tại 1 Tê-sa-lô-ni-ca 4:8, chúng ta được cho biết khi chống lại sự dạy dỗ của Đức Chúa Trời rằng chúng ta phải sống thánh khiết, là “khinh bỏ Đức Chúa Trời, là Đấng đã ban Thánh Linh của Ngài trong anh em.” Nhưng trong những đoạn Kinh thánh khác tính từ “Thánh” dường như được sử dụng đơn thuần là để chỉ rằng Thần linh được truy vấn chính là Thần linh của Đức Chúa Trời vốn khác biệt với bất cứ thần linh nào. Việc này có thể cũng tương tự trong đoạn Kinh thánh hiện tại của chúng ta. Nhưng tại đó vẫn tạo ra một cụm từ “Thánh Linh của Đức Chúa Jêsus” rất không bình thường cần được giải thích. Chúng ta có thể ngay lập tức biết điều này có nghĩa là gì. Nó không ám chỉ rằng Con người Jêsus đã chết nhưng Thần linh của Ngài còn sống trong một thế giới bên ngoài thế giới này và sẵn sàng giúp đỡ những người tìm kiếm sự hướng dẫn. Đó là ngôn ngữ của thông linh giáo, thông thiên học, và một vài hình thức của Phật giáo. Không phải vậy, Chúa Jêsus chắc chắn đã chết. Nhưng bây giờ Ngài không chết. Sách Công vụ từ lâu đã mô tả sự sống lại của thân thể của Ngài từ cõi chết. Vậy nên,

đây không phải là một câu hỏi về việc thần linh của Ngài vẫn còn sống dù thân thể Ngài đã chết. “Thánh Linh của Chúa Jêsus” không phải ai khác hơn chính là Đức Thánh Linh, nhưng được gọi là Thánh Linh của Chúa Jêsus bởi vì Chúa Jêsus vào lúc Ngài thăng thiên đã ban Thánh Linh của Đức Chúa Trời, Đấng Yên ủi khác (Giăng 14:16-17), để dạy dỗ và hướng dẫn dân sự của Ngài.

Nhưng sau đó Thánh Linh của Đức Chúa Trời được Chúa Jêsus sai xuống sẽ không bao giờ hướng dẫn bất kỳ người nào làm hay nói bất kỳ điều gì trái với nhân cách đạo đức của Chúa Jêsus, trái với điều Ngài đã làm và đã dạy khi Ngài còn sống trên đất. Thánh Linh không phải là một năng lực phi đạo đức. Hết lần này đến lần khác tất cả chúng ta đều kinh nghiệm nhiều ý tưởng và nhiều sự thúc giục mạnh mẽ. Nhưng chúng ta không nên cho rằng tất cả những điều đó đến từ Thánh Linh. Chúng ta chịu trách nhiệm về những phán đoán về đạo đức và thuộc linh của chúng ta đối với những điều đó; và đối với mục tiêu đó, Kinh thánh Tân ước cho chúng ta một số kiểm chứng mà chúng ta có thể áp dụng trên các ý tưởng và thúc dục của mình để xác định có phải chúng đến từ Thánh Linh hay không (ví dụ, Rô. 8:15; 2 Tim. 1:7; 1 Cô. 12:1-3; 1 Giăng 4:1-3); và một câu hỏi cũng không phải là kém quan trọng nhất: Phải chăng sự thúc giục hay ý tưởng mà tôi có đây nhất quán với nhân cách, hành vi, sự dẫn dắt, và mạng lệnh của Chúa Jêsus? Sự hướng dẫn thật bởi Thánh Linh không cất khỏi chúng ta trách nhiệm sử dụng phán xét về đạo đức và thuộc linh của mình một cách cẩn trọng để đánh giá sự hướng dẫn. Nó thường khăng khăng đòi hỏi điều đó.

Điều cuối cùng cho thời điểm này là sự hướng dẫn dành cho Phao-lô dưới hình thức một khái tượng tại Trô-ách (16:9-10). Lần này là sự hướng dẫn tích cực; không phải là sự ngăn trở hay cấm đoán, nhưng là một lời mời gọi. Trong một số khái tượng mà Phao-lô đã thấy, chẳng hạn trong một khái tượng khác được nhắc đến trong phần này (18:9-10), chính Chúa đã phán trực tiếp với Phao-lô. Nhưng không cần thiết phải luôn như vậy, trong khái tượng tại Trô-ách cũng vậy. Phao-lô đã nhìn thấy một người Ma-xê-đoan đứng trước mặt nài xin – và tư thế ủng hộ và củng cố mạnh mẽ lời nài xin: “Hãy qua...

và cứu giúp chúng tôi” (16:9). Phao-lô sẽ là một nhà truyền giáo kỳ lạ nếu vì không có sự trợ giúp của một khả tượng, ông không bao giờ cảm nhận lời nài xin thăm lạng của hàng ngàn người nam và nữ đang ngồi trong bóng tối “ở ngoài kia” trong thế giới rộng lớn này. Vì vậy, nội dung của khả tượng không quá gây ngạc nhiên; nhưng sự sinh động của khả tượng gây ấn tượng rằng hiện tại điều này có thể chính là sự hướng dẫn đặc biệt từ Đức Chúa Trời. Dù là vậy, Phao-lô đã không quyết định đó chính là sự hướng dẫn của Đức Chúa Trời ngay khi ông tỉnh dậy. Ông chia sẻ với các bạn đồng hành và “chúng ta... đã định,” như Lu-ca nói – ấy là, chúng ta đã kết luận – “rằng Đức Chúa Trời gọi chúng ta rao truyền Tin lành [cho họ]” (16:10).

Ở đây chúng ta phải rời chủ đề trong chốc lát, dù chúng ta sẽ trở lại khi chúng ta cùng nó cân nhắc bản chất của sự hướng dẫn mà Chúa đã sử dụng để đưa Phao-lô và Si-la đến nơi chốn và hoàn cảnh chính xác, là nơi họ có thể gặp và đem trở về niềm tin trong Đấng Christ một cá nhân khác mà Đức Chúa Trời đã để mắt đến, ấy là quan cai ngục cai quản nhà tù tại thành Phi-líp.

Trong khi đó, chúng ta có thể tổng kết bài học cho đến lúc này: trong những các vấn đề xảy ra trong cuộc sống hàng ngày, và đặc biệt là trong sự đồng công tuyệt vời trong công việc của Ngài mà Đức Chúa Trời đã thiết lập giữa Ngài và dân sự của Ngài, Đức Chúa Trời đã tóm tắt đầy đủ cho chúng ta các mục đích và mục tiêu tối hậu của Ngài, và cũng tương tự đặt ra những mệnh lệnh thường trực phong phú để hướng dẫn chúng ta đạt được những mục tiêu kia.

Trong vòng các thông số này Ngài huấn luyện chúng ta đến sự trưởng thành qua việc cho phép chúng ta đưa ra những quyết định chi tiết trong cuộc sống và công việc, sử dụng những hiểu biết thường thức của chúng ta, phán xét về đạo đức và về thuộc linh của chúng ta, dưới đôi mắt chăm chú của Ngài, trong ánh sáng của các mục tiêu và mệnh lệnh tối hậu của Ngài. Nếu chúng ta không bao giờ được cho phép quyết định bất cứ điều gì, nhưng luôn bị điều khiển bởi những hướng dẫn can thiệp trực tiếp liên tục, chúng ta sẽ vẫn là những con đò về tâm thần và về đạo đức. Nhưng, khi các kế hoạch và nhu cầu của Ngài đòi hỏi sự can thiệp, Ngài can thiệp một cách khoan dung

với sự hướng dẫn đặc biệt qua một hình thức này hay hình thức khác. Nhưng ngay cả sự hướng dẫn tích cực của Ngài cũng không bỏ qua hay đề nén phán xét về đạo đức và thuộc linh của chúng ta. Chúng ta không bao giờ có thể tránh thoát khỏi trách nhiệm đối với tội lỗi hay sự bất tuân đối với Lời của Đức Chúa Trời bằng cách tuyên bố rằng Thánh Linh đã hướng dẫn chúng ta làm điều đó. Ngài đòi hỏi chúng ta thử mọi điều tự cho là sự hướng dẫn của Thánh Linh bởi các nguyên tắc cơ bản: Đức Thánh Linh không hướng dẫn chúng ta làm điều gì trái với tính cách và sự dạy dỗ của Đức Chúa Jêsus.

“SỰ HƯỚNG DẪN” CỦA QUYỀN LỰC BÓNG TỐI

Cô gái nô lệ đã gặp Phao-lô và Si-la tại thành Phi-líp và theo họ từ ngày này qua ngày khác khi họ đến và đi khỏi nơi cầu nguyện là một người làm nghề bói toán. Cô tuyên bố có thể biết trước tương lai và vì thế có thể bởi thông tin và lời khuyên của cô cứu người ta khỏi tai họa họ sẽ đối diện nếu họ bước đi cách đui mù trong sự thiếu hiểu biết về những điều đang còn ở phía trước. Rất nhiều người trong thành phố rõ ràng tin vào cô và công việc của cô, bởi vì chủ của cô đã kiếm được rất nhiều tiền từ tiên đoán của cô. Phao-lô khiến cô im lặng; và kết quả là ông và Si-la rơi vào một vấn đề rất lớn. Vậy thì tại sao ông lại làm điều đó?

Trước hết, bởi vì lời tiên đoán của cô không chỉ là lời ngở ngẩn vô nghĩa như điều được viết nên bởi các nhà báo là những người tiên đoán trong hai hay ba dòng về tương lai giống hệt nhau cho hàng ngàn độc giả có cùng ngày sinh. Lời tiên đoán của cô bắt nguồn từ một con quỷ: Lu-ca nói cô bị ám bởi một tà linh chuyên bói khoa (16:16).

Dĩ nhiên, có rất nhiều kẻ hoàn toàn là lừa bịp trong vòng các thầy bói và những kẻ kinh doanh việc bói khoa vào thời cổ đại, như hiện vẫn còn có trong thế giới hiện đại của chúng ta. Nhưng Kinh thánh khẳng định rằng thế giới của các linh là có thật cũng như hàng loạt những chuyện vô lý không có thật và mê tín dị đoan này: có những thiên sứ trung thành với Đức Chúa Trời, và có những quỷ sứ đã không trung thành với Ngài. Dĩ nhiên rất nhiều người – và không ít các thần học gia – bác bỏ và xem những lời chứng của Kinh thánh,

rằng nhân loại không phải là hình thức cao nhất của sự sống trong vũ trụ mà Đức Chúa Trời đã tạo dựng như là sự mê tín dị đoan của thời nguyên thủy; nhưng thật kỳ lạ là sau đó họ lại rất sẵn sàng chấp nhận các nghiên cứu của khoa học dựa trên tiền đề nói rằng có khả năng có các thực thể có trí tuệ cao hơn chúng ta tồn tại ở đâu đó trong vũ trụ rộng rãi huyền bí, và vì vậy, đáng để thường xuyên dò xét không gian bằng các ống kính viễn vọng ra-đi-ô với hy vọng bắt được các thông điệp từ những trí tuệ cao hơn kia.

Quan điểm của Kinh thánh không phải là mê tín dị đoan cũng không phải trò chơi mua bán. Nó bao gồm lời chứng của Con người đã và vẫn là Đức Chúa Trời, Đấng Tạo hóa làm người, rằng có tà linh vốn không chỉ có thể giao tiếp với loài người nhưng trong những trường hợp quá mức cũng có thể chiếm hữu họ. Chúng ta sẽ gặp nguy đến tính mạng nếu dám bác bỏ lời chứng của Ngài.

Dù vậy, chúng ta cũng có thể hỏi tại sao Phao-lô chọn cách đưa đầu mình vào tổ ong bắp cày như vậy khi đuổi quỷ và khiến cô gái im lặng. Cuối cùng, cô gái giới thiệu về họ cách công khai: “Những người đó là đầy tớ của Đức Chúa Trời Rất Cao, rao truyền cho các người đạo cứu rỗi.” (16:17). Chẳng phải những người xem trọng lời tiên đoán của cô lại không bị gây ấn tượng bởi việc cô tiếp đón các nhà truyền giáo đầy thiện chí và sẽ sẵn sàng hơn trong việc lắng nghe Tin lành sao? Vậy thì tại sao lại làm mọi người phản kháng khi công khai từ chối sự cộng tác của cô khi cô rõ ràng đang cố gắng hòa giải và mang tinh thần đại đoàn kết đối với Cơ đốc giáo?

Bởi vì, ngay cả nếu những gì cô ta nói là thật – thì cũng có điều đáng ngờ, như chúng ta sẽ thấy bây giờ, thông linh giáo theo định nghĩa thì không tương thích với Cơ đốc giáo, và tà linh nói qua cô ta thật ra thù địch với Chúa Jêsus. Tất cả những người viết sách Tin lành đều ký thuật rằng khi Chúa của chúng ta còn ở trên đất, các tà linh nhận ra Ngài sẽ công khai la lớn lên: “Tôi biết Ngài là ai: là Đấng Thánh của Đức Chúa Trời” (Lu-ca 4:34). Đấng Christ luôn bảo chúng phải im lặng. Điều chúng nói là sự thật; nhưng lời nói đó là chúng bị ép phải nói ra vì sợ hãi khi phải mặt đối mặt với Chúa. Đó không phải là sự bày tỏ bất cứ chút ăn năn nào về phía chúng; và

chắc chắn ma quỷ không có ý định dẫn bất kỳ ai đến sự ăn năn và đặt đức tin vào Chúa Jêsus. Hơn nữa, nếu Đấng Christ đã chấp nhận lời chứng của người bị quỷ ám, trong mắt nhiều người Ngài sẽ xác thực được xem là thuộc về thông linh giáo. Đó là điều xảy ra với cô gái bị quỷ ám tại thành Phi-líp. Thậm chí nếu điều cô nói là sự thật, đối với Phao-lô, chấp nhận lời chứng của cô ta sẽ hợp thức hóa hình thức thông linh giáo của cô trong mắt công chúng. Phao-lô bị bắt buộc phải thể hiện rằng nguồn gốc lời chứng của cô gái là thuộc về tà linh, đối nghịch với Chúa về cơ bản và không hề ăn năn. Dù cho về ngoài như thế nào, thuật đồng cốt liên hệ với tà linh và sứ đồ Phao-lô thực chất không “cùng một công tác, thật vậy”; tà linh bên trong cô vốn là một thành viên của thể lực bóng tối.

Hơn thế nữa, thật ra, có sự nghi ngờ nghiêm trọng rằng phải chăng lời giới thiệu mang về ngoài mà cô nói có vẻ là sự thật như nó có thể xuất hiện vào lần đầu tiên. (footnote số10) Như được sử dụng giữa vòng người Do thái, thuật ngữ “Đức Chúa Trời Rất cao” rõ ràng nói đến Đức Chúa Trời Chân thật duy nhất. Nhưng khi sử dụng bởi dân ngoại, như nó vẫn thường sử dụng, nó nói đến đức chúa trời cụ thể mà người dân địa phương xem là thần linh vĩ đại nhất trong số nhiều vị thần linh khác. Đó thật sự là tất cả mọi khả năng người dân thành Phi-líp hiểu về nó, vì thế sẽ phủ nhận sự thật vốn là cơ bản của tất cả mọi điều mà Phao-lô đã đến để công bố. Hơn nữa, cụm từ cuối trong lời giới thiệu của cô tứ gái có thể không có ý định nói rằng “những người ... rao truyền cho các ngươi [con đường chắc chắn dẫn đến sự] cứu rỗi,” nhưng là “những người... rao truyền cho các ngươi một con đường cứu rỗi.” Có nghĩa là, cô gái có thể không giới thiệu tin lành là con đường duy nhất, nhưng chỉ đơn thuần một trong nhiều con đường, theo kết luận của riêng cô. Cũng không chắc qua từ “cứu rỗi,” cô ngụ ý đúng với điều mà Tin lành ngụ ý qua từ này. Bản thân cô, qua sự tiên đoán của mình cũng đem đến cho người ta sự cứu rỗi; nhưng cô có thể ngụ ý rằng bởi có thể nhìn thấy tương lai cô có thể nói cho mọi người về những tai họa ở phía trước và khuyên họ nên làm gì để tránh khỏi chúng.

Vậy nên, vì tất cả các lý do đó, Phao-lô đã đuổi ma quỷ ra và thể

hiện thái độ thù nghịch không thỏa hiệp của Tin lành đối với thông linh giáo. Nhưng còn có một lý do khác: ông làm điều đó vì lòng thương xót đối với cô gái. Chỉ cần nhắc sự biến dạng khủng khiếp về nhân cách mà thông linh giáo đã làm. Như việc đuổi quỷ cuối cùng đã chỉ ra, cô đã bị xâm phạm và chiếm hữu bởi một quyền lực xa lạ. Cô không còn hoàn toàn tự do và tự chủ. Khi ở trong sự điên cuồng tiên đoán ma quỷ đã nói lời tiên đoán của nó qua cô, tiếng nói thoát ra khỏi miệng cô sẽ không phải là giọng nói của cô, nhưng một giọng nói lạ lẫm. (Đó là lý do tại sao sau này những người bị quỷ ám thường được nói đến như là “nói như ma nhập” theo ý nghĩa cổ xưa của từ đó: “người nói bởi một tà linh trong bụng”). Điều này đã được tiếp nhận bởi những người ngoại giáo địa phương như là chứng cứ rằng lời tiên đoán của cô không đến từ cô nhưng từ một nguồn siêu nhiên, và họ sẽ vui lòng trả nhiều tiền hơn nữa cho chủ của cô là người bóc lột tình trạng của cô. Nhưng bất kỳ ai được thẩm nhuận bởi Thánh Linh của Chúa Jêsus thì sự xâm lược lạ lẫm đó sẽ giống như sự trái ngược hoàn toàn của sự tự chủ cao quý, tự do cá nhân, và biến đổi tính cách mà Thánh Linh thực hiện trong những người Ngài chiếm ngự. Điều đó kích động lòng thương cảm sâu sắc dành cho nạn nhân và không điều gì ngoài sự kính sợ và giận dữ đối với công việc độc ác của tà linh. “Nhân danh Chúa Jêsus Christ” – những từ này không phải là một công thức trống rỗng: “danh” diễn đạt tất cả lòng thương xót cũng như thẩm quyền của Chúa Jêsus – Phao-lô ra lệnh cho tà linh ra khỏi cô gái (16:18); và hành động như vậy thể hiện sự quan tâm của Đức Chúa Trời đối với tính chất thiêng liêng không thể xâm phạm của cá tính loài người.

“THẦN ĐƯƠNG HÀNH ĐỘNG TRONG CON BẠN NGHỊCH”

Sự ghê tởm của trường hợp cực đoan về bói khoa liên quan đến tà linh không nên che khuất thực tế rằng ngày hôm đó có những người khác tại thành Phi-líp ít có hy vọng và ít có cảm xúc mạnh mẽ, nhưng không ít chịu ảnh hưởng thực sự của điều mà Chúa chúng ta trong một dịp tiện đã mô tả như là “quyền của sự tối tăm” (Lu. 22:53). Mô tả của Phao-lô về những ảnh hưởng và áp lực quyết định về ngoài và hành vi của những người nam và nữ chưa được tái sinh sử dụng thuật

ngữ tương tự: “Còn anh em đã chết vì lầm lỗi và tội ác mình, đều là những sự anh em xưa đã học đòi, theo thói quen đòi này, vâng phục vua cầm quyền chôn không trung, tức là thần hiện đương hành động trong con bạn nghịch.” (Êph. 2:1-2). Hay một lần nữa: “Cho những kẻ mà chúa đòi này đã làm mù lòng họ, hầu cho họ không trông thấy sự vinh hiển chói lói của Tin lành Đấng Christ, là ảnh tượng của Đức Chúa Trời” (2 Cô. 4:4). Dầu cho lời chẩn đoán nghe có vẻ cùng cực, Tân ước nghiêm nghị khẳng định rằng chính Sa-tan thao túng áp lực của dư luận, các nhóm thu lợi ích, các định kiến về văn hóa và chủng tộc (không nói đến tội lỗi của từng cá nhân), để làm cho tình huống xuất hiện trông hợp lý không thể nghi ngờ nhằm từ khước Tin lành của Đức Chúa Trời và phủ nhận các sứ giả của Ngài. Nó đã làm điều đó rất rõ ràng tại thành Phi-líp.

Đây là một phụ nữ trẻ hết lần này đến lần khác bị mất quyền tự chủ, lâm vào cơn điên cuồng, và nói bằng một giọng lạ lẫm không tự nhiên của một người lạ, tà linh đã chiếm đoạt và chi phối cá tính của cô. Phao-lô đặt dấu chấm hết trên sự la hét và gào thét của cô, phá vỡ quyền lực của ma quỷ, và phục hồi lại cho cô quyền tự chủ, tâm trí quân bình, tâm thần tự do, và sự minh mẫn. Ai lại không hoan nghênh Tin lành và quyền năng của Chúa Jêsus nếu đó chính là hiệu quả của Tin lành?

Nhưng rồi những người kinh doanh là chủ của cô gái xuất hiện; ngay lập tức họ nhận thấy nguồn thu nhập của họ đã không còn. Không có gì sai khi dùng tiền để ra tiền. Nhưng hẳn tâm khai thác cơn điên loạn của một phụ nữ trẻ quẫn trí để kiếm tiền là độc ác không tả xiết. Rồi phản đối việc cô ấy trở lại tỉnh táo bởi vì điều ấy khiến họ đánh mất nguồn thu nhập, và dấy lên sự thù địch và đàn áp công khai chống lại Tin lành dựa trên cơ sở đó, là độc ác vô nhân đạo. Nhưng Ma-môn luôn là thần linh tàn bạo vô nhân tính.

Những doanh nhân này kéo Phao-lô và Si-la đến trước tòa, dĩ nhiên họ biết rằng công khai cáo buộc hai người làm mất nguồn thu nhập của họ là phải lẽ nhất. Lệ phí những người này phải trả cho những tham vấn như vậy rất đắt đỏ, và cả các thượng quan và đám đông đều không dễ dàng phần nộ vì việc họ bị mất thu nhập. Bên

cạnh đó, những người kinh doanh này có một vấn đề về uy tín. Trong nhiều ngày cho đến lúc kết thúc, cô thầy bói của họ trấn an đám đông rằng Phao-lô và Si-la là tội tớ của Đức Chúa Trời Rất cao. Bây giờ họ có thể khó làm cho đám đông tập trung vào những điều những đầy tớ này của Đức Chúa Trời đã làm cho cô thầy bói của họ. Họ đủ sắc sảo để chọn cách sử dụng những định kiến về văn hóa và chủng tộc của người La-mã đối với người Do thái để đẩy lên những ước vọng đui mù trên đồng bào của họ chống lại Tin lành và những nhà truyền giáo. Bản thân những khác nhau về văn hóa và khác biệt về chủng tộc chính là những điều đẹp đẽ. Ai lại có thể ước ao một thế giới hoàn toàn được bao phủ bởi một nền văn hóa đơn điệu và không hề có khác biệt? Nhưng khi định kiến về văn hóa làm mù mắt người ta đối với Tin lành, nó không còn là một vấn đề vô hại nữa; và khi khác biệt chủng tộc được sử dụng để kích động chủ nghĩa phân biệt chủng tộc và áp bức thì chúng hiển nhiên thuộc về ma quỷ, như những người thuộc về thế kỷ hai mươi chúng ta có lý do để biết.

Đúng như mong đợi, đám đông bị kích động bạo động. Nhưng Phi-líp là một thành thuộc địa của La-mã; các thượng quan của thành được đặt ở đó nhằm bảo đảm luật pháp và công lý và quyền cá nhân của người La-mã được duy trì; luật lệ này nghiêm ngặt chống lại việc đánh đòn một công dân La-mã mà chưa xét xử; và Phao-lô là một công dân La-mã, thêm nữa lại là người không làm gì trái với luật pháp ấy. Nhưng các thượng quan bị vướng trong tay mình một đám đông giận dữ, và việc đứng về phía người Do thái vốn có các hoạt động tôn giáo làm những doanh nhân La-mã hàng đầu trong thành phố phiền muộn có lẽ là điều vượt quá sức các thượng quan có khả năng hay có mong muốn cố gắng thực hiện. Không hề cho họ có cơ hội để lên tiếng rằng họ là công dân La-mã, các thượng quan cho đánh đòn Phao-lô và Si-la và ném họ vào ngục.

Ai đó sẽ nói rằng, dù hành vi này là đáng tiếc và bất hợp pháp, trong nhiều trường hợp nó chỉ là điều tự nhiên. Theo một ý nghĩa điều đó đúng: nhưng đó là tự nhiên chỉ khi một bản chất của con người bị tha hóa bởi tội lỗi, và bị thao túng bởi ác tâm đến từ ma quỷ. Nhà ngục mà họ ném các sứ giả của Đấng Christ vào là một bức ảnh trong

gương phản chiếu sự thống trị của sự tối tăm nơi mà họ bị cầm giữ, làm cho mù lòa đối với ánh sáng của Tin lành. Nếu từng có bất kỳ ai trong số họ được giải cứu khỏi quyền lực của bóng tối, thì ấy là do Đức Chúa Trời bằng cách nào đó đã phải xâm nhập nhà ngục tâm linh của họ. Hành động tiếp theo của Ngài là đưa hai đầy tớ của mình vào nhà ngục tại thành Phi-líp.

ĐẮC THẮNG QUYỀN LỰC CỦA SỰ TỐI TẮM

Bản án công chúng kết án chống lại Phao-lô và Si-la và Tin lành là sai, bản án thì bất công, còn hình phạt thì độc ác. Đức Chúa Trời vì điều đó đã để họ được minh oan, và bản án được đảo ngược bởi chính các thượng quan đã từng kết án họ, thậm chí phải cần có một trận động đất để thực hiện việc đó.

Nhưng sự việc còn hơn vậy nữa. Sự vụ khổng Tin lành của đám đông là hậu quả của việc Phao-lô tấn công thông linh giáo (thế giới của ma quỷ). Thỏa hiệp với thông linh giáo sẽ cho phép họ tự do rao giảng. Như đã xảy ra, bây giờ họ bị giam vào ngục và danh của Chúa Jêsus bị mất uy tín cách công khai. Quyền lực của bóng tối đã đắc thắng? Hơn nữa, nếu chúng ta đi theo nhấn mạnh rằng Chuyển động 1 nằm trong sự hướng dẫn của Đức Chúa Trời trên các đầy tớ của Ngài, thì câu hỏi hiển nhiên dấy lên là, “Hướng dẫn của Đức Chúa Trời cho họ bây giờ là gì?” Đó là một câu hỏi có khả năng dấy lên trong tâm trí của những người ngoại giáo. Cho đến ngày nay tại phương Đông người ta có khuynh hướng khoe khoang về quyền lực cao hơn của các vị thần mà họ thờ phượng, và về những bữa tiệc gây sùng sốt khi các thần linh có thể trình diễn qua thân thể của những người mộ đạo sùng sốt thuộc về chúng; và họ sẽ chế nhạo Cơ đốc nhân vì không thể trình diễn điều gì giống như vậy.

Vẫn còn một câu hỏi lớn hơn. Toàn sách Công vụ nói chung, và cụ thể tại chuyển động hiện tại đang bày tỏ những nhà truyền giáo Cơ đốc như là những phái viên và đại sứ của Đấng Tạo hóa Toàn năng, được sai phái bởi chính Đức Chúa Trời để phân tán những tuyên bố rằng Chúa Jêsus là Con của Đức Chúa Trời trên khắp đất, và được hướng dẫn trong chức vụ bởi Thánh Linh của chính Đức Chúa Trời. Khi chúng ta nhìn thấy phái đoàn nhỏ bé của Phao-lô lên đường, một

mỗi lê bước qua khắp Châu Á, đến Châu Âu và cạnh tranh với một ngàn lẻ một thầy giảng lang thang, các triết gia đường phố, thầy phù thủy, những người kinh doanh phép lạ khác, chúng ta có thể được tha thứ vì suy nghĩ rằng lời công bố của họ khi trình bày Đấng Chủ tể uy nghiêm, toàn năng của vũ trụ trông hơi đáng thương. Nhưng chúng ta sẽ nói gì khi nhìn thấy họ bị công khai kết án, đánh đòn, và bị ném vào ngục trong sự bất lực bởi mưu đồ của một vài doanh nhân gian xảo và sự phân biệt chủng tộc của đám đông trên đường phố? Đức Chúa Trời và sự hướng dẫn của Ngài đang ở đâu? Đối với tâm trí của người ngoại giáo, mục đích tổng thể của việc hướng dẫn tâm linh là để tránh khó khăn chứ không phải để đắm đuối vào nó.

Nhưng rồi có một trận động đất xảy ra, để chứng minh cho tuyên bố của họ rằng Đức Chúa Trời mà họ rao giảng là Đức Chúa Trời của vạn vật. Quả đúng như vậy. Không hề có lý do vững chắc nào để khước từ tính lịch sử của phép lạ này, trừ khi một người làm thế nào đó biết trước rằng các phép lạ không thể xảy ra, và vì thế câu chuyện về phép lạ này là giả dối.

Nhưng chúng ta sẽ không phát biểu về các căn cứ văn học này nhanh chóng hơn các nhà phê bình phải được nghe câu chuyện bị tấn công dựa trên những căn cứ khác. Họ nói rằng câu chuyện bị giam vào ngục, động đất, và trốn thoát là một trong những màn ghi điểm của những câu chuyện chạy trốn hiện hành trong văn học của thế giới cổ đại. Ví dụ, trong vở kịch nổi tiếng của Euripides, *The Bacchae*, khi vị thần Dionysus viếng thăm Thebes dưới hình dạng một chàng trai trẻ, Vua Pentheu tống giam chàng ta; nhưng một trận động đất làm rung động nhà ngục và Dionysus trốn thoát. Họ duy trì lập luận rằng Lu-ca đã lấy câu chuyện trốn-thoát-khỏi-nhà-ngục của ông từ một bối cảnh văn chương nào đó, và đưa nó vào trong câu chuyện về kinh nghiệm của Phao-lô và Si-la tại thành Phi-líp của ông để làm tăng hiệu quả kịch tính. (f13) Vậy thì bây giờ chúng ta sẽ nói gì?

Điều đầu tiên để nói là điều Giáo sư R. N. Longenecker đã quan sát cách sắc bén: Câu chuyện của Lu-ca không phải là một câu chuyện về việc trốn thoát! (f14) Không có ai trốn thoát, cả Phao-lô và Si-la cũng như những tù nhân khác. Họ có thể trốn, nhưng họ

chọn lựa không làm như vậy: “Chớ làm hại mình!” Phao-lô kêu lớn tiếng giữa bóng tối với quan cai ngục vốn đang định tự sát vì tưởng rằng các tù nhân mà ông chịu trách nhiệm đã trốn thoát; “Chớ làm hại mình! Chúng ta đều còn cả đây!” (16:27-28) Ngay lúc đó, quan cai ngục kêu lấy đèn, lao vào và gieo mình nơi chân Phao-lô và Si-la; sau đó đem họ ra và hỏi, “Các chúa ơi, tôi phải làm chi cho được cứu?” (16:30). Họ trả lời, “Hãy tin Đức Chúa Jêsus thì người và cả nhà người đều sẽ được cứu rồi” (16:31). Chuyện đã xảy ra như vậy, như phần ký thuật cho hay.

Vậy thì đây là trọng tâm và tâm điểm của câu chuyện: sự cứu rỗi dành cho quan cai ngục thành Phi-líp và cả nhà ông, và cụ thể là những bước đặc biệt Đức Chúa Trời đã tiến hành để đến với ông, cứu ông và những người thuộc về ông. Bây giờ chúng ta thấy, có ba cá nhân được Đức Chúa Trời nghĩ đến khi Ngài hướng dẫn Phao-lô và Si-la qua sự hướng dẫn đặc biệt đến thành Phi-líp: Ly-đi, cô gái bị quỷ ám làm nghề bói khoa, và quan cai ngục. Trong ba người này, người dễ dàng tiếp xúc nhất là Ly-đi, vì bà vốn đã là một người tìm kiếm Đức Chúa Trời, và có mặt tại nhà cầu nguyện khi họ đến đó. Cô gái bị quỷ ám làm nghề bói khoa: trường hợp của cô liên quan đến việc va chạm đối đầu với các thế lực hiểm độc của thế giới tà linh; và kết quả là thần linh của thế giới này chiến đấu đối đầu thông qua tay sai của hắn, giam Phao-lô và Si-la vào ngục. Nhưng điều tưởng là chiến bại, bây giờ lại trở nên chiến lược của Đức Chúa Trời để tìm cách giải cứu quan cai ngục. Chúng ta gần như không biết gì về quá khứ của ông. Có lẽ ông là một cựu chiến binh, được đặt cai quản nhà ngục của thuộc địa sau khi rời quân ngũ về hưu. Có phải chăng cho đến thời điểm này ông đã tìm kiếm Đức Chúa Trời suốt cuộc đời của mình, chúng ta không được biết. Ông có thể là một trong những người sau này Phao-lô trích dẫn lời của Đức Chúa Trời: “Những kẻ chẳng tìm kiếm ta thì đã gặp thấy ta, Ta đã tỏ mình ra cho kẻ chẳng hỏi han ta.” (Rô. 10:20). Ông cũng có thể đã nghe công bố của cô gái bói khoa về Phao-lô và Si-la, có thể đã nghe về việc đuổi quỷ; có thể cũng có mặt khi họ bị đánh đòn. Nhưng đối với tất cả mọi điều chúng ta được cho biết, lần đầu tiên ông gặp Phao-lô và Si-la có thể là khi họ vừa mới bị đánh đòn xong, người ta trao họ cho ông với

những mệnh lệnh đặc biệt không được phép trốn thoát dưới bất kỳ tình huống nào, và đặt họ vào tầng giam được giám sát gắt gao nhất trong nhà ngục của ông.

Rõ ràng không có cách nào tốt hơn để đảm bảo quan cai ngục được nghe Tin lành hơn là đưa các nhà truyền giáo vào ngay trong tù của ông, ở dưới sự quản lý của ông. Không có cách nào tốt hơn để đảm bảo rằng ông nhận ra nhu cầu cần Tin lành hơn là cho phép một trận động đất vốn ngay lập tức khiến một người ngoại giáo đơn sơ cảm giác được sự bất an của mình trong cuộc sống này và nhu cầu cần phải làm hòa với các vị thần hay Đức Chúa Trời của trái đất này. Cũng không có cách nào tốt hơn để chứng thực trong tâm trí lẽ thật của Tinh lành khi ông nghe về nó hơn là đem ông đối mặt với những con người phi thường rao giảng Tin lành đó. Ông đã tiếp nhận họ, vốn đang bị thương và đổ máu, và giam giữ họ trong một tư thế khiến họ đau đớn suốt đêm dài. Dầu vậy khi những người này bởi trận động đất được cởi bỏ khỏi xiềng xích lại không cố chạy trốn, nhưng cứu mạng ông khi tự nguyện ở lại trong tù. Đối với quan cai ngục, sự chân thành của Tin lành của họ và của Đức Chúa Trời mà họ phục vụ không cần sự xác thực nào mạnh mẽ hơn điều này: ông tin nhận Chúa Jêsus và được cứu.

Nhưng nếu giả sử những điều này là chiến thuật của Đức Chúa Trời để đem quan cai ngục đến trong đức tin, thì chúng ta không cần phải hỏi chúng có đáng tin cậy không sao? Đức Chúa Trời Toàn năng có thể bằng một cái búng tay thực hiện một phép lạ trước đám đông và các thượng quan, làm cho họ quỳ lạy trước Phao-lô và Si-la thay vì đánh đập họ và quăng họ vào ngục. Có hiệu quả không nếu thay vì Ngài chủ động đưa các sứ giả của Ngài vào sự xấu hổ, bị lạm dụng, đối diện bất công, bạo lực, và đau đớn như vậy chỉ đơn giản để đem một quan cai ngục đến trong niềm tin? Rằng Ngài sẽ cho phép họ chịu thương tổn thật nhiều chỉ vì một người và gia đình của ông?

Đặt câu hỏi này thì không tránh khỏi phải đặt một câu hỏi khác lớn hơn, về trọng tâm của Tin lành và độ đáng tin cậy của nó. Nó tuyên bố rằng Đấng Tạo hóa Toàn năng của hai trăm năm mươi tỷ mặt trời của thiên hà Andromeda, và của tất cả các ngân hà khác, bởi

mục đích Ngài đã định và biết trước đã giao phó Con nhập thể của Ngài vào tay con người tội lỗi để chịu thương khó và phán xử bất công, thể xác bị đánh đập tàn bạo, và cuối cùng chịu đựng sự đau đớn của nhục hình đóng đinh, và tất cả mọi điều này là vì một hành tinh nhỏ bé – thật ra Ngài thực hiện điều này cho cá nhân quan cai ngục tại thành Phi-líp, và như chúng ta, đầu là tất cả hay chỉ một người đều có thể nói, Ngài thực hiện điều đó cho chính tôi. Đây chắc chắn là điều khó nhất để tin trong toàn bộ Tin lành.

Đầu vậy toàn bộ Tin lành đều đáng tin. Bởi vì vấn đề nguy ngập giữa Đức Chúa Trời và quyền lực của bóng tối chưa bao giờ lâm vào hoàn cảnh “Ai có quyền lực tối thượng” hay “Ai có thể thực hiện những phép lạ gây ấn tượng nhất?” Câu trả lời cho những câu hỏi đó hiển nhiên vẫn luôn là Đấng Toàn năng. Tất cả nhân loại đều thích thú trước năng quyền, và giả sử quyền lực tuyệt đối là thẩm phán chung thẩm trong vũ trụ. Nhưng sự việc không phải vậy. Vấn đề nguy cấp đã luôn là – ít nhất từ vườn Ê-đen – tính hợp lệ hay bất hợp lệ trong lời vu cáo của Sa-tan, vốn tạo ra nghi ngờ không phải về quyền năng của Đức Chúa Trời, mà về tình yêu của Ngài. Lời vu cáo đó đã thâm nhập và đầu độc nhân loại kể từ đó. Nó vẫn là trụ cột của quyền lực của bóng tối trên tâm trí của con người. Theo định nghĩa nó không thể được giải quyết bằng bất kỳ triển lãm quyền lực lạ lùng nào, dù có kỳ diệu thế nào. Bản thân quyền năng có thể khiến cho mọi người quỳ lạy trong sợ hãi, hay há hốc ngạc nhiên vì sức mạnh của Đấng Toàn năng; nhưng bản thân quyền năng không bao giờ có thể cải biến tâm lòng con người khỏi nghi ngờ, bất tuân, độc lập kiêu ngạo và sợ hãi để mà yêu thương tin cậy, biết ơn, và vâng phục Đức Chúa Trời. Chỉ có Đấng Yêu thương Toàn năng mới có thể làm được điều đó. Gô-gô-tha là nơi tình yêu đó mãi mãi được bày tỏ vượt trên mọi câu hỏi.

Rồi đến trận động đất sau khi Đấng Christ chịu thương khó trên thập tự giá, và cùng với sự phục sinh quyền năng minh chứng rằng Đấng chịu thương khó vốn thật là Đức Chúa Trời nhập thể. Nhưng chính sự thương khó của Đấng Christ kết nối tâm lòng của chúng ta với Đức Chúa Trời. Lu-ca tuyên bố rằng một trận động đất được cho

phép xảy ra tại Phi-líp giải phóng những nhà truyền giáo tự do để họ thể hiện hiệu quả hơn và đưa lẽ thật của Tin lành vào tâm lòng của quan cai ngục và gia đình của ông. Chắc chắn đây là một câu chuyện vĩ đại. Nhưng nếu sứ điệp trung tâm của Tin lành là thật, thì một trận động đất được cho phép xảy ra chỉ là một việc vô cùng nhỏ nhặt.

Một câu hỏi còn lại: Đức Chúa Trời có quyền gì mà đưa Phao-lô và Si-la vào sự khốn khổ đường ấy, dù cho đó là vì mục đích giải cứu quan cai ngục? Dù Phao-lô và Si-la không than phiền. Câu chuyện cho biết vào nửa đêm, Phao-lô và Si-la, bị đánh đập và bị thương, chân bị cùm, đang cầu nguyện và hát ngợi khen Chúa (16:25). Điều đó đáng tin cậy đến mực nào? Hãy để chính Phao-lô trả lời. Vài năm sau, lại bị giam trong ngục, ông đã có cơ hội viết một bức thư cho vài tín hữu ở Cô-lô-se. Ông nhắc họ nghĩa vụ vui mừng tạ ơn Đức Chúa Cha, “Ngài đã giải thoát chúng ta khỏi quyền của sự tối tăm, làm cho chúng ta dời qua nước của Con rất yêu dấu Ngài, trong Con đó chúng ta có sự cứu chuộc, là sự tha tội.” (Côl. 1: 13-14). Một hoặc hai đoạn sau, ông viết: “Nay tôi lấy làm vui về sự tôi đã chịu khổ sở vì anh em, tôi lại vì thân thể Đấng Christ, là Hội thánh, mà đem xác thịt mình chịu hết các điều còn lại trong sự thương khó của Ngài.” (Côl. 1:24). Nếu quan cai ngục tại thành Phi-líp có được một bản sao bức thư này và đọc những lời này, ông sẽ nhớ lại sự việc xảy ra vào buổi tối không thể quên đó khi ông đem Phao-lô và Si-la ra, rửa vết thương cho họ, và đem họ vào nhà ông, và cả gia đình “đều mừng rỡ vì đã tin Đức Chúa Trời.” (16:33-34).

Đây là Đức Chúa Trời Chân thật. Đây là Tin lành của Ngài. Đây là nhưng người đại diện cho lòng thành tín và chân thật của Ngài.

KẾT QUẢ

Với sự trở lại đạo của quan cai ngục và gia đình của ông, các mục tiêu ngắn hạn của Đức Chúa Trời trong chuyến viếng thăm thành Phi-líp của Phao-lô đã hoàn tất; và ngày hôm sau khi các thượng quan yêu cầu Phao-lô và Si-la rời khỏi thành, họ đã rời đi.

Đúng vậy, họ đã không yên lặng lên đi bằng cửa sau như đề nghị ban đầu của các thượng quan. Các thượng quan đã vi phạm luật pháp

khi cho đánh đòn và bắt giam Phao-lô và Si-la mà không xét xử. Đó là một hành vi vi phạm nghiêm trọng khi đối xử với công dân La-mã theo cách đó; và nếu Phao-lô và Si-la thu thập tài liệu và có ý định truy tố họ lên tòa án cao hơn, thì họ sẽ gặp rắc rối.

Nhưng Phao-lô và Si-la không thu thập tài liệu, và họ sẽ không làm như vậy nếu có tài liệu. Điều này có mục đích gì? Họ không định trả thù; và nếu họ có ý định, điều đó chỉ đơn giản gây cho người La-mã tại thành Phi-líp đối kháng chống lại Tin lành nhiều hơn và vì thế chống lại sự cứu rỗi của chính họ; nó càng làm cho định kiến của họ đối với cả người Do thái và Cơ đốc nhân càng mạnh mẽ hơn.

Họ cũng không cố bám trụ và đòi hỏi được ở lại trong thành. Điều đó chỉ làm cho sự chống đối lại nổ ra lần nữa. Những người mới cải đạo có thể (cùng với Ti-mô-thê) được để tự đứng trên chân mình và yên lặng nhưng mạnh mẽ truyền giáo cho đồng bào của họ - như chúng ta biết từ thư của Phao-lô gửi cho họ, họ đã tạo nên hiệu quả tốt.

Vì vậy, chiến thuật tốt hơn là để cho Phao-lô và những người còn lại trong đoàn của ông rời khỏi; dầu ông khiến các thượng quan đến và tự mình hộ tống ông và đoàn của ông ra khỏi tù. Đây cũng là một chiến lược được lên kế hoạch. Hành vi vi phạm trong cư xử của họ đã để lại dấu ấn trong tâm trí họ; nó buộc họ thừa nhận vi phạm đó với Phao-lô và những người đồng hành với ông; và việc nhân viên của các thượng quan (16: 35-40) cũng như các Cơ đốc nhân trở lại đạo biết về điều đó, sẽ không nghi ngờ gì ngăn trở các thượng quan không quấy rầy các Cơ đốc nhân hơn nữa, ít nhất là vào thời gian đó. Phao-lô đã chuẩn bị chịu đựng sự bất công mà không báo thù vì cơ sự cứu rỗi của người khác. Nhưng ông sẽ làm hết sức mình để cứu những người ông đem trở lại đạo khỏi sự bắt bớ không cần thiết.

PHẦN NĂM: CHUYỂN ĐỘNG 2

Đấng Mê-si-a của Đức Chúa Trời với Chính trị, Tôn giáo và Triết học của Dân ngoại (17:1-31)

Chuyển động hai trong Phần Năm của sách Công vụ thuận với chuyên viếng thăm của Phao-lô đến Tê-sa-lô-ni-ca, Bê-rê, và A-then. Lu-ca đã gom những phần này lại với nhau bởi vì chúng xảy ra liên tiếp; nhưng cũng vì chúng có cùng một chủ đề chung: câu trả lời của Đức Chúa Trời đối với vấn đề đã ngoạm nuốt nhân loại từ vườn Ê-đen – vấn đề của sự gian ác. Vật lộn với vấn đề này vẫn tiêu tốn một lượng lớn năng lượng, kỹ năng, và tài nguyên của loài người. Thành công chân chính đã đạt được trong vài phần và ở một mức độ nào đó; nhưng không ở đâu hoàn toàn, và hiếm khi bền vững. Sự gian ác, dù ở tại nơi công cộng hay nơi ở riêng tư, hợp tác hay cá nhân, đã chứng minh nó là một con rồng: chặt xuống một cái đầu, cái đầu khác lại mọc ra. Các thể chế và tổ chức tồn tại cho mục đích ngăn chặn tội ác thì chính bản thân chúng cũng không hoàn thiện; và thỉnh thoảng chúng trở nên đối tượng của căn bệnh thay vì phương pháp chữa lành căn bệnh đó. Các học thuyết và phương án vĩ đại cấp vũ trụ, giống như của Plato trong thế giới cổ đại hay của Mác trong thời hiện đại, đều bị hoài nghi cách công minh: khi những người biện hộ của chúng vào vị trí đề cử cố chúng, tất cả những sự không tương được hứa hẹn đều hóa ra những cơn ác mộng của bất công, cái giá để phân tích chúng là hàng triệu mạng sống. Thật ra bản thân Kinh thánh dường như cảnh báo chúng ta rằng hòa bình thế giới có thể đạt đến được, nhưng với một cái giá không thể chấp nhận được của một sự nô lệ về tâm linh huyền ảo nhưng gớm ghiếc. (f15) Vậy chúng ta phải kết luận rằng tội ác, như nó vẫn luôn vậy, là một con bệnh dịch rộng khắp thế giới không thể tiêu diệt được, có thể khống chế nhiều hay ít, luôn luôn phải chịu thống khổ, ít nhất là không bao giờ bị loại bỏ khỏi trái đất của chúng ta?

Không phải vậy! Đức Chúa Trời có câu trả lời: thành lập vương quốc của Đấng Mê-si-a Chúa chúng ta trên toàn thế giới. Lu-ca đã từ lâu mô tả chi tiết chương trình thành lập vương quốc đó (đặc biệt xem tại Phần Một), và ông không cần phải lặp lại tất cả các chi tiết đó tại đây. Điều mà ông tường thuật bây giờ là một số trình bày sai lệch và hiểu lầm trở lên trong tâm trí của những người ngoại bang ngoại giáo đối với sự giảng dạy của Cơ đốc nhân về vương quốc của Đấng Mê-si-a. Tại Tê-sa-lô-ni-ca chính quyền dân sự được thông báo (chẳng may là bởi người Do thái) rằng Tin lành Cơ đốc thật ra là một chương trình có mục đích lật đổ nhà nước La-mã. Mặt khác, tại A-then, vào lần đầu họ nghe Phao-lô nói, một số người có ấn tượng rằng tất cả mọi điều ông đang làm là tuyên truyền về hai vị thần linh ngoại quốc mới mẻ và có vẻ kỳ quái được thêm vào bộ sưu tập vô số tôn giáo, thần linh, triết lý và học thuyết mà người A-then, với cách tiếp cận cuộc sống rất hàn lâm, đã sáng tạo ra để giải thích vũ trụ và giúp đỡ nhân loại thích ứng với vấn đề tội ác. Lu-ca dành hoàn toàn Chuyển động 2 để trừu tượng hóa là loại bỏ việc trình bày sai lệch và sau đó là việc hiểu lầm này.

Trong nửa đầu của chuyển động (17:1-15) trình bày sai lệch trở lên từ phản ứng của một số người Do thái tại Tê-sa-lô-ni-ca đối với trình bày của Phao-lô về sự trông cậy của Cơ đốc nhân. Trao đổi với người Do thái trong nhà hội, Phao-lô sử dụng thuật ngữ “Mê-si-a” một cách tự nhiên vì nó là một phần trong vốn từ vựng tôn giáo nổi tiếng của người Do thái, tuy nhiên các nhóm khác nhau trong vòng Do thái giáo có thể bất đồng ý kiến nhiều về giải thích của họ về thuật ngữ này. Vì lý do tương tự ông có thể trung dẫn đến Cựu ước, và trung dẫn một cách mạnh mẽ và bao quát, đề tỏ ra những điều Cơ đốc giáo hiểu về chương trình của Đức Chúa Trời trong việc giới thiệu về vương quốc của Đấng Mê-si-a Chúa chúng ta.

Trong nửa thứ hai của chuyển động (17:16-34) ông trình bày chi tiết niềm trông cậy Cơ đốc cho người A-then. Dĩ nhiên, ấy là cùng một niềm hy vọng; nhưng bây giờ ông phải giải thích nó cho người ngoại giáo vốn suốt đời chưa bao giờ đọc Cựu ước, và sẽ không quen với các thuật ngữ chuyên dùng của nó. Vì vậy, ông không nói

về Chúa Jê-sus như là Đấng Mê-si-a, hay về sự thiết lập vương quốc Đấng Mê-si-a của Ngài. Thay vào đó ông chọn một thuật ngữ Cựu ước khác mà dân ngoại giáo có thể dễ nhận ra hơn, và ông công bố Chúa Jê-sus như là “[Đấng] Đức Chúa Trời đã chỉ định... lấy sự công bình đoán xét thế gian” (17:31).

Điều này nhạy cảm về phía của Phao-lô. Nó cũng nhạy cảm về phía của chúng ta là dân ngoại hiện đại, là những người chỉ có một bản tóm tắt ngắn gọn bài giảng tại Areopagus của Phao-lô, nhớ rằng Phao-lô vẫn là người Do thái và nhận ra rằng cụm từ ông sử dụng, “lấy sự công bình đoán xét thế gian,” được trích từ Cựu ước. Đối với chúng ta từ “đ đoán xét” có khuynh hướng được hạn chế ở những hoạt động hạn hẹp của một vị thẩm phán ở tòa án, hay của một trọng tài của một cuộc thi. Vì thế khi người ta đọc rằng Đấng Christ đã được chỉ định làm thẩm phán của thế gian trong công bình, suy nghĩ của họ có khuynh hướng ngay lập tức nghĩ đến phán xét chung cuộc, như tâm trí của một người phổ thông hình dung về nó, khi tiếng còi cuối cùng sẽ được thổi lên trên các hoạt động của trái đất, trò chơi sẽ kết thúc, tất cả cầu thủ phải rời khỏi sân đấu (không chỉ những người bị đuổi ra khỏi sân vì hành vi xấu, hay tạo cơ hội cho những người thay thế), và rồi giải thưởng sẽ được trao cho những người nam và nữ trong trận thi đấu, hình phạt và cấm túc đưa ra phạt những người cư xử không đúng đắn trong trận thi đấu mà bây giờ đã dừng mãi mãi.

Nhưng giải thích cụm từ “lấy sự công bình đoán xét thế gian” như vậy cũng sẽ quá hạn chế. Để công bằng với ý nghĩa vốn được ngụ ý, chúng ta sẽ cần xem xét bối cảnh trong cách nó được sử dụng trong Cựu ước.

Ví dụ, trong những ngày đầu của Y-sơ-ra-ên, các thẩm phán là những người nam không chỉ phán xét đồng bào Y-sơ-ra-ên của mình qua việc lên án tội lỗi của họ, kêu gọi họ ăn năn và tôn trọng luật pháp; và không chỉ chiến đấu chống kẻ thù của Y-sơ-ra-ên, chiến thắng họ, và giải phóng Y-sơ-ra-ên khỏi ách nô dịch của họ; nhưng thêm vào đó họ còn quản trị người dân và điều hành công lý của đất nước qua những giai đoạn nhiều năm. Vì vậy, chẳng hạn, chúng ta đọc thấy “Thô-la... làm quan xét trong Y-sơ-ra-ên hai mươi ba năm,”

và “Giép-thê làm quan xét trong Y-sơ-ra-ên được sáu năm” (Quan. 10:1-2; 12: 7), còn “Sa-mu-ên làm quan xét cho Y-sơ-ra-ên trọn đời mình” (1 Sam.7:15).

Cụm từ “lấy sự công bình đoán xét thể gian” mà Phao-lô sử dụng trong bài phát biểu tại Areopagus được trích từ bối cảnh Cựu ước như sau:

Hãy nói giữa các nước rằng: Đức Giê-hô-va cai trị. Thể gian cũng được lập vững bền, không thể rung động; Ngài sẽ lấy sự ngay thẳng mà xét đoán các dân. Nguyên các tầng trời vui vẻ và đất mừng rỡ, ... [chúng] sẽ hát mừng rỡ trước mặt Đức Giê-hô-va, vì Ngài đến, Ngài đến để đoán xét thể gian. Ngài sẽ lấy sự công bình mà đoán xét thể gian; dùng sự ngay thẳng mà đoán xét muôn dân (Thi. 96: 10-13).

Một chỗ khác,

Hỡi cả trái đất, hãy cất tiếng reo mừng cho Đức Giê-hô-va... reo mừng trước mặt Vua, tức là Đức Giê-hô-va. Nguyên biển và muôn vật ở trong biển, thể gian cùng những người ở trong thể gian đều nổi tiếng ồn ào lên. Nguyên các sông vỗ tay, núi non cùng nhau hát vui mừng trước mặt Đức Giê-hô-va, vì Ngài đến để đoán xét thể gian: Ngài sẽ lấy sự công bình mà đoán xét thể gian, dùng sự ngay thẳng mà đoán xét muôn dân (Thi. 98:4-9).

Khi mọi sự cho phép được thực hiện trong các mô tả ẩn dụ, ngôn ngữ này về trái đất, sông ngòi, biển, núi, đồng cỏ, và rừng ca hát vui mừng và vỗ tay chắc chắn là không ngụ ý mô tả phản ứng của hành tinh đối với kinh nghiệm hoàn toàn bị hủy phá bởi ngọn lửa, khi “các tầng trời sẽ có tiếng vang rầm mà qua đi; các thể chất bị đốt mà tiêu tán, đất cùng mọi công trình trên nó đều bị đốt cháy cả” (2 Phi. 3:10), trước mặt [Thẩm phán] tại ngày phán xét cuối cùng trời đất đều trở hết (Khải. 20: 11). Chẳng có gì nghi ngờ, trong điều kiện phải thừa nhận sự loại suy thô thiển và không thích đáng chúng ta trong giây lát vừa rồi, những điều này nghe có vẻ giống sự chào đón của trái đất đến vị Trọng tài Toàn hảo, khi tất cả các trọng tài khác đều thất bại trong việc điều khiển và tiến hành trận đấu như nó vốn nên được điều khiển, cho đến khi cuối cùng được nó đưa đến thời điểm căng thẳng cực độ, và những trò chơi khác được tiến hành trên những sân chơi khác. Thật ra nó đang mô tả niềm vui của trái đất ở phương diện thiết lập triều đại thuộc về Đấng Mê-si-a của Đấng Christ, khi Đức Chúa Trời sẽ phán xét thế giới bằng sự công bình bởi Người mà Ngài đã

chi định. Triều đại này chắc chắn sẽ được khởi sự bởi những phán xét quyết liệt và kinh khủng, như chúng ta sẽ thấy; nhưng sự việc tiếp theo có thể được mô tả theo trích dẫn từ Cựu ước:

Có một chồi sẽ nứt lên từ gốc Y-sai, một nhánh từ rễ nó sẽ ra trái. Thần của Đức Giê-hô-va sẽ ngự trên Ngài, tức là thần khôn ngoan và thông sáng, thần mưu toan và mạnh sức, thần hiểu biết và kính sợ Đức Giê-hô-va. Ngài lấy sự kính sợ Đức Giê-hô-va làm vui; chẳng phán xét theo mắt mình thấy, và chẳng cứ sự tai nghe mà đoán định. Nhưng Ngài sẽ dùng sự công bình xét đoán kẻ nghèo, và xử lẽ ngay thẳng cho kẻ nhu mì trên đất. Ngài sẽ đánh thể gian bằng cái gậy của miệng mình, và lấy hơi thở nơi môi mà giết kẻ ác... Bấy giờ muông sói sẽ ở với chiên con, beo nằm với dê con... Nó chẳng làm hại, chẳng giết ai trong cả núi thánh của ta; vì thế gian sẽ đầy dẫy sự hiểu biết Đức Giê-hô-va, như các dòng nước che lấp biển (Ês. 11:1-9).

Ngôn ngữ lời cuốn này không nghi ngờ gì chính là thơ ca; nhưng giống như tất cả các bài thơ hay nó có mục đích mô tả một thực tế có thật, đó là một triều đại phổ quát của công lý và hòa bình, như dòng cuối của bài thơ, “thế gian sẽ đầy dẫy sự hiểu biết Đức Giê-hô-va, như các dòng nước che lấp biển” (Ês. 11:9).

Vậy nên, niềm trông cậy Cơ đốc là giống nhau cho dù nó được rao giảng cho người Do thái hoặc dân ngoại; nó được dựa trên những lời hứa Cựu ước giống nhau; vốn được ứng nghiệm bởi Đấng Christ. Tuy nhiên, câu hỏi đặt ra là khi nào và bằng cách nào niềm trông cậy đó sẽ được nhận ra, và nó mang trên mình mối liên hệ nào với thế giới ngoại giáo rộng lớn hiện tại của chúng ta, cùng với những nền chính trị, tôn giáo, và triết lý của nó.

Để trả lời câu hỏi này trước hết chúng ta cần quay sang bài giảng của Phao-lô về niềm trông cậy này trong các nhà hội tại Tê-sa-lô-ni-ca và Bê-rê.

ĐÁNG MÊ-SI-A CỦA ĐỨC CHÚA TRỜI VÀ CHÍNH TRỊ CỦA DÂN NGOẠI: BÀI GIẢNG CỦA PHAO-LÔ TẠI TÊ-SA-LÔ-NI-CA

Như học giả người Do thái, giáo sư M. A. Fishbane nhắc nhở chúng ta, những người Do thái cùng thời của Phao-lô có sự hiểu biết khác nhau giữa vòng họ về câu hỏi Đấng Mê-si-a là ai, là gì, và Ngài sẽ làm gì. Cụ thể, họ sẽ không đồng ý, giống như các Cơ đốc nhân vẫn làm vậy, về việc có chăng Đấng Mê-si-a sẽ đem đến một thời đại

hòa bình và công bằng cho thế giới, hay ở trời mới đất mới, chỉ sau khi thế giới này bị hủy phá, hay cả hai xảy ra liên tiếp. Nhưng dù họ có cách giải thích khác nhau thế nào, mọi người đều đồng ý rằng thẩm quyền tối hậu và quan trọng hơn hết đối với vấn đề này chính là Kinh thánh.

Đối với người theo Do thái giáo Chính thống vẫn như vậy, cho dù là Do thái giáo tự do hiện đại, trong khi gìn giữ niềm trông cậy của Kinh thánh đối với tương lai, thì có vẻ như chối bỏ phương tiện Kinh thánh để đạt được điều đó. Theo Rav, Amora của Ba-bi-lôn, cho rằng “Tất cả các kết thúc được dự đoán đã qua rồi; bây giờ tất cả đều phụ thuộc vào sự ăn năn và công việc lành.” Điều đó có nghĩa là, nó coi như tất cả các tiên đoán cụ thể trong Cựu ước về một Đấng Mê-si-a đã được ứng nghiệm trong lịch sử đã qua. Đối với tương lai, người theo Do thái giáo tự do

khẳng định niềm hy vọng về thời đại “Đấng Mê-si-a” trong ý nghĩa rộng về sự giải cứu nhân loại, nhưng họ không tin rằng nó sẽ đến bất thành linh, đầy kịch tính, lạ lùng, siêu nhiên, qua một cá nhân (Đấng Mê-si-a), nhưng chậm rãi, dần dần, tiệm tiến, qua sự phấn đấu thuộc linh, cố gắng về đạo đức và những đổi mới xã hội của con người và các quốc gia... Đây là một niềm trông cậy của toàn vũ trụ được bày tỏ qua những lời cầu nguyện như thế này: “Tin cậy nơi Ngài, ôi Chúa Đức Chúa Trời của chúng tôi, chúng tôi trông cậy sớm được chiêm ngưỡng sự vinh hiển của sức mạnh Ngài, khi những thân giả ngừng chiếm cứ trong lòng loài người, và thế giới sẽ được nên toàn hảo dưới sự cai trị không thay đổi của Ngài; khi hết thảy loài người sẽ kêu cầu danh Ngài, từ bỏ đường gian ác, quay trở về cùng một mình Ngài... Và Ngài sẽ làm Vua của cả đất; trong ngày ấy Chúa sẽ là Đấng duy nhất và Danh Ngài là Duy nhất” ... “Bạo lực sẽ không còn hoành hành, sự gian ác sẽ biến mất như làn khói; sự cai trị của kẻ bạo ngược sẽ không còn trên mặt đất và chỉ duy Ngài, ôi Chúa, sẽ cai trị trên mọi công việc của Ngài.” (f18)

Vì vậy, khi Phao-lô đi đến nhà hội tại Tê-sa-lô-ni-ca để công bố rằng Chúa Jê-sus là Đấng Mê-si-a, ông bị buộc bởi nhiều giải thích về lời hứa về Đấng Mê-si-a mà hiện lúc đó phải chứng minh không chỉ đơn giản một, mà là hai điều. Đầu tiên, ông phải mô tả rằng theo chương trình được bày ra trong Cựu ước, Đấng Mê-si-a – dầu Ngài sẽ là Đấng thế nào – sẽ chịu thương khó và rồi sống lại từ cõi chết. Và sau đó – chỉ sau đó – ông phải đem những dữ kiện về cuộc sống, sự chết, và sự phục sinh của Chúa Jê-sus và xếp đặt chúng cùng với

chương trình đã được tiên báo của Cựu ước, chỉ ra rằng Đấng Mê-si-a mà Cựu ước đã hứa thật ra là Jê-sus mà ông đã rao giảng (17:1-7).

Ở đây chúng ta không cần quay trở lại những đoạn Kinh thánh mà Phao-lô đã trích dẫn từ Cựu ước để chứng minh phần đầu trong vấn đề cần chứng minh của ông; vì Lu-ca từ lâu đã trình bày cho chúng ta biết qua những ví dụ trong các bài giảng của cả Phao-lô và Phi-e-rơ. Điều chúng ta cần ở đây là cần nhắc một vài tác động tuôn chảy từ thực tế rằng sự chết và phục sinh của Đấng Mê-si-a được chép trong chương trình của Kinh thánh cho việc thiết lập vương quốc của Đấng Mê-si-a.

Đầu tiên là yếu tố liên quan đến sự thương khó của Đấng Mê-si-a. Trong thời Chúa của chúng ta, quan niệm được chấp nhận rộng rãi là vương quốc của Đấng Mê-si-a sẽ được thiết lập bởi Đức Chúa Trời qua việc dấy lên một nhân vật chính trị và quân sự dẫn dắt quốc gia Y-sơ-ra-ên trong cuộc nổi dậy vũ trang chống lại đế quốc La-mã, chấm dứt sự chuyên chế, các loại thuế, bắt công của họ và giải phóng nền chính trị và kinh tế của Y-sơ-ra-ên tự do. Ý tưởng này đã sinh ra nhiều cuộc khởi nghĩa chống lại La-mã trong quá khứ. Điều này lại nổi lên bề mặt vào năm 66 SC, và một lần nữa vào 131-132 SC khi Ra-bi Akiba ca tụng một Bar Koziba là Đấng Mê-si-a, (f19) và ông đưa đất nước vào một cuộc nổi dậy chống lại Ma-mã. Cuộc nổi dậy đó đã đạt được nền độc lập tạm thời cho Giu-đê, nhưng nhanh chóng chấm dứt trong thất bại thảm khốc.

Có rất nhiều người, bao gồm chính các sứ đồ, ban đầu đã hình dung rằng Chúa của chúng ta sẽ chứng minh Ngài là Đấng Mê-si-a theo cách như vậy. Họ nghĩ tuyên bố “Nước của Đức Chúa Trời đã đến gần” của Ngài là một tuyên ngôn chính trị, và rằng chính Ngài sẽ nhanh chóng tuyên bố quyền lực chính trị tối cao trên đất nước, đổi mới cấu trúc chính trị, và lật đổ ách thống trị La-mã. Đó là một giả định không khỏi làm cho các môn đồ gặp khó khăn để hiểu nhấn mạnh lập đi lập lại của Đấng Christ rằng Đấng Mê-si-a phải chịu thương khó, như Kinh thánh đã nói về Ngài. Nhấn mạnh này loại bỏ ngay lập tức giải thích liên quan đến chính trị của họ về địa vị Đấng Mê-si-a của Ngài; thêm vào kinh ngạc và thất vọng của họ, Ngài cấm

họ sử dụng gương kiếm để thiết lập hay bảo vệ Ngài và vương quốc của Ngài. Ngài giải thích với quan thống đốc người La-mã “Nước của ta chẳng phải thuộc về thế gian này. Vì bằng nước ta thuộc về thế gian này, thì tôi tớ của ta sẽ đánh trận, đặng ta khỏi phải nộp cho dân Giu-đa; nhưng hiện nay nước ta chẳng thuộc về hạ giới.” (Giăng 18:36).

Hơn nữa, nhấn mạnh của Ngài rằng Đấng Mê-si-a phải chịu thương khó không đơn giản hàm ý rằng vào lúc này Ngài sẽ chịu nộp cho kẻ thù, chịu thương khó, chịu chết, nhưng rồi sẽ sống lại và lập tức dẫn dắt Y-sơ-ra-ên trong một cuộc đấu tranh chính trị quân sự chống lại hoàng đế La-mã Tiberius và những người kế nhiệm của ông. Ngài đã dạy dỗ rõ ràng rằng vương quốc của Ngài ở giai đoạn đầu tiên sẽ được thiết lập bởi sự rao giảng Lời Đức Chúa Trời trên thế giới. Đối với cỗ lòng thuộc về ma quỷ, Ngài không có ý định sử dụng quyền năng của Ngài làm người thi hành sự phán xét của Đức Chúa Trời mà nhờ bật rễ chúng lên và hủy diệt chúng trước kỳ tận thế (Mat. 13: 24-29, 37-43). Hơn thế nữa, sứ đồ Phi-e-rơ của Ngài, được lợi từ lỗi lầm trước đó trong lĩnh vực này, sau đó cũng khuyên bảo các Cơ đốc nhân đồng liêu giống vậy,

vi có Chúa, hãy phục theo mọi phép tắc loài người lập lên, hoặc vua, như đấng rất cao, hoặc các quan, như người vua sai ra để phạt kẻ làm dữ và khen người làm lành. Vì anh em làm điều lành để ngăn miệng những kẻ ngu muội đại dốt, ấy là ý muốn của Đức Chúa Trời...

...Vả, mình làm điều ác, bị đánh mà hay nhịn chịu, thì có đáng khoe gì: Nhưng nếu anh em làm lành, mà nhịn chịu sự khốn khó, ấy là một ơn phước trước mặt Đức Chúa Trời. Anh em đã được kêu gọi đến sự đó, vì Đấng Christ cũng đã chịu khổ cho anh em, để lại cho anh em một gương, hầu cho anh em noi dấu chân Ngài; Ngài chưa hề phạm tội, trong miệng Ngài không thấy có chút chi dối trá; Ngài bị rửa mà chẳng rửa lại, chịu nạn mà không hề hãm dọa, nhưng cứ phó mình cho Đấng xử đoán công bình (1 Phi. 2:13-15, 20-23).

Vậy thì đây là điều đầu tiên mà Phao-lô làm rõ khi ông rao giảng trong nhà hội tại Ê-phê-sô. Một vài người Do thái trong hội chúng được thuyết phục, và họ gắn bó chính mình với Phao-lô và Si-la, như một số lớn những người Hy Lạp kính sợ Đức Chúa Trời

đã làm và cũng không ít những phụ nữ nổi bật (17:4). Sau đó họ hình thành những hạt nhân của hội thánh Cơ đốc trong thành phố. Nhưng Lu-ca cho chúng ta biết, nhiều người Do thái đã phản ứng rất khác nhau. Họ tổ chức một đám đông, đẩy lên một cuộc nổi loạn, và không tìm thấy Phao-lô và Si-la trong nhà của một người tên là Gia-sôn nơi họ tưởng sẽ tìm thấy ông, họ đã kéo Gia-sôn và một vài anh em khác ra trước các quan trong thành và la lên rằng: “Kìa những tên này đã gây thiên hạ nên loạn lạc, nay có đây, và Gia-sôn đã chứa chúng. Chúng nó hết thấy đều là đồ nghịch mạng Sê-sa, vì nói rằng có một vua khác, là Jêsus.” (17:5-7).

Phao-lô chưa bao giờ có cơ hội để đáp lại lời buộc tội này. Các thượng quan nhận bảo lãnh từ Gia-sôn rằng Phao-lô sẽ rời khỏi thành ngay lập tức; và ông đã rời đi. Chúng ta không cần rắc rối để bác bỏ lời buộc tội; rõ ràng đó là một sự xuyên tạc về Tin lành Cơ đốc nói chung, và về giải thích cụ thể của Phao-lô về Tin lành Cơ đốc, nhưng rõ ràng chúng ta có một nhiệm vụ đối với Tin lành ấy là theo gương của Phao-lô và không bao giờ giải thích Tin lành trong thế giới hiện đại của chúng ta theo cách tạo điều kiện cho một sự buộc tội chính đáng như thế này. Điều đó không có nghĩa là chúng ta nên ngừng rao giảng Tin lành trong các nước vô thần bởi vì bản thân Tin lành mâu thuẫn với các giả định cơ bản của chính phủ. Nhưng có nghĩa là sứ điệp của Tin lành sẽ vẫn không phải là một sự kích động để phá vỡ chính trị hay khởi nghĩa có vũ trang chống lại chính phủ. Không phải đơn giản vì thận trọng ngăn trở các thầy giảng và trước giả trong Tân ước cổ vũ Cơ đốc nhân tham gia các cuộc nổi loạn chống lại hoàng đế Nê-rô kỳ dị và chuyên bách hại, như là người Do thái ở Palestine nổi dậy chống lại ông vào năm 66 SC. Cần phải quan tâm đến cả nội dung và tinh thần của Tin lành.

Nhưng theo Phao-lô, chương trình của Kinh thánh trong việc thiết lập vương quốc của đấng Mê-si-a không chỉ liên quan đến sự chết của Đấng Mê-si-a nhưng còn liên quan đến sự phục sinh từ cõi chết; và chúng ta có thể nhắc nhở bản thân cách vắn tắt về một vài tác động của sự phục sinh thân thể cho chủ đề đang được thảo luận.

Trước hết, tỏ ra rằng Chúa của chúng ta không bỏ rơi trái đất này,

và như một vị thần linh không có thân thể đi vào thiên đàng thuộc linh thanh sạch nào đó. Ngài vẫn có thân thể, vốn được làm cho vinh hiển, là thân thể vật lý thực thụ giống như Ngài vốn có khi còn ở trên đất. Như chúng ta thấy trong chương trước, sự phục sinh của thân thể Ngài đem đến những tác động cho toàn thể vũ trụ vật lý (xem trang 30-32). Trong Ngài sự phục hồi của muôn vật đã được bắt đầu rồi. Cơ đốc nhân có thể có, và thật sự có sự khác biệt đối với việc có bao nhiêu giai đoạn sẽ xảy ra trong sự phục hồi đó; nhưng chúng ta có thể đảm bảo chắc chắn rằng chương trình của Đức Chúa Trời cho việc thiết lập sự cai trị của Đấng Mê-si-a của Ngài có liên quan đến trái đất. Chính các tạo vật dù hiện giờ đang rên siết sẽ được giải phóng khỏi trói buộc của sự hư hoại. Tiếng rên siết của các tạo vật sẽ ngừng lại, sự thất vọng và phù phiếm sẽ chấm dứt (Rô. 8: 20-22). Chúng ta được cho biết ngay cả trong tình trạng vĩnh cửu sẽ có đất mới cũng như trời mới. Đức Chúa Trời sẽ luôn có một thể hiện vật chất về mục đích của Ngài: đó là được đảm bảo bởi sự gìn giữ vĩnh cửu của Chúa chúng ta về bản tánh loài người toàn vẹn của Ngài bao gồm cả thân thể của Ngài. Chúng ta nhớ rất rõ rằng quang cảnh cuối cùng mà Giăng được tỏ cho thấy về thành phố đời đời là thành phố ấy không nhanh chóng biến mất khỏi đất để vào một thiên đàng nào đó không thuộc về vật chất, nhưng từ thiên đàng xuống đến trái đất (Khải. 21: 2). Thứ hai, như sách Công vụ đã nhắc chúng ta trước đây, sự phục sinh thân thể và sự thăng thiên của Đấng Christ được theo sau bởi việc Ngài tái lâm trong thân thể vật lý. Sự nhân mạnh của Tân ước mọi nơi được đặt trên thực tế rằng Chúa Jesus sẽ trở lại: không chỉ những người nam và nữ đến một ngày sẽ được triệu tập đến gặp Ngài ở một thiên đàng xa xôi, nhưng chính Ngài sẽ trở lại. Chúng ta làm mất ý nghĩa đơn thuần trong ngôn ngữ của Tân ước nếu chúng ta giảm tất cả những đề cập về việc trở lại của Ngài xuống đến độ không còn có ý nghĩa gì nữa ngoài việc nơi ở của Ngài tại nơi hiện Ngài đang ở và việc chúng ta đến với Ngài. Trái đất nơi Ngài bị đóng đinh không thấy được sự cuối cùng của Ngài (Khải. 1:7).

Và thứ ba, sự chết và phục sinh thân thể của Chúa Jêsus, vì thế sau đó Phao-lô đã nói với người Tê-sa-lô-ni-ca trong thư ông viết cho họ sau khi ông rời khỏi, mang đảm bảo rằng những tín hữu qua đời

trước khi Ngài trở lại sẽ không bị lỡ mất niềm vui cùng tham gia với Ngài khi Ngài cai trị trong địa vị là Đấng Mê-si-a trong tương lai. Phao-lô đã viết, “Hỡi anh em,”

chúng tôi chẳng muốn anh em không biết về phần người đã ngủ, hầu cho anh em chớ buồn rầu như người khác không có sự trông cậy. Vì nếu chúng ta tin Đức Chúa Jê-sus đã chết và sống lại, thì cũng vậy, Đức Chúa Trời sẽ đem những kẻ ngủ trong Đức Chúa Jê-sus cùng đến với Ngài. Và, này là điều chúng tôi nhờ lời Chúa mà rao báo cho anh em: chúng ta là kẻ sống, còn ở lại cho đến kỳ Chúa đến, thì không lên trước những người đã ngủ rồi. Vì sẽ có tiếng kêu lớn và tiếng của thiên sứ lớn cùng tiếng kèn của Đức Chúa Trời, thì chính mình Chúa ở trên trời giáng xuống; bấy giờ những kẻ chết trong Đấng Christ, sẽ sống lại trước hết. Kế đến chúng ta là kẻ sống, mà còn ở lại, sẽ cùng nhau đều được cất lên với những người ấy giữa đám mây, tại nơi không trung mà gặp Chúa, như vậy chúng ta sẽ ở cùng Chúa luôn luôn” (1 Tê. 4:13-17).

Dường như đối với tôi, điều này có tầm quan trọng lớn lao về mặt cá nhân đối với mỗi người chúng ta. Nhưng người hăng hái theo chủ nghĩa Mác được khích lệ đấu tranh, và nếu cần thiết, từ bỏ mạng sống vì có một kỷ nguyên hoàng kim xuất hiện sau đó, đến nỗi theo định nghĩa người ấy sẽ không còn sống để nhìn thấy được. Vậy thì một người theo chủ nghĩa Mác đầy nhiệt huyết có gì khác hơn phương tiện sử dụng để sự tiến hóa mà anh ấy tin tưởng sử dụng cho mục đích của nó rồi sau đó loại bỏ? Những người Do thái Tự do cũng tương tự, nhiều người trong số họ không chắc chắn hay thậm chí hoài nghi về sự bất tử thuộc linh và sự sống sau cái chết. (f20) Như chúng ta đã chứng kiến, khả tượng của họ về thời đại của Đấng Mê-si-a trên đất sau này quả thật cao quý, nhưng cũng đủ xa vời, lịch sử đã nhận định như thế, nếu tất cả lệ thuộc vào nỗ lực của con người và của quốc gia để đạt được nó. Nhưng nếu những người tin vào nó, là những người làm việc, cầu nguyện, và hy sinh vì nó, được định bản thân họ không bao giờ được nhìn thấy nó, chúng ta có thể hỏi, họ là cái gì? Những tạo vật nhỏ bé sống và chết để tạo thành một hòn đảo san hô mà chúng không bao giờ được nhìn thấy, cho một thế hệ được yêu mến tiếp tục sinh tồn trong mười ngàn năm tới kể từ bây giờ? Cơ đốc giáo có một niềm trông cậy cho từng cá nhân tốt đẹp hơn điều đó.

Cuối cùng, chỉ có một điều trong chương trình của Kinh thánh cho việc thiết lập triều đại của Đấng Mê-si-a có thể bị những người

Do thái ở Tê-sa-lô-ni-ca hiểu sai như là một sự phản bội tấn công hoàng đế La-mã, nếu bị che đậy. Khi Phao-lô ở với họ đã ông chỉ ra (2 Tê. 2:5) rằng khi Chúa Jêsus trở lại trong vinh hiển oai nghiêm của Ngài, Ngài sẽ bắt đầu phán xét thế gian trong công bình và theo nghĩa hẹp và nghiêm khắc và của từ “phán xét”. Tội ác sẽ bị phá hủy, cỗ lũng đã bị nhổ bật gốc và hủy diệt. “Con người của Tội lỗi,” kẻ lãnh đạo của loài người kiêu ngạo và nổi loạn với Đức Chúa Trời với các biểu đạt đầy hoa hòe sẽ bị lật đổ, cùng với tất cả những người không biết Đức Chúa Trời, và không vâng theo Tin lành của Chúa Jêsus chúng ta (2 Tê. 1-7-10; 2:8-12).

Phao-lô mô tả “Con người Tội lỗi” như là kẻ vô luật pháp sẽ “lấy quyền của quỷ Sa-tan mà hiện đến, làm đủ mọi thứ phép lạ, dấu dị và việc kỳ dị giả dùng mọi cách phỉnh dối không công bình mà dỗ những kẻ hư mất” (2 Tê. 2:9-10). Nhưng sẽ là một sự trình bày sai và lối bịch khi đề nghị rằng qua điều này Phao-lô chỉ đến triều đại hiện tại của hoàng đế La-mã Claudius, hay thậm chí là chỉ để người kế vị của ông, Nê-rô. Không ai trong số họ bị tình nghi làm những phép lạ giả tạo để ngăn người ta tin đến Tin lành Cơ đốc! Những vị hoàng đế trước đó, Augustus và Tiberius, đã ban hành những sắc lệnh cấm các chiêm tinh gia và thầy bói sử dụng thủ thuật của mình để khám phá và tiên đoán số mệnh của hoàng đế hay của đất nước. Điều có thể hiểu được. Nếu người kinh doanh lời tiên tri tiên đoán rằng hoàng đế bị định phải chết vào năm tới, điều đó có thể động viên những người bất mãn chính trị giúp cho lời tiên đoán đó trở thành sự thật. Nhưng thậm chí nếu những điều Phao-lô đang nói đề cập đến vị hoàng đế hiện thời, thì trên thực tế nó cũng sẽ không là một khích lệ cho bất cứ ai, thậm chí là các Cơ đốc nhân, nổi loạn chống lại ông ta, hướng chỉ là thử và thay thế ông ta. Khi Đấng Mê-si-a đến để chấm dứt tội ác và thiết lập vương quốc của Ngài, thì sẽ không giống như một vài nhân vật siêu nhiên như Bar-Kochba, hay Che Cuevara, hay thậm chí như A Lịch Sơn Đại đế thần thánh, đấu tranh với các chính phủ của thời đại đó. Ngài sẽ đến như là Đức Chúa Trời nhập thể, Con của Đấng Chủ tể Vũ trụ; Ngài sẽ làm điều Ngài thấy hợp lẽ với mỗi chính quyền trên thế giới.

ĐẮNG MÊ-SI-A CỦA ĐỨC CHÚA TRỜI VÀ CHÍNH TRỊ CỦA DÂN NGOẠI: KINH NGHIỆM CỦA PHAO-LÔ TẠI BÊ-RÊ

Sự giảng dạy rằng Chúa Jê-sus là Đấng Mê-si-a của Phao-lô đã khiêu khích một phản ứng thù địch bạo lực về phía người Do thái tại Tê-sa-lô-ni-ca; và có lẽ trong một ý nghĩa nào đó, thì cũng dễ hiểu khi sự việc xảy ra như vậy. Ông không giảng về một quan điểm gây tranh cãi sơ sài trên quan điểm không quan trọng về chủng tộc. Ông đang giảng rằng Chúa Jê-sus là Đấng Mê-si-a được xúc dầu bởi Đức Chúa Trời để phán xét thế gian bằng sự công bình; Đấng mà khi Ngài trở lại lần thứ hai sẽ đem đến sự phán xét của Đức Chúa Trời trên tất cả những người đã nghe và biết Tin lành nhưng từ chối tiếp nhận và vâng giữ Tin lành ấy (2 Tê. 1:8), dù họ thuộc tôn giáo nào. Điều này nói cách rõ ràng rằng dù tôn giáo có chân thành cách mấy, nhưng cố ý chối bỏ Tin lành của Chúa Jê-sus Christ, thì không hợp lệ và tệt hại. Có thể hiểu được một vài người sẽ cảm thấy rất bực bội cho bản thân và cho tôn giáo của họ vì lời phê bình sắc bén này; và khi người ta có cảm giác như vậy, họ thỉnh thoảng sẽ bùng nổ. Một số người chắc chắn đã làm điều đó tại Tê-sa-lô-ni-ca. Họ đổ ra đường, lập thành một đoàn biểu tình, tấn công ngôi nhà nơi họ nghĩ Phao-lô đang cư trú, dàn thành một cuộc chống đối đông đảo, tố cáo Phao-lô và Si-la trước các thượng quan, và đòi luật pháp ra tay hành động.

Ngày nay cũng có vài người có lẽ sẽ đổ lỗi tất cả lên Phao-lô và trên những điều họ có thể gọi là thái độ “trung thành với trào lưu chính thống” của ông trong suy nghĩ rằng sự giải thích của ông về Kinh thánh là cách giải thích duy nhất đúng đắn, và trong việc cố gắng cải đạo tất cả những người Do thái khác theo cách suy nghĩ của ông. Dạng “trung thành với trào lưu chính thống” này rõ ràng là điều làm phật ý càng nhiều lãnh đạo tôn giáo ngày nay, vì họ than phiền ngày càng nhiều trong các cuộc tuyên bố và phát thanh của họ. Có lẽ cũng dễ hiểu; vì đã có đủ những cơn bạo động đầy dẫy hận thù phát sinh từ tôn giáo trên thế giới ngày nay, nên không cần vô cớ thêm vào đó nữa.

Dù vậy, cũng không luôn dễ dàng làm cho thuật ngữ trung thành với trào lưu chính thống có ý nghĩa vì cách thuật ngữ này đang được

sử dụng hiện nay. Một nhà hoạt động chính trị tuyên bố rằng bị thúc đẩy bởi các nguyên tắc Cơ đốc, lại chọn bạo lực và bắn nhau, hay ngược lại ám sát đối thủ chính trị của mình và thậm chí thỉnh thoảng ám sát một vài bằng hữu Cơ đốc, thì thường gọi là một người “trung thành với trào lưu chính thống”. Thực ra ông thấy bản thân mình được bênh vực và ủng hộ mãnh mẽ bởi các lãnh đạo hội thánh, và nhiều lần trong quá khứ có thể được cung cấp tiền bạc từ Hội đồng Hội thánh Thế giới (World Council Churches). Tuy nhiên, những bản sao hiện đại của Phao-lô, là những người chọn một lập trường kiên định và không thỏa hiệp trên các giáo lý trọng yếu của đức tin Cơ đốc, dù trong các bằng hữu Cơ đốc hay trong đối thoại với người thuộc niềm tin khác, như là người chân thành với Tin lành mà họ giảng dạy, sẽ không bao giờ sử dụng bạo lực hay bắn bắt kỳ ai – những người như vậy có thể thấy mình được gọi là người trung thành với trào lưu chính thống và bị kết án xúi giục xung đột tôn giáo. Rõ ràng, “trung thành với trào lưu chính thống” là một thuật ngữ đặc biệt, được sử dụng một cách sáng suốt và với một sự phân biệt, nhưng nó không ích gì trong việc hiểu về thái độ của Cơ đốc nhân chân chính cần phải nên như thế nào.

May mắn vì trong nhiệm vụ đánh giá thái độ và phương pháp truyền giáo của Phao-lô, chúng ta có kỹ thuật của Lu-ca về cách người Do thái tại Bê-rê hành xử (17:10-15). Như tại Tê-sa-lô-ni-ca, và cũng vậy tại Bê-rê, Phao-lô đi đến nhà hội và giảng dạy cùng một sứ điệp, nên chẳng nghi ngờ gì khi ông cũng trung dẫn đến những đoạn Cựu ước tương tự. Lu-ca cho biết “Những người này có ý hấn hoi hơn người Tê-sa-lô-ni-ca, đều sẵn lòng chịu lấy đạo, ngày nào cũng tra xem Kinh thánh, để xét lời giảng có thật chẳng. Trong bọn họ có nhiều người tin theo, với mấy người đàn bà Gờ-rét sang trọng, và đàn ông cũng khá đông” (17:11-12). Những người khác dĩ nhiên không được thuyết phục, và đã không tin. Nhưng ở đây không có bạo lực, chỉ có sự sẵn sàng tiếp nhận rằng Phao-lô tin cách chân thành điều ông rao giảng là lẽ thật không thể thương lượng của chính Đức Chúa Trời, một ý thức từ cả hai phía rằng điều ông giảng phải được chứng minh hay phản chứng qua việc giải thích Kinh thánh cách cẩn thận hợp lý, và sẵn sàng mạnh mẽ kiểm tra xem Kinh thánh có ủng

hộ điều Phao-lô công bố, và không đơn giản chối bỏ sự giảng dạy của ông ngay lập tức. Hệ trọng như các ngụ ý, như Phao-lô đã nhìn thấy và giảng dạy chúng, dành cho những người chối bỏ sứ điệp của ông, mà cũng không hề có bạo lực, về phía của ông cũng như về phía họ, mãi cho đến khi người Do thái từ Tê-sa-lô-ni-ca đến Bê-rê, khuấy rối đám đông, khiến tất cả bọn họ bị kích động, và một lần nữa đui Phao-lô ra khỏi thành.

Vậy thì tại sao người Tê-sa-lô-ni-ca làm điều họ đã làm? Cuối cùng thì họ là người Do thái và Phao-lô cũng vậy. Họ đã chấp nhận Cựu ước; Phao-lô cũng vậy. Họ đang sống trong thành phố ngoại giáo không tin vào Đức Chúa Trời chân thật. Vậy thì tại sao họ viện đến phương cách điều hành phản đối mang tính bạo lực, cố ý xuyên tạc Phao-lô trước các thượng quan, và cố đem luật dân sự đổ lên đầu ông; và rồi đến Bê-rê, và tự mình vi phạm luật pháp qua việc cố gắng gây ra rối loạn dân sự? Một cách chắc chắn hơn để đem thịnh nộ và sự kinh miệt của chính phủ La-mã trên cả Cơ đốc nhân và người Do thái không thể tưởng tượng ra. (f21) Vậy thì tại sao họ làm như vậy?

Lu-ca cho chúng ta biết họ làm điều đó vì ghen tị (17:5). Họ thấy một số người Do thái và một số đông môn đệ là dân ngoại trong các nhà hội tại Tê-sa-lô-ni-ca cải đạo. Điều Phao-lô đang giảng dạy có thật hay không, không liên quan đến họ. Tôn giáo của họ bị tấn công. Họ sẽ dùng bạo lực và/hoặc luật pháp của xứ - họ thấy không mâu thuẫn khi sử dụng cả hai – để tự vệ tôn giáo. Có lẽ họ không nhận ra rằng một tôn giáo phải bảo vệ chính nó bằng bạo lực và/hoặc luật pháp chống lại tranh luận sắc bén chính là xưng nhận rằng niềm tin của nó rất không an ninh.

Bản thân thế giới Cơ đốc tự hạ xuống để sử dụng những chiến thuật giống như vậy, chống lại người chống lại đạo và “người theo tà giáo” trên phạm vi rộng lớn trong suốt những giai đoạn nhất định trong lịch sử của mình; và trong một vài đất nước nó tiếp tục thi hành phân biệt dân sự chống lại những người như vậy vào thế kỷ mười chín, và ở vài nơi trong thế kỷ hai mươi. Về điều này, tất cả các Cơ đốc nhân bây giờ cảm thấy rất xấu hổ. Nhưng điều đó chắc chắn cải thiện giọng điệu và sức thuyết phục của nhiều người bằng một bản

giao ước hiện đại gọi là trung thành với trào lưu chính thống nếu tất cả chúng ta nhớ điều các Hội thánh của thế giới Cơ đốc đã làm trong quá khứ - và trong quá khứ không xa – và ăn năn về điều đó cách công khai, trước khi trói buộc những từ ngữ hoen ố không chính xác đó lên người khác.

ĐẮNG MÊ-SI-A CỦA ĐỨC CHÚA TRỜI VỚI TÔN GIÁO VÀ TRIẾT LÝ CỦA DÂN NGOẠI: KINH NGHIỆM CỦA PHAO-LÔ TẠI A-THEN

Vậy thì, sự chết và sống lại của Chúa Jêsus là những từ khóa trong sự giảng dạy của Phao-lô cho người Do thái tại Tê-sa-lô-ni-ca (17:3). Vì thế họ rõ ràng ở đó khi ông giảng dạy niềm trông cậy Cơ đốc giáo cho cả người Do thái và người Hy Lạp tại A-then và công bố rằng Chúa Jêsus là Con người được chỉ định bởi Đức Chúa Trời để đoán xét thế gian bằng sự công bình. Một vài người Hy Lạp đã tập trung tư tưởng lên những từ “Jêsus và “phục sinh” mà ông thường xuyên lặp lại, bị bối rối vì những từ này, và đã yêu cầu làm sáng tỏ. Họ có ấn tượng rằng Phao-lô đang tuyên truyền và giới thiệu hai vị thần ngoại quốc có vẻ kỳ lạ, là “Jêsus” và “phục sinh,” và đang không thể hiểu làm thế nào những điều đó có thể giúp giải quyết những rắc rối to lớn trong cuộc sống vốn đang đối đầu với tất cả những người có bản tính trầm tư suy nghĩ. Một vài người trong số họ thuộc về chủ nghĩa Epicurism (một trong các trường phái khoái lạc), một vài người thuộc chủ nghĩa Stocism (trường phái khắc kỷ); và như chúng ta có thể nghĩ được, cho dù các hệ thống triết lý có không thích hợp như thế nào, ít nhất họ đã nỗ lực để hiểu về vũ trụ, làm cho tình huống của loài người sống trong vũ trụ có ý nghĩa, và phát triển những quy tắc cư xử thông minh có thể giúp người ta được lợi nhất từ cuộc sống, tránh những điều độc ác của vũ trụ và tối đa hóa điều tốt lành của vũ trụ.

Dĩ nhiên, thực ra vào thời gian Phao-lô đến A-then trong thế kỷ thứ nhất SC, A-then đã suy tàn không còn ở trong giai đoạn kinh điển với tri thức chói lọi. Trong hai hệ thống triết lý được đề cập, cụ thể là chủ nghĩa Stoicism nguyên thủy đã được bổ sung nhiều bởi thời gian và thật không thể biết chính xác hình thức mà nhóm người thuộc trường phái Stoicism mời Phao-lô nói tại Areopagus ủng hộ là gì.

(f22) Nhưng nền tảng thông thường được chia sẻ bởi những người theo chủ nghĩa Stoicism cho chúng ta một ý đồ tốt về thái độ của họ đối với cuộc sống, họ đưa ra lời khuyên nào để đương đầu với cái ác, và họ nắm giữ niềm trông cậy nào cho tương lai. Đối với nhóm người thuộc chủ nghĩa Epicureanism cũng vậy. Cả hai hệ thống đều thấy rõ rằng một sự hiểu biết thật sự về vũ trụ, nguồn gốc, sự vận hành và kết thúc của nó cần thiết phải liên quan đến bí ẩn về sự gian ác – cái ác đến từ đâu, tại sao nó tồn tại, làm thế nào để đương đầu với nó, và niềm trông cậy nào cho tương lai mà chúng ta có thể có trước sự tồn tại của cái ác. Chúng ta có thể nói một lần nữa rằng, mặc cho những đặc điểm nổi bật trong các triết lý này, khi nói đến hy vọng cho tương lai thì không triết lý nào có thể cống hiến gì nhiều.

Gặp gỡ người thuộc trường phái Epicureanism

Hãy bắt đầu với trường phái Epicureanism. Nó đã bị liên tục hiểu sai như thể nó là một công thức và lý do để nuông chiều không hạn chế các loại thú vui thô tục. Nhưng trong thực tế, điều đó thực ra là trái ngược hoàn toàn với điều nó đại diện. Đành rằng Epicureanism cho rằng sự vui thú là điều tốt lành hơn hết cần được nhắm đến trong cuộc sống; nhưng đối với họ sự vui thú có nghĩa là một tình trạng tĩnh lặng bình yên không có rắc rối. Vì những thú vui thô tục thường liên quan đến những hỗn loạn về cảm xúc, đau đớn, những tàn tích, nên chủ nghĩa hưởng lạc khuyên tránh tất cả các thú vui như vậy. Triết lý này thật ra tạo ra những người nổi tiếng trong vòng bằng hữu quen biết của họ bởi sự nhân từ hay thương xót, sự thân thiện, và lòng trung thành. Cùng lúc nó mua niềm hạnh phúc lặng lẽ này với cái giá chủ động rút lui khỏi nhiều mối liên hệ trong cuộc sống thô bạo và rối loạn. Đó là một loại triết lý mà những người lao động bình thường, các bà nội trợ, và những người buôn bán kinh doanh khó lòng đeo đuổi được.

Sự an tĩnh tâm trí của Epicureans được ủng hộ thêm nữa bởi niềm tin rằng người nam và nữ không cần phải trả lời với một Đấng Tạo hóa quan tâm xem con người cư xử tốt hay xấu. Họ tin vào sự tồn tại của thần linh; nhưng theo họ, những vị thần linh chỉ là một sản phẩm vật chất của vũ trụ cũng giống như con người. Họ cư ngụ giữa các

không gian trong vũ trụ và (bản thân họ là những người xuất chúng thuộc trường phái Epicureanism!) họ không lấy làm thích thú đối với loài người, và những nhu cầu, công việc, hay hành vi của loài người, nhưng sống một cuộc sống hưởng thụ vui vẻ không có rắc rối. Người thuộc phái Epicureans tin vào việc bắt chước tấm gương của các vị thần này.

Trong lĩnh vực vật lý, phái Epicureanism tiếp thu các học thuyết của các triết gia trước đó, Leucippus và Democritus, là những người cho rằng vũ trụ được tạo thành từ một con số vô tận những nguyên tử không thể phá hủy được cùng không gian vô tận, cả hai đều tồn tại vĩnh cửu. Các nguyên tử này lúc đầu rơi tự do xuyên qua không gian khi có một sự sai lệch phương hướng rất nhỏ nảy sinh, (f23) và gây ra sự nhân lên hàng loạt, các nguyên tử va chạm, phản ứng, và sau đó một vài phân tử ổn định lại trong những sự kết hợp lâu bền. Bởi cách này bầu trời, không khí, biển, trái đất và tất cả sự vật trong nó dần xuất hiện và định hình dạng và chức năng. Không có Đấng tạo hóa nào cả. Vì thế học thuyết nói rằng cuộc sống con người cũng như mọi vật bị buộc phải dần xuất hiện (chỉ có điều không ai biết cơ hội đi chệch hướng đầu tiên đến từ nơi nào) bởi vì những hình dạng cơ bản khác nhau của các phân tử mà họ có thể cài vào nhau, và vì vậy càng nhiều sự lắp ghép phức tạp của các nguyên tử sẽ dần xây dựng nên; và sau đó nguyên tắc sinh tồn của điều thích hợp nhất sẽ đảm bảo rằng sự kết hợp tốt nhất sẽ tồn tại để hình thành thế giới mà chúng ta biết ngày nay. (f 24) Tuy nhiên, học thuyết cũng tiên đoán rằng sự cân bằng của các lực xảy ra để giữ thế giới của chúng ta và sự sống con người trong tình trạng hiện tại của họ sớm hay muộn bị buộc phải nhường chỗ; tại điểm đó mọi vật sẽ tan rã và toàn vũ trụ sẽ bốc cháy. Vì vậy, không có Đấng Tạo hóa thiết kế nên dòng dõi loài người, không có trí tuệ cho nó mục đích, và không có ý nghĩa để bảo tồn khỏi sự hủy diệt.

Cùng lúc, phái Epicureans tin rằng con người là sự kết hợp giữa thân thể và linh hồn; nhưng cả hai đều được hình thành bởi các nguyên tử vật chất. Vào lúc chết cả thân thể và linh hồn trôi dạt, phân rã, và đi tạo nên những sự vật khác hay người khác. Không có gì của

con người ấy tồn tại. Sự chết đối với người ấy chấm dứt hết thảy. Chính trong khía cạnh này mà trường phái Epicureanism đặc biệt hấp dẫn nhân vật nổi tiếng của đại chúng La-mã, thi sĩ Lucretius (94-55 TC), người đã viết một tác phẩm dài gồm sáu quyển sách về Epicureanism. Với nhiệt huyết của một nhà truyền giáo ông công bố điều đối với ông là vinh quang và ích lợi lớn nhất của hệ thống: nó giải phóng người ta khỏi nỗi sợ hãi về một sự đoán xét sẽ đến trong cuộc sống, về sự đoán phạt, về địa ngục. (f25)

Nhưng dĩ nhiên, ông không giảng mặt kia của tin lành của ông, rằng nếu nó là sự thật, nó không chỉ tống khứ nỗi sợ hãi về sự đoán xét sẽ đến trong cuộc sống, nó cất bỏ khỏi hàng triệu người tất cả mọi hy vọng nhận được công lý. Hy vọng về công lý đối với họ giờ thành ảo tưởng lừa dối. Hãy lấy một ví dụ khủng khiếp, nếu cảm thấy nhầm chán. (f 26) Sự tiến hóa sản sinh ra sáu triệu người Do thái tin vào công lý. Sự tiến hóa sản sinh ra Hít-le. Lựa chọn của thiên nhiên đã chọn điều thích hợp nhất, và Hít-le, trong chốc lát, tồn tại. Thật vô vị để tranh cãi rằng đó là không công bằng. Đối với học thuyết này, không có tòa án công lý độc lập mà loài người có thể viện dẫn đến chống lại sự tiến hóa, cũng không có tiêu chuẩn công lý độc lập mà hành vi của sự tiến hóa có thể bị phán xét. Công lý chỉ đơn giản là một cảm giác hay mùi vị hay sự ưa thích mà sự tiến hóa không hề suy nghĩ sản xuất ra ở trong một số người, trong khi cùng thời điểm nó cũng không hề suy nghĩ sản xuất ra cảm giác mùi vị, và ưa thích trái ngược trong những người khác. Cũng trừ khi để tranh cãi rằng sự tiến hóa được trợ giúp bởi sự lựa chọn của thiên nhiên sẽ dần sản sinh ra một phần lớn những người yêu thích sự công bằng, là những người sau đó sẽ có thể loại bỏ những người yêu thích sự bất công. Còn về những người bị bỏ mạng vô cớ trong quãng thời gian này thì sao? Chúng ta sẽ viết là họ bị sự tiến hóa ném đi trong tiến trình không có cảm xúc và suy nghĩ của nó tiến đến một thế giới công bằng toàn hảo? Không chỉ là một cách vô dụng, mà còn là một cách nguy hiểm để tranh biện. Đa số luôn xem các quan điểm và giá trị của họ là đúng khi chống lại những người thuộc về thiểu số. Giả sử vào một ngày sự tiến hóa và sự chọn lựa của thiên nhiên sản sinh ra đa số ưa thích công lý, và đa số này loại bỏ những người có ưa thích trái ngược với

điều họ ưa thích. Tiêu chuẩn chủ quan hay tòa án độc lập sẽ đảm bảo rằng công lý được yêu thích của đa số thật sự là công lý thật? Có lẽ câu hỏi sẽ không có vấn đề gì nếu lịch sử tỏ cho chúng ta rằng điều đa số đó ưa thích và thực hiện luôn chứng minh là điều công bằng nhất. Nhưng lịch sử thường chỉ ra điều ngược lại; chứng kiến thế kỷ của chính chúng ta có lẽ nhiều hơn bất cứ thế kỷ nào khác.

Dĩ nhiên, chúng ta có thể luôn mang biện hộ cuối cùng của trường phái Epicureanism để mang làm chủ đề: rằng những người bị giết, sát hại, tra tấn hay chết vì đối cách bất công không phiền vì mình chết, một khi họ chết, thì không có gì của họ còn tồn tại sau cái chết để tức giận về điều đó. Nhưng điều đó nghĩa là đối với hàng triệu người trong hiện tại và tương lai, cũng như hàng triệu người trong quá khứ, sự chết đã và luôn luôn được ưa thích hơn là sự sống, nếu như họ có thể biết được. Thật là bi quan!

Vậy thì Epicureanism chắc chắn đã đạt được một vài cách nhìn đáng kinh ngạc (vào thời của nó) trong công việc của thiên nhiên; (f27), và thêm vào đó, sản sinh ra sự thân thiện và tĩnh lặng ngay trong những vòng tròn khép kín và chật hẹp của nó. Nhưng cũng giống như bản sao hiện đại của nó, khi đối mặt với vấn đề gian ác nó không đem lại hy vọng thực sự cho thế giới.

Gặp gỡ trường phái Stocism

Trường phái Stocism được tạo thành từ những người nghiêm khắc. Họ lên án việc xem vui thú, dù là loại nào, như là mục đích lớn nhất của cuộc sống. Họ cho rằng điều duy nhất tốt đẹp là sống đạo đức. Đó là sống hòa hợp với nguyên nhân; và rằng sống không đạo đức là sự gian ác duy nhất. Triết lý của họ được bổ sung cách rộng rãi qua nhiều thế kỷ, nhưng trong suốt các giai đoạn của nó nó sản sinh người có nhân cách cao quý và can đảm tột bậc. Trong hình thức sau này của nó, nó chinh phục được lòng trung thành của rất nhiều người La-mã hàng đầu; và thậm chí sau khi nó suy tàn, ảnh hưởng của nó vẫn tiếp tục tồn tại qua thời Trung cổ cho đến tận hiện tại. Những bậc tổ phụ Cơ đốc bị ảnh hưởng rất nhiều bởi những dạy dỗ về đạo đức này; và ngày nay khi người ta nói về “nhận định sự việc một cách triết lý,” hay tuyên bố rằng “có một tia lửa thiên thượng

trong mỗi người” hay nói về việc “làm công dân của thế gian” hay về “tình huynh đệ của toàn nhân loại,” họ tỏ ra rằng họ bị ảnh hưởng bởi trường phái Stoicism, dù họ có nhận ra hay không.

Nhưng đối với câu hỏi làm chúng ta thích thú tại thời điểm này, “Chúng ta có hy vọng gì vào việc đến một ngày sự gian ác sẽ bị loại trừ khỏi thế giới này?” Stoicism thực sự đã đưa ra một câu trả lời rất âm ảm. Họ dạy rằng vũ trụ là một tổng thể sâu sắc mà mọi việc trong nó xảy ra bởi một chuỗi nguyên nhân và hậu quả liên tục, vốn có thể gọi là “định mệnh,” và trong đó mọi sự xảy ra đóng góp cho ích lợi tổng thể, có thể được gọi là “Sự Phù hộ.” Điều này xảy ra bởi vì tại trung tâm của vũ trụ, và tràn ngập khắp mọi ngõ ngách của nó, là nguyên nhân, vốn là tác nhân tích cực trong sự tạo dựng và trong việc kiểm soát mọi diễn tiến. Họ gọi tác nhân tích cực này bằng nhiều tên – Thiên nhiên, Nguyên nhân, Zeus, Đức Chúa Trời – và một vài nhà tư tưởng của phái Stoicism gọi là Zeus hay Đức Chúa Trời, theo ý nghĩa hời hợt, theo ngôn ngữ có thể như là nói về Đức Chúa Trời của Do thái giáo và Cơ đốc giáo. Nhưng thật ra đức chúa trời của phái Stoicism không có siêu việt, cá nhân, Đấng Tạo hóa yêu thương; vị thần ấy cũng là thực thể của vũ trụ như mọi sự vật khác: ông ấy (người ta có thể gọi là “nó”) đơn giản chỉ là một lực lượng sống còn thấm đẫm trong mọi vật. (f28) Nói cách khác, những người thuộc phái Stoicism là người theo phiếm thần giáo.

Vì nguyên nhân tràn ngập và kiểm soát mọi vật, người theo phái Stoicism tin rằng vũ trụ như nó vốn có, là “nơi tốt nhất trong mọi thế giới có thể hiện hữu.” Nó không thể được cải thiện. Điều có thể xuất hiện với cá nhân này là sự gian ác, và theo ý nghĩa nào đó thật sự là gian ác, lại đóng góp vào sự tốt đẹp của tổng thể. Vì vậy, sống đạo đức là sống theo nguyên nhân, và điều đó có nghĩa là chấp nhận rằng mọi việc vốn thật sự xảy ra là một phần của tổng thể sâu sắc và tạo ra sự tốt đẹp của tổng thể. Vì vậy, ví dụ, sẽ thật sâu sắc và tốt đẹp cho một người nỗ lực chống cự một số hành động cá nhân hay phong trào mang tính quốc gia có vẻ gian ác đối với anh ta; nhưng nếu sự việc gian ác xảy ra bất kể nỗ lực của anh ta, nó sẽ không sâu sắc cũng không đạo đức để đau buồn vì điều đó. Thực tế là nó đã xảy ra chỉ ra

rằng nó là một phần của sự vận hành của nguyên nhân của vũ trụ và nhằm cho mục đích tốt đẹp của tổng thể. Đau buồn vì nó là trái với nguyên nhân. Người ấy phải làm cho bản thân nên sắc đá, kiểm soát cảm xúc của anh ta, và chấp nhận điều đã xảy ra một cách triết lý.

Tuy nhiên, điều tốt đẹp duy nhất trong cuộc sống là đạo đức, được định nghĩa như là việc sống và hành động hòa hợp với nguyên nhân. Tất cả những sự việc có vẻ tốt đẹp khác là những vấn đề không khác biệt. Nếu một người khôn ngoan nhìn thấy sáu triệu người Do thái chuẩn bị giết bằng khí ga, thì nỗ lực cứu họ là tốt đẹp và đạo đức, bởi vì hành động đó được xung công bình một cách sâu sắc. Nhưng nếu họ vẫn bị giết chết bằng khí ga bất kể các nỗ lực của anh ta, thì anh ta không nên đau buồn: nỗ lực giải cứu của anh ta là sâu sắc, vì vậy hoàn toàn tốt lành; sáu triệu mạng sống ở trong họ không phải là một sự tốt lành tuyệt đối, nhưng chỉ là một vấn đề bàng quang. Hơn nữa, thực tế họ đã chết chứng tỏ rằng sự chết là một phần của sự vận hành của nguyên nhân cai quản thế giới và vì sự tốt đẹp của tổng thể. Sự khôn ngoan của cá nhân anh ta nằm ở chỗ chấp nhận điều hiện tại tỏ ra là số phận. Người không khôn ngoan, và vì vậy là người xấu, sẽ cố gắng chống chọi với số phận, và cho phép cảm xúc của anh ấy đau buồn vì những mạng sống kia mất đi. Nhưng cuối cùng, sự khác biệt duy nhất tạo ra là người thiếu khôn ngoan đó bị lôi kéo giẫm đạp dọc theo bởi những tiến trình không thể chống cự của nguyên nhân thuộc về vũ trụ, Zues, hay Đức Chúa Trời – gọi nó là gì tùy ý bạn muốn – khi anh ta có thể, có thể nói như vậy, đến cách yên lặng.

Từ cái nhìn đầu tiên, sự dạy dỗ của trường phái Stoicism có thể trông giống như giáo lý Cơ đốc mà “mọi sự hiệp lại làm ích cho kẻ yêu mến Đức Chúa Trời,” và vì vậy chúng ta có thể và nên tìm sự an ủi trong việc đầu phục ý chí của Đức Chúa Trời. Nhưng thật ra thì khoảng cách giữa hai thuyết này phải tính bằng năm ánh sáng. Theo Đấng Christ, “sự tốt lành” thứ mà mọi sự hiệp lại không phải là sự tốt lành của tổng thể với cái giá của cá nhân, nhưng sự tốt lành của cá nhân cũng như là sự tốt lành của tổng thể; không phải là thế giới như nó vốn có, nhưng là thế giới như nó sẽ trở thành: đó là “sự tốt lành” được hứa mà mỗi tín hữu sẽ được biến đổi trong thân thể và bản tánh

trở nên giống như Con Đức Chúa Trời, là mục tiêu đạt đến trong sự vinh hiển của sự sống hầu đến, trong một thế giới nơi sự công bình cai trị.

Stoicism không như vậy. Họ cho rằng thế giới hiện tại như nó vốn có, cùng với mọi sự gian ác và đau khổ, là một thế giới tốt nhất có thể; nó không thể được cải thiện vì nó được khởi xướng, được duy trì, và được kiểm soát trong mọi phần ở mọi nơi bởi nguyên nhân bao trùm tất cả vì mục đích tốt lành của tổng thể như nó vốn phải vậy. Thật vậy, cũng nhiều như vậy, những người thuộc phái Stoicism đầu tiên đã dạy dỗ rằng khi các ngôi sao trong các chu kỳ của chúng dần đi hết một vòng từ vị trí chúng bắt đầu, cả vũ trụ sẽ bốc cháy, và sau đó nó được làm mới lại và toàn bộ tiến trình của lịch sử trong mọi chi tiết của nó sẽ xảy ra lại một lần nữa, y hệt như nó đã xảy ra trước đó. Phái Stoicism sau này từ bỏ tư tưởng về sự hủy diệt theo chu kỳ và lặp lại; nhưng họ không còn mục tiêu thỏa mãn để đặt vào vị trí của tư tưởng đó nữa. Đối với sự tồn tại của linh hồn sau khi chết, người theo phái Stoicism vốn mơ hồ và chia rẽ. Một số người cho rằng linh hồn sẽ tụ lại với nhau trong một quãng thời gian: những linh hồn yếu đuối hơn sẽ tan vỡ trước; linh hồn của những người khôn ngoan toàn hảo sẽ cố tồn tại cho đến khi bị vượt qua bởi cuộc xung đột tiếp theo của thế giới. Tuy nhiên, một vài người không tin vào bất cứ sự tồn tại nào của linh hồn.

Vậy nên, đầu tiên và cuối cùng, khi bàn đến câu hỏi về sự loại trừ tội ác khỏi thế giới, hay đạt được công lý phổ quát, cả người theo phái Stoicism và Epicureans đều không đem đến bất kỳ hy vọng nào về việc có một điều gì đó tốt lành hơn thế giới hiện tại. Như sau này Phao-lô nói, họ không có Đức Chúa Trời, không có Đấng Mê-si-a, ở thế gian không có sự trông cậy. (Ê ph. 2:12) (f29)

Gặp gỡ những thành viên khác của Tòa án

Dĩ nhiên không phải tất cả các thành viên của Tòa Areopagus đều là người thuộc phái Stoicism và Epicureanism. Một vài người có thể gắn bó với những hình thức triết lý khác, hoặc không gắn bó với hình thức nào cả; một vài người có thể vẫn theo tôn giáo truyền thống của quốc gia. Những chuyện tưởng tượng chưa gọt dũa và mâu

thuần của nó về những vị thần chưa bao giờ làm thành điều gì tựa như một tín ngưỡng chính thức, và nó không có thần học hệ thống. Nó tồn tại mà không nói rằng các hành vi vô luân và không có trách nhiệm của các vị thần như các câu chuyện hoang đường mà nó tưởng thuật không đem đến một nền tảng nào cho hy vọng rằng thế giới họ cho là đã kiểm soát được sẽ thoát khỏi tội ác. Rất khó để biết được những người thờ phượng bình thường của nó tin bao nhiêu vào các câu chuyện hoang đường của nó. Không hề có dấu một yêu cầu tối thiểu nào. Một vài người có tri thức cao hơn cố giữ một chút đức tin ở nơi các vị thần bằng cách loại bỏ những yếu tố hoang đường. Lấy ví dụ người thuộc phái Stoicism đánh đồng Zeus với nguyên nhân của phiếm thần giáo và xem những vị thần là tên của những tiến trình khác nhau đang diễn ra trong vũ trụ. Nhưng chúng ta có thể suy ra từ cách rất nhiều người vẫn đối xử với đền thờ của họ tại vùng Viễn Đông ngày nay (hay thậm chí giống với một số người Tây phương cư xử với đền thờ của họ) rằng trong thời cổ đại hàng ngàn người vẫn sẽ bị buộc phải theo tôn giáo của quốc gia bởi sức mạnh của truyền thống, vẻ đẹp của các ngôi đền của họ, sự hào nhoáng và bí ẩn của các nghi lễ, sự hấp dẫn về nghệ thuật của các bức tượng, không khí tổng thể huyền bí; và càng được tin tưởng mạnh mẽ hơn khi họ có thể tin nhiều hơn hay ít hơn điều họ thích trong nội dung giáo lý và không phải tự hỏi bản thân những câu hỏi khó về cơ sở hợp lý của nó.

BÀI PHÁT BIỂU CỦA PHAO-LÔ TRƯỚC TÒA A-RÊ-Ô-BA

Vậy thì, Phao-lô đã nói với một cử tọa hỗn hợp tại tòa A-rê-ô-ba. Với những khác biệt rộng lớn trong giả định và niềm tin của họ, ông đã có một nhiệm vụ khó khăn trước mặt để tìm đủ nền tảng chung giữa tất cả họ và chính ông để làm cho niềm trông cậy Cơ đốc có mối liên quan đến suy nghĩ của họ; để bày tỏ theo cách họ có thể hiểu; để trình bày những yếu tố cơ bản của Tin lành theo cách không thỏa hiệp mà giữ được vẻ thu hút đầy vinh quang.

Ông chỗi dậy tiến đến với nhiệm vụ một cách đáng khâm phục. Sự thật là một vài người cảm thấy chi tiết về Tin lành Cơ đốc trong điều ông nói quá ít ỏi. Nhưng để cứu mình khỏi rơi vào lỗi đó chúng ta nên nhớ hai điều. Trước nhất, điều Lu-ca đã đem đến cho chúng

ta chỉ là một bảng tóm tắt, không nghi ngờ đây là một bảng tổng kết trung thành về bài phát biểu của Phao-lô. Thứ hai, thậm chí nếu Luca cung cấp một kỹ thuật đầy đủ đến từng chữ một, nó vẫn sẽ không đem đến cho chúng ta tất cả mọi điều Phao-lô nói với người A-then. Ông đã lý luận mỗi ngày với tất cả và những điều lật vạt nơi phố chợ thậm chí trước khi ông được mời phát biểu trước tòa; và một vài thành viên của tòa ít nhất đã nghe hay thậm chí tham gia vào. Trong những cuộc thảo luận đó ông rõ ràng trình bày Tin lành Cơ đốc cách cụ thể và nhấn mạnh về Thân Vị của Chúa Jê-sus và sự phục sinh của Ngài như ông đã làm ở nhà hội tại Ê-sa-lô-ni-ca (dù chẳng có gì nghi ngờ nếu ông sử dụng thuật ngữ khác). Đó chính là những tham chiếu thường xuyên của Phao-lô về Chúa Jê-sus và sự phục sinh của Ngài vốn thu hút sự chú ý của hai phái Epicureanism và Stoicism, và dẫn đến việc được mời để giải thích về hai từ ngữ này trước tòa.

Thuật ngữ Phao-lô sử dụng đã gây ra hai khó khăn cho họ. Một là “Jê-sus” và “sự phục sinh” mà đối với họ nghe có vẻ như là hai vị thần linh. Thần thoại ngoại giáo của họ đầy dẫy những vị tiểu thần linh, là những vị thần linh đã từng là những vị anh hùng huyền thoại trên trái đất, và sau khi chết được xem là được cất nhắc, ví như Herakles, thành người cùng hội với các vị thần; trong khi những vị thần khác được tôn thờ tại các đền miếu do những người mộ đạo xây dựng để thần linh của họ cư ngụ sau khi chết. Trường phái Stoicism cũng được sử dụng để giải thích các vị thần trong các vị thờ thần truyền thống chính là những tiến trình vĩ đại và huyền bí giữ cho vĩ trụ tiến về phía trước. Tất cả những người thuộc phái Stoicism đều biết “Sự phục sinh” có thể là một trong những vị thần này. Sự hiểu sai của họ vốn dễ hiểu trong ngoại giáo; nhưng nó là một sai lầm trầm trọng, và trong bài phát biểu của mình Phao-lô phải tập trung vào việc sửa lại cho đúng.

Điều gây rắc rối còn lại trong những từ ngữ của Phao-lô, ấy là có phải hai “vị thần” mà ông dường như đang quảng bá là những vị thần ngoại quốc; và điều đó có thể khiến dân thành A-then cảnh giác với họ. Sau đó là sự cần thiết phải giải quyết hai khó khăn này, vốn là điều xác định phần lớn hình dáng và thời lượng của bài phát biểu

của ông. Ông cần phải sửa lại khái niệm về thần linh của người theo ngoại giáo: Chúa Jêsus không phải là một vị thần, như là một trong nhiều vị thần, theo ý nghĩa ngoại giáo; sự phục sinh thì không phải là một vị thần gì cả, nhưng là một sự kiện lịch sử; và cả hai đều không phải là thần linh ngoại quốc.

Cơ đốc giáo không phải là một tôn giáo ngoại quốc

Vì vậy chúng ta hãy bắt đầu bằng việc nhận lấy toàn bộ trận càn quét trong bài phát biểu của Phao-lô và xem làm thế nào ông đánh đổ tư tưởng cho rằng điều ông giảng là thuộc về nước ngoài. Đức Chúa Trời mà ông công bố là “Đức Chúa Trời đã dựng nên thế giới và mọi vật trong đó, là Chúa của trời đất...Ngài là Đấng ban sự sống, hơi sống, muôn vật cho mọi loài” (17:24-25). Ngài không thể được xem là ngoại quốc ở bất kỳ nơi nào trong vũ trụ của Ngài. Hơn nữa, bất chấp sự gia tăng nhanh chóng của các chủng tộc và văn hóa trên mặt đất, thì Đức Chúa Trời này đã tạo nên tất cả các dân tộc không có ngoại lệ, và còn hơn thế nữa, Ngài tạo dựng từ một người (17:26). Vì vậy, không có quốc gia nào có thể đứng trên niềm tự hào văn hóa và dân tộc, và xem Đức Chúa Trời này là một tài sản đặc biệt của một quốc gia hay nền văn hóa khác, và không thích hợp với nó. Đức Chúa Trời này cũng duy trì tất cả các thành viên của mỗi quốc gia, vì “tại trong Ngài, chúng ta được sống, động, và có” (17:28). Người Châu Á và Châu Âu không được duy trì bởi những vị thần khác tùy theo lục địa và quốc gia mà họ cư trú. Vậy nên, nhìn nhận rằng Đức Chúa Trời và Đấng Bảo toàn của toàn nhân loại, Ngài hiện tại có quyền “biểu hết thầy các người trong mọi nơi đều phải ăn năn” (17:30). Ngài không phải là một Đức Chúa Trời có quyền can thiệp vào một vài quốc gia hay nền văn hóa mà Ngài thích hợp với đặc tính và khái niệm của họ, và không có quyền can thiệp vào những quốc gia và nền văn hóa khác bởi vì Ngài xa lạ đối với cách suy nghĩ của họ. Ngài tạo nên hết thầy bọn họ, Ngài bảo toàn hết thầy, và Ngài ra lệnh hết thầy mọi người ở mọi nơi ăn năn. Hơn nữa, Ngài sắp xét đoán thế giới bằng sự công bình; không chỉ một phần, nhưng toàn bộ (17:31). Ngài có quyền phán xét hết thầy, và công lý tuyệt đối có thể sẽ đòi hỏi rằng Ngài nên phán xét tất cả công bằng không thiên vị. Thời gian cho sự

phán xét đó đã định; và sự bảo đảm rằng sự phán xét sẽ thật sự diễn ra thì bây giờ “đã được ban cho mọi người,” và ban cho dưới hình thức khiến cho nó ngay lập tức thích hợp với tất cả nhân loại ở khắp mọi nơi, dù họ mang quốc tịch nào hay thuộc về nền văn hóa nào: một Con người, loài người, đã được khiến từ kẻ chết sống lại (17:31).

Chúng ta quan sát thấy rằng ít nhất là trong bài phát biểu của ông tại thời điểm này, Phao-lô không nỗ lực giải thích rằng Chúa Jêsus đã chết, sống lại là Con của Đức Chúa Trời, dù điều đó là sự thật, cũng không diễn giải sự huyền bí của mối liên hệ giữa ba ngôi Đức Chúa Trời. Điều đó có thể là một điều khó khăn để làm vào lần gặp mặt đầu tiên cho những người ngoại giáo quá mới mẻ, là những người có tư tưởng bị đặt điều kiện bởi các sự huyền bí của các vị thần đã đến trên đất và có con với phụ nữ loài người. Nhưng thậm chí nếu điều đó có thể được thực hiện mà không tạo ra những ấn tượng sai, đó cũng không phải là điểm mà Phao-lô muốn nói đến. Nói rằng Con Đức Chúa Trời đã được khiến sống lại từ cõi chết, dù đúng, sẽ làm cho có vẻ như Ngài khác với loài người. Thậm chí ông không nói đến điều này, rằng Đức Chúa Trời đã khiến Chúa Jêsus từ cõi chết sống lại; vì “Jêsus” có thể nghe như là một cái tên ngoại quốc đối với người Hy Lạp. Điều Phao-lô muốn nhấn mạnh, và điều ông vì thế đã nói, là Đức Chúa Trời đã khiến một Con người sống lại từ cõi chết. Điều quan trọng không phải Ngài là một người Do thái, và là một người Do thái rất đặc biệt, nhưng rằng Ngài là một con người. Thân thể đã sống lại mà người ấy đang sở hữu có, được áp dụng cho tất cả nhân loại của mọi thời đại, mọi chủng tộc, quốc gia, ngôn ngữ, và văn hóa, đơn giản bởi vì cả Ngài và họ đều là con người.

Sự sống lại của Chúa Jêsus: Bước ngoặt của lịch sử

Nhưng sự sống lại của một con người, Jêsus, không chỉ là sự đảm bảo của Đức Chúa Trời rằng Ngài sẽ phán xét thế giới bằng sự công bình; nó cũng là lời giải thích rằng, sau khi đã nhìn xuyên qua những thế kỷ trong quá khứ của dân ngoại giáo không biết Ngài, bây giờ Đức Chúa Trời ra lệnh cho tất cả mọi người ở mọi nơi phải ăn năn.

Ở đây chúng ta phải đi chậm lại, và cẩn thận cân nhắc các từ ngữ Phao-lô sử dụng, để đảm bảo chúng ta hiểu những tuyên bố của

Phao-lô theo đúng ý nghĩa mà ông muốn nói.

Chúng ta có thể hỏi để bắt đầu, làm thế nào sự phục sinh của Đấng Christ hình thành một lý do để bây giờ ra lệnh cho tất cả mọi người mọi nơi ăn năn? Phải thừa nhận rằng nó đem thêm sự bảo đảm cho thực tế rằng sẽ có một sự phán xét. Nhưng dù sao đi nữa chẳng phải điều đó luôn luôn đúng sao? Chẳng phải tất cả mọi người mọi nơi trong các thế kỷ trong quá khứ cần ăn năn dưới ánh sáng của tin lành sao? Tại sao sự kêu gọi ăn năn bây giờ trở nên vô cùng phổ quát và vô cùng khẩn cấp?

Thứ hai, trong khi đề ý rằng Đức Chúa Trời đã bỏ qua những thế kỷ không biết Ngài trong quá khứ kia, Phao-lô không nói rằng tội lỗi mà dân ngoại phạm trước sự giáng sinh, sự chết, và sống lại của Đấng Christ không bao giờ được dùng để chống lại họ; rằng tất cả tội lỗi đó đã được tự động tha thứ, hay thật sự được bỏ qua và không bao giờ tham gia chống lại những vi phạm của họ?

Không, thật sự không phải vậy. Phao-lô không có mâu thuẫn, hay thậm chí thỏa hiệp, trước những điều đến một ngày ông viết trong thư gửi cho người La-mã, rằng toàn thế giới, cả người Do thái và dân ngoại của mọi thời đại khắp mọi nơi sẽ phải chịu trách nhiệm trước sự phán xét của Đức Chúa Trời (Rô. 1: 18-2:16). Vậy tại sao sự phục sinh của Đấng Christ làm cho nó cần thiết ngay bây giờ để kêu gọi mọi người thuộc mọi quốc gia ở mọi nơi ăn năn, theo cách chưa bao giờ xảy ra trong những thế kỷ trước?

Chúng ta sẽ tìm câu trả lời nếu chúng ta nhớ lại ý nghĩa của cụm từ “xét đoán thế gian bằng sự công bình” từ những thảo luận trước kia (pp. 282-284). Phao-lô không đang suy nghĩ đơn giản về sự phán xét sẽ phải đối mặt sau khi chết, như là trước giả sách Hê-bơ-rơ mô tả: “theo như đã định cho loài người phải chết một lần, rồi chịu phán xét” (Hê. 9:27). Dĩ nhiên, sẽ có một lần phán xét như vậy, và Đấng Christ sẽ là Đấng phán xét. Giăng nói trong sách Khải Huyền, “những kẻ chết, cả lớn và nhỏ, đứng trước tòa, và ... những kẻ chết bị xử đoán tùy công việc mình làm, cứ như lời đã biên trong những sách ấy. Biển đem trả những người chết mình chứa; sự chết và Âm phủ cũng đem trả những người chết mình có. Mỗi người trong bọn đó

bị xử đoán tùy công việc mình làm.” (Khải. 20:12-13). Sự phán xét dành cho người chết, tất nhiên là sau khi chết; đoạn Kinh thánh cho biết rất rõ ràng.

Nhưng Đấng Christ sẽ làm nhiều hơn là chỉ đoán xét kẻ chết: Ngài sẽ phán xét người sống nữa, như là Tân ước đã nhiều lần khẳng định, “chính Ngài là Đấng Đức Chúa Trời đã lập lên để đoán xét kẻ sống và kẻ chết.” (10:42); “[Ngài] đã sẵn sàng xét đoán kẻ sống và kẻ chết.” (1 Phi. 4:5); “Đức Chúa Jêsus Christ... sẽ đoán xét kẻ sống và kẻ chết” (2 Ti. 4:1).

Vậy thì khi nào Ngài sẽ phán xét kẻ sống? Dĩ nhiên là vào lần hiện đến thứ hai. Tân ước nói về “con thanh nộ hầu đến” theo ý nghĩa không đơn giản nói về tương lai, nhưng là nó sẽ đến khi Chúa Jesus đến. Nhớ lại điều sau này Phao-lô đã viết cho những tín hữu tại Tê-sa-lô-ni-ca không lâu sau khi ông rời khỏi A-then:

Điều này sẽ xảy ra khi Chúa Jêsus được tỏ ra từ thiên đàng trong ngọn lửa hùng với các thiên sứ của Ngài. Ngài sẽ trừng phạt những người không biết Đức Chúa Trời và không vâng theo Tin lành của Chúa Jêsus chúng ta. Họ sẽ bị trừng phạt đời đời bằng sự hủy diệt và ngăn cách khỏi sự hiện diện của Đức Chúa Trời và sự uy nghi của quyền năng Ngài trong ngày Ngài hiện đến... (2 Tê. 1: 7-10).

Thật sự lời Phap Lô giảng về sự hiện đến của Đức Chúa Jêsus và con thanh nộ theo sau đã đưa nhiều người Tê-sa-lô-ni-ca trở lại “cùng Đức Chúa Trời, bỏ hình tượng đặng thờ Đức Chúa Trời hằng sống và chân thật, đặng chờ đợi Con Ngài từ trên trời, là Đức Chúa Jêsus mà Ngài đã khiến từ kẻ chết sống lại, tức là Đấng giải cứu chúng ta khỏi con thanh nộ ngày sau” (1 Tê. 1:9-10)

Vậy nên, Phao-lô đang giảng cho Tòa A-rê-ô-ba tao nhã Tin lành ông đã giảng tại Tê-sa-lô-ni-ca (và mọi nơi khác): Đức Chúa Trời đã khiến Chúa Jêsus từ cõi chết sống lại trong thân thể; trong một thân thể dù khác, tuy nhiên vẫn là một thân thể vật lý có thể tương tác với thế giới vật lý trong tình trạng hiện tại (xem trang 34). Trong chính thân thể đó Ngài sẽ trở lại (1:11), và khi Ngài đến Ngài sẽ phán xét kẻ sống. Sự phục sinh thân thể của Ngài là đảm bảo của Đức Chúa Trời rằng mọi việc sẽ xảy ra như vậy.

Vậy thì đây là lý do tại sao Phao-lô kêu gọi người A-then ăn năn

ngay bây giờ. Trong các thế kỷ trong quá khứ dân ngoại chắc chắn đã phạm tội, và sự thiếu hiểu biết của họ về Đức Chúa Trời chân thật vốn đáng bị hình phạt, như chúng ta sẽ thấy. Khi họ chết, nếu họ không ăn năn, đặt niềm tin vào Đức Chúa Trời, phó mình vào trong sự thương xót của Ngài, thì họ sẽ bị giam cầm cho đến ngày kẻ chết sẽ bị phán xét (tham khảo 2 Phi. 2:4-9). Nhưng trong suốt những thế kỷ dài đó, mặc cho tội lỗi của quốc gia và sự thiếu hiểu biết đáng bị trừng phạt, Đức Chúa Trời đã không can thiệp và sai con Ngài đến trong thế giới để phán xét thế giới. Trong sự kiên nhẫn và chịu đựng Ngài đã bỏ qua những lần thiếu hiểu biết đó. Thậm chí lâu sau này khi Ngài đã gửi Con Ngài vào thế gian, thì cũng không phải để Ngài phán xét thế gian, nhưng để Ngài có thể cứu thế gian. Trong suốt các thế kỷ tiền Cơ đốc, sự hiện đến của Đấng Christ để phán xét thế giới không sắp xảy ra. Ngài phải đến và chịu chết trước. Nhưng sự chết và phục sinh của Ngài đã thay đổi hết thảy những điều đó. Bây giờ sự hiện đến lần thứ hai của Ngài không chỉ được đảm bảo, mà cũng đã đến gần. Hết thảy chúng ta đều sống trong thì giờ cuối cùng. Khi Ngài đến Ngài sẽ phán xét kẻ sống khắp trên thế giới. Bây giờ Đức Chúa Trời ra lệnh cho tất cả mọi người mọi nơi ăn năn; và mệnh lệnh phải được truyền tải đến toàn thế giới.

Nhưng Ngài vẫn chưa đến: vậy chúng ta có nên vì thế lý luận để nghi ngờ toàn bộ câu chuyện sau những thế kỷ dài này? Sự phản đối đó đã được ít người đề cập đến khi giảng dạy về sự hiện đến thứ hai trong một đoạn thời gian tương đối ngắn sau cái chết của Phao-lô (2 Phi. 3:3-4), và câu trả lời được đưa ra thì vẫn còn hiệu lực (2 Phi. 3:9).

Tội không biết Chúa của dân ngoại

Chúng ta đã nói rằng sự thiếu hiểu biết về Đức Chúa Trời chân thật của dân ngoại trước sự hiện đến lần thứ nhất của Đấng Christ là sự thiếu hiểu biết đáng bị hình phạt. Chúng ta cũng nói: rằng những lập luận của Phao-lô trong suốt phần chính của bài phát biểu của ông với tòa A-rê-ô-ba là để chứng minh nó là tội lỗi. Bây giờ chúng ta phải chứng minh tuyên bố này.

Trước nhất, hãy xem xét mở đầu của Phao-lô: “Hỡi người A-thên,

phàm việc gì ta cũng thấy các người sốt sắng quá chừng.” (17:22). Chúng ta không nên vội vàng kết luận rằng Phao-lô nhất thiết có ý định khen ngợi họ về điều này. Lu-ca cho chúng ta biết trước đó ông đã đau buồn (17:16) khi ông đi lại trong thành phố và nhìn thấy thế nào toàn thể thành phố đầy dẫy thần tượng. Thật ra ông rất khó khen ngợi họ vì điều đó. Từ ngữ Hy Lạp ông sử dụng để nói “tôn giáo” có thể còn có nghĩa sùng đạo hay mê tín dị đoan. Trong một vài ngữ cảnh, rất rõ để hiểu ý nghĩa người nói định nói; trong một số ngữ cảnh khác thì chính người nghe hay người đọc phải tự hiểu theo nghĩa mình thích. Tại đây cũng vậy. Phao-lô có thể nhận thấy rằng họ rất sùng đạo – đó là sự thật. Sự đánh giá của ông về sự kiện, dầu sự cuồng tín của họ là cuồng tín hợp lý hay là mê tín dị đoan, ông cũng không cần giải bày cách tột tệ ngay trong câu mở đầu của mình. Chúng ta sẽ hiểu rõ ràng hơn khi ông tiếp tục. Từ ngữ đó trở nên phương tiện rất chiến lược để sử dụng: bản thân nó không mang sự kết án. Bên cạnh đó, trong tôn giáo truyền thống có nhiều điều mà những người theo trường phái Stoicism và Epicureanism sẽ không chấp nhận cách công bằng. Phao-lô không có ý định đánh mất sự tôn trọng của họ ngay từ đầu bởi đứng về phía những người bảo vệ truyền thống và khen ngợi họ vì những thứ mê tín dị đoan vô nghĩa của họ.

Ông giải thích, dòng chữ trên một trong rất nhiều bàn thờ của họ đã đặc biệt gây ấn tượng với ông về sự cuồng tín lạ lùng của họ (17:23). Dòng chữ có thể được dịch là “Thờ một vị chúa nào đó không biết” hay “thờ chính vị chúa không biết”; nhưng dù là cách nào cũng ngụ ý rằng nó không phải là một thừa nhận của dân thành A-then rằng có một Đức Chúa Trời tối cao và có thật tồn tại, là đáng họ không may không được biết. Đó là một bày tỏ về chủ nghĩa đa thần của họ. Họ tin vào vô số thần linh; và họ đã dựng nhiều bàn thờ để ghi điểm cho chính mình. Như thỉnh thoảng đã xảy, nếu họ phải phục hồi một bàn thờ cũ, một dòng chữ ban đầu không còn có thể đọc được, họ sẽ ghi nó lại bằng những từ “thờ một vị chúa (hay thờ chính vị chúa) không biết.” Cũng có một truyền thuyết liên hệ đến một Epimenides nhất định, từ một người mà Phao-lô trích dẫn thơ của ông sau đó. Trong suốt trận dịch ông đã khuyên dân thành A-then dâng cừu làm tế lễ tại nhiều chỗ khác nhau cho một vị thần phù hợp, và khi

họ không biết vị thần nào đích thị là vị thần của một nơi cụ thể nào đó, họ ghi trên bàn thờ là “thờ chúa không biết” của nơi cụ thể đó.

Đây chính là sự chua xót vì sai trật của chủ nghĩa đa thần. Một khi chấp nhận rằng có nhiều thần linh, người ta không bao giờ chắc chắn rằng sự thờ phượng của họ bao gồm hết thấy các vị thần: luôn luôn có thể có vài vị thần nữa mà họ chưa biết. Và chừng nào quý vị đề cập đến Đức Chúa Trời chân thật duy nhất như là một Vị thần nữa, nhưng không được biết đến, ở giữa hàng trăm vị thần khác, thì quý vị không thể thực sự biết rõ ràng về Ngài.

Dù vậy Phao-lô đầy lòng thương xót công bố: “[Điều] các người thờ mà không biết đó (hay “thiếu hiểu biết”), là [Điều] ta đang rao truyền cho” (17:23).

Chúng ta cần lưu ý từ trung tính: “điều...điều” không phải “Đấng...Đấng” (Nguyên bản Truyền thống Việt ngữ: Đấng mà các người thờ phượng đó, là Đấng ta đang rao truyền cho – ND). Không phải họ đã mơ hồ thờ phượng một Đức Chúa Trời duy nhất chân thật; họ không thờ phượng Ngài chút nào. Ở mức độ tốt nhất, như hầu hết tất cả mọi người làm theo bản năng, họ đang thờ phượng “lực lượng siêu nhiên,” “siêu nhân,” “thần linh”; và điều Phao-lô hiện tại sắp làm là nói cho họ sự thật về thần linh, ấy là chỉ có một Đức Chúa Trời chân thật duy nhất. Ngài hoàn toàn khác với bất cứ điều nào họ đã thờ phượng. Để thờ phượng và phục vụ Ngài, như Phao-lô nói cho người Tê-sa-lô-ni-ca (1 Tê. 1:9), người ta phải xây bỏ hình tượng. Người ta không thể đồng thời thờ phượng cả hai. Để chỉ cho họ điều này ông bắt đầu chỉ ra những nhận thức sai lầm nghiêm trọng mà vô số đền thờ của họ lập nên; và rằng, sâu xa hơn nữa, vô số những đền thờ đến phiên chúng tăng cường hiểu lầm cơ bản.

“Đức Chúa Trời đã dựng nên thế giới và mọi vật trong đó, là Chúa của trời đất,” do đó Ngài “chẳng ngự tại đền thờ bởi tay người ta dựng nên đâu” (17: 24).

Thực tế rõ ràng là tuyên bố này hầu như dẫn đến một sự thật hiển nhiên: nếu Đức Chúa Trời tạo nên toàn cõi vũ trụ, rõ ràng người ta không thể chứa đựng, hay cầm giữ Ngài trong một kiến trúc do con người làm ra. Người theo phái Stoicism đã chứng minh điều đó; và

người theo phái Epicureanism, là những người cho rằng thần linh không phải là những đấng tạo hóa, nhưng chỉ là thành phần trong vũ trụ vật chất, sẽ đồng ý rằng thậm chí các thần linh không thể được chứa đựng trong các đền thờ do con người làm ra. Không chỉ các triết gia nhận biết điều đó, nhà thơ kịch người A-then Euripides nhiều thế kỷ trước đã diễn tả ý tưởng tương tự: “Nhà nào xây bởi những thợ thủ công có thể chứa đựng hình dáng của thần linh bên trong các bức tường của nó?” (f30) Vậy nên nếu bất cứ một người A-then nào, vẫn tiếp tục nghĩ và cư xử như là các ngôi đền có thể chứa đựng thần linh, thì hành vi ngu dốt đó là có tội vì đã bỏ qua điều hiển nhiên và là điều họ có thể biết được.

Dĩ nhiên, chúng ta biết điều người A-then có thể không biết, rằng Chúa Jêsus vẫn có một ngôi đền thờ của Đức Chúa Trời tại Giê-ru-sa-lem, và đã có một ngôi đền trong nhiều thế kỷ. Quả thật Cựu ước đã nói rằng nó được xây dựng theo mệnh lệnh của chính Đức Chúa Trời (2 Sam. 7:12-13). Có phải bây giờ Phao-lô đang nói rằng đền thờ của người Do thái đã được và luôn luôn được thiết lập trên một khái niệm sai lầm nghiêm trọng? Không, dĩ nhiên không phải.

Nhưng có hai điều chúng ta nên lưu ý về kinh nghiệm của Y-sơ-ra-ên. Đền thờ ngay từ khi xuất hiện lần đầu tiên, người xây dựng là Sa-lô-môn và vương quốc đã nhận ra rằng trong khi Đức Chúa Trời có thể hài lòng hiện diện trong đền thờ thì đền thờ không thể, và chưa từng chứa được Ngài (1 Vua 8:27); và sau đó tiên tri Ê-sai đã nhìn thấy (Ês. 66:1-2) điều sau này Ê-tiên đã công bố (7:48-50), rằng đền thờ của Y-sơ-ra-ên không phải là ngôi đền lý tưởng cuối cùng; đó là một hình mẫu tốt nhất của ngôi đền thật.

Nhưng điều thứ hai cần lưu ý về đền thờ của Y-sơ-ra-ên là như vậy: trong khi đền thờ tồn tại trải qua thời gian Y-sơ-ra-ên được đặt ở dưới sự cấm đoán nghiêm khắc không được phép xây dựng nhiều hơn một đền thờ. Chỉ có một “nhà của Đức Chúa Trời”: Đức Chúa Trời chưa bao giờ có ý định nên có nhiều “nhà của Đức Chúa Trời.” Mục đích của sự nghiêm cấm này có thể được nhìn thấy qua việc quan sát điều đã xảy ra khi dân Y-sơ-ra-ên không vâng theo hướng dẫn của Đức Chúa Trời, xây dựng nhiều ngôi đền thờ cho Đức Chúa

Trời khắp nơi. Chắc chắn sẽ dẫn đến một khái niệm thờ thần tượng về Đức Chúa Trời. Một Đức Chúa Trời chân thật duy nhất, chắc chắn Ngài “hiện diện nhiều nơi”: “Đức Giê-hô-va của Bê-tên,” “Đức Giê-hô-va của Đan,” “Đức Giê-hô-va của A-rát,” vân vân; và hiện tại đền thờ của Đức Giê-hô-va tại một số thị trấn hay nơi khác bỗng thấy mình cùng chia sẻ thị trấn ấy với “đền thờ của Ba-anh”; và trước khi người ta biết người ta ở đâu, Đức Giê-hô-va đã trở nên một trong số các vị thần linh được địa phương hóa.

Điều đã xảy ra trong Y-sơ-ra-ên trong các giai đoạn thoái hóa đã xảy ra khắp nơi trong thế giới ngoại giáo. Vị thần cấp cao Zeus có thể có một ngôi đền thờ trong một thành phố, nhưng vị thần thấp hơn là A-pô-lô cũng có thể có ngôi đền thờ của ông, và tất cả các vị thần khác đều có đền thờ của họ. Rồi khi hỏi những công dân địa phương, họ sẽ nói rằng họ tin rằng Zeus không thể bị giam hãm trong đền thờ của ông: ông đi dạo trên toàn bộ thiên đàng cũng như trên đất. Nhưng trong thành phố cụ thể của họ, Zeus cư trú trong ngôi đền thờ của ông, và A-pô-lô trong đền của ông, và A-then-na ở trong đền của mình và không xâm chiếm đền của các vị thần linh khác. Vì vậy, trong suy nghĩ của con người, và thật sự trong các thành phố của họ, thần Zeus quyền năng của họ thật sự bị giới hạn cách vô lý trong một ngôi đền. Dĩ nhiên, điều này là kết quả phát xuất từ một khái niệm về các thần tượng sai lạc của vũ trụ; nhưng đến lượt nó, nó củng cố khái niệm sai lạc trong tâm trí công chúng nói chung. Và điều tương tự cũng đúng – và vẫn đúng – đối với các bàn thờ và đền miếu, nơi người ta cung hiến để thờ phượng một vị thần, á thần, anh hùng hay con người được phong thần, và một người này đối với một người khác.

Người theo phái Stoicism sẽ đồng ý với Phao-lô về điều ông nói tiếp sau đó (và người theo trường phái Epicureansim cũng như vậy theo cách của họ, thậm chí họ làm như vậy vì những lý do sai trái). Phao-lô khẳng định rằng “Đức Chúa Trời đã dựng nên thế giới ... chẳng dùng tay người ta hầu việc Ngài dường như có cần đến sự gì, vì Ngài là Đấng ban sự sống, hơi sống, muôn vật cho mọi loài” (17:24-25). Sự thật về mệnh đề là hiển nhiên: nếu Đức Chúa Trời phải ban cho, và đã ban cho chúng ta mọi điều chúng ta có, chúng ta không có

điều gì thuộc về riêng mình để có thể làm hài lòng nhu cầu của Ngài, thậm chí nếu Ngài có bất cứ như cầu nào. Dĩ nhiên theo ý nghĩa đó, thì Ngài không có nhu cầu nào. Chúng ta cũng không có bất kỳ điều gì Ngài cần, để chúng ta có thể cung cấp và từ đó mua điều gì đó từ Ngài.

Nhưng ý tưởng cho rằng người ta có nhiều sự vật mà các thần linh yêu thích, và có nhu cầu, và có thể vì thế được sử dụng để mua những đặc ân mình ước muốn, vốn được lan rộng trong các tôn giáo ngoại giáo. Không chỉ trong các tôn giáo ngoại giáo; vào một số giai đoạn nhất định nó có thể được nhìn thấy ngay trong Y-sơ-ra-ên cổ đại nữa.

Lấy ví dụ về vấn đề dâng sinh tế. Từ những ngày đầu, Cựu ước chỉ ra rằng Đức Chúa Trời đã dạy dân sự dâng các tế lễ chuộc tội. Chúng chưa bao giờ mang hàm ý như là một món tiền trả cho Đức Chúa Trời để mua lấy sự tha thứ từ Ngài, và chắc chắn không dùng hối lộ để được Ngài tha thứ. Chúng là những biểu tượng được chỉ định mang tính thiêng liêng dạy cho con người rằng tội lỗi không thể được tha thứ mà không phải trả giá cho sự hình phạt của tội lỗi. Bản thân những con sinh tế không bao giờ trả án phạt: chúng chỉ là những biểu tượng và hình bóng về “giá chuộc tội” vĩ đại mà chính Đức Chúa Trời trong thân vị của Đấng Christ vào một ngày sẽ trả tại thập tự giá.

Tương tự, Đức Chúa Trời truyền phán rằng con người có thể mang súc vật và những vật khác như là của lễ để bày tỏ lòng biết ơn đối với Ngài và những quà tặng của Ngài. Nhưng một lần nữa, những của lễ đó chỉ là biểu tượng; không có của lễ nào là giá trả cho Đức Chúa Trời vì những món quà Ngài ban.

Tuy nhiên, hệ thống tế lễ đã bị xuyên tạc từ rất sớm. Trong văn học cận đồng cổ đại những vị thần linh được hình dung cách thô tục nhưng nhúc như những con ruồi bu quanh các của lễ được dâng lên bởi loài người. Trong Y-sơ-ra-ên rất lâu sau này, những ý tưởng tinh tế hơn mới được phổ biến, rằng bằng cách nào đó những tế lễ chuộc tội trả cho Đức Chúa Trời để được Ngài tha thứ và những tế lễ đó có thể mua được các phước lành của Ngài. Điều đó dẫn đến sự phản đối của Đức Chúa Trời: “Ta sẽ không bắt bò đực nơi nhà người, cũng chẳng lấy dê đực trong bày người; Vì hết thảy thú rừng đều thuộc về

ta. Nếu ta đói, ta chẳng nói cho người hay; Vì thế gian và muôn vật ở trong, đều thuộc về ta” (Thi. 50: 9-10). Người ta không thể trả cho Đức Chúa Trời bằng những đồng tiền của chính Ngài. Ý tưởng cho rằng người ta có thể làm như vậy là sai hoàn toàn.

Tuy nhiên những phiên bản phức tạp hơn về sai lầm cơ bản này đã gây khó khăn không chỉ cho tôn giáo ngoại giáo nhưng cũng cho Do thái giáo và thế giới Cơ đốc nữa. Một trong số đó là nếu chúng ta tốt, và đặc biệt nếu chúng ta tốt cách đặc biệt, chúng ta có thể tích lũy công đức để sau đó sử dụng để được sự tha thứ của Đức Chúa Trời, hay có được một chỗ trên thiên đàng của Ngài, hay bằng cách nào đó giải thoát bạn bè của chúng ta khỏi chịu khổ sở mà họ đáng ra phải chịu. Và một điều khác là công việc của tay chúng ta làm và của lễ của chúng ta dâng lên Đức Chúa Trời có thể bằng cách nào đó trở nên một phần của tế lễ của Đấng Christ cho tội lỗi, và vì thế giúp mua lấy sự tha thứ cho chúng ta.

Tất cả điều này là một biểu hiện được tinh lọc từ các tư tưởng của dân ngoại mà Phao-lô diễn giải tại A-then. Điều đáng buồn nằm ở chỗ người ta hiểu sai và giải thích sai trọng tâm và tính cách của Đức Chúa Trời chân thật. Ngài không kinh doanh. Ngài không bán tình yêu của Ngài hay sự tha thứ của Ngài cho chúng ta là những tội nhân bị phá sản về phần tâm linh, chúng ta cũng không thể mua sự cứu rỗi của Ngài. Chúng ta không cần làm như vậy. Tình yêu của Ngài ban sự cứu rỗi đó cho chúng ta cách nhưng không. Nếu Ngài sử dụng ẩn dụ về mua bán, thì Ngài làm như vậy để nhấn mạnh rằng chúng ta không cần phải trả một giá nào: “Hỡi những kẻ nào khát, hãy đến suối nước! Và người nào không có tiền bạc, hãy đến, mua mà ăn! Hãy đến, mua rượu và sữa mà không cần tiền, không đòi giá” (Ê s. 55: 1). Đức Chúa Trời cứu chúng ta khỏi sa vào ngoại giáo; hay nếu chúng ta đã sa vào, thì Ngài ban cho chúng ta sự khôn ngoan để ăn năn, như là người dân thành A-then đã được kêu gọi vậy.

Cuối cùng, Phao-lô phải đối phó với một sai lầm đã và vẫn rất phổ biến trong thế giới ngoại giáo: đó là bởi vì các quốc gia đã trưởng thành tại những nơi khác nhau của thế giới và vì thế đã phát triển nền văn hóa riêng của họ và cách nhìn nhận sự việc, họ có quyền để hình

dung về Đức Chúa Trời, hay các vị thần linh, theo cách thu hút đối với lối suy nghĩ riêng biệt của họ. Chẳng hạn nếu người dân thành A-then bị thu hút theo cách nhìn nhận sự việc để suy nghĩ về các vị thần linh theo một cách có tính chất đa thần, vậy thì điều đó cũng có giá trị giống như suy nghĩ về Đức Chúa Trời theo cách độc thần vốn thu hút người Do thái cùng với văn hóa rất khác biệt của họ. Ý tưởng này sai, dù cho nó đã và vẫn có một phần nhỏ sự thật vừa đủ để khiến nó dường như là sự thật đối với rất nhiều người.

Nếu bạn và tôi nhìn vào một đóa uất kim hương, cả hai chúng ta sẽ nhìn thấy rất nhiều điểm giống nhau; nhưng sau đó bạn có thể chú ý thấy những đặc điểm trong đó mà tôi không chú ý đến, và ngược lại. Nhưng nếu cả hai chúng ta nhìn vào cùng một đóa uất kim hương, và tôi tuyên bố nhìn thấy một con mèo, một con khỉ, và một con voi thì hoặc là có gì đó sai trật với khả năng nhìn của tôi hay của não bộ của tôi, hoặc là tôi thật ra không nhìn vào đóa uất kim hương. Chắc chắn văn hóa của tôi không thể được viện dẫn để xác nhận cách tôi nhìn đóa uất kim hương.

Phao-lô không chỉ thừa nhận rằng Đức Chúa Trời đã đặt nhân loại ở những phần khác nhau trên thế giới và ban cho họ những biên giới khác biệt và khí hậu, điều kiện, và lịch sử khác biệt, Phao-lô đã khẳng định điều đó, và gắn thuộc tính đó vào sự toàn năng quả quyết của Đức Chúa Trời (17:26). (Điều này chắc sẽ làm người theo trường phái Stoicism hài lòng!) Kết quả chân thật và những khác biệt văn hóa lành mạnh vì vậy được nhìn thấy như là ý chỉ của Đức Chúa Trời, là Đáng yêu thích sự đa dạng.

Nhưng Phao-lô chỉ ra rằng bên dưới những khác biệt về văn hóa có sự hiệp nhất cơ bản. Điều đó không chỉ đơn thuần là một Đáng Tạo hóa đã tạo nên loài người, nhưng cũng là vào ban đầu Ngài đã tạo nên chúng ta từ một tổ phụ chung là A-đam (17:26). Chúng ta có thể cường điệu ý nghĩa đặc biệt của những khác biệt của chúng ta. Bản nhân thì giống nhau đối với mọi người. Quy luật về sự hợp lý không thể thay đổi tùy thuộc vào sự khác biệt của các nền văn hóa. Công lý, thực hành công lý, phải được áp dụng cho tất cả các quốc gia và nền văn hóa mà không được thiên vị. Những người theo phái Stoicism

vào thời của Phao-lô từ lâu đã nhìn thấy điều này, và họ đã than phiền chủ nghĩa dân tộc hẹp hòi và sự khác biệt về văn hóa rồi nếu họ giấu diếm thực tế rằng tất cả chúng ta là công dân của thế giới.

Phao-lô nói, hơn nữa quyền năng của Đức Chúa Trời đã phân tán người nam và người nữ mọi nơi trên thế giới và ban cho mỗi người các hoàn cảnh riêng để họ có thể đến lượt mình sử dụng sự chủ động Đức Chúa Trời ban cho để thực hiện cuộc tìm kiếm Đức Chúa Trời cách cá nhân và riêng tư, cảm nhận về Ngài, và tìm Ngài (17:27). Phao-lô thừa nhận, cuộc tìm kiếm đó đối với nhiều người có thể giống như là đang mò mẫm. (f 31) Nhưng thật sự nhiệm vụ Đức Chúa Trời đã giao cho chúng ta không phải đều khó đến như vậy. Chúng ta không cần phải đưa tay ra một quãng dài: Đức Chúa Trời thật ra không ở xa bất cứ ai trong chúng ta. Ngài muốn mỗi cá nhân đưa tay ra và tìm Ngài, và vì thế Ngài đã đặt để chính mình Ngài gần bên mỗi chúng ta: “Vì tại trong Ngài, chúng ta được sống, động, và có” (17:28).

Cũng không phải đây chỉ đơn giản là là cái nhìn sâu sắc của một người Do thái được yêu mến với sự khải thị đặc biệt của Đức Chúa Trời về chính Ngài cho Y-sơ-ra-ên. Trích dẫn vừa được trưng dẫn là của một thi sĩ Hy Lạp cổ đại. Dĩ nhiên, ông không nói đến Đức Chúa Trời chân thật mà Cơ đốc nhân biết, nhưng về Đức Chúa Trời tối cao, bất kể Ngài là ai. Nhưng Ngài nhìn thấy đủ rõ ràng những gì cần là bằng chứng cho tất cả mọi người có lòng quan tâm để mở mắt họ: chúng ta không tự tạo nên chính mình; chúng ta không thể bảo tồn thế giới mà chúng ta đang sống; mặt trời cũng không phải là thiết yếu đối với sự sinh tồn của chúng ta. Chúng ta hoàn toàn và liên tục lệ thuộc vào Đấng ban cho chúng ta sự sống để bảo tồn sự sống trong chúng ta. Ngay cả không khí chúng ta thở cũng được Ngài cung cấp và đặt để quanh chúng ta và trong chúng ta.

Hơn nữa, Phao-lô chỉ ra (17:28-29) – và lần này ông trích dẫn từ một thi sĩ Hy Lạp khác, một Aratus nào đó, là đồng hương với Phao-lô (cả hai đều đến từ Si-li-si) và còn hơn vậy nữa, là một người theo phái Stoicism – “Chúng ta cũng là dòng dõi của Ngài.” (f33) Khái niệm của Aratus về Đức Chúa Trời sẽ là phiếm thân và vì vậy không

thích đáng. Nhưng nó phục vụ điều mà Phao-lô muốn chỉ ra. Nếu là những tạo vật chúng ta bắt nguồn từ Đấng Tạo hóa, chúng ta có thể kể nhiều điều về Đấng Tạo hóa từ việc quan sát bản thân. Những người thuộc phái Stoicism đã làm điều đó, và tìm ra được vài con đường đi đến với tri thức về Đức Chúa Trời chân thật. Họ tìm thấy chính bản thân chứa đựng nguyên nhân: Cội nguồn mà từ đó họ hiện hữu, vì vậy, họ lý luận, không thể ít sâu sắc hơn chính họ. Thật ra đó phải là Nguyên nhân Tối cao, mà từ đó tất cả các sự sâu sắc trong vũ trụ khởi phát.

Khi Phao-lô chỉ ra, ngay lập tức lời ấy bác bỏ toàn bộ tập tục của dân ngoại về việc trình bày Đức Chúa Trời dưới hình dạng kim loại và bằng đá. Đành rằng người ngoại giáo có tri thức sẽ nói rằng những ảnh tượng này chỉ là những hình ảnh nhắc nhở về các vị thần linh. Nhưng thậm chí khi chỉ là những công cụ để nhắc nhở thì chúng cũng thất bại. Chúng còn kém hơn cả con người: như thi sĩ Hê-bơ-rơ đã nói,

Chúng có miệng mà không nói;
Có mắt mà chẳng thấy;
Có tai mà không nghe;
Có lỗ mũi mà chẳng ngửi (Thi. 115:5-6)

trong khi chúng lẽ ra không thể kém, nhưng phải hơn con người. Thật sự thì việc Đức Chúa Trời vĩ đại hơn con người đến mức nào là điều không thể hiểu được, đến nỗi Đức Chúa Trời đã cấm con người dùng bất kỳ nỗ lực nào của bản thân họ để tượng trưng cho Ngài.

Nhưng mục đích vẫn còn lại: không có gì nghi ngờ, Đức Chúa Trời vĩ đại hơn con người chúng ta vô hạn; Ngài chắc chắn không kém hơn. Ngài không có mắt giống như chúng ta; nhưng Ngài ban cho chúng ta khả năng nhìn thấy chính Ngài. Ngài không có lỗ tai vật lý như chúng ta; nhưng như thi sĩ Hê-bơ-rơ đã thốt lên, “Đấng đã gắn tai há sẽ chẳng nghe sao?” (Thi. 94:9).

Chính điều này đã mang sự đối trá vào trong tất cả các hình thức của học thuyết về nguồn gốc loài người, cổ đại hay hiện đại của trường phái Epicureanism. Loài người chúng ta biết mình là một cá thể: Cội nguồn nơi chúng ta xuất phát không thể và không kém hơn con người. Người theo trường phái Stoicism đã đúng khi tranh biện

rằng nếu chúng ta là sâu sắc thì Cội nguồn của chúng ta không thể kém sâu sắc. Nhưng họ đã không đi đủ xa. Loài người chúng ta là những cá nhân, không phải chỉ là những mạng lưới được vi tính hóa của các tiến trình lý luận phi cá nhân. Đấng Tạo hóa của chúng ta, không kém mang tính người hơn chúng ta, mà nhiều hơn.

Vì vậy, Đức Chúa Trời thật sự không cách xa mỗi một người trong chúng ta; Ngài cũng không xa khỏi các quốc gia ngoại bang thời cổ đại. Tạo vật quanh họ bảo cho họ biết, chỉ cần họ chịu lắng nghe, rằng Đấng Tạo hóa tạo ra trời và đất không thể được chứa bởi một cái đền thờ. Tạo vật quanh họ chỉ cho họ thấy, chỉ cần họ nhìn và xem, rằng Đấng Tạo hóa của họ đã phải cho (mà thực ra là ban cho) họ tất cả mọi điều họ có, là Đấng tự chu cấp, độc lập với loài người. Họ phải nhìn vào bản thân mình để biết rằng về phương diện cá nhân Đấng Tạo hóa của họ không kém hơn, không kém khôn ngoan, không kém hợp lý, sâu sắc, không kém hơn họ. Nhiều người trong số họ thực ra đã nhận thức được điều này, Socrate là một ví dụ đáng chú ý. Nơi nào sự thiếu hiểu biết chiếm ưu thế, thì đó là tội.

Chính sự chối bỏ những lẽ thật này đã đánh cắp hy vọng của rất nhiều người trong thế giới cổ đại, và có lẽ còn nhiều hơn trong thế giới hiện đại của chúng ta. Nếu không có một Đấng Tạo hóa Cá nhân, và loài người chúng ta phát sinh từ những vật chất phi cá nhân mù lòa được tạo ra bởi những lực lượng phi cá nhân mù lòa, rồi chúng ta trở thành như chúng ta hiện nay, giống như tất cả các bậc tiền nhân, đều ở trong một nhà tù gồm ghiếc. Đến một ngày một loại vi-rút sẽ thâm nhập vào cơ thể của chúng ta và hủy phá chúng ta, thân thể, não bộ, ý thức thẩm mỹ của chúng ta, năng lực lập kế hoạch hợp lý, và năng lực yêu thương. Chúng ta sẽ có trí khôn để nhìn thấy đang hướng đến điều gì; và vẫn khôn ngoan đủ để nhìn biết rằng khi chúng ta không kiểm soát việc chúng ta trở thành cái gì, thì chúng ta sẽ không thể ngăn cản mảnh vật chất phi cá nhân, phi trí tuệ khỏi phá hủy chúng ta. Sự trở trêu cuối cùng sẽ là khi nó đã phá hủy chúng ta, nó thậm chí không biết điều nó đã làm, cũng không biết nó đã làm điều đó. Và trên hết thấy, vĩnh viễn không có hy vọng nào cho chúng ta.

Chẳng có gì ngạc nhiên khi Đức Chúa Trời bởi lòng thương xót

của Ngài đã kêu gọi người dân thành A-then ăn năn – mở mắt của họ ra, cất khỏi sự thiếu hiểu biết, và đối mặt với sự thật đầy vinh hiển: Đức Chúa Trời có thể được tìm thấy; Con người Jê-sus đã sống lại từ cõi chết; còn có hy vọng nào cho loài người và cho thế giới hơn nữa.

KẾT QUẢ

Kết quả của Chuyển động 2 ngắn gọn nhưng không thiếu ý nghĩa. Một vài người đã viết về bài diễn văn của Phao-lô tại A-rê-ô-ba như là một thất bại. Nhưng có một vài người trở lại đạo, ít nhất là bốn người; và một bài giảng Đức Chúa Trời dùng để mang dù chỉ là một con người trở về làm hòa với Đức Chúa Trời, để thông công cách cá nhân với Đấng tạo nên người ấy, và được vinh hiển mãi mãi, thì không có quyền gọi là thất bại.

Không cần phải ngạc nhiên về việc nhiều người không cải đạo ngay lập tức – ít nhất là về mặt giả định của Cơ đốc giáo. Khiếm khuyết trong mối liên hệ với Đấng tạo hóa của con người không có chỗ nào bày tỏ bản thân nó cách kiên quyết hơn là trong nỗ lực của con người để được độc lập khỏi Đức Chúa Trời. Người đàn ông giàu có sẽ đặt đức tin của ông ấy vào sự giàu có của mình; đối với người thông minh sẽ là năng lực lý giải của mình, là thứ người ấy sau đó thiết lập như là một tuyệt đối đối với sự loại trừ đức tin nơi Đức Chúa Trời. Nhưng đó là lạm dụng nguyên nhân và đòi hỏi nó thực hiện một chức năng nó chưa bao giờ có ý định thực hiện. Trong ngành khoa học vật lý, nguyên nhân không tạo ra chứng cứ mà dựa vào đó nó hoạt động. (f35) Chứng cứ – trong trường hợp này là toàn vũ trụ vật lý – là được ban cho. Nguyên nhân chấp nhận nó và nghiên cứu nó, và sau đó tiến đến hiểu được nó. Nhưng nó không tạo ra chứng cứ. Và trong tất cả các trường hợp, nguyên nhân thông thường bắt đầu với những sự vật nó chưa thể hiểu, điều đó không thích hợp với các học thuyết hiện tại của nó. Nó không bỏ qua những điều này chỉ vì chúng không thích hợp với những học thuyết dự kiến mà nó đã đạt đến đích.

Cũng tương tự như vậy với tri thức và hiểu biết về Đức Chúa Trời. Chứng cứ, trong trường hợp này, là sự khai thị của Đức Chúa Trời về chính Ngài như một Cá nhân có thể được cảm nhận bởi đức tin, và dẫn đến việc hiểu rõ qua cả đức tin và nguyên nhân. Nhưng

nếu một người thiết lập nguyên nhân cho việc loại bỏ đức tin, người ấy tự động cắt đứt phần lớn của chứng cứ, và khiến nó trở nên không thể để Đức Chúa Trời bày tỏ chính Ngài cho người ấy (Lu. 10:21; 1 Cô. 1:18-31). Thái độ tương tự sẽ làm cho vợ của người ấy không thể chứng minh rằng cô ấy yêu anh ta!

Một vài người ở tòa, khi nghe về sự phục sinh, ngay lập tức nhạo báng toàn bộ ý tưởng. (f36) Sự nhạo báng này là vô cơ. Nếu họ là những người thuộc về phái truyền thống bảo thủ, người ta có thể nghĩ đã có đủ vô lý về các vị thần linh của họ trong các loại thần thoại để họ giữ lại toàn bộ sự nhạo báng kia của mình dành cho các điều vô lý đó. Nếu họ là người thuộc trường phái Stoicism và Epicureanism, người ta chỉ có thể phỏng đoán rằng họ quá tự tin rằng những giá trị định của họ là đúng rằng họ cảm thấy không cần phải tra xét chứng cứ cho sự phục sinh cách cẩn thận: tư tưởng phục sinh có thể bị loại bỏ ngay. Dĩ nhiên, vì tư tưởng khôn ngoan có xuất xứ từ A-then là khi một người qua đời, thì không có khả năng phục sinh nào. Aechylus, thi sĩ bi kịch lớn của họ, trong một vở kịch ông viết về nguồn gốc tòa A-rê-ô-ba đã nói như vậy. Không ai chứng minh được đúng hay sai. Nhưng rồi không ai đã cảm thấy nó cần phải được chứng minh; và nó chính là phần khôn ngoan được chấp nhận đến nỗi việc đưa ra ý kiến trái chiều tại thời điểm đó được xem là vô lý.

Dĩ nhiên người theo phái Epicureanism tin rằng học thuyết về nguyên tử của họ đã thực chứng minh rằng sự chết chấm dứt mọi thứ mà một cá nhân quan tâm. Không hề có khả năng tồn tại của linh hồn, chứ đừng nói đến sự phục sinh của thân thể. Có lẽ tiếng cười của họ là lớn hơn hết. Nhưng mà người theo phái Epicureanism cũng tin rằng học thuyết về nguyên tử của họ đã chứng minh rằng các nguyên tử không thể phân chia. Đó là lý do tại sao chúng được gọi là nguyên tử. Đưa ra ý kiến rằng chúng có thể phân chia dường như đối với họ là trái với mọi nguyên nhân/sự hợp lý. Cả họ cũng sẽ cười về điều đó. (f38)

PHẦN NĂM: CHUYỂN ĐỘNG 3

Đấng Mê-si-a của Đức Chúa Trời và Dân Mới của Đức Chúa Trời (18:1-28)

Có hai tòa nhà đứng sát cạnh nhau tại Cô-rinh-tô. Một là nhà hội, cái kia là nhà riêng. Người Do thái gặp gỡ để thờ phượng và học Kinh thánh ở một cái, Cơ đốc nhân thì ở trong cái còn lại. Thật hiếm thấy vì dù được đặt cạnh nhau nhưng lại phân rẽ, không điều gì có thể bày tỏ hùng hồn hơn và chua xót hơn sự bất hòa đã xảy ra giữa người Do thái và Cơ đốc nhân ở Cô-rinh-tô. Làm thế nào lại trở nên như vậy, điều nó biểu thị, và điều nó hàm ý, là chủ đề của Chuyển động 3. Vì điều đã xảy ra tại Cô-rinh-tô sẽ dẫn lặp lại trong toàn thế giới ngoại bang, những câu chuyện của nó vẫn còn mãi vang dội.

.....

Hết lần này đến lần khác Phao-lô, là sứ đồ của dân ngoại, đã ở tại điểm đứt gãy khi sự chia rẽ đó xảy ra; và nỗi đau buồn lặp đi lặp lại, kéo dài gây ra làm tan vỡ tấm lòng của ông (Rô. 9:1-3). Đó là nỗi buồn nhân lên ba lần. Đầu tiên, vì người Do thái và Cơ đốc nhân, trong khi cả hai đều thờ phượng cùng một Đức Chúa Trời và tin vào một Kinh thánh, lại quảng cáo những khác biệt của họ theo cách này trước mắt một thành phố ngoại bang như Cô-rinh-tô thì không đóng góp gì vào việc làm mạnh mẽ những lời chứng thông thường của họ đối với Đức Chúa Trời chân thật và chống lại sự thờ lạy thần tượng phổ biến và sự vô đạo đức của thành phố đó. Vì người Do thái bách hại Cơ đốc giáo trước tòa án La-mã, và cố để nó bị cấm, như họ làm sau này, thì thật là đau lòng.

Thứ hai, Do thái giáo đã làm một công việc cao quý giữa dân ngoại, hướng dẫn nhiều người trong họ đến với niềm tin nơi Đức Chúa Trời, dạy dỗ họ Lời của Đức Chúa Trời, và đem đến cho họ niềm hy vọng vinh hiển rằng “Từ cội rễ Gie-sê sẽ nứt lên cái chồi cai trị dân ngoại, Dân ngoại sẽ trồng cây chồi ấy.” (Ês. 11:10; Rô. 15:12). Người La-mã tên Ti-ti-u Giút-tu, người có nhà nối liền với nhà hội,

đã trở thành người thờ phượng Đức Chúa Trời bởi ảnh hưởng của họ, thật buồn khi nhìn thấy nhà hội bây giờ đầy lui những người ngoại bang đã tiến đến tin nhận Chúa Jêsus là cái Chỗi của Giê-se; và không chỉ họ mà những người ngoại bang khác, những người đang tăng lên về số lượng đến tin nhận Chúa Jêsus, và qua việc tin nhận Ngài được mang đến chỗ từ bỏ các thần tượng ngoại bang và đặt niềm tin vào Đức Chúa Trời chân thật của Y-sơ-ra-ên. Khi những Cơ đốc nhân ngoại bang đến phiên họ thử làm chứng cho các đồng bào ngoại bang rằng thần linh ngoại bang của họ là giả dối, và chỉ có Đức Chúa Trời chân thật duy nhất là Đức Chúa Trời người Do thái thờ phượng, thái độ của nhà hội đối với các Cơ đốc nhân ngoại bang làm cho nhiệm vụ của họ càng thêm phức tạp vô cùng.

Điều khiến Phao-lô, vốn là đứa con thật của Y-sơ-ra-ên, tràn ngập buồn rầu vô hạn, là sự hàm ý không thể tránh khỏi cho đồng bào của ông về việc họ từ chối Đấng có danh là danh duy nhất dưới trời ban cho loài người để chúng ta nhờ đó mà được cứu. Vấn đề họ đưa ra được gọi là không thể phủ nhận đối với một giải thích thần học. Tất cả các Cơ đốc nhân chân chính đã tin – và vẫn tin – rằng Y-sơ-ra-ên là một quốc gia đặc biệt, được Đức Chúa Trời chọn làm dân sự của Ngài, và được tôn trọng với vai trò là chứng nhân của Đức Chúa Trời cho thế giới ngoại giáo, để công bố sự vinh hiển độc nhất của Đấng Tạo hóa và Đấng Cứu rỗi của loài người (Ês. 43:10-13), và để chỉ đến sự hiện đến của Đấng Mê-si-a của Đức Chúa Trời như là Ánh sáng và Đấng giải cứu của dân ngoại (Ês. 42:1-9). Điều gì sẽ xảy ra nếu Y-sơ-ra-ên, chứng nhân chính thức của Đức Chúa Trời, bây giờ từ chối nhìn nhận Đấng Mê-si-a Đức Chúa Trời sai xuống, phỉ báng danh Ngài (18:6), và làm hết sức để ngăn dân ngoại tin nhận Ngài? Điều đó có làm vô hiệu công bố của Cựu ước rằng Y-sơ-ra-ên là dân tộc được chọn của Đức Chúa Trời và mang vai trò được Đức Chúa Trời chỉ định này? Không, Cơ đốc nhân không thể chấp nhận điều đó; Tin lành mà họ rao giảng có lẽ thật của Kinh thánh Cựu ước (Rô. 1:2-3; 3:21) và phụ thuộc vào Cựu ước để có hiệu lực. Vậy thì điều gì đang xảy ra với Y-sơ-ra-ên, với vị trí là dân được lựa chọn của Đức Chúa Trời, với vai trò làm chứng nhân cho Đức Chúa Trời? Làm thế nào để giải thích tình huống này? Sự việc này nên được hiểu như thế

nào đây?

Giữa việc may trại, việc rao giảng, và việc đi đây đó của ông, Phao-lô đã suy nghĩ rất lâu và rất đau buồn về toàn bộ câu hỏi gây nhiều tranh cãi. Câu trả lời Đức Chúa Trời ban cho ông khiến ông sắp mình quỳ xuống trong sự thờ phượng sâu nhiệm bởi sự khôn ngoan trong phương cách và chiến lược của Đức Chúa Trời, được thiết kế “đến nỗi Ngài có thể thương xót hết thảy” (Rô. 9-11). Sứ điệp ông đã nhận từ Chúa trong một khái tượng vào một buổi tối trong lần đầu tiên ông đến Cô-rinh-tô đóng góp phần của mình vào câu trả lời đó.

Trong khi chờ đợi, vì nhận thức được ý nghĩa sâu xa của điều đã xảy ra tại Cô-rinh-tô (và ở đâu đó, ví dụ như tại Ê-phê-sô) Lu-ca ký thuật không chỉ câu chuyện về chuyến viếng thăm Cô-rinh-tô đầu tiên của Phao-lô, nhưng câu chuyện chuyến viếng thăm Cô-rinh-tô của một người tên là A-bô-lô nữa. Ký thuật về chuyến viếng thăm của cả hai đem lại đây đây cảm giác về sự hướng dẫn quan phòng của Đức Chúa Trời. Không phải là tình cờ mà sau khi lời chứng của Phao-lô cho người Do thái tại Cô-rinh-tô bị nhà hội từ chối, và Phao-lô đã rời thành phố, thì A-bô-lô, một nhà diễn thuyết Cựu ước có học thức người Do thái từ A-lec-xan-tri đến, và từ quan điểm cụ thể của ông, củng cố lời chứng của Phao-lô cho chính những người Do thái kia rằng Đấng Mê-si-a thật chính là Chúa Jê-sus (18:5 và 27-28).

CÔ-RINH-TÔ, GIAI ĐOẠN ĐẦU: SỰ HÌNH THÀNH DÂN SỰ MỚI CỦA ĐỨC CHÚA TRỜI

Ở phần đầu của Chuyển động 2 chúng ta nghe về việc người Do thái kết tội Cơ đốc nhân trước các thượng quan vì hành động trái với sắc lệnh của Sê-sa và xui giục bạo động chính trị (17:6-8). Ở phần đầu của Chuyển động 3 chúng ta đọc thấy Sê-sa tại thành La-mã và thế nào một trong các sắc lệnh của ông, dẫn không được ông biết đến, đã dẫn đến sự thiết lập một hội thánh Cơ đốc rất lớn tại thành Cô-rinh-tô.

Câu chuyện xảy ra như sau đây. Rõ ràng (xem trang 13) việc người Do thái cải đạo sang Cơ đốc giáo đến thành La-mã cuối cùng đã dẫn đến sự rối loạn trong một hoặc nhiều nhà hội tại La-mã; và

hoàng đế Claudius đã phản ứng bằng cách ban hành một sắc lệnh cấm tất cả mọi người Do thái vào trong thành. Chúng ta không biết sắc lệnh kéo dài trong bao lâu; nhưng ngay từ lúc bắt đầu, dường như là một thảm họa đối với Cơ đốc nhân, mà theo lẽ tự nhiên, đa số họ là người Do thái. Trên thực tế, không chỉ người Do thái cuối cùng đã được phép quay trở lại và Cơ đốc giáo phát triển mạnh ở đó, nhưng mệnh lệnh của Claudius dẫn đến một thuận lợi đầy ý nghĩa cho Tin lành ở nơi khác.

Một cặp vợ chồng có tên A-qui-la và Bê-rít-sin, vì bị trục xuất khỏi thành La-mã giống như tất cả những người Do thái khác, đã nhìn quanh (như Ly-đi đã từng làm một lần) để tìm một nơi thích hợp để họ có thể tiếp tục công việc của mình, tình cờ lại là nghề may trại; và tình cờ họ chọn thành Cô-rinh-tô. Thành phố đó là một nơi nổi tiếng, cũng là một nơi đẹp đẽ và giàu có; từ quan điểm công việc, từ quan điểm kinh doanh thì đó là một lựa chọn hợp lý.

Không lâu sau khi họ định cư tại Cô-rinh-tô, Phao-lô đến thành phố này. Ông chỉ có một mình, không có tài chính, và để có thể sinh sống đã phải làm công việc kinh doanh của mình, vốn vô tình lại cũng là may trại. Vì thế, khi ông tình cờ gặp A-qui-la và Bê-rít-sin, là những người khám phá ra điểm chung trong niềm tin và điểm chung trong công việc làm, đã mời ông đến ở với họ và cùng làm việc với họ.

Quả là một trùng hợp may mắn, chúng ta có thể nói vậy; nhưng rồi chúng ta nhớ ra toàn bộ câu chuyện làm thế nào Phao-lô đã đến thành Phi-líp và thành lập một chỗ đặt chân trong nhà của Ly-đi là một nữ thương nhân. Rõ ràng quyền tể trị và chu cấp của Đức Chúa Trời là những sợi chỉ dọc khiến cho sợi chỉ ngang của những câu chuyện hiện ra một hình mẫu liên tục. Vậy nên, trong ba tháng kế tiếp, đã đem lại cho Phao-lô vốn thiếu thốn một cơ hội để kiếm sống, bù đắp các chi phí của ông, và có được một chỗ đặt chân trong thành cho đến khi các đồng liêu của ông, Si-la và Ti-mô-thê, đến từ Ma-xê-đoan cùng với món quà từ những Hội thánh vừa mới được thành lập ở đó (2 Cô. 11:9), là điều cho phép Phao-lô từ bỏ việc may trại và hướng về công tác truyền giáo quan trọng tại thành phố khi dành hết

thời gian cho việc giảng dạy (18:5).

Gánh nặng trong sứ điệp của ông cho người Do thái, như thường lệ, là Đấng Mê-si-a của Kinh thánh Cựu ước thật ra chính là Chúa Jê-sus (18:5). Sự chống đối của nhà hội dần bùng nổ thành sự ngược đãi, như nó đã từng hành động tại những nơi khác. Vì thế Phao-lô rời nhà hội, đem theo với ông vị quan cai nhà hội và toàn gia quyến của ông ta, lập nên một Hội thánh Cơ đốc ngay kế bên cạnh, là nơi được làm cho mạnh mẽ thêm bởi một dòng người ngoại bang của thành Cô-rinh-tô là những người đã tin và được báp tem (18:6-8). Nhưng chúng ta không thể không lưu ý đến sự trang trọng trong từ ngữ mà Phao-lô dùng trong dịp này khi ông rời khỏi nhà hội. Khi một tình huống tương tự xảy ra ở An-ti-ốt xứ Bi-si-đi một vài năm trước, Phao-lô đã công bố: “Ấy cần phải truyền đạo Đức Chúa Trời trước nhất cho các người; nhưng vì các người đã từ chối, và tự xét mình không xứng đáng nhận sự sống đời đời, nên đây này, chúng ta mới xây qua người ngoại” (13:46).

Hãy để điều này được tuyên bố một lần nữa – vì nó không thể được tuyên bố quá nhiều lần – rằng ở đây Phao-lô không tạo cơ hội và cấp phép cho việc bài Do thái. Ông đang nói với cảm xúc đáng kinh sợ về trách nhiệm tương tự với cảm xúc mà tất cả những đấng tiên tri thật của Y-sơ-ra-ên đã luôn cảm thấy, cụ thể là Ê-xê-chi-ên (Êx.3:16-21; 33:1-5), và trên hết mọi sự là chính Chúa Jê-sus (Lu. 10:10-16; 11:49-52; 13:34-35; 19:41-44). Không một người đích thực nào của Đức Chúa Trời có thể tin rằng anh ta được Đức Chúa Trời giao phó để truyền tải một sứ điệp từ Đức Chúa Trời là điều quan trọng đối với sự cứu rỗi của đồng bào của anh ta, và đồng thời tin rằng anh ấy có thể miễn hình phạt của bản thân hay của những người khác mà thỏa hiệp sứ điệp đó khi đối mặt với sự chống đối, và yên ủi những người chối bỏ nó với suy nghĩ rằng sự chống đối của họ đối với Lời của Đức Chúa Trời và sự cứu rỗi sẽ không tránh khỏi hậu quả tai hại.

Không hề quý quyết tìm kiếm sự báo thù với người Do thái máu mủ ruột thịt, Phao-lô đang nói cho họ rằng bởi Đức Chúa Trời đã chỉ định ông chịu trách nhiệm với họ, rằng ông đã làm tất cả mọi điều ông có thể để cứu họ; và chỉ bây giờ, khi sự bách hại ngược đãi tiếp

tục khiến ông vô phương tiếp tục làm như vậy, ông đã cảm thấy được tháo gỡ khỏi trách nhiệm của mình và được tự do, tuy có vẻ miễn cưỡng, để cho họ chịu hậu quả không thể tránh khỏi vì sự bách hại của mình. Ông đã có một trách nhiệm tương tự từ Đức Chúa Trời đối với dân ngoại. Nếu đồng bào Do thái của ông cảm thấy rằng họ không chỉ chối bỏ Đấng Mê-si-a và Đấng Cứu rỗi, nhưng ngược đãi cả ông và sứ điệp của ông trước người ngoại bang trong nhà hội, thì ông phải dời sang nhà kế bên, nơi ông có thể yên bình làm trọn trách nhiệm Đức Chúa Trời giao phó đối với dân ngoại là những người muốn nghe về Đấng Cứu rỗi.

Thế là Phao-lô rời khỏi nhà hội, và sự đau buồn vì điều đó, và sự đau buồn liên tục được làm mới khi nhìn thấy người Do thái hội họp trong một ngôi nhà và Cơ đốc nhân gặp gỡ riêng biệt trong một ngôi nhà kế bên, trĩu nặng trong lòng ông; và không nghi ngờ gì nó bắt đầu dấy lên những câu hỏi thần học đã được đề cập ở trên càng thêm sắc bén.

Vào một buổi tối, Chúa đã phán với Phao-lô trong một khái tượng để khích lệ ông kiên trì trong việc rao giảng; và không chỉ đơn giản điều ông đã nói, nhưng đó là những thuật ngữ ông đã dùng khi nói về tin lành, rất hiệu quả trong việc Phao-lô hiểu về sự phát triển của tình huống. Chỉ là, chúng ta phải cẩn thận không bỏ lỡ ngôn ngữ Kinh thánh có giọng điệu quá mức khi chúng ta đọc những từ ngữ đi kèm với khái tượng. Chúa phán “Đừng sợ chi; song hãy nói và chớ làm thinh; ta ở cùng ngươi, chẳng ai tra tay trên ngươi để làm hại đâu; vì ta có nhiều người trong thành này” (18:9-10). Nếu chúng ta không cẩn thận chúng ta sẽ đọc cụm “nhiều người” như thể có nghĩa đơn giản “nhiều cá nhân”; như thể tất cả điều Chúa đang nói là “Rất nhiều cá nhân trong thành này sẽ cải đạo.” Dĩ nhiên điều đó sẽ trở thành sự thật, nhưng trong việc tập trung vào các cá nhân, họ nhấn mạnh không đúng chỗ. Từ laos của ngôn ngữ Hy Lạp được dùng khi đặt câu hỏi đề cập đến người như một nhóm, một đám đông, hay một dân tộc. Từ số nhiều của nó không có nghĩa là “những cá nhân,” “những cá thể,” nhưng là “những dân tộc” (nghĩa là “những quốc gia”). Bản có thẩm quyền trong Anh ngữ cổ xưa hơn đã chuyển tải ý nghĩa tốt hơn:

“Ta có nhiều người.” Dù là vậy, để nhận biết đầy đủ hương vị của sự biểu đạt trong văn cảnh, chúng ta phải nhớ lại rằng từ laos được dịch từ từ Hê-bơ-ơ trong suốt Cựu ước nói về quốc gia Y-sơ-ra-ên: Đức Chúa Trời gọi họ là “dân ta.” Ngài giải thích qua Môi-se (Phục. 7:7-7) rằng Ngài không chọn họ bởi vì họ là một dân đông đảo; thật ra, họ ít ỏi về số lượng nếu so với các dân tộc khác. Nhưng Ngài đã yêu thương họ và chọn họ, và họ trở nên dân sự của Ngài.

Bây giờ Đức Chúa Trời đang nói với Phao-lô rằng Ngài có “nhiều người” ở thành Cô-rinh-tô, là những người bây giờ hình thành “dân sự của Ngài” theo ý nghĩa dành cho Y-sơ-ra-ên trong nhiều thế kỷ là “dân sự của Ngài.” Sự khác biệt là trong thời Cựu ước trong khi Y-sơ-ra-ên là “dân sự của Chúa” là dân ngoại không phải là dân sự của Ngài. Bây giờ đã có sự thay đổi: dân sự của Chúa được thành lập từ dân ngoại cũng như người Do thái.

Trong những tháng tiếp theo, cả khi ở tại Cô-rinh-tô và sau khi ông rời đi, Phao-lô theo tự nhiên lặp lại những từ này của Chúa trong tâm trí ông nhiều lần. Ông nhìn thấy chúng, dĩ nhiên, như là một sự thể hiện về ân điển tuyệt vời của Đức Chúa Trời, rằng dân ngoại trong những thế kỷ trước không phải là dân sự của Đức Chúa Trời, bây giờ được ban cho địa vị là dân sự của Đức Chúa Trời. Nhưng Phao-lô cũng đi đến chỗ nhận ra rằng sự ban tặng địa vị này của Đức Chúa Trời cho dân ngoại vốn là những người đã tin không phải là một kế hoạch khẩn cấp vội vã nghĩ ra khi phản ứng lại với sự chối bỏ Đấng Mê-si-a của những người cho đến bây giờ vẫn là dân sự của Ngài. Đức Chúa Trời đã nhìn thấy trước sự chối bỏ đó từ rất lâu, và đã thiết lập các kế hoạch của Ngài để đối phó khi nó xảy ra.

Chúng ta khám phá trong Rô-ma 9:23-26 rằng Phao-lô đã đặc biệt cảm thấy được soi sáng trong sự kết nối này: ấy là các chương mở đầu của sách Ô-suê. Trong những ngày xa xưa khi vị tiên tri này còn sống, mười chi phái Y-sơ-ra-ên đã rời xa khỏi Đức Chúa Trời đến nỗi Đức Chúa Trời đã ra lệnh cho Ô-suê thông báo cho họ nhân danh Ngài rằng “Ta sẽ không làm Đức Chúa Trời các ngươi nữa”(Ôs. 1:9). Mười chi phái, sau đó, đã từ chối tiếp nhận. Nhưng ân điển đó của Đức Chúa Trời thể hiện chỉ ngay trong hơi thở tiếp theo (Ôs.

1:10) khi Ngài công bố rằng đến một ngày khi mười chi phái mà hiện tại “không phải là dân Ta” sẽ được phục hồi: “chính nơi mà đã bảo chúng nó rằng: Các ngươi chẳng phải là dân ta, sẽ lại bảo rằng: Các ngươi là con trai của Đức Chúa Trời hằng sống.” Một ít lâu sau Đức Chúa Trời lặp lại lời hứa tương tự: “Ta sẽ nói cùng những kẻ chưa làm dân ta rằng: Ngươi là dân ta, và nó sẽ trả lời rằng: Ngài là Đức Chúa Trời tôi” (Ôs. 2:23).

Phao-lô nhận được sự yên ủi lớn từ những lời hứa này: thậm chí nếu phần lớn Y-sơ-ra-ên hiện tại sắp chối bỏ Đấng Mê-si-a và sa ngã, đến một ngày chắc chắn họ sẽ được phục hồi; và Phao-lô phần nộ phản đối ý tưởng cho rằng Đức Chúa Trời đã, hoặc sẽ, rút cuộc lia bỏ vĩnh viễn dân Y-sơ-ra-ên (cổ đại) mà Ngài đã biết từ trước. Toàn quốc gia đã vấp ngã, đó là sự thật. Nhưng không phải không thể thay đổi! Vào một ngày, toàn thể quốc gia là một khối thống nhất sẽ được cứu (Rô. 11:1-2, 11, 26).

Nhưng còn hơn vậy nữa. Theo như điều Đức Chúa Trời đã công bố từ hàng nhiều thế kỷ trước về sự phục hồi của Y-sơ-ra-ên, Phao-lô nhận biết được cả kế hoạch đã được chuẩn bị hoàn hảo lần ý định đem đến cho dân ngoại vinh dự trở nên dân sự của Ngài cùng với nguyên tắc dựa trên nó Ngài sẽ thực hiện. Khi Y-sơ-ra-ên được phục phôi, trước hết họ sẽ phải nhận thức rằng họ đã đánh mất quyền được gọi là “dân sự của Đức Chúa Trời.” Đức Chúa Trời đã công bố họ “không phải là dân Ta.” Nếu Ngài tha thứ và phục hồi cho họ, và một lần nữa trao cho họ địa vị vinh dự được gọi là “dân sự Ta,” đó là một hành động được nhận hoàn toàn nhờ ân điển của Đức Chúa Trời. Điều đi theo sau nó là nếu như ân điển Đức Chúa Trời được chuẩn bị, và tự do để làm điều đó cho người Y-sơ-ra-ên là những người đã không còn là “dân sự của Đức Chúa Trời” nữa, chắc chắn Ngài có thể trao sự cứu rỗi và vinh dự tương tự cho những người ngoại bang tin nhận, là những người trong quá khứ chưa từng là “dân sự của Đức Chúa Trời.”

Vì chính điều này mà Chúa đang nhắc nhở Phao-lô trong Khải tượng vào ban đêm tại Cô-rinh-tô. Dĩ nhiên Phao-lô đã biết điều đó trước rồi. Trước đó rất lâu, vào lúc có giáo hội nghị tại Giê-ru-sa-lem

(15:14) Gia-cơ đã nhắc nhở tất cả những người hiện diện tại đó rằng Đức Chúa Trời hiện tại đã bắt đầu “đoái thương người ngoại, đặng từ đó lấy ra một dân để dâng cho danh Ngài.” Nhưng tuyên bố của Chúa tại Cô-rinh-tô còn hơn là một lời nhắc nhở. Khiến Phao-lô nhận thức trong sự cúi đầu thờ phượng rằng Chúa, Đấng ở cùng ông đã quyết định chiến lược cho công cuộc truyền giáo cho thế giới. Ngài phán bảo Phao-lô: “ta có nhiều người trong thành này” và vì vậy “chẳng ai tra tay trên người đặng làm hại đâu, [ta ở cùng người]” (18:9-10). Đức Chúa Trời đã luôn biết điều Ngài định làm tại Cô-rinh-tô, và kết quả của điều đó sẽ là gì. Đó là lý do (Claudius không biết) Ngài đã dùng sắc lệnh của Claudius đem A-qui-la và Be-rít-sin đến Cô-rinh-tô đúng thời điểm để đem đến cho Phao-lô một chỗ đặt chân mà ông cần tại thành phố. Thật ra, từ cái nhìn của Chúa thì không phải là sự tình cờ mà rất lâu trước đó A-qui-la và Bê-rít-sin và Phao-lô (hoặc cha mẹ của họ) đã có tất cả quyền tự quyết rằng họ sẽ chọn may trại làm ngành nghề kinh doanh.

Tư cách là “dân sự của Đức Chúa Trời” đã ban cho Y-sơ-ra-ên vinh dự mà sau này Phao-lô đã nhắc đến như là một cây ô liu to lớn của Đức Chúa Trời làm chứng cho thế gian (Rô. 11: 17-24). Nếu người Do thái trong nhà hội tại thành Cô-rinh-tô cuối cùng chối bỏ Chúa Jê-sus là Đấng Mê-si-a, và ngược đãi cả Ngài lẫn Tin lành của Ngài trước mặt người ngoại bang, thì hành động của chính họ đánh rớt họ khỏi vai trò Đức Chúa Trời ban cho; chính nhánh của họ sẽ bị cắt bỏ khỏi cây ô liu. Nhưng Đức Chúa Trời luôn biết Ngài phải làm gì tiếp theo. Ngài đã nhìn thấy trước điều đó. Rất nhiều dân ngoại (dĩ nhiên, cùng với một số người Do thái như Cơ-rít-bu và gia đình của ông) sẽ tin nhận Chúa Jê-sus là Đấng Mê-si-a và chịu báp tem. Ngài sẽ ban cho họ vinh dự làm “dân sự của Đức Chúa Trời” trọn vẹn như Y-sơ-ra-ên đã từng. Dù họ từng là những nhánh ô liu hoang – một số trong họ vốn rất hoang dã (1 Cô. 6: 9-11) – họ sẽ được tháp và cây ô liu (Rô. 11: 17). Họ sẽ trở nên chứng nhân của Chúa tại thành Cô-rinh-tô.

Điều đã xảy ra tại Cô-rinh-tô cuối cùng sẽ xảy ra trên khắp thế giới. Làm chứng cho Đức Chúa Trời chân thật sẽ được tiến hành chủ

yếu bởi tín hữu ngoại bang, dù không chỉ dành riêng cho họ – cho đến khi, một lần nữa theo chiến lược tổng thể của Đức Chúa Trời, sự thành công của việc làm chứng đem hàng tỉ người từng là dân ngoại thờ thần tượng ngoại giáo tin nơi Đức Chúa Trời của Áp-ra-ham, Y-sác, và Gia-cốp sẽ kích động người Y-sơ-ra-ên chẳng tin ghanh tị, ăn năn và phục hòa làm dân sự của Đức Chúa Trời và làm chứng nhân cho Ngài trong thế gian (Rô. 11:13-14).

CÔ-RINH-TÔ: GIAI ĐOẠN THỨ HAI: SỰ KÊU GỌI ĐỐI MỚI DÀNH CHO DÂN SỰ CỦA ĐỨC CHÚA TRỜI THỜI CỔ ĐẠI

Khi sự chống đối của nhà hội đối với tuyên bố Chúa Jêsus là Đấng Mê-si-a trên thực tế dẫn đến việc thành lập một Hội thánh Cơ đốc gia tăng mạnh mẽ ngay bên cạnh, người Do thái đã có một nỗ lực khác để chống đối nếu không nói là hủy diệt Cơ đốc giáo trong thành: họ bách hại Phao-lô trước vị tổng trấn vừa nhậm chức Ga-li-ôn. Họ cáo buộc rằng Phao-lô đang thuyết phục dân chúng “xui dân thờ Đức Chúa Trời một cách trái luật pháp” (18:13). Có một số tranh cãi về cáo buộc này chính xác có ngụ ý gì. Không giống như họ đang kết cho Phao-lô tội phản động chính trị như những thương nhân ở Tê-sa-lô-ni-ca (17:6-7); vì trong trường hợp đó, Ga-li-ôn không thể bác bỏ vụ kiện cách ngắn gọn như ông đã làm.

Một cách dễ hiểu cáo buộc hơn là qua cụm từ “trái luật pháp” họ ngụ ý trái ngược với luật pháp của người Do thái. Họ đang nói Phao-lô tin rằng Đấng Mê-si-a là Chúa Jêsus là trái ngược về cơ bản với niềm tin của Do thái giáo rằng ông và Hội thánh có một phần ba người Do thái và hai phần ba người ngoại bang kể bên cùng với tất cả mọi tập tục đặc thù của họ cũng không còn có quyền được xem là một phần hợp lệ của Do thái giáo.

Mục đích của việc cố gán ghép một cáo buộc như vậy chống lại các Cơ đốc nhân trước mặt quan tổng người La-mã là như vậy. Người Do thái ở Cô-rinh-tô (cũng như những thành phố khác) là một “cộng đồng có uy quyền,” có nghĩa là, họ được trao quyền bởi chính quyền La-mã và vì vậy tận hưởng tất cả những vinh hạnh của một cộng đồng có uy quyền cùng với sự bảo hộ của luật pháp La-mã. Điều họ muốn thiết lập, vì vậy, là vì niềm tin của các Cơ đốc nhân đã đặt mình

ra bên ngoài hàng rào của Do thái giáo, họ không còn là một phần của cộng đồng đầy uy quyền; họ không phải là một cộng đồng có uy quyền trong quyền của riêng họ; họ không thể nhận sự bảo hộ của luật pháp La-mã; và có lẽ (f40) họ đáng bị trừng phạt vì hoạt động mà không được cho phép.

Sự hợp lệ của trường hợp của họ được xoay chuyển do vấn đề phải chăng niềm tin của các Cơ đốc nhân cơ bản là tà giáo và không đồng nhất với Do thái giáo chân thật như nhà hội địa phương đã xưng nhận. Dĩ nhiên, đó là câu hỏi mang tính thần học; và Ga-li-ôn đã quy ra rằng tòa án La-mã không có nhiệm vụ tuyên cáo về việc này. “Hỡi người Giu-đa, giá như về nổi trái phép hay tội lỗi gì, thì theo lẽ phải, ta nên nhịn nhục nghe các ngươi. Song nêu biện luận về đạo lý, danh hiệu, hay là luật pháp riêng của các ngươi, thì hãy tự xử lý; ta chẳng khứng xử đoán những việc đó đâu.” (18: 14-15).

Vì thế Ga-li-ôn bác bỏ vụ kiện và đuổi người Do thái ra khỏi tòa án. Và rồi những người bài Do thái, vốn ở không xa bên dưới bề mặt của một thành phố ngoại bang, lại khiến sôi sục lần nữa: Công chúng vây quanh người cai nhà hội và đánh đập ông ngay trước tòa án. Ga-li-ôn không quan tâm, như chúng ta được cho biết. Nhưng sau đó người thuộc các niềm tin khác hay không có niềm tin có thể nhanh chóng mệt mỏi khi các tranh chấp của các giáo phái giữa các thành viên của những niềm tin mà đối với họ là đồng một niềm tin dẫn đến một đảng phái cố gắng chiến thắng đảng phái kia bằng việc sử dụng luật lệ của mình. Một vài điều làm cho công chúng càng chán ghét hơn.

KẾT QUẢ

Sự cai trị của Ga-li-ôn không nghi ngờ gì đã khiến cuộc sống của các Cơ đốc nhân tại Cô-rinh-tô dễ chịu hơn rất nhiều – và có lẽ ở nơi khác nữa – nhưng nó có thể không giải quyết được tranh chấp cơ bản giữa Do thái giáo và Cơ đốc giáo. Dĩ nhiên không. Sự tranh chấp đó, và tất cả những tranh chấp khác giống như vậy, không thể được giải quyết bởi bất kỳ tòa án của con người nào. Giải quyết cuối cùng phải đợi đến ngày Phao-lô nói cho người dân thành A-then, khi Đức Chúa Trời sẽ phán xét thế gian bằng sự công bình bởi Con người mà Ngài

đã chỉ định (17: 31).

Một thời gian sau khi Ga-li-ôn công bố xét xử của mình, Phao-lô rời khỏi Cô-rinh-tô đến Sy-ri; và bây giờ Lu-ca gói ghém trong vài câu Kinh thánh (18: 18-23) – như ông đã làm ở đầu Phần Năm khi Phao-lô được hướng dẫn đến Châu Âu – Những chuyến đi dài của Phao-lô đến Ê-phê-sô, Sê-sa-rê (và có thể là Giê-ru-sa-lem), và sau đó trở về căn cứ tại An-ti-ốt; và sau đó là những khởi đầu của cuộc hành trình truyền giáo thứ ba của ông qua các khu vực Ga-la-ti và Phi-ri-gi.

Hầu như không có các chi tiết khác của những cuộc hành trình phong phú được cho biết, trừ thông tin quan trọng này: quan trọng, ấy là vì những điều Đức Chúa Trời vẫn muốn nói cho người Do thái tại Cô-rinh-tô. Khi Phao-lô rời Cô-rinh-tô, ông đem A-qui-la và Bê-rít-sin đi với ông. Có lẽ người Do thái tại Cô-rinh-tô thờ một hơi nhẹ nhõm khi thấy những người gây xáo trộn hòa bình rời đi. Nhưng nếu như vậy, sự yên bình của họ không kéo dài.

Khi Phao-lô đến Ê-phê-sô, như thông thường ông vẫn làm ông đi đến nhà hội – ở đó chưa có Hội thánh Cơ đốc – và lý luận với người Do thái (18:19). Như vẫn thường xảy ra, bước đầu ông đã được tiếp nhận và được mời ở lại lâu hơn. Nhưng một cảm giác cấp bách bởi ý muốn của Chúa khiến ông từ chối và ông rời đi với lời hứa, “Vì Đức Chúa Trời khứng, thì chuyến khác ta sẽ đến nơi các ngươi” (18:21). Rồi ông rời đi, để A-qui-la và Bê-rít-sin ở lại tại Ê-phê-sô: và họ dĩ nhiên tiếp tục tham gia vào nhà hội.

Vào một ngày Sa-bát một người từ A-lec-xan-tri xuất hiện. Ông tên là A-bô-lô, và một vài học giả của thành phố trước đó rất nổi tiếng dường như đã cọ xát với ông. Ông là một người có học thức rất rộng với kiến thức rất sâu về Kinh thánh Cựu ước, cùng với đời sống thuộc linh nóng cháy. Ông đã được chỉ dẫn trong đường lối của Chúa, nhưng chỉ đến một điểm nhất định; Lu-ca giải thích, điều ông dạy về Chúa Jêsus đủ chính xác, và vượt xa hơn nó; nhưng phép báp tem duy nhất ông biết là báp tem của Giăng. Tuy nhiên, ông đã tiến hành đem những điều ông biết đến hiệu quả tốt đẹp trong nhà hội. Phép báp tem của Giăng và điều nó đại diện không phải là tất cả để mà biết và

kinh nghiệm về Cơ đốc giáo, như câu chuyện đầu tiên trong chuyên động 4 sẽ chỉ cho chúng ta khi chúng ta đi đến mức đó. Nhưng đối với Y-sơ-ra-ên đó là một khúc đạo đầu rất quan trọng, và chuẩn bị cho sự hiện đến của Đấng Mê-si-a.

Giăng là sứ giả chính thức của Đấng Mê-si-a, và phép báp tem của ông có hai chức năng. Về mặt khách quan, ông làm chức năng loan báo về Đấng Mê-si-a và chỉ Ngài cho Y-sơ-ra-ên: Ngài là Đấng mà khi Ngài đến, như vào lúc ấy Ngài sắp sửa đến, sẽ làm báp tem cho những người nam và người nữ bằng Thánh Linh (Lu. 3:15-17). Nhưng về mặt chủ quan, nó được thiết kế để chuẩn bị người ta bằng cách mở mắt họ để nhận biết Đấng Mê-si-a khi ngài xuất hiện và để “thấy” sự cứu rỗi của Ngài bằng kinh nghiệm cá nhân của họ. Theo Giăng, sự chuẩn bị hoàn toàn không thể thiếu là sự ăn năn. Giăng là một tiên tri Do thái với phong cách cổ điển. Sự giảng dạy của ông là một sự vạch trần và tố cáo tội lỗi của quốc gia; phép báp tem của ông vừa kêu gọi ăn năn vừa là một biểu hiện công khai về sự ăn năn đó về phía của những người tiếp nhận (Lu. 3:2-6). Không có sự ăn năn đó thì thậm chí Y-sơ-ra-ên cũng sẽ không nhận ra Đấng Mê-si-a khi Ngài đến.

Về mặt cơ bản, tất cả loài người đều giống nhau. Sứ điệp của Phao-lô cho dân thành A-then, dù họ là người sùng đạo hay triết lý hay cả hai, là một sự kêu gọi thiêng liêng để nhận biết sự thiếu hiểu biết và tội lỗi của họ, và để ăn năn. Sứ điệp của Giăng cho Y-sơ-ra-ên cũng từng giống như vậy. Bây giờ lại là A-bô-lô, đem người Do thái ở Ê-phê-sô vượt qua đoạn lịch sử gần đó và trở về với báp tem của Giăng, khi ông tìm cách thuyết phục họ rằng Chúa Jê-sus là Đấng Mê-si-a và chuẩn bị họ để nhận sự cứu rỗi.

Dĩ nhiên Tin lành Cơ đốc không chỉ có phép báp tem của Giăng; và khi Bê-rít-sin và A-qui-la nghe A-bô-lô giảng, họ mời ông về nhà mình và giải thích phương cách Đức Chúa Trời cho ông cách đầy đủ hơn. Chính là do sự quan phòng thiên thượng mà họ tình cờ có mặt tại Ê-phê-sô vào đúng thời điểm và có thể làm điều này cho ông trước khi ông đi đến Cô-rinh-tô, như ông đã làm sau đó; vì nếu không, có thể là sự lúng túng và bối rối nho nhỏ cho những người vừa cải đạo

trong Hội thánh khi giữa vòng họ có một học giả Cựu ước uyên bác và là một thầy giảng Cơ đốc như vậy, nhưng lại biết về Cơ đốc giáo còn ít hơn chính họ.

Đúng vậy, ông đã đi đến Cô-rinh-tô, được trang bị đầy đủ và “nhờ ơn Đức Chúa Trời mà bỏ ích cho kẻ đã tin theo. Vì người hết sức bẻ bác người Giu-đa giữa thiên hạ, lấy Kinh Thánh mà bày tỏ rằng Đức Chúa Jêsus là Đấng Christ [Mê-si-a]” (18:27-28). Bất chấp sự chia rẽ giữa người Do thái và các Cơ đốc nhân, rõ ràng là các kênh truyền thông vẫn còn mở. A-bô-lô đã sử dụng chúng cách tốt nhất; và chúng ta có thể chắc chắn rằng ông đã không quên nhắc nhở họ về phép báp tem của Giăng, ý nghĩa lịch sử của nó, và tầm quan trọng về mặt luân lý và thuộc linh của nó.

Đức Chúa Trời đã nhân từ dường nào khi sắp xếp lời chứng cuối cùng này cho người Do thái tại thành Cô-rinh-tô. Một người được nhắc nhớ đến điều đã xảy ra trong tuần cuối cùng của Đấng Christ tại thành Giê-ru-sa-lem. Các thầy tế lễ cả, thầy thông giáo, và các lãnh đạo của dân sự đã có thời gian như vậy để đưa ra quyết định tiêu diệt Ngài; và họ đến gần Ngài khi Ngài đang giảng Tin lành cho nhiều người. Họ hống hách yêu cầu Ngài nói cho họ biết bởi thẩm quyền nào Ngài đã làm những điều Ngài đang làm, và ai ban cho Ngài thẩm quyền đó.

Ngài trả lời bằng cách đặt một câu hỏi khác. Ngài hỏi, “Hãy nói cho ta: Phép báp-tem của Giăng đến bởi trên trời, hay là bởi người ta?” Lập tức họ nhìn thấy được ngụ ý sâu xa của câu hỏi; và vì đang ở trước mặt đám đông, họ biết rằng câu hỏi này không thể trả lời (Lu. 19:47 – 20: 8).

Người Do thái tại thành Cô-rinh-tô giống như vậy đã chối bỏ Chúa Jêsus mà Phao-lô đã rao giảng cho họ là Đấng Mê-si-a; và đã công khai lên án các Cơ đốc nhân trước quan tổng trấn La-mã. Bây giờ Phao-lô đã ra đi, và Hội thánh sơ sinh có thể rất run rẩy. Nhưng Đức Chúa Trời đã đưa A-bô-lô đến với họ để tổ chức một cuộc tranh luận công khai với người Do thái; A-bô-lô, học giả và nhà chú giải Kinh thánh mạnh mẽ, người có điểm mạnh là làm phép báp tem của Giăng. Lu-ca nói rằng ông là một sự tương trợ lớn lao cho các tín

hữu. Chúng ta hãy hy vọng rằng bởi lòng thương xót của Đức Chúa Trời ông cũng là sự giúp đỡ đối với rất nhiều người trong nhà hội nữa; vì rất thường thì không phải những khó khăn về mặt tri thức, mà thất bại trong sự ăn năn tội cầm giữ người ta không nhận thấy rằng Chúa Jêsus là Đấng Christ.

PHẦN NĂM: CHUYỂN ĐỘNG 4

Đức Thánh Linh & Danh của Đức Chúa Jêsus (19:1-20)

Chuyển động 4 quay trở lại chủ đề vốn rất nổi bật trong Chuyển động 1: Đức Thánh Linh tương phản với các tà linh của ngoại giáo. Chuyển động 4 sẽ mang chủ đề đó đến đỉnh điểm rất vĩ đại với sự đắc thắng của Lời Chúa đối với thông linh giáo và những thực hành huyền bí vốn là điều khiến cho Ê-phê-sô trở nên nổi tiếng.

Trong tinh thần đó, Chuyển động 4 cũng nhấn mạnh danh của Chúa Jêsus. Trong nửa đầu của chuyển động, chính khi mười hai môn đồ của câu 1-7 chịu báp tem trong danh Chúa Jêsus mà họ nhận được Thánh Linh. Nửa sau của chuyển động là nỗ lực sử dụng sai danh của Chúa Jêsus bởi một số thầy đui quỷ người Do thái (19:3) dẫn đến thất bại của họ trước các tà linh (19:5-6) và vì thế càng thêm nâng cao danh của Chúa Jesus trên khắp Ê-phê-sô (19:17).

Nhấn mạnh này mang chúng ta trở lại điều thiết yếu cơ bản trong Tin lành Cơ đốc vốn đã chứa đầy trong phần một của sách Công vụ: mối quan hệ của Chúa Jêsus, Đấng đã sống lại với Thánh Linh của Đức Chúa Trời. Sự tuôn đổ Thánh Linh bởi Chúa Jêsus thăng thiên thể hiện rằng Đức Chúa Trời đã lập Ngài vừa là Chúa (trong nghĩa cao nhất có thể của thuật ngữ này) và Đấng Mê-si-a (2:33-36). Sự tuôn đổ Thánh Linh chuẩn bị sẵn cho tất cả những ai sẽ tin vào Chúa Jêsus một địa vị và kinh nghiệm thuộc linh cao hơn bất kỳ địa vị và kinh nghiệm nào đã có từ trước.

Nhưng bây giờ Chuyển động 4 phân tích cho chúng ta kinh nghiệm của hai nhóm người Do thái rất khác nhau là những người có kinh nghiệm về Chúa Jêsus và Thánh Linh bị khiếm khuyết; và vì vậy tỏ ra cho chúng ta một lần nữa, và từ quan điểm đặc biệt này, Cơ đốc giáo chân thật là gì.

PHAO-LÔ LƯU TRÚ TẠI Ê-PHÊ-SÔ (1): ĐỨC THÁNH LINH VÀ KINH NGHIỆM CƠ ĐỐC KHÔNG ĐẦY ĐỦ

Trường hợp của mười hai người tại Ê-phê-sô đã và vẫn còn được tranh cãi, và vì vậy để có thể hiểu được, chúng ta phải cố đi theo dòng tư tưởng của kỹ thuật càng gần càng khả quan.

Mười hai người này được gọi là “các môn đồ”; các môn đồ của ai thì không được đề cập cụ thể, và vì vậy chúng ta có thể phỏng đoán rằng diễn đạt ở đây, như ở những chỗ khác trong sách Công vụ, có nghĩa là họ là, hay tự cho là, môn đồ của Chúa Jê-sus. Khi gặp họ Phao-lô đã hỏi, “Từ khi anh em tin, có lãnh được Đức Thánh Linh chăng?” (19:2). Có lẽ lý do ông đặt câu hỏi như vậy là vì ông cảm giác một sự thiếu thốn về thuộc linh nơi họ. Nhưng dầu ông có cảm nhận hay không, câu trả lời của họ đã bày tỏ rằng thật sự có sự thiếu hụt trong kinh nghiệm thuộc linh của họ. Họ trả lời, “Chúng tôi cũng chưa nghe có Đức Thánh Linh nào” (19:2). Bày tỏ của họ có vẻ lạ, nhưng giống với một bày tỏ ở Giăng 7:39: “bởi bấy giờ Đức Thánh Linh chưa ban xuống, vì Đức Chúa Jê-sus chưa được vinh hiển.” Ý nghĩa trong Giăng 7:39 rất rõ ràng: Thánh Linh chưa giáng lâm, và sẽ không đến cho đến khi Chúa Jê-sus sống lại từ cõi chết và thăng thiên (xem Giăng 16:7); là lý do nhiều bản dịch sửa lại câu “Đức Thánh Linh đã chưa được ban xuống...” Giả sử một ý nghĩa tương tự được gắn liền câu trả lời của mười hai người này. Nhưng làm thế nào các môn đồ của Chúa Jê-sus có thể chưa nghe rằng Thánh Linh đã giáng xuống? Họ đã ở đâu lâu nay? Và họ là môn đồ theo ý nghĩa nào?

Phao-lô hỏi, “Vậy thì anh em đã chịu phép báp-tem nào?” Họ trả lời rằng: “Phép báp-tem của Giăng.” Điều đó giúp giải thích sự việc. Phép báp tem của Giăng là một phép báp tem của sự ăn năn, như chúng ta vừa mới tra xét. Những ai tiếp nhận nó đáp ứng lại với lời kêu gọi của Giăng ăn năn chuẩn bị chính mình cho sự hiện đến của Đấng Mê-si-a. Vậy thì, những người này, đã ăn năn, đã thành thật xưng nhận tội lỗi của mình, đã chịu báp tem công khai bày tỏ sự ăn năn của mình, và đã không nghi ngờ gì cố hết sức sống nhất quán với lập trường họ đã chọn kể từ khi đó.

Ăn năn chắc chắn là cần thiết để trở nên một Cơ đốc nhân, nhưng chỉ ăn năn thôi thì chưa đủ. Cần có một điều nữa. Điều đó là gì thì Phao-lô tiếp tục nói cho họ qua việc chỉ ra rằng chính Giăng Báp-tít

đã nói là cần phải thêm vào sự ăn năn. Phao-lô nói, “Giăng đã làm phép báp-tem về sự ăn năn tội, mà truyền dân phải tin Đấng sẽ đến sau mình, nghĩa là tin Đức Chúa Jê-sus” (19:4).

Điều này dĩ nhiên mới mẽ đối với họ; vì nếu nó không mới, tại sao Phao-lô chỉ nó cho họ? Tại sao nghe về nó là vô cùng quan trọng và có tính quyết định trong kinh nghiệm của họ? Lu-ca nói, “Chúng nghe bấy nhiêu lời, bèn chịu phép báp-tem nhân danh Đức Chúa Jê-sus. Sau khi Phao-lô đã đặt tay lên, thì có Đức Thánh Linh giáng trên chúng” (19:6). Không chỉ như vậy. Trường hợp của họ lập nên một tiền lệ. Xảy ra như vậy để tỏ cho mọi thời đại sẽ đến thấy sự khác biệt quan trọng giữa một môn đồ đã ăn năn nhưng chưa tin nơi Chúa Jê-sus cách cá nhân, và một người đã tin nơi Ngài. Vì thế trong dịp tiện đó Thánh Linh đã công khai đánh dấu sự khác biệt bởi một dấu hiệu đặc biệt làm bằng chứng: “Đức Thánh Linh giáng trên chúng, cho nói tiếng ngoại quốc và lời tiên tri.”

Tuyên bố kinh điển về những bước cần thiết để trở thành một Cơ đốc nhân theo nghĩa chân thật và đầy đủ theo điều kiện được đưa ra bởi Phao-lô sau đó trong sách Công vụ, trong bài phát biểu của ông trước các trưởng lão của Hội thánh tại Ê-phê-sô (20:21). Có hai bước, không phải chỉ một: ăn năn trước Đức Chúa Trời và đức tin nơi Chúa Jê-sus. Có thể thực hiện bước đầu tiên mà không thực hiện bước thứ hai được chỉ ra trong chính câu chuyện của mười hai người này; và thật đáng phải lo sợ vì có thể có nhiều người vẫn gần như có vị trí tương tự những người này trước khi họ gặp Phao-lô. Những người này cũng đã ăn năn cách chân thành; họ liên tục xưng nhận tội của mình với Đức Chúa Trời; và theo một cách tổng quát họ chấp nhận như là một thực tế rằng Chúa Jê-sus là Đấng Cứu thế. Nhưng bằng sự thừa nhận của riêng mình họ thiếu mất sự bình an với Đức Chúa Trời và sự đảm bảo trong lòng rằng họ sẽ chắc chắn được cứu qua Đấng Christ khỏi cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời. Đây là niềm vui của Thánh Linh khi ban sự bình an và đảm bảo này cho tất cả những ai tin vào Chúa Jê-sus (Rô. 5: 1-11). Vì vậy nơi nào sự bình an và bảo đảm này bị thiếu, thì có thể người liên quan đó đã thực hiện bước ăn năn đầu tiên, nhưng chưa thực hiện bước thứ hai, có thể qua việc

thiếu hiểu biết ý nghĩa của việc tin nhận Chúa Jê-sus cách cá nhân, hay giống mười hai người tại Ê-phê-sô, bởi việc không biết rằng còn có bước thứ hai để thực hiện.

Còn lại một câu hỏi. Vậy thì tại sao khi những người này tin nhận thì Phao-lô kiên quyết rằng họ phải chịu báp tem lại lần nữa? Họ đã chịu báp tem một lần qua phép báp tem của Giăng rồi. Tại sao họ phải chịu báp tem lại, lần này trong danh của Chúa Jê-sus? Chúng ta có thể chắc chắn rằng điều đó không dành cho những lý do hẹp hòi, hợp pháp hay thuộc về nghi lễ. Nó nhằm tạo ra điểm cần thiết và lành mạnh: những người chưa tin nhận Chúa Jê-sus cách cá nhân thì không phải là Cơ đốc nhân theo nghĩa đầy đủ và chân thật của từ này. Lần đầu tiên khi họ tiếp nhận bước hạnh phúc đó và trở thành tín hữu, sau đó, và chỉ sau đó, mới có ý nghĩa khi họ chịu báp tem trong danh của Chúa Jê-sus. Đó sẽ là sự lơ là nhiệm vụ đáng buồn về phía Phao-lô nếu ông cho phép thế giới tin rằng cái kinh nghiệm thiếu hụt, không có Thánh Linh của mười hai người này trước khi họ tin nhận lại là Cơ đốc giáo chân thật, không pha trộn.

Sự thiếu hụt trong kinh nghiệm của mười hai người này có một nguyên nhân rõ ràng: sự thiếu thốn về Lời Chúa. Điều được đề cập sau đó là cách để chữa lại cho tốt sự thiếu hụt thuộc linh, ấy là giảng dạy và diễn giải Lời của Đức Chúa Trời. Quả là được tiếp thêm sinh lực khi được biết Phao-lô đã tiến đến quyết tâm thực hiện nhiệm vụ. Trong ba tháng ông rao giảng cách dạn dĩ trong nhà hội. Trước đó ở Cô-rinh-tô, nhà hội chối bỏ sứ điệp của ông và công khai bôi nhọ Đạo, Phao-lô rời khỏi họ, đem các môn đồ đi với ông đến một trường học tên Ti-ra-nu, nơi ông giảng dạy từ ngày này sang ngày khác trong suốt hai năm ròng, cho đến khi tất cả những người ở trong vùng A-si, đầu là người Do thái hay Hy Lạp, đều nghe Lời của Chúa (19:8-10). Kết quả là, không chỉ Hội thánh tại Ê-phê-sô được thành lập và được xây dựng lên: các Hội thánh cũng mọc lên ở những nơi Phao-lô chưa bao giờ viếng thăm, khi bản thân những người cải đạo từ sự rao giảng của ông tại Ê-phê-sô trở thành những thầy giảng Lời của Chúa. Ví dụ Hội thánh tại Cô-lô-se được thành lập bởi một người được Phao-lô cải đạo, là Ê-pháp-ra.

PHAO-LÔ CƯ TRÚ TẠI Ê-PHÊ-SÔ (2): CÁC TÀ LINH VÀ THỰC HÀNH CƠ ĐỐC GIÁO

Câu chuyện về thầy phù thủy tại thành Phi-líp đã chỉ rõ mục đích Cơ đốc giáo cần được phân biệt với thông linh giáo; đó thật sự là cuộc chống đối không khoan nhượng đối với thông linh giáo. Giờ đây, câu chuyện chính và cuối cùng của Chuyển động 4 – và nằm trong Phần Năm như là một tổng thể – quay trở lại với mục đích tương tự, cùng nhấn mạnh: ấy là Cơ đốc giáo không phải là ma thuật, dù trắng hay đen; Cơ đốc giáo luôn luôn là kẻ thù của chúng.

Ê-phê-sô thậm chí đã nổi tiếng từ thời cổ đại vì mỗi một hình thức ma thuật và thực hành huyền bí; và khi toàn thế giới cổ đại tràn ngập điều đó, nó nói lên một vài điều. Thật không may, ma thuật không chỉ thịnh hành trong thế giới ngoại bang: nó đã xâm nhập vào Do thái giáo đến một mức độ nhất định, như những thế kỷ sau này nó xâm nhập và thế giới Cơ đốc, và vẫn còn xâm nhập cho đến ngày nay. Tiến sĩ P. S. Alexander đã viết, “Không xem xét đến ma thuật sẽ là bỏ qua một lĩnh vực có tầm quan trọng rất lớn trong việc nghiên cứu Do thái giáo thời đầu tiên... Ma thuật phát triển giữa người Do thái bất chấp sự lên án mạnh mẽ và kiên định của lãnh đạo tôn giáo.” (f 41) Bây giờ chúng ta sẽ xem một ví dụ đáng tiếc về điều đó; và mục đích của câu chuyện, như Lu-ca lý thuật, là để phơi bày việc ma thuật giả vờ là một hình thức hợp pháp hay một ứng dụng của Cơ đốc giáo.

Nhưng trước hết, trong phản ứng của chúng ta chống lại ma thuật chúng ta phải tránh lâm vào sự cực đoan đối lập, vốn cũng là một sai trái tương tự. Mọi nơi trong Tân ước đều tỏ niềm tin vào sự hiện hữu của một cá nhân ma quỷ, của các tà linh, khả năng bị ma quỷ chiếm hữu, và sự cần thiết của việc đuổi quỷ. Thần học tự do thường bác bỏ sự tồn tại của những điều này, và đã gán chúng cho sự tưởng tượng quá nóng nảy của Cơ đốc nhân sống trong thời đại tiền khoa học, hay kể chúng như là các yếu tố của ma thuật lên vào trong Cơ đốc giáo nguyên thủy từ thế giới ngoại giáo chung quanh. Nhưng không phải như vậy. Giải thích như vậy công kích thẩm quyền và công việc của chính Chúa Jêsus. Kinh thánh kể rằng Ngài đuổi các tà linh; và một người nhầm lẫn xem vấn đề tội ác như là vật lộn với những tà linh

không tồn tại sẽ vì thế làm mất hiệu lực tất cả các công bố là Đấng Cứu thế của thế gian, chứ đừng nói đến Đức Chúa Trời nhập thể.

Chính đoạn Kinh thánh trong sách Công vụ này bắt đầu bằng việc liệt kê những phép lạ phi thường mà Đức Chúa Trời đã thực hiện qua Phao-lô khi ông ở tại Ê-phê-sô. Nhưng đó không phải là ma thuật. Quan sát ngôn ngữ cẩn thận của Lu-ca trong câu 11: Đức Chúa Trời thực hiện các phép lạ, qua phương tiện là Phao-lô. Trong dịp tiện này Đức Chúa Trời sử dụng những phương pháp khác thường. Lu-ca không chỉ thừa nhận điều đó, ông kêu gọi chú ý đến nó. Đức Chúa Trời thậm chí sử dụng những cái khăn tay và áo của Phao-lô. Nhưng chính Đức Chúa Trời thể hiện năng quyền và thực hiện các phép lạ; không có quyền lực ma thuật trong những cái khăn tay và áo. Khi một quan đại thần của Nữ hoàng đặt cây gậy của chức vụ lên vai và ra lệnh cho một người làm điều này hay điều kia, cây gậy chắc chắn bày tỏ thẩm quyền của Nữ hoàng giao phó cho vị quan đại thần và hậu thuẫn mệnh lệnh kia; nhưng không có quyền năng của ma thuật trong cây gậy. Vậy thì sự khác nhau giữa điều Phao-lô và điều bày người Do thái thực hiện (hay nỗ lực thực hiện) là những người chúng ta sắp đọc thấy là gì?

Thế giới cổ đại, như chúng ta đã nói, đầy dẫy những người thực hành huyền bí là những người đi loanh quanh kiếm sống bởi tuyên bố chữa lành bệnh tật và đuổi quỷ. Trong số họ có người Do thái, và từ trong số họ Lu-ca kêu gọi chúng ta chú ý đến một gia đình cụ thể, một người cha và bảy con trai. Lu-ca cho biết, người cha là một thầy tế lễ người Do thái. Chúng ta không có cách nào để biết phải chăng đây là một danh hiệu giả mà người này đã tự thừa nhận để tăng thêm uy tín nghề nghiệp của mình, hay ông thật sự là con của một gia đình thầy tế lễ người Do thái. Nếu là điều sau, đây là một hình ảnh rất đáng tiếc khi thấy một người đàn ông từ một bối cảnh thế kia lại đánh mất giá trị thuộc linh như vậy. Thế là, bảy người người con trai của ông, giống nhiều phù thủy người Do thái khác, nhân danh của Chúa Jêsus trên những người bị ma quỷ chiếm hữu. Họ sẽ nói, “Ta nhân Đức Chúa Jêsus này, là Đấng mà Phao-lô giảng, để truyền khiến chúng bay” (19: 13). Ở đây có mùi vị của sự mê tín và ma thuật, hoàn toàn khác biệt với đức tin.

Một người nào đó sẽ phải đối, “Nhưng chắc chắn họ phải có đức tin nơi Chúa Jêsus để mà kêu đến danh Ngài, họ kiếm sống bằng việc đuổi quỷ và những việc khác tương tự như vậy, và rõ ràng họ sẽ không sử dụng danh mà họ không tin đến”

Nhưng điều đó một lần nữa đẩy lên câu hỏi “đức tin là gì?”. Trên thực tế những người này xem danh của Chúa Jêsus có một tiềm năng nào đó không có nghĩa là họ tin vào Chúa Jêsus theo ý nghĩa Kinh thánh của cụm từ này. Đây là một phần kỹ thuật của những thầy phù thủy ngoại bang, chẳng hạn như bao hàm trong số nhiều danh xưng mà họ đã sử dụng là bùa chú và thần chú là danh của Đức Chúa Trời trong Kinh thánh Cựu ước. C. J. Hemer trích dẫn ví dụ một tấm bảng của dân ngoại từ Puteoli, bao hàm một lời cầu khẩn có những từ Sabaoth, danh thánh Iao (=Yahweh), và El, cùng với những danh xưng khác như Mi-ca-ên và Nephtho; (f42) và từ văn bản được trích dẫn rất nhiều “Magical Papyrus” tại Paris chứa cụm từ “Ta cầu khẩn người qua Jêsus, Đức Chúa Trời của người Hê-bơ-rơ.” Vào thời Tân ước danh của Đức Chúa Trời, “Yahweh,” được người Do thái xem quá thiêng liêng đến nỗi giữa vòng những người chính thống không ai phát âm thành tiếng từ này. Họ sử dụng, như họ vẫn làm điều này, một từ thay thế. Do đó nó đã trở thành một tên bí mật, và trong mắt của người thực hành ma thuật kiến thức về danh xưng bí mật đem lại cho họ quyền năng to lớn. Chính là một danh xưng đề cầu khẩn, theo nghĩa đen.

Việc sử dụng danh xưng của Đức Chúa Trời của người ngoại bang trong cách này rõ ràng không ngụ ý đến đức tin chân thành nơi Đức Chúa Trời. Ngược lại hoàn toàn. Việc họ sử dụng một và cùng một lúc cả danh xưng của Đức Chúa Trời và danh xưng của thiên sứ trưởng Mi-ca-ên và của Nephtho là ngụ ý một sự khước từ đối với sự độc nhất của Đức Chúa Trời: Iao (một hình thức của Yahweh) đối với họ đơn giản là một danh xưng đầy quyền năng trong nhiều danh xưng. Bản thân điều đó là một sự phạm thượng. (f43) Thêm vào đó, nó không mô tả về bản tánh đạo đức của Đức Chúa Trời: Iao đối với họ chỉ đơn giản là quyền lực thần linh siêu nhiên, và tất cả mọi điều khiến bọn họ thấy thích thú là uốn nắn quyền năng này theo sự sử dụng của họ. Họ không thấy thú vị đối với bản tánh đạo đức của Đức

Chúa Trời hơn một người thuộc thời hiện đại quan tâm về bản tánh đạo đức của điện năng mà người đó kết nối. Thật sự, không phải Đức Chúa Trời là một Thân vị mà họ thích thú, mà chỉ đơn giản là danh của Ngài được sử dụng như là một bùa chú hay câu thần chú.

Điều này cũng đúng với các con trai của Sê-va. Họ không thấy thú vị trong sự dạy dỗ về đạo đức của Đấng Christ, cũng vậy đối với các tuyên bố thuộc linh của Ngài. Họ đã không tin vào Đức Chúa Jê-sus trong ý nghĩa của Kinh thánh của cụm từ đó: họ đã không ăn năn tội, và tìm kiếm sự tha thứ và phục hòa với Đức Chúa Trời qua đức tin nơi Chúa Jê-sus. Họ không phải là Cơ đốc nhân: họ không bao giờ giả vờ là Cơ đốc nhân. Jê-sus đối với họ đơn giản là danh xưng của một quyền năng thần linh vĩ đại của thế giới thần linh, vốn có thể được khai thác bởi một thầy phù thủy chuyên nghiệp để ông sử dụng cho chừng nào ông còn biết công thức, êm chú, hay thần chú thích hợp. Họ đã quan sát các phép lạ mà Phao-lô đã làm trong danh Chúa Jê-sus; và họ nghĩ rằng danh xưng này là một danh xưng hữu dụng để thêm vào danh mục của họ. Họ không tận hưởng mối liên hệ cá nhân với Chúa, như được tỏ ra bởi công thức mà họ nỗ lực sử dụng: “Ta nhân Đức Chúa Jê-sus này, là Đấng mà Phao-lô giảng...” (19:13). Thái độ của họ là của thông thiên học hiện đại hay một vài hình thức của Phật giáo, theo đó Chúa Jê-sus là một trong những điều gọi là “huynh đệ trắng,” hay một vị Phật đã thoát khỏi sự cần thiết phải luân hồi và sẵn sàng, cùng với nhiều thần linh giống như vậy, cứu giúp những người nam và nữ nếu họ biết và áp dụng kỹ thuật đúng đắn để khiến vị thần đó làm như vậy.

Đây không phải là giáo lý Cơ đốc đúng đắn cũng không phải là đức tin đúng. Về mặt tốt nhất nó là tổng hợp mê tín, về mặt tệ nhất, là sự tin thờ qua quýt. Phiên bản cụ thể tại Ê-phê-sô phô bày nó là điều gì: nó mở ra cho những người quan tâm đối diện sự phản công của một thế giới thần linh vốn có thật. Cho đến ngày nay, những người tuyên bố có khả năng khai thác những quyền năng của thế giới thần linh, bản thân họ thật ra không phải là ông chủ mà là nạn nhân của nó.

KẾT QUẢ

Lu-ca cho biết, khi được biết việc này, sự sợ hãi giáng trên họ,

và danh của Đức Chúa Jêsus được tán dương (19:17). Cách Lu-ca sử dụng từ “Chúa Jesus” xuyên khắp câu chuyện này (19:5, 13, 17) tương phản một cách rõ rệt với cách các con trai của Sê-va và tà linh nhắc đến “Jêsus” (19:13, 15), và chắc chắn để lại cho chúng ta một khuôn mẫu của sự tôn kính xứng đáng.

Hiệu quả trên những người đã là tín hữu thật là lành mạnh đặc biệt. Sự sợ hãi về thông linh giáo thỉnh thoảng rất khó chết đi trong những người cải đạo từ các tôn giáo ngoại giáo, được củng cố bởi sự thực hành của các gia đình và bởi áp lực xã hội. Nhưng được giải phóng bởi sự trình bày tỏ quyền của Chúa Jêsus, và bị chấn động khi nhìn thấy bản chất thật của thông linh giáo, họ đã đến và xưng nhận rằng họ đã bí mật tiếp tục một số thực hành gian ác này. Nhiều người cũng đem sách về nghệ thuật huyền bí của họ và tạo nên một đồng lửa công khai và đốt bỏ từ các quyền sách đó.

“Áy vậ, nhờ quyền phép của Chúa, đạo bèn đồn ra, càng ngày càng được thắng”; và dù lời nhận xét này là một tóm tắt trang trọng của Lu-ca đánh dấu sự kết thúc của phần này và là sự khởi đầu của phần kế tiếp (19:20), nó không phải là điều gì khác mà không có chức năng của nó. Bức tường thành chống lại mê tín dị đoan là đức tin; và đức tin thật đến qua Lời của Đức Chúa Trời, việc đọc và giảng dạy Lời đó (Rô. 10:17). Với các tuyên bố có thẩm quyền và chi tiết của Lời của Đức Chúa Trời, được hiểu bởi tâm trí, tin ở tấm lòng và áp dụng vào cuộc sống mà chính Chúa Jêsus đã đối diện với cám dỗ của ma quỷ trong đồng vắng (Lu. 4:4, 8, 12). Làm suy yếu hay hủy diệt đức tin trong Lời của Đức Chúa Trời, và điều chúng ta nhận được không phải luôn là lòng vô tín, trong sạch và đơn sơ, nhưng là việc mở ra cánh cổng xả lũ xâm nhập vào Cơ đốc giáo là sự mê tín và các tập tục huyền bí giả trá của tôn giáo ngoại giáo cả trong thời cổ đại và hiện đại, ví dụ như Phong trào Thời đại mới. Tất cả các Cơ đốc nhân cần phải tỉnh thức. Ước muốn có được kinh nghiệm thuộc linh ngay lập tức có thể khiến cả cá nhân lẫn Hội thánh thiếu kiên nhẫn để nghiên cứu Kinh thánh nghiêm túc và giảng dạy dựa trên Kinh thánh, và dẫn đến cám dỗ giảm tầm quan trọng của Kinh thánh mà thiên về những chương trình và quy trình hào hứng hơn. Nhưng đó là một sự cám dỗ cần kháng cự bất kể giá nào nếu muốn thắng lợi trong trận chiến thuộc linh.

PHẦN SÁU

Cơ Đốc Giáo và Sự Bảo Vệ & Xác Nhận Phúc Âm (19:21 - 28:31)

Những Quan Sát Sơ Bộ

Các Chuyển Động.

- Chuyển Động 1:* Bảo Vệ Bản Chất Của Sự Thờ Phụng và Bảo Vệ Hội Thánh của Đức Chúa Trời (19: 21-21: 16)
- Chuyển Động 2:* Phúc Âm Được Đánh Giá Bởi Sự Tôn Trọng Lương Tâm (21: 17-23: 11)
- Chuyển Động 3:* Phúc Âm Được Đánh Giá Bởi Thái Độ Đối Với Đạo đức & Luật Pháp (23: 12-24: 27)
- Chuyển Động 4:* Phúc Âm Được Đánh Giá bởi Sự Điệp của Phúc Âm đối với Hoàng Đế và Thế giới (25: 1-26: 32)
- Chuyển Động 5:* Con bão Thiên Nhiên và Quyền Cai Trị Nhà Vua của Đức Chúa Trời (27: 1-28: 31)

PHẦN SÁU: Cơ Đốc Giáo và Sự Bảo Vệ Phúc Âm **Những Quan Sát Sơ Bộ**

Có một thay đổi đáng chú ý khác đến từ chuyện kể của Lu-ca trong phần thứ sáu và phần cuối cùng trong tác phẩm của ông. Phần mở đầu với lời tuyên bố rằng sau hai năm ba tháng, Phao-lô đã duy trì được chức vụ thuận lợi đáng kể tại Hội Thánh Ê-phê-sô, tình thần ông đã gia tăng ấn tượng mạnh mẽ để một lần nữa ông phải đến Giê-ru-sa-lem, khi đã thăm thành đó rồi cũng phải thăm thành Rô-ma nữa (19:21). Cuối cùng với các ý định đó ông đã rời khỏi Hội Thánh Ê-phê-sô.

Nhưng có phải điều đó hoàn toàn trôi qua êm ả như ông đã dự kiến không, ông cũng có thể nhận thấy mình đang tiếp tục rao giảng Phúc Âm theo cách tương tự như trước đây; và trong bài tường thuật của Lu-ca cũng có thể chứa đựng thêm những tóm tắt trong các bài giảng của Phao-lô. Nhưng sự việc không xảy ra theo kế hoạch. Sau khi rời khỏi Hội Thánh Ê-phê-sô ông đã đến xứ Ma-xê-đoan, khích lệ các hội thánh mới ở đó. Sau đó, ông ở lại Hy-lạp ba tháng, có thể ông cũng đã khích lệ các hội thánh đó. Nhưng ngay khi ông đến chỗ nhô neo đi Sy-ri, thì ông khám phá ra một âm mưu chống lại ông đã được lên kế hoạch bởi những người Do Thái địa phương; và thay vì đi bằng đường biển, thì trước tiên, ông phải quay trở lại đường bộ ở phía bắc băng qua xứ Ma-xê-đoan. Nhưng khi ông đi theo hành trình của mình, trong mỗi thành phố ông đến, ông nhận ra lời cảnh báo từ Thánh Linh rằng ngục tù và hoạn nạn đang chờ đón ông. (20: 22-24). Không nản chí, ông cứ tiếp tục cuộc hành trình; nhưng chỉ hai tuần ở lại Giê-ru-sa-lem thì những lời cảnh báo đã bắt đầu trở thành sự thật. Một cuộc bạo loạn nổ ra trong đền thờ, ông có mặt ở giữa cuộc bạo loạn ấy. Quân lính La-mã đã bắt ông; và sau đó, ông đã phải trải qua bốn năm tiếp làm một tù nhân.

Thế là, đã qua rồi những ngày tự do rao giảng Phúc Âm trong nhà hội hoặc trong các phố chợ. Thay vào đó, bắt đầu liên tiếp các

cuộc tra vấn, các cuộc điều tra, các cuộc khiếu nại, và các cuộc xét xử.

Tuy nhiên, với những lúc trải qua sự chán nản, những tháng ngày xin được can thiệp và những năm chờ đợi ở trong tù hoặc đôi khi bị quản thúc tại gia; dường như, những điều ấy đã cho Phao-lô có nhiều cơ hội làm những công việc mà ông không bị buộc phải làm theo cách cũ như trước đây. Cho đến nay, ông đã thẳng thắn rao giảng, biện luận, và thuyết phục người khác nghe Phúc Âm; giờ đây ông được bắt buộc phải bảo vệ Phúc Âm.

Không cần phải tranh luận dài dòng để chứng minh sự khôn ngoan mà Chúa đã ban cho Lu-ca để ông viết hết phần còn lại với một sự mô tả về việc bảo vệ Phúc Âm của Sứ đồ Phao-lô. Nếu đã lựa chọn, thì Lu-ca không còn nghi ngờ gì nữa để đưa thêm nhiều ví dụ vào trong các bài giảng của Phao-lô và đã kể lại những hành trình mà Phao-lô đã thực hiện, và những hội thánh mà ông đã phát triển, cuối cùng sau khi ông đã được thả ra khỏi tù. Nhưng một vài bài giảng mẫu của ông đã được thêm thắt chút ít để chúng ta hiểu về Phúc Âm mà ông rao giảng, vì những bài giảng đó, những mặt quan trọng không có gì khác biệt so với những bài tóm tắt mà chúng ta đã từng nghe. Cũng không có sự mô tả nào thêm về các cuộc hành trình và công việc phát triển hội thánh đã cho chúng ta biết nhiều thông tin đầy ý nghĩa về các thể loại công việc mà ông đã làm, chỉ thêm về phần quy mô của công việc ấy.

Mặt khác, chúng ta không thể đọc phần cuối sách Lu-ca mà không nhận ra rằng chỉ trong vài năm mà Phao-lô đã rao giảng Phúc Âm và thành lập các hội thánh Cơ Đốc khắp Tiểu Á và châu Âu. Nhưng hiện giờ, những sự hiểu lầm và trình bày sai trật nghiêm trọng, cả về Phúc Âm lẫn cách đối xử của ông, bị lan truyền và phổ biến rộng rãi. Nếu những sự hiểu sai và trình bày sai này đã được phép lấy từ nguồn gốc và truyền ra chưa được kiểm chứng, mà không bị công chúng cự tuyệt và bác bỏ, và ở cấp độ cao nhất, chẳng bao lâu, nhiều nơi có người có óc xét đoán và am hiểu sẽ không còn muốn chia sẻ Phúc Âm theo như điều họ đã nghe, chứ đừng nói chi tin điều đó. Hơn nữa, nhiều Cơ Đốc Nhân, đặc biệt trong những nơi như ở

Giê-ru-sa-lem, bị lộn xộn bởi sự lan truyền khắp nhưng lại là những tin đồn sai trật về những gì Phao-lô đã bên vực, cũng có thể kết luận rằng ông là một người phi đảng phái nguy hiểm, nếu không nói là một kẻ dị giáo tích cực. Vì vậy, khẩn cấp, Phao-lô đã ngưng truyền giáo tiên phong, và thay vào đó chỉ đơn giản rao giảng Phúc Âm, biện hộ và bảo vệ ở những cấp độ cao nhất ở cả đông Giê-ru-sa-lem và tây Rô-ma.

Đương nhiên, những sự hiểu và trình bày sai về ông sẽ không ngừng, chẳng bao lâu Phao-lô đã công khai bảo vệ Phúc Âm. Đó cũng là nhu cầu cấp bách, vì vậy mà Lu-ca phải ghi chép lại sự bảo vệ của Phao-lô và cung cấp tối đa cho mọi người trong thế giới đương thời đều biết. Mãi cho đến ngày nay, không phải khắp mọi nơi sứ đồ Phao-lô là người được yêu mến nhất và cũng không phải Phúc Âm của ông được hiểu và sẵn sàng tiếp nhận. Người ta hưởng ứng về sự trình bày tình yêu thương của Đức Chúa Trời của Giảng; họ đồng cảm với Phi-e-rơ, sứ đồ đã từng chối Chúa, đánh giá cao nhiệt tâm của ông; và họ ngưỡng mộ tính thẳng thắn của Gia-cơ yêu cầu sống đúng đắn và làm các việc lành thực tiễn. Nhưng Phao-lô, với sự nhấn mạnh của ông về sự xung công nghĩa bởi đức tin qua ân điển, và ông lên án về sự cứu rỗi nhờ những việc lành, đối với một số người dường như không hấp dẫn về mặt tuân thủ luật pháp, và đối với những người khác thì ngược lại - cho ông là người chống lại đạo lý cách nguy hiểm. Vì vậy, sự vô cùng khôn ngoan của Đức Chúa Trời, đó là hướng dẫn Lu-ca dành phần cuối tác phẩm của ông để nói đến sự bảo vệ Phúc Âm và chính con người của Phao-lô, để chúng ta cũng có thể xua tan đi bất kỳ quan niệm sai lầm nào.

Một số người hiểu sai động cơ của Phao-lô cho rằng đơn giản chỉ do ông nhiệt tình. Viên quan quân đội La Mã đã cứu ông khỏi đám đông ở Giê-ru-sa-lem vì nghĩ ông là tên phản loạn Ai Cập trước đây đã lãnh đạo bốn ngàn quân khủng bố (21: 37-39)! Những lời buộc tội khác nhằm chống lại ông ít nhất chỉ có lý ở bề ngoài. Người diễn thuyết khoa trương được thuê bởi những người Do Thái để chỉ đạo trường hợp khởi tố trước khi Phê-lít đã khẳng định, “Chúng tôi bắt gặp tên ôn dịch này giữa lúc nó đi lại xúi giục người Do Thái

khắp thế giới” (24: 5). Những cuộc phản loạn không thể phủ nhận đã nổ ra với Phao-lô và sự rao giảng của ông trong các thành phố như Ê-xa-lô-ni-ca và Ê-rê; nhưng như chúng ta đã thấy trước đó, ai là người đã bắt đầu các cuộc phản loạn, hoàn toàn là một câu hỏi khác.

Một sự giải thích sai trật khác về giáo lý và cách đối xử của Phao-lô dễ hiểu hơn. Những lời giải thích sai ấy nảy sinh bởi vì người ta chỉ nghe mô tả một chiều về việc làm và lời dạy của Phao-lô, họ đã tiến đến hành động dường như có vẻ hợp lý, mặc dù, thực tế sự tố cáo sai trật đến từ sự mô tả một chiều. Khi chúng ta nghe Phao-lô sắp xếp theo thứ tự các những sự giải thích sai đối với những người đương thời của ông, thì chúng ta cũng có thể được cứu khỏi những sự tố cáo sai trật từ những gì chúng ta đã đọc về giáo lý và việc làm của ông trước trong những phần trước trong của sách Công vụ.

Xin đưa ra một ví dụ. Phao-lô đã đồng ý cả về mặt lý thuyết lẫn việc thực hành cùng với bài học đã dạy cho Phi-e-rô trong Phần Ba, rằng Đức Chúa Trời đã bỏ các luật ăn uống, và luật nghi lễ thánh khiết để giữ cho Phi-e-rô khỏi đi vào nhà và ăn chung với người Ngoại Bang. Đó là “bức tường ngăn cách” cũ đã bị sụp đổ. Phi-e-rô không những được tự do ăn uống thông công với những người Ngoại Bang, nhưng giữa vòng Cơ Đốc Nhân, ông còn có trách nhiệm ăn uống thông công với họ. Từ chối ăn, hoặc thậm chí kiềm chế không thông công với họ, thì đã ngấm ngấm phủ nhận Phúc Âm, như có lần Phao-lô đã nhắc nhở ông cách thông minh (Ga-la-ti 2:11-21). Nhưng chắc chắn, Phao-lô đã tin và thực hiện nguyên tắc này, ông chưa bao giờ mơ ước tháo lui điều đó khỏi Cơ Đốc Giáo bên trong Do Thái Giáo. Nếu ông đã đến viếng thăm đền thờ Giê-ru-sa-lem, ông cũng không nỗ lực để thay đổi các luật lệ nghi và nghi thức tẩy uế, hay xem thường các nghi lễ ấy. Ngược lại với những gì người Do Thái từ Tiều Á đã kết tội (21:28-29), chưa lần nào ông cố gắng đem người Ngoại Bang, thậm chí Cơ Đốc Nhân Ngoại Bang, vào đền thờ mà họ không được phép vào.

Thật dễ dàng thấy được sự khôn ngoan của Lu-ca dành phần cuối trong tác phẩm của ông để nói về sự bảo vệ Phúc Âm của Phao-lô. Nhưng mới nhìn vào thì hoàn toàn không dễ thấy chút nào (ít nhất

là đối với độc giả) đó là lý do tại sao ông đã phải chép lại điều đó dài như vậy - nó chiếm khoảng một phần ba sách - chi tiết như vậy, và với những gì đã xuất hiện, một lần nữa ngay cái nhìn đầu tiên, tính lặp đi lặp lại chắc chắn.

Chi tiết lớn có thể được giải thích theo một cấp độ bởi thực tế rằng, phần lớn hơn của giai đoạn này, một lần nữa Lu-ca là bạn đồng hành của Phao-lô và ông đã chứng kiến một số sự kiện đã xảy ra. Vì vậy, ông ở trong vị trí thu thập nhiều thông tin chi tiết. Thứ hai, rõ ràng ông đã chứng kiến tận mắt một câu chuyện tuyệt vời, một khả năng thiên bẩm lớn để mô tả sống động, chi tiết, báo cáo chính xác, và có khả năng thuộc bậc thầy trong việc tóm tắt bằng một vài nét bút theo cách diễn đạt riêng của ông, các điểm mạnh, điểm yếu, các thái độ tiêu biểu, và những phản ứng của con người trong các câu chuyện ông đã ghi chép lại. Độ dài, các chi tiết, mô tả về sự đắm tàu chính xác về mặt kỹ thuật và địa lý trong sách Công vụ đoạn 27 là cách ngay thẳng tuyệt vời.¹ Nhưng ông cũng có nhiều điều ghi chép thú vị, chẳng hạn như cách viên quan chỉ huy quân đội viết thư cho tổng trấn quản lý cách thuận tiện để thu thập thứ tự các sự kiện và tạo ra ấn tượng rằng ông đã khám phá ra quốc tịch La Mã của Phao-lô trước đó và trong những hoàn cảnh tốt hơn mà ông đã làm;² hoặc bất ngờ Phê-lít đưa đến sự kết thúc đối với sự bày tỏ lương tâm-buồn phiền của Phao-lô về mặt đạo đức thì Phê-lít thỉnh linh nhận ra phải can thiệp như thế nào với mục đích thật về sự viếng thăm thường xuyên của ông bề ngoài là để học về các quan điểm của Phao-lô (24: 24-27).

Tuy nhiên, chúng ta có thể chắc chắn, rằng Lu-ca có một mục đích sâu sắc hơn chứ không chỉ đơn giản phác thảo chi tiết hoàn cảnh xung quanh đời sống của Phao-lô trong thời gian này. Phao-lô đã sắp xếp để bảo vệ Phúc Âm, như sau này ông nói trong một lá thư gởi cho hội thánh Phi-líp (Phi-líp 1:17). Nhưng để bảo vệ Phúc Âm cách thỏa đáng, ông đã phải làm nhiều điều chứ không đơn giản chỉ bệnh vực Phúc Âm: Ông đã phải tự bệnh vực chính mình, phẩm chất và cách cư xử của ông. Tại các buổi họp công khai khác, các cuộc điều tra của tòa án và các cuộc xét xử, đương nhiên, bằng ghế dài và công chúng quan tâm thích nghe sự trình bày Phúc Âm của ông và

khám phá ra rằng nội dung ông trình bày không phải tuyên truyền lật đổ chính quyền, ông cũng không trình bày các khái niệm không lành mạnh của một số giáo phái kỳ quặc. Nhưng họ cũng đã suy xét phẩm chất và tính cách của ông và chọn lọc những bản báo cáo về cách cư xử của ông trong quá khứ và hiện tại, với kết quả ấn tượng mà họ đã hình thành chính Phúc Âm đã được ràng buộc không thể tách rời, và Phúc Âm được ảnh hưởng bởi, sự đánh giá của họ về chính đời sống của Phao-lô. Trong ý nghĩa Phao-lô là Phúc Âm.

Đương nhiên, Phao-lô đã nhận ra điều này; là tại sao ông không thỏa lòng sửa sai những bản của những người tố cáo ông về những gì ông đã làm, và những gì ông không làm trong đền thờ. Một cách tích cực và sáng kiến riêng của ông, hai lần ông đã chọn thuật lại câu chuyện dài về sự trở lại tin nhận Chúa của ông (22: 1-21; 26: 9-23); bởi vì sự ảnh hưởng của Phúc âm hướng dẫn đời sống ông, quan điểm của ông, những khao khát, các mục tiêu và các phương pháp của ông, là một phần không thể thiếu và không thể lờ đi trong việc bảo vệ Phúc Âm.

Không chỉ Phao-lô, mà Lu-ca cũng đã nhận ra được điều này, để những phần mô tả dài và chi tiết về thái độ, những phản ứng, và cách cư xử chung của Phao-lô trong nhiều tình huống và trong suốt thời gian này đã cho phép độc giả ban đầu của Lu-ca—cũng như chúng ta—thấy được phản ứng của Phao-lô, nghiên cứu phẩm chất và tính cách của ông, để so sánh ông với nhà lãnh đạo khác trong câu chuyện đang diễn ra, và vì vậy, để rút ra những kết luận làm bài học riêng của họ về đời sống của Phao-lô.

Vậy Phao-lô thuộc hạng người nào? Trong bài tường thuật chi tiết của Lu-ca cho phép chúng ta nhận được bài học về sự nhã nhặn và đúng đắn cùng với cách ông đã xử sự đối với đền thờ ngoại giáo ở Ê-phê-sô và các đối tượng tôn kính của họ (19:37), và đối với sự thiêng liêng của đền thờ Do Thái ở Giê-ru-sa-lem, (21:26;24: 12-13, 18); thái độ của ông đối với tiền bạc, (20: 33-35) so sánh với các thương gia ở Ê-phê-sô, (19: 24-27) và với thống đốc Phê-lít, Công-vụ (24:26); đạo đức và sự can đảm về thể chất của ông (20: 19-20, 23-24, 27; 21: 10-13; 21: 31-32 với 21: 39-22: 21; 27: 20-26, 30-35),

PHẦN SÁU: CƠ ĐỐC GIÁO, SỰ BẢO VỆ, VÀ SỰ XÁC NHẬN CỦA PHÚC ÂM, (19:21-28:31)

<p>CHUYÊN ĐÔNG 1: BẢO VỆ SỰ THỜ PHƯỢNG TỰ NHIÊN VÀ BẢO VỆ HỘI THÁNH CỦA ĐỨC CHÚA TRỜI (19:21-21:16)</p>	<p>CHUYÊN ĐÔNG 2: PHÚC ÂM ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ BỞI TÌNH TÔN TRỌNG VÌ LƯƠNG TÂM (21:17-23:11)</p>	<p>CHUYÊN ĐÔNG 3: PHÚC ÂM ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ BỞI THÁI ĐỘ ĐỐI VỚI ĐẠO ĐỨC VÀ LUẬT PHÁP (23:12-24:27)</p>	<p>CHUYÊN ĐÔNG 4: PHÚC ÂM ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ BỞI SỰ ĐIẾP DÀNH CHO SẾ-SA VÀ THẾ GIẠN (25:1-26:32)</p>	<p>CHUYÊN ĐÔNG 5: NHỮNG CON BẢO CỦA THIÊN NHIÊN VÀ QUYỀN CẠI TRỊ NHÀ VUA CỦA ĐỨC CHÚA TRỜI (27:1-28:31)</p>
<p>Ê-PHÊ-SÔ- ĐẾN GIÊ-RU-SA-LEM (19:24-35)</p>	<p>GIÊ-RU-SA-LEM (21:17-36)</p>	<p>SẾ-SA-RÊ-PHÊ-LÍT (23:12-24)</p>	<p>SẾ-SA-RÊ-PHÊ-TU (25:1-3)</p>	<p>SẾ-SA-RÊ ĐẾN LA-MÃ (27:1-44)</p>
<p>1. <i>Sự phạm nãn</i> "...Phao-lô này dám bảo: Các thần tượng do tay người làm ra không phải là thần. Nó thuyết phục được nhiều người, không những ở thành Ê-phê-sô mà gần khắp cả Tiểu Á nữa. Chẳng những chúng ta sợ..." Công-vụ (19:26-27)</p>	<p>1. <i>Những sự tố cáo</i> "...Chính tên này đã tuyên truyền khắp nơi, xui giục mọi người chống lại dân tộc, Kinh Luật và nơi thánh này." Hơn thế nữa, hẳn còn dẫn người Hy-lạp vào trong đền thờ, làm ô uest nơi thánh này". Công-vụ (21:28)</p>	<p>1. <i>Âm mưu</i> Hơn bốn mươi "người Do Thái âm mưu với nhau và thể sẽ nhiệm ăn nhiệm uống cho đến khi nào giết được Phao-lô". Công-vụ (23:12)</p>	<p>1. <i>Âm mưu</i> Các lãnh đạo Do Thái "yêu cầu thống đốc Phê-tu... bước tới Phao-lô, và xin thống đốc đặc ân cho giải ông về Giê-ru-sa-lem (vì họ định phục kích giết ông dọc đường. Công-vụ (25:1-3)</p>	<p>1. <i>Quyết Định Không khôn ngoan</i> "Vị hải cảng này không tiễn đầu mùa đông, nên đa số đồng ý ra khơi, để may ra có thể chạy đến Phê-nit... Thấy gió nam bắt đầu thổi nhẹ, họ tưởng có thể thực hiện được điều dự định, nên nhờ neo chạy dọc theo bờ đảo Cô-rết" (27:12-13)</p>
<p>2. <i>Sự nguy hiểm</i> "Cả thành phố đều rối loạn" (19:29); "...Vài bạn của Phao-lô cũng sai người đến khuyên ông đứng mau hiểm vào li trường" (19:31); "đàn dân</p>	<p>2. <i>Sự nguy hiểm</i> "Cả thành phố đều háo loạn... họ tìm cách giết Phao-lô..." Công-vụ (21:30-31)</p>	<p>2. <i>Sự nguy hiểm</i> Cháu trai của Phao-lô thông báo âm mưu cho tổng tư lệnh (23:19-22). "Người Do Thái đã cầu kết với nhau thỉnh cầu ông đưa Phao-lô ra trước Hội Đồng... xin ông đứng nghe lời họ hơn bốn mươi người trong bon họ đang mai phục chờ Phao-lô đến..." (23:20-21)</p>	<p>2. <i>Sự nguy hiểm (25:4-9)</i> Phê-tu, trong mọi sự vô tội, nhưng muốn làm một đặc ân cho người Do Thái, yêu cầu Phao-lô đến Giê-ru-sa-lem để chịu thử thách</p>	<p>2. <i>Sự nguy hiểm (27:14-20)</i> "Suốt nhiều ngày, mặt trời không xuất hiện, các ngôi sao cũng không, mà bão thì cứ tiếp tục thổi rất mạnh. Rốt cuộc, chúng tôi đành tuyệt vọng, không còn mong được cứu thoát nữa." (27:20)</p>

<p>đồng thanh hô lớn trong suốt hai tiếng đồng hồ: “Nữ thần Ác-tê-mít của người Ê-phê-sô vĩ đại thay” (19:34)</p>	<p>3. Sự giải thoát Viên quan La-mã giải thoát Phao-lô (21:31-33)</p>	<p>3. Sự giải thoát Viên quan La-mã giải thoát Phao-lô bằng cách gửi ông đến Sê-sa-rê dưới sự bảo vệ (23:23-24)</p>	<p>3. Sự giải thoát Phao-lô tự giải thoát mình bằng cách kháng cáo với Sê-sa (25:10-12)</p>	<p>3. Sự giải thoát (27:21-44) “Phao-lô khuyến nhủ” ‘Vì không một ai trong các ông thiệt mạng cả... (Thiên sứ phán) ‘Đức Chúa Trời đã ban... tất cả đều vào tới bờ an toàn’ (27:22, 24, 44)</p>
<p>B. NHỮNG SUY NGHĨ SAI TRẬT VỀ PHAO-LÔ CỦA ĐÁM ĐỒNG ĐƯỢC BIẾN HỘ BỞI TỔNG THƯ KÝ THÀNH PHỐ (19:35-41)</p>	<p>B. SUY NGHĨ SAI TRẬT CỦA VIÊN CHỈ HUY VỀ PHAO-LÔ ĐƯỢC PHAO-LÔ BIẾN HỘ (21:37-39)</p>	<p>B. VIÊN CHỈ HUY VIẾT THƯ GỬI PHÊ-LÍT BÁO CÁO RẰNG PHAO-LÔ KHÔNG CÓ TỘI (23:25-35)</p>	<p>B. SỰ MÔ TẢ CỦA PHÊ-TU VỀ TÌNH HÌNH CHO SỰ BẮC BỎ CỦA VUA AC-RIP-BA CÁO BUỘC PHAO-LÔ BỞI CÁC THẦY TẾ (25:13-22)</p>	<p>B. SUY NGHĨ SAI TRẬT CỦA ĐÁM MAN-TA VỀ PHAO-LÔ ĐƯỢC BIẾN HỘ BỞI NHỮNG SỰ KIỆN THỰC TẾ (28:1-6)</p>
<p>“Đồng bào đã giải mấy người này đến đây, nhưng họ không có tội phạm của Đền Thờ cũng không phạm thượng đến nữ thần của đồng bào”</p>	<p>“anh biết tiếng Hy-lạp sao?... Thế anh không phải là tên phản loạn Ai Cập trước đây đã lãnh đạo bốn ngàn quân không bố kéo vào đồng hoang sao...?” (21:37-38)</p>	<p>“Tôi chỉ thấy họ tố cáo đương sự những vấn đề giáo luật của họ, chứ chẳng có tội gì đáng xử tử hoặc bỏ tù.” (23:29)</p>	<p>“Khi tôi ở Giê-ru-sa-lem các thượng tế và các trưởng lão Do Thái buộc tội nó và yêu cầu tôi kết án nguyên cáo đứng trước tòa chẳng tố cáo đường... nhưng chỉ tranh chấp với đường sự về những vấn đề trong tôn giáo của họ và về một người tên Giê-su đã chết nhưng Phao-lô quả quyết...” (25:15, 18-19)</p>	<p>“Anh này đứng là tay giết người... công lý vẫn không cho sống nữa... nhưng đợi đã lâu mà không thấy ông bị hại gì, họ lại đổi ý, tôn xưng ông là một vị thần” (28:4-6)</p>

<p>C. HÀNH TRÌNH TỪ Ê-PHÊ-SÔ ĐẾN GIÊ-RU-SA-LEM (20:1-21:16)</p> <p>1. <i>Đến Mỹ-lê: Qua Mác-xê-đoan, Hy-lạp, Phi-líp, Trô-ách, A-mốt, Sa-mốt, với một phép lạ bày ngày ở lại và một phép lạ ở Trô-ách (20:1-16)</i></p> <p>"Người ta đưa thanh niên ấy về nhà, thấy còn sống nên được an ủi nhiều." (20:12)</p>	<p>C. CÁC CUỘC ĐIỀU TRA CỦA VIỆN QUAN LA-MÃ (22:1-23:11)</p> <p>1. <i>Sự báo của Phao-lô trước đấng đồng (22:1-21)</i></p> <p>Ông kể về cuộc đời ông, sự cải đạo, và sứ mạng truyền rao phúc âm cho dân Ngoại Bang. "Tôi về Giê-ru-sa-lem... Con hãy đi vì Ta sai con đến các dân tộc ngoại quốc ở nơi xa xăm" (22:17-21)</p>	<p>C. XÉT XỬ TRƯỚC PHÊ-LÍT (24:1-27)</p> <p>1. <i>Trường hợp bắt bớ (24:1-9)</i></p> <p>"Chúng tôi bắt gặp tên ôn dịch này giữa lúc..... người Do Thái khắp thế giới. Nó là tên đầu đảng phe Na-xa-rét; 6 Nó còn toan tính làm ô uế Đền Thờ, nên chúng tôi bắt nó" (24:5-6)</p>	<p>C. THẨM TRA TRƯỚC MẶT VUA AC-RIP-BA (25:23-26:32)</p> <p>1. <i>Sự biến hô của Phao-lô trước mặt Vua Ac-rip-ba (26:1-23)</i></p> <p>Ông làm chứng về cuộc đời ông, sự cải đạo, và sứ mạng đem phúc âm đến cho dân Ngoại. "Vi lý do đó, người Do Thái đã bắt tôi trong Đền Thờ và toan giết tôi" (26:21)</p>	<p>C. HÀNH TRÌNH TỪ MAN-TA ĐẾN LA-MÃ (28:7-31)</p> <p>1. <i>Đến La Mã qua Sý-ia-cu-sơ, Rê-gi-um, Bu-tô-lô, Quảng trường Áp-bi-u, với một phép lạ tại Man-ta một ngày thứ ba ở Bu-tô-lô (28:7-15)</i></p> <p>"Anh... nghe tin chúng tôi đến đã ra tận quảng trường Áp-bi-u và... Đức Chúa Trời và vững lòng" (28:15)</p>
<p>2. <i>Phao-lô nói với các trưởng lão của hội thánh Ê-phê-sô (20:17-38)</i></p> <p>1. "Tôi hầu việc Chúa với cả lòng khiêm nhường, đổ nhiều nước mắt, chịu đựng những cuộc thử thách do âm mưu ám hại của người Do Thái" (20:19)</p> <p>2. "Kia nay được Đức Thánh Linh...ngục tù và hoạn nạn đang chờ đón tôi" (20:22-23)</p>	<p>2. <i>Đến án tội luật của viên quan xét xử Phao-lô dưới sự tra khảo (22:24-29)</i></p> <p>"Công dân La Mã chưa thành án mà đã bị đánh...không?" (22:25); "Viên quan đến gặp Phao-lô mà hỏi..... công dân La Mã không?" Phao-lô đáp: "Phải" (22:27); "Các binh sĩ sắp tra tấn ông lập tức rút lui... đã xiết xích một công"</p>	<p>2. <i>Trường hợp biện hộ (24:10-23)</i></p> <p>1. "Họ không hề bắt gặp tôi, hoặc trong Đền Thờ..... thành phố, đang tranh luận với ai hay tụ tập đám đông bao giờ" (24:12)</p> <p>2. "Tôi thờ phụng Đức Chúa Trời... của tổ tiên theo Đạo Kinh Tiên Tri" (24:14)</p> <p>3. "Tôi đặt niềm hy vọng nơi Đức"</p>	<p>2. <i>Cơ kiện của Phê-tu (26:24-25)</i></p> <p>"Người điên rồi, Phao-lô ơi! Người học quá nhiều đến nỗi quên tri!" Phao-lô đáp: "Thưa ngài thông đốc, tôi không điên đâu! Tôi chỉ nói lên sự thật và những lời hợp lý"</p>	<p>2. <i>Sự hướng dẫn các trưởng lão và các lãnh đạo công đồng Do Thái của Phao-lô tại La Mã (28:16-22)</i></p> <p>1. "Thưa các anh em, tôi chẳng làm điều gì chống nghịch dân... nhưng tôi bị bắt tại Giê-ru-sa-lem và giao nạp cho người La Mã" (28:17)</p> <p>2. "Vây, vi lý do đó tôi mới anh em đến... của Y-sơ-ra-ên mà tôi phải mang chiếc xiềng này"</p>

Phần Sáu: Cơ Đốc Giáo Và Sự Bảo Vệ & Xác Nhận Phúc Âm (19:21-28:31)

<p>3. Bảo vệ dân chiến bè phái các trưởng lão (20:30-31)</p>	<p>dân La Mã." (22:29)</p>	<p>Chúa Trời... sự sống lại của kẻ chết, cả người công chính lẫn người bất chính" (24:15) 4. "Tôi về thăm tổ quốc, đem theo nhiều tặng phẩm cứu tế và lễ vật dâng hiến" (24:17) 5. "Hoa chàng chỉ có một câu tôi lớn tiếng giải bày: 'Tôi bị ra tòa hôm nay chỉ vì tin rằng người chết sẽ sống lại'" (24:21)</p>	<p>3. Những lời cảnh báo của Đức Thánh Linh với Phao-lô qua các nhà tiên tri Tỳ-rô và Sê-sa-rê (21:7-14) "Đức Thánh Linh Phấn... tại Giê-ru-sa-lem và nộp vào tay người Ngoại Quốc (21:11)</p>	<p>3. "Nhưng thiết tưởng cũng nên xin anh cho biết ý kiến vì chúng tôi được biết giáo phái này bị chống đối khắp nơi" (28:22)</p>
<p>3. Những lời cảnh báo của Đức Thánh Linh qua tiên tri Ê-sai cho cộng đồng Do Thái tại La Mã (28:23-28) "Thánh Linh đã dùng tiên tri... Họ sẽ nghe theo!" (28:25, 28)</p>	<p>3. Khiếu nại cuối cùng của Phao-lô lên Vua A-c-ríp-ba (26:26-29) "Vua A-c-ríp-ba bảo Phao-lô: Chỉ trong thời gian ngắn ngủi mà người tưởng có thể làm cho ta thành môn đồ Chúa Cứu Thế sao?" (26:28)</p>	<p>3. Những cuộc đối thoại của Phê-lít với Phao-lô (24:24-26) Phao-lô đưa ra lý do "Nghe Phao-lô giải luận về công chính... Khi nào có dịp, tôi sẽ gọi lại" (24:25); Phê-lít sợ nhưng tìm kiếm một sự dứt lốt trái luật.</p>	<p>3. Cuộc điều tra trước Hội Đồng Tôn Giáo (22:30-23:10) Phao-lô công bố sống mộ lương tâm tốt. Thấy tế lễ cả ra lệnh cho ông bị đánh, vì đi ngược lại luật pháp. "Đức Chúa Trời sẽ đánh ông, bức tường sơn trắng kia!" (23:3)</p>	<p>3. Sự cảnh báo của Đức Thánh Linh qua tiên tri Ê-sai cho cộng đồng Do Thái tại La Mã (28:23-28) "Thánh Linh đã dùng tiên tri... Họ sẽ nghe theo!" (28:25, 28)</p>
<p>4. Nơi ở của Phao-lô tại Giê-ru-sa-lem (21:15-16) Có vài môn đồ ở Sê-sa-rê cũng đi và đưa chúng tôi đến trọ tại nhà của Ma-na-sôn, một người Síp và là một môn đồ kỳ cựu." (21:16)</p>	<p>4. Kết quả (26:30-32) "Người này chẳng làm điều gì đáng xử tử hoặc bỏ tù cả!" "Nếu đương sự không khiêu nại lên Hoàng đế thì có thể phóng thích!" (26:32)</p>	<p>4. Sự tổng giam Phao-lô tại Sê-sa-rê (24:27) "Hai năm sau, Bốt-kiu Phê-tu đến thay Phê-lít. Phê-lít cứ giam giữ Phao-lô trong ngục" (24:27)</p>	<p>4. Kết quả (23:11) "Chúa... bảo: "Con cứ can đảm lên! Con đã làm chứng cho Ta tại Giê-ru-sa-lem thế nào, con cũng phải làm chứng tại Rô-ma thế ấy" (23:11)</p>	<p>4. Phao Lô bị giam cầm tại La-mã (28:30-31) "Phao-lô ở tại nhà trọ suốt hai năm, tiếp đón tất cả những người đến... mạnh dạn dạy dỗ về Chúa Cứu Thế Giê-su, không bị ai ngăn cấm." (28:30-31)</p>

và thái độ quân bình của ông đối với sự chịu khổ - ông đã sẵn sàng chuẩn bị để chịu đựng bất cứ điều gì xảy ra, ngay cả sự chết, lòng trung tín của ông đối với Chúa Giê-su và đối với Phúc Âm nếu và khi cần thiết, (20:24; 21:13), và ông sẵn sàng chịu đựng mà không hề muốn trả thù bất cứ điều gì, (28:19); nhưng ông không thích chịu khổ nguy hiểm đến tính mạng cách không cần thiết (22: 24-29; 25: 10-11).

Trong bài tường thuật của Lu-ca, chúng ta chú ý đến một người có liên quan xen giữa thần học có giá trị và giáo lý thánh khiết (20:30), nhưng hoàn toàn giải thích về trách nhiệm xã hội của hội thánh, (20:35), và một người chịu đựng nhiều hơn sự chia sẻ của ông dưới cuộc sống thực tế trên đất, (20: 33-34; 27: 30-36; 28: 3).

Lu-ca ghi nhận lại Phê-tu lớn tiếng ngắt lời Phao-lô: Người điên rồi, Phao-lô ơi! Người học quá nhiều đến nỗi quần trí, (26:24); nhưng đồng thời, sự tường thuật chi tiết và sống động của Lu-ca cho phép chúng ta chuẩn bị suy nghĩ trong tâm trí như sự cuồng tín thật nằm ở đâu, Công-vụ (19:34; 23: 12-13); trong ý nghĩa, Phao-lô thờ phượng Đức Chúa Trời của tổ tiên theo đạo mà họ bảo là một bè phái, (24:14; 26: 4-7); liệu ông đã cố chấp chống lại với dân tộc của mình, là dân Y-sơ-ra-ên không (24:17;28:17-20), không giống như nhiều người trong số họ, địa vị của ông là dân La-mã, (22: 27-28); và cách ông đã phản ứng với sự mục nát khi ông đi đến đó dù trong tôn giáo (23:1-3, 14-17) hoặc trong chính quyền dân sự (24:26; 25: 3, 9-11).

Rồi sau đó, ít nhất, người ta có thể thấy một số lý do tại sao Lu-ca đã ghi trong phần cuối sách Công-vụ rất nhiều chi tiết. Nhưng chúng ta sẽ nói về tính lặp đi lặp lại rõ ràng là gì? Có hai cuộc phản loạn liên quan đến đền thờ, một là ở Ê-phê-sô, (19: 23-41), và hai là ở Giê-ru-sa-lem, (21: 27-22: 22). Hai cuộc hành trình dài, hành trình thứ nhất từ Ê-phê-sô đến Giê-ru-sa-lem (20: 1-21: 16), một hành trình khác nữa là từ Sê-sa-rê đến La-mã (27:1-28:16). Hai cuộc điều tra, một là trước Hội đồng (22: 30-23: 10) và cuộc điều tra thứ hai là Phê-tu và Vua A-c-ríp-ba (25: 23-26: 32). Có hai thử thách chính thức, một là trước mặt Phê-lít (24: 1-23) và thử thách khác trước là điếu đến trước Phê-tu (25: 6-12). Hai là nỗ lực đã lên kế hoạch để

phục kích và ám sát Phao-lô, một nỗ lực là từ lâu đài đến Hội đồng ở Giê-ru-sa-lem (23: 12-21) và nỗ lực khác là từ Sê-sa-rê tới Giê-ru-sa-lem (25: 2-3). Hai lần, Phao-lô liên quan đến sự cải đạo (22: 3-21 và 26: 4-18); và hai lần chúng ta nghe về các lá thư quan trọng, thứ nhất được viết bởi các chỉ huy quân đội, Ly-si-a, gửi đến cho thống đốc Phê-lít (23: 25-30) và hai là thư Phê-tu gửi cho Hoàng Đế, nhưng không biết trong đó viết gì, như ông đã giải dài với vua Ac-ríp-ba (25: 13-27).

Trước hết, người ta phải nói đến những cặp đôi này rõ ràng đó là họ nhớ lại sự sắp xếp cặp đôi rõ ràng mà chúng ta đã thấy trong Phần Một.3 Sau khi kiểm tra kỹ hơn những việc đi đôi rõ ràng trong Phần Một đã chứng minh không chỉ cặp đôi văn chương, mà còn những mô tả thực tế. Tương tự, nhưng độc lập, các sự kiện. Vì vậy, trong Phần Sáu này. Sự mô tả cặp đôi rõ ràng không phải kết quả của nghệ thuật hư cấu. Các sự kiện họ mô tả đã xảy ra một cách thực tế.

SỰ BỆNH VỰC PHÚC ÂM (19: 21-28: 31)

Khi chúng tôi xem xét kỹ các thành viên của mỗi cặp đôi cách rõ, dù tương tự, nhưng họ đều ở trong những sự tôn trọng khác nhau, và thường có thể cho thấy sự trình bày khác nhau và những phương diện bổ sung trong các chủ đề chung của họ.

Cuối cùng, Phao-lô đã thực hiện hai cuộc hành trình, hành trình thứ nhất từ Ê-phê-sô đến Giê-ru-sa-lem, và hơn hai năm sau, ông thực hiện hành trình thứ hai, từ Sê-sa-rê đến Rô-ma; nhưng các điều kiện trong hành trình thứ hai có sự khác biệt đáng chú ý so với hành trình thứ nhất. Có hai cuộc phản loạn liên quan đến đền thờ; cuộc phản loạn thứ nhất là ở trong đền thờ ngoại giáo, và nó dấy lên các câu hỏi khác từ những người ở giữa cuộc phản loạn thứ hai trong đền thờ Do-Thái ở Giê-ru-sa-lem.

Có hai cuộc thẩm tra chính thức, cả hai cuộc điều tra về phần các viên quan La-mã cố gắng tìm hiểu ngọn nguồn của những cáo buộc của người Do Thái chống lại Phao-lô. Nhưng hai cuộc điều tra đã được tiến hành bởi hai nhóm người khác nhau. Các viên quan La-mã, thất vọng về sự vô ý thức ngoài đám đông đang hét lên đòi máu của

Phao-lô, đưa Phao-lô ra trước Hội Đồng Tôn Giáo cố gắng để khám phá vấn đề rắc rối thật sự là gì. Phê-tu, không thể khám phá sự thật thực tế từ sự xét xử chính thức mà ông đã tổ chức, đưa phao-lô đến trước mặt Vua A-c-ríp-ba và em gái của ông, Bê-rê-nít. Vì vậy, rất tốt để có các kết quả từ các cuộc thẩm tra này trước hai nhóm người khác nhau; và tương tự, cả hai lời tuyên bố rõ ràng của viên quan chỉ huy quân đội và tổng trấn Phê-tu là điều rất quan trọng, cho đến chừng có thể tìm ra manh mối, rằng Phao-lô không có tội.

Nguyên nhân cáo buộc Phao-lô, họ nói ông đã đưa những người Hy Lạp vào trong đền thờ Giê-ru-sa-lem. Đương nhiên, đó là tội tử hình. Những bằng thông báo nổi bật được thông báo ở những nơi thích hợp trong đền thờ cảnh báo mọi người Ngoại Bang không được bước vào đền thờ nếu không sẽ bị chết đau đớn. Đó là một sự ngăn cấm bắt phải tuân theo bởi cả hai, luật pháp Do Thái và La-mã. Nếu người ta chứng minh được rằng Phao-lô đã thực sự đưa những người Ngoại Bang vào trong đền thờ, thì người La-mã sẽ đã giao ông cho Hội Đồng Tôn Giáo không chút do dự để bị xử theo luật pháp.

Tuy nhiên, trong cuộc điều tra, đương nhiên hai cuộc thẩm vấn và hai cuộc xét xử được lập đi lập lại, lời buộc tội đã được chứng minh không tìm thấy có tội và được giảm xuống. Nhưng sự chống đối Phao-lô mãnh liệt của người Do Thái vẫn tiếp tục không suy giảm; cuối cùng các viên sĩ quan La-mã đã quyết định rằng nguyên nhân thực sự của tất cả mọi điều, như Phê-tu nói, “nhưng chỉ tranh chấp với đương sự về những vấn đề trong tôn giáo của họ và về một người tên Giê-su đã chết nhưng Phao-lô quả quyết vẫn còn sống” (25:19).

Về vấn đề này, chúng ta đến phần chính về sự bảo vệ Phúc Âm của Phao-lô. Từ sự xuất hiện đầu tiên của ông trước Hội Đồng Tôn Giáo ở Giê-ru-sa-lem đến buổi họp cuối cùng của ông với các trưởng lão trong cộng đồng Do Thái ở La Mã, Phao-lô đã nhấn mạnh rằng vấn đề thật sự lâm nguy không phải vì cách xử sự của ông mà là sự sống lại của Đức Chúa Giê-su. Cuộc tranh luận thực sự giữa người Cơ Đốc và Do Thái giáo, cho đến ngày nay thậm chí vẫn còn xảy ra mặc dù không phải những gì được nói đến, mà về ai là người chịu trách nhiệm cuối cùng cho cái chết của Đấng Christ.

Sự tranh luận thực sự giữa họ - thật vậy giữa Cơ Đốc Giáo, và tất cả các tôn giáo cũng như các triết lý khác là liệu Chúa Giê-su, đã thật sự sống lại từ cõi chết hay không.

Lu-ca đã thấy tầm quan trọng về sự lặp đi lặp lại khẳng định nhân mạnh của Phao-lô ở điểm này; rõ ràng ông đã không nản lòng do sợ bị buộc tội cùng với sự ghi chép lặp đi lặp lại bốn lần:

23: 6 “...Tôi bị đưa ra tòa chính vì niềm hy vọng về sự sống lại của người chết!”

24:15 “Cũng như họ, tôi đặt niềm hy vọng nơi Đức Chúa Trời, trông mong sự sống lại của kẻ chết, cả người công chính lẫn người bất chính.”

26: 6-8 “Bây giờ, chính vì niềm hy vọng nơi lời hứa của Đức Chúa Trời với tổ tiên tôi mà hôm nay tôi phải bị xét xử... vì niềm hy vọng ấy mà tôi đang bị người Do Thái tố cáo! Tại sao trong quý vị có người cho rằng việc Đức Chúa Trời khiến người chết sống lại là điều không thể nào tin được?”

28:20 “Vậy, vì lý do đó tôi mời anh em đến để gặp gỡ, chuyện trò; chính vì niềm hy vọng của Y-sơ-ra-ên mà tôi phải mang chiếc xiềng này.”

Đương nhiên, rất dễ thấy rằng những người Pha-ri-si đông hơn so với những người Sa-đu-sê, và họ tin rằng một ngày kia kẻ chết sẽ sống lại. Chắc hẳn họ đã không khởi tố Phao-lô tại tòa án La-mã vì tin vào sự phục sinh này. Chắc hẳn, họ cũng đã nắm giữ sự sống lại là niềm hy vọng của dân Y-sơ-ra-ên; nhưng đồng thời họ đã bàn cãi sự về sự khẳng định Chúa Giê-su đã sống lại từ cõi chết của Phao-lô.

Đó là sự thật. Nhưng họ không đã không hiểu phần chính sự thật của vấn đề. Nếu Phao-lô đã duy trì điều đó, một số người khác chưa nghe về Đấng đã sống lại từ cõi chết, thậm chí, những người Sa-đu-sê có thể xua đuổi ông như người mất trí mà Phê-tu đã tuyên bố về Phao-lô. Không có nguyên nhân cho tất cả các tình trạng thù địch nóng nảy và các cuộc đàn áp và truy tố Phao-lô.

Tại sao sau đó, mọi người nóng nảy và giận dữ? Bởi vì Phao-lô

đã nói rằng niềm hy vọng của Dân Y-sơ-ra-ên còn vượt xa hơn điều đó, sẽ có một sự sống lại chung. Theo Phao-lô niềm hy vọng của Dân Y-sơ-ra-ên, đã chứng bởi Môi-se tiên báo sẽ xảy ra, tức là Chúa Cứu Thế sẽ phải chịu thương khó nhưng sẽ sống lại đầu tiên trong số những người đã chết, rồi công bố ánh sáng cho dân Ngài và các dân tộc Ngoại Quốc (26: 22-23).

Tuy nhiên, Đức Chúa Giê-su được công bố chính là Đấng Mê-si-a; trở trên thay, và để hủy lời công bố ấy của Ngài mà các nhà lãnh đạo đất nước, đã xem như Ngài đã chết. Giờ đây, bằng mọi giá họ phủ nhận rằng Ngài đã sống lại. Theo Phao-lô, đó là lý do chính tại sao họ đã truy tố ông kèm theo sự cương quyết mạnh mẽ như vậy; nhưng làm như vậy là họ đã phủ nhận những điều thực tế là niềm hy vọng vinh quang nhất của dân Y-sơ-ra-ên, và cố gắng dập tắt sự sáng là sự sống lại tuôn đổ trên dân Y-sơ-ra-ên và tất cả các nước khác.

Đương nhiên, họ bất đồng với Phao-lô về vấn đề này, như Phê-tu đã nhận biết cách đúng đắn (25:19). Họ vẫn không đồng ý. Nhưng trong đó có ẩn chứa một vấn đề nan giải.

Sự sắp xếp các tài liệu chính thức của Lu-ca về chuyển động 5 trong phần năm này được xác định ở mức độ cơ bản nhất bởi những sự phân chia địa lý chính trong cuộc hành trình thứ nhất đến Giê-ru-sa-lem của Phao-lô và sau đó đến La Mã (19:21). Sự chuyển tuyến 1 gồm hành trình từ Ê-phê-sô đến Giê-ru-sa-lem (19: 21-21:16).

Chuyển tuyến thứ 2 liên quan đến những điều đã xảy ra với ông tại Giê-ru-sa-lem (21: 17-23: 11); nó kết thúc với một sứ điệp đặc biệt từ Chúa ban cho Phao-lô, khen ngợi hướng dẫn việc làm chứng của ông tại Giê-ru-sa-lem, và chỉ cho ông biết rằng ông phải làm chứng tương tự như vậy ở La Mã.

Chuyển động 3 (23: 12-24: 27) mô tả ông được đưa từ Giê-ru-sa-lem đến nơi xét xử trước mặt tổng trấn Phê-lít La Mã ở Sê-sa-rê như thế nào và tại sao; và tại sao mặc dù Phao-lô rõ ràng vô tội, mà Phê-lít hoãn phán quyết và bỏ tù Phao-lô hai năm.

Chuyển động 4 (25: 1-26: 32) nói đến Phê-tu đã kể nghiệp Phê-lít, và một phiên xét xử trước mặt Phê-tu đã chứng minh không đi

đến kết luận, Phê-tu có thiên hướng nhường quyền cho sự yêu cầu của người Do Thái để trả Phao-lô lại Giê-ru-sa-lem để điều tra thêm trường hợp của ông. Do đó, để tránh điều này, Phao-lô đã khiêu nại đến Hoàng Đế.

Vì vậy, chuyển động 5 và cuối cùng, mô tả Phao-lô đã bị giải đi trực tiếp từ Sê-sa-rê đến La Mã như thế nào, kể lại những gì đã xảy ra trên đường, và kết luận với một phác thảo ngắn gọn về cách ông đã dành thời gian ở đó khi ông chờ đợi trường hợp của mình được vua lắng nghe (27: 1-28: 31).

Đương nhiên, sự sắp xếp này dạy chúng ta về sự bố trí. Có thể thấy phần này bằng cách nghiên cứu kỹ bản mục lục sau.

PHẦN SÁU: CHUYỂN ĐỘNG I

Bảo Vệ Bản Chất Của Sự Thờ Phụng và Bảo Vệ Hội Thánh của Đức Chúa Trời (19: 21-21: 16)

Mục chính trong nửa phần của chuyển động 1 là câu chuyện về cuộc phản loạn có qui mô lớn mà dân Ê-phê-sô đã dàn dựng để bảo vệ tôn giáo của họ chống lại các mối đe dọa, khi họ nhận thấy điều đó từ phía Cơ Đốc Giáo (19: 23-41). Trước khi chúng ta lên án họ, chúng ta phải quan sát mục chính trong nửa phần sau của phần chuyển động 1, đó là Phao-lô yêu cầu các trưởng lão Cơ Đốc ở Ê-phê-sô bảo vệ hội thánh của Đức Chúa Trời khỏi các mối đe dọa bên trong và bên ngoài (20: 17-31).

Đó là bản năng tự vệ chính mình khi bị tấn công. Nếu người ta thực sự tin tôn giáo mà họ đã tuyên bố là niềm tin, khi họ cảm thấy tất cả tính thiêng liêng nhất trong cuộc sống đang bị đe dọa, thì họ hiểu rằng cần phải bảo vệ tôn giáo ấy. Nếu họ không bảo vệ, thì đức tin hoặc sự trung thành của họ chưa chắc chắn. Vì vậy, đó là những người thờ nữ thần Ác-tê-mít cả những người thờ phụng Chúa Giê-su ở Ê-phê-sô.

Nhưng nếu chúng ta không thể chỉ trích người ta về việc bảo vệ đức tin của họ, chúng ta có thể hỏi các phương pháp họ chấp nhận bảo vệ. Rất thường thì các phương pháp bảo vệ mà con người chấp nhận sẽ được quy định bởi bản chất của đức tin mà họ đang bảo vệ, chúng ta cũng phải hỏi các câu hỏi theo hướng trong hai trường hợp đã được trình bày cho chúng ta trong phần chuyển động này.

BẢN CHẤT-THỜ PHỤNG VÀ SỰ BẢO VỆ BẢN CHẤT ẤY

Nữ Thần Ác-tê-mít, nữ thần mà họ biệt riêng để thờ tại đền thờ lớn ở Ê-phê-sô, là một điều gì đó nói về sự minh họa hỗn hợp. Người ta nghĩ nữ thần ấy là một trinh nữ trong sạch và là mẹ thiêng liêng của tất cả. Cả hai khả năng của bà, bà được xem là một nữ thần bảo vệ. Là một trinh nữ trong sạch, được biết đến là “Nữ thần của thú hoang dã”,

bà là người bảo vệ tất cả các động vật hoang dã, và đặc biệt là người trẻ của họ. Đồng thời, bà là nữ thần hộ mệnh của các thợ săn. “Điều này nghe không quá mâu thuẫn” WKC Guthrie viết:

Người thợ săn không bao giờ tự xem mình là kẻ thù của các tạo vật mà họ săn. Giả sử săn chồn được cho là thưởng thức việc săn đuổi, người chủ sở các di sản nói về trò chơi “bảo quản” và thích viếng thăm những hình phạt nặng những ai gây phiền vào thời điểm sai trật hoặc sai cách. Lúc bấy giờ, biện pháp trừng phạt của họ là luật pháp, nhưng trong thời xa xưa đó là tôn giáo. Có thể ví dụ về một trò chơi bảo tồn đầu tiên là khu rừng của Ác-tê-mít nơi Agamemnon đã giết con nai và đã bị giáng con thịnh nộ của thần coi khu săn bắn.⁴

Tuy nhiên, người ta không đơn giản nghĩ, Ác-tê-mít là một trinh nữ bảo vệ động vật hoang dã và các bạn trẻ, mà còn là mẹ của tất cả, như những hình ảnh trên ngực của bà tuyên bố. Bà được xem là nữ bảo hộ bạn trẻ và là người trợ giúp phụ nữ khi sinh con, bởi vì, mặc dù là một trinh nữ, không biết sao mà bà lại trải qua kinh nghiệm của họ.

Vì vậy, trong Ác-tê-mít, chúng ta đang có mặt của sự tôn thờ và huyền bí mà người ta cảm thấy đúng khi họ chiêm ngưỡng các bản năng cơ bản và các tiến trình của đời sống con người và động vật; và với điều ấy thiên nhiên thúc giục bảo vệ các quá trình này. Nhưng nữ thần Ác-tê-mít còn hơn thế: Bà là sự tôn thờ, huyền bí và viện cố điều này họ biến thành một tôn giáo. Bà là Mẹ và Trinh Nữ Thiên Nhiên được sùng bái. Để nói rằng bà không phải là nữ thần, như Phao-lô đã nói, và do đó, khiến họ từ bỏ không thờ bà, là phải bị đe dọa trong các cấp độ sâu xa nhất về mặt tinh thần của con người. Bản năng sống sẽ trở lên để tự vệ nếu không trả đũa; và đó là những gì thổi bùng ngọn lửa của cuộc phản loạn ở Ê-phê-sô. Nhưng điều đó không hoàn toàn, bắt đầu như thế nào; vì vậy chúng ta hãy quay trở lại và đọc câu chuyện từ đầu.

TÔN THỜ “HÌNH ẢNH TỪ TRÊN TRỜI RƠI XUỐNG”

Chuyển động 1 bắt đầu cách êm ả. Phao-lô đã kết thúc hai năm thi hành chức vụ cực kỳ hiệu quả ở Ê-phê-sô. Hệ thống rao giảng đều đặn của ông đã tràn ngập khắp tỉnh Tiểu-Á bằng Lời của Chúa, và tiếp xúc của các con trai của Sê va gài dây đã dẫn đến kết quả đầy lên

sự tôn trọng lớn cho danh của Chúa Giê-su trong thành phố.

Vì thế, ở thời điểm này, Phao-lô cảm thấy bây giờ là thời gian rời khỏi và đi nơi khác; và ông đã lên kế hoạch trước tiên đến thăm Giê-ru-sa-lem và sau đó đến Rô-ma (19:21).

Lu-ca không nói cho chúng ta biết các đối tượng mà Phao-lô đã suy nghĩ trong kế hoạch trong hai chuyến viếng thăm này, mặc dù tham khảo các tác phẩm của ông cho thấy, trước tiên gợi ý rằng ông đã quyết định cách cá nhân để đồng đi cùng với những người đã chọn, các Hội thánh người Ngoại Bang lúc bấy giờ đang sai phái các tín hữu đến Giê-ru-sa-lem (24:17; Rô-ma 15:25-29), và thứ hai ông muốn thông công với các tín đồ tại La-mã trên đường truyền giáo tuyên phong ở Tây Ban Nha (Rô-ma 15:23-28). Thật ra, Lu-ca nói bất cứ đối tượng nào ông suy nghĩ đến, trong kế hoạch của ông, Lu-ca nói “trong Đức Thánh Linh,”⁵ có nghĩa là, trong sự cẩn thận phụ thuộc vào Thánh Linh của Đức Chúa Trời để Ngài hướng dẫn ông trong các cuộc tranh luận và trong các quyết định. Sau đó, được thuyết phục về sự hướng dẫn của Chúa, ông sai hai người phụ tá là Ti-mô-thê và Ê-rát đi trước qua Ma-xê-đoan, trong khi ông còn ở lại Tiều-Á thêm một thời gian (19:22).

Sau đó, những rắc rối bắt đầu xảy ra. Đền thờ Ác-tê-mít đồ sộ tuyệt đẹp ở Ê-phê-sô là một trong bảy kỳ quan của thế giới. Điều gì xảy ra với đám đông những người thờ lạy ở địa phương và hàng ngàn du khách từ khắp Trung Đông kéo đến, đó là một nguồn lợi thu nhập cho những thợ bạc mà các xí nghiệp chế biến ra các miếu bạc cho các ngành mua bán du lịch ở địa phương. Nhưng bây giờ, sau hai năm, rao giảng bên đỡ của Phao-lô, dòng người lũ lượt kéo đến tin nhận Chúa, lợi của họ bắt đầu tụt xuống. Hoảng sợ theo xu hướng này, một thợ bạc hàng đầu, tên Đê-mê-triu, triệu tập những người còn lại để hội họp, tại đây ông đã chỉ ra rằng nếu Phao-lô được phép đi vào rao giảng sẽ khiến cho những người khác cải đạo mà theo quan điểm của phao-lô cho rằng các thần do con người tạo ra không phải là thần, thì kết quả sẽ nghiêm trọng. Điều đầu tiên, ngành thương mại làm tượng của họ sẽ gây tai tiếng. Đương nhiên, đó là một sự quan sát có lý. Khi mọi người mất niềm tin vào các thần tượng, thì việc làm ra các thần

tượng, thậm chí tượng bọc bạc, trở thành một nghề rất lòe loẹt; và sản xuất đại trà cho thương mại du lịch trở thành một hoạt động hoài nghi khủng khiếp.

Nhưng đương nhiên, Ê-phê-sô không muốn chính mình biểu trưng là đơn giản quan tâm đến tiền bạc có thể kiếm được nhờ tôn giáo. Vì vậy, trong điều thứ hai, ông đã chỉ ra rằng “Đền thờ của đại nữ thần Ác-tê-mít cũng sẽ bị khinh dễ, và đại danh của nữ thần được mọi người trong cả Tiểu Á và toàn thế giới tôn thờ cũng sẽ bị tiêu tan” (19: 27).

Điều đó châm ngòi để lửa bùng phát. Các thợ bạc đã nổi giận, hét lên: “Vĩ đại thay nữ thần Ác-tê-mít của người Ê-phê-sô!” (19:28). Người ta hiểu được cơn giận dữ, và chẳng bao lâu cả thành phố chạy tán loạn vào nhà hát, kéo hai người đồng đi với Phao-lô. Phao-lô muốn đi và xuất hiện trước đám đông, nhưng các Cơ Đốc Nhân theo Chúa và một số viên chức thân thiện của thành phố xin ông đừng xuất hiện. Bản năng gấp đôi thôi thúc để bảo vệ tôn giáo và thu nhập của họ đã biến những người thờ Ác-tê-mít trở thành một đám lộn xộn như các loài thú hoang dã, đánh hơi thấy nguy hiểm, không biết chính xác điều đó là gì, nhưng tất cả đã căng thẳng, sẵn sàng tiêu diệt những kẻ tấn công. Nếu Phao-lô xuất hiện trước mặt họ trong nhà hát, thì có thể họ sẽ đánh ông tàn phế.

Có lẽ, những người Do Thái địa phương muốn tự tách mình khỏi cái nhìn của đám đông từ các Cơ Đốc Nhân, để được Alexander bảo vệ (19:33). Nhưng vừa nhận ra ông là người Do Thái, đoàn dân đồng thanh hô lớn trong suốt hai tiếng đồng hồ: “Nữ thần Ác-tê-mít của người Ê-phê-sô vĩ đại thay!” (19:34). Đây là bản chất tự nhiên theo bản năng sống mù quáng điên rồ. Nhưng rồi Ác-tê-mít mà họ tôn thờ là gì, nếu không phải là sự sùng bái của các bản năng cơ bản tự nhiên, phổ biến chung cho cả hai động vật và con người? Và nếu đây là những gì Ác-tê-mít thật sự đại diện, có lẽ, thích hợp để bảo vệ bà theo cách này.

Tổng thư ký thành phố Ê-phê-sô cũng là vị thẩm phán, cuối cùng làm cho đám đông bình tĩnh với một sự tài giỏi và có chút uy quyền khôn khéo trong giao tiếp.

Trước tiên, ông đã khẳng định một thực tế không thể phủ nhận rằng dân Ê-phê-sô là người bảo vệ đền thờ đại nữ thần Ác-tê-mít và hình ảnh của bà từ trời xuống; và sau đó là cả thế giới biết điều đó là như vậy. Nhìn thấy sự thật không thể phủ nhận, họ bình tĩnh, không làm gì vội vã. Cuối cùng, không có nguy hiểm nào hơn khi những sự thật không thể phủ nhận bị tấn công: Vì lý do đơn giản rằng họ không thể phủ nhận. Và nếu cả thế giới biết đến họ như vậy, thì không người nào có thể lật đổ họ (19: 35-36).

Thứ hai, ông đã chỉ ra rằng thật ra, các Cơ Đốc Nhân không làm những điều sai trật, họ chỉ bày tỏ chân lý. “họ không có trộm cắp của Đền Thờ cũng không phạm thượng đến nữ thần của đồng bào” (19:37).

Thứ ba, ông đã nhắc nhở họ về pháp luật. “nếu Ê-phê-triu và các đồng nghiệp muốn kiện cáo Cơ Đốc Nhân thì đã có các tòa án và các thẩm phán, cứ để họ đưa nhau ra tòa (19:38). Nếu đám đông có vấn đề chính trị hay xã hội, thì xin đem đến giải quyết tại hội đồng hợp pháp” (19:39).

Ông nói thêm, với cái nhìn cứng rắn của chính quyền tỉnh La-mã, “Vì thật ra, chúng ta có cơ nguy bị tố cáo về tội nổi loạn vì vụ tập hợp đông đảo hôm nay mà không có lý do nào biện minh được” (19:40).

Một hoặc hai điều trong bài phát biểu kêu gọi của tổng thư ký thành phố đưa ra nhận xét. Trước tiên, hình ảnh rơi từ bầu trời xuống, mà ông đã nói chứng minh xác thực về sự thờ Ác-tê-mít. Về quan điểm học thuật thì hình ảnh này là một thiên thạch. Nếu vậy, mảnh lối tự nhiên đóng vai trò trên những người thờ nữ thần là gì! Điều thu hút sự tôn kính kinh ngạc của họ và lòng sùng kính chỉ là một mảnh vỡ của vũ trụ. Thiên nhiên là người đầy tớ bảo vệ tuyệt diệu của nhân loại, được đối đãi với sự tôn trọng lớn, như những phong trào xanh hiện đại nhấn mạnh cách đúng đắn. Nhưng không bao giờ có nghĩa thiên nhiên là một nữ thần; hay sự quan tâm của chúng ta về thiên nhiên không có nghĩa là biến nó thành một tôn giáo. Bất cứ khi nào con người biến thiên nhiên thành một nữ thần, thì điều đó luôn làm suy thoái con người khỏi địa vị làm vua của đất, thành một người nô lệ của bản năng tự nhiên và cuối cùng ít ý nghĩa hơn so với thế giới

vật chất và lực lượng của vũ trụ kiểm soát họ.

Thứ hai, đánh giá của ông về cách cư xử của các Cơ Đốc Nhân. Ở đây, ông được trên mặt đất mỏng manh, vì không thể phủ nhận Phao-lô đã nhiều lần giảng rằng những vị thần do con người tạo ra không phải là thần, và đã kêu gọi con người bỏ thần tượng của họ và đến với Đức Chúa Trời chân thật. Số dư ngân hàng của các thợ bạc không hạ thấp mà không có lý do. Những hàm ý về Ác-tê-mít về những gì Phao-lô đã giảng là tai hại.

Mặt khác, phần đầu lời công bố của tổng thư ký thành phố hoàn toàn đúng: “những người đàn ông không phải là cướp của ngôi đền” (19:37). Ở điều này, Phao-lô và đồng bạn của ông đã đặt cho chúng tôi một ví dụ vĩnh viễn. Cơ Đốc Nhân ghê tởm các thần tượng không biện minh gì cho sự bày tỏ của Cơ Đốc Nhân, nhưng lịch sự và tôn trọng các đền thờ ngoại giáo. Nếu một người trở thành một Cơ Đốc Nhân thì phá các thần tượng riêng cá nhân của họ, đó là điều tốt và thích hợp. Nhưng một Cơ Đốc Nhân không có trách nhiệm đi xung quanh các đền thờ và các thần tượng của các tôn giáo khác và đối xử thiếu tôn trọng.

Và phần thứ hai của lời tuyên bố của thư ký thành phố cũng nhận thức đúng: “họ không có trộm cắp của Đền Thờ cũng không phạm thượng đến nữ thần của đồng bào” (19:37). Nói chung, Phao-lô đã rao giảng chống lại các thần tượng. Nhưng ông đã không công khai lên án Ác-tê-mít, hoặc bất kỳ thần ngoại giáo nào khác theo lối công kích, sỉ nhục. Chúng ta cũng không nên sỉ nhục họ.

Cuối cùng, sự tham khảo luật pháp tòa án và hội đồng chính trị của thư ký thành phố nhắc nhở chúng ta rằng, cuộc sống văn minh thật sự của con người trở nên không thể xảy ra được ở chỗ bản năng sống con người-động vật được phép chà đạp lên lý trí, đạo đức, và pháp luật. Không nghi ngờ gì nữa Tôn giáo, chắc chắn, lôi cuốn những cảm xúc ngấm ngấm trong con người. Nhưng một tôn giáo khích lệ những người tín đồ coi thường luật pháp văn minh và sẵn lòng những người có thể đã xúc phạm nó như những con thú hung hãn—bạn có thể gọi theo ý bạn, chẳng có gì ngoại trừ Ác-tê-mít ngoại giáo già cỗi. Sự bảo vệ riêng của bản thân nó tổng khứ đi uy tín của

nó, vì nó phá hủy những điều phân biệt giữa con người với động vật.

TRƯỜNG HỢP THANH NIÊN TRỂ RƠI TỪ CỬA SỔ TẦNG BA

Trong phần hai chuyển động 1 gồm ba mục chính:

1. Kế hoạch hành trình từ Ê-phê-sô đến Mi-lê đã lên chi tiết của Phao-lô (qua xứ Ma-xê-đoan, Hy Lạp, Ma-xê-đoan, Phi-líp, Trô-ách, A-sốt, My-ti-len và Sa-mốt), cùng với một danh sách các môn đồ đồng đi với ông và sự mô tả phép lạ của một thanh niên tên Ô-tích được sống lại đêm trước của tuần dài ở lại Trô-ách của Phao-lô (20: 1-16).
2. Từ Mi-lê, Phao-lô sai người qua Ê-phê-sô triệu tập các trưởng lão của Hội Thánh (20: 17-38).
3. Cuộc hành trình đã lên kế hoạch chi tiết từ Mi-lê đến Giê-ru-sa-lem (qua đảo Côt, Rô-đơ, Pa-ta-ra, Ty-rơ, Bê-tô-lê-mai và Sê-sa-rê), với một lưu ý đến các môn đồ đồng đi với ông (21: 16) và một sự mô tả về những lời cảnh báo của Đức Thánh Linh về sự bất bớ và tù đầy đang chờ đợi ông, đã được cho biết trong suốt tuần ông ở tại Ty-rơ và sau đó một lần nữa cho biết tại Sê-sa-rê (21: 1-16).

Vì vậy, phần chính trong phần chuyển động này, là Phao-lô đến thăm các trưởng lão ở Ê-phê-sô; liên quan đến sự bảo vệ hội thánh của Đức Chúa Trời, cùng với các động cơ và các phương pháp bảo vệ.

Nhưng trước hết, chúng ta hãy xem trường hợp của thanh niên Ô-tích ở Trô-ách. Đêm trước Phao-lô nghỉ ở đó, ông giảng cho anh em tín hữu tại hội thánh rất lâu, vì ông không bao giờ dám mong được gặp lại họ. Buổi nhóm ở hội thánh được tổ chức trong một căn phòng ở tầng lầu thứ ba, và Ô-tích đang ngồi trên thành cửa sổ. Không khí thật nóng kèm theo đèn dầu và tất cả mọi người ngồi chật cứng cả phòng, trời càng nóng hơn. Ô-tích mệt mỏi. Các bài giảng vẫn đều đều. Thiên nhiên đã khiến sự kiện này xảy ra. Ô-tích ngủ gục và rơi từ cửa sổ tầng ba. Người ta đỡ anh dậy và thấy anh đã chết. Ông Lu-ca nói như vậy (20: 9); Nhưng Phao-lô đi xuống, nằm sấp người trên anh, ôm anh rồi bảo: “Đừng sợ! Linh hồn còn ở trong

người” (20:10). Sau đó, Phao-lô lên lầu bẻ bánh và tiếp tục giảng đến sáng. Khi Phao-lô lên đường. Người ta đưa thanh niên ấy về nhà, thấy còn sống nên được an ủi nhiều.

Đó có phải là một phép lạ không? Một số người nói, vâng đó là một phép lạ; vì nếu Lu-ca, là một bác sĩ, nói rằng chàng thanh niên được đỡ dậy đã chết, thì ắt hẳn anh ta đã chết. Sau đó, anh ta được sống lại là một sự kỳ diệu. Còn những người khác thì không biết chắc. Họ chỉ nghe nhận xét của Phao-lô và họ hiểu có nghĩa là, “linh hồn còn ở trong người.” Họ nghĩ rằng người thanh niên trẻ đã bị bất tỉnh, anh ngưng thở khi Lu-ca và Phao-lô đến đỡ anh ta, nhưng khi Phao-lô ẵm anh thì hơi thở trở lại. Đó là tình huống rất khó để quyết định giữa hai sự giải thích, vì trong những ngày xa xôi đó ngừng thở có thể là dấu hiệu của sự chết, vì vậy, và người thanh niên trẻ thở lại là một phép lạ.

Dù sự thật của vấn đề là gì đi nữa, thì câu chuyện vẫn vậy, cố ý hay nói cách khác, việc lược nhạt những sự rung cảm từ những câu chuyện trước rồi tác động qua các câu chuyện sau. Những người thờ Ác-tê-mít có một “hình ảnh rơi từ bầu trời xuống”, một miếng thiên thạch xưa; họ đã xây dựng một ngôi đền rất lớn và một điểm du lịch rất có lợi nhuận xung quanh khu đó. Thì chúng ta cũng có thể tưởng tượng những gì họ có thể làm với trường hợp người thanh niên trẻ đã rơi xuống chết, rồi sau đó thở lại. Sẽ có những khách du lịch xếp hàng để xem “người có phép lạ kỳ diệu” ngay thời của Hy-lạp cổ đại. Đơ-mê-triu và phòng thương mại địa phương ắt hẳn đã vui mừng.

Mặt khác, đặc điểm đáng chú ý về câu chuyện phép lạ của Lu-ca là hoàn toàn không có sự cường điệu và ý thức về sự cân xứng của nó: Đơn giản phép lạ được xem là ngắn gọn, sự gián đoạn tạm thời trong công tác chính của hội thánh. Các tín đồ gặp nhau bẻ bánh, nghĩa là cử hành lễ tiệc thánh (20: 7). Phao-lô đã giảng trong suốt nhiều giờ; thì O-tích té xuống, Phao-lô đã đi xuống và phục hồi anh ta sống lại, và ngay sau đó, ông lập tức đi lên trở lại và tiếp tục dự tiệc thánh, bẻ bánh, và rao giảng cho đến sáng (20:11).

Thứ hai, câu chuyện có thêm sự cân xứng bằng tất cả chuyện đi còn lại sau đó. Ở đó, chúng ta sẽ thấy Phao-lô, người gàn đầy đã thực

hiện phép lạ này, và cũng đã thực hiện nhiều phép lạ phi thường khác (19: 11-12), đối diện với những lời cảnh báo lặp đi lặp lại về sự bất bớ và tù đầy sắp xảy đến. Không nản lòng, ông kiên trì thực hiện kế hoạch của mình, hoàn toàn mong đợi và chuẩn bị, để chết vì lợi ích của Chúa và phúc âm (20: 23-24; 21: 12-13). Các tín hữu của ông đau khổ khi nghe điều ấy. Nhưng ông không cố gắng an ủi họ hoặc củng cố lòng can đảm riêng của mình với những sự khăng định chiến thắng mà Đức Chúa Trời sẽ làm phép lạ để cứu ông khỏi sự chết, hay, ông phải chết, để Chúa phục hồi ông sống lại. Ông biết rằng cái giá của chức vụ sớm hay muộn sẽ chết. Ông sẵn sàng trả giá về điều đó, và tự tôi luyện chính mình để đổi mặt với nó (21:13).

BẢO VỆ HỘI THÁNH CỦA ĐỨC CHÚA TRỜI

Điều đáng chú ý mà Phao-lô nói với các trưởng lão Ê-phê-sô đó là lời khuyên bảo vệ các hội thánh của Đức Chúa Trời chiếm hơn bốn câu; nhưng khuôn mẫu ông đưa ra là cách bảo vệ đó nên được hướng dẫn ít nhất ở câu mười ba. Đương nhiên, khuôn mẫu ông đưa ra là về chính ông và cách cư xử của ông với các hội thánh trong suốt những năm ông còn ở với họ. Khi chúng ta xem qua khuôn mẫu, chúng ta thấy sự tương phản giữa khuôn mẫu của ông và phương pháp bảo vệ tôn giáo Ác-tê-mít của Đê-mê-triu trong cùng một thành phố, chúng ta sẽ thấy rõ ràng bất cứ chỗ nào.

Mô hình này bao gồm toàn bộ thời gian trải qua ở Ê-phê-sô, ngay từ giây phút đầu tiên ông đến cho đến khi ông rời khỏi. Giai đoạn đó đã được mô tả trong 19:1-20; và nếu đó chỉ là lời mô tả, thì chúng ta cũng có thể có ấn tượng rằng, trong hai năm và ba tháng lời rao giảng của một người mạnh mẽ nghiêm túc nơi công cộng, thực hiện phép lạ phi thường và đạt được thắng lợi thành công. Một mặt khác về sự đau đớn hiện tại là gì. Phục vụ Chúa thật sự là gì, và đây là con người đã thực sự phục vụ: Được chú ý bởi sự khiêm nhường, đổ nhiều nước mắt, chịu đựng những cuộc thử thách do âm mưu ám hại của người Do Thái. (20:19, 31), và liên tục bị quấy rối bởi những thử thách.

Nhưng hãy xem tinh thần can đảm và sự rộng lượng của ông: “Tôi công bố cho anh em đủ điều lợi ích, không giữ lại chút nào, dạy dỗ anh em giữa công chúng cũng như từ nhà này qua nhà khác,” ông

tuyên bố trong câu 20; và một lần nữa trong câu 27: “Vì tôi đã công bố cho anh em biết tất cả ý định của Đức Chúa Trời không giữ lại điều gì.”

Có nhiều sự cản trở làm nản chí và sự sợ hãi phải vượt qua trong động từ lặp lại hai lần, “Tôi đã không giữ lại điều gì.” Để rao giảng hằng ngày trong hai năm, như Phao-lô đã giảng tại giảng đường Ty-ra-nu, bởi đó là một trách nhiệm đủ lớn cho một người. Nhưng trong câu 20 cho thấy điều chúng ta sẽ không suy đoán được từ đoạn 19, mà Phao-lô đã bỏ sung việc giảng dạy công khai với sự hướng dẫn riêng tư thường xuyên đã được ban cho các cá nhân và các gia đình trong tư gia của họ. Công việc đó là một nhiệm vụ hết sức nặng nề; nhưng nếu bất cứ điều gì có lợi cho anh chị em, Phao-lô nói, thì tôi không lùi bước khỏi sự phổ biến tin tức đó. Ông đã không nhận phí hay tiền lương cho công tác đó (20: 33-34). Quả thật, bất cứ khi nào, ông rời nơi giảng dạy ở công cộng và sự hướng dẫn riêng cho các tín hữu ông dành phần lớn làm việc để kiếm tiền trả chi phí của riêng ông và những người trong nhóm của ông.

Rồi ông quan tâm đến tất cả mọi người mà không phân biệt đối xử. “Tôi khuyên cáo cả người Do Thái lẫn người Hy Lạp phải ăn năn trở về với Đức Chúa Trời và tin nhận Chúa Jêsus.” (20:21). Ở đây, nỗi sợ hãi có thể xảy đến. Vài người được khuyên rằng phải ăn năn, tất cả lời ăn năn đó có nghĩa là hối cải vì đã làm một số việc xấu hay những việc làm có hại khác. Nhưng Phao-lô đã tin vào sự cần thiết của sự ăn năn triệt để nhiều hơn điều đó. Để “ăn năn hướng về Đức Chúa Trời” như chính ông đã làm (Phi-líp 3:1-9) có nghĩa đến để nhận ra và xưng nhận rằng các tiêu chuẩn tôn giáo, đạo đức và thuộc linh tốt nhất mà chúng ta có thể đạt được chỉ để lại cho chúng ta sự thiếu sót theo những yêu cầu của Đức Chúa Trời, chúng ta hoàn toàn hư mất và bị khánh kiệt, và cần tiếp nhận món quà ân sủng không xứng đáng, trong thuật ngữ tương tự giống như là tội nhân xấu xa nhất, sự cứu rỗi mà chỉ có Đức Chúa Trời mới có thể ban cho. Cố gắng nói rằng đối với một người Pha-ri-si kiêu ngạo giống như Phao-lô trước khi trở lại tin nhận Chúa, và nhìn xem những lần bạn không phản ứng thù địch cách phần nộ với sứ điệp “bi quan về mặt đạo đức” của bạn. Trên

hết, hãy thử để lưu ý cả Người Do Thái lẫn người Hy-lạp - rằng sự cứu rỗi chỉ có thể có được qua đức tin đặt nơi Chúa Jesus Christ, và xem thử nếu thỉnh thoảng bạn không gặp sự cáo buộc có đầu óc hẹp hòi cố chấp. Sẽ dễ dàng hơn để rao giảng một sứ điệp chung về tình yêu thương của Đức Chúa Trời, hoặc các quyền lợi của người nghèo, hoặc một điều gì đó mà tất cả mọi người đã đồng ý. Nhưng có một “chuyện gây xôn xao dư luận” liên quan đến việc giảng sứ điệp thật của phúc âm, như chính Phao-lô đã chứng minh khi ông ở Cô-rinh-tô (ICôrinhtô 1:18-2:5). “Nhưng tôi không lui bước khỏi sự công bố phúc âm cho anh em,” Phao-lô nói với tín hữu Ê-phê-sô. Hỡi người anh em trung thành hãy can đảm lên! - nếu chúng ta nhớ lại rằng có thể ông đã đau khổ trong những sợ hãi tương tự ở Ê-phê-sô như ông thú nhận cảm xúc của mình khi rao giảng tại Cô-rinh-tô, và kiên trì bất chấp sợ hãi.

Và, đương nhiên giờ đây, ông rời họ, và ông muốn khuyên họ hãy tiếp tục công việc của ông trong trách nhiệm nuôi dưỡng và bảo vệ bầy chiên của Đức Chúa Trời. Nhưng trước khi ông khích lệ, ông chỉ ra một số điều khác về cách cư xử của ông: Sức mạnh chế ngự và ý nghĩa của các giá trị thúc đẩy trong tất cả các công việc ông làm.

Ông nói “Kìa, nay bị Đức Thánh Linh ràng buộc, tôi đi đến thành Giê-ru-sa-lem, chẳng biết điều chi sẽ xảy đến cho tôi ở đó. Duy Đức Thánh Linh đã bảo trước cho tôi rằng từ thành này sang thành khác đây xịch và hoạn nạn đương đợi tôi đó”(20: 22-23). Vậy, tại sao ông vẫn tiếp tục đi? Phao-lô không nhận lấy lòng tin vì sự ép buộc thôi thúc: Vì điều đó đã được sản sinh trong ông bởi những sự thúc giục của ân sủng và sự thuyết phục của Đức Thánh Linh. Đồng thời ông không được lèo lái để tiến về phía trước trong sự xem thường và mù quáng về hậu quả. Đức Thánh Linh đã thúc giục ông tiến về phía trước cảnh báo ông một cách rõ ràng về những sự chịu khổ ở phía trước.

Sau đó, tại sao ông tiếp tục đi? Phao-lô giải thích, ấy là một ý thức khi so sánh về các giá trị. Ông đã được ban cho một tiến trình để hoạt động và một nhiệm vụ để hoàn thành bởi Chúa Jêsus. Bởi những điều đó, có lẽ tiến trình hoặc trách nhiệm trong cái nhìn danh dự cao nhất

mà bất người nào có thể được ban cho, và để hoàn thành tiến trình và hoàn tất trách nhiệm để làm đẹp lòng Chúa Jesus là niềm vui lớn lao nhất mà một người từng trải nghiệm!

Nhưng sau đó, quan tâm đến nhiệm vụ. Đó là làm chứng công bố Phúc âm về ân sủng của Đức Chúa Trời (20:24). Sự lộng lẫy oai nghi của ân sủng là một nghị lực bất diệt trong động cơ thúc đẩy và sức mạnh đối với Phao-lô. Đương nhiên, ân điển của Đức Chúa Trời đã cứu ông không khác hơn ân điển cứu chúng ta. Sự khác biệt là, nếu có một sự khác biệt, thì ông không bao giờ quên sự kỳ diệu và oai nghi của ân sủng ấy (Ê-phê-sô 3: 7-8; I Timôthê 1:12-14). Nó đã thay đổi các giá trị của ông. Cuộc sống đối với ông không còn bất kỳ giá trị nào, ông hoàn toàn phục thuộc và làm việc cho Chúa Cứu Thế. Nếu hoàn tất trách nhiệm mà Chúa đã ban cho ông, ông phải dâng cả cuộc sống của ông cho Ngài, cuộc sống ấy không còn là của ông nữa: Ông vui mừng giao trọn cho Ngài.

Sau đó, có một điều khác có giá trị đã thúc giục Phao-lô thi hành trách nhiệm: Giá trị con người. Bây giờ đương nhiên chúng ta không suy nghĩ về những kỳ hạn về số dư trong tài khoản ngân hàng của con người, hoặc dự báo lợi nhuận cho ngành công nghiệp. Xí nghiệp đồ nữ trang rẻ tiền của Ê-mê-triu từ lâu đã bỏ lại phía sau. Chúng ta đang suy nghĩ về điều mà các nhà truyền đạo xưa đã gọi là giá trị của một linh hồn. Tác giả đang hàm ý gì về con người, ban đầu con người được tạo theo ảnh tượng của Đức Chúa Trời, chết mất trong sự đau khổ (Lu-ca 16:23), đau khổ trong hình phạt đời đời (Ma-thi-ơ 25:46), như Đấng Cứu Rỗi đã nói phải không? Để con người chết về thể xác bằng cách không làm gì cả để cứu họ khi họ có thể được cứu, họ là phạm tội. Rồi phải nói gì về những nhà truyền đạo đã không chịu rao giảng Phúc âm trong khi chỉ duy nhờ Phúc âm mà một người có thể được cứu? Hoặc thậm chí không cảnh báo mọi người rằng họ cần phải được cứu khỏi con thịnh nộ sẽ xảy đến không? Chúng ta biết Đức Chúa Trời đã nói gì về điều đó với Ê-xê-chi-ên: “Khi Ta phán cùng kẻ dữ rằng: Hỡi kẻ dữ, mày chắc chết! Nếu người không răn bảo để kẻ dữ xoay bỏ đường lối xấu của nó, thì kẻ dữ ấy sẽ chết trong sự gian ác mình; nhưng ta sẽ đòi máu nó trong tay người” (Ê-xê-chi-ên

33:8). Nó đi ngược lại bối cảnh về giá trị tuyệt vời của một con người mà Phao-lô muốn chỉ ra rằng ông đã làm hết sức mình để họ được cứu: “Hiện bây giờ, tôi biết rằng giữa anh em mà tôi đã ghé qua giảng về nước Đức Chúa Trời, thì chẳng có một ai sẽ thấy mặt tôi nữa. Nên bữa nay tôi nói quyết trước mặt các anh em rằng tôi tinh sạch về huyết anh em hết thảy”(20:25-26).

“Đã không do dự”: Ở đây, một lần nữa xuất hiện cụm từ, và nó khiến chúng ta nghĩ đến những áp lực và cám dỗ vây quanh các nhà truyền đạo, các giáo sư, và các trưởng lão tự thỏa lòng với chính mình cùng với phần công bố ý muốn và lời dạy của Đức Chúa Trời, nhưng không phải tất cả nhất thiết phải như vậy. Đó không phải là sự cám dỗ mới. Ê-sai, tất cả những người sống trong nhiều thế kỷ trước, biết phải đương đầu như thế nào với những người không sẵn sàng lắng nghe sự hướng dẫn của Chúa; họ đã nói với các tiên tri, “Đừng nói tiên tri về lẽ thật! Hãy nói cho chúng tôi những điều vui thú, hãy lấy những sự huyền hoặc bảo chúng tôi, Hãy lia khỏi đường, bỏ khỏi lối, cất Đấng Thánh của Y-sơ-ra-ên khỏi mặt chúng tôi” (Ê-sai 30:10-11)! Nhưng người Lãnh đạo, người chăn sẽ nói với người chăn cấp dưới là những người đã xem thường cảnh báo những con chiên về kẻ thù nguy hiểm nhất là gì? Người đã chỉ ra đồng cỏ xanh tươi, nhưng chưa bao giờ cảnh báo cho những con chiên biết có những con sói đang rình mò? Ngay cả, ai đã an ủi con chiên với ý nghĩ rằng Sư Tử đang rình mò và rống chỉ là một huyền thoại?

Bây giờ, cuối cùng Phao-lô đã kết thúc việc đưa ra tấm gương của chính mình và bắt đầu lời khuyên của ông, mặc dù việc khuyên bảo sẽ không kéo dài lâu và chẳng bao lâu ông sẽ trở lại để đưa ra tấm gương của chính mình. Sự khuyên bảo luôn dễ nuốt hơn khi kẹp giữa lát bánh mì những lát tự do của các tấm gương cá nhân của người khuyên nhủ. “Anh em hãy giữ lấy mình, và luôn cả bây mà Đức Thánh Linh đã lập anh em làm kẻ coi sóc, để chặn Hội thánh của Đức Chúa Trời, mà Ngài đã mua bằng chính huyết mình.” (20:28). Không ngừng cảnh giác là yêu cầu thiết yếu trong những người chăn bầy. Trước tiên, tự cảnh giác. Một người chăn bầy cầu thả về đời sống thuộc linh, trong cách cư xử đạo đức, nghiên cứu Kinh Thánh, tiến

bộ trong sự nhận biết Đức Chúa Trời, do đó không đủ tiêu chuẩn để chặn dất những người khác.

“Chăn Hộì thánh của Đức Chúa Trời, mà Ngài đã mua bằng chính huyết mình.” (20:28).⁷ Cùng với điều này, chúng ta chạm vào nguyên nhân của tất cả các sự bảo vệ thật và chặn dất Hộì Thánh: Cái giá mà Chúa đã mua chuộc. Giá đó là bằng chính huyết của Ngài, huyết của con Trai yêu dấu của Ngài. Câu chuyện vẫn có sức mạnh để tách rời trí tưởng tượng. Vì ở đây không có hình ảnh về một vị thần rơi từ bầu trời xuống, nhưng Đức Chúa Trời là Đức Chúa Trời chân thật, chủ ý xuống trần gian; Đức Cha và Đức Con trong sự thánh khiết hòa hợp đã trả giá đó mà chỉ có Đức Chúa Trời mới có thể đo lường, đạt được sự ăn năn, đức tin và tình yêu của những người như chúng ta. Bạc của miếu Đê-mê-triu so với điều này thật rẻ biết bao! “vì...chẳng phải bởi vật hay hư nát như bạc hoặc vàng mà anh em đã được chuộc khỏibèn là bởi huyết báu Đấng Christ...” (I Phi-e-rơ 1: 18-19). Đây không phải là thần Ác-tê-mít bảo vệ động vật và những bạn trẻ và trả thù sự chiếm đoạt của thiên nhiên với những mũi tên chết người của bà. Cũng không phải thiên nhiên làm những gì tự nhiên và xé kẻ thù thành từng mảnh để cứu cuộc sống của riêng bà. Nhưng đây là Đấng sáng Tạo thiên nhiên, hiểu biết, cố ý, có ý chí tự do, hy sinh mạng sống của Ngài cho chúng ta, và cho những tạo vật tội lỗi của Ngài (Giăng 10:15-17). Đây không phải còn là cõi thiên nhiên, hùng vĩ nhưng nó đã bị sa ngã. Đây là ân sủng thánh từ thiên thượng được nhân lên ba lần.

Người Chăn Chiên Trường đã thiết lập mô hình để bảo vệ bầy chiên (Giăng 10:7-13): Tất cả những người bảo vệ Phúc âm và Hộì Thánh đúng đắn phải theo tấm gương của Ngài. Làm sao một người đã từng có thái độ sai trật lớn đối với người Đấng Chăn Chiên Trường có thể nỗ lực bảo vệ phúc âm hoặc hộì thánh bằng luật lệ của đám đông hoặc sử dụng grom chống lại các kẻ thù của Phúc âm?

Nhưng bảo vệ hộì thánh phải là, cho đến giọt máu cuối cùng; và chống lại hai mối nguy hiểm chính, thứ nhất là từ bên ngoài và thứ hai là từ bên trong. Phao-lô cảnh báo, sẽ có muông sói dữ tợn xen vào trong vòng anh em, chẳng tiếc bầy đâu (20:29). Ông không dừng

lại mô tả những loại sói mà ông muốn nói là gì. Nhưng chủ yếu có lẽ giữa vòng các ứng cử viên cho vai trò này là những người Giu-đe sau này được gọi là “lên vào trong vòng chúng ta, là những kẻ bị định đoán phạt từ lâu rồi, kẻ chẳng tin kính đối ơn Đức Chúa Trời chúng ta ra việc tà ác, chối Đấng Chủ tể và Chúa có một của chúng ta, là Đức Chúa Jêsus Christ.” (Giu-đe 4). Phi-e-rơ bổ sung trong phần của chủ đề: “họ sẽ truyền những đạo dối làm hại, chối Chúa đã chuộc mình, tự mình chuốc lấy sự hủy phá thình linh.” (II Phi-e-rơ 2:1). Không gì hủy phá hội thánh hơn, hoặc gây bối rối bầy chiên hơn những người tự xưng là những người chăn bầy dạy các con chiên rằng Đấng Chăn Chiên Trưởng không phải là Đức Chúa Trời nhập thể, không được sinh ra bởi một trinh nữ, trong thực tế, một số lời dạy sai lầm về Ngài (đặc biệt là về sự trở lại lần thứ hai), họ dạy rằng Ngài đã không chết để đền tội, và thể xác không sống lại từ cõi chết. Những người như vậy không phải là những người chăn chiên thật. Thậm chí họ không phải là con chiên thật. Họ là những người mang lột sói, mà Đấng Chăn Chiên đã cảnh báo cho chúng ta: “Hãy coi chừng tiên tri giả, là những kẻ mang lột chiên đến cùng các ngươi, song bề trong thật là muông sói hay cắn xé” (Ma-thi-ơ. 7:15). Một loại người chăn nữa mà chúng ta phải canh chừng là họ đến từ bên trong, có lẽ giữa vòng những người lãnh đạo. Trước hết, dấu hiệu nhận biết họ là bóp méo lẽ thật, bịa đặt, các giáo lý kỳ lạ; dĩ nhiên, nội điều đó thôi đã rất tệ hại. Nhưng còn tệ hơn nữa là động cơ thúc đẩy họ làm việc đó: Mục tiêu của họ, mặc dù họ không thể thừa nhận, là kéo các môn theo họ (20:30). Dưới vỏ bọc lãnh đạo con chiên, họ muốn thống trị bầy chiên. Dường như họ quên rằng chiên không thuộc về họ nhưng thuộc về Đấng đã mua chuộc họ: Đó là chiên của Đức Chúa Trời, chứ không phải của họ. Họ là những Đi-ô-trép của hội thánh (III Giăng); đã chuẩn bị sẵn sàng để nói chuyện tâm phào có ác tâm về những tội tở của Đức Chúa Trời để đưa mình lên áp chế quyền lực của họ trên bầy chiên.

“Vậy, hãy tỉnh thức” Phao-lô nói - và với lý do đó ông trở về trích dẫn những thói quen của riêng ông như một tấm gương về việc thực hiện việc đó như thế nào. “nhớ lại rằng trong ba năm hằng đêm và ngày, tôi hằng chảy nước mắt ra mà khuyên bảo cho mọi người

luôn.” (20:31).

Tuy nhiên, giờ đây ông rời khỏi họ và không còn chặn dất họ nữa, vậy thì ai sẽ hỗ trợ họ đây? Họ sẽ nhận được hai nguồn hỗ trợ: Đức Chúa Trời và Lời ân điển của Ngài (20:32). Đương nhiên, trước tiên, Đức Chúa Trời hằng sống, không phải chỉ là hàng loạt quy tắc và quy định. Nhưng sau đó không phải chỉ một mình Đức Chúa Trời mà thôi nhưng còn có Lời của Ngài bày tỏ với họ, trình bày chi tiết về ân sủng của Ngài. Lời ấy có thể giúp chúng ta cân đo giữa điều này và điều kia để quyết định trong nhiều vấn đề. Nhưng cả hai, Đức Chúa Trời và Lời của Ngài đều cần thiết, và giữa vòng họ điều đó là đủ để gây dựng lên cả người chẵn và bày chiên, gây dựng cả người chẵn lẫn bày chiên, là Đạo có khả năng gây dựng và đem lại cho anh em cơ nghiệp giữa tất cả các thánh đồ (20:32).

Chú ý nhiều về mặt thuộc linh chúng ta có thể nghĩ rằng Phao-lô đã hoàn thành. Nhưng những người chẵn bày hoặc các trưởng lão của một hội thánh Cơ Đốc thật có nhiều điều để làm hơn là chỉ trông nom tình trạng thuộc linh của hội thánh. Vì vậy, một lần nữa Phao-lô trích dẫn việc làm riêng của ông như một khuôn mẫu để cho các trưởng lão hội thánh Ê-phê-sô noi theo: Ông đã đi chỗ này chỗ nọ làm công tác thuộc linh mà không chú ý đến tiền bạc hoặc quần áo mà ông có thể hy vọng sẽ nhận được những điều ấy. Ông nói “chính anh em biết rằng hai bàn tay này đã làm ra sự cần dùng của tôi và của đồng bạn tôi” (20:34). Phao-lô cũng không khoe mình hay tự tỏ mình ra như một số anh hùng đặc biệt. Ông đã làm chủ động làm việc kiếm sống, để làm gương cho những người trưởng lão trong hội thánh cũng như nhắc nhở họ về trách nhiệm. “Tôi từng bày bảo luôn cho anh em rằng phải chịu khó làm việc như vậy, để giúp đỡ người yếu đuối” (20:35). Các giáo sư và các trưởng lão có thể dễ trở thành những người lý thuyết, đơn giản chỉ nói với những người khác cần phải làm gì. Nhưng có ích gì khi sử dụng lý thuyết mà không hỗ trợ bằng tấm gương thực hành? Đó không phải là một sự bỏ sung cho trách nhiệm bình thường của một giáo sư, đó là một phần không thể thiếu của chức vụ - “phải” tùy theo Phao-lô ông làm việc chăm chỉ để có đủ tiền để trả theo cách của riêng mình và giúp đỡ những người

yếu đuối (20: 33-35).

Đương nhiên, điều đó đúng ở những nơi khác mà Phao-lô đã hy sinh rằng một nhà truyền giáo có quyền sống bởi việc rao giảng, mà các sứ đồ giống như Phi-e-rơ, và thậm chí những người trưởng lão đáng tin cậy, đã được Đức Chúa Trời ban cho quyền được hỗ trợ bởi hội thánh (I Cô-rinh-tô 9: 1-14; I Ti-mô-thê 5: 17-18). Rõ ràng không phải những phân đoạn Kinh Thánh này hay những lời dạy dỗ của Phao-lô về các trưởng lão ở hội thánh Ê-phê-sô là những quan điểm cứng nhắc, không được phép thay đổi. Nhưng trong mỗi tình huống, điều nào tốt nhất cho công việc Chúa thì chúng ta có thể thực hiện. Dầu vậy, chúng ta sẽ bỏ mất điều quan trọng nhất nếu chúng ta cứ khăng khăng đòi hỏi quyền lợi của mình. Phao-lô thường bỏ đi các quyền lợi của ông, để vui hưởng niềm hạnh phúc cao hơn về khả năng cung cấp tài chính và vật chất, cũng như thuộc linh, giúp đỡ những người khác. Chắc chắn, được phước và vui hơn; chúng ta có uy quyền của Chúa Giê-su đối với điều đó. Vàng, và các trưởng lão có trách nhiệm, Phao-lô nói, nhớ lại lời Chúa Giê-su dạy ở điểm đó (20:35).

Câu 36 đến 38 miêu tả một viễn cảnh rất cảm động, được cảm nhận hơn là giải thích chi tiết. Phao-lô đã bày tỏ chính mình ở Ê-phê-sô là người bạn tuyệt vời! Ông sẽ không bao giờ gặp lại họ trên trái đất; nhưng một ngày kia họ sẽ chào đón ông trong đền tạm đời đời (Lu-ca 16: 9).

HOÀN THÀNH QUÁ TRÌNH

Hầu hết phần còn lại của Chuyển Động 1 đầy đầy các chi tiết địa lý về việc tiếp tục hành trình đến Giê-ru-sa-lem của Phao-lô (21: 1-10). Hai mục đặc biệt thú vị là hai sứ điệp từ Đức Thánh Linh đã sắp đặt cho Phao-lô, một ở Ty-rơ (21: 4) và hai là ở Sê-sa-rê (21:11). Tại Ty-rơ các môn đồ nói với Phao-lô rằng Đức Thánh Linh bảo đừng lên Giê-ru-sa-lem; và tại Sê-sa-rê một vị tiên-tri tên là A-ga-bút lấy nịt của Phao-lô tự trói tay chân mình và nói, “Đây là điều Thánh Linh phán dạy: Người chủ chiếc dây nịt này sẽ bị người Do Thái trói như vậy tại Giê-ru-sa-lem và nộp vào tay người ngoại quốc.” Nhưng Phao-lô vẫn kiên trì tiếp tục đi.

Do đó, một số người đã kết luận rằng tại đây Phao-lô, quá tự tin trong sự sốt sắng quá độ, đại dốt từ chối lắng nghe tiếng phán của Đức Thánh Linh và không vâng phục Ngài, với kết quả đó ông đã bị mất tự do trong khi ông có thể đã bị giữ lại và để làm chứng cho Chúa cách hiệu quả hơn.

Trước khi chúng ta đồng ý với quan điểm cực đoan đó, thì chúng ta phải suy gẫm một chút. Đó không phải là thói quen bình thường về cách hiểu biết và cố ý không tuân theo của Phao-lô về những gì ông đã tin là một việc ngăn cấm tuyệt đối của Đức Thánh Linh. Rồi chúng ta bắt buộc phải nghĩ rằng trong dịp này ông đã nhận ra sứ điệp được truyền đạt đến ông như là một việc ngăn cấm tuyệt đối và, tất cả ra ngoài tính cách bất tuân phải không? Dường như đó là một câu chuyện không thể xảy ra. Có lẽ ông nghĩ rằng các môn đồ ở Ty-rô, và tiên-tri A-ga-bút đã nhầm tiếng phán của Đức Thánh Linh. Nhưng nếu như vậy, thì Lu-ca không đề cập đến điều đó.

Chúng ta hãy suy nghĩ lại. Trước hết, Phao-lô đã quyết định rời Ê-phê-sô, ông “đã lên kế hoạch trong Đức Thánh Linh” để cuối cùng lên Giê-ru-sa-lem. Đó là Lu-ca nói nhiều với chúng ta (19:21. 20:22), rõ ràng sau đó ông nói với chúng ta rằng các môn đồ tại Ty-rô được Thánh Linh báo trước đã khuyên Phao-lô đừng lên Giê-ru-sa-lem (21: 4). Chúng ta không có quyền để cho rằng người này sai lầm hơn người khác.

Mặt khác, A-ga-bút không phải là người đầu tiên cảnh báo Phao-lô rằng những người Do Thái tại Giê-ru-sa-lem sẽ trói ông và giao ông cho dân Ngoại Bang. Trong mỗi thành phố, mà ông dừng lại trên đường đến Mi-lê, Thánh Linh đều phán với ông điều tương tự (20:23). Nhưng chẳng những không xem đó là điều cấm đoán từ Đức Thánh Linh, ông xem đó là điều Ngài đòi buộc ông phải đi, sự thôi thúc của Đức Thánh Linh ép buộc ông phải đi. Chúa Giê-su đã xếp đặt tiến trình của ông; Đức Thánh Linh đã thúc giục ông hoàn thành điều đó (20: 22-24).

Các tín hữu tại Ty-rô, và thậm chí nhiều người ở tại Sê-sa-rê, là vùng rất gần với Giê-ru-sa-lem. Vì vậy, khi nghe nói rằng Phao-lô đang đến Giê-ru-sa-lem họ có thể hình dung ra được những gì sẽ xảy

ra với ông ở đó. Mặc dù vậy, A-ga-bút chỉ cảnh báo ông về những gì ông sẽ phải chịu khổ. Ông không cấm Phao-lô đi. Các tín hữu nghe lời tiên tri của A-ga-bút nài nỉ Phao-lô đừng lên Giê-ru-sa-lem. Nhưng Phao-lô đã khiến trách họ đừng làm nao lòng ông, theo điều Thánh Linh đã báo trước cho ông, và ông tin chắc rằng ông sẽ đối diện với sự tù đày và nếu cần thiết ông sẵn lòng chịu chết vì danh Chúa Giê-su tại Giê-ru-sa-lem (21: 12-13). Phao-lô, người đã đổ nhiều nước mắt cho những nan đề thuộc linh của dân sự (20:19, 31), sẽ không có thời gian để đổ nước mắt gọi lên sự tự thương hại mình và phá vỡ ý chí của ông để hoàn thành nhiệm vụ Chúa đã giao cho ông.

Rồi chúng ta được kể về một trường hợp, đó là tại Ty-ơ, dường như Đức Thánh Linh ngăn cấm ông lên Giê-ru-sa-lem. Không cần thiết phải hiểu điều đó là một sai lầm hay một sự mâu thuẫn. Khi vợ của một người đàn ông nói với anh ta rằng, cô đã lên kế hoạch để mua cho anh ta một dàn máy âm thanh hi-fi hiệu Nhật Bản mới nhất nhân ngày sinh nhật của anh, anh cũng có thể trả lời, “em yêu, em đừng mua; em nên để dành tiền đó để mua một cái áo mới cho em”. Nhưng nếu, đến ngày sinh nhật của anh, cô tặng cho anh ta dàn âm thanh hi-fi, thì anh ta sẽ không quở trách cô ta vì bất tuân; anh ngưỡng mộ cô vì sự hy sinh hoàn toàn tự nguyện các nhu cầu của riêng cô để đem đến niềm vui cho anh. Vì vậy, chắc chắn đến một thời điểm chính Đức Chúa Trời dùng các bước để cho phép chúng ta tự nguyện hy sinh và tận hiến.⁹ Đức Thánh Linh, Đấng đã thúc giục Phao-lô đến Giê-ru-sa-lem và đối diện với những sự chịu khổ đã cảnh báo ông vì lợi ích của danh Chúa, cuối cùng Ngài để cho Phao-lô tự lựa chọn: Ông không cần phải đến nếu ông không muốn. Nhiều người trong chúng ta ắt hẳn đọc cách vui vẻ về sứ điệp tại Ty-ơ như là một sự ngăn cấm tuyệt đối để nhân đó hủy bỏ chuyến đi đã lên kế hoạch. Phao-lô hiểu điều đó theo cách khác. Rồi sau đó có lẽ chúng ta sẽ tìm cách thông giải điều ấy một cách dễ dàng hơn như Chúa đã hướng dẫn để cứu chúng ta khỏi sự chịu khổ, và luôn thắc mắc nếu sự hướng dẫn của Chúa dẫn chúng ta đến với những nan đề. Đó là sự đo lường về lòng tận hiến của Phao-lô cho Đấng Christ rằng ông không nghĩ nhất thiết phải ngăn cấm đi đến Giê-ru-sa-lem. Thật vậy, ông nghĩ rằng việc bảo vệ của phúc âm là một nhiệm vụ mà có thể rất hợp lý để một người phải trả giá bằng chính mạng sống của mình.

PHẦN SÁU: CHUYỂN ĐỘNG 2

Phúc Âm Được Đánh Giá bởi Sự Tôn Trọng Lương Tâm (21:17-23:11)

Chuyển Động 1 mở đầu bằng một cuộc phản loạn bảo vệ đền thờ Ác-tê-mít ở Ê-phê-sô; chuyển động 2 mở đầu bằng một cuộc phản loạn bảo vệ đền thờ của Chúa ở Giê-ru-sa-lem. Điều thất vọng là người ta đã dùng cùng một phương pháp để bảo vệ nhà Chúa giống như cách dân ngoại bảo vệ tôn giáo của họ. Tuy nhiên, tính nghiêm trọng của sự cáo buộc đã khuấy động cuộc bạo loạn chống lại Phao-lô không thể phủ nhận: “Người này... dẫn người Gờ-réc vào trong đền thờ, và làm cho nơi thánh này bị ô ướ” (21:28). Những bản ghi chú tiếng Hy Lạp và tiếng Hê-bơ-rơ được dán ở các lối ra vào cảnh báo dân Ngoại Bang không được vào bên trong đền thờ nếu vào họ sẽ bị xử tử. Người Do Thái có quyền, được chấp thuận bởi chính quyền La Mã, để hành hình ngay cả một công dân La Mã, nếu không vâng theo. Những người Ngoại Bang có thể phản đối việc cấm đoán đó và cho là có đầu óc hẹp hòi hoặc thậm chí phân biệt chủng tộc. Nhưng bên cạnh đó: Không ai bắt buộc họ tham gia vào đền thờ nếu họ không muốn; và nếu họ đã tham gia, thì cung cấp cho họ chỗ bên ngoài đền thờ dành cho dân Ngoại.

Nhưng Phao-lô không phải là một người Ngoại Bang. Ông đã được nuôi dưỡng trong niềm tin đấng sau sự ngăn chặn nghiêm ngặt dân Ngoại Bang này khỏi vào bên trong đền thờ. Không gì hơn điều này: Đấng Toàn Năng đã độ lượng hiện diện chính mình Ngài bên trong nơi thiêng liêng của đền thờ, là nơi chí thánh. Duy nhất chỉ có thầy tế lễ thượng phẩm của dân Y-sơ-ra-ên có đủ thiêng liêng để bước vào đó, và chỉ một năm một lần. Bên ngoài nơi chí thánh thì mức độ thiêng liêng giảm hơn. Thậm chí như thế, chỉ có các thầy tế lễ biệt mình ra thánh của dân Y-sơ-ra-ên mới được vào, và nói chung dân Do Thái cũng không được vào. Xung quanh đền thờ là sân trong; nhưng nó vẫn ở mức thấp hơn thuộc nơi thiêng liêng, nhưng vẫn là nơi thánh. Không người Ngoại Bang nào có thể được bước vào; chỉ

dân Y-sơ-ra-ên, và thậm chí họ chỉ được bước vào, sau khi tẩy uế.

Có nhiều lý do cho vấn đề này. Đầu tiên và trước nhất, dân Y-sơ-ra-ên tin rằng họ là một dân thánh theo ý nghĩa không có nước nào được gọi là dân thánh. Họ đã được Chúa kêu gọi và lựa chọn trở nên “một nước thầy tế lễ, cùng một dân tộc thánh cho Ta” (Xuất 19: 6). Họ là những thầy tế lễ hoạt động thay mặt cho tất cả các nước trên thế giới, vì vậy với chức vụ, địa vị thánh và gần gũi với Đức Chúa Trời mà không một nước nào khác sở hữu. Phù hợp với tình trạng thầy tế lễ của họ, trong suốt cuộc sống hàng ngày họ được yêu cầu tuân theo những nguyên tắc đặc biệt về sự thiêng liêng, chẳng hạn như cắt bì, tẩy uế, và các luật ăn uống; và họ đã bị nghiêm cấm nghiêm ngặt về mọi hình thức tham gia thờ thần tượng, ngay cả cấm ăn thực phẩm đã được dâng lên cho các thần tượng và tất cả niềm vui lạc thú tình dục phổ biến giữa các dân Ngoại Bang.

Phao-lô đã được nuôi dưỡng trong đức tin này, tôn kính đền thờ và mang vai trò đặc biệt của dân Y-sơ-ra-ên trong sự liên kết với dân ấy. Giờ đây, theo những người cáo buộc tố cáo ông đã “giảng dạy khắp thiên hạ, nghịch cùng dân, nghịch cùng luật pháp, và nghịch cùng chôn nầy nữa” (21:28). Tệ đến nỗi bây giờ ông dạy ngược lại với những gì Cựu Ước đã đặt ra. Quá tệ đến nỗi khắp mọi nơi ông đi ông phải tấn công chính dân Do Thái của mình, là người đã nuôi dưỡng ông lớn lên trong một đức tin thật. Nhưng ít nhất tại sao ông không tránh xa khỏi đền thờ? Tại sao ông phải đến và chà đạp nơi thánh dưới chân bằng cách đưa dân Ngoại Bang vào trong đền thờ và chính mình bước vào trong tình trạng làm ô uế nghi lễ?

Đương nhiên, những sự cáo buộc ấy không đúng nhưng trong giây lát chúng ta hãy đưa ra những người cáo buộc ông vì lợi ích của bất kỳ sự nghi ngờ nào, có thể rằng họ thực sự tin rằng Phao-lô đã vi phạm theo như họ buộc tội ông. Khi họ kéo ông ra khỏi sân trong của đền thờ và đóng sầm cửa lại (21:30), họ đang chiến đấu để bảo vệ sự thánh khiết của Đức Chúa Trời Toàn Năng khỏi sự bất khiết.

NHỮNG LỜI PHÊ BÌNH HIỆN ĐẠI VỀ CÁCH CƯ XỬ CỦA PHAO-LÔ TRONG ĐỀN THỜ

Nhưng những người Do Thái từ Tiêu-Á đã xui cả đoàn dân dấy loạn chống lại Phao-lô (21:27-29) không chỉ là những người duy nhất chỉ trích ông về việc này. Nhiều người ngưỡng mộ sự trình bày của Phao Lô về việc được xưng công nghĩa bởi đức tin qua sự hy sinh đền tội của Chúa Cứu Thế cũng đã bị lúng túng cách nghiêm trọng bởi cách đối xử của ông trong đền thờ. “Trước hết, ông ta đã làm gì trong đền thờ?”, Họ nói. “Chẳng phải ông đã tin tận trong đáy lòng những gì Ê-tiên đã công bố từ lâu, rằng Chúa Cứu Thế đã làm nên đền thờ, chức tế lễ của đền thờ, các của lễ, những sự tầy ứ lỗi thời sao? Người mà đã dạy những người cải đạo của mình ở khắp mọi nơi cử hành lễ Tiệc Thánh, người mà gần đây đã tham gia bữa tiệc thánh ở Trô-ách và long trọng tưởng nhớ rằng sự tha thứ chỉ đến qua sự hy sinh của Chúa Cứu Thế trên Đồi Gô-gô-tha- người đó tầy ứ chính mình theo các nghi lễ của đền thờ và tham gia dâng các của lễ trên bàn thờ là gì?”

Theo họ, những việc tai hại này sẽ gây nên những nan đề như sau. Các Cơ Đốc Nhân ở Giê-ru-sa-lem, không phải là một trăm phần trăm hiểu rõ về mối quan hệ của Phúc Âm với người Do Thái Giáo, và nhu nhược không dám xúc phạm quan điểm của người Do Thái, đã đề nghị với Phao-lô một phương cách xoa dịu công khai những sự phản đối của đất nước của họ đối với Cơ Đốc Giáo. Có bốn người Cơ đốc đã đồng ý lời thề Na-xi-rê, và là người đang tham gia thực hiện lời thề ấy. Có ý kiến cho rằng Phao-lô đã đưa những người này vào đền thờ, tham gia trong các nghi lễ tầy ứ cần thiết, và trả các phí tổn của các của lễ thích hợp để chấm dứt lời thề nguyện.

Họ cho rằng Phao-lô, đã bị sa ngã trong lời đề nghị sai trật đó, và vì thế, không may mắn cho và cũng không đúng với tính cách của ông, đó là đã thỏa hiệp với Phúc âm. Nhưng giống như tất cả những sự thỏa hiệp, vấn đề đã không hiệu quả. Vì nó thất bại trong việc tạo ấn tượng trên chính những người mà nó cần tạo ấn tượng, và kết thúc trong thảm họa. Kết quả, ông được gia ơn trong bốn năm tiếp theo để rao giảng Phúc Âm khi ông đang ở trong xiềng xích, mà nếu ông không thỏa hiệp, ông có thể tiếp tục rao giảng phúc âm như trước đây trong tự do.

Thực tế, cả hai lời chỉ trích này về Phao-lô có sự sai trật rất cơ bản, lời chỉ trích đầu cho rằng Phao-lô đã đưa những người Hy Lạp vào trong đền thờ: Thực tế, ông rất cẩn thận để không làm điều này. Nếu ông đã làm, tại sao đám đông không bắt giữ những người Hy Lạp này cùng với Phao-lô? Người Do Thái đến từ Tiều-Á, người đầu tiên dấy lên và la hét không bao giờ có thể chứng minh sự buộc tội của họ trong bất kỳ các yêu cầu thẩm vấn và các cuộc xét xử sau đó. Thật vậy sự thất bại của họ thậm chí còn kéo vào trong đền thờ (24:18-19) là một sự thừa nhận về sự bất lực của họ.

Nhưng những lời chỉ trích thứ hai cũng có những bằng chứng sai trật cơ bản, trong vấn đề này, ít nhất là: Giả sử Phao-lô và các trưởng lão hội thánh ở Giê-ru-sa-lem cố gắng xoa dịu và làm yên lòng phần lớn những người Do Thái, cuối cùng những người nổi lên phản loạn và rồi sau đó Hội Đồng Tôn Giáo đã cố gắng lợi dụng toàn bộ sự việc trong nỗ lực của họ để đưa Phao-lô vào hành hình. Cả Phao-lô và những người trưởng lão đã không cố gắng làm điều như vậy. Các trưởng lão hoàn toàn rõ ràng về các nhóm người đặc biệt mà họ đang cố gắng để giúp đỡ: không phải những người Do Thái không tin, nhưng các tín đồ. “Anh ơi, anh thấy không? Bao nhiêu vạn người Do Thái đã tin theo Đạo.” (21:20). Không phải họ đã dấy lên cuộc phản loạn, đã bắt Phao-lô, và ra sức giết ông sao! Có lẽ, họ đã được ông giúp đỡ nhiều, và lương tâm của họ, vẫn còn yếu đuối, được cứu khỏi những vụ tai tiếng. Rồi khi họ nhìn thấy sự vô lý và cách giải quyết không thể làm dịu đi của Phao-lô bởi những người Do Thái và việc loại trừ của ông khỏi đền thờ, điều đó có thể cũng đã gia thêm sức mạnh trong lương tâm của họ để tiến về phía trước để cuối cùng bỏ đền thờ và các nghi lễ.

Theo các trưởng lão, những gì đã xảy ra là như vậy. Hàng ngàn tín hữu, Cơ Đốc Nhân Do Thái đã được báo cáo rằng Phao-lô đã dạy người Do Thái ở khắp các nước Ngoại Bang bỏ Kinh Luật Môi-se, đừng làm lễ cắt bì cho trẻ con và đừng theo tục lệ Do Thái nữa (21:21). Thông tin này đã có đủ sự thật để làm cho nó có vẻ chính đáng; nhưng, như chúng ta đã biết từ các phân đoạn trước trong sách Công vụ (xem tr. 221-223) và từ các thư tín của Phao-lô, đó là sự thật

không chính xác. Phao-lô đã không yêu cầu bất kỳ sự từ bỏ các phong tục của Môi-se bởi các Cơ Đốc Nhân Do Thái.

Những gì ông đã dạy, và không bao giờ cố gắng che giấu, cho dù ông đang ở nơi Paphlagonia xa xôi nhất hoặc ở Giê-ru-sa-lem, có phải lẽ cắt bì không cần thiết cho sự cứu rỗi, nó cũng không đóng góp bất cứ điều gì cho sự cứu rỗi. Và nếu việc cắt bì đã không đóng góp gì cho sự cứu rỗi, thì nghi lễ tẩy uế, nước thánh, các của lễ súc vật, dâng lên cho ngân khố đền thờ, và các nghi lễ được thực hiện bởi các thầy tế lễ thượng phẩm của họ cũng không đóng góp gì cho sự cứu rỗi. Hơn nữa, về giáo lý căn bản của sự cứu rỗi này, không chỉ có Phao-lô, nhưng Phi-e-rơ, Gia-cơ và tất cả các sứ đồ và các trưởng lão khác ở Giê-ru-sa-lem đã đứng vững kiên quyết. Hãy nhớ lại sự khăng định nổi tiếng của Phi-e-rơ đã thực hiện một vài năm trước đó trong (15:11) ở tại Giê-ru-sa-lem: “Trái lại, chúng ta tin rằng nhờ ơn Đức Chúa Jêsus [và không phải do cắt bì hay bất kỳ nghi lễ khác được đặt ra bởi luật Môi-se] mà chúng ta (những người Do Thái) được cứu cũng như [người ngoại].” Tương tự như vậy chúng ta nhớ lại sự chỉ trích nghiêm trọng của ông về bất cứ ai dạy hoặc người Ngoại Bang hay thậm chí người Do Thái rằng lẽ cắt bì hay bất kỳ nghi lễ nào khác được quy định theo luật pháp Môi-se là cần thiết hay đóng góp cho sự cứu rỗi của một người: “Vậy bây giờ, có sao anh em thử Đức Chúa Trời, gán cho môn đồ một cái ách mà tổ phụ chúng ta hoặc chính chúng ta cũng chưa từng mang nổi?” (15 :10).

Tuy nhiên, rõ ràng, về mối liên hệ của sự cắt bì đến sự cứu rỗi, Phao-lô, các trưởng lão hay bất kỳ sứ đồ nào khác cũng không dạy rằng tất cả các tín hữu Do Thái phải ngưng việc cắt bì cho con cái của họ. Trong Cựu Ước, Đức Chúa Trời đã ban mạng lệnh cho tất cả dân Y-sơ-ra-ên phải cắt bì cho con cái họ. Vì vậy, nhiều Cơ Đốc Nhân Do Thái vẫn cảm thấy lương tâm-ràng buộc để tiếp tục tuân theo các nghi lễ này, không phải để đạt được hoặc duy trì sự cứu rỗi, nhưng chỉ đơn giản là làm đẹp lòng Chúa. Họ không mong đợi các tín hữu Ngoại Bang cắt bì cho con cái của họ: Trong Cựu Ước không chỗ nào Đức Chúa Trời ban mạng lệnh cho Dân Ngoại Bang phải cắt bì-trừ khi họ muốn trở thành người Do Thái; và các tín hữu Do Thái đã hiểu

rõ rằng dân Ngoại Bang không trở thành người Do Thái để được cứu, hoặc sống như người Do Thái sau này. 10 Nhưng thực tế, nhiều người trong số họ, hàng ngàn người, theo những gì các trưởng lão đã nói với Phao-lô - đã làm cho tín hữu Do Thái vẫn ở dưới nghĩa vụ cử hành các nghi lễ đã đặt ra cho dân Do Thái trong Cựu Ước. Họ đã “sốt sắng về luật pháp” (21:20). Đối với họ về vấn đề lương tâm, dựa trên Lời Đức Chúa Trời như họ đã hiểu; cũng giống như việc cử hành lễ vào ngày Chúa nhật là ngày nghỉ (ngày Sa-bát) vẫn còn là một vấn đề của lương tâm đối với hàng ngàn người, có lẽ hàng triệu người – của ngay cả tín hữu Ngoại Bang, những người sẽ không bao giờ mơ ước nói rằng việc giữ ngày nghỉ (sa-bát) là cần thiết cho sự cứu rỗi.

Tuy nhiên, không nơi nào trong Công vụ hoặc trong các thư tín chúng ta thấy Phao-lô chà đạp trên loại lương tâm này. Hoàn toàn ngược lại. Giữa những người Do Thái ông sẵn sàng sống như một Người Do Thái (ICô-rinh-tô. 9:20). Giữa những người Ngoại Bang ông sẵn sàng sống như người Ngoại Bang (ICô-rinh-tô. 9:21). Nhưng điều đó không có nghĩa ông đã yêu cầu mọi tín hữu Do Thái phải sống như những người Ngoại Bang. Nếu lương tâm bảo họ rằng họ phải tiếp tục sống như những người Do Thái, ông đã khen ngợi lương tâm của họ. Thật vậy, khi tín hữu trẻ người Do Thái, Ti-mô-thê, như chúng ta nhớ lại (16:1-3; xem trang 221-223), gia nhập vào đội ngũ của ông, đã được cắt bì. Phao-lô đã nhận làm con nuôi qua chiến lược linh hoạt cố ý này, để làm cho dễ dàng hơn đối với mọi người, cho dù người Do Thái hay người Ngoại Bang, đều nghe được phúc âm và nhận được sự cứu rỗi (ICô-rinh-tô 9:19). Ông cũng có một lý do khác; nhưng trước khi chúng ta xem xét điều đó, chúng ta phải chú ý rất cẩn thận đến những sự phản đối nghiêm trọng khác.

Việc đầu tiên xảy ra như thế này. Tất cả đều tốt cho Phao-lô khi cho phép những người Do Thái Cơ Đốc (hoặc thậm chí khích lệ một số người làm như Ti-mô-thê) tiếp tục thực hành lễ cắt bì miễn là họ đã hiểu cách rõ ràng việc cắt bì không liên quan gì đến sự cứu rỗi. Nhưng ở Giê-ru-sa-lem Phao-lô đã đi xa hơn điều đó, đó là sự thêm hơn không được chấp nhận. Theo đề nghị của các trưởng lão, là những người lẽ ra phải hiểu biết hơn, đó là ông đã tẩy uế chính mình

theo nghi thức của luật pháp (21:24, 26; 24:18), và vì vậy bị từ chối theo hàm ý “Ấy là theo ý muốn đó mà chúng ta được nên thánh nhờ sự dâng thân thể của Đức Chúa Jêsus Christ một lần đủ cả”. (Hê-bơ-rơ. 10:10, 22). Hơn nữa, đang chuẩn bị để trả giá, và liên hệ đến chính mình với của lễ thiêu, của lễ chuộc tội và của lễ bình an theo quy định của luật pháp về việc thực hiện lời thề Na-xi-rê (Dân-số-ký 6:13-21), một lần nữa ông bị từ chối bởi hàm ý về sự dâng của lễ của Đấng Christ một lần đủ cả. Cuối cùng, ông không thừa nhận đã đem Cơ Đốc Nhân Ngoại Bang vào sân trong của đền thờ, và do đó, ông đã thoát khỏi sự buộc tội đã hiệp nhất chống lại ông bởi người Do Thái Tiểu Á - nhưng điều đó lại dẫn ông đến một sự tấn công bất ngờ khác: Vậy là ông đã bằng lòng duy trì “bức tường phân cách” giữa người Do Thái và người Ngoại Bang mà thậm chí sau này ông đã rao giảng rằng bức tường ấy đã bị phá vỡ trong Đấng Christ (Ê-phê-sô. 2:14).

Đây là những sự buộc tội rất nghiêm trọng. Hàm ý rằng Phao-lô mà Đức Chúa trời đã lập lên để bảo vệ và củng cố phúc âm, đã làm giảm giá trị phúc âm thay vì bảo vệ. Nhưng những lời buộc tội đó không đúng; vì khi hàng loạt các cuộc tấn công và phòng thủ đầu tiên đã kết thúc trong sự xuất hiện của Phao-lô trước Hội Đồng Tôn Giáo, qua đêm sau, chính Chúa đã tán dương Phao-lô trong cách ông xung phong bảo vệ phúc âm ở Giê-ru-sa-lem: Chúa hiện ra với Phao-lô và phán: “Hãy giục lòng mạnh mẽ, người đã làm chứng cho ta tại thành Giê-ru-sa-lem thế nào, thì cũng phải làm chứng cho ta tại thành Rô-ma thế ấy” (23:11).¹¹ Chắc hẳn Chúa không nói rằng, Phao-lô đã thực sự làm giảm giá trị phúc âm ở Giê-ru-sa-lem.

Vì vậy, chúng ta hãy đặt một câu hỏi: Tại sao tất cả đều rất tốt khi Phao Lô đã đồng ý để các tín hữu Do Thái tiếp tục duy trì nghi lễ cắt bì, nhưng tất cả đều sai vì ông tham gia với họ trong các nghi lễ của đền thờ phải không? Bởi vì, các của lễ trong đền thờ là hình bóng về sự hi sinh của Chúa Giê-su Christ; và cứ tiếp tục với các hình bóng trong khi cái thực đã đến tức là phủ nhận hàm ý đầy đủ của của lễ ấy.

Nhưng nghi lễ cắt bì cũng là một sự báo trước, một hình, và một bóng! Không ai biết điều đó rõ hơn Phao-lô, như chúng ta thấy từ những lời nhấn mạnh của ông trong Cô-lô-se 2:11: “Anh em cũng

chịu cắt bì trong Ngài, không phải phép cắt bì bởi tay người ta làm ra, nhưng là phép cắt bì của Đấng Christ, là lột bỏ tánh xác thịt của chúng ta.” Rõ ràng, trong câu này Phao-lô không đang đề cập đến nghi thức báp-tem bằng nước của Cơ Đốc Nhân, vì không thể tranh cãi, hầu hết chắc chắn “được thực hiện bởi tay người ta.” Ông đang nói về thuộc linh sâu sắc, bên trong, mang tính đạo đức, và hoạt động đó được thực hiện bên trong tâm lòng sâu xa của con người khi người đó ăn năn và tin cậy nơi Đấng Cứu Rỗi. Nhưng mặc dù Phao-lô đã hiểu và dạy khá rõ ràng rằng việc cắt bì về mặt thuộc thể là một hình bóng, mà ông thấy không khó trong việc cho phép các tín hữu Do Thái tiếp tục thực hành thuộc thể nếu lương tâm của họ đòi hỏi phải có nghi lễ này, miễn họ chỉ cần hiểu và đồng ý rằng việc cắt bì về mặt thể xác không sản sinh hay đóng góp hay duy trì hoạt động cứu rỗi mà chỉ duy “việc cắt bì được thực hiện bởi Chúa Cứu Thế” có thể kết quả (Galati. 6:15).

Và nếu đó là hình bóng đối với sự cắt bì thì ắt hẳn nó đúng với tất cả các hình bóng khác đã được kết nối với đền thờ. Tất cả tín hữu Do Thái ở Giê-ru-sa-lem liên tục cử hành Lễ Tiệc Thánh, trong đó công bố lớn rằng sự tha thứ đến thông qua sự hy sinh và sự chết của Chúa Giê-su, và chỉ thông qua sự hy sinh đó. Không có tín hữu Do Thái, trưởng lão, hay sứ đồ nào, và chắc chắn Phao-lô cũng không, cảm thấy rằng sự hy sinh của Chúa Cứu Thế phải được bổ sung bằng việc tiếp tục dâng các của tế lễ động vật lên trong đền thờ để bảo đảm hay duy trì sự tha thứ tội lỗi. Nhưng vì có lúc một số người trong họ cảm thấy họ nên tiếp tục sử dụng các hình bóng và các biểu tượng này.

Do đó, không có sự mâu thuẫn về phúc âm, những gì Phao-lô đã làm khi ông tham gia với bốn Cơ Đốc Nhân Do Thái trong các của lễ được quy định cho việc hoàn thành những lời thề nguyện Na-xi-rê của họ. Đương nhiên, chúng ta tự hỏi tại sao người ta cảm thấy bị ràng buộc lương tâm để tiếp tục sử dụng các loại hình bóng trong khi họ đang vui hưởng điều thực tế của Phúc âm. Chắc chắn, chúng ta sẽ nhú mày nếu chúng ta biết một phi công lái một máy bay phản lực to lớn hiện đại tiếp tục chơi trong thời gian rỗi của anh với những chiếc máy bay mô hình, mà anh đã chơi khi còn nhỏ. Nhưng trò chơi

của anh sẽ trở nên nguy hiểm khi anh bắt đầu suy nghĩ, rồi sau đó dạy lại cho người khác, rằng máy bay mô hình này đã thực sự có thể bay qua Đại Tây Dương.

Ở đây cũng có câu trả lời đối với việc buộc tham gia các buổi lễ trong đền thờ mà tín hữu Do Thái lúc bấy giờ đang duy trì “bức tường ngăn cách” giữa người Do Thái và người Ngoại Bang mà Chúa Cứu Thế đã phá bỏ. Trong sự thông công của các hội thánh Cơ Đốc, và trong mỗi thông công xã hội, bức tường ngăn cách này đã không còn nữa. Thật vậy, nếu thỉnh thoảng một số Cơ Đốc Nhân Do Thái dao động cách không nhất quán ở điểm này, thì Phao-lô đã khiển trách họ cách gay gắt, như trong trường hợp của Phi-e-rơ tại An-ti-ốt (Ga-la-ti 2:11-21). Nhưng việc thực hành của các hội thánh Cơ Đốc không thể đem trở lại trong các đền thờ Do Thái. Cơ Đốc Nhân Do Thái không được tự do, ngay cả nếu họ có chiều hướng, phá vỡ các bức tường ngăn cách bên trong sân của đền thờ từ sân của người Ngoại Bang, để xóa bỏ những của tế lễ bằng sinh vật, cởi bỏ màn che mặt, và gặp như một hội thánh Cơ Đốc, cùng với các tín hữu Ngoại Bang, trong nơi chí thánh! Tín hữu Do Thái, bắt đầu, không chịu trách nhiệm về sự buộc tội đền thờ. Trách nhiệm đó đặt nơi thầy tế lễ thượng phẩm và các đồng nghiệp của ông, và hầu như không cần phải nói, không phải các Cơ Đốc Nhân. Và trong nơi thứ hai, khi đền thờ vẫn còn, tất cả sự sắp xếp của đền thờ phải phù hợp với các sự hướng dẫn nghiêm ngặt đã đặt ra trong Cựu Ước. Bạn không thể thay đổi một số phần theo các nguyên tắc Cơ Đốc nhưng giữ lại những phần khác, các nước Quốc Giáo đã rơi vào sai lầm này. Bạn phải giữ lại toàn bộ hoặc từ bỏ toàn bộ; không có con đường trung dung.

Và bây giờ là chống đối lớn nhất đối với những gì Phao-lô đã làm- chẳng phải tất cả những Cơ Đốc Nhân Do Thái từ lâu không quan tâm đến đền thờ đều có liên quan đến sự kiện này sao? Vì nếu không làm như vậy rõ ràng và trực tiếp đi ngược lại với lời dạy của thư tín Hê-bơ-rơ.

Giờ đây, không nghi ngờ gì nữa rằng Thư Tín dành cho người Hê-bơ-rơ kêu gọi tất cả các tín hữu Do Thái từ bỏ đền thờ và tất cả các nghi thức và buổi lễ trong đền thờ, và dạy rằng tiếp tục giữ chúng sẽ

làm giảm giá trị phúc âm của Chúa Jêsus Christ.

Nhưng không xem thường những lời dạy của thư tín ấy để chỉ ra rằng thư tín chưa được viết khi Phao-lô cùng với bốn người đàn ông thực hiện lời thề nguyện của họ trong đền thờ.¹² Cũng không bào chữa cho tư cách đạo đức của họ. Thời gian trôi qua giữa sự đóng đinh của Chúa chúng ta và sự phá hủy đền thờ (như Chúa đã nói tiên tri) vào năm 70 Sau Chúa là rất quan trọng đối các vấn đề chúng ta đang thảo luận. Vâng, chắc chắn, sự chết, sự phục sinh và sự thăng thiên của Chúa Jêsus quả thật đã làm đền thờ, chức vụ tế lễ và của lễ sinh tế lỗi thời. Trong thời Ê-tiên, ông đã bắt đầu nhận thức được điều đó rồi; và Phao-lô, là Sau-lô thành Tạt-sơ đã bằng lòng về cái chết của Ê-tiên, chắc chắn cũng biết điều đó. Nhưng Đức Chúa Trời không yêu cầu ngày Lễ Ngũ Tuần, hoặc thậm chí ngay cái chết của Ê-tiên, để tất cả tín hữu Do Thái phải lập tức bỏ đền thờ và các buổi lễ, và không bao giờ quay trở lại. Cuối cùng, Ngài đã làm như vậy. Khi Thư Tín được viết ra gửi cho người Hê-bơ-rơ thì Ngài mới hành động. Ngài cho phép những người La Mã hủy phá đền thờ vào năm 70 Sau Chúa, Ngài buộc không chỉ tín hữu Do Thái, nhưng tất cả những người Do Thái cũng rời khỏi. Nhưng chính Đức Chúa Trời đã cố ý cho một khoảng thời gian chuyển đổi từ đạo Do Thái sang Cơ Đốc Giáo phải dần dần, tiến bộ, chứ không ép buộc thi hành ngay tức khắc.

Vậy tại sao Đức Chúa Trời làm điều này? Trả lời cho câu hỏi này sẽ dẫn chúng ta đến hai nguyên tắc cơ bản trong việc xử lý với dân sự của Đức Chúa Trời. Cả hai đều nằm trong phần chính của việc bênh vực phúc âm trong chuyển động thứ hai ở Phần Sáu này, và cả hai đều có giá trị vĩnh viễn.

THỜI GIAN CHO VIỆC ĂN NĂN - VÀ THIẾT LẬP SỰ NHẬN BIẾT TỘI LỖI

Việc đóng đinh Đấng Mê-si-a, Con Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên, việc ném con trai của Chủ ngoài vườn nho, là một tội rất nặng. Như Chúa Jêsus đã cảnh báo các nước cách cá nhân, chắc chắn dẫn đến việc phá hủy đền thờ (Lu-ca 13:31-35; 19:45-20:20; 21:5-6, 20-24). Nhưng giữa thời gian công bố về sự hủy phá đền thờ và ngày cụ

thể thi hành, vì lòng thương xót của Đức Chúa Trời nên Ngài đã ban cho dân tộc này thời gian khoảng bốn mươi năm để ăn năn. Và không phải chỉ đối với cả quốc gia, nhưng đặc biệt đối với các công dân Giê-ru-sa-lem, và trên hết đối với những người có uy quyền chịu trách nhiệm về đền thờ, các thầy tế lễ thượng phẩm Sa-đu-sê, các thầy tế lễ cả, và các trưởng lão.

Cuối cùng, các thầy tế lễ thượng phẩm, thầy tế lễ cả, và người Sa-đu-sê nằm trong tầng lớp quý tộc đó đã chịu trách nhiệm chính cho việc bày mưu giết Chúa Jêsus. Chắc chắn, họ đã được hỗ trợ bởi nhiều người Pha-ri-si đứng đầu, và cuối cùng họ đã có thể lôi kéo đám đông la hét đòi đóng đinh Ngài. Nhưng các thầy tế lễ cả người Sa-đu-sê, chịu trách nhiệm đền thờ, là những kẻ cầm đầu. Sự lạm dụng đó của họ đã làm ô uế đền thờ; họ hận thù không dứt vì cho rằng Chúa đã khiêu khích bởi sự xóa sạch đền thờ. Đó là đền thờ của họ mà Ngài đã nói tiên tri sẽ bị phá hủy. Thậm chí, trên hết họ được cho thời gian để ăn năn.

Đương nhiên, các môn đệ đầu tiên của Chúa Jêsus đã không tham gia với đất nước trong việc la hét đòi đóng đinh Ngài. Nhưng khi vấn đề này xảy ra đối với những người có liên quan, Đức Chúa Trời đã chuẩn bị sẵn sàng để đưa quan điểm rằng, những người cai trị và dân chúng đã hành động trong sự ngu dốt (3:17). Dầu vậy, Ngài vẫn tỏ lòng thương xót nếu họ chịu ăn năn. Hàng ngàn người, như chúng ta vừa nghe các trưởng lão Cơ Đốc nói với Phao-lô, đã ăn năn và chấp nhận Chúa Jêsus là Đấng Mê-si-a (21:20). Nhưng phần lớn dân cư thành Giê-ru-sa-lem, và cụ thể là các nhà lãnh đạo quý tộc Sa-đu-sê nói riêng, vẫn không ăn năn.

Tuy nhiên, chính Chúa Cứu Thế đã nói rằng trước khi thành phố và đền thờ bị phá hủy Đức Chúa Trời sẽ sai các nhân chứng, đặc biệt là trong các Cơ Đốc Nhân mà họ đã bắt bớ, giải nộp các con đến các hội đường và ngục thất bị đem ra trước các vua chúa, thống đốc vì danh Ta (Lu-ca 21:12-15). Do đó, Đức Chúa Trời đã thực hiện sự cáo trách. Trước hết Ngài sai Phi-e-rơ và các sứ đồ khác, rao giảng sự sống lại của Chúa Jêsus. Nhưng những người Sa-đu-sê đã ra sức đàn áp họ, và đã hành hình họ nếu không có sự can thiệp của người

Pha-ri-si tên là Ga-ma-li-ên (5:34-40).

Sau đó, đến Ê-tiên, đã công bố cách công khai rằng Chúa Cứu Thế đã làm cho đền thờ và các nghi lễ trở nên lỗi thời, và rằng một ngày kia đền thờ sẽ bị hủy phá. Nhưng cả Ê-tiên lẫn các Cơ Đốc Nhân ở Giê-ru-sa-lem vẫn luôn tôn trọng đền thờ. Họ chưa bao giờ cố gắng phá bỏ các nguyên tắc hoặc xem thường nơi thánh của đền thờ. Thậm chí, họ không xem thường nó như các giáo phái Qumran đã làm, nhưng vẫn sử dụng đền thờ ấy. Tuy nhiên, thầy tế lễ thượng phẩm và hội đồng đã xử tử Ê-tiên.

Cuối cùng, Đức Chúa Trời đã lập tức sai Phao-lô vào đền thờ. Trong vòng thầy tế lễ thượng phẩm đã có lý do để biết mọi điều về ông. Mặc dù, ông là người Pha-ri-si, trước đây ông đã hợp tác với thầy tế lễ thượng phẩm để cố gắng đàn áp các Cơ Đốc Nhân. Tất nhiên, sau đó ông đã cải đạo; và họ đã có thể nghe về lời làm chứng của ông trong các nhà hội, và nghe về sự thành lập các hội thánh Cơ Đốc của ông, tách riêng khỏi các nhà hội và kết hợp người Ngoại Bang cũng như người Do Thái trên cơ sở bình đẳng. Chắc chắn điều đó đã làm họ không hài lòng. Tất cả họ rất vui mừng khi tin vào những cáo buộc của người Do Thái tiểu-Á. Nhưng họ đã sai: Phao-lô đã hành động đúng đắn trọn vẹn đối với đền thờ, ông tôn kính đối với từng chữ và các luật lệ của Cựu Ước. Các thầy tế lễ cả, và người Sa-đu-sê quý tộc đã biết sự buộc tội của họ đối với ông là không đúng, như Lu-ca đã nói rất rõ trong chuyện kể sau. Vì vậy, họ không có lý do gì để bào chữa cho việc tiếp tục từ chối Chúa Cứu Thế và bắt bớ phúc âm.

Nhưng việc đưa Phao-lô mặt đối mặt một lần nữa với thầy tế lễ thượng phẩm và các đồng nghiệp của ông. Một lần tại Hội Đồng Tôn Giáo (23:1-10), một lần trong tòa án của Phê-lít (24:1-23), và một lần nữa ở tòa án Phê-tu (25:1-12), cả ba lần Phao-lô đã làm chứng cho họ về vấn đề thực sự bị đe dọa là gì (để phân biệt những cáo buộc giả tạo mà họ đã đưa ra chống lại ông): Sự phục sinh của Chúa Giê-su mà họ đã giết. Cố ý không ăn năn, họ đã kiên quyết bằng cách bẻ cong hoặc lừa đảo để đưa Ngài đến La Mã để giết Ngài, họ đã thuyết phục được dân chúng xử tử Chúa Jêsus.

Nhưng bây giờ, thời gian ăn năn đã hết; sức sống mới của đền thờ đã hết hạn. Khi đám đông Giê-ru-sa-lem nỗ lực hỗn loạn để bảo vệ đền thờ của họ đã hiểu thấu sự làm chứng cuối cùng của Đức Chúa Trời, họ bắt Phao-lô kéo ra khỏi Đền Thờ. Lập tức, các cửa đền đóng lại. Họ đang tìm cách giết Phao-lô (21:30-31), họ đã vượt quá xa và không thể trở lại. Khi âm mưu của thầy tế lễ thượng phẩm và các đồng nghiệp của ông (23:12-15; 25:2 3) cuối cùng đã buộc Phao-lô khiếu nại đến Sê-sa, nhưng họ đã dấu sự kết án theo lệnh thầy tế lễ, và theo luật đền thờ của họ.

Không ngạc nhiên gì, vì vào năm 64 Sau Chúa (sớm hơn theo tính toán của một số người) Đức Chúa Trời cảm động để thư tín được viết ra gửi cho Người Hê-bơ-rơ bằng văn bản và đưa vào phát hành, kêu gọi các Tín Hữu Do Thái ở khắp mọi nơi từ bỏ hệ thống thờ phượng đền thờ, mà lúc bấy giờ đã trở nên trung tâm và biểu hiện của lòng kiên quyết không ăn năn từ chối Chúa Jêsus. Sáu năm sau đó, đền thờ bị phá hủy, và tầng lớp thầy tế lễ Sa-đu-sê đã suy yếu; nhưng lời bào chữa của họ đã vượt lên trên những nhận biết về tội lỗi.

PHÚC ÂM VÀ TÍNH LIÊM KHIẾT LƯƠNG TÂM CỦA MỖI CÁ NHÂN

Nhưng có một lý do khác tại sao Đức Chúa Trời đã không yêu cầu chấm dứt sinh hoạt đền thờ ngay sau Lễ Ngũ Tuần, hoặc ngay sau cái chết của Ê-tiên, rằng tất cả Cơ Đốc Nhân Do Thái phải từ bỏ tất cả những nghi lễ Môi-se, các nghi thức và các nghi lễ. Lý do là Đức Chúa Trời tôn trọng lương tâm con người.

Cơ Đốc Nhân Do Thái đã nằm giữa một biển thay đổi về những sự cân xứng chưa từng có. Các luật nghi lễ, nghi thức và luật ăn uống mà nhiều người trong số họ đã hy sinh mạng sống của mình trước khi họ phá vỡ được chúng, bởi vì họ tin rằng những luật đó đã được Đức Chúa Trời hà hơi - các luật lệ này đang ở trong quá trình được bãi bỏ. Chính Đức Chúa Trời sẽ không vội vã quá trình này cách quá đáng, nhưng cho lương tâm con người có thời gian để điều chỉnh trật tự mới. Không phải lương tâm được cho phép để trở nên quan tòa cuối cùng về những gì là đúng, và về ý muốn của Đức Chúa Trời là gì. Vai trò đó thuộc về mục tiêu mặc khải duy nhất của Đức Chúa Trời qua Lời của Ngài. Lương tâm phải học biết, và được chuẩn bị, để tự điều

chính theo Lời Chúa, và không đòi cái tôi một uy quyền mà không có quá trình. Chiếc đồng hồ đeo tay nhỏ của tôi không phải là trọng tài cuối cùng của Giờ Trung Bình Tại Greenwich!

Mặt khác, Đức Chúa Trời không chơi nhử mỗi với lương tâm của con người, Ngài cũng không đối xử theo cách bạo ngược hay độc đoán. Ngài tôn trọng các cơ chế bằng những sự điều chỉnh của nó được thực hiện một cách đúng đắn, và Ngài cho họ thời gian để làm việc. Sau khi đã giáo dục lương tâm Do Thái qua nhiều thế kỷ trong suốt Cựu Ước để nhấn mạnh vào sự quan sát khắt khe nhất các lễ nghi Mô-i-se, Ngài sẽ không yêu cầu nó thay đổi và từ bỏ chúng qua một đêm. Ngài cho lương tâm của họ có thời gian để nhận thức rằng Đức Chúa Trời là Đấng ban đầu đã ban những luật pháp Cựu Ước, nay chính Ngài bãi bỏ chúng. Rồi, còn phần đức tin là ở họ, bất tuân hoặc cầu thả, để từ bỏ chúng. 13

Những người có lương tâm yếu đuối hơn sẽ thực hiện tiến độ chậm hơn so với những người có lương tâm mạnh hơn và có thể điều chỉnh cách nhanh chóng hơn. Trong khi đó Đức Chúa Trời tập trung đến với tất cả mọi người, người yếu cũng như người mạnh sức, không xem nặng lương tâm của nhau, nhưng phát triển thói quen suy nghĩ những điều này qua các cá nhân trong ánh sáng của mỗi trách nhiệm trực tiếp của mỗi cá nhân với Chúa Jê-sus phục sinh (Rô-ma. 14:1-23). Và thói quen đó, đã hình thành, sẽ cần tiếp tục được áp dụng cho một nghìn lẻ một vấn đề khác rất lâu sau khi Đức Chúa Trời giải quyết các vấn đề cụ thể liên quan đến các nghi lễ Mô-i-se, trước hết bởi Thư Tín gửi cho người Hê-bơ-rơ và sau đó bởi sự phá hủy đền thờ.

Cuối cùng, có một yếu tố quan trọng khác trong lời đề nghị mà các trưởng lão đã đưa ra cho Phao-lô, mặc dù cũng không phải Luca hay các trưởng lão kêu gọi đặc biệt chú ý đến điều đó. Bốn người đàn ông đã thực hiện lời thề nguyện trang trọng với Đức Chúa Trời trước khi Phao-lô đến. Sau đó, với câu hỏi liệu họ phải thực hiện lời thề của họ hay không, không nghi ngờ gì nữa về những gì Phao-lô đã được trói buộc với trách nhiệm để trả lời. Phúc âm chắc chắn rao giảng rằng sự cứu rỗi bởi ân điển. Nhưng trừ khi việc thực hiện lời

thề nguyện là khẳng định tội lỗi, phúc âm sẽ nhấn mạnh rằng lời thề nguyện long trọng với Đức Chúa Trời phải được thực hiện. Nếu không thì phúc âm sẽ cáo trách thuyết chống đạo lý thẳng thừng. Một người tin Chúa kết hôn với một người không tin là sai (I Côrinhtô. 7:39). Nhưng nếu đã kết hôn như vậy, và đã cam kết hứa nguyện trang nghiêm trước mặt Đức Chúa Trời, thì nó sẽ điều cột về phúc âm của sự cứu rỗi bởi ân sủng để nói rằng điều đó được phép, chưa nói đến được yêu cầu, người phối ngẫu Cơ Đốc hãy phá vỡ những lời thề nguyện đó.

LỜI BIỆN HỘ CỦA PHAO-LÔ TRƯỚC ĐÁM ĐÔNG NỔI LOẠN Ở GIÊ-RU-SA-LEM

Đương nhiên, chính quyền La Mã rất lo lắng về những cuộc phản loạn tôn giáo ở Giê-ru-sa-lem; họ có thể là đám lửa châm ngòi đưa cả nước đến chỗ bùng phát. Vì vậy, khi viên quan chỉ huy nhận biết có rắc rối trong thành phố, ông đã lãnh đạo một toán lính, tiến vào các bậc tam cấp của lâu đài Antonia trong đền thờ, Phao-lô được cứu khỏi những cánh tay của đám đông, và yêu cầu được cho biết về tất cả rắc rối đã xảy ra là gì. Tuy nhiên, điều xảy ra là sự nhầm lẫn, mà ông có thể không nhận được câu trả lời mạch lạc. Vì vậy, ông đã ra lệnh cho người của mình đưa Phao-lô vào lâu đài; họ đã nổi lên bị xô đẩy mọi phía bởi đám đông đang tràn đến la hét đòi máu của Phao-lô như một bày chó săn.

Ở phía trên các bậc tam cấp của lâu đài, Phao-lô xin phép viên quan chỉ huy để đối mặt trình bày với đám đông. Ông đã nói bằng tiếng Hy-Lạp và sự kiện đó đã làm đảo lộn những lời giải thích về sự việc đã được hình thành trong tâm trí chỉ viên quan chỉ huy. Một vài năm trước đây, một người Ai-cập tự xưng là tiên tri đã lãnh đạo một nhóm người lên núi Ô-li-ve, hứa với họ rằng Đức Chúa Trời sẽ xây Giê-ri-cô khác và phá những bức tường Giê-ru-sa-lem để sau đó họ có thể xông vào và tàn sát binh lính La-mã. Đương nhiên, điều đó đã không xảy ra. Chính quyền La Mã đã đàn áp sự nổi dậy, giết chết một số người và bắt giữ những người còn lại; trong khi những người tinh ranh lắm mưu đã trốn thoát. Viên quan chỉ huy, là người hồi tưởng lại vụ việc xảy ra thật lộn xộn, đã nhảy đến kết luận rằng Phao-lô ắt hẳn

là người Ai Cập đó dám trở lại, rất nhiều điều ghê tởm đối với đám đông, mà viên quan này đã bị lừa dối.

Tình ngộ về ý tưởng này, viên quan chỉ huy cho phép Phao-lô nói với đám đông; có lẽ ông mong qua bài phát biểu của Phao-lô, ông có thể khám phá ra cuộc bạo loạn của Phao Lô là gì.

Nhưng chúng ta có thể hỏi tại sao, Phao-lô nghĩ thật đáng để cố gắng nói chuyện với đám đông? Ông đã bị đánh bầm tím, tóc tai rối bời thật tội nghiệp. Vì bây giờ ông đang được an toàn trong tay người La-mã. Điều tốt hơn mà ông có thể mong đợi khi nói thẳng với đám đông đang đứng ở phía dưới cùng của cầu thang đòi máu của ông là gì?

Câu trả lời là, ông đã yêu thương họ. Ông đã làm những gì mà mình đã làm trong đền thờ để giúp những người Do Thái đang tin; vì ông yêu thương họ. Bây giờ ông đối diện với đám đông người Do Thái không tin đang sôi sục; và ông cũng yêu thương họ. Họ là những người thân yêu của ông. Họ đã xông vào giận dữ bởi những lời tố cáo rằng ông đã dạy tất cả mọi người ở khắp mọi nơi chống lại họ (21:28). Nhưng đó là sự vu khống không đúng sự thật. Ông đã dạy Cơ Đốc Nhân Ngoại Bang không chỉ yêu thương Cơ Đốc Nhân Do Thái, mà còn yêu thương người Do Thái nói chung (xem Rô-ma 11: 17-32). Hơn nữa, ông đã hiểu họ. Khi họ đang trong cơn giận hờn, họ nghĩ rằng họ đang bảo vệ sự tôn kính và sự thánh khiết của Đức Chúa Trời. Nếu viên quan chỉ huy đã không can thiệp, thì chắc hẳn họ đã đánh Phao-lô cho đến chết: Nhưng họ đã làm điều đó trong khi đang tưởng tượng rằng họ đang phục vụ Đức Chúa Trời. Một thái độ tử tế sẽ khiến họ thức tỉnh để nhận biết ý tưởng này. Điều trong lòng của họ là kẻ giết người tinh sạch, được nuôi dưỡng bởi niềm tự hào quốc gia, tính tư lợi của họ bị tổn thương, sự xem thường, và tội lỗi tuyệt đối không ăn năn. Xa cách sự phục vụ Đức Chúa Trời, họ đã giết Đức Chúa Trời nhập thể, họ đã tra tay vào Ngài mà cứ tưởng mình phục vụ Đức Chúa Trời. Những gì họ đã tưởng là sôt sáng vì Đức Chúa Trời là một sự bày tỏ non nớt, bản chất con người chưa được cứu chuộc. Thật dễ để tôn giáo lừa dối con người suy nghĩ rằng họ đang bảo vệ Đức Chúa Trời trong khi Ác-tê-mít truyền cảm hứng

cho họ, và những phương pháp bảo vệ của bà mà họ đã chấp nhận.

Phao-lô đã từng trải mọi điều đó. Ông đã từng cảm nhận cách y như đám đông hiện cảm nhận. Ông đã cảm thấy rằng ông là một người trung thành với đất nước của mình bằng cách bắt bớ, tù đày, và dùng hình phạt, và hành hình Cơ Đốc Nhân Do Thái. Ông đã làm tất cả những gì có thể để chống lại danh Chúa J êsus người Na-xa-rét, và đã làm điều đó bằng cả lương tâm tốt lành, được thuyết phục rằng ông đã phục vụ và bảo vệ danh của Đức Chúa Trời. Nhưng trong mọi điều đó ông đã làm không phải vì sự vinh hiển của Đức Chúa Trời, nhưng làm vì sự kiêu ngạo tôn giáo của người Pha-ri-si mà ông đang bảo vệ, và bảo vệ với các con giận dữ, thù oán, căm ghét, và sự ác độc của một con người chưa được tái sanh. Sự trở lại tin nhận Chúa Cứu Thế của ông đã mở mắt cho ông nhìn thấy được sự thật, Đức Chúa Trời mà ông đã phục vụ thực sự là gì, và bản chất thật của lòng sốt sắng được cho là tôn giáo của ông là gì. Sự trở lại tin nhận Chúa Cứu Thế không chỉ thay đổi niềm tin của ông, mà còn làm thay đổi các phương pháp bảo vệ đức tin của ông. Đó là một cái nhìn xấu khi một người trở lại tin theo Chúa nhận diện về con người của mình trước đây.

Sau đó Phao-lô, đã hiểu động cơ thúc đẩy đám đông là gì, và ông đã yêu thương họ, thậm chí mặc dù họ tự do giết ông. Họ rất cần được mở mắt để thấy được lòng sốt sắng ảo tưởng của họ vì Đức Chúa Trời, mà nếu tiếp tục cố chấp, sẽ gây nguy hại cho linh hồn của họ. Ông đã nói với họ. Phao-lô từng nghĩ rằng thật vô vọng để cố gắng cải đạo họ. Vì trước đây người ta cũng nói tương tự về ông. Tuy nhiên ông đã được cải đạo. Ông là một nhà truyền giáo thật, ông đã quyết định nói với họ câu chuyện chính ông đã trở lại tin nhận Chúa.

Ông có một lợi thế hơn họ: Họ không được giáo dục về nền tảng Kinh Thánh, còn ông thì được đào tạo bởi một học giả Kinh Thánh lỗi lạc, Ga-ma-li-ên, trung tâm nghiên cứu Kinh Thánh cao nhất, ở Giê-ru-sa-lem (22:3). Họ “có nhiệt tâm đối với Đức Chúa Trời”, nhưng không giống như ông. Sự phản loạn của họ chỉ là sự bộc phát từ cảm xúc tự phát; bắt ông là sự cố ý, có hệ thống, chính thức được ủy quyền bởi thầy tế lễ thượng phẩm đương thời, triệt để và tàn nhẫn.

Một số người trong đám đông đã dạy cho ông về lòng nhiệt tâm đối với Đức Chúa Trời là gì? Hay về sự bảo vệ các đặc quyền của dân Y-sơ-ra-ên hay sự thiêng liêng của đền thờ?

Tuy nhiên, nếu ông đã nhận được một khái tượng từ trời, và trong ánh sáng không thể cưỡng lại đã bắt gặp cái nhìn của thực tế, rằng Chúa Giê-su người Na-xa-rét mà ông đã bắt bớ đã sống lại thật và được tôn làm Đấng Cứu Thế, làm sao điều đó có thể được coi là không trung thành với đất nước của ông? Không phải Môi-se, Ê-sai và những tiên tri đã nhận được khái tượng tương tự của Đức Chúa Trời sao? Tại sao ông phải bị sa thải như là một kẻ dị giáo vì đã tin cậy nơi Ngài?

Nhưng có lẽ ông đã hiểu lầm về khái tượng, hoặc đã giải nghĩa sai?

Không, ông đã không giải thích sai. Khái tượng đã được giải thích cho ông bởi một trong những cộng đồng Do Thái địa phương ở Đa-mách, một người quan sát nhiệt thành của pháp luật và được đánh giá cao bởi tất cả những người Do Thái đang sống ở đó. Ông không phải người dị giáo. Tuy nhiên, ở đây những lời của ông được chứng thực bởi Đức Chúa Trời, trong đó ông đã được Đức Chúa Trời ban quyền để loại bỏ sự mù lòa thể xác đã gây ra trong Phao-lô bởi sáng sáng siêu nhiên về khái tượng: “Đức Chúa Trời của tổ tiên chúng ta đã an bài từ trước cho anh biết ý chỉ Ngài, được gặp Đấng Công Chính và được nghe tiếng Ngài phán dạy” (22:14).

Đây không phải là dị giáo, hay phủ nhận một Đức Chúa Trời chân thật mà dân Y-sơ-ra-ên đã học biết từ các tổ phụ: Đức Chúa Trời của các tổ phụ Đấng đã chọn Phao-lô cho sứ mạng đặc biệt của Ngài. Ngài đã phán với Phao-lô và bây giờ Phao-lô đã được Đức Chúa Trời ủy thác để làm chứng cho tất cả mọi người khác, rằng Chúa Jêsus người Na-xa-rét là Đấng Công Chính. Ngài không phải là kẻ mạo danh như dân Y-sơ-ra-ên đã đánh giá về Ngài. Ngài là Đấng có thật và là Đấng Công Chính, và họ đã sai. Ngài không những chỉ là một con người, mà Ngài là Đấng duy nhất, Đấng Cứu Thế.

Đó là liều thuốc mạnh cho đám đông, và có lẽ là một điều kỳ diệu khi ông nói đến đó mà họ không phản đối. Kế đó, bằng cách liên

hệ tất cả điều này giống như phần của câu chuyện cải đạo của ông, Phao-lô đã nói rõ rằng ông không công bố rằng ông có địa vị cao hơn đám đông, rằng họ đã phạm tội còn ông vô tội. Ông cũng phạm tội như họ. Thật vậy, ông đã phạm tội nhiều hơn, cuồng bạo hơn, trong việc bắt bớ Chúa Jêsus người Na-xa-rét. Ông đã thừa nhận tội lỗi của mình và đã tìm thấy sự tha thứ: Thì họ cũng có thể tìm thấy sự tha thứ giống như ông.

Nhưng ở đây ông bắt đầu bước đi trên mảnh đất rất nhạy cảm, tại sao ông không ở lại Giê-ru-sa-lem và tiếp tục nhiệt thành bảo vệ những đặc quyền và đền thờ của dân Y-sơ-ra-ên, thay vì đi ra dân Ngoại Bang và làm giảm bớt các quyền của Y-sơ-ra-ên? Bởi vì, trên đường trở về từ Đa-mách đến Giê-ru-sa-lem, khi ông ở trong đền thờ thì một lần nữa Chúa đã hiện ra với ông trong một cơn mê và phán với ông hãy ra khỏi Giê-ru-sa-lem cách nhanh chóng vì họ không tiếp nhận lời làm chứng của ông về Ngài (22:17-18).

Lời tiên-tri ấy, nếu không có gì khác, đã được chứng minh là đúng: Chính đám đông là bằng chứng cho điều đó. Thực sự đang đặt con dao bên trong, để nói rằng Chúa đã có một cái nhìn sai trật về người sinh sống tại Giê-ru-sa-lem.

Nhưng Phao-lô, luôn bảo vệ dân sự đã phản đối Chúa rằng tất cả những người đó không phải đều là người xấu. Họ là những người có lý.

Họ đã biết ông đã nhiệt tình bắt bớ các Cơ Đốc Nhân và đứng về phía đám đông khuyến khích họ xử tử Ê-tiên như thế nào. Chắc chắn, họ có lý và lắng nghe ông như một người đã luôn đấu tranh cho họ, và sẽ không xua đuổi ông cách mù quáng.

Nhưng Chúa chỉ đơn giản lặp đi lặp lại mạng lệnh của Ngài: “Con hãy đi vì Ta sai con đến các dân tộc ngoại quốc ở nơi xa xăm” (22:21).

Đám đông đang im lặng lắng nghe; nhưng bây giờ họ đã bùng phát, và chỗ áp xe đó vỡ ra cho thấy nguyên nhân thực sự của chúng viêm. Đã quá đủ nhục nhã để nghe nói rằng Chúa Jêsus mà họ đã từ chối chính là Đấng Mê-si-a; nhưng vì cơ suy nghĩ đó, và bởi vì sự từ

chối của họ mà Đức Chúa Trời đã đem Đấng Mê-si-a của dân Y-sơ-ra-ên và dâng Ngài cho dân Ngoại Bang, và rằng dân Ngoại Bang đã tiếp nhận Ngài, thì không thể chịu đựng được.

Họ giống như đứa con trai cưng của bà mẹ nọ, được cho một món đồ chơi đẹp. Nhưng vì lý do nào đó nó từ chối không nhận và không chơi trò chơi ấy. Sau đó người mẹ mang đồ chơi đó cho một đứa trẻ khác, đứa này rất thích món đồ chơi ấy. Lúc đó đứa con cưng của bà giật lại với sự giận dữ. Lòng sốt sắng của dân chúng tại Giê-ru-sa-lem vì Đức Chúa Trời không phải là lòng nhiệt thành bảo vệ các quyền lợi và sự thánh khiết của Đức Chúa Trời; đó là lòng nhiệt thành để bảo vệ những đặc quyền ích kỷ của họ. Đó là những gì đã làm cho họ tưởng tượng thấy Dân Ngoại Bang vào đền thờ thánh của họ trong khi thực tế không có người Ngoại Bang nào vào bên trong đền thờ.

Phao-lô cũng đã nhận ra điều này. Vì ghen tị chống người Ngoại Bang nên họ đã cố gắng

giết ông. Nhưng hy vọng đã dâng lên trong lòng ông. Rồi họ sẽ không bị mất mát gì cả. Một ngày kia, Đức Chúa Trời sẽ sử dụng sự ghen tị này để đem đất nước này đến sự ăn năn, làm theo dân Ngoại Bang trong việc tiếp nhận Chúa, là Chúa Jêsus, là Đấng Mê-si-a của Đức Chúa Trời chân thật (Rô-ma. 11:11-16).

VIÊN SĨ QUAN CHỈ HUY ĐỂ NGHỊ XEM XÉT PHAO-LÔ

Việc nói thẳng của Phao-lô với đám đông có lẽ không giúp viên quan chỉ huy nhiều, vì Phao-lô đã nói bằng tiếng A-ram (22:2). Nhưng ông cương quyết đưa ra hết các vấn đề. Ông chịu trách nhiệm bảo vệ pháp luật và trật tự của thành phố có tiếng là khó về tôn giáo và chính trị hỗn hợp rất dễ thay đổi và việc lan tỏa từ một người nóng nảy thỉnh linh kích động một cách tự nhiên và nhấn chìm toàn bộ thành phố vào cuộc xung đột. Ông cũng đã trả lời đối với một số bậc thầy khó tính, và đôi khi không hợp lý. Ý ông là muốn thấy công lý được thực hiện; nhưng trong việc bảo vệ luật pháp và trật tự, bạn không thể đủ khả năng để tỏ vẻ phẫn nộ. Luật pháp cho ông quyền kiểm tra những người đáng ngờ, những người tạo ra rắc rối bằng cách tra tấn; và ông đã quyết định sử dụng quyền của mình. Ông đã ra lệnh

trời căng Phao-lô ra, và sẵn sàng đánh đòn (22:24).

Ông chưa biết gì về Phao-lô – lẽ ra trước tiên ông nên hỏi, Phao-lô là một công dân La Mã; và sẽ vi phạm luật cách nghiêm trọng khi căng Phao-lô ra và đánh đòn ông như vậy. Phao-lô nói với ông ta, và ông ta lập tức ngừng lại. Tuy nhiên, viên quan chỉ huy ngạc nhiên bởi lúc này khám phá rằng một nhân vật như phao lô chưa chắc là một công dân La Mã. “Viên quan tiếp: “Ta phải trả một số tiền lớn mới được quốc tịch La Mã đấy!” Phao-lô đáp: “Còn tôi sinh ra thì đã là công dân La Mã rồi!” (22:28).

Vì vậy, bây giờ một bí mật khác đã được tiết lộ: Số tiền viên quan chỉ huy đã trả để có quốc tịch La Mã thực tế, là một sự hối lộ và bất hợp pháp; mặc dù, tất nhiên, hàng ngàn người đã trả tiền hối lộ như vậy và rất nhiều người trong hàng ngũ cao hơn đã nhận nhiều tiền hối lộ. Nhưng sau đó, bạn có thể đếm trong đất nước nào con số của tất cả những người bảo vệ luật pháp và trật tự rồi chính họ lại là người tham nhũng? Và cuối cùng, khi ông đã viết bản báo cáo của mình cho tổng trấn Phê-lít, ông đã quản lý để gian lận một chút và che đậy sự thực rằng ông đã trói một công dân La Mã để sẵn sàng cho việc tra khảo. Chúng ta có thể biết chắc Phao-lô không bao giờ tố cáo ông ta.

VIÊN QUAN ĐÃ KIỂM TRA CHI TIẾT TRƯỚC KHI ĐƯA RA HỘI ĐỒNG TÔN GIÁO

Ngày hôm sau, vẫn nhất quyết đưa ra hết vấn đề, để thành phố có thể được yên, viên quan chỉ huy đã thu xếp cho Hội Đồng Tôn Giáo, và đưa Phao-lô đến trước mặt họ. Phao-lô bắt đầu kiện bằng cách nhìn thẳng vào các thành viên của Hội đồng và tuyên bố: “Thưa các anh em, cho đến nay tôi vẫn sống trước mặt Đức Chúa Trời với một lương tâm hoàn toàn ngay thẳng.” (23:1). Điều đó không có nghĩa lên mình kiêu ngạo, cũng không có ý định để chế nhạo những người ngồi dưới băng ghế. Ông biết rằng cách cư xử của mình kể từ khi ông tiếp nhận Chúa đã làm cả dân chúng nổi giận; trong mắt của họ, ông là một người đã thay đổi và bội đạo. Ông đã đưa ra cho họ một lời giải thích chân thành: Không thể tin được mặc dù, đối với họ nghe hợp lý, ông đã luôn hành động bày tỏ lương tâm thật rằng những gì ông đã làm là Đức Chúa Trời sai ông. Là những thành viên có trách nhiệm

của tòa án tôn giáo tối cao của đất nước, tất cả những người trong số họ tìm cách sống chung với một nguyên tắc tương tự phải không? Ít nhất giữa ông và họ tối thiểu có nền tảng chung phải không? Tuy họ đã không đồng ý với những gì ông đã nói và dạy, nhưng chắc chắn họ đồng ý rằng ông đã hành động bày tỏ một lương tâm chân thật trước mặt Đức Chúa Trời. Những cuộc tranh luận, thảo luận, cuộc điều tra công bằng có thể là gì, nếu một bên không chuẩn bị để thừa nhận, ít nhất là để bắt đầu, mà phía bên kia đã được thúc đẩy bởi tính thành thật, nếu sai lầm, lương tâm? Nếu đó là kết luận trước tòa án rằng ông là một người gian lận tôn giáo có chủ ý, thì kết thúc tất cả các cuộc thảo luận. Tương tự, ngày nay cũng vậy. Sẽ sai trật nếu giả vờ rằng những khác biệt về các nền tảng đức tin là các vấn đề về sự khác biệt mà tất cả chúng ta có thể đồng ý không tán thành nhưng vẫn duy trì sự thống nhất. Nhưng chắc chắn chúng ta phải bắt đầu bằng cách giả định rằng những người đứng ở phía bên kia, bất cứ hành động nào bày tỏ ra bên ngoài bởi một lương tâm thành thật thì họ đều biết.

Nhưng ngay lời nhận xét mở đầu của Phao-lô, Chánh án Tòa án ra lệnh cho những người đứng gần Phao-lô và vào miệng ông; và ngay lập tức có lời đối đáp từ Phao-lô: “Phao-lô nói: “Đức Chúa Trời sẽ đánh ông, bức tường sơn trắng kia! Ông chiếu luật ngòi xét xử tôi, mà ra lệnh đánh tôi trái luật sao?” (23:3).

Những người chủ tọa chỉ trích đã cáo buộc Phao-lô về cách cư xử không giống Chúa Jêsus Christ trong cách phản ứng này của Phao-lô. Nhưng chính Chúa Jêsus đã phản đối (ngay cả nếu với sự kiềm chế hơn) khi viên quan chỉ huy của trưởng tế với sự và má Ngài bất công tương tự xảy trong (Giăng 18: 22-23). Đó là sự sỉ nhục cách rõ ràng rằng trưởng tế xem thường pháp luật trong tòa án tối cao nơi ông chịu trách nhiệm bảo vệ và thi hành luật pháp. Tham những tôn giáo là tham những xấu nhất, nó bị khiển trách cách đúng đắn trong hầu hết các thuật ngữ rõ ràng.

Nhưng lúc đó những kẻ đang đứng gần Phao-lô đã phản đối ông: “Anh dám sỉ nhục vị trưởng tế của Đức Chúa Trời sao?” (23:4). Ngay lập tức Phao-lô xin lỗi vì đã vô tình phạm luật, mà sau đó ông đã trích dẫn, “đừng rửa các cấp lãnh đạo dân mình” (Xuất. 22:28).

Chưa hề có ai từng đưa ra một lời giải thích làm thỏa mãn mọi người, vì sao Phao Lô không thể nhận diện đó là thầy tế lễ thượng phẩm, người đã ra lệnh vả vào má ông, mặc dầu người ta có đưa ra những lời giải thích khác nhau. Nhưng toàn bộ sự việc xảy ra đưa ra bằng chứng rằng Phao Lô chính là mẫu người chân thật theo như lời ông công bố rằng ông sống với một lương tâm tốt trước mặt Đức Chúa Trời. Vị trưởng tế đặc biệt này, có lẽ hơn Phao-lô với sự vắng mặt lâu khỏi thành phố đã biết, là một người hoàn toàn vô tích sự, lịch sử cho chúng ta biết như vậy, đã chuẩn bị hoàn toàn để đoạt lấy các quyền được hưởng của chức thầy tế lễ thấp hơn và lên kế hoạch ám sát khi kế hoạch của ông bị lộ. Trong trường hợp này cũng vậy, ông ta đã ngang nhiên vi phạm pháp luật; nhưng Phao-lô đã xin lỗi đối với chức vụ của ông chứ không phải ông. Phao-lô đã biết luật của Kinh Thánh; lương tâm của ông sẽ bị cáo trách nếu ông vi phạm luật pháp, tuy nhiên ông không có ý định và bất cứ hành động khiêu khích nào, và sau đó ông đã không xin lỗi.

Nhưng vị trưởng tế đã cho thấy bàn tay của ông. Kiểu lắng nghe, và công lý mà Phao-lô có thể mong đợi từ một tòa án như vậy là gì? Những sự cáo buộc mà người Do Thái từ Tiều-Á đã xúi giục phân loại đều là sai trật; và trong bất cứ trường hợp nào, chúng không phải là nguyên nhân thực sự của sự thù địch của Hội Đồng Tôn Giáo chống lại ông. Phao-lô đã biết Hội Đồng Tôn Giáo rất rõ trong thời trước, đặc biệt trước đó ông đã hợp tác với một trưởng tế để bắt bớ các Cơ Đốc Nhân. Đương nhiên, ông cũng biết, tại sao trước đó họ vẫn cố gắng để đàn áp các Sứ Đồ, và đã xử tử tất cả trừ phi Ga-ma-li-ên giáo sư của ông, là người khôn ngoan đã thuyết phục họ. Tất nhiên, họ giận tím gan với ông kể từ khi ông trở lại tiếp nhận Chúa; và nguyên nhân thực sự không gì khác hơn là việc rao giảng của ông về sự phục sinh của Chúa Jê-sus.

Nhưng trong tòa án đã chật ních người Sa-đu-sê họ có nghe về bằng chứng phục sinh của Chúa Jê-sus không? Người Sa-đu-sê, như Lu-ca đã giải thích trong (23:8), không chấp nhận về sự phục sinh – hay sự sống lại của bất kỳ ai, huống chi nói đến sự sống lại của Chúa Jê-sus. Họ không tin có thiên sứ, hoặc thậm chí về sự sống lại

của con người sau khi chết. Vì vậy, các thành viên mạnh mẽ nhất của Hội đồng, cơ bản là có thành kiến, và thành kiến của họ sẽ quyết định trước bản án; vì sự có mặt người Pha-ri-si, là những người tin vào sự phục sinh, và có thể bắt đầu trình bày hợp lý về bằng chứng phục sinh của Chúa Jêsus, sẽ được phủ quyết. Nếu viên quan La Mã đã từng có thể đánh giá một cách công bằng về những phát hiện của tòa án và cuộc đời của Phao-lô và ông có thể lắng nghe chăm chú về điều đó, thì điều quan trọng là các thành viên cơ bản của một nửa số người hoặc nhiều hơn trong tòa án nên được phơi bày.

Và Phao-lô đã phơi bày điều đó. Ông đã la lên trong tòa án: “Thưa các anh em, tôi là người Pha-ri-si, con của người Pha-ri-si! Tôi bị đưa ra tòa chính vì niềm hy vọng về sự sống lại của người chết!” (23:6). Đó là sự chia phân rõ tòa án ra làm hai; và các chuyên gia học giả Kinh Thánh giữa vòng những người Pha-ri-si, xác định không được làm bề mặt người Sa-đu-sê, bắt đầu tranh luận cách giận dữ, về phía Phao-lô ông không làm gì sai, rằng ông có quyền đối với quan điểm cơ bản của ông, thậm chí có thể cho phép sự kiện xảy ra trong khái tượng của ông trên đường đến Đa-mách, ông có thể đã nhận được một sự mặc khải thật qua một số thiên sứ hay Đức Thánh Linh (23:9).

Cuối cùng, sự náo động đã trở nên bạo lực đến nỗi viên quan chỉ huy sợ cho sự an toàn của Phao-lô. Ông đã ra lệnh cho quân đội đưa Phao-lô khỏi đám đông. Nhưng chiến thuật của Phao-lô đã đạt được những kết thúc rất đáng khen ngợi về việc để viên quan chỉ huy thấy sự thật của vấn đề, và những rắc rối thật sự xảy ra là gì. Cuối cùng, báo cáo của ông cho tổng trấn là: “Muốn biết rõ tội trạng họ tố cáo, tôi đã đưa đương sự ra Hội Đồng. Tôi chỉ thấy họ tố cáo đương sự những vấn đề giáo luật của họ, chứ chẳng có tội gì đáng xử tử hoặc bỏ tù.” (23:28-29).

BẢN ÁN THẬT

Một lần nữa, nhiều nhà chủ tọa phê bình đã lên án Phao-lô vì các chiến thuật của ông, mặc dù vì một lý do chưa biết họ lén lút và cố tình che dấu các vấn đề thật, mà nó không phải là liệu có sự sống lại chung của tất cả mọi người không, nhưng liệu nhân vật đặc biệt là

Chúa Jêsus đã sống lại từ cõi chết không. Có lẽ, họ đã hoàn toàn vui mừng vì thầy tế lễ thượng phẩm đã đáp lại một sự tiêu cực, thậm chí là một bản án kết tội chống lại Phao-lô và do đó chống lại phúc âm, ngoài sự nhận thức của viên quan chỉ huy về nửa thành kiến không công bằng của tòa án là gì. Công lý ở đâu trong điều đó?

Nhưng ít nhất, Phao-lô không cần lo lắng. Đem đó Chúa đã đưa ra một bản án duy nhất có giá trị. Ngài công bố Ngài đẹp lòng trong cách Phao-lô đã làm chứng về Ngài tại Giê-ru-sa-lem, Ngài cho ông biết rằng ông sẽ làm điều tương tự ở La Mã (23:11).

PHẦN SÁU: CHUYỂN ĐỘNG 3

Phúc Âm Được Đánh Giá Bởi Thái Độ Đối với Đạo đức & Luật Pháp (23:12-24:27)

ÂM MƯU ÁM SÁT

Trước đây, viên sĩ quan quân đội không biết điều đó, nhưng chẳng bao lâu ông ta đã khám phá ra rằng tôn giáo không luôn đòi buộc các tín hữu cảm phải tuân theo những luật đạo đức nghiêm ngặt theo cách mà người ta vẫn thường nghĩ. Vì khi tôn giáo muốn tự bảo vệ hoặc tiêu diệt kẻ thù, thì tôn giáo có thể tự thuyết phục chính mình rằng việc bảo vệ sự thật biện minh việc bỏ qua đạo đức hoàn toàn. Vì vậy, trong ngày đó sau cuộc họp của Hội Đồng Tôn Giáo, hơn bốn mươi người Do Thái đã quyết định bảo vệ danh của Đức Chúa Trời và sự thiêng liêng của đền thờ bằng cách tự ràng buộc mình với một lời thề nguyện long trọng trước mặt Đức Chúa Trời không ăn bất cứ điều gì cho đến khi họ đã lừa dối viên quan La-mã, phá vỡ luật pháp, và giết người (23:12-13)! Đương nhiên, họ không tự nói với chính mình như vậy; vì tôn giáo có thể tìm thấy những thuật ngữ làm cho tội phạm có vẻ thánh thiện và cao quý. Nhưng tội ác là họ đã dè ra trong danh Đức Chúa Trời; và kế hoạch của họ liên quan đến việc sẵn sàng hợp tác với thầy tế lễ thượng phẩm và các trưởng lão, là những người đã yêu cầu viên quan chỉ huy đem Phao-lô đến trước Hội Đồng Tôn Giáo một lần nữa với lý do họ muốn biết thêm thông tin về trường hợp của ông, để việc ám sát có thể gài bẫy và giết ông trên đường đến tòa án. Trưởng tế và những trưởng lão này là những người quan trọng sau này sẽ đứng tại tòa án của Phê-lít và khởi tố Phao-lô về một sự cáo buộc chính đó là việc phá vỡ luật pháp!

Không biết vì sao âm mưu của họ bị tiết lộ đến một người thân của Phao-lô, ông đã nói với Phao-lô, và (theo lời khuyên của Phao-lô) với viên quan chỉ huy (23:16-18). Ông, con người có óc xét đoán, đã quyết định toàn bộ sự việc đã đưa Phao-lô ra khỏi chỗ đang bị lún sâu. Ông chịu trách nhiệm bảo vệ cuộc sống của một công dân La

Mã cho đến khi công lý đúng đắn được thực hiện. Nếu tòa án tối cao Do Thái ở trong vùng đất đã được chuẩn bị để hạ thấp tiêu chuẩn đạo đức để bày mưu tiêu diệt Phao-lô, thì đó là lúc đề cập đến toàn bộ vấn đề cho tổng trấn tỉnh trước tình hình hoàn toàn không kiểm soát được nữa. Và đó là cách Phao-lô đã tự thấy chính mình được đưa đi dưới sự bảo vệ của quân đội đến Sê-sa-rê, đến nơi xét xử trước mặt Phê-lít, kèm theo những lá thư từ viên quan chỉ huy, mà chúng ta đã chú ý trước đó, giải thích các chi tiết về việc thưa kiện cho đến nay. Phê-lít xác định rằng thành phố nơi xảy ra náo loạn của Phao-lô đã đặt để ông dưới quyền xét xử Phao Lô (23:34), và sau đó thực hiện những sự chuẩn bị - cho việc xét xử chính thức.

XÉT XỬ TRƯỚC PHÊ-LÍT

Tòa án của Phê-lít, dù nhân từ cho Phao-lô, không phải là Hội Đồng Tôn Giáo. Đó là tòa án, hội đồng pháp lý tối cao của người Do Thái, được dựa trên các luật pháp Cựu Ước như đã được giải thích bởi sự gằng gỏi nhất trí như có thể có đã có bởi hội đồng gồm của cả hai nhóm người Sa-đu-sê và Pha-ri-si. Khốn thay cho bất cứ ai ở trong tòa án có lời giải thích về Cựu ước khác với người Sa-đu-sê và người Pha-ri-si! Phê-lít đã chủ tọa Tòa án nhân dân của La mã như thế nào khi những niềm tin tôn giáo của một người không liên quan với pháp luật của nhà nước.

Hơn nữa, buổi họp của Hội Đồng Tôn Giáo, trước khi viên quan chỉ huy đưa Phao-lô ra, là một cuộc điều tra, chứ không phải là một cuộc xét xử chính thức. Buổi họp được chủ trì bởi trưởng tế, là đối thủ chính của Phao-lô. Không có các công tố viên độc lập, hay chứng nhân nào khác được đề cập đến như được trình bày. Mục đích là để viên quan khám phá những gì Hội Đồng Tôn Giáo đã chống lại Phao-lô. Nhưng phiên tòa của Phê-lít là một cuộc xét xử chính thức. Phê-lít đã (được cho là) phán xét công bằng, trước khi sự bắt bớ phải đưa ra những cáo buộc hoàn toàn liên quan đến tòa án dân sự này; và người thực hiện những cáo buộc đã đưa ra những cáo trạng phải có mặt trong tòa án để những người bị kiện có thể biết và xem ai đã cáo buộc ông.

Tại tòa án truy tố bao gồm trưởng tế và những trưởng lão, một

số người trong họ ắt là người Pha-ri-si, xét xử Phao-lô mà sau này ông có đề cập đến họ (24:15). Việc truy tố được đại diện bởi một nhà hùng biện, Tê-tu-lu, tương đương luật sư ngày xưa. Như thường lệ ông mở đầu trường hợp của Phao-lô (nhưng trong trường hợp này hơi phóng đại) hoan nghênh cuộc phán xét (24:2-3), và sau đó đưa ra bốn sự buộc tội chống lại Phao-lô:

1. Ông là một “tên ôn dịch” (24:5). “Tên ôn dịch” (hay “người gây rối”) là một từ ngữ mơ hồ nhưng mang tính nói xấu mạnh, khi bạn dùng từ đó, bạn muốn ám chỉ rằng bị cáo đã tham gia vào các hoạt động phản nghịch với Hoàng Đế, nhưng bạn không thể xác định cách chính xác cụ thể hoạt động phản nghịch ấy là gì. Vì đó là một sự khẳng định phản nghịch không có gì chống đỡ- và đã không chứa đựng mục cụ thể, khi đến phiên bào chữa của mình, Phao-lô đã phớt lờ đi điều đó.
2. Hắn đã “xúi giục người Do Thái khắp thế giới” (24:5).
3. Hắn là “tên đầu đảng phe Na-xa-rét” (24:5).
4. Hắn đã cố gắng “toan tính làm ô uế Đền Thờ, nên chúng tôi bắt hắn”(24:6).

Sự cáo buộc cuối cùng đòi hỏi phải đáp ứng một số lời phê bình sơ bộ. Sự cáo buộc ban đầu sang bằng bởi những người Do Thái châu Á rằng Phao-lô đã thực sự đã giới thiệu người Hy-Lạp vào trong đền thờ (21:28). Nếu lời buộc tội đó đúng, thì Phao-lô đã không chỉ đơn thuần cố gắng báng bổ đền thờ, mà ông đã làm ô uế nơi thánh này. Nhưng bây giờ trong tòa án truy tố của Phê-lít đã giảm sự buộc tội đó, và thay thế vào đó bằng lời “làm ô-uế đền thờ.” Và phán xét tiếp theo của họ, “nên chúng tôi bắt nó,” dường như là để họ bắt ông trước khi ông hoàn tất công việc mình dự. Hình thức dự định làm ô-uế đền thờ là gì, và nó đã được thực hiện chưa, thì cũng không cụ thể.

Vì thế, lời tuyên bố “chúng tôi đã bắt hắn” là một câu nói mỉa mai. Điều thực sự đã xảy ra là đám đông đã bắt giữ Phao-lô, kéo ông ra khỏi đền thờ và bắt đầu đánh đập ông đến chết, và viên quan La Mã đã đến và cứu ông khỏi sự “bắt giữ” này (21:30-33). Trường tế và các trưởng lão bấy giờ có thông qua luật sư của họ tuyên bố trách

nhệm và uy tín cho sự bắt giữ này không?

Đáng tiếc là nguyên văn Hy Lạp ở thời điểm này không nói rõ. Phần lớn trong các bản gốc, luật sư chỉ cần thêm, “Ngài có thể đích thân thăm vấn nó mọi chi tiết để biết rõ những điều chúng tôi tố cáo” (24:8). Vì vậy, đa số các học giả đi theo quan điểm của những gì Lu-ca đã viết ban đầu.

Tuy nhiên, thật đáng để đề cập rằng các văn bản sách Công Vụ của Phương Tây có bổ sung phần này, biến phần kết thúc của lời cáo buộc lần thứ tư trở thành một lời than phiền trước sự can thiệp của viên quan La-mã:

... Và chúng tôi đã bắt hắn và muốn xử nó theo luật của chúng tôi. Nhưng viên quan, Ly-si-a, đã đến và dùng nhiều lực lượng giết hắn khỏi tay của chúng tôi và ra lệnh cho người tố cáo hắn đến trước mặt ngài. Ngài có thể đích thân thăm vấn nó mọi chi tiết để biết rõ những điều chúng tôi tố cáo.¹⁴

Vậy, phần bổ sung này, đại diện cho sự khởi tố như tuyên bố quyền phán xét một người làm ô uế đền thờ trong tòa án riêng của họ, Hội Đồng Tôn Giáo được cho là đúng; Khi tuyên bố rằng đó là những gì họ có ý định làm cho đến khi viên quan đến – thì không đúng (nếu Ly-si-a không cứu Phao-lô, thì Phao-lô sẽ không bao giờ bị xét xử trong bất kỳ tòa án nào: Luật đám đông sẽ giết ông); khi tuyên bố rằng viên quan La Mã không có quyền cản trở điều mà một lần nữa không đúng (chắc chắn ông có quyền can thiệp để bảo vệ công dân, đặc biệt là một công dân La Mã - và chắc chắn có một vụ án có đầy đủ chứng cứ để xét xử chống lại Phao-lô trước khi giao ông cho Hội Đồng Tôn Giáo – chớ không giao cho đám đông – đối với một cuộc xét xử đã được ra lệnh); và cuối cùng khi tuyên bố rằng viên quan đã dùng quân đội quá mức để đưa Phao-lô ra khỏi họ - thật thú vị, vì phơi bày sự thật rằng họ đang ở trong quá trình đánh Phao-lô đến chết.

Việc bổ sung của Văn Bản phương Tây ban có phải văn bản gốc hay không, chúng ta phải chú ý đến hai điều. Thứ nhất, cuối cùng Phê-lít đã thông báo rằng ông sẽ hoãn lời tuyên án cho đến khi Ly-si-a đến Sê-sa-rê (24:22). Thứ hai, và quan trọng hơn, nếu việc truy tố thật sự khiếu nại đến Phê-lít nhờ sự can thiệp của Ly-si-a, điều đó

không liên quan đến Phao-lô: Đơn giản, ông chỉ trả lời những cáo buộc chống lại Phao-lô.

LỜI BIỆN HỘ CỦA PHAO-LÔ TRƯỚC PHÊ-LÍT

Mở đầu những lời nhận xét của Phao-lô nhất thiết khen ngợi cuộc xét xử – đó là thủ tục chuẩn - nhưng nó cũng phù hợp đến trường hợp của Phao-lô. Phê-lít, như Phao-lô đã chỉ ra trong (24:10-11), là người đầy kinh nghiệm: ông đã làm Thống đốc xứ Giu-đa trong nhiều năm, và biết tất cả về nội bộ chính trị của Giê-ru-sa-lem, cả hai đường lối của người Sa-đu-sê và người Pha-ri-si, và nhiều điều về tôn giáo của người Do Thái, kể từ khi vợ của ông là một người phụ nữ Do thái (24:24). Hơn nữa, ông đã quá quen thuộc với Cơ Đốc Giáo và nó đại diện cho điều gì (24:22). Không cần phải trả lời trước ông ta lời vu khống mơ hồ của bên khởi tố cho rằng Cơ Đốc Giáo là phản nghịch.

Vì vậy, Phao-lô lập tức tiến lên với sự cáo buộc quan trọng đầu tiên (số 2 trong danh sách trên của chúng ta). Đó là việc ông đã đẩy lên các cuộc phản loạn giữa người Do Thái khắp thế giới (24:5). Tuy nhiên, chắc chắn đúng là các cuộc phản loạn đã xảy ra ở nhiều nơi là kết quả rao giảng của Phao-lô trong các nhà hội, Tê-sa-lô-ni-ca và Bê-rê là hai ví dụ. Nhưng, như chúng ta đã thấy trước đây, họ không cần phải nổi loạn. Có thể mọi sự yên bình và trật tự như tình hình lúc đầu ở tại Bê-rê. Nhưng những người nóng nảy không thích lời giảng của Phao-lô, họ đã xuống đường và bắt đầu phản loạn, và đi theo bao vây quanh Phao-lô từ thành phố này đến thành phố khác cố tình quấy rầy. Tuy nhiên, Phao-lô không chọn cách tranh luận những trường hợp đó nữa. Các sự kiện đã xảy ra bên ngoài quyền xét xử của Phê-lít và không thể được xét xử tại tòa án của ông ta. Hơn thế nữa, Gallio, tổng trấn La Mã ở Cô-rinh-tô, đã tuyên bố trong đặc ân của Phao-lô. Vì vậy, Phao-lô đã làm gì là để trả lời cho lời buộc tội “xúi giục bạo loạn giữa người Do Thái” theo như tâm tánh của ông khi ở dưới quyền xét xử của Phê-lít. Không có cuộc phản loạn ở đó cho đến khi ông đến Giê-ru-sa-lem; và sự thật về cách xử sự của ông trong thành phố là như vậy:

Như ngài có thể phối kiểm, tôi vừa về Giê-ru-sa-lem để thờ phượng không quá mười hai ngày nay. Họ không hề bắt gặp tôi, hoặc trong Đền

Thờ, hoặc trong các hội đường, hoặc trong thành phố, đang tranh luận với ai hay tụ tập đám đông bao giờ. Họ cũng chẳng đưa ra được tang chứng nào về những điều họ tố cáo tôi. (24:11-13).

Thực tế, Phao-lô đã làm mọi sự cách hợp pháp, khi ông tổ chức các cuộc tranh luận thần học với người khác ở trong đền thờ, trong các nhà hội, hoặc trên các đường phố. Nhưng ông đã cố tình kiềm chế không tranh luận. Đối với ông cũng hợp lý để trình bày các quan điểm, hay lời nói của mình trong nhà hội, An-ti-ốt hoặc Cô-rinh-tô, nơi ông có thể mong đợi phần lớn những người có cách cư xử văn minh lắng nghe ông, thậm chí nếu cuối cùng một số người nóng nảy biến thành bạo lực. Nhưng ở Giê-ru-sa-lem ông là một người rõ ràng; và người Do Thái ở Tiêu Á đang theo dõi mọi di chuyển của ông, chờ đợi để khuấy rối. Việc rao giảng không chỉ vô ích, mà còn phản tác dụng. Vì ông đã cố gắng tranh luận công khai bất cứ nơi nào và với bất cứ ai lập tức gây ra một phản ứng cuồng tín và mất trật tự nơi công cộng. Ông đã có ý thức chung rằng không làm điều đó. Ông đã không rao giảng, diễn thuyết, tranh luận, hoặc thảo luận bất cứ nơi nào ở nơi công cộng. Các cuộc phản loạn tại đền thờ không phải do ông gây ra.

Cáo buộc tiếp theo cho rằng ông là tên đầu đảng phe Na-xa-rét (24:5). Bây giờ từ ngữ được dịch ra “phe” là một thuật ngữ mơ hồ; ngụ ý cảm xúc phụ thuộc vào người sử dụng nó. Trong đoạn 5:17 nó được dùng để mô tả người Sa-đu-sê; nhưng có những người dịch có xu hướng diễn tả là “đảng”. Những người Sa-đu-sê là các nhà quý tộc thuộc dòng dõi quý phái, và thầy tế lễ thượng phẩm những thầy tế lễ cả, như nhiều lần chúng ta đã quan sát, là những người Sa-đu-sê, và nhóm đang lãnh đạo trong Hội Đồng Tôn Giáo. Theo nghĩa tiếng Anh hiện đại của từ ngữ này gọi họ là một “phe” nghe rất kỳ quặc. Mặt khác, các nhóm nhỏ tôn giáo đó tự chia rẽ họ ra khỏi thân thể chính của đạo Do Thái, như các Cơ Đốc Nhân sau đó đã làm, có xu hướng được xem như là các giáo phái theo nghĩa hiện đại của chúng ta; và như ngày nay, nhãn hiệu đó mang ý nghĩa xấu trong đó và cũng đã có khuynh hướng ngụ ý bổ sung ý nghĩa “phái dị giáo.” Trong ý nghĩa của thuật ngữ này; điều đó thường đủ để chê trách bất cứ nhóm nào thì gọi họ là một đảng phái; và việc truy tố chắc chắn muốn chê

trách Phao-lô bằng cách cho rằng ông là tên đầu đảng phe nhỏ rất kinh tởm.

Phản ứng của Phao-lô là phải thừa nhận sự cáo buộc phải không! Không, ông không phải là đầu đảng phe đó, nhưng chắc chắn ông là một trong những thành viên và các nhà lãnh đạo đó. “Nhưng tôi xin nhìn nhận với ngài một điều: Tôi thờ phụng Đức Chúa Trời của tổ tiên theo Đạo mà họ bảo là một bè phái.” (24:14). Nhưng sau đó, ông đã tiến đến vạch rõ cái gọi là niềm tin của bè phái. Đó là “Đức Chúa Trời của tổ tiên chúng ta” mà ông đã thờ phượng – không có gì lạ, không có gì kỳ quặc, không phải thần nước ngoài. Hơn nữa, ông “Tin tất cả những điều ghi chép trong Kinh Luật Môi-se và Kinh Tiên Tri” (24:14). Còn điều nào chính thống hơn nữa? Đương nhiên, điều đó để lại câu hỏi về việc giải nghĩa Kinh Thánh đúng. Tuy nhiên, đó là một sự tò mò mồn tìm hiểu mà thực tế nhiều nhóm nhỏ có khuynh hướng tin vào mọi điều trong Kinh Thánh theo cách mà những người gán cho họ tên gọi “bè phái” đôi khi không tin. Nhưng có thể được gọi cách đúng đắn là “bè phái” vì tin vào toàn bộ Kinh Thánh không?

Hơn nữa, Phao-lô đã nói, “Cũng như họ, tôi đặt niềm hy vọng nơi Đức Chúa Trời” không nghi ngờ gì nữa khi Phao Lô chỉ ra rằng người Pha-ri-si cũng ở giữa vòng những kẻ bắt bớ những người “trông mong sự sống lại của kẻ chết, cả người công chính lẫn người bất chính.” (24:15). Và ai có thể được nghĩ là chính thống hơn so với những người Pha-ri-si? Không nghi ngờ gì nữa, họ có thể được mô tả như một đảng, và những người Sa-đu-sê là đảng khác, bởi vì họ bắt đồng cách rõ ràng về nhiều điều, và đặc biệt về vấn đề của sự sống lại này; nhưng không ai từng suy nghĩ chê trách những người Pha-ri-si như là một bè phái.

Nhưng xấu hay tốt là tùy vào quan điểm của người đối diện; và điều đó chỉ là vấn đề nhỏ đối với Phao-lô, liệu người không có thiện cảm gọi các Cơ Đốc Nhân là bè phái hay không. Điều quan trọng ở lúc này là sự liên quan của việc buộc tội đối với tòa án dân sự. Những gì Phê-lít muốn biết là: Niềm tin của bè phái này có ảnh hưởng gì trên thái độ của thành viên đến đất nước và luật pháp? Và bây giờ đây là điểm mà Phao-lô đã tập trung. Điều chính đối với đức tin của

ông là tin rằng, sẽ có một sự sống lại của cả người công bình và kẻ bất chính; đó không phải là lý thuyết, nhưng đã là chuẩn mực để dựa vào đó mà ông ăn nói và cư xử: “Do đó, tôi luôn luôn cố gắng giữ lương tâm không chê trách trước mặt Đức Chúa Trời và loài người.” (24:16).

Quan sát hai từ ngữ cuối cùng. Đứng trước tòa công luận, Phao-lô đã tuyên bố rằng ông đã cư xử cả lương tâm tốt đối với Đức Chúa Trời (23:1). Nhưng đó là trong tòa án tôn giáo. Bây giờ ông đã bị xét xử trước tổng trấn La Mã trong tòa án dân sự, và trong việc tuyên bố phạm vi lương tâm của ông, việc dùng các từ ngữ của ông “trước mặt Đức Chúa Trời và loài người” không chỉ lời hùng hồn. Đức Chúa Trời là Đấng mà trước đây ông chống cự không tin Ngài phục sinh; nay ông đã tin, dạy, và đã thành lập các chính quyền, mà hiện tại có nghĩa là chính quyền La Mã. Vì vậy, nổi loạn chống lại họ, là nổi loạn chống lại Đức Chúa Trời, vì họ là các đầy tớ, các tác nhân công lý của Đức Chúa Trời đem lại sự trừng phạt trên những người phạm pháp. Vậy, tất cả Cơ Đốc Nhân phải thuận phục nhà cầm quyền, không phải chỉ vì sợ cơn thịnh nộ nhưng cũng vì lương tâm nữa. (Rô-ma 13:1-2, 4-5). Bức phá luật pháp nhà nước, trừ trường hợp luật pháp đó đi ngược lại với luật pháp của Đức Chúa Trời, và phạm tội chống lại Đức Chúa Trời. Các Cơ Đốc Nhân, tin tưởng cách chân thành như họ đã tin trong sự sống lại của cả hai người công bình và kẻ ác, không thể cố tình coi thường luật pháp nhà nước La Mã; thay vào đó, họ sẽ nhắm mục đích vâng phục nó cách câu nệ, và để ca ngợi phúc âm với các chính quyền đang cầm quyền.

Trưởng tế và các trưởng lão Sa-đu-sê đã không tin vào sự sống lại của người công bình và kẻ ác. Đương nhiên, điều gì khiến họ cư xử để quyết định. Nhưng một liều thuốc tốt cho niềm tin của các Cơ Đốc Nhân” (và người Pha-ri-si’) trong sự sống lại như vậy đã không thể làm tổn hại gì đến họ. Thậm chí, nó có thể giữ họ khỏi âm mưu với hàng loạt ám sát để chế nhạo pháp luật La-mã, một đội nhỏ những người lính La Mã phục kích và giết Phao-lô, tất cả đều nằm trong nguyên nhân bảo vệ sự thiêng liêng của đền thờ Đức Chúa Trời! Đương nhiên, Phao-lô đã quan sát bất cứ điều nào trước mặt Phê-lít.

Nhưng có lẽ, ông không cần: Phê-lít đã đọc lá thư từ Ly-si-a (xem 23:30). Nhưng nếu trong thời của chúng ta, chúng ta sẽ ở trong một vị trí để bảo vệ phúc âm trước mặt các chính quyền dân sự như Phao-lô đã làm, đó là bằng chứng mà chúng ta phải nắm giữ quan điểm tương tự của các chính quyền đó như Phao-lô đã làm, và tương tự rèn luyện chính mình để vâng lời họ một cách kỹ càng, vì lợi ích của lương tâm, vì lợi ích của phúc âm, và vì lợi ích của Đức Chúa Trời.

Sự cáo buộc cuối cùng mà họ đã đưa ra chống lại Phao-lô đó là ông đã cố ý xúc phạm đền thờ thánh (24:6).

Phản cáo buộc ban đầu tuyên bố rằng ông đã đưa những người Hy Lạp vào đền thờ đã âm thầm hạ thấp giá trị xuống: Không bất kỳ người Hy Lạp nào được tìm thấy trong đền thờ hoặc bị bắt giữ. Vì vậy, đó là một phần lời viện cứ rằng ông đã dạy người ta ở khắp mọi nơi chống lại người Do Thái. Vì vậy, cũng là phần đã cáo buộc ông dạy chống lại luật pháp và đền thờ (21:28). Người ta đã lèo lái việc truy tố cách khôn ngoan để đổ thừa cho họ, vì theo luật La-mã, những người cáo buộc phải có mặt tại đền thờ để thực hiện những lời buộc tội; và người Do Thái ở Tiểu-Á ban đầu đã xúi giục đám đông phản loạn bằng cách thực hiện những luận điệu này khi họ thấy Phao-lô lúc bấy giờ không ở trong đền thờ (24:18-19). Đối với sự cáo buộc còn lại, rằng ông đã cố gắng xúc phạm đền thờ trong những cách không rõ ràng: Sự thật là trong dịp đó, ông về thăm tổ quốc, đem theo nhiều tặng phẩm cứu tế và lễ vật dâng hiến. Khi họ bắt gặp ông trong Đền Thờ, thì ông đang làm lễ tẩy sạch, chứ ông không tụ tập dân chúng hoặc gây náo loạn gì cả (24:17-18).

Trong sự vắng mặt của những người Do Thái đến từ Tiểu-Á, chỉ những lời cáo buộc mà thầy tế lễ thượng phẩm và các trưởng lão có thể đem ra để chống lại ông phải đưa ra những kết quả cần thẩm tra, họ đã tiến hành trong Hội Đồng Tôn Giáo trong sự có mặt của Ly-si-a. Và những gì tìm kiếm được thì họ có thể báo cáo ngoại trừ một thực tế rằng ông đã lớn tiếng giải bày: “Tôi bị ra tòa hôm nay chỉ vì tin rằng người chết sẽ sống lại” (24:21)? Tội phạm hay trọng tội đó là gì? Tất cả những người Pha-ri-si trong Hội Đồng Tôn Giáo (và ở những nơi khác) đã tin vào sự sống lại. Trưởng tế và các đồng nghiệp

của ông có kêu người La Mã xử tất cả người Pha-ri-si không?

Sau khi nghe cả hai bên, Phê-lít hoãn các thủ tục tố tụng. Luca nói, “Thống đốc Phê-lít đã biết rõ về Đạo nên cho hoãn phiên tòa” (24:22), và chắc hẳn đã thấy rằng trường hợp chống lại Phao-lô không chỉ không chứng minh nhưng hết sức vô lý. Vậy tại sao không tha Phao-lô lúc đó và sau đó? Ông đã đưa ra lý do rằng ông phải chờ Ly-si-a đến Sê-sa-rê để ông có thể hỏi ông ta trước khi đi đến phán quyết (24:22).

Trong khi đó, ông đã kín đáo canh giữ Phao-lô, mặc dù ông cho phép Phao-lô tự do và các ân huệ. Nhưng Ly-si-a không bao giờ xuống Sê-sa-rê, hoặc nếu ông xuống, Phê-lít đã quên xin ý kiến ông. Hai năm sau, Phê-lít rời chức vụ, Phao-lô vẫn còn bị canh giữ. Bây giờ chúng ta sẽ thấy lý do tại sao.

ĐOẠN TIẾP

Người vợ thứ ba của Phê-lít, Đa-ru-si, là một công chúa Do Thái. Bà đã từng là vợ của vua Emesa; và những tin đồn bà đã trở thành vợ của Phê-lít như thế nào đã làm sôi nổi các mục tin tức của tạp chí xã hội. Vài ngày sau khi xét xử, vợ ông “gọi Phao-lô và nghe ông giảng giải về đức tin trong Chúa Cứu Thế Giê-su” (24:24). Thường trong hàng ngũ của họ có trường hợp đó, di chuyển trong kế hoạch cụ thể của họ, đằng sau hậu trường để tìm kiếm một niềm đam mê nhất định giữa những người có đức tin cá nhân rõ ràng chân thật trong Chúa Cứu Thế, để phân biệt với một số lãnh đạo tôn giáo chính thức nổi bật, đương nhiên họ phải gặp bên trong đời sống công cộng, như thầy tế lễ thượng phẩm Do Thái vì tôn giáo có nghĩa là ít quyền lực, sự giàu có, và (thường bản thủ) chính trị. Và Cơ Đốc Giáo cũng có thể đã khiêu nại đến Phê-lít Đa-ru-si như một tôn giáo mới với một sự bất thường, sức hấp dẫn mới lạ.

Nhưng Phao-lô là một nhân vật xét xử sắc sảo. Những gì ông nói với họ về Chúa Cứu Thế, Luca không ghi chép lại. Nhưng dường như cuộc trò chuyện ở gia đình về chủ đề “công chính, tự chủ và cuộc phán xét tương lai” (24:25).

Phải trình bày cho họ về Chúa Jêsus là Đấng Cứu Thế, trừ khi

trước hết họ đối mặt với đạo đức nghiêm khắc và các ngụ ý thuộc linh về cách họ đã và đang sống?

Chẳng mấy chốc, cuộc nói chuyện đã chạm đến lương tâm của Phê-lít, và ông bắt đầu cảm thấy sợ. Và nỗi sợ thành linh gây ra nỗi sợ hãi khác, khi ông đã nhận ra lương tâm có thể được dẫn dắt nếu lương tâm được cho phép hành động. Vì vậy, ông kiềm chế chính mình và đã cắt đứt cuộc nói chuyện, mặc dù sau đó ông thường xuyên tổ chức các buổi gặp gỡ với Phao-lô. Nhưng ông không bao giờ để cho tình hình đi sâu và nguy hiểm như lần đầu tiên gặp mặt; vì hơn nữa ông có những lý do khác để gia tăng sự quan tâm trong Phao-lô và nuôi dưỡng tình bạn hữu. Ngay lúc xét xử, Phao-lô đã đề cập rằng ông đã đến Giê-ru-sa-lem mang theo một số tiền lớn mà ông đã nhận được từ các hội thánh Cơ Đốc khắp nơi trên thế giới gởi cho người Do Thái nghèo ở Giê-ru-sa-lem (24:17). Và Phê-lít đã biết về điều đó từ tin đồn. Có lẽ tiền đã được chi tiêu. Ai biết? Nhưng đầu sao chẳng nữa, nếu Phao-lô đang vội vàng để được ra khỏi nhà tù, và muốn thuyết phục Phê-lít làm sáng tỏ các trường hợp của ông và để cho ông ra khỏi tù, chắc chắn, Phao-lô có thể đưa cho ông một số tiền thích hợp để thuyết phục ông. Cuối cùng, tại sao lấy chức vụ cao bảo vệ công lý và pháp luật, nếu bạn không thuyết phục người khác cách hợp lý đúng lúc?

Nhưng Phúc âm mà Phao-lô bảo vệ ở nơi công cộng và nói về sự sống lại, sự phán xét, sự công bình, và về sự vâng lời vì lợi ích của lương tâm đối với luật pháp đất nước, không cho phép ông xem thường pháp luật riêng tư và hời lộ theo cách của mình để ra khỏi tù, thậm chí nếu người bảo vệ luật pháp La Mã được sẵn sàng để gia nhận đảng phái ấy. Vì thế, ông không bao giờ hời lộ Phê-lít.

Và sau đó Phê-lít hỏi tường lại La Mã, và một yếu tố nữa nặng trĩu trên tâm trí của ông. Gần đây việc xử lý những sự công bằng của người Do Thái của ông đã đưa ông vào sự xung đột nghiêm trọng với người Do Thái. Nếu bây giờ ông gây thêm tức giận cho Hội Đồng Tôn Giáo bằng cách để cho Phao-lô ra khỏi nhà tù, thì những lời phàn nàn xấu có thể theo mọi lối đến La Mã. Do đó, Phê-lít nghĩ, phải khôn ngoan xoa dịu những người Do Thái bằng sự ngọt ngào hơn: Ông đã

Phần Sáu: Cơ Đốc Giáo Và Sự Bảo Vệ & Xác Nhận Phúc Âm (19:21-28:31)

đề Phao-lô ở tù (24:27). Cuối cùng, tiếp tục tổng giam người vô tội là một giá trả rất ít để giữ người bênh vực công lý khỏi rắc rối, phải không?

PHẦN SÁU: CHUYỂN ĐỘNG 4

Phúc Âm Được Đánh Giá Bởi Sự điệp Đối Với Hoàng Đế và Thế giới (25:1-26:32)

XÉT XỬ TRƯỚC PHÊ-TU

Khi bước vào chức vụ, làm tổng trấn mới của tỉnh, Phê-tu, thực hiện công tác của mình bằng cách liên hệ với các công dân đứng đầu xứ Giu-đê ngay khi có thể. Ba ngày sau, ông rời Sê-sa-rê đi lên Giê-ru-sa-lem (25:1).

Khi họ gặp nhau, các trưởng tế và các tầng lớp quý tộc đã đưa vấn đề Phao-lô ra, và yêu cầu ông phải bị đưa lên Giê-ru-sa-lem và trường hợp của ông phải được giải quyết. Là người mới của tỉnh, tất nhiên, Phê-tu đã không biết rằng họ vẫn tổ chức nhiều âm mưu ám sát phục kích và giết Phao-lô dọc đường nếu giải ông về Giê-ru-sa-lem (25:3). Trong sự vô tội của ông trông giống như một cậu bé trong nghi thức lễ tân, Phê-tu nhấn mạnh rằng những người tố cáo Pha-lô phải đi xuống trụ sở tổng trấn để truy tố Phao-lô (5:5).

Vì vậy, cuối cùng một cuộc xét xử khác ở La-Mã đã được tổ chức tại Sê-sa-rê, lần này Phê-tu làm thẩm phán. Không nghi ngờ gì nữa, cuộc xét xử theo lối chung tương tự như lần đầu, và Lu-ca không gặp khó khăn để ghi lại điều đó cách rất đầy đủ như cuộc xét xử đầu tiên. Nhưng một chi tiết quan trọng mới xuất hiện. Giữa nhiều điều nghiêm trọng ngoại trừ những sự cáo buộc chưa được chứng minh đưa ra chống lại Phao-lô (25:7), lần này, ắt hẳn có thêm một hoặc hai điều cáo buộc cụ thể về hành động hoặc lời dạy phản nghịch với Hoàng Đế; Phao-lô đã bác bỏ lời buộc tội ông phản quốc bằng những lời lẽ thật cụ thể: “Tôi chẳng phạm tội gì trái luật Do Thái, hoặc xúc phạm Đền Thờ, hoặc chống nghịch hoàng đế La Mã bao giờ” (25:8).

Chúng ta không biết rõ nên chỉ có thể tưởng tượng những thuật ngữ buộc tội đặc biệt ấy là gì; nhưng rất có thể họ đã theo lối tương tự như những người Do Thái ở Tê-sa-lô-ni-ca đã xúi giục: Rằng trong việc rao giảng Nước Đức Chúa Trời, và Chúa Jêsus là Vua, Phao-lô

đang thật sự ủng hộ một hình thức chủ nghĩa Chúa Cứu Thế chính trị, và dính líu trong việc xúi giục dân sự âm mưu náo động, và cuối cùng lãnh đạo dân chúng nổi dậy chống đế quốc La Mã. Như chúng ta đã thấy ở phần trước, sự buộc tội chỉ có vẻ hợp lý, và có vẻ có giá trị, và có thể dễ gây ấn tượng với tổng trấn La Mã là tất cả những người nhận thức tôn giáo cách dễ dàng giữa những người Do Thái có thể được sử dụng bởi các nhà hoạt động chính trị để xúi giục nổi loạn. Có nhiều cuộc nổi loạn về Đấng Cứu Thế trước đây; biết đâu sẽ xảy ra một lần nữa!

Đồng thời đó là một lời buộc tội rất gây hấn đối một Tổng Trấn La Mã, đặc biệt là người mới lên nhậm chức. Như chúng ta, Phê-tu cũng cảm thấy theo những nhận xét của ông với vua A-c-ríp-ba (25:18-19) và từ lời tuyên bố của ông ngay lúc thẩm vấn (25:25), rằng Phao-lô là người hoàn toàn vô tội về bất kỳ hành vi phản nghịch nào, như ông đã bị những tài liệu cáo buộc đã đưa ra chống lại ông; và điều đó đã đặt ra việc khởi tố không lấy làm sáng tỏ trong sự xét xử của Phê-tu. Mặt khác, việc khởi tố được tạo ra bởi người đứng đầu và các thành viên quý tộc đang lãnh đạo của tòa án pháp luật tối cao của người Do Thái. Một tổng trấn mới không thể đủ khả năng để đưa vào những sổ sách xấu của họ quá sớm trong nhiệm kỳ của ông trong chức vụ. Nếu ông thực hiện, họ có thể gây khó khăn nghiêm trọng cho ông. Nếu họ là những thành viên có trách nhiệm nhất của cộng đồng Do Thái thì để La-mã biết rằng chống lại lời khuyên của họ, Phê-tu đã thả một tù nhân mà họ biết rằng đó là một kẻ kích động chính trị chống lại Hoàng Đế, ông tự thấy chính mình đang ở trong chậu nước rất nóng. Một thầy tế lễ cả đã tổng tiền Pon-xơ Phi-lát theo cách này, để thuyết phục ông đóng đinh Chúa Jê-sus Christ với bản án tốt hơn của ông (Giăng. 19:12). Điều đó có thể được thực hiện lại một lần nữa.

Vì vậy, trước khi đưa ra bản án của mình, Phê-tu quyết định làm vừa lòng người Do Thái. Ông hỏi thăm thử Phao-lô có sẵn sàng lên Giê-ru-sa-lem và chịu xét xử trước mặt ông như những điều đã cáo buộc (25:9). Nhưng ngay lập tức Phao-lô có thể cảm nhận được như thế nào, hoàn toàn ngoài sự mạo hiểm ám sát, đi lên Giê-ru-sa-lem một lần nữa cho việc xét xử có thể tổn thương cả ông lẫn Phúc âm

cách dễ dàng. Nếu việc khởi tố đã làm họ thỏa mãn với những sự cáo buộc không tôn trọng luật pháp của người Do Thái và với sự làm ô uế đền thờ, thì có lẽ Giê-ru-sa-lem, hiện trường các tội phạm bị buộc tội, là nơi thích hợp để tổ chức phiên tòa xét xử. Nhưng bây giờ sự khởi tố đã được bổ sung sự cáo buộc phản nghịch chống lại Hoàng Đế rõ ràng; và không giống như những cáo buộc khác, điều này không chỉ đề cập đến hoạt động của ông ở Giê-ru-sa-lem, mà với những gì ông đã làm khắp Đế chế La Mã. Nó liên quan chỉ những hành động bị cáo buộc đến viếng thăm đền thờ trong lúc làm lễ tẩy uế hoặc đưa dân Ngoại Bang vào trong đền thờ: Điều đó liên quan đến những gì ông đã dạy, thật vậy phần chính của Phúc âm. Ông không giảng chính trị chủ nghĩa Đấng cứu thế; cáo buộc ông làm như vậy bôi bác về lễ thật. Nhưng ông có giảng rằng Chúa Jê-sus là Vua, là Đấng Cứu Thế.

Vì vậy, nơi đề buộc tội phản quốc được nghe đến là một tòa án La Mã được tổ chức dưới thẩm quyền của Hoàng Đế. Phao-lô đã chịu xét xử trước một tòa án như vậy trong các trụ sở của chính quyền tỉnh La Mã rồi. Không có ý nghĩa gì để chuyển những vụ kiện đến Giê-ru-sa-lem.

Phao-lô biết rằng, Phê-tu đã nắm bắt được sự thật rằng ông vô tội trong các cáo buộc liên quan đến luật pháp và luật pháp Do Thái, luật đền thờ của người Do Thái (25:10). Nhưng đưa ông ra xét xử ở Giê-ru-sa-lem với một sự buộc tội phản quốc chống lại Hoàng Đế sẽ gây tổn hại cách nguy hiểm đến trường hợp của Phao-lô. Vì ở đó, Phê-tu sẽ phải chịu áp lực rất lớn từ các thầy tế lễ cả, trưởng tế, và những người Sa-đu-sê quý tộc còn lại. Đó là những người Do Thái, chứ không phải bất cứ quan chức La Mã, lãnh sự, Pháp quan, và chỉ viên quan chỉ huy quân đội nào, hoặc thẩm phán tòa sơ thẩm đó đã trình bày rõ ràng xác đáng sự buộc tội phản quốc này; và họ đã thực hiện điều đó không phải bởi vì họ thực sự tin vào điều đó, cũng không phải bởi vì họ thật sự quan tâm đến các quyền lợi của Hoàng Đế, nhưng bởi vì điều đó có thể là một cách ngăn chặn rất hiệu quả không chỉ Phao-lô mà còn ngăn chặn sứ điệp mà ông đã rao giảng, rằng Chúa Jê-sus thành Na-xa-rét đã sống lại từ cõi chết. Nếu những thành viên Do Thái được đặt ở vị trí cao – đang lãnh những thành viên có trách

nhiệm của tòa án Do Thái tối cao (và không chỉ một đám đông Do Thái nhón nháo, như ở Tê-sa-lô-ni-ca) – đã cáo buộc một Người Do Thái làm chính trị theo chủ nghĩa Đấng Cứu Thế, nghe rất thuyết phục đối với một tổng trấn mới chưa biết về những người mà ông đang giải quyết.

Tuy nhiên, Phao-lô đã có quyền công dân La Mã để khiếu nại đến Hoàng Đế; và nếu ông đã làm như vậy, điều đó ảnh hưởng đến việc đưa vấn đề này ra tòa án địa phương cấp tỉnh. Đó có thể là một việc làm mạo hiểm. Công lý tại tòa án của Nê-rô không phải luôn minh bạch; nhưng ít nhất Nê-rô có thể không bị gây sức ép trong cách tương tự là một thống đốc mới đến tỉnh có thể được ở lại Giê-ru-sa-lem. Phao-lô đã không cố gắng để thoát khỏi án tử hình nếu ông xứng đáng bị tử hình (hoặc nếu Nê-rô đã quyết định Phao-lô đáng bị tử hình, là điều không hoàn toàn giống nhau). Nhưng ông đã từ chối đưa ra tòa án tỉnh La Mã để giao ông vào trong tay những người thành kiến và các áp lực của các thầy tế lễ cả và tầng lớp quý tộc ở Giê-ru-sa-lem, và sau đó trên cơ sở ấy để đưa ra một bản án để kết tội cả Phao-lô và Phúc Âm nhân danh công lý La Mã. Hãy để công lý La Mã là công lý La Mã, chứ không phải người Sa-đu-sê định kiến giả dạng dưới danh nghĩa ấy (25:10-11). Và bên cạnh đó, thậm chí nếu Phao-lô được Phê-tu tha bổng ở Giê-ru-sa-lem, thì vấn đề vẫn chưa kết thúc: Người Do Thái sẽ đem đến những sự buộc tội chống lại ông ở các tỉnh khác, như họ đã từng làm ở Tê-sa-lô-ni-ca và tỉnh Ma-xê-đoan. Nhưng ngược lại, nếu ông nhận được bản án ân huệ ở La Mã, vấn đề đó sẽ đưa ra khắp đế chế.

Vì vậy, Phao-lô đã khiếu nại lên Hoàng Đế; và họ đã chuyển ông đi, làm như vậy sẽ là ứng nghiệm điều mà hai năm trước đó chính Chúa đã báo với ông rằng ông đã làm chứng cho Ngài ở La Mã như thế nào thì cũng làm chứng Ngài ở Giê-ru-sa-lem như thế ấy (23:11). Phê-tu đã tham khảo ý kiến của các nhà cố vấn của ông, và quyết định cho phép khiếu nại (25:12).

PHÊ-TU XIN Ý KIẾN VUA ẠC-RÍP-BA II

Sự khiếu nại của Phao-lô lên Hoàng Đế đặt Phê-tu vào một tình thế khó xử. Thực ra, ông đã thấy qua trường hợp truy tố, và đã nhận

ra rằng ít nhất là ở phía dưới có liên quan, và động cơ thúc đẩy bởi, cuộc tranh cãi về tôn giáo và niềm tin của người Do Thái (25:18-19). Buộc tội phản quốc thì không có thật. Nhưng sự nhận biết rõ điều đó đã đặt ông vào tình thế khó xử. Cuối cùng Phao-lô được đưa đến xét xử tại La Mã, Phê-tu phải viết một báo cáo về trường hợp của ông cho Nê-rô. Và ông đã viết gì trong đó? (25:26-27 25) trường hợp hoàng đế muốn xét xử là gì?

May mắn cho Phê-tu, khoảng thời gian đó vua A-c-ríp-ba II và vợ ông Bê-rê-nít đến Sê-sa-rê trên một chuyến thăm lịch sự, và Phê-tu đã có thể xin ý kiến vua A-c-ríp-ba về vấn đề này. Nhưng thực tế đây là tình thế khó đối với Phê-tu, và rằng Lu-ca đã thấy phù hợp để ghi nhận lại cách chi tiết lời công bố của Phê-tu với vua A-c-ríp-ba (25:13-22), đối với chúng ta rất có ý nghĩa. Nếu Phê-tu có chút nghi ngờ rằng có thể Phao-lô liên quan đến việc dạy chính trị lật đổ, thì chắc hẳn ông đã không lo ngại bất cứ điều gì về những gì đưa vào bảng báo cáo của ông gửi cho Nê-rô. Không đề cập đến sự nghi ngờ, trong chiều hướng đó có thể đã được giải thích ở La Mã là sự bất cần phản nghịch hay thậm chí đồng lõa. Nhưng nếu ông viết rằng người đàn ông này theo ý tôi không có tội phản quốc, thì tại sao ông đã đưa Phao-lô đến La Mã? Ông không thể kêu gọi Nê-rô giải quyết tranh chấp thần học giữa người Do Thái, phải không? Bây giờ, vua A-c-ríp-ba II nổi tiếng là một chuyên gia trong tất cả các vấn đề liên quan đến tôn giáo và các phong tục Do Thái (26:3); và khi Phê-tu trình bày tình huống đó ra trước mặt ông, ông tỏ ý muốn nghe chính Phao-lô (25:22). Và do đó, một buổi nghe nơi công cộng được ban bố sắp xếp cho ngày hôm sau.

THẨM TRA TRƯỚC VUA A-C-RÍP-BA II VÀ BÊ-RÊ-NÍT

Sự hướng dẫn tòa án chính thức của Phê-tu tạo ra một số điểm quan trọng:

1. Trường hợp này cho đến nay. Phần lớn, cộng đồng người Do Thái chính thức yêu cầu tử hình Phao-lô (25:24) dựa vào một số cáo buộc.
2. Sự phát hiện của Phê-tu cho đến nay. Không thể tiến hành đưa

ra bản án chính thức tại phiên tòa xét xử (vì Phao-lô đã dừng lại các thủ tục tố tụng bằng cách khiếu nại lên Hoàng Đế), bây giờ, Phê-tu công khai tuyên bố rằng riêng ông nhận thấy tất cả những sự cáo buộc không được chứng minh: Phao-lô không làm điều gì đáng xử tử cả (25:25).

3. Khiếu nại lên Hoàng Đế. Phao-lô đã thực hiện quyền của mình để khiếu nại lên Hoàng Đế, và Phê-tu đã cho phép hiểu nại (25:25).
4. Bản chất của quá trình tố tụng hiện tại. Không tiếp tục xét xử: Đã đưa đến một kết thúc bằng lời khiếu nại của Phao-lô. Đó không phải là một cuộc xét xử mới: Mà ấy là nó diễn ra trước mặt Hoàng Đế. Đó là một cuộc điều tra (25:26). Cuộc điều tra đó không thể công bố lên một bản án chính thức: Nó phải được để lại cho Hoàng Đế.
5. Mục đích của cuộc điều tra. Trong việc cho phép Phao-lô khiếu nại Hoàng Đế, Phê-tu đã tự đưa mình vào nghĩa vụ hướng dẫn Hoàng Đế giống như với trường hợp Hoàng Đế được yêu cầu xét xử. Cuộc điều tra đã được tổ chức để khám phá từ Phao-lô những gì ông đã thật sự tin, dạy, giảng và làm theo, để thông tin đó được gửi đến Hoàng Đế, Hoàng Đế có thể quyết định xem liệu điều đó có thành một phần hay toàn bộ mối đe dọa cho đất nước, hay phản quốc chống lại ông.

Quan trọng là tất cả những người có mặt đều hiểu cách chính xác mục đích của cuộc điều tra là gì, vì vậy, đó là hai mặt cho Phao-lô. Ông không còn đối phó với những sự cáo buộc bịa đặt làm ô uế đền thờ nữa; ông không còn tranh luận cho sự tự do cho lương tâm cá nhân bên trong đạo Do Thái nữa như ông đã làm trong cuộc điều tra trước Hội Đồng Tôn Giáo; ông không còn tranh luận, như ông đã tranh luận trong cuộc xét xử trước mặt Phê-lít nữa, rằng đặc biệt ông đã không phá bỏ luật pháp cả hai trong đền thờ hoặc của đất nước, và rằng những niềm tin căn bản của Cơ Đốc Giáo đã bắt buộc mọi cá nhân người Cơ Đốc phải tuân theo luật pháp. Bây giờ, ông không làm gì khác hơn để bày tỏ tấm lòng và tầm quan trọng của Phúc Âm Cơ Đốc và bày tỏ rằng, chính Phúc âm không phải là một hình thức

phản quốc chống lại Hoàng Đế hoặc chính phủ. Và khi ông đã trình bày phúc âm trước tòa án này, ông đã nhận thức rằng ông đã không chỉ nói cho vua A-c-ríp-ba và Tổng Trấn Phê-lít về những gì Cơ Đốc Nhân thực sự ủng hộ, đó là điều vô cùng quan trọng. Ông đang nhận ra ý nghĩa nói thẳng với Hoàng Đế; vì những gì bây giờ ông nói sẽ hình thành cơ sở của lá thư Phê-tu gửi cho Hoàng Đế. Bây giờ, qua Phao-lô sứ điệp phúc âm được công bố vì lợi ích của Hoàng Đế và của thế giới.

Sự bảo vệ phúc âm của Phao-lô.

Đó là sự khôn ngoan của Phao-lô và bắt đầu bảo vệ Phúc âm bằng cách khen ngợi Vua A-c-ríp-ba, người có địa vị cao nhất trong tòa án, việc ông yêu cầu nghe Phao-lô nói đã được sắp xếp (25:22). Nhưng những lời khen của Phao-lô (26:2-3) cũng rất chân thành, và vì hai lý do. Thứ nhất, sự cáo buộc phúc âm Phao-lô đã giảng phản nghịch chống lại ông không phải bởi những người La Mã nhưng bởi những người Do Thái. Thứ hai, ông sẽ tranh luận rằng phúc âm mà ông đã rao giảng, điều mà Hoàng Đế phải xét xử, là sự thật không có gì khác hơn niềm hy vọng truyền thống của dân Y-sơ-ra-ên; tất nhiên được hiểu, và được giải thích như ông và các Cơ Đốc Nhân khác đã hiểu và đã giải thích, tuy nhiên về cơ bản và bản chất đó là niềm hy vọng của dân Y-sơ-ra-ên. Vì vậy, đó là một sự an ủi và khích lệ Phao-lô để có thể trình sự hiểu biết của Cơ Đốc Giáo về niềm hy vọng đối với một chuyên gia lỗi lạc về các truyền thống và sự công bằng của người Do Thái (26:3), tuy nhiên người không biểu lộ thành kiến bởi quan điểm thiểu số và các quyền lợi được trao cho của người Sa-đu-sê đang cai trị tại Giê-ru-sa-lem.

Phù hợp với ý định của ông để đại diện như người duy trì truyền thống và niềm hy vọng của dân Y-sơ-ra-ên, Phao-lô bắt đầu làm chứng lại tiêu sử đời sống thuộc linh của ông. Thông tin của ông thì hoàn hảo. Ông được sinh ra, được nuôi dưỡng, và lớn lên giữa dân tộc mình, cả ở Tạt-sơ và Giê-ru-sa-lem, từ hồi còn thanh niên ông là một thành viên khắt khe nhất của các phe phái tôn giáo lớn, cụ thể là người Pha-ri-si (26:4-5). Đó là sự hiểu biết chung giữa những người Do Thái. Cho đến nay không ai từng nghĩ rằng giáo lý người Pha-ri-si

là phản nghịch!

Khi còn trẻ, ông đã nuôi hy vọng truyền thống của dân tộc giống như ông đã học được điều đó từ những người Pha-ri-si; tuy nhiên, vì ông vẫn cứ cương quyết tán thành và ban bỏ niềm hy vọng đó, nên người Do Thái đã đưa ông ra xét xử:

“Bây giờ, chính vì niềm hy vọng nơi lời hứa của Đức Chúa Trời với tổ tiên tôi mà hôm nay tôi phải bị xét xử. Lời hứa ấy cả mười hai chi tộc chúng tôi đều hy vọng được hưởng trong khi sốt sáng thờ phượng Đức Chúa Trời ngày đêm. Muôn tâu, chính vì niềm hy vọng ấy mà tôi đang bị người Do Thái tố cáo” (26:6-7).

Vậy niềm hy vọng đó là gì? Không thể phủ nhận đó là niềm hy vọng Đấng Cứu Thế của dân Y-sơ-ra-ên. Không ai biết về các tiên tri Cựu Ước, hoặc người Do Thái đương thời đã suy nghĩ và những khát vọng của Y-sơ-ra-ên, đã từ chối điều đó. Những vùng miền khác nhau trong dân Y-sơ-ra-ên có thể giải thích điều đó cách khác nhau; nhưng không thể phủ nhận cách cơ bản niềm hy vọng là Đấng Cứu Thế (Đấng Mê-si-a) sẽ đến, để thiết lập thời đại cứu chuộc, cái ác sẽ bị dập tắt, ảnh hưởng và các hoạt động của Sa-tan bị loại trừ, công lý cả vụ trụ sẽ được bình an, và cả vũ trụ hưởng hòa bình. Đây không chỉ là điều mĩa mai nhưng còn là bi kịch khi những người Do Thái đã tố cáo Phao-lô đến Hoàng Đế La Mã, khi Phao-lô đang nắm giữ và thi hành niềm hy vọng của dân Y-sơ-ra-ên. Đây là niềm hy vọng đã phân biệt nước Y-dân sơ-ra-ên với tất cả các nước và các tôn giáo khác. Các dân tộc và các tôn giáo khác đã có bộ luật đạo lý và triết lý đạo đức. Chỉ có dân Y-sơ-ra-ên mới có sứ điệp hy vọng này. Đó là niềm hy vọng mà tất cả thế giới khao khát cách không ý thức. Nếu hiện tại dân Y-sơ-ra-ên phủ nhận niềm hy vọng đó thì đó là bi kịch.

Cơ Đốc giáo thật vẫn giữ chặt niềm hy vọng đó, vì lý do đơn giản là chúng ta phải nghe Phao-lô công bố, niềm hy vọng đó là trung tâm của Phúc Âm Cơ Đốc. Chúng ta không hiểu hết phần chính phúc âm và linh hồn nếu chúng ta đại diện cho một Cơ Đốc Giáo đơn giản chỉ là một bộ luật đạo đức, được đề cao bởi một vài nghi lễ tôn giáo, dạy người ta cư xử tử tế cách đúng đắn như theo quan điểm của họ về một thực tế đó là một ngày kia bóng tối bên kia sự chết sẽ có thể là một sự phán xét. Cơ Đốc Giáo thật vẫn nắm giữ và rao giảng niềm hy vọng

lâu dài về sự tái lâm của Đấng Cứu Thế của Đức Chúa Trời, lúc bấy giờ, thân thể đã sống lại từ cõi chết, tội ác bị đánh đổ, phán xét và cai trị thế giới trong sự công bình, thiết lập triều đại công chính và bình an trong cả vũ trụ của Ngài.

Đương nhiên, chúng ta có thể hiểu tại sao một số người đương thời của Phao-lô trong Do Thái Giáo muốn hạ thấp niềm hy vọng của dân Y-sơ-ra-ên, hoặc phủ nhận. Có một sự dai dẳng và xu hướng có thể dẫn đến thất bại ở một số nơi để giải thích niềm hy vọng trong các thuật ngữ chính trị, họ nghĩ Đấng Mê-si-a là một nhà lãnh đạo quân sự hùng mạnh theo lối người Ma-ca-bê, là người đã trang bị và lãnh đạo dân Y-sơ-ra-ên trong cuộc chiến đập tan sự kìm kẹp của quân La-Mã trên đất nước và đánh đuổi người theo chủ nghĩa đế quốc. Nhưng đó là sự lãng nhệch bôi bác các Cơ Đốc Nhân với đám người này. Giáo lý chính của họ nói rằng Cựu Ước đã rao giảng một Đấng Mê-si-a mà chính sách đó có chủ ý sẽ phải chịu khổ không kháng cự và chết dưới tay của cả hai người La-Mã và dân tộc của Ngài; Đấng khi trở lại để thiết lập sự cai trị Đấng Cứu thế của Ngài sẽ không phải cạnh tranh như một quân đội hoặc quyền lực chính trị khác, nhưng sẽ đến trong sự vinh hiển của Đức Chúa Trời với các thiên binh để thiết lập chính phủ toàn cầu của Đức Chúa Trời.

Các thầy tế lễ Sa-đu-sê có lý do đặc biệt của họ, chúng ta đã biết, để từ chối ngay cả (Cơ Đốc Nhân) giải thích về niềm hy vọng của Y-sơ-ra-ên này, vì muốn Phao-lô bị hành hình và Phúc âm Cơ Đốc bị đàn áp. Trước tiên, có một sự xem xét cơ bản mà những người tiền nhiệm trong chức vụ của họ đã từ hình Chúa Jê-sus, Đấng mà Phao-lô đã tuyên bố là Đấng Mê-si-a. Nhưng thứ hai, họ đã hiểu ra những người La-Mã. Họ là những tầng lớp cai trị trong dân Y-sơ-ra-ên và đã thực hiện tất cả các quyền lực chính trị mà dân Y-sơ-ra-ên đã được phép thực hiện. Họ nắm giữ chức thầy tế lễ cả và các trưởng tế; và họ đã nhận được nhiều của cải to lớn từ các khoản thu của đền thờ và từ dân Do Thái khắp thế giới.

Họ không có ý định từ bỏ mà không đấu tranh về việc cho phép Phao-lô rao giảng một Phúc âm mà đó cuối cùng sẽ làm giảm bớt đi uy quyền của họ. Họ rất vui với những thứ mà họ đang có. Chẳng ai

muốn có một vương quốc Chúa Cứu Thế!

Nhưng trong vòng vài năm đền thờ của họ đã biến mất, và cùng với cơ sở chính trị tôn giáo; họ dần dần chìm vào trong sự quên lãng. Họ có rất ít hoặc không có gì để tiếp tục cung cấp cho Do Thái giáo; và không có gì cung cấp cho thế giới rộng lớn. Mãi đến nay, điều duy nhất mà dân Y-sơ-ra-ên đã phải cung cấp cho thế giới không phải là đạo đức, sự lộng lẫy, chính trị, ngoại trừ niềm hy vọng Chúa Cứu Thế.

Nhưng bây giờ, một cách công khai và rõ ràng, Phao-lô đưa ra câu hỏi với A-c-ríp-ba về sự phục sinh của Chúa Jê-sus. Đó không chỉ là điều cốt yếu và phần chính của việc giải thích của Cơ Đốc Nhân về niềm hy vọng Chúa Cứu Thế của dân Y-sơ-ra-ên; đó là yếu tố trong đó đã chỉ cho thấy vượt trên mọi nghi ngờ rằng Phúc Âm Cơ Đốc không phải là một sứ điệp chính trị và cũng không phản nghịch với Hoàng Đế La-mã.

Tuy nhiên, Phao-lô đã nhận ra cách rõ ràng, dù phản ứng theo bản năng mà sự đề cập về sự phục sinh của Chúa Giê-su sẽ khiêu khích trong tâm trí của vua A-c-ríp-ba: Tính hoài nghi. Và luôn luôn như vậy, vì vậy: người của thế giới cổ xưa không dễ tin vào sự phục sinh của Chúa Jê-sus hơn những người ở thế giới hiện đại. Nhưng phản ứng bản năng về sự nghi ngờ cần phải được đối mặt vì đó là gì: Đơn giản là một phản ứng theo bản năng. Thời mà khi phần lớn mọi người nghĩ trái đất phẳng. Và trong những ngày đó khi ý tưởng tiến bộ nói rằng trái đất hình tròn quay quanh mặt trời, người ta (và người suy nghĩ kỹ lưỡng vào điều đó) từ chối theo bản năng. Họ nói, ngụ ý rằng ở phía bên kia của thế giới sẽ có những người đi bộ ngược lại, chân họ có thể nói là đi ngược lại với chúng ta trên mặt đất và đầu họ quay xuống với không gian. Bản năng đã chế giễu ý tưởng. Nhưng cuối cùng sự thật vượt trội hơn các bản năng.

“Tại sao trong quý vị có người cho rằng việc Đức Chúa Trời khiến người chết sống lại là điều không thể nào tin được? “(26:8)? Ông đã cố ý sử dụng ở số nhiều “những người chết.” Những người Pha-ri-si đang lãnh đạo đảng tôn giáo trong nước, đã tin rằng, sẽ có một sự sống lại của người công chính. Đương nhiên, họ tin rằng,

Đấng Mê-si-a sẽ trở lại. Kinh Thánh đã nói về điều đó. Nhưng họ đã thấy cách rõ ràng rằng trừ khi có một sự phục sinh, mọi thể hệ tin kính Chúa, ngoại trừ người cuối cùng bị buộc bỏ lỡ tham gia trong niềm vui và phước hạnh của thời đại đó, mặc dầu thực tế họ đã chờ đợi, hy vọng, mong mỏi, và cầu nguyện cho Đấng Mê-si-a mau đến; và nhiều người trong số họ đã hy sinh giữ lòng trung tín với Đức Chúa Trời trong thời gian bị bách hại. Niềm hy vọng đó là gì? Nhưng sau đó Thánh Kinh Cựu Ước dạy cách rõ ràng rằng thời đại Chúa Cứu Thế sẽ đến trước và bắt đầu bởi sự sống lại của kẻ chết (ví dụ như Đa-ni-ên 12:2).

Nhưng nếu như vậy, làm thế nào người ta có thể nghĩ là không tin nữa, ít nhất là bởi những người đã chấp nhận Kinh Thánh (26:27), rằng Đức Chúa Trời đã khiến Chúa Cứu Thế sống lại từ cõi chết? Hoặc quả thật Ngài đã sống lại, Ngài là trái đầu mùa, là khuôn mẫu đầu tiên, do đó, để nói chuyện, để đưa ra sự vững chắc và bảo đảm cho niềm hy vọng về sự phục sinh vinh hiển sẽ đến cho tất cả những người được cứu chuộc (26:23)?

Vâng, đầu tiên dù Chúa Cứu Thế phải chết, và thực tế Ngài đã chết. Có phải các nhà tiên tri nói tiên tri về kế hoạch của Đấng Cứu Thế không? Vâng, chính xác, họ đã nói. Đó là sự tuyên bố Cơ Đốc Giáo, như Phao-lô đã tranh luận lúc bấy giờ (26:22-23). Nó đã mở ra cho vua A-c-ríp ba cuộc điều tra về Đấng ấy.

Nhưng trước tiên, Phao-lô đã không tranh luận điều ấy. Điều đang làm là gì, nếu ông không thể cung cấp cho vua A-c-ríp-ba bằng chứng về Chúa Jê-sus đã thực sự đã sống lại từ cõi chết? Sau đó, bằng chứng ông trích dẫn là gì?

Ông đã quyết định kể cho vua A-c-ríp-ba câu chuyện trở lại tin nhận Chúa của ông, giống như ông đã nói với đám đông điên cuồng đứng dưới lâu đài ở Giê-ru-sa-lem hai năm trước (22:2-21). Bây giờ, bầu không khí và khán thính giả khác như thế nào. Cần nhấn mạnh ở những phần khác nhau và cách trình bày cũng hơi khác. Nhưng cùng một câu chuyện. Sự trở lại tin nhận Chúa của Phao-lô qua sự gặp gỡ trực tiếp của ông với Chúa Phục Sinh trên đường đến Đa-mách vẫn là một phần mạnh mẽ về các bằng chứng lịch sử cho sự phục sinh của

Chúa Cứu Thế (I Cô-rinh-tô 15:4-11). Nhưng bản chất của mẫu bằng chứng đặc biệt này có sự liên quan gấp đôi đến việc nghe trước mặt vua A-c-ríp-ba. Đang bị đe dọa và dưới câu hỏi là đặc tính của Phúc Âm Cơ Đốc. Có phải điều đó phản nghịch hay không nghịch với Hoàng Đế? Và sau đó, phương cách vượt xa hơn điều đó, có phải đó là một phúc âm hợp lý, đưa ra một hy vọng đáng tin cậy cho thế giới không? Trong bối cảnh đó, đặc tính về niềm hy vọng trong Chúa Cứu Thế của Cơ Đốc Nhân, được làm trọng tâm dựa trên cơ sở phục sinh của Chúa Jê-sus, có thể được phán xét và đánh giá cách công bằng bởi kết quả của điều đó trên Phao-lô, sự thay đổi đã làm cho quan điểm, cách cư xử của ông, và sự ảnh hưởng có khả năng tác động trên những kẻ tin vào sự rao giảng của ông khắp Đế chế La Mã.

“Trên thực tế,” nhìn thẳng vào Vua A-c-ríp-ba, Phao-lô nói “Chính tôi đã từng nghĩ rằng phải tìm đủ cách chống lại Danh Giê-su ở Na-xa-rét.” (26:9).

Nói thẳng với đám đông ở Giê-ru-sa-lem, đang sôi sục với sự nhiệt huyết tưởng tượng của họ (mặc dù đầy sát khí) dành cho Chúa, Phao-lô đã cho họ biết rằng ông hiểu rất chính xác cảm xúc của họ: Có lần ông cũng đã từng hành động đầy nhiệt huyết bảo vệ danh Chúa và sự thiêng liêng của đền thờ theo cách tương tự như vậy. Thật vậy, ông còn vượt xa hơn cả họ về điều này: Ông có cả hệ thống bắt bớ các Cơ Đốc Nhân. Bây giờ ông đang nói thẳng với bậc quyền quý, tinh vi, kinh nghiệm, không thiên vị, thấu suốt, hợp lý, vị vua có trách nhiệm. Ông hiểu cách chính xác suy nghĩ ngờ vực mà hiện tại vua A-c-ríp-ba đang cảm thấy khi đề cập đến sự phục sinh của Chúa Giê-su; và ông muốn vua biết rằng ông cũng đã kinh nghiệm sự ngờ vực rất tương tự như vua- và một liều kinh nghiệm còn mạnh hơn so với vua A-c-ríp-ba đang kinh nghiệm.

Ông đã bắt bớ các Cơ Đốc Nhân với một sự kiên trì nhẫn tâm và rùng mình, không phải bởi vì ông đã không nghe câu chuyện họ kể về Chúa Jê-sus đã sống lại từ cõi chết, nhưng bởi vì ông đã nghe. Ông đã nắm lấy câu chuyện của họ không chỉ không thể về mặt thể chất, nhưng, trong ánh sáng của những gì Chúa Jê-sus đã làm và đã tuyên bố trước sự chết của Ngài, về mặt đạo đức và thuộc linh cũng không

thể tin được. Thực tế rằng các Cơ Đốc Nhân nhân là thánh trong phẩm chất và cách cư xử của họ (26:10) họ không ngăn chặn hình phạt của ông trên họ. Câu chuyện về sự phục sinh của Chúa Jêsus mà họ đã rao giảng còn tệ hơn không thể tin được: Đó là một tôn giáo, thần học, và lời nói dối tác hại đến chính trị, mang các hàm ý phạm thượng đối với đặc tính và tính chất của một Đức Chúa Trời chân thật. Ông đã cố gắng buộc tội họ phạm đến danh của Chúa Giê-su để cứu các linh hồn của họ khỏi phạm thượng của việc tin và rao giảng về sự sống lại của Ngài (26:11).

Bạn nói thật điên rồ. Vâng, thật điên rồ; Phao-lô đã thừa nhận điều đó. 16 Nhưng đó là một sự điên rồ, hãy để vua A-c-ríp-ba và tòa án được nhắc nhở về điều đó – rằng các thầy tế lễ cả và các trưởng tế đã chấp thuận, và được ban cho uy quyền, như là người khôn ngoan, sắc bén, có chính sách thực tế để duy trì trật tự tốt trong nhà nước và phẩm cách của tôn giáo chính thống và uy quyền thuộc linh của Hội Đồng Tôn Giáo (26:10).

Điều gì đã thay đổi Phao-lô sau đó? Ông đã gặp được Chúa Jêsus phục sinh, hay đúng hơn, Chúa Jêsus phục sinh đã đến trong người và Ngài ở trước mặt ông. Đó không phải là một lập luận, hay hàng loạt sự tranh luận, điều xảy ra đó đã làm cho ông cải đạo, quay trở về với Ngài, đó là sự thật, hay đúng sự thật chính Ngài là Đấng tối cao, đá vào gươm nhọn thì phải chịu đau đớn (26:14).

Trong tất cả sự mô tả về kinh nghiệm của ông, và tất cả những điều ở trên, tràn đầy sự ấn tượng chiếu sáng trên ông; sáng trong mọi ý nghĩa về mặt thuật ngữ: Mặc dù thể chất siêu nhiên, tuy nhiên phép ẩn dụ, đạo đức, trí tuệ, tình cảm và thuộc linh.

Sự cuồng nhiệt đã qua đi mãi mãi. Từ giây phút ấy trở đi mặc dù chính ông chịu khổ, chịu bắt bớ rất nghiêm trọng mà ngoại trừ sự giải cứu thiêng thượng đã hứa (26:17) nó sẽ có thời gian dài phá hủy ông - ông không bao giờ bắt bớ bất cứ ai nữa, và cũng không trả đũa khi mình bị bắt bớ.

Đồng thời, sứ mạng của ông từ trưởng tế đã được thay thế bởi một sứ mạng hoàn toàn khác từ Cứu Chúa Phục Sinh không chỉ soi sáng tâm trí của ông, nhưng khả tượng của ông được mở rộng cách

đáng kể: Trong nơi ám ảnh của ông, hạn hẹp liên quan đối các quyền lợi và đặc quyền của dân Y-sơ-ra-ên, điều đó đã cho ông một tình yêu thương, một sứ điệp lớn cho dân Y-sơ-ra-ên và toàn bộ người Ngoại Bang trên thế giới (26:17).

Đây chính là sứ điệp và mục tiêu (26:18) để vua A-c-ríp-ba xét xử xem có điều nào phản nghịch:

1. “để mở mắt họ, diu dắt họ từ tối tăm quay về ánh sáng, đáp ứng một nhu cầu được công nhận toàn vũ trụ. Chúng ta cầu khẩn để sự sáng chiếu rọi trong các nan đề tâm lý và xã hội; các câu hỏi đạo đức và thuộc linh của chúng ta; trong cuộc sống của chính mình trong thực tế, cho dù nó có bất kỳ ý nghĩa tối thượng nào; trên thế giới của chúng ta, cho dù công lý và sự công bằng là ít ảo tưởng hơn đối với người trưởng thành, dù sự tiến bộ cuối cùng sẽ nhạo báng chúng ta, và cho dù thái độ hợp lý duy nhất là chủ nghĩa bi quan hợp lý trong ánh sáng của sự thật mà một ngày kia thế giới của chúng ta sẽ bị phá hủy.
2. “Để xoay từ quyền lực của Sa-tan trở lại với Đức Chúa Trời.” Rõ ràng nan đề tội ác còn hơn cả nan đề cá nhân. Cũng không phải chỉ đơn giản những gì nổi lên khi nhiều người đến với nhau trong các hiệp hội, các nhóm, hay các nước. Không ai trong chúng ta đã phát minh ra bản sinh của chúng ta có khuynh hướng làm điều sai trật. Có điều quyền lực thâm độc của con người tại nơi làm việc trong thế giới của chúng ta. Điều đó không phải để bào chữa cho tội lỗi của con người, hoặc từ chối trách nhiệm của con người. Nhưng đó sẽ nhấn tâm và lộ bịch, chuẩn đoán căn bệnh có kích thước cho mọi người nam người nữ bởi toàn bộ trách nhiệm vì sự mù quáng làm mê đắm và tính ngoan cố đó lấp đầy trong thế giới của chúng ta với sự bất công, tàn ác và ngấm điều đó với máu và nước mắt. Nhưng nếu Sa-tan tồn tại và đang hoạt động tích cực, Đức Chúa Trời vẫn có quyền năng để cứu họ ra khỏi Sa-tan, và để thực hiện sự giải cứu mà con người bất lực để đạt được bằng nỗ lực riêng của họ.
3. “Và nhờ tin Ta họ được tha tội”. Tội lỗi thật, tội lỗi không phải

là sự sai trật về mặt tâm lý, nó vẫn bắt nguồn từ gốc rễ của của con người không yên; và trừ khi họ tìm thấy được sự tha thứ thật, đã được vinh dự mua chuộc bởi sự hy sinh của Chúa Cứu Thế, tội lỗi phá hủy sự bình an, gặm mòn tất cả các giá trị khác, và ám ảnh tương lai. Chúng ta cần sự tha thứ nhiều hơn chúng ta cần lương thực hàng ngày.

4. “Và hưởng phần cơ nghiệp với các thánh đồ những người đã hy sinh đức tin trong [Chúa Cứu Thế].” Cuối cùng, điều duy nhất đạt được thật sự thỏa mãn trong cuộc sống, cơ nghiệp đời đời, được chia sẻ bởi sự thánh khiết thật, việc sở hữu và vui mừng trong cuộc sống đó ngay hiện tại, và sẽ kéo dài mãi mãi là gì? Có thể qua đức tin trong Chúa Cứu Thế. “Muôn tâu, vì thế, tôi không dám bắt phục khải tượng từ trời.” (26:19). Phao-lô đã không tung hô đạo đức của mình; ông đang giải thích cách cư xử, động lực thúc đẩy lèo lái ông trong các cuộc hành trình rao giảng lâu dài, và uy quyền đó nằm đằng sau lời mời tất cả mọi người ở khắp mọi nơi hãy ăn năn, quay về với Đức Chúa Trời, và chứng minh sự ăn năn của họ bằng những hành động (26:20). Ngay cả Nê-rô xem việc rao giảng đó là một sự điệp phản nghịch như thế nào? Tuy nhiên, khi điều đó xảy ra, Phao-lô nói, vì lý do đó, người Do Thái đã bắt tôi trong Đền Thờ và toan giết tôi. (26:21). Chỉ có chính Đức Chúa Trời bảo vệ và duy trì ông làm một chứng nhân cho Phúc âm của Chúa Cứu Thế (26:22).

Cuối cùng, điều không chính thống, do đó vốn phỉ báng về sự điệp mà ông đã rao giảng, để rút ra những sự thù địch giết người của người Do Thái chống lại ông là gì? Đó không phải là một sự điệp mà ông đã bịa đặt ra theo suy nghĩ của ông, hoặc thậm chí nằm mơ thấy trong khải tượng. Ông đang nói chẳng có gì, ngoại trừ những nhà Tiên-tri và Môi-se - tất cả trong số họ đều là chính thống đã nói là đã được trừ định từ trước để xảy đến: “Tức là Chúa Cứu Thế sẽ phải chịu thương khó nhưng sẽ sống lại đầu tiên trong số những người đã chết, rồi công bố ánh sáng cho dân Ngài và các dân tộc ngoại quốc.” (26:22-23; Ê-sai 53 và 61). 17

Sự ngắt lời của Phê-tu

Ngay ở điểm trong các quá trình này Phê-tu đã công bố bằng một giọng nói lớn khắp tòa án rằng: “Người điên rồ, Phao-lô ơi! Người học quá nhiều đến nỗi quẫn trí!” (26:24).

Lạ thay! Bạn có thể thưởng thức các chương trình giác đấu ở La-mã, giống như những người giàu có và quý tộc đã làm, cũng như đám đông, và xem sự vui chơi giải trí trong khi những người đàn ông này cỡi ngựa đánh nhau đến chết thì không bị buộc tội là có hành động điên rồ. Gần đây, có thể bạn rất say mê theo đuổi thuyết cộng sản giống như cách cố tình để loại trừ hàng triệu người - và vẫn không được gọi là điên. Nhưng bắt đầu một chiến dịch mạnh mẽ để làm sạch đạo đức Đế chế La Mã, kêu gọi con người hãy ăn năn và tìm kiếm Đức Chúa Trời hằng sống, rao giảng sứ điệp của sự tha thứ, bình an, và niềm hy vọng thì lại bị Phê-tu, và có lẽ còn nhiều người nữa cho là điên rồ. Rõ ràng, điên rồ là một bệnh dịch phân biệt.

Nhưng sau đó Phê-tu đã không chứng kiến sự biến đổi quẫn trí tinh thần-trung dung ở Phi-líp trong một con người tự chủ. Và ông đã không biết rằng có một câu từ bức thư gần đây của Phao-lô gửi cho các Cơ Đốc Nhân ở La Mã (chứ chưa nói đến toàn bộ thư đó) - “Vì vậy, đã được xưng công chính bởi đức tin, chúng ta được bình an với Đức Chúa Trời qua Chúa Cứu Thế Jê-sus, Chúa chúng ta.” (Rô-ma 5:1) là để đem lại sự bình an trong tâm trí, tự do tâm linh, tinh thần và thuộc linh ổn định cho hàng triệu người không đếm xuể trong suốt các thế kỷ tiếp theo đến thời điểm hiện tại. Và một lần nữa, ông đã không biết gì về những nhà tiên-tri người Hê-bơ-rơ, và sự nói thẳng của Phao-lô đã đưa ông ta hoàn toàn ra khỏi chỗ sâu sắc của ông. Lời buộc tội điên rồ của ông ta nổi lên trong sự thông biết lỗi lạc của ông.

Nhưng vua A-c-ríp-ba đã biết về các tiên-tri (26:27), vì vậy Phao-lô cảm thấy chắc chắn, tất cả những gì xảy đến về Chúa Jê-sus, sự đóng đinh của Ngài, và Cơ Đốc Nhân công bố rằng Ngài đã sống lại từ cõi chết. Những điều này đã không được thực hiện trong góc phố (26:26).

Câu hỏi đặt ra là, bây giờ Phao-lô hầu như quên rằng ông là chủ đề của một cuộc điều tra: Tinh thần truyền giáo trong ông đã khiến

ông lưu ý đến nét mặt của nhà vua. Đây là một người cần tìm thấy sự bình an trong Đức Chúa Trời qua đức tin trong Chúa Cứu Thế. Ông biết những gì mà các tiên tri đã nói; ông là một chuyên gia trong đức tin truyền thống của dân Y-sơ-ra-ên của. Ông có thể thấy cách thức Chúa Jêsus đã làm ứng nghiệm những lời tiên tri.

Câu hỏi đặt ra là: Ông ta có tin các lời tiên-tri đó không?

Phao-lô nói “Muôn tâu bệ hạ” đưa lời phê bình ngớ ngẩn Phê-tu sang một bên và tập trung chú ý vào nhà vua và nhu cầu của ông ta chứ không để ông thỏa mãn với tính chuyên nghiệp của mình, nhưng lại có những hiểu biết không chuyên về những sự công bằng của người Do Thái, rồi Phao-lô đưa ra những lời tiên tri nghiêm túc đùng đùng đến cá nhân của ông. Phao-lô nói “Muôn tâu, bệ hạ có tin các tiên tri của Chúa không? Tôi biết bệ hạ tin!” (26:27).

Nhà vua đã nhận thức được mục đích của Phao-lô. Nhưng đây là một tòa án công cộng; và ông đã chuyển sang xoáy mạnh vào câu hỏi của Phao-lô cách bất thường, nhưng tử tế, “Chỉ trong thời gian ngắn ngủi mà người tưởng có thể làm cho ta thành môn đồ Chúa Cứu Thế sao?” (26:28).

Phao-lô đáp, “Dù thời gian dài hay ngắn, tôi cầu xin Đức Chúa Trời cho bệ hạ và tất cả quý vị đang nghe tôi nói hôm nay đều trở thành như tôi, ngoại trừ xiềng xích này!” (26:29).

Những nhà truyền giáo vĩ đại nhất của Châu Âu và Thế Giới, và đại sứ của Đức Chúa Trời, đã nói ra điều mà lòng họ khao khát, trong danh Chúa Jêsus Christ, Đấng Cứu Rỗi con người của Đức Chúa Trời, cho vua A-c-ríp-ba, cho Bê-ê-nít, cho Phê-tu, Nê-rô, cho cả thế giới đều nghe. Và tòa án rơi vào im lặng.

Sau đó, họ đứng dậy mạnh mẽ và Phê-tu hướng dẫn họ ra khỏi tòa án.

Kết luận

Cả ba đều kết luận rõ ràng rằng Người này chẳng làm điều gì đáng xử tử hoặc bỏ tù cả! (26:31). Hơn nữa, vua A-c-ríp-ba bảo Phê-tu: “Nếu đương sự không khiếu nại lên Hoàng Đế thì có thể phóng thích (26:32).

PHẦN SÁU: CHUYỂN ĐỘNG 5

Cơn Bão Thiên Nhiên và Quyền Cai Trị Nhà Vua của Đức Chúa Trời (27:1-28:31)

CƠN BÃO THIÊN NHIÊN

Bây giờ là chuyển động cuối cùng của Phần Sáu, chúng ta trở lại với thiên nhiên. Chứ không phải quay trở lại với Mẹ Thiên Nhiên, là nữ thần phù hộ và bảo vệ cuộc sống, mà người Ê-phê-sô đã thờ phượng dưới danh Ác-tê-mít; ngoại trừ thiên nhiên rộng lớn, với các lực lượng khổng lồ của bà, vô tâm không chú ý đến cuộc sống của con người, độc ác thiếu suy xét, phá hoại cách phi luân lý, và luôn luôn có tiềm năng gây tai hại. Thiên nhiên khiến cho con người trông thảm hại nhỏ bé; con người phải tranh đấu, động não và cơ bắp trong một cuộc thi không công bằng, chỉ để tồn tại.

Chuyển động 5 được chi phối bởi khoảng thời gian dài, đã lên chi tiết và mô tả sống động về cơn bão xảy đến bên trong sự chìm tàu lúc đang chờ Phao-lô đến Ý để ứng hầu trước Nê-rô. Thấy hành trình của Phao-lô đến La-mã là tầm quan trọng thuộc linh bậc nhất như vậy, sự xuất hiện của cơn bão suýt chết đặt ra câu hỏi quan trọng. Khi đang đến La-mã, Phao-lô tiếp tục rao giảng cách thường xuyên về chủ đề bình thường về nước Đức Chúa Trời, quyền cai trị nhà vua của Đức Chúa Trời (28:23, 31). Nhưng, chúng ta có thể hỏi, mối quan hệ giữa quyền cai trị nhà vua của Đức Chúa Trời trong cơn bão của thiên nhiên gần như nhấn chìm Phao-lô, đã làm im lặng sự rao giảng của ông, và kết thúc tất cả các việc truyền giáo tiên phong của ông là gì?

Sự mô tả chính xác về thời gian, các chi tiết, kỹ thuật và địa lý, không nghi ngờ gì nữa đã công nhận đối với sự thật rằng Lu-ca là một người bạn đồng đi với Phao-lô và đã quan sát tất cả mọi điều cách trực tiếp.¹⁸ Nhưng chúng ta có thể biết chắc chắn rằng Lu-ca đã không đưa tất cả các chi tiết này để miêu tả Phao-lô như một loại người siêu nhân, thống trị và chinh phục thiên nhiên bằng hàng loạt các phép lạ kỳ diệu. Từ thời điểm họ lên tàu, hạ tàu đến buổi sáng

cực kỳ lạnh nó tan ra trên bờ biển Man-ta không có phép lạ. Không có quyền năng thiên thượng khiến cho biển bình tĩnh, như một vài năm trước đây trận bão của người Ga-li-lê đã lắng xuống khi nhận ta tiếng phán của Thầy của họ. Không có quyền năng thiên sứ truyền qua con tàu để không bị bẻ nát khi vào cảng. Mọi hành khách và phi hành đoàn đã được cứu, nhưng chỉ sau hai tuần và thêm sự chịu khổ dần vật và cuối không có gì sáng sủa, người ta phải dựng tóc gáy khi nhìn thấy xác con tàu qua những con sóng vỗ vào bờ.

Và có một câu hỏi quan trọng nêu ra: Nếu Phao-lô đã được chỉ định làm sứ đồ và đại sứ của Đức Chúa Trời, và được sai phái tuyên bố phúc âm về chính Con Trai yêu dấu của Đức Chúa Trời cho bậc cầm quyền cao nhất trên đất; và nếu Đức Chúa Trời là, Đấng tạo dựng và kiểm soát thiên nhiên, “khi sóng lớn dâng lên, Ngài làm cho lặng xuống.” (Thi-thiên 89:9), thì tại sao Ngài không ra lệnh để quyền năng cai trị của Ngài hành động trên cơn bão ở Địa Trung Hải để cho đại sứ của Ngài qua dặm đường êm ả hơn, thay vì làm ông chịu khổ vất cả trong hai tuần và sau đó ném ông lên như một con chuột bị chết đuối trên bãi biển?

TÂM QUAN TRỌNG CỦA THIÊN NHIÊN

Bắt kể câu trả lời nào cho câu hỏi của chúng ta, rõ ràng từ những câu chuyện trước chúng ta, và từ công tác ghi chép lại của các giáo sĩ Cơ Đốc trong suốt quá trình hai ngàn năm, rằng Đức Chúa Trời không bao giờ có ý định thay đổi tình trạng thiên nhiên để tạo thuận lợi cho sự truyền bá phúc âm. Đương nhiên, đã và đang có các phép lạ đã xảy ra, và chắc chắn vẫn còn xảy ra. Nhưng theo định nghĩa, những phép là sự ngoại lệ. Quy tắc là thiên nhiên vẫn tiếp tục đang vận hành như trước. Sấm sét và mưa đá, tuyết rơi, mây và bão tố kể từ khi sáng tạo đã được tạo dựng nên, mạng lệnh của Đấng Tạo Hóa trong các quá trình vũ trụ vĩ đại của thế giới của chúng ta (Thi Thiên 148:8), không được rút lại, đào tạo thêm hoặc thuần hóa để đảm bảo cho sự an toàn đi lại cho tất cả các giáo sĩ Cơ Đốc. Thiên nhiên vẫn như vậy cho đến khi nó được khôi phục mọi sự. Các cơn bão được Chúa cho phép tiếp tục xảy ra; giống như bất cứ con người nào khác, các giáo sĩ cũng phải nghiên cứu và học hỏi, để tránh hoặc vượt qua

các cơn bão ấy; và không bao giờ có bất kỳ sự bảo đảm nào để các nhà truyền giáo chân chính không bị chết đuối.

Chúng ta hãy tự cho phép mình dành chút thời gian, với sự cho phép của Lu-ca, để suy nghĩ về chính thiên nhiên đã cho nhân loại những ích lợi quan trọng. Rất cần đấu tranh chống lại thiên nhiên để tồn tại, hoạt động này phục vụ để phát triển một số sức mạnh tuyệt vời cách kinh ngạc của nhân loại, lòng dũng cảm, sự táo bạo, sự khéo léo, và sự hiểu biết. Ngay ban đầu, con người đã khám phá ra rằng thiên nhiên có thể được khai thác và sử dụng. Cùng hướng gió đó thổi xuống ngôi nhà của bạn có thể có lợi như: Nó có thể đem lại bánh lái quạt gió cho cối xay và có thể xay gạo, xay bắp. Các làn sóng, thủy triều, dòng chảy và gió ngăn chặn các chuyến đi của bạn có thể được chuyển hóa phát minh ra một con thuyền buồm thành các phương tiện vận chuyển đưa bạn đi đến nơi bạn muốn. Định luật hấp dẫn đó giữ chúng ta đối với trái đất có thể được sử dụng để quăng ra một không gian thăm dò từ quỹ đạo trái đất về phía hành tinh tiếp theo chúng ta muốn khám phá.

Hơn nữa, những tiến bộ mới táo bạo trong sự khai thác thiên nhiên phục vụ cho nhân loại đã cuối cùng thường trở thành sự cần thiết tầm thường cho sự sống còn của con người. Các đoàn tàu lớn (đối với thời đó) những con tàu chở ngũ cốc dọc các tuyến đường biển từ Alexandria ở Ai Cập đến La Mã - một trong chuyến tàu mà Phao-lô đang đi thì nó gần như bị đắm - đã trở thành một điều cần thiết không thể thiếu đối với kinh tế xã hội của La Mã. Nếu không có các sự đáp ứng được chuyên chở bởi những con tàu, thì dân số đông đảo ở thủ đô không thể được cung cấp lương thực. Tương tự, thế giới tinh vi hiện đại của chúng ta khó có thể tiếp tục hoạt động mà không có sự đi lại, đài phát thanh, ra-đa, truyền hình, và... Và hơn thế nữa, trách nhiệm của Cơ Đốc Nhân là truyền bá Phúc Âm có điều kiện thuận tiện lớn bởi những sự tiến bộ này, đặc biệt ở thế kỷ cuối này. Đối với quan niệm cổ tổ về ngoan đạo thì cho rằng tất cả các tiến bộ này trái với thiên nhiên, nếu không nói là không tin kính, hiển nhiên là một sai lầm.

Đối với quy mô này, cả hai vì sự phát triển riêng của con người và

truyền giáo của thế giới, chúng ta không thể mong muốn thiên nhiên khác hơn chính bản chất của nó. Đương nhiên nó có thể gây nguy hiểm chết người: Điện sẽ giết bạn ngay lập tức nếu bạn phạm một sai lầm. Nó không hề biết tha thứ. Nó giúp bạn nấu bữa tối, hoặc hỏa tán, với sự thờ ơ. Nó vô cảm, thiếu suy nghĩ, không có lòng cảm thương, giống như tất cả các thứ khác còn lại của lực lượng thiên nhiên. Tất cả chúng đều bao la mạnh hơn so với con người, và phải được đối xử với sự tôn trọng. Cũng có một Đức Chúa Trời không bao giờ thay đổi (và Ngài cũng sẽ không thương thay đổi) phương cách các quyền năng này vận hành như một đặc ân đặc biệt dành cho các Cơ Đốc Nhân hay những nhà truyền giáo. Cơ Đốc Nhân người nhảy ra khỏi tháp đền thờ sẽ thấy rằng Đức Chúa Trời đã không loại bỏ định luật hấp dẫn. Liều lĩnh đại dột không thực tế không phải là đức tin.

Nhưng thiên nhiên không bao giờ bị chế ngự, chính nó tự khuất phục. Sự đấu tranh giữa con người và thiên nhiên vẫn còn bất bình đẳng. Những con tàu tinh vi hiện đại nhất vẫn bị phá vỡ từ đằng sau trong bão tố dữ dội; máy bay vẫn rơi trong sương mù. Vì vậy, chúng tôi làm tốt, thực tế là phải đối mặt với các kỳ hạn mà các tôi tớ Chúa ra đi truyền giáo cho thế giới. Sẽ rất đại dột nếu chúng ta từ chối khả năng của Đức Chúa Trời hay sẵn sàng can thiệp cách phi thường để bảo vệ các tôi tớ của Ngài khi Ngài rất hài lòng; người có đức tin sẽ không coi nhẹ chức vụ bảo vệ của các thiên sứ (Hê-bơ-rơ 1:14); sẽ vô ơn nhắm mắt đối với hàng ngàn điều và một Đức Chúa Trời mà chúng ta nhận biết rõ, hay nghi ngờ hơn hàng ngàn điều mà chúng ta chưa thấy. Điều đó nói lên rằng, chúng ta khôn ngoan để đối diện cách thẳng thắn với những bảo đảm thực tế mà chúng ta được ban cho. Không chỗ nào hứa rằng giáo sĩ không bao giờ bị chết đuối trên biển. Chúng ta không đảm bảo rằng nhà truyền giáo sẽ không bao giờ bị mất tích trong tai nạn rơi máy bay. Không chỗ nào nói với chúng ta rằng tình yêu của Đức Chúa Trời giải cứu chúng ta khỏi kinh nghiệm sự khổ nạn, thống khổ, đói kém, nguy hiểm, hoặc tử vong. Đúng hơn, sự đảm bảo của chúng ta là không có quyền lực gây chết người của thiên nhiên (không phải Satan, cũng không phải con người) bề cao, bề sâu, hay tạo vật nào khác có thể phân rẽ chúng ta khỏi tình yêu thương của Đức Chúa Trời trong Chúa Cứu Thế Jêsus, Chúa chúng

ta. (Rô-ma 8:38-39). Vì vậy, Phao-lô đã viết một hoặc hai năm trước khi ông đặt chân lên con tàu chở hàng hóa ngũ cốc gần chìm xuống ở Địa Trung Hải.

CÁC BÀI HỌC TỪ CÂU CHUYỆN CỦA CƠN BÃO

Theo Lu-ca, bốn lần, Phao-lô đã can thiệp vào quá trình của chuyến đi với một sự quan sát đầy ý nghĩa; và chúng ta nên xem xét từng lần một.

Thứ nhất, một lời cảnh báo về những rủi ro quá mức. Tất nhiên, khi đối diện với thiên nhiên người ta không thể thoát khỏi các rủi ro. Nông dân xưa gieo hạt giống vào mùa xuân đã bị rủi ro vì điều kiện thời tiết xấu đã làm hạt giống bị hư thối trong đất, và phá hủy tất cả các triển vọng của một vụ thu hoạch và thực phẩm cho năm tiếp theo. Columbus sẽ không bao giờ khám phá ra Tân Thế Giới hay David Livingstone cũng không khám phá ra Trung Phi nếu họ không chuẩn bị tốt để đối phó với những rủi ro to lớn.

Đức tin tăng trưởng mạnh trong những rủi ro vì lợi ích của Đức Chúa Trời; nhưng có những lúc rủi ro xảy ra thật là phi lý, và nhận lấy nó không phải là đức tin mà là sự kiêu ngạo. Phao-lô đã sẵn sàng chết vì lợi ích của phúc âm, nhưng không vô ích. Ông không phải là thủy thủ, nhưng chấp nhận sự khôn ngoan dựa trên nhiều năm kinh nghiệm trong thế giới thuộc về biển mùa giương buồm đó đã qua đi năm đó rồi. Vượt biển từ Fair Havens quá trễ trong năm để nhận lấy một rủi ro to lớn và đại đột (27:9-11). Mục đích của việc vượt biển một lần nữa là để đến được một bến cảng rộng rãi hơn, thoải mái hơn và thuận tiện để trải qua mùa đông. Nhưng rủi ro bị đắm tàu, với sự mất mát hàng hóa và trên hết là 276 người trên tàu, đơn giản chỉ để đến được một bến cảng tốt hơn so với cái mà họ đã có rồi, là cách suy nghĩ đại đột theo Phao-lô; và ông đã tự hỏi mình. Nhưng thuyền trưởng và chủ tàu muốn chấp nhận rủi ro. Chuyên môn và sự kiêu ngạo của chuyên môn có thể sinh ra sự quá tự tin; và sĩ quan chỉ huy có trách nhiệm chấp nhận lời khuyên của họ chứ không theo lời khuyên của Phao-lô.

Tất cả đều tương tự, để nhận được bài học hãy chú ý đến thái độ

của Phao-lô. Đức tin của ông không thuộc loại người biện luận rằng: “Vâng, hãy nhận lấy rủi ro nào bạn thích. Tôi là đại sứ đặc biệt của Đức Chúa Trời. Đức Chúa Trời sẽ không cho phép tôi phải chịu khổ trong bất kỳ thảm họa nào. Nếu cần thiết, Ngài sẽ thực hiện một phép lạ và giữ cho biển phẳng lặng cho đến khi chúng ta đến cảng kế tiếp.” Không phải ông không tin vào phép lạ, hoặc sẵn lòng thực thi phép lạ của Đức Chúa Trời ở nơi hoàn toàn cần thiết. Nhưng họ không cần thiết phải đi đến bên cảng kế tiếp; và chấp nhận rủi ro không cần thiết để rồi phải yêu cầu Đức Chúa Trời làm phép lạ trong thiên nhiên để tránh thảm họa, không phải là đức tin nhưng là một sự ngạo mạn. Vì vậy, tại thời điểm này, Phao-lô xuất hiện trong phần tương thuật của Lu-ca không như một số anh hùng siêu thuộc linh, nhưng như một người khiêm nhường nhưng có đức tin thật đã nhận biết được những sự giới hạn.

Hy vọng vượt trên thiên nhiên

Chẳng bao lâu họ gặp rắc rối kinh hoàng. Tất cả mọi điều mà chuyên gia trên biển thấy cần phải làm, thì đã được thực hiện (27:17-19), nhưng tất cả đều vô nghĩa. Thiên nhiên chế nhạo sự bất lực của họ, khiến họ mất phương hướng (27:20), đã sử dụng kinh nghiệm của họ để làm họ khiếp sợ (27:17). Họ càng chuyên nghiệp nhiều thì họ càng biết rằng núi sóng kế tiếp có thể đưa thẳng họ xuống đáy. Mọi hy vọng sống sót đã biến mất.

Các tình huống đó giống như thế này, khi thiên nhiên không cần động não chế nhạo tất cả kiến thức và chuyên môn được tích lũy của con người, thất vọng nỗ lực của mình, cười vào sự tiến bộ và ném con người và những phát minh của con người sang một bên giống như đồng rơm bị tung tóe trước cơn lốc - những tình huống như vậy đẩy lên câu hỏi buồn sâu xa trong cuộc sống. Cuối cùng, có phải cuộc sống của con người không có gì khác hơn chỉ là một phần vô nghĩa của hệ thống kết thúc của thiên nhiên chẳng, bất lực bị cuốn vào sự không ngừng của nó, những chu kỳ lừa dối phẳng lặng vô nghĩa và cơn bão tàn phá không suy nghĩ của thiên nhiên không? Hay con người có một mục đích nào vượt xa hơn các chu kỳ của thiên nhiên không? Có phải thiên nhiên và các mùa là cả hai sân khấu và toàn bộ

vở kịch được đóng trên sân khấu đó chăng? Hay có phải thiên nhiên chỉ là một cái sân khấu tạm thời mà con người chúng ta đang đóng phần kịch đã được dựng kịch bản trên đó, trước khi chúng ta đưa vở kịch lên chỗ kết thúc vinh quang và thắng lợi trên một sân khấu ở một nơi nào khác không?

Cảm tạ Đức Chúa Trời vì câu trả lời đó đã đem đến ý nghĩa và sự tự tin qua cơn lốc cuồng phong và cơn mưa nặng hạt, khi mọi niềm hy vọng khác đã biến mất:

Bạn đã đại đột thực hiện chuyến đi này chống lại lẽ thường và lời khuyên của tôi. Nhưng, hãy can đảm lên! Đêm qua một thiên sứ của Đức Chúa Trời là Đấng tôi thuộc về và phục vụ đã đứng bên cạnh tôi và nói: “Phao-lô ơi! Đừng sợ vì anh phải ứng hầu Hoàng Đế La Mã và này, Đức Chúa Trời đã ban cho anh tất cả những người đồng thuyền với anh.” Vì vậy, hỡi những người nam hãy cứ giữ sự can đảm, vì tôi tin chắc nơi Đức Chúa Trời rằng sự việc sẽ xảy ra như lời đã phán cùng tôi (27:23-25).

Không thể tranh luận được, Phao-lô là một trường hợp đặc biệt; nhưng chỉ có duy nhất một trường hợp đặc biệt về sự thật đó củng cố cả dân sự của Đức Chúa Trời. Có một Đức Chúa Trời đang ở trước mặt, vĩ đại trên hết và vượt hơn thiên nhiên; và mỗi một người tin Chúa có thể mô tả Ngài như Phao-lô rằng “Đức Chúa Trời mà tôi thuộc về.” Chúng ta là tài sản của Ngài, thuộc về Ngài, và một tài sản được mua chuộc vô giá, như Phao-lô đã nhắc nhở các trưởng lão Hội thánh Ê-phê-sô, với huyết của Con yêu dấu của Ngài (20:28). Tất cả các lực lượng của thiên nhiên kết hợp lại sẽ không cướp đi tài sản này của Đức Chúa Trời, sự sở hữu vô giá của Ngài. Và mỗi người tín hữu có thể bổ sung thêm với Phao-lô, “Đức Chúa Trời ... Đấng tôi đang phục vụ.” Là hội thánh nhóm lại dù lớn hay nhỏ, ở nơi công cộng hay tư gia, lực lượng thiên nhiên không biết suy nghĩ đã được sáng tạo sẽ không bao giờ làm thất bại mục đích của Đấng Tạo Hóa chúng, mà chính Ngài đã chỉ định chúng ta nhóm lại trong các buổi nhóm ấy. Thời tiết của Đức Chúa Trời không thể cản trở công việc của Ngài.

Trong sứ mạng truyền giáo chung Phao-lô đã được ban cho một nhiệm vụ đặc biệt và cụ thể để làm trong thời điểm đó: Làm chứng Chúa Cứu Thế và Phúc âm trước mặt Hoàng Đế La-mã. Ông đã được báo trước về điều đó (23:11); lúc bấy giờ thiên sứ đã được sai đến

để nhắc nhở ông, và để đảm bảo với ông rằng vì đây là mục đích của Đức Chúa Trời chứ không phải mục đích của ông, nhưng tất cả những người cần phải đưa ông đến vùng đất liền đó, sẽ được cứu, dầu thiên nhiên và tất cả sức mạnh của nó không rút lui (27:24-25).

Không phải Phao-lô luôn được Chúa cho biết với sự chắc chắn và bảo đảm rằng ông sẽ không chết trước khi một số nhiệm vụ cụ thể đã được hoàn thành.¹⁹ Có phải điều đã ban ra cách cần thiết cho chúng ta vẫn còn ít hơn. Nhưng về điều này chúng ta có thể biết chắc chắn rằng, cho đến khi Đức Chúa Trời quan tâm chăm sóc, thì thiên nhiên không biết suy nghĩ kia sẽ không bao giờ được phép nhấn chìm chúng ta cho đến khi Đức Chúa Trời đã đạt được mục tiêu mà Ngài đã suy nghĩ trong trí khi ban cho chúng ta các trách nhiệm.

Sức mạnh của đức tin vượt trên sự sợ hãi và ích kỷ thiếu thận trọng.

Phải chú ý rằng thiên sứ hứa với Phao-lô và tất cả các hành khách khác sẽ được cứu không phải được thực hiện qua bất kỳ phép lạ (rõ ràng) nào.²⁰ Điều đó vẫn đòi hỏi mọi kỹ năng và kinh nghiệm lái tàu của các chuyên gia để đưa con tàu vào đất liền. Ngay cả khi biết cách chạy con tàu vài trăm yard qua các bộ phận phá băng và đến bãi biển còn xa để lên bờ với khả năng của họ, nó sẽ mất một lượng không nhỏ những kỹ năng mà họ tập trung được. Khi Con tàu đã đến gần đất liền thì họ sợ để con tàu trong bóng tối, và họ đã thả neo thật chắc để có thể chạy vô bờ vào sáng sớm, các thủy thủ có vẻ hoảng sợ. Đặt để sự an toàn của chính họ trước mặt các hành khách, họ cố gắng lén hạ xuống nhỏ của tàu xuống và tẩu thoát hiệu quả.

Nhưng Phao-lô đã thấy được những ý định của họ, chỉ cho sĩ quan chỉ huy, và nhấn mạnh rằng các thủy thủ vẫn còn trong con tàu (27:30-32). Phao-lô đã hứa rằng tất cả mọi người sẽ được cứu; nhưng không ngoại trừ các phương tiện, kỹ năng và nỗ lực của con người. Đức tin của ông đã không biện hộ cho sự hốt hoảng ích kỷ và dựa vào phép lạ. Đức tin thận trọng tập trung vào những nhu cầu cần thiết thực tế, chụp ngay và khuất phục sự ích kỷ không lo âu và hốt hoảng, và đã ban sức mạnh cho mạng lệnh trong tình huống cấp bách của viên sĩ quan. Và điều đó nhận được ích lợi khi các binh sĩ bàn định giết các tù nhân vì sợ có người lợi trốn thoát kể cả phao-lô (27:42).

Nếu các tù nhân trốn thoát, thì các binh lính sẽ bị xử. Phải dùng uy quyền để ngăn chặn họ giết các tù nhân. Nhưng viên sĩ quan đã làm điều đó vì ích lợi của Phao-lô (27:43).

Sức mạnh của đức tin vượt trên sự sợ hãi và tuyệt vọng.

Vì trong hai tuần các hành khách và thủy thủ hầu như không ăn gì. Không tự hỏi: Dưới boong tàu tất cả mọi thứ có lẽ đang lộn xộn nếu không nói là bị ngập nước. Và dù sao đi nữa, trong sự sợ hãi và đau khổ của họ, người ta không bụng dạ nào nghĩ đến chuyện ăn uống, ngay cả những người không bị say sóng đang tuyệt vọng. Nhưng một lần nữa đức tin của Phao-lô nắm chặt tình huống thực tế. Ông đứng dậy và nói với tất cả 275 hành khách đồng đi với mình. Nhắc nhở họ về lời hứa của Đức Chúa Trời rằng tất cả sẽ lên bờ bình an, ông giục họ ăn cái gì đó đi (27:34). Không có ghề treo trên dây cáp của thiên sứ để đưa họ lên bờ cách kỳ diệu. Họ sẽ cần mỗi ca-lo năng lượng cho trận chiến cuối cùng với những cơn sóng và đợt sóng vỗ vào bờ. Vì vậy, ông đưa ra một tấm gương. Công khai chứng minh sự bí mật về sự bình tĩnh và tự tin của ông, ông lấy bánh, tạ nhờ Đức Chúa Trời trước mặt mọi người, trong khi các cơn gió mạnh vẫn hoành hành, ông ăn, và khích lệ họ tất cả đều làm tương tự (27:35-36).

Hãy quan sát vai trò đức tin trong toàn bộ sự việc này. Đơn giản, không phải Phao-lô đã tin rằng vì Đức Chúa Trời đã có một công tác cho ông ở La Mã, nên Ngài sẽ đưa ông và tất cả những người khác an toàn qua cơn bão. Đó là đức tin của Phao-lô trong việc đáp ứng lời hứa của Đức Chúa Trời rằng, ông sẽ sống sót nhìn thấy nhiệm vụ làm chứng của mình hoàn thành để có thể kiểm soát được các tình huống tâm lý, và để thấy rằng tất cả các bước thực tế cần thiết đã được thực hiện để giữ cho con tàu trôi nổi và đưa nó lên bờ tốt nhất.

Cuối cùng, phải dùng đức tin và một mục đích được giữ chặt vượt trên thiên nhiên để cho người ta một sức mạnh và sự can đảm để kiên trì với cuộc sống và những nỗ lực đối mặt với những cơn bão của thiên nhiên khi nó xuất hiện trên các vùng đất khác mà mọi hy vọng đã biến mất. Thật vậy, tại sao chính Đức Chúa Trời tiếp tục cùng với thiên nhiên nếu Ngài không có sự vĩ đại và các mục đích vĩnh cửu vượt lên tất cả sự dữ dội của thiên nhiên? Vì lý do này, đó là ngay cả

khi (và nếu) chúng ta mất đi sự chiến đấu cuối cùng với thiên nhiên, và nó lần át chúng ta trong sự chết, chúng ta hoàn toàn chiến thắng nhờ Đấng đã yêu thương chúng ta (Rô-ma. 8:37).

Những giải thích sai của người ngoại giáo về thiên nhiên.

Chẳng bao lâu, những người sống sót được vây quanh bởi những người trên hòn đảo địa phương, những người này thương xót và nhóm lửa cho họ (28:2). Thiết thực hơn bao giờ hết, Phao-lô lượm một bó củi chất vào lửa, bỗng một con rắn độc bị nóng bò ra quấn chặt vào tay ông. Thấy con rắn đeo trên tay Phao-lô, lập tức những người trên đảo sẵn sàng giải thích sự kiện này: “Anh này đúng là tay giết người nên dù thoát chết ngoài khơi mà công lý vẫn không cho sống nữa” (28:4).

Họ rơi vào hàng loạt các sai lầm mê tín dị đoan, chứ chưa nói đến tôn giáo, thậm chí ngày nay người ta vẫn có thể rơi vào điều này. Họ cho rằng tất cả các thảm họa thiên nhiên xảy đến cho con người thì xảy ra với họ vì có tội lỗi của họ; và vì vậy nếu một người nào đó bị một số thảm họa thiên nhiên thì họ kết luận rằng người đó chắc hẳn đã phạm một số tội lỗi cách bí mật ghê ghớm, thậm chí chưa có bằng chứng nào khác để nói lên việc phạm tội đó.

Nhưng để bắt đầu với thiên nhiên và các hoạt động khách quan của nó thì không phải sự Phán Xét nhân loại. Các tiến trình của nó nằm ngoài phạm vi luân lý. Một người bị đau cổ họng không phải là bằng chứng cho thấy rằng bệnh nhân nhân đó đã nói dối.²¹ Đôi khi Đức Chúa Trời sử dụng các thảm họa để bày tỏ sự không tán thành của Ngài, và hiệu quả thì mọi người đều thấy rõ ràng. Ảnh hưởng của tai họa lớn đã phá hủy thành Sô-dôm và Gô-mô-rơ đưa đến cho thế chất và cách cư xử độc hại của xã hội của họ. Nhưng họ đã có tiếng xấu đối với điều đó ngay cả trước khi thảm họa xảy đến; không phải là một điều gì đó đã được duy diễn từ thực tế mà thảm họa đã xảy ra.

Nhưng không phải tất cả các thảm họa thiên nhiên nhất thiết bày tỏ về sự phán xét của Đức Chúa Trời. Một chiếc limousine đen có thể đang chờ một trùm ma túy đến chờ đợi xét xử bỏ tù. Đó là mục đích phá đổ thành Sô-dôm (II Phi-e-rơ 2:4-9; Giu-đe 6-7). Nhưng một

chiếc limousine màu đen chính thức cũng có thể đang chờ một vị anh hùng đất nước đi uống trà với Nữ hoàng. Nhiều thảm họa thiên nhiên đã đưa các thánh đồ vào sự hiện diện của Chúa.

Nếu chúng ta nhận lấy bất kỳ bài học chung nào từ các thảm họa thiên nhiên, “các hành động của Đức Chúa Trời,” và các tính hung bạo, tốt hơn là các bài học được chính Chúa Cứu Thế dạy: đừng nghĩ rằng những người đau khổ phải nhất thiết bí mật phạm tội trong khi những người thoát khỏi sự đau khổ thì không. Tất cả mọi người đều phạm tội. Hãy để các thảm họa thiên nhiên phục vụ chứ đừng để nó nhắc nhở rằng tất cả cần phải ăn năn (Lu-ca 13:1-5).

“Nhưng Phao-lô rảy con rắn vào lửa mà không hề hấn gì cả. Thổ dân chắc rằng ông sẽ bị sung phù lên hoặc ngã chết tức khắc; nhưng đợi đã lâu mà không thấy ông bị hại gì, họ lại đổi ý, tôn xưng ông là một vị thần” (28:5-6). Giả sử đó là một phép lạ; tuy nhiên sai lầm của họ nhắc nhở chúng ta rằng có thể giải nghĩa sai, ngay cả phép lạ. Các phép lạ không phải là các bằng chứng minh những kết luận ở phía trước; đó là bằng chứng cần phải được giải thích một cách cẩn thận. Chính ông là Người Phạm Tội lớn nhất sẽ thực hiện các thao tác ẩn tượng cách kỳ diệu của thiên nhiên; nhưng họ sẽ không chứng minh rằng những tuyên bố của ông là Đức Chúa Trời, là thật (II Tê-sa-lô-ni-ca 2:3-4, 9-12). Và đảo Man-ta cảnh báo chúng ta rằng đó có thể là lời giải nghĩa một phép lạ thật như sự hỗ trợ cho một giả định sai trật thần học.

TỪ MAN-TA ĐẾN LA-MÃ

Viên sĩ qua ở lại Man-ta không còn lâu nữa như trách nhiệm của ông buộc phải ở lại. Có thể vào giây phút sớm nhất của mùa đi thuyền mới mà ông đã bắt tay với các tù nhân của mình trên chặng tiếp theo của cuộc hành trình đến La-mã (28:11).

Nhưng ngay cả thời gian chờ đợi có hiệu lực là ba tháng; và trong thời gian đó Đức Chúa Trời đã ban ơn ban quyền năng cho Phao-lô để làm các phép lạ chữa lành mà không chỉ có lợi cho những người dân trên đảo, họ trả ơn bằng cách đối xử tử tế và trả hết chi phí trong việc giải trí với du khách không mời và không mong đợi như vậy. Và

cuối cùng thì Phao-lô và những người bạn đồng đi với ông rời khỏi, họ được cung cấp mọi thứ cần dùng cho cuộc hành trình (28:10).22

Trong suốt quá trình diễn biến của hành trình đến La Mã, Phao-lô đã được phép ở lại với các Cơ Đốc Nhân tại Bu-tô-lơ bảy ngày (28:13-14), và cũng có thể tham gia dự Tiệc Thánh với họ như ông đã làm với các tín hữu tại Trô-ách, và có lẽ một lần nữa tại Ty-rơ, trong suốt quá trình của cuộc hành trình từ Ê-phê-sô đến Giê-ru-sa-lem trước đó (20:6-7; 21:4).

Sau đó, đến đoạn cuối của cuộc hành trình. Chúng ta không thể biết được cảm xúc nảy sinh trong lòng của Phao-lô nhưng cuối cùng ông đã đến thành phố lớn, nơi ông phải hoàn thành trách nhiệm nặng nề của mình và thực sự phải đối mặt với nguy cơ xuất hiện trước quái vật Nê-rô. Nhưng chúng ta có thể đoán. Khi ông nhìn thấy bữa tiệc chào mừng của Cơ Đốc, anh em tín hữu Rô-ma nghe tin chúng tôi đến đã ra tận quảng trường Áp-bi-u để gặp ông. “Ông cảm tạ Đức Chúa Trời,” Lu-ca nói, sau đó cho biết thêm, “và vững lòng” (28:15). Phao-lô vĩ đại, người có phẩm chất đức tin và sức mạnh đã truyền lòng can đảm cho các thủy thủ và các hành khách của con tàu đang đắm, chính ông tìm thấy sự can đảm mới trong giây phút nặng trĩu từ anh em bạn hữu các Cơ Đốc vô danh (28:15).

SỰ CHỈ DẪN TƯƠNG TẬN CỦA PHAO-LÔ VỀ CÁC LÃNH ĐẠO CỦA CỘNG ĐỒNG DO THÁI Ở LA-MÃ

Từ Mi-lê, Phao-lô sai người qua Ê-phê-sô triệu tập các trưởng lão của Hội Thánh (20:17-38). Nhận ra trách nhiệm để bảo vệ và hướng dẫn hội thánh của họ ông đã cảnh báo họ về các tiên tri giả từ bên ngoài và các giáo sư giả từ bên trong là những người sẽ làm tổn hại hội thánh. Chẳng bao lâu ông đã đến La Mã, ông đã mời các nhà lãnh đạo của cộng đồng Do Thái đến gặp gỡ ông (28:17). Ông tôn trọng trách nhiệm bảo vệ và hướng dẫn các hội chúng của họ trong các nhà hội trong thành phố. Có thể họ đã nhận được lời báo cáo về ông từ Hội Đồng Tôn Giáo ở Giê-ru-sa-lem; và trong bất kỳ sự kiện nào, để thấy một giáo sĩ Do Thái nổi tiếng trở thành Cơ Đốc Nhân trong thành phố và do trình bày trường hợp của ông, bất kể đó là gì, trước mặt Hoàng Đế, có thể không, nhưng đã khiến họ quan tâm.

Dưới Claudius, là kết quả tranh luận giữa các Cơ Đốc Nhân và những người Do Thái trong thành phố, tất cả những người Do Thái đã bị tạm thời cấm đoán khỏi La Mã (18:2). Sau đó, điều gì có thể gây phiền toái cho cộng đồng Cơ Đốc do Rabbi này xúi giục?

Phao-lô muốn đề đầu óc của họ nghi ngại bằng cách nói với họ những sự thật ông đã thấy ở họ. Sự thật chính là như vậy: Ông muốn đảm bảo với họ rằng trong sự khiếu nại đến Hoàng Đế La Mã, cho đến nay mục đích của ông chưa bao giờ tố cáo hay cáo buộc chống lại người Do Thái (28:19). Thật vậy, ông sẽ không bao giờ có suy nghĩ khiếu nại đến Hoàng Đế La Mã trừ khi người Do Thái ở xứ Giu-đê ép buộc ông. Họ đã sai lầm vu cáo ông về những sai trái chống lại đất nước và các phong tục truyền thống mà ông không vi phạm; và kết quả của các việc buộc tội của họ mà ông đã bị nộp trong tay người La Mã. Còn người La Mã, ý thức về công lý và công bằng, nên muốn trả tự do cho ông vì thấy ông không có tội nào đáng xử tử (28:18). Điều đó có thể kết thúc vấn đề. Nhưng những người Giu-đa sẽ không chấp nhận bản án của họ, và do đó đã bắt buộc ông khiếu nại với Hoàng Đế La Mã để cứu mạng sống của ông.

Tuy nhiên, ông không có ý định buộc tội những người Do Thái về bất cứ điều gì trước Hoàng Đế La Mã. Ông đã xuất hiện trước Hoàng Đế như nhà đại diện vô địch của “niềm hy vọng của Y-sơ-ra-ên” (28:20), đã bào chữa rằng niềm hy vọng ấy không phải phản nghịch hay lật đổ chính phủ, và vì vậy, nếu có thể, sẽ đạt được sự đánh giá thuận lợi của Hoàng Đế về niềm hy vọng của dân Y-sơ-ra-ên.

Một Cơ Đốc Nhân đã nói, nếu đã từng có một người. Người Do Thái ở xứ Giu-đê đã cố gắng giết ông. Thất bại trong việc giết ông, họ đã cố gắng làm cho người La Mã hành hình ông. Nhưng đối với Phao-lô ông vẫn gọi họ “là quốc dân ta” (28:19). Ông vẫn yêu thương họ một cách trung thành; và cũng giống như ông đã ủng hộ cổ vũ các trưởng lão Cơ Đốc bảo vệ hội thánh, vì vậy ông sẽ làm hết sức mình để bảo vệ dân sự của mình là dân Y-sơ-ra-ên.

Thực tế, các trưởng lão trong các cộng đồng Do Thái ở La-mã đã không tiếp nhận (chưa tiếp nhận) bất kỳ báo cáo nào về Phao-lô từ Giê-ru-sa-lem (28:21). Tất cả những gì họ biết là “phái” Cơ Đốc

Nhân này đã bị nói xấu trong tất cả các cộng đồng người Do Thái; và họ hoan nghênh một cơ hội để đến và nghe các đức tin được trình bày chi tiết. Vì vậy, Phao-lô sắp xếp ngày và giờ để gặp họ (28:22-23).

CẢNH BÁO CUỐI CÙNG ĐỐI VỚI ĐẠO DO THÁI CỦA ĐỨC THÁNH LINH

Đúng ngày hẹn, họ kéo đến đông đảo, trình bày về Nước Đức Chúa Trời, Phao-lô đã trưng dẫn “Kinh Luật Môi-se và các Kinh Tiên Tri”, trong Kinh Thánh liên quan đến những lời công bố của Chúa Jêsus là Đấng Mê-si-a của dân Y-sơ-ra-ên. Một số người đã được thuyết phục; những người khác lại tranh cãi với nhau (28:23-25).

Nhưng trước khi họ bỏ đi Phao-lô đã nói một cảnh báo rất nghiêm trọng diễn đạt lời nói không theo ý riêng, nhưng từ Đức Thánh Linh qua lời của tiên-tri Ê-sai nói với dân Y-sơ-ra-ên xưa. Trong những ngày đen tối trong quá khứ của dân Y-sơ-ra-ên, Đức Chúa Trời đã ban cho Ê-sai một khái tượng về vị Vua (Ê-sai 6:1-5), vị vua duy nhất đã từng cứu họ ra khỏi tội lỗi và tai họa của đất nước. Đức Chúa Trời đã ban mạng lệnh cho tiên-tri Ê-sai đi và nói với dân Y-sơ-ra-ên khái tượng về vị vua này; nhưng trong lúc ban mạng lệnh cho ông, Đức Chúa Trời đã cảnh báo tiên-tri Ê-sai rằng sự rao giảng của ông sẽ làm cho họ tốt hơn một chút. Vì ở đâu có sự sa ngã và bản chất tội lỗi thì nơi đó khiến con người kiêu ngạo và tội lỗi tự mãn không ăn năn làm nghẹt ngòi lương tâm, cản trở tâm trí của họ, họ bị bại, và nhắm mắt lại, thậm chí có những nơi, ngay cả sự rao giảng phúc âm có ảnh hưởng làm nặng thêm tình trạng ấy chứ không chữa lành (28:25-27; Ê-sai 6:9-10).

Tuy vậy, có một bằng chứng để lại mà thậm chí đối với những người ở trong tình trạng của họ đã và luôn luôn không thể tránh né và không thể phủ nhận. Trước hết, xin hãy quan sát, Phao-lô kết luận: “Vậy, anh em phải biết rằng sự cứu rỗi của Đức Chúa Trời đã được truyền bá cho các dân tộc ngoại quốc. “Được truyền bá” ý muốn nói rằng trong mục đích và kế hoạch của Đức Chúa Trời phúc âm phải được truyền bá đến các dân Ngoại Bang (28:28). Vượt trên khả năng phủ nhận hoặc mâu thuẫn, những thông báo rõ ràng và sự lặp đi, lặp lại của dân Y-sơ-ra-ên đã tuyên bố rằng Đức Chúa Trời sẽ dấy Chúa

Cứu Thế như một tiêu chuẩn phục hồi, làm ánh sáng, đem sự cứu rỗi cho các dân Ngoại Bang (Ê-sai 42:6; 49:6). Thứ hai, khi Chúa dấy Đấng Mê-si-a của Ngài cho các Dân Ngoại, thực tế nhà tiên-tri đã nói rằng các Dân Ngoại đã lắng nghe về Ngài. Rồi, như Phao-lô đã ngồi nói chuyện với đồng bào Do Thái của ông ở La Mã, có hàng trăm dân Ngoại Bang chung quanh Đền thánh La Mã đã lắng nghe và hơn hàng ngàn người đã đáp ứng.

Trải qua nhiều thế kỷ đã chứng minh điều ấy đúng. Lắng nghe Chúa Cứu Thế Giê-su, hàng triệu người Ngoại Bang không đếm xuể đã đến tin nhận Đức Chúa Trời của dân Y-sơ-ra-ên. Một số “nhánh tự nhiên” đã bị cắt đi vì chúng chẳng tin. Nhưng vô số dân Ngoại Bang, tất cả nghịch lại nhánh tự nhiên, đã được “ghép vào nhánh cây ấy.” Một ngày nọ, các nhánh tự nhiên cũng sẽ được ghép lại thành cây ô liu của họ (Rô-ma 11:17-24).

Cùng với điều đó Lu-ca kết luận lịch sử của Phao-lô. Điều đó không bao giờ có nghĩa là một bản ghi chép lại hoàn tất về sự nổi dậy và tiến bộ của Cơ Đốc Giáo. Nhưng điều đó có nghĩa là một lời đại diện mô tả về Cơ Đốc Giáo hay đúng hơn, Chúa đã sống lại là gì, và đã bắt đầu và tiếp tục rao giảng. Việc ghi lại đầy đủ về những gì Ngài đã hoàn thành một cách tự nhiên không thể viết hết được. Nhưng vào thời điểm Lu-ca đã đặt bút xuống viết, mặc dù Phao-lô đang ở trong xiềng xích - và phúc âm của Đức Chúa Trời là Vua đang cai trị lúc bấy giờ đang truyền bá dâng trào lên phía trước không thể kìm nén lại mà không ngớt bị ngăn trở, chống đối của con người hay các cơn bão tố của thiên nhiên gây ra (28:31).

Phần Phụ Lục

Phụ Lục 1

Cơ bản có phải Cơ Đốc Giáo bài Do Thái Không?

Thật đáng buồn vì một số người cho rằng nhấn mạnh đến những khác biệt giữa Cơ Đốc Giáo và Do Thái Giáo như chúng tôi thực hiện xuyên suốt cuốn sách này, là không phù hợp với rất nhiều tư tưởng hiện đại cho mối quan hệ giữa hai niềm tin lớn. Trải qua nhiều thế kỷ, sự lặp đi lặp lại về những người Do Thái đã đóng đinh Con Đức Chúa Trời, họ tranh luận rằng, điều gì đã xúi giục chủ nghĩa bài Do Thái đáng hổ thẹn, mà chủ nghĩa đó quá nhục nhã trong biên niên sử của các nước theo đạo Thiên Chúa giáo, và nó đã lên đến tột độ trong chính thời của chúng tôi ở trong trại hành quyết của Hítler. Họ cho rằng, sau trận tàn diệt người Do Thái, người Do Thái cảm thấy ghê tởm vì các Cơ Đốc Nhân cố gắng để cải đạo người Do Thái. Đúng hơn, phải thừa nhận rằng trong việc đến với Đức Chúa Trời, Do Thái giáo có giá trị ngang hàng với Cơ Đốc Giáo. Ít nhất, các Cơ Đốc Nhân không nên nói gì về Do Thái giáo nếu họ không thể nói được ở chỗ đứng thích hợp với khuôn phép lễ nghi ở Auschwitz (thị trấn Nam Ba-lan) và Dachau (thị trấn miền Đông Nam nước Đức).

Nói cho cùng thì tôi chịu trách nhiệm về cuốn sách này, có lẽ tôi được phép là người đầu tiên lên tiếng và giải thích theo tinh thần, mà cuốn sách được viết ra.

Thứ nhất, đối với tôi dường như thật bất công khi buộc tội cả nước Y-sơ-ra-ên xưa chịu trách nhiệm cho cái chết của Chúa Jêsus. Đương nhiên, chúng ta không thể quay ngược dòng lịch sử. Những nhà lãnh đạo của đất nước đã tham gia trong việc dùng những âm mưu để đóng đinh Ngài bởi những người La Mã; và đám đông ở Giê-ru-sa-lem càng đông cho đến giây phút cuối cùng có thiện cảm với Chúa Jêsus, đã tự cho phép mình, là đám đông không kiên định

trong ý chí, bị lung lay để la hét lên đòi xử tử Ngài. Nhưng vào lúc ấy, hàng triệu người Do Thái đang sống khắp Nơi, mới chỉ nghe về sự kiện đóng đinh ấy nhiều tháng thậm chí nhiều năm sau khi sự kiện đã xảy ra. Người ta không thể nói họ phải chịu trách nhiệm cho việc làm đó. Hơn nữa, Đức Chúa Trời đã loan báo qua các sứ đồ của Ngài mà thậm chí trong ước tính của Ngài rằng các lãnh đạo thầy tế lễ và đám đông ở Giê-ru-sa-lem đã làm trong sự ngu dốt (3:17); và Ngài còn bày tỏ lòng thương xót để họ ăn năn.

Thứ hai, như tất cả các Cơ Đốc Nhân thật đã tin, thì tôi cũng tin rằng Chúa Jê-sus đã chết vì cơ tội lỗi của tôi. Các nhà lãnh đạo Do Thái và đám đông là các tác nhân thù địch không có chủ ý trong việc thực hiện mục đích của Đức Chúa Trời, vì Con của Ngài phải chết vì tội lỗi của thế gian (2:23; 3:17-18). Tôi khiêm nhường biết ơn để có thể nói rằng kết quả: “Ngài gánh tội lỗi chúng ta trong thân thể Ngài trên cây gổ” (I Phi-e-rơ 2:24); “Ấy là trong Đấng Christ, chúng ta được cứu chuộc bởi huyết Ngài, được tha tội, theo sự dư dật của ân điển Ngài” (Ê-phê-sô 1:7); và sau đó biết rằng sự tha thứ và sự cứu rỗi là những từ ngữ được ban cho tất cả mọi người, Người Do Thái cũng như người Ngoại Bang, không phân biệt (Rô-ma 3:22-24). Tôi không suy nghĩ về sự cáo buộc bất kỳ người Do Thái nào về sự chết của Chúa Giê-su Christ, ngoại trừ ý thức rằng tôi cũng là người tội lỗi như họ, đã khiến cho Đấng Mê-si-a phải chịu chết trên cây gổ. Nhưng đồng thời, tôi tin rằng không có nền tảng về sự tha thứ và sự tiếp nhận Chúa nào khác dành cho bất kỳ người nam, người nữ nào trên đất, hơn là sự chết của Chúa Jê-sus. Vì vậy, tôi chắc chắn rằng một Người Do Thái khước từ sự hy sinh và sự cứu rỗi của Đấng Christ cũng sẽ nhận lấy hậu quả nghiêm trọng và đời đời y như một người Ngoại Bang.

Thứ ba, tôi bảo đảm với cả tấm lòng về sự nhấn mạnh dứt khoát của Đức Chúa Trời phán rằng, Ngài “chẳng từng bỏ dân Ngài đã biết trước” (Rô-ma 11:1-2). Một ngày kia “tất cả người Y-sơ-ra-ên” (theo nghĩa đen cả nước Y-sơ-ra-ên) sẽ được cứu (Rô-ma. 11:26). Các ân tứ và sự kêu gọi của Ngài không thể thay đổi (Rô-ma 11:29). Đất nước mà Ngài đã từng kêu gọi bước vào một vai trò đặc biệt trong thế gian một lần nữa sẽ được ban cho sự vinh dự để đóng một vai trò cho Đức

Chúa Trời. Họ sẽ không có được điều đó ngay; và cũng không hưởng điều đó trong lúc này. Phải chờ đợi đất nước ăn năn và hòa thuận lại với Con của Đức Chúa Trời, Đấng Cứu Thế của họ; nhưng điều đó sẽ xảy ra. Cùng với Giáo sư CEB Cranfield, và rất nhiều Cơ Đốc Nhân khác, tôi lấy làm tiếc về “quan niệm sai trật và không phù hợp với Kinh Thánh đó là Đức Chúa Trời đã bỏ dân sự Y-sơ-ra-ên của Ngài, và đơn giản thay thế dân sự ấy bằng Hội Thánh Cơ Đốc và thật sự tôi hối tiếc phần lớn các nước theo Đạo Thiên Chúa giáo trải qua nhiều thế kỷ và cho đến nay đã rơi vào sự kiêu ngạo chống lại điều Phao-lô đã cảnh báo chúng ta, là các Cơ Đốc Nhân Ngoại Bang, tưởng rằng tương lai không có một dân Y-sơ-ra-ên như vậy (Rô-ma 11:18, 20, 25). Nhưng đối với tôi dường như nếu chúng ta thực sự ăn năn về cách cư xử hổ thẹn của đạo Thiên Chúa giáo về Do Thái Giáo trong quá khứ, thì chúng ta phải hỏi những câu hỏi nghiêm túc điều gì đã dẫn đến như vậy.

Giáo sư E. Mary Smallwood, đồng nghiệp của tôi trước đây, trong một bài giảng khai mạc đã đưa ra chủ đề rất thích hợp nhưng thật đáng buồn, “Từ Sự Bảo Vệ người Ngoại Giáo đến Chống Đối Cơ Đốc Nhân,” giải thích như sau. Sau khi chỉ ra rằng tất cả những nhà thống trị ngoại giáo của La-mã từ Julius Caesar trở đi đã trôi qua, hoặc luật pháp đặc biệt được duy trì để bảo vệ người Do Thái, bà tiếp tục nói:

Sự cải đạo thành Cơ Đốc Giáo của Constantine vào năm 312 chắc chắn có ý nghĩa là một sự thay đổi thái độ của viên quan La Mã đối với Do Thái giáo. Giáo Hội và nhà nước đã thay đổi từ chỗ kẻ thù cay độc thành các đồng minh hầu như chỉ qua một đêm. Không giống như người ngoại giáo La-mã, Giáo Hội đã có một cuộc tranh luận thần học với Do Thái giáo, và hiện điều đó đang ở trong vị trí quyền lực chính trị. Con gái của đạo Do Thái đã mâu thuẫn với mẹ cô ta suốt cả cuộc đời, nhưng cho đến nay, vũ khí duy nhất của cô đã trở nên thanh kiếm của bài giảng và luận án bằng lời. Giờ đây cô đã có vũ khí trong tay, nếu cô ta chọn sử dụng nó, đó là vũ khí pháp luật.²

Và sau đó:

Điều gì đã bắt đầu xảy ra dưới thời Constantine khi nỗ lực bảo vệ Cơ Đốc Giáo khỏi Do Thái giáo, cùng lúc bảo vệ các quyền tôn giáo của người Do Thái đã phát triển dưới thời Justinian thành bắt đầu cuộc đàn áp nghiêm trọng Do Thái giáo bởi chính quyền nhơn danh Cơ Đốc

Giáo.3

Sau đó, rắc rối bắt đầu xảy ra, khi giáo hội tham gia với nhà nước. Đương nhiên, trong thời Cựu Ước khi dân Y-sơ-ra-ên là một chế độ chính trị thần quyền và các vị vua đã “được Chúa xúc dầu”, chính quyền tôn giáo của dân Y-sơ-ra-ên đã được Đức Chúa Trời ban mạng lệnh dùng sức mạnh dân sự để trừng phạt, loại trừ, những kẻ thờ thần tượng và những người bội giáo nếu cần thiết (Phục Truyền 13:12-18; 17:2-7). Ngay cả đến thời Tân Ước, khi những người Do Thái ở Giê-ru-sa-lem đã mất kiểm soát quyền dân sự, họ rất vui mừng, Lu-ca (12: 1-3), cho chúng ta biết khi một trong các Hê-rốt dùng quyền lực dân sự để bắt bớ hội thánh mới được ra đời.

Nhưng Cơ Đốc Giáo được cho là khác biệt so với Do Thái giáo. Cơ Đốc Nhân đã theo một vị Vua mà vương quốc của Ngài không thuộc về thế gian này, và Đấng không cho phép các môn đồ của Ngài dùng gươm trong công tác truyền bá hoặc bảo vệ Phúc-âm (Ga-la-ti 18:36-37; Ma-thi-ơ 26:52; II Cô-rinh-tô 10: 4). Không ai từng bị ép buộc để trở nên một Cơ Đốc Nhân dưới sự đe dọa trừng phạt dân sự hoặc bị phân biệt đối xử hay bị bắt bớ bởi quyền lực dân sự vì không phải là một Cơ Đốc Nhân.

Vì vậy, điều đó hoàn toàn là thảm họa, các nước theo đạo Thiên Chúa giáo không còn hoạt động trở thành một nhà nước thuộc thầy tế lễ giống như dân Y-sơ-ra-ên xưa, đã tưởng tượng rằng họ là nhóm người được dự định nối tiếp dân Y-sơ-ra-ên trên đất, và suy nghĩ trong trí rằng họ có quyền, và thậm chí có một trách nhiệm được Đức Chúa Trời đã ban cho, như dân Y-sơ-ra-ên đã có, để dùng sức mạnh dân sự đàn áp và loại bỏ những kẻ dị giáo, người bội đạo, và người không tin. Từ sự sai sót bên trong Do Thái Giáo đã xảy đến việc phân biệt đối xử chính trị như danh Cơ Đốc Giáo, những cuộc thập tự chinh chống lại những kẻ ngoại đạo, những cuộc điều tra và tàn sát những kẻ dị giáo, những dòng sông máu và nước mắt trong danh của Chúa Jêsus.

Nếu việc nghiên cứu của chúng tôi nói đến việc nhấn mạnh của Lu-ca trong sách Công-vụ về sự khác biệt có ý định giữa Cơ Đốc Giáo và Do Thái Giáo giúp chúng ta khỏi rơi vào sai lầm một lần nữa, thì việc nghiên cứu của chúng tôi sẽ không vô ích.4

Phụ Lục 2

Nếu Sách Công-vụ là Một Tác Phẩm Văn Chương Có Cấu Trúc Care Thận, Liệu Vẫn Được Xem Là Sách Lịch Sử Đáng Tin Cậy Không?

Tại sao không? Ở bất cứ mức độ nào, sự trình bày này được dựa trên sự tin quyết vững chắc rằng nó đáng tin cậy. Đúng, chúng tôi đã không đặt ra để chứng minh tính lịch sử của sách Công-vụ. Những người khác đã làm điều đó rất chi tiết, và không có cuốn sách nào đầy đủ hơn so với tác phẩm gần đây của C. J. Hemer, phần lớn đề cập đến cuốn sách này, *Sách Công vụ trong sự trình bày về lịch sử Hy Lạp hóa*, ed. Conrad H. Gempf (Tübingen: J. C. M. Mohr, 1989), trong đó có tài liệu tham khảo phong phú đối với việc khám phá của các học giả khác, những người đã nghiên cứu, và vẫn đang làm việc, trong lĩnh vực này, cùng với các cuộc thảo luận bàn cãi đã dấy lên trong sự hỗ trợ của quan điểm ngược lại. Do đó, sự trình bày hiện tại không cần thiết lặp lại tất cả các cuộc tranh luận quan trọng đã được lên chi tiết mà những người khác đã thêm cho lịch sử của Công-vụ. Người ta thừa nhận lịch sử đó, và trên cơ sở đó đã tiến đến giai đoạn cần thiết kế tiếp trong việc tìm hiểu về sách Công-vụ: một nghiên cứu về tài liệu mà Lu-ca đã chọn bao gồm cả phần tiểu sử của ông; cách ông sắp xếp lại với nhau những phần ông đã chọn; dòng ý tưởng xuyên suốt được sắp xếp trong bài tường thuật của ông, nhờ đó trình bày cho chúng ta về các chủ đề chính của sách.

Nhưng trong thực tế, như chúng ta đã đề nghị, nếu Lu-ca phân chia bài tường thuật của ông thành sáu phần chính thức, lựa chọn và sắp xếp các tài liệu, trong mỗi phần đó trình bày một hoặc nhiều chủ đề chính, thì liệu thủ tục đó có tự động vi phạm luật lệ khắc khe của làm mất đi những sự chính xác không phải rằng thủ tục tự động mất đi tất cả luật khắc khe của việc chép sử không?

Đương nhiên là không! Tại sao vậy? Khi tôi viết, tôi để một tác

phẩm lịch sử trước mặt được viết bởi giáo sư A. J. P. Taylor với tựa *Struggle for Mastery in Europe 1848-1918* (tạm dịch. *Cuộc Đấu Tranh Quyền Làm Chủ ở Châu Âu 1848-1918*) (Oxford: Clarendon Press, 1954, repr 1969). Tác phẩm này được chia thành hai mươi ba phần riêng biệt; chỉ khác là tác giả không gọi đây là các phần, như tôi đã gọi theo sự phân chia của Lu-ca: Người ta gọi là các đoạn. Tôi nghĩ, không một người nào dám gọi tác phẩm lịch sử của Giáo sư Taylor là không đáng tin cậy chỉ vì ông đã phân chia lời tường thuật sự kiện của bảy mươi một năm thành thành các phần!

Nhưng thậm chí còn tệ hơn. Mặc dù, sự mô tả các sự kiện của Lu ca về giai đoạn này đi theo thứ tự niên đại, thì mỗi đoạn được phân chia không đồng đều về số năm mà đoạn ấy tường thuật: Ví dụ, một số đoạn tường thuật ba năm, bốn hoặc năm năm, một số chỉ một năm. Hơn nữa, ngay từ cái nhìn đầu tiên, sự phân chia trông rất tùy tiện. Tệ hơn nữa, sự không đồng đều chia nhỏ trở thành các phần tùy ý, hình như đã được tính toán trước để các nội dung đã được lựa chọn điền vào mỗi phần sẽ trình bày một chủ đề chung. Ví dụ, Chương 1 bao gồm chỉ một năm (1848), và được nói bởi chủ đề Giáo sư Taylor đã trình bày “*The Diplomacy of Revolution*” (tạm dịch *Cuộc Cách Mạng Thuật Ngoại Giao*). Chương 2 bao gồm các sự kiện trong hai năm (1849-1850), để nó có thể trình bày chủ đề “*The Diplomacy of Reaction*” (tạm dịch *Phản Ứng của Thuật Ngoại Giao*) (và hai chủ đề liên tiếp này trông nguy hiểm giống như bắt đầu của một sự đối đầu!). Và Chương 17 gồm bốn năm (1899-1902), để nó có thể trình bày chủ đề “*The Era of ‘World Policy.’*” (tạm dịch *Thời Đại của Chính Sách Thế Giới*).

Hiện nay, không phải tất cả các nhà sử học hiện đại đều có thể chấp nhận các lời giải thích về những sự kiện của Giáo sư Taylor lựa chọn và mô tả; Tôi không phải là một sử gia để biết cách đây đủ. Nhưng những người biết suy nghĩ sẽ cho rằng tác phẩm của Giáo sư Taylor đã làm giảm thiểu tính đáng tin cậy của lịch sử, bởi vì ông không tường thuật từng sự kiện đã xảy ra ở châu Âu vào năm 1848-1918; và vì ông đã phân chia các sự kiện mà ông đã chọn thành các phần hoặc các nhóm, vì theo ông, các sự kiện mà ông đưa vào một

nhóm là những sự kiện có cùng một chủ đề? Và nếu Giáo sư Taylor đã không bị xem là làm giảm đi tính đáng tin cậy của lịch sử, thì tại sao Lu-ca lại bị người ta qui gán như vậy, vì ông đã chia lịch sử thành nhiều phần, và sau đó chọn các nội dung của mỗi phần để trình bày một chủ đề hoặc một đề tài chung? Nếu có điều gì không đúng – xin Giáo sư Taylor bỏ qua cho tôi vì đã nói như vậy – Giữa hai tác giả này, Lu-ca có thể được cho là đáng tin cậy hơn, bởi vì ông đã thêm vào rất ít lời giải thích để phê bình các sự kiện mà ông đã ghi chép. Thậm chí, ông không phát minh ra các chủ đề trong các phần của ông. Và đối với các yếu tố diễn giải cần thiết liên quan đến việc biên soạn sách Công-vụ, ông có uy quyền của Đức Thánh Linh cảm thúc ông.

Vâng, nhưng Lu-ca không chỉ chia tác phẩm của ông thành nhiều phần, và không chỉ điền vào mỗi phần với tài liệu được chọn lựa cách cẩn thận một hay nhiều chủ đề chính; mà ông đã trình bày tài liệu trong mỗi phần theo hình thức cân xứng – hoặc ít nhất theo các sự trình bày đã nói ở trên. Một người có thể tranh cãi, rằng tác phẩm của Lu-ca không mang tính lịch sử chính xác, họ cho rằng, bởi vì bạn không thể ép lịch sử thật vào sự ràng buộc của thể đối xứng văn chương mà không bóp méo lịch sử.

Đúng là bạn không thể, nếu bạn cho rằng “lịch sử thật” là điều mà mọi người đã nói, đã làm, và đã kinh nghiệm, cộng với tất cả mọi sự kiện đã xảy ra trong suốt quá trình của một quãng thời gian nhất định. Nhưng theo tôi biết, chẳng có ai từng cố gắng để viết lịch sử theo kiểu đó; nếu có thì chỉ duy Đức Chúa Trời có thể làm được.

Nhưng giả sử một sử gia đã quyết định viết một công trình nghiên cứu ngắn về Chiến Tranh Thế Giới Thứ Hai, và xây dựng chuyên khảo của ông làm năm phần như sau:

1. Các nguyên nhân dẫn đến lời tuyên chiến.
2. Giai đoạn trực Béc-lin chiến thắng.
3. Tình thế đảo ngược
4. Giai đoạn Đồng minh chiến thắng
5. Các lệnh ngừng bắn và các hậu quả ngay sau chiến tranh.

Hình thức công trình nghiên cứu của ông là thể đối xứng. Nhưng điều đó không có nghĩa rằng sử gia đã áp đặt một cấu trúc đối xứng tùy hứng về các sự kiện của cuộc chiến tranh. Đơn giản, cấu trúc của ông sẽ phản ánh một mô hình đã vốn có trong tiến trình của các biến cố từng xảy ra. Ông cũng không bóp méo những sự thật lịch sử bằng cách chọn lọc quá đáng để làm cho các sự kiện được chọn lựa tiết lộ khuôn mẫu này.

Đối với Lu-ca cũng vậy. Hai cuộc hành trình chính, mà một ở trong phần đầu và một nằm trong phần chuyển động của Phần Sáu, đã hình thành hình thức đối xứng rất rõ ràng. Nhưng Lu-ca đã không bịa đặt ra cả hai hành trình để tạo ra một cấu trúc đối xứng. Phao-lô cũng không thể từ Ê-phê-sô lên Giê-ru-sa-lem mà không có một cuộc hành trình dài, hay từ Sê-sa-rê đến Rô-ma mà không có một cuộc hành trình nữa.⁵

Phải thừa nhận rằng, Lu-ca chọn lọc rất kỹ về những gì ông đã ghi chép lại (xem trang 17). Nhưng sau đó, không phần nào trong sách tuyên bố rằng ông đã viết và mô tả hết các khía cạnh của sự gia tăng và lây lan của Cơ Đốc Giáo; và chúng ta không thể chỉ trích ông vì đã không làm những gì mà ông chưa bao giờ lên kế hoạch. Rắc rối của chúng ta là nhiều người cho là trước khi họ bắt đầu đọc sách Công-vụ, rằng Lu-ca phải có ý định để viết đầy đủ lịch sử về sự tràn lan của Cơ Đốc Giáo, và họ đánh giá tác phẩm của ông theo cách nghĩ của họ. Trong khi đó, những gì chúng ta nên làm là đọc sách Công-vụ với một tâm trí cởi mở, và để những gì Lu-ca đã thực sự viết, sự lựa chọn tài liệu của ông và các tỷ lệ ông đã đưa ra, xây dựng trong tâm trí của chúng ta một bức tranh về những gì ông đang nhắm đến để và những gì ông đã trình bày.

Hoặc chúng ta hãy xem chuyển động đầu tiên và cuối cùng của Phần Năm đã cân xứng với nhau như thế nào: Cả hai chuyển động đều trình bày chi tiết về Đức Thánh Linh, đầu tiên là sự hướng dẫn của Ngài, cuối cùng sự tiếp nhận của Ngài. Cả hai mô tả chi tiết về một người bị quỷ ám, trước tiên lời công bố đuổi quỷ trong câu hỏi của Phao-lô, cuối cùng là nỗ lực nói lời đuổi quỷ bởi những người trừ quỷ Do Thái lưu động. Ở đây chúng ta có thể nói, nắm bắt ý tưởng

của Lu-ca mỗi khi ông xây dựng thể đối xứng. Chỉ trước khi sự việc xảy ra của người Do Thái lưu động, ông nói với chúng ta rằng qua chức vụ của Phao-lô tại Ê-phê-sô, vô số tà linh ra khỏi các nạn nhân (19:12). Tuy nhiên, ông không mô tả chi tiết những lời đuổi quỷ của Phao-lô. Tại sao ở đây ông không mô tả chi tiết? Vì ông đã mô tả chi tiết lời đuổi quỷ thành công của Phao-lô trong chuyển động đầu tiên (16: 16-18) và các kết quả xảy ra. Trong phần chuyển động cuối cùng, Lu-ca chọn mô tả chi tiết về các nỗ lực đuổi tà linh không thành công của người đuổi quỷ Do Thái và các kết quả sau đó. Chủ đề chung, và sự khác biệt rõ ràng, nêu lên ý nghĩa của kết quả đối xứng.

Không thể phủ nhận rằng, trong quá trình hình thành đối xứng, Lu-ca đã chọn lọc rất kỹ giữa những phần ông đã chọn để mô tả chi tiết, và những phần ông đã quyết định chỉ đề cập thật tóm tắt. Nhưng không cần phủ nhận điều đó, vì nó không giải đáp được tính lịch sử chính xác của những sự kiện mà ông đã mô tả chi tiết. Lu-ca đã giữ cách tường trình theo niên đại của sự kiện (giống như Giáo sư Taylor đã tường trình. Bạn còn nhớ chứ?); nhưng rồi, phải thừa nhận rằng, ông giống như một thợ kim hoàn đang làm một dây chuyền từ những viên đá có các màu sắc và kích cỡ khác nhau, những sự kiện được lựa chọn theo thứ tự niên đại tiến đã hình thành những sự đối xứng đầy ý nghĩa. Nhưng làm thế nào sợi dây ấy tự hình thành một nền tảng mà người ta có thể chất vấn về tính lịch sử trong tường thuật của ông?

Giả sử ông đã sử dụng một lối văn chương khác. Giả sử, thay vì trình bày theo thứ tự niên đại, ông đã chọn trình bày lịch sử theo hình thức chủ đề. Thì sau đó ông có thể có một đoạn bắt đầu với lời tuyên bố: “Trong đoạn này, tôi gom theo nhóm phần tôi đã lựa chọn mô tả sự kiện xảy ra cho thấy thái độ của sứ đồ đối với thuyết thông linh và đuổi quỷ, trái ngược với thái độ ngoại giáo đối với thuyết thông linh và những phương pháp cố gắng đuổi quỷ.” Thì một đoạn như vậy có thể bao gồm sự đuổi quỷ thành công của Phao-lô ra khỏi thầy phù thủy tại Phi-líp, và nỗ lực không thành công của người Do Thái đi hết nơi này đến nơi kia tại Ê-phê-sô để đuổi quỷ. Và tôi cho rằng, không ai đã phàn nàn hai sự việc liên quan xảy ra không mang tính lịch sử bởi vì Lu-ca đã lựa chọn hai sự kiện ấy giữa biết bao sự kiện để đưa

vào đoạn này. Vậy tại sao một lối văn chương tường thuật, mà thật sự Lu-ca đã sử dụng, lại gieo rắc nghi ngờ về tính lịch sử của hai sự kiện này, trong khi phương pháp này thì không?

Phải thừa nhận rằng một số người cảm thấy có thành kiến khi nhìn thấy các cấu trúc, và đặc biệt là cấu trúc theo lối đối xứng, trong lối văn tường thuật giống như sách Công-vụ: đã làm hạn chế sự tự do giải thích của họ. Lấy một ví dụ. Họ hỏi, tại sao chúng ta bắt buộc phải đọc sáu câu đầu của chương 6, với những sự tham khảo đối với Ê-tiên, là mục cuối cùng của một sự đối xứng được xây dựng một cách cẩn thận, chương 1: 1-6: 7 (Công-vụ đã trình bày điều gì ở đây)? Tại sao chúng ta không thể đọc 6: 1-6 khi bắt đầu chức vụ của Ê-tiên, rồi 6:8 tiếp tục trình bày điều gì? Câu trả lời là không có lý do trên đất tại sao bạn không nên đọc 6: 1-6 như là phần bắt đầu chức vụ của Ê-tiên nếu bạn muốn. Một sự phân chia các dòng sự kiện của tác giả thành các phần được mô tả rõ ràng không thể hủy bỏ một thực tế mà những sự kiện là một phần không thể thiếu đang diễn ra liên tục trong lịch sử. Chương 6: 1-6 là sự ghi chép về một sự kiện lịch sử. Thực tế, chính Lu-ca có thể đã trình bày điều đó như là mục cuối cùng trong Phần Một không loại bỏ khỏi việc ghi nhận đặc điểm mà tất cả các sự kiện lịch sử thật đã có, cụ thể, độc giả tự do thực hiện bất cứ suy luận nào mà họ muốn (làm như vậy có thể hợp pháp) vượt trên mục đích chính tác giả có thể đã có trong sự ghi chép đó.

Sau mười tám giờ lái xe mệt mỏi trên một tuyến đường không quen thuộc, người tài xế tìm mãi mới ra một phòng trống trong một khách sạn, thì sự kiện ấy cũng có thể rất quan trọng đối với một cho các du khách và họ sẽ ghi lại trong nhật ký như là một sự kiện cuối cùng của một ngày quá kiệt sức. Nhật ký của ngày hôm sau có thể không đề cập đến họ khởi hành từ khách sạn ấy vào buổi sáng, vì dường như đối với du khách ấy, sự việc đó không quan trọng cho bằng việc tìm được khách sạn vào đêm hôm trước. Nhưng sẽ không có lý do gì một số độc giả đọc cuốn nhật ký ấy mà không thể suy luận cách đúng đắn rằng du khách đã khởi hành từ khách sạn đó vào buổi sáng, và thấy ý nghĩa thú vị trong cuộc hành trình tiếp theo như được mô tả trong nhật ký.⁶

Điều này đưa chúng ta đến một đặc điểm khác trong bản tường thuật của Lu-ca. Trong phần trình bày ở trên, tôi đã tập trung vào các cấu trúc chính của sách, đó là trong sáu phần và trong các cấu trúc đối xứng của các sự kiện bên trong sáu phần ấy. Tôi đã làm như vậy bởi vì loại cấu trúc đó kiểm soát và trình bày các dòng suy nghĩ của câu chuyện đang diễn ra; và bởi vì lần đầu tiên và cuối cùng chúng ta phải đọc sách Công-vụ theo từng chi tiết nhỏ, từng câu một như câu chuyện đang diễn ra. Còn về các loại cấu trúc khác thì tôi đề cập đến rất ít. Nhưng đương nhiên vẫn có sự hiện diện của các cấu trúc khác. Chắc chắn trong một tác phẩm dài như thế này sẽ luôn có những cấu trúc khác nhau và có thể lặp lại, và nếu chúng ta nghiên cứu bằng phương pháp so sánh các cấu trúc khác nhau sẽ là rất ích lợi và nhìn thấy vấn đề rõ ràng.

Ví dụ, trong sách Công-vụ có ba câu chuyện thoát khỏi nhà tù:

- | | |
|-----------|---|
| Phần Một. | Một thiên sứ cứu mười hai sứ đồ khỏi nhà tù cách kỳ diệu (5:17-32). |
| Phần Ba. | Một thiên sứ giải cứu Phi-e-rơ ra khỏi tù cách kỳ diệu (12: 5-10). |
| Phần Năm. | Một trận động đất sẽ mở ra những cánh cửa của nhà tù, mà trong đó Phao-lô và Si-la đang bị nhốt, và xiềng xích bị tháo ra (16: 25-28). ⁷ |

Việc nghiên cứu hàng loạt các sự kiện giống như vậy trong toàn cả sách có thể là một công cụ vô giá. Người nghiên cứu có thể nhận ra những khác biệt bằng cách trước hết xem xét những sự tương đồng đều có trong cả ba sự kiện; sau đó, điều quan trọng hơn, là những sự khác biệt đầy ý nghĩa; và cuối cùng là cách mà những yếu tố đặc biệt của mỗi một tình tiết tương tự ăn khớp với bối cảnh của mỗi câu chuyện như thế nào.

Tuy nhiên, loại cấu trúc này không nhất thiết phải là một phần cấu trúc cơ bản của cuốn sách – đương nhiên là nó không mâu thuẫn với cấu trúc căn bản. Cấu trúc và mô hình là hai điều khác nhau, như có thể thấy từ thực tế các yếu tố thuộc một và khuôn mẫu tương tự

không nhất thiết hay thường xuyên xen vào với các cấu trúc cơ bản của cuốn sách. Chẳng hạn như, ví dụ nổi tiếng nhất về khuôn mẫu trong sách Công-vụ là gì, mà người ta dựa vào đó để nghiên cứu theo lối suy diễn: Đó là người ta tìm ra được sự cân bằng rõ ràng mà Lu-ca duy trì giữa các hoạt động của Phi-e-rơ và Phao-lô.

Nếu chia cấu trúc cuốn sách thành hai nửa (Chương 1-12 và Chương 13-28) với ba phần trong một nửa đầu và ba phần trong nửa thứ hai, nhìn chung sẽ thật đúng đắn để nói rằng Phi-e-rơ chiếm ưu thế trong nửa đầu và Phao-lô trong nửa thứ hai. Nhưng có những trường hợp ngoại lệ. Phi-e-rơ ít khi xuất hiện trong Phần Hai. Ê-tiên, Phi-lip và Saulơ (Phao-lô) là những người nổi bật; nhưng Phi-e-rơ có chỉ mười một câu (8: 14-24; và thậm chí còn ít hơn nếu chỉ đếm những câu ông được đề cập đến một cách rõ ràng). Trái lại, trong Phần Bốn Phi-e-rơ và Gia-cơ cần phải nổi bật hơn Phao Lô ở Hội Nghị Giê-ru-sa-lem (15: 6-29).

Một lần nữa, thật thú vị và mang tính qui nạp khi quan sát Phi-e-rơ chữa lành người què (3:1-10), quở trách một tiên tri giả (8: 18-24), kêu kẻ chết sống lại (9: 37-41), được cứu ra khỏi tù (12: 5-10); tương tự, Phao-lô chữa lành một người què (14: 8-10), quở trách một tiên tri giả (13: 8-12), kêu kẻ chết sống lại (20: 8-12), và được cứu khỏi tù (16: 25-28). Nhưng nếu một người nêu lên những nét tương đồng của những sự kiện xảy ra, thì chúng ta sẽ có bảng liệt kê như sau:

Phi-e-rơ chữa lành một người què (Chương 3)	Phần 1	Phao-lô chữa lành một người què (Ch 14)	Phần 4
Phi-e-rơ tự bảo vệ mình trước Hội Đồng tôn giáo (Chương 4 và 5)	Phần 1	Phao-lô bênh vực mình trước Hội Đồng tôn giáo (Ch 23)	Phần 6
Phi-e-rơ quả trách một tiên tri giả (chương. 8)	Phần 2	Phao-lô quả trách một tiên tri giả (Ch 13)	Phần 4
Phi-e-rơ kêu kẻ chết sống lại (Chương. 9)	Phần 3	Phao-lô kêu kẻ chết sống lại (Ch 20)	Phần 6
Phi-e-rơ được ra khỏi tù (Chương 5 và chương 12)	Phần 1 và 3	Phao-lô được ra khỏi tù (Ch 16)	Phần 5

Từ tất cả những điều này, cho thấy rằng cấu trúc và sự sắp xếp đối xứng chi tiết của những sự kiện bên trong mỗi phần không giống như khi chúng ta có cái nhìn bao quát. Cả chi tiết và tổng thể đều quan trọng và có ý nghĩa sâu sắc; không loại trừ nhưng sự bổ sung cho nhau; và làm cho chúng ta thêm hiểu biết phong phú nếu chúng ta không bị rối bởi những điều này, nhưng để cho mỗi chức năng đặc biệt của phần được thể hiện trong toàn bộ tầm thăm thấu đa dạng phong phú của Lu-ca.

Phần Một

Chúa Jêsus. Con cháu Vua Đa-vít, được chỉ định ngôi trên ngôi của Vua-Đa-vít (2: 29-35).

“Vi Chúa sẽ chẳng để linh hồn tôi nơi Âm phủ. và chẳng cho Đấng Thánh của Ngài hư nát đâu... Ngài chẳng bị để nơi Âm phủ, và xác thịt Ngài chẳng thấy sự hư nát.” (2:27, 31).

Phần Bốn

Chúa Jêsus Con Vua Đa-vít được dấy lên làm Đấng Cứu Thế (13: 22-26).

Ngài đã làm cho Đức Chúa Jêsus sống lại, dựng nay khỏi trở về sự hư nát nữa, ấy về điều đó mà Ngài đã phán rằng: Ta sẽ thành tín giữ cùng các ngươi lời hứa thánh đã phán với Đa-vít... nhưng Đấng mà Đức Chúa Trời đã khiến sống lại, chẳng có thấy sự hư nát đâu.” (13: 34-37).

Bây giờ, để kết thúc cho phần nghiên cứu dài này, chúng ta hãy tự thưởng cho mình bằng cách suy gẫm một khuôn mẫu đơn giản nhưng đánh mạnh vào sự tương ứng giữa nửa phần đầu và nửa phần thứ hai của sách Công-vụ, để tổng hợp cho chúng ta những sứ điệp chính của cả sách. Trước tiên

Các điểm tương tự về ý tưởng, cụm từ, và trích dẫn lời công bố của Chúa Jêsus, sau đó, như vị Vua, Người không bao giờ trải qua hư nát và hiện đang ngồi trên ngai vinh hiển. Một sự khác biệt đầy ý nghĩa cho phần áp dụng. Phần Một mô tả Chúa Jêsus là Đấng Thánh của Đức Chúa Trời (Dt hasld; hosios Gk.): Tập trung chú ý vào sự trung tín với Đức Chúa Cha (xem trang 62-63). Phần Bốn, ngược lại, chọn ra các phản ứng trung thành của Cha với Chúa Jêsus, bằng cách trích lời hứa của mình “Ta sẽ cho các ngươi Đấng Thánh [Heb. hasde; Gk. hosia] và những phước hạnh bảo đảm của vua Đa-vít “Rồi kế tiếp:

Phần 2

“Nhưng Đấng Rất Cao chẳng ở trong nhà bởi tay người ta làm ra, như đấng tiên tri đã nói:
Chúa phán: Trời là ngai ta, Đất là bệ chân ta.
Nào có nhà nào các người cất cho ta, Có nơi nào cho ta yên nghỉ chẳng?
Há chẳng phải tay ta đã dựng nên mọi vật này chẳng?” (7: 48-50)

Phần 5

“Tuy nhiên, Đấng Tối Cao “Đức Chúa Trời đã dựng nên thế giới và mọi vật trong đó, là Chúa của trời đất, chẳng ngự tại đền thờ bởi tay người ta dựng nên đâu” (17:24)

Trong Phần Hai, Ê-tiên nói trực tiếp cho người Do Thái, ở phần Năm Phao-lô nói trực tiếp cho dân Ngoại Bang; nhưng dù qua Ê-tiên hay Phao-lô, dù đối với người Do Thái hay dân Ngoại Bang, sứ điệp vẫn tương tự. Nhưng tất cả điều này liên quan đến đề tài mà chúng ta đang theo ngay giây phút hai diễn giả bắt đầu cho đến lúc kết thúc những phần giảng dạy của họ.

Đây là hình ảnh của Ê-tiên nói với thánh giá của ông: “Nhưng người, được đầy dẫy Đức Thánh Linh, mắt ngó chằm lên trời, thấy sự vinh hiển của Đức Chúa Trời, và Đức Chúa Jêsus đứng bên hữu Đức Chúa Trời; thì người nói rằng: Kia, ta thấy các tầng trời mở ra, và con

người đứng bên hữu Đức Chúa Trời.” Ông thấy Chúa Jêsus là Đấng Dạy Dỗ, Bảo vệ Đấng bào chữa trong tòa án tối cao, và trước mặt những người Do Thái ném đá ông cho đến chết, ông kêu đến Ngài trong sự tự tin, “Lạy Đức Chúa Jêsus, xin tiếp lấy linh hồn tôi. Đoan, người qui xuống, bày tỏ lòng thương xót đối với họ: “Lạy Chúa, xin đừng đổ tội này cho họ!” (7: 55-56, 59-60).

Phao-lô ở trong cao trào của bài giảng về Chúa Phục Sinh là Đấng phán xét: “Vậy thì, Đức Chúa Trời đã bỏ qua các đời ngu muội đó, mà nay biểu hết thấy các người trong mọi nơi đều phải ăn năn, vì Ngài đã chỉ định một ngày, khi Ngài sẽ lấy sự công bình đoán xét thế gian, bởi Người Ngài đã lập, và Đức Chúa Trời đã khiến Người từ kẻ chết sống lại” (17: 30-31).

Kể đến:

Phần Ba

Phi-e-rơ bị giam bởi vua Hê-rốt Ạc-ríp-pa I nhưng với một sự giúp đỡ giải thoát của một thiên sứ (12: 1-10).

Phần Sáu

Phao-lô bị xiềng, tự bênh vực mình trước mặt Hê-rốt Ạc-ríp-pa II và được tuyên bố tội (26: 1-32).

Quan trọng hơn sự so sánh lịch sử trung thực này là phần tiếp theo hai sự kiện thể thức không chỉ trong các phần tương ứng của nó mà còn nằm trong mỗi nửa của sách. Vào cuối Phần Ba nói cho chúng biết ta rằng Vua Hê-rốt Ạc-ríp-pa. Đến kỳ, vua Hê-rốt mặc áo châu, ngồi trên ngai, truyền phán giữa công chúng Dân chúng kêu lên rằng: Ấy là tiếng của một thần, chẳng phải tiếng người ta đâu! Liền lúc đó, có thiên sứ của Chúa đánh vua Hê-rốt, bởi có chẳng nhường sự vinh hiển cho Đức Chúa Trời; và vua bị trùng đục mà chết. (12: 21-23). Vì vậy, nửa phần đầu của sách Công-vụ đầu mở ra bằng cách giới thiệu Vua người đã không thấy sự hư nát, bây giờ được sống lại ngồi bên hữu Đức Chúa Trời, ngồi trên ngai của Đức Chúa Trời, được chứng minh là Chúa và Đấng Christ. Và nửa đầu kết thúc với một vị vua phạm trọng tội, bắt chước sự vinh quang Thiên Thượng, đã trở nên hư nát và nhục nhã nhất.

Vào cuối Phần Sáu cho chúng ta biết rằng Phao-lô đã nói thẳng với các nhà lãnh đạo của cộng đồng Do Thái ở La-mã về chủ đề cai trị nhà vua của Đức Chúa Trời, cố gắng thuyết phục họ về Chúa Jêsus

từ Luật pháp Môi-se và các lời tiên-tri. Nhưng nhiều người sẽ không tin. Do đó, Phao-lô đã trích lời cảnh cáo nghiêm khắc được Chúa Ban cho tiên-tri Ê-sai, đó là cuối cùng những người không tin của dân Y-sơ-ra-ên sẽ mù mắt, lòng họ đóng lại, không thể thấy sự cứu rỗi. Vì vậy, đó là một nửa thứ hai của sách Công-vụ mở ra bằng cách trình bày một lần nữa Vua không có sự hư nát, đã được trù định trước không bao giờ chết, được Đức Chúa Trời đẩy lên làm Đấng Cứu Thế của Y-sơ-ra-ên. Và điều đó kết thúc bằng lời Chúa phán với Ê-sai, Ngài ban cho ông một cơ hội khi Ê-sai nhìn thấy vị vua ngồi trên ngai cao sang vạt áo của Ngài đầy đầy đèn thờ, vị Vua vinh hiển mà nhiều người trong Y-sơ-ra-ên la lên ôi! Chưa bao giờ nhìn thấy (Êsai 6: 1-10, Công-vụ 28: 23-28).

Phần Chú Thích

PHẦN GIỚI THIỆU

- 1 John Hick (biên tập), *The Myth of God Incarnate* (London: SCM Press, 1977), tr. 4.
- 2 F. F. Bruce, *The Book of the Acts*, *New International Commentary on the New Testament* (Grand Rapids, MI: Wm B. Eerdmans, 21988), tr. 347, tham khảo tại *Suetonius, Life of Claudius XXV.4*.
- 3 Xem bản luận thận trọng thích đáng tại F. F. Bruce, *The Book of the Acts*, *New International Commentary on the New Testament* (Grand Rapids, MI: Wm B. Eerdmans, 21988), tr. 28-30.
- 4 Nói một cách nghiêm khắc, nói các môn đồ của Đấng Christ như là “các Cơ đốc nhân” trước thời An-ti-ôt (11:26) là sai niên đại. Nhưng vì để không gây ra nhầm lẫn, thì sự thuận tiện thắng hơn sự chính xác.
- 5 Một giới thiệu ngắn gọn hữu ích cho chủ đề được tìm thấy ở F. F. Bruce, *The New Testament Documents* (Leicester: IVP, 1960). Một nghiên cứu về các vấn đề địa lý và lịch sử cập nhật và vô cùng chi tiết ở C. J. Hemer, *The Book of Acts in the Setting of Hellenistic History*, biên tập bởi Conrad H. Gempf (Tübingen: J. C. B. Mohr, 1989).
- 6 F. J. A. Hort, *Judaistic Christianity* (London: Macmillan, 1898), tr. 1-3.

PHẦN MỘT

- 1 “Vi thể Lời của Đức Chúa Trời lan rộng, Số môn đồ tại Giê-ru-sa-lem tăng lên nhanh chóng, một số lượng lớn thầy tế lễ vâng phục trong đức tin.”
- 2 Rõ ràng là, nếu ông đã được hướng dẫn như vậy, Lu-ca có thể liên hệ việc chỉ định Ma-thi-a thay vào vị trí của kẻ phản bội Giu-đa mà không cần đề cập đến việc Giu-đa sử dụng món lợi đáng xấu hổ kia để mua đám ruộng, và không đi vào chi tiết kết thúc khủng khiếp của ông; có thể đề cập đến cư xử bình thường của các Cơ đốc nhân liên quan đến tài sản của họ mà không mô tả với độ dài như vậy trường hợp đặc biệt của A-na-ni-a và Sa-phi-ra; và có thể tường thuật rằng bảy vị nhân sự được bổ nhiệm để tổ chức phân phối công bằng quỹ cung cấp chung mà không quảng bá cho thế giới rằng sự bổ nhiệm này được đòi hỏi là do sự phân biệt đối xử lúc đầu khi một nhóm Cơ đốc nhân này mâu thuẫn với một nhóm khác.
- 3 So sánh tham khảo về việc Đấng Christ dùng bữa với các sứ đồ khi Ngài chia sẽ tóm tắt cho họ, Lu-ca 24: 41-43, và tóm tắt trong Công vụ 1:4, nơi

mà suna×lizomenos (“trong khi Ngài đang ăn với họ”) dường như là bản gốc, không phải sunalizomenos, thì bị động của suna×lizo (“được đem lại với nhau cùng với,” nghĩa là “tụ họp với”), cũng không phải sunaulizomenos (“ở với”).

- 4 Một vài người đã tranh luận rằng khi mô tả thân thể phục sinh của Đấng Christ như là một thân thể thuộc linh Phao-lô đã mâu thuẫn trực tiếp với công bố của các sách Tin lành rằng thân thể đó là thân thể vật lý và vật chất. Nhưng tranh luận này là không đúng, và dựa trên một sự hiểu lầm về điều Phao-lô ngụ ý qua thuật ngữ “thuộc linh” (“spiritual”). Tham khảo toàn bộ thảo luận tại William Lane Craig, “The Bodily Resurrection of Jesus,” trong R. T. France và David Wenham (biên tập), *Gospel Perspectives*, quyển 1 (Sheffield: JSOT Press, 1980), tr. 47-74.
- 5 Một vài người nghĩ rằng Lu-ca có thể không có ý tham khảo sự dạy dỗ được ký thuật bởi Giảng, nhưng tham khảo về sự dạy dỗ được ký thuật trong sách Tin lành của riêng ông, chẳng hạn ở Lu-ca 11:13. Nhưng Lu-ca không sáng tác ra tham chiếu của Chúa Jesus về dạy dỗ trước đó của Ngài, chỉ ghi lại rằng Ngài đã tham chiếu như vậy. Tại thời điểm đó, sách Tin Lành của Lu-ca chưa được viết. Và chúng ta không thể cho rằng Chúa phục sinh của chúng ta đã giới hạn chính Ngài đối với việc tham chiếu đến phân dạy dỗ của Ngài trước đó mà Lu-ca sẽ ký thuật lại vào một ngày kia. Hơn nữa, với hai yếu tố trong chỉ dẫn của Ngài về việc chờ đợi (“Lời hứa của Chúa Cha” và “điều các người đã nghe từ Ta”), tham khảo Giảng 14: 16, 26; 15: 26; 16: 7, 13-15.
- 6 Xem ví dụ ở Sáng thế ký 32: 24-30; Các quan xét 13: 15-23; Xuất-ê-díp-tô-ký 14:19 và 1 Cô-rinh-tô 10:4
- 7 E. M. Blaiklock, *The Acts of the Apostles*, Tyndale New Testament Commentaries (London: Tyndale Press, 1969), tr. 50, trích dẫn từ J. R. Lumby, *Cambridge Greek Testament*, 1894, tr. 83.
- 8 Tham khảo H. Alford, “The Acts of the Apostles,” *The Greek New Testament*, quyển 2 (London: Rivingtons, 1871), ad loc: “Điểm nhấn mạnh của câu hỏi này là ở các từ ngữ, tiền tố để nhấn mạnh, en toi chronoi toutoi. Rằng Vương quốc đang ở trong một ý nghĩa nào đó, và tại thời điểm nào đó, sẽ được phục hồi cho Y-sơ-ra-ên, là đơn giản; cũng không phải Chúa Jesus không nhìn nhận hàm ý này.”
- 9 “những lần phục hồi”: “fig., thời đại của Đấng Mê-si,” Bauer.
- 10 Đối với lần đầu tiên, xem Giảng 2:13-22, và đặc biệt ở câu 22; đối với lần thứ hai, xem Lu-ca 19: 45-48. C. Blomberg, *The Historical Reliability of the Gospels* (Leicester: IVP, 1987), tr. 171-3, liệt kê sáu lý do rất ấn tượng cho tư tưởng cho rằng Đấng Christ đẹp sạch đến thờ trong hai dịp, một lần vào lúc khởi đầu và một lần vào lúc kết thúc chức vụ công khai

của Ngài.

- 11 Thuật ngữ “Các sách Tiên tri” trong Kinh thánh Cựu ước Hê-bơ-rơ bao gồm những sách lịch sử (Giô-suê, Các quan xét, 1 và 2 Sa-mu-ên, 1 và 2 Các vua) cũng như các sách Đại và Tiểu Tiên tri.
- 12 Tham khảo việc sử dụng từ ngữ satan trong bối cảnh tòa án được mô tả trong Xa-cha-ri 3:1-5.
- 13 Sự hư hoại về tài chính trong thế giới Cơ đốc, trong suốt các thế kỷ và cho đến thời hiện tại, luôn tồi tệ hơn bất cứ điều gì được biết đến trong Do thái giáo.
- 14 Một lần nữa Giô-ên không chỉ ra trong thời gian bao lâu đối với can thiệp giữa việc tuôn đổ Thần của Đức Chúa Trời trên mọi loài xác thịt, và sự rối loạn trong vũ trụ; thật sự, trong lời tiên tri của ông sự kiện thứ hai xảy ra tiếp theo sự kiện thứ nhất mà không chỉ ra thời gian ở giữa hai sự kiện. Trong mỗi quan tâm của Giô-ên, cả hai sự kiện được đề cập đến cùng nhau, cái này tiếp theo sau cái kia, đơn giản bởi vì cả hai sự kiện đều được định xảy ra “sau những sự đó” (nghĩa là “trong những ngày cuối rồi”), và cả hai đều chuẩn bị cho sự hiện đến của “ngày lớn và vinh hiển của Chúa,” đối với việc chấm dứt việc “bị bắt làm phu tù” của Y-so-ra-ên, và đối với sự phục hồi của quốc gia này (Giô-ên 3:1, 18-21, RV). So sánh cách Ê-sai đề cập, sự kiện này nối tiếp sự kiện kia, “năm ban ơn của Đức Giê-hô-va” và “ngày báo thù của Đức Chúa Trời chúng ta” (Ês, 61:2) mà không nhắc đến khoảng thời gian ở giữa một tí nào; và là thể nào Chúa công bố sự kiện đầu tiên đã được ứng nghiệm trong thời của Ngài, nhưng không phải sự kiện thứ hai, và không xác định khi nào sự kiện thứ hai sẽ được ứng nghiệm (Lu. 4:19-21).
- 15 Một vài người cố uốn nắn 2:8 (“Vậy thì sao chúng ta nghe ai nầy đều nói tiếng riêng của xứ chúng ta sanh đẻ?”) theo ý nghĩa rằng các môn đồ thật sự nói bằng ngôn ngữ mẹ đẻ là tiếng A-ram của họ, nhưng Đức Chúa Trời đã thực hiện một phép lạ trong quá trình lắng nghe của các thánh giả đến nỗi ngôn ngữ A-ram ban đầu được chuyển đổi thành ngôn ngữ của mỗi người nghe khi nó đi qua tai và tâm trí của người nghe. Nhưng 2:4 làm rõ rằng các môn đồ đã khởi sự nói các thứ tiếng khác, theo như Đức Thánh Linh cho mình nói, trước khi dân chúng chạy đến. Phép lạ ở tại tầm mức của người nói, không phải của người nghe, và được thiết kế để thể hiện rằng Đức Thánh Linh đã giảng xuống trên những người nói, mà không phải ở trên người nghe, dù ở mức độ nào.
- 16 C. S. Lewis, “Miracles,” trong *God in the Dock* (London: Collins Fount, 1979), tr. 20.
- 17 Cụm từ “bỏ... nơi Âm phủ” có thể mô tả những hành động có chút ít khác biệt. Một đội thủy thủ nổi loạn trong đoàn có thể được mô tả là

từ bỏ thuyền trưởng của họ trên một hòn đảo đơn độc trong Thái Bình Dương nếu họ mang anh ta ra khỏi con tàu, đưa anh ta lên bờ, và bỏ anh ta ở lại đó. Trong trường hợp này, “không bị bỏ lại trên một hòn đảo đơn độc” có nghĩa là “không bị đưa lên hòn đảo.” Nhưng nếu một chiếc tàu sau đó cập vào đảo, tìm thấy vị thuyền trưởng đã ở trên đảo, nhưng từ chối đưa anh ấy ra khỏi , mà dong buồm đi mất, thì “bị bỏ lại trên hòn đảo đó” không có nghĩa là bị đưa lên đảo, nhưng “không được đưa đi khỏi đảo.” Mô tả “bỏ... nơi Âm phủ” trong Thi thiên 16:10 có thể nói về Đa-vít trong nghĩa thứ nhất. Nhưng ý nghĩa này sẽ khó mà thích hợp với bối cảnh của thi thiên này; vì sự đối nghịch trong việc “bị bỏ... nơi Âm phủ” là được chỉ cho những con đường của sự sống đang dẫn vào trong sự hiện diện của Đức Chúa Trời, để được khoái lạc vì ở tại bên hữu Đức Chúa Trời có sự “vui sướng vô cùng.” Để những mô tả này thích hợp với một vài kinh nghiệm trong cuộc đời của Đa-vít (ví dụ như ông sống sót qua những nguy hiểm cùng cực và có thể quay trở về, và vì thời gian được vui hưởng sự hiện diện của Đức Chúa Trời trong đền tạm), sẽ giảm ý nghĩa của nó cách nghiêm trọng.

- 18 Từ “rúng động” trong tiếng Hy Lạp, *saleuo*, có nghĩa là “rung chuyển.” Nó được dùng nói về những quyền năng trên trời bị rung chuyển (Mat. 24:29), về việc nền móng của nhà ngục bị rung động (Công vụ 16:16), về việc tâm trí của người ta bị kinh hoàng (2 Tê. 2:2).
- 19 Tổng số những người nhìn thấy Đấng Christ sống lại dĩ nhiên nhiều hơn như vậy: tham khảo 1 Cô-rinh-tô 15:6.
- 20 E. Schurer, *The History of the Jewish People in the Age of Jesus Christ*, quyển. 2, tái bản và biên tập bởi G. Vermes, F. Millar, M. Black (Edinburgh: T. & T. Clark, 1979), tr. 412.
- 21 Tham khảo J. Jeremias, *Jerusalem in the Time of Jesus* (London: SCM Press, 1969), tr. 106-8.
- 22 “Được cứu” là từ được sử dụng ở đây, và nó hình thành sự kết nối tương ứng giữa câu Kinh thánh này với câu 12.
- 23 Dù trong thời của Antiochus Epiphanes, các thầy cả thượng phẩm và đảng phái nhỏ hẹp của họ – phần nhiều do sự phẫn nộ của dân chúng – đã chấp nhận và ủng hộ văn hóa Hy Lạp mà không phòng bị, và cùng với điều đó là tôn giáo hỗn tạp.
- 24 Xem J. Jeremias, *Jerusalem in the Time of Jesus* (London: SCM Press, 1969), tr. 180-181, 190, 196-8.
- 25 Tiếng Hy Lạp cho từ “giữ lại” mang ý nghĩa này.
- 26 Đối với việc chuyển ngữ câu cuối cùng, vốn ngược lại với bản NIV chuyển ngữ câu này, xem C. C. Caragounis, “Kingdom of God, Son

of Man and Jesus' Self-Understanding (Part I)" Tyndale Bulletin 40 (1989), tr. 12-23.

- 27 Một vài người hiểu cụm từ tiếng Hy Lạp này không có nghĩa thức ăn, mà là tiền bạc. Có lẽ nó ngụ ý cả hai.
- 28 Sau đây là những tiến cử cho việc đọc thêm các chủ đề được Phần Một đưa ra. Về các phép lạ: : C. S. Lewis, "Miracles" và "Religion and Science" trong *God in the Dock* (London: Collins Fount, 1979), tr. 11-26, 46-50. Về sự thăng thiên vừa là sự kiện có thật, mang tính lịch sử, vừa là cử chỉ mang tính tượng trưng: B. M. Metzger, "The Ascension of Jesus Christ" in *Historical and Literal Studies* (Leiden: E. J. Brill, 1968), tr. 77-87; Peter Toon, "Historical Perspectives on the Doctrine of Christ's Ascension," *Bibliotheca Sacra* (1983), tr. 195-205, 291-301; (1984), tr. 16-27, 112- 119. Về thái độ của khoa học hiện đại đối với các sự kiện liên quan đến sự phục sinh và thăng thiên, khác biệt so với thái độ của các học giả tự do và demythologization hiện nay đã lỗi thời: T. F. Torrance, *Space, Time and Resurrection* (Edinburgh: Handsel Press, 1976); *The Ground and Grammar of Theology* (Belfast: Christian Journals Ltd, 1980), tr. 17-20; *Theological Science* (Oxford: Oxford University Press, 1978), tr. 334-337.

PHẦN HAI

- 1 Giống Onias IV và Dositheus dưới thời Cleopatra II của Ai Cập, Chelkias và Ananias dưới thời Cleopatra III.
- 2 Nghĩa là ngoài thời gian giao nhau ngắn ngủi bởi một số thầy cả thượng phẩm dưới thời Antiochus Epiphanes.
- 3 Geza Vermes, "Dead Sea Scrolls," *The Interpreter's Dictionary of the Bible*, Quyển Bổ sung (Nashville: Abingdon, 1976), tr. 215b.
- 4 Dĩ nhiên, điều Đấng Christ nói là bởi vì sự khước từ chính thức của Y-sơ-ra-ên đối với Đấng Mê-si được Đức Chúa Trời chỉ định của họ, và sự kiên trì trong sự khước từ đó bất chấp sự phục sinh và sự thăng thiên của Ngài, Đức Chúa Trời sẽ cho phép kẻ thù của Y-sơ-ra-ên hủy diệt thành Giê-ru-sa-lem và đền thờ (Mat. 24). Vốn dĩ không có gì phạm thượng khi nói như vậy. Trong thời của mình Giê-rê-mi đã nói cho người đương thời với ông rằng Đức Chúa Trời sẽ cho phép đền thờ bị hủy bởi vì tội của họ. Và điều đó đã xảy ra dưới thời Nê-bu-cát-nết-sa. Giê-rê-min dĩ nhiên không nói rằng ông (Giê-rê-mi) sẽ hủy diệt đền thờ; Đấng Christ cũng vậy.
- 5 W. Manson, *The Epistle to the Hebrews* (London, 1951), chương 2,

“Stephen and the World-Mission of Christianity.”

- 6 Tham khảo Hê-bơ-rơ 1:1-2, “Đời xưa, Đức Chúa Trời đã dùng các đấng tiên tri phán dạy tô phụ chúng ta nhiều lần nhiều cách, rồi đến những ngày sau rốt này, Ngài phán dạy chúng ta bởi Con Ngài...”
- 7 Những từ ngữ “ra khỏi [xứ đó], và thờ phượng ta trong nơi này” ở cuối 7:7 không được tìm thấy trong Sáng thế ký 15:14. Ê-tiên đã thêm chúng vào theo mẫu lời Đức Chúa Trời phán với Môi-se tại Xuất Ê-díp-tô ký 3:12, để chỉ ra rằng thậm chí ở thời Áp-ra-ham Đức Chúa Trời đã nhìn về phía trước và vượt qua cả Môi-se để hoàn thành mục đích Ngài đã có trong sự kêu gọi Áp-ra-ham.
- 8 I. Epstein, *Judaism* (Harmondsworth: Penguin Books, 1959), tr. 112-113.
- 9 Và sẽ tốt hơn rất nhiều nếu các Cơ đốc nhân sau này thỏa lòng với điều đó thay vì cố gắng bắt chước theo đền thờ với thầy cả thượng phẩm, các thầy tế lễ cấp thấp hơn, người Lê-vi, tín hữu bình thường, và lập lại “những tế lễ đầm máu.”
- 10 Bản dịch được trích dẫn ở đây là *The Holy Scriptures According to the Masoretic Text*, một bản dịch được hỗ trợ bởi các phiên bản trước cùng với sự tham khảo thường xuyên đến các bản có thẩm quyền của Do thái giáo (Philadelphia: The Jewish Publications Society of America; Cambridge: Cambridge University Press, 1917).
- 11 Họ gọi ông là Taheb; một khả năng trong cách dịch thuật ngữ này là “người phục hồi.”
- 12 Cho đến ngày nay vẫn tồn tại một cộng đồng người Sa-ma-ri sống ở Shechem (Nablus trong thời hiện đại) và một cộng đồng khác ở Holon, gần Tel Aviv, và vào thời điểm Lễ Vượt qua họ vẫn dâng chiên làm sinh tế tại nơi thánh của họ trên đỉnh Ga-ri-xim.
- 13 Roger Beckwith, *The Old Testament Canon in the New Testament Church* (London: SPCK, 1985), tr. 130, gần đây nhắc chúng ta rằng theo Josephus “đền thờ của người Sa-ma-ri được làm theo mẫu của đền thờ tại Giê-ru-sa-lem (War 1.2.6, or 1.63; Ant. 11.8.2, hay 11.310; 13.9.1, hay 13.256), rằng chức vị thầy cả thượng phẩm của người Sa-ma-ri bắt nguồn từ gia tộc thầy cả thượng phẩm Do thái, dù là một thành viên bị thất sủng của gia tộc ấy, và rất nhiều thầy tế lễ người Sa-ma-ri đến từ Giê-ru-sa-lem, trong những hoàn cảnh tương tự (Ant. 11.8.2, 4, 7, hay 11.306-12, 322-4, 346f).”
- 14 Strack-Billerbeck, *Kommentar zum Neuen Testament aus Talmud und Midrash*, quyển 1 (München, 1922-28), p. 549. Trích dẫn được trích từ L. Morris, *The Gospel According to John* (Grand Rapids, MI: Wm B. Eerdmans, 1973), tr. 268, n. 51.

- 15 B. F. Westcott, *The Gospel According to St. John* (London: John Murray, 1898), tr. 72.
- 16 Xem Bruce K. Waltke, “The Samaritan Pentateuch and the Text of the Old Testament,” trong J. Barton Payne (biên tập), *New Perspectives on the Old Testament* (Waco, TX: Word Books, 1970), tr. 225-226, và Roger Beckwith, *The Old Testament Canon in the New Testament Church* (London: SPCK, 1985), tr. 130-131.
- 17 Ngũ kinh của người Sa-ma-ri bao gồm những khác biệt nhất định đáng lưu ý từ Văn bản Masoretic và bản Septuagint, và những khác biệt này ủng hộ Ga-ri-xim là chỗ của đền thờ của Đức Chúa Trời. Ở mức độ cao nhất không chắc rằng họ trình bày văn bản nguyên thủy của Cựu ước. Xem Bruce K. Waltke, “The Samaritan Pentateuch and the Text of the Old Testament,” trong J. Barton Payne (biên tập), *New Perspectives on the Old Testament* (Waco, TX: Word Books, 1970), tr. 225-226. Không có nghi ngờ gì trong việc người Sa-ma-ri thay đổi văn bản nguyên thủy để khiến nó ủng hộ Ga-ri-xim, là nơi họ yêu thích hơn.
- 18 Rất nhiều bản viết tay viết rằng “thành phố Sa-ma-ri này,” như thể thành phố trong câu hỏi là thành phố chính, Sebaste, vốn vào thời điểm này là một thành phố đa số là người ngoại bang. Nhưng không chắc Lu-ca định nói là Sebaste, nếu không thì ông đã gọi ra tên của nó. Thành phố trong câu hỏi có thể là Gitta, là nơi sinh của Simon. Tốt hơn là theo những bản viết tay gọi là “một thành phố của Sa-ma-ri.”
- 19 E. Schurer, *The History of the Jewish People in the Age of Jesus Christ*, quyển 2, tái bản và biên tập bởi G. Vermes, F. Millar, M. Black (Edinburgh: T. & T. Clark, 1979), tr. 309.
- 20 G. F. Moore, *Judaism*, quyển 1 (Cambridge, MA: Harvard University Press, 1927), tr. 323-324.
- 21 Một ví dụ rất hay về việc tiến dần đến với đức tin là sự cải đạo của C. S. Lewis, như được ký thuật trong sách của ông *Surprised by Joy* (London: Collins Fount, 1977).
- 22 Lưu ý hàm ý A-na-nia diễn đạt “các đấng thánh của Chúa” (9:13). Bất cứ ai cũng có thể có môn đồ: Môi-se cũng có; thậm chí Sau-lơ sẽ nhanh chóng có sau khi ông trở lại đạo (9:25). Nhưng trong ngôn ngữ của Kinh thánh chỉ có Đức Chúa Trời có các đấng thánh: tham khảo 1 Sa-mu-ên 2:9, “các thánh [của] Ngài”; Thi thiên 50:5, “người thánh [của] ta”; Thi thiên 79:2, “các thánh [của] Chúa.” A-na-nia trong việc trở lại cùng Chúa Jesus Đấng đã sống lại, sử dụng diễn đạt “các đấng thánh của Chúa” cách tự nhiên. A-na-nia, giống như tất cả các Cơ-độc-nhân từ lúc mới bắt đầu, tin vào thần thánh hoàn toàn của Chúa Jesus.
- 23 Bản dịch của Rô-ma 11:30-31, và của câu 32 theo sau, là của C. E. B.

Cranfield, *A Critical and Exegetical Commentary on The Epistle to the Romans*, quyển. 2 (Edinburgh: T. & T. Clark, 1979), tr. 572.

24 Bài viết sau là đề cử cho việc đọc thêm một vài chủ đề dấy lên trong Phần Hai : I. Howard Marshall, “Church and Temple in the New Testament,” *Tyndale Bulletin* 40.2 (1989), tr. 203-222.

PHẦN BA

- 1 “Được nên thánh,” trong 20:32 và 26:18, dĩ nhiên là một thuật ngữ có liên quan.
- 2 Ăn thức ăn lấy trộm dĩ nhiên sẽ làm một người bị ô uế, bởi vì hành động trộm cắp thiếu đạo đức này sẽ làm ô uế tâm lòng của người ấy. Bản thân thức ăn không làm anh ta ô uế.
- 3 Vi phạm một điều răn của Đức Chúa Trời dĩ nhiên sẽ làm một người ô uế về mặt đạo đức và mặt tâm linh. Và đó là lý do Đức Chúa Trời đã phải hủy bỏ luật lệ về thực phẩm. Các môn đồ bây giờ có thể ăn bất kỳ loại thức ăn nào với lương tâm trong sạch; và bản chất thức ăn không khiến họ bị ô uế thiếu đạo đức. Phao-lô chỉ ra rằng đây là cách ông hiểu về Chúa: “Tôi biết và tin chắc trong Đức Chúa Jesus rằng, chẳng có vật gì vốn là dơ dáy; chớ có ai tưởng vật nào là dơ dáy, thì nó là dơ dáy cho người ấy mà thôi” (Rô-ma 14:14).
- 4 Lưu ý các thuật ngữ. Trái với “thánh khiết” trong tư tưởng Cựu ước có thể là một hay hai điều, hoặc cả hai. Chẳng hạn, ngày Sa-bát là thánh trong ý nghĩa rằng nó được làm cho nên thánh cho Chúa. Những ngày khác, không quá làm nên thánh cho Chúa, thì không cần phải có nghĩa là “ô uế”; chúng là bình thường. Tương tự đối với vật dụng. Những cái nồi được làm nên thánh để phục vụ Chúa là thánh (và thêm vào đó, dĩ nhiên, phải sạch). Những cái nồi không được làm nên thánh là bình thường, không cần thiết phải là ô uế, dù dĩ nhiên chúng có thể trở nên ô uế. Đối với bánh cũng vậy. Bánh Trăn thiết trong đền tạm là thánh khiết nhất. Chỉ có các thầy tế lễ mới có thể ăn bánh này. Điều đó không có nghĩa là bánh bình thường, vốn người Y-sơ-ra-ên nào cũng có thể ăn được, là “ô uế.” Tương tự, Phao-lô nói với Cơ-đốc nhân về thực phẩm: “Vả, mọi vật Đức Chúa Trời đã dựng nên đều là tốt lành cả, không một vật chi đáng bỏ, miễn là mình cảm ơn mà ăn lấy thì được; vì nhờ lời Đức Chúa Trời và lời cầu nguyện mà vật đó được nên thánh” (1 Tim. 4:4-5).
- 5 F. F. Bruce, *The Book of the Acts*, *New International Commentary on the New Testament* (Grand Rapids, MI: Wm B. Eerdmans, 21988), tr. 233-234.

6 Xem E. M. Smallwood, *From Pagan Protection to Christian Oppression* (The Queen's University of Belfast, 1979).

PHẦN BỐN

- 1 Bản NIV đã dịch rất đúng “Tất cả hững điều này xảy ra độ trong 400 năm,” từ “Tất cả những điều này” nói về toàn tiến trình mô tả từ câu 17 trở về sau.
- 2 Rất nhiều nhà chú giải Kinh thánh cảm thấy rằng cụm từ “bởi khiến Đức Chúa Jesus sống lại” trong 13:33 nói về sự Chúa Jesus chính thức trình diện trước đất nước tại lễ báp tem của Ngài, khi những lời “Người là Con Ta” được phán ra bởi Chúa Cha với Chúa Con. (Một vài bản chép tay đã lầm lẫn thêm vào chỗ này những lời “Ngày nay Ta đã sanh Người”). Nhưng giải thích của Thi thiên 2 được trưng dẫn tại Công vụ 4:24-28 đề xuất rằng các Cơ đốc nhân đầu tiên hiểu Thi thiên 2: 4-7 nói về thời gian sau Thập tự giá chứ không phải trước đó (nghĩa là sự phục sinh và thăng thiên, không phải sự báp tem).
- 3 Đoạn văn bản mà Gia-cơ trích dẫn khác với bản văn Masoretic trong một vài chi tiết nhỏ và trong một khía cạnh quan trọng. A-mốt 9:11 trong bản văn Masoretic viết: “Trong ngày đó Ta sẽ phục hồi trại đã ngã của Đa-vít. Ta sẽ sửa lại những nơi hư hỏng của nó, phục hồi đồ nát của nó và dựng nó lại như nó vốn từng có...” Trong trích dẫn của Gia-cơ, nó viết: “Rồi đó Ta sẽ trở lại, dựng lại lều tạm của Vua Đa-vít bị đổ nát; Ta sẽ sửa sự hư nát đền đó lại mà gây dựng nên...” Sự khác nhau trong ý nghĩa rất nhỏ và không ảnh hưởng đến áp dụng của Gia-cơ về lời tiên tri. Sự khác nhau lớn hơn đến từ câu tiếp theo. Bản văn Masoretic của A-mốt 9:12 viết: “đến nỗi chúng có thể chiếm lấy phần còn sót lại của Ê-đôm và tất cả các nước mang danh Ta...” Bản Septuagint của câu này viết: “đến nỗi phần sót lại của loài người và mọi nước mang danh Ta có thể tìm kiếm [Chúa]...” Trong trích dẫn của Gia-cơ, nó viết: “Hầu cho những người sót lại và mọi dân cầu khẩn danh Ta đều tìm Chúa...” Gia-cơ vì vậy gần với bản Septuagint hơn với bản Masoretic. Bản Septuagint có thể dựa vào văn bản Hê-bơ-rơ vốn khác với bản văn Masoretic (điểm khác nhau trong bản thảo Hê-bơ-rơ giữa từ dùng cho “Ê-đôm” và từ dùng cho “con người,” adam, là rất nhỏ). Tuy nhiên, đối với mục đích Gia-cơ trích dẫn A-mốt, thì thậm chí những khác biệt lớn hơn này cũng không ảnh hưởng đến lý luận của ông. Cuối cùng, bản Masoretic của A-mốt 9:12b viết: “Chúa là Đấng sẽ là những điều này tuyên phán.” Trong trích dẫn của Gia-cơ nó viết: “Chúa là Đấng làm nên những việc này có phán như vậy; từ trước vô cùng Ngài đã thông biết những việc đó.” Cụm từ (in nghiêng) dường như được thêm vào từ Ê-sai 45:21. Một lần nữa, ý chính của trích dẫn không bị ảnh hưởng bởi những sự khác nhau này.

Phần Phụ Lục

- 4 Đây là vấn đề đã khuấy động lòng trước giả của Thi thiên 89. Ông nhớ lại những lời hứa của Đức Chúa Trời dành cho Đa-vít rằng “dòng dõi người sẽ còn đến đời đời, Và ngôi người sẽ còn lâu...” (Thi. 89:36); nhưng rồi với sự khiếp đảm ông đề ý rằng Đức Chúa Trời đã “từ bỏ... khinh bỉ... nổi giận cùng đáng chịu xúc dầu của Chúa”: “Chúa đã gớm ghê giao ước kẻ tôi tớ Chúa, Và quăng mảo triều người xuống bụi đất mà làm nó ra phàm. Chúa đã đánh đổ các rào người, Phá những đồn lũy người ra tan nát” (Thi. 89: 38-40).
- 5 Đây thật là một điều lạ lùng để nói, như một số người nói, rằng nhà Đa-vít vẫn ở trong đổ nát, khi người Con vĩ đại nhất của dòng dõi ấy được khiến sống lại từ cõi chết, không bao giờ hư nát trở lại.
- 6 Gia-cơ cũng không phải đang nghĩ về sự hình thành của một Y-sơ-ra-ên thuộc linh được tập hợp không phải bởi người Do thái hay người Hy Lạp. Ông thật ra đang nghĩ về sự khác nhau giữa Cơ đốc nhân người Do thái và Cơ đốc nhân người ngoại bang.
- 7 Và đối với một người Do thái, cưới gả trong những mối quan hệ bị cấm đoán thêm vào này là “gian dâm” (cũng vậy đối với người Hy Lạp; bản NIV dịch là “ngoại tình”). Gia cơ không nghĩ về sự ngoại tình nói chung ở đây.
- 8 Chúng ta nên cẩn thận không lạm dụng nguyên tắc này. Nếu một số thực hành hoặc trong sinh hoạt Hội thánh hay trong đời sống xã hội hay riêng tư rõ ràng trái ngược với Lời của Đức Chúa Trời, và bị cấm trong Lời Ngài, thì chúng ta không nên cố gắng tiếp tục bào chữa cho nó bằng cách tuyên bố rằng chúng ta không thực hành điều đó để nhận được sự cứu rỗi, nhưng chỉ để thích hợp với văn hóa hay truyền thống địa phương. Nếu việc thực hành này trái với Lời của Đức Chúa Trời, nó cần phải được ngừng lại dù có hậu quả như thế nào đối với văn hóa và truyền thống. Hơn nữa, sự cắt bì và việc tuân giữ luật pháp không chỉ là những vấn đề đơn giản về văn hóa trong Y-sơ-ra-ên. Chúng là những điều răn của Chúa đặt trên vai Y-sơ-ra-ên qua Cựu ước. Vì vậy, lương tâm của rất nhiều tín hữu Do thái chống lại việc ngưng không thực hành chúng. Nó hoàn toàn khác với các thực hành mà người Pha-ri-si đã thêm vào mà không có thẩm quyền của Kinh thánh và mâu thuẫn với Lời của Chúa. Dầu chúng có thâm sâu trong văn hóa của người Do thái, Chúa của chúng ta cũng không đi cùng chúng vì để được bình an, nhưng lên án chúng (xem Mác 7:1-23).

PHẦN NĂM

- 1 Nó thậm chí còn buồn hơn trong các thế kỷ hậu Constantine khi thế giới Cơ đốc sử dụng ảnh hưởng chính trị của nó để đàn áp, nhục mạ, và bách

- hại người Do thái trên diện rộng.
- 2 Như chúng ta đã thấy, một sự kết tội rất nghiêm trọng được đem ra chống lại Tin lành trước các thượng quan tại Ê-xa-lô-ni-ca ở 17:5-9. Nhưng lần này Pha-ô-lô đã không có cơ hội để đáp lại kết án. Tuy nhiên, chính Lu-ca, đã sắp xếp cấu trúc tường thuật của mình để độc giả của ông sẽ tìm được câu trả lời chung cuộc cho kén án này trong bài phát biểu tại Areopagite vào cuối chương đó, Công vụ 17.
 - 3 Sự khôi phục thành từ “thắng” (nghĩa là “có sức lực mạnh hơn ai đó hay điều gì đó,” “giành chiến thắng”) được ưa chuộng hơn tại đây, như tại 19:16 và Khải huyền 12:8, xem bản AV và RV.
 - 4 Xem Juvenal, Satires III, 14, 296; VI, 543; XIV, 96, 103.
 - 5 Cách đọc tốt nhất của 16:13 sẽ là “một nơi sự cầu nguyện được thực hiện theo thói quen”; tham khảo bản AV. Có lẽ vì không có đủ người nam để thành lập một số đại biểu cần thiết cho quy mô của một nhà hội.
 - 6 Nhưng người thuộc phái Stocism, ngược lại, dường như đã nghĩ rằng vì theo họ vũ trụ là một tổng thể mạch lạc, hợp lý, sự suy luận có thể được thực hiện về các sự kiện tương lai từ những bất thường trong sự xuất hiện của những lá gan của các con sinh tế, hay từ phương hướng của các đường bay của chim.
 - 7 Đoạn văn “chúng ta” đầu tiên tại 16:10; tham chiếu cuối cùng đến chúng ta trong lúc này là tại 16:16.
 - 8 F. F. Bruce, *The Book of the Acts*, New International Commentary on the New Testament (Grand Rapids, MI: Wm B. Eerdmans, 21988), tr. 310.
 - 9 Bản AV bị lỗi tại điểm này.
 - 10 Có thể tìm thấy một thảo luận hữu ích về sự việc này tại Paul R. Trebilco, “Paul and Silas ‘Servants of the Most High God’ (Acts 16:16-18),” *Journal for the Study of the New Testament* 36 (Tháng Sáu 1989), tr. 51-73.
 - 11 Khi thuật ngữ “đạo [này]” (the way) được dùng ẩn dụ trong Công vụ, mao từ xác định thường được thể hiện, như, ví dụ, “đạo [này] của Đức Chúa Trời” (the way of the Lord) (18:26). Tại 16:17 “đạo” được sử dụng mà không có mao từ xác định. Ý nghĩa vì vậy mơ hồ: nó có thể là “đạo này” hay một “đạo” nào đó.
 - 12 Chẳng hạn tại lễ hội Taipusan của Mã Lai.
 - 13 Và để ủng hộ trường hợp của họ, họ chỉ ra rằng nếu các câu 25-43 bị cắt bỏ, thì độc giả sẽ không chú ý đến bất kỳ khoảng trống nào trong dòng tường thuật. Nhưng điều tương tự có thể được áp dụng cho rất nhiều

- đoạn văn trong hàng ngàn câu chuyện. Nó không chứng minh được điều gì, trừ việc nếu dựa trên những nền tảng khác quý vị muốn cắt bỏ câu chuyện về một phép lạ từ một quyển sách, quý vị có thể thường tìm lý do văn học để làm như vậy. Xem thêm thảo luận ở C. J. Hemer, *The Book of Acts in the Setting of Hellenistic History*, biên tập bởi Conrad H. Gempf (Tübingen: J. C. B. Mohr, 1989), tr. 442-443.
- 14 R. N. Longenecker, “The Acts of the Apostles,” trong Frank E. Gaebelin (biên tập), *The Expositor’s Bible Commentary*, quyển 9 (Grand Rapids, MI: Zondervan, 1981), tr. 464.
 - 15 Tham khảo Tê-sa-lô-ni-ca 5:3 và 2 Tê-sa-lô-ni-ca 2:3-12; Khải huyền 13:4-8.
 - 16 M. A. Fishbane, *Judaism, Revelation and Traditions* (San Francisco: Harper & Row, 1987), tr. 144.
 - 17 Xem chi tiết ở E. Schurer, *The History of the Jewish People in the Age of Jesus Christ*, quyển 2, tái bản và biên tập bởi G. Vermes, F. Millar, M. Black (Edinburgh: T. & T. Clark, 1979), tr. 448-554.
 - 18 J. D. Rayner and B. Hooker, *Judaism for Today* (Union of Liberal and Progressive Synagogues, 1978), tr. 37-38.
 - 19 Abika đã gọi ông ta là Bar-Kochba, “Con trai của vì Sao,” như là một ám chỉ đến lời hứa về đấng mê-si trong Dân số ký 24:17, “Một ngôi sao hiện ra từ Gia-cốp.”
 - 20 J. D. Rayner and B. Hooker, *Judaism for Today* (Union of Liberal and Progressive Synagogues, 1978), tr. 35.
 - 21 Xem 18:2 và lời bình ở tr. 6.
 - 22 Đối với những chuyển viêng thăm mang tính lịch sử của Phao-lô với tòa Areopagus và tính xác thực của tư liệu thuộc về Phao-lô của bài diễn văn mà Lu-ca đã ký thuật lại dưới dạng tóm tắt, xem C. J. Hemer, “The Speeches of Acts II. The Areopagus Address,” *Tyndale Bulletin* 40.2 (1989), tr. 239-259.
 - 23 Không ai từng giải thích làm thế nào hay từ nguồn có nào sự chệch hướng này, hay tại sao, nếu không gian là vô tận và không có lên hay xuống, thì trước hết các nguyên tử đang rơi.
 - 24 Các học thuyết hện đại về sự tiến hóa, giống như Tiến sĩ Richard Dawkins – ví dụ, xem tác phẩm của ông, *The Blind Watchmaker* (London: Longman, 1986) – tác phẩm nhấn mạnh hiệu quả của sự phát triển hấp thu dần dần tác động tới sự lựa chọn của thiên nhiên, chỉ là những phiên bản phức tạp hơn học thuyết cổ đại này. Thật sự bản thân học thuyết tiến hóa này không phải là học thuyết hiện đại, nhưng là một

học thuyết cổ đại.

- 25 Lucretius, *De Rerum Natura*, i. 63-79, 102-119; iii. 1014 ff.
- 26 Nhưng chúng ta không nên chỉ nghĩ về những ví dụ khủng khiếp hơn (như là sự diệt chủng của Hít-le, sự thanh trừng của Stalin, và sự tàn sát của Khơ me đỏ), nhưng cũng nghĩ đến hàng ngàn lẻ một ví dụ về sự băng hoại trong kinh doanh, trong hệ thống pháp luật, trong chính trị, và của sự bất công vô tâm trong mỗi liên hệ riêng tư của con người vốn không giết người, nhưng để lại trên họ nỗi đau buồn xé ruột, sự xấu hổ, nghèo đói, hay sức khỏe yếu kém suốt đời.
- 27 Cả hai nằm trong khái niệm về nguyên tử cơ bản của nó – dù điều đó đã loại bỏ khỏi học thuyết nguyên tử hiện đại từ lâu – và trong một số điều cụ thể. Chẳng hạn, lý thuyết về mùi vị của nó là gần với điều ngày nay chúng ta biết là thật một cách đáng chú ý.
- 28 Giống với khái niệm hiện đại về năng lượng một cách mờ nhạt; nhưng trong Stoicism, lực lượng sống còn không chuyển thành vật chất, nó thấm xuyên qua vật chất.
- 29 Để khôi phục câu hỏi về “sự hướng dẫn,” vốn ở tại phần khởi đầu của phần này: bởi vì người theo phái Stoicism tin rằng tất cả mọi sự xảy ra bởi một sợi xích không bị đứt của nguyên nhân và kết quả, họ cho rằng những người tài năng đặc biệt giống các tiên tri, những chiêm tinh gia và thầy phù thủy có thể tiên báo các sự kiện tương lai từ các đường bay của chim, hay tình trạng của lá gan của các con thú sinh tế, hay bất kỳ nhưng điều bất thường xảy ra.
- 30 Euripides, đoạn 968; trích dẫn từ F. F. Bruce, *The Book of the Acts*, New International Commentary on the New Testament (Grand Rapids, MI: Wm B. Eerdmans, 21988), tr. 336, n. 65.
- 31 Từ ngữ ở đây được dịch bởi bản dịch NIV “đưa tay ra để” có nghĩa “đưa tay ra và cảm giác điều gì đó” giống như hành động của một người ở trong phòng tối.
- 32 Có lẽ Epimeides của Crete (600 BC); nhưng ai là tác giả thật sự vẫn là điều đang tranh chấp.
- 33 Nếu chúng ta dịch từ ngữ Hy Lạp này là “con trẻ,” chúng ta nên cẩn thận lưu ý rằng không phải Aratus đang nói về sự ra đời mới giống như điều mà các tạo vật của Đức Chúa Trời trở nên con cái của Đức Chúa Trời (Giăng 1: 12; 3: 3). Trong nghĩa đó không phải tất cả những người nam và người nữ đều là con cái Đức Chúa Trời.
- 34 Xem E. H. Andrews, *Christ and the Cosmos* (Welwyn: Evangelical Press, 1986), tr. 9-20.

Phần Phụ Lục

- 35 Xem ví dụ, T. F. Torrance, *Theological Science* (Oxford: Oxford University Press, 1969); Michael Polanyi, *Personal Knowledge* (London: Routledge & Kegan Paul, 1958); và Lesslie Newbigin, *Foolishness to the Greeks* (London: SPCK, 1986).
- 36 Xem cung cấp của F. F. Bruce's trong tác phẩm của ông *The Book of the Acts*, *New International Commentary on the New Testament* (Grand Rapids, MI: Wm B. Eerdmans, 21988), tr. 342.
- 37 Aeschylus, *Eumenides*, 647-8.
- 38 Để công bằng, Epicureans cổ đại có thể công bố rằng họ đang nói về điều mà thuật ngữ hiện đại của chúng ta không gọi là các nguyên tử, nhưng là các hạt cơ bản.
- 39 Tham khảo nhận xét của Phi-e-rơ trong 1 Phi-e-rơ 2:9-10.
- 40 Như F. F. Bruce đề xuất trong tác phẩm của ông *The Book of the Acts*, *New International Commentary on the New Testament* (Grand Rapids, MI: Wm B. Eerdmans, 21988), tr. 353. Xem C. J. Hemer, *The Book of Acts in the Setting of Hellenistic History*, biên tập Conrad H. Gempf (Tübingen: J. C. B. Mohr, 1989), tr. 119-120.
- 41 Xem E. Schurer, *The History of the Jewish People in the Age of Jesus Christ*, quyển. 3.1, tái bản và biên tập bởi G. Vermes, F. Millar, M. Black (Edinburgh: T. & T. Clark, 1979), tr. 342.
- 42 C. J. Hemer, *The Book of Acts in the Setting of Hellenistic History*, ed. Conrad H. Gempf (Tübingen: J. C. B. Mohr, 1989), tr. 121.
- 43 Dẫn dắt của Phao-lô trong 1 Ti-mô-thê 5:21 là một lời kết án tuyên ra trong sự hiện diện của Đức Chúa Trời, của Chúa Jesus Christ và các thiên sứ được lựa chọn; đó không phải là một lời tuyên thệ bởi các quyền năng kết hợp của họ.
- 44 Xem 1 Cô-rinh-tô 12:2-3. Sự lặp lại vô tận về danh xưng đơn sơ "Jesus" bởi những nhóm siêu thuộc linh, như thế nó là một dạng của sự nhập thể, là một tiết mục gây náo loạn.

PHẦN SÁU

- 1 Xem thảo luận đầy đủ về mức độ chính xác và tính lịch sử của điều này tại C. J. Hemer, *The Book of Acts in the Setting of Hellenistic History*, ed. Conrad H. Gempf (Tübingen: J. C. B. Mohr, 1989), tr. 133-152.
- 2 Tham khảo 23:27 với các dữ liệu chân thực của 21:31-39 và 22:24-29.

- 3 Xem tr. 20-23. Những điểm đáng chú ý tương tự giữa Phần Sáu và Phần Một: việc Phi-e-rơ và Giăng bị bắt giữ trong đền thờ, và việc Phao-lô bị bắt trong đền thờ; việc bắt giam Phi-e-rơ và Giăng (và tất cả các sứ đồ sau đó), và việc Phao-lô bị bắt giam; việc Phi-e-rơ và các sứ đồ trình diện hai lần trước thầy tế lễ cả và Tòa công luận, và việc Phao-lô trình diện trước thầy tế lễ cả và Tòa công luận; và đề cập rõ ràng về người Sa-đu-sê (4:1-6; 5:17 và 23:1-10).
- 4 W. K. C. Guthrie, *The Greeks and their Gods* (London: Methuen, 1954), trang. 100, tác phẩm tôi hàm ơn nhiều.
- 5 19:21; vì bỏ sót cụm từ này, chắc chắn tại điểm này bản NIV có khiếm khuyết.
- 6 Tại điểm này, bản NIV hoàn toàn đúng khi cho rằng tham chiếu này chỉ về Đức Thánh Linh.
- 7 Tham khảo cụm từ “Con rất yêu dấu Ngài” (ấy là “Con mà Ngài yêu mến”) trong Cô-lô-se 1:13.
- 8 Từ “các môn đồ” được dùng trong bản NIV thay vì “các môn đồ đó” là thiếu chính xác.
- 9 Lời thề của người Na-xi-rê là một ví dụ (Dân. 6); 1 Cô-rinh-tô 7:26-35 là một ví dụ khác.
- 10 Mặc dù họ đã yêu cầu các tín hữu ngoại bang tôn trọng lương tâm của các tín hữu Do Thái của mình và dung nạp điều đó khi cần thiết. Xem 21:25; 15:28-29 và thảo luận về các câu này ở tr. 237-239.
- 11 Các nhà phê bình tự do có một phương thức biện giải (exonerating) tội Phao-lô phạm rất khác biệt.
- 12 Một vài người cho rằng thư tín này được viết trong thời gian Phao-lô ở tại Sê-sa-rê. Vào khoảng năm 64 AD.
- 13 Chúng ta không nên lạm dụng nguyên tắc này bằng cách sử dụng nó như một lý do để tiếp tục các thực hành không hề có thẩm quyền của Kinh thánh, Cựu hay Tân ước, và thật ra, trái với Kinh thánh vốn rất rõ ràng.
- 14 Phần bổ sung này đã được mang ra đây bởi bản AV, nhưng sau đó bị loại bỏ bởi Z. C. Hodges and A. L. Farstad, *The Greek New Testament According to the Majority Text* (Nashville: T. Nelson, 1982), tr. 459. Cũng xem thảo luận ở Bruce M. Metzger, *A Textual Commentary on the Greek New Testament, corrected edition* (London/New York: United Bible Societies, 1975), tr. 490.
- 15 Đây dĩ nhiên là ngôn ngữ theo quy ước: nhưng cụm từ “mười hai chi phái” nhấn mạnh cách thận trọng dữ kiện toàn bộ các tầng lớp trong

Phần Phụ Lục

quốc gia đều nắm giữ niềm trông cậy này.

16 26:11 “nổi giận quá bội bất bố họ”; bản NIV dịch “Trong cơn căm giận họ đến cực điểm”

17 Cú pháp Lu-ca dùng ở đây đem lại một hiểu biết thú vị về cuộc đời truyền giáo của Phao-lô khi ông giữ lại các cụm từ ngữ mà Phao-lô sử dụng để quảng bá như là các tiêu đề trong các bài giảng dạy và tranh biện của mình: “Đấng Mê-si phải chịu thương khó sao?” “Chẳng phải Đấng Mê-si được định là người đầu tiên sống lại từ cõi chết?” “Chẳng phải Đấng Mê-si đem ánh sáng đến cho dân Ngài và dân ngoại?”

18 Xem nghiên cứu nổi tiếng của J. Smith, *The Voyage and Shipwreck of St. Paul* (London, 41848); F. F. Bruce, *The Book of the Acts, New International Commentary on the New Testament* (Grand Rapids, MI: Wm B. Eerdmans, 21988), tr. 474-499; và C. J. Hemer, *The Book of Acts in the Setting of Hellenistic History*, được biên tập bởi Conrad H. Gempf (Tübingen: J. C. B. Mohr; 1989), tr. 132-158.

19 Chúng thực sự bắt định lên vào tư tưởng của ông thậm chí tại Phi-líp 1:18-30, và cụ thể trong các chương trước của phần này – 20:23-24; 21:13 – nơi ông cho rằng ông có thể bị giết hại tại Giê-ru-sa-lem.

20 Ví như phép lại ở tại Giăng 6:21.

21 Mặt khác, những công việc của thiên nhiên cần phải được tôn trọng; lạm dụng điện, bạn có thể xử tử chính mình bằng điện, và hủy đi một ngôi nhà đầy người. Lạm dụng tầng ô-zôn, bạn có thể hủy diệt hành tinh này

22 Bệnh của cha Búp-li-u mắc phải có lẽ là sốt Man-ta, gây nên bởi một loại khuẩn trong sữa dê. Ngày nay, không cần phải có một phép lạ để có thể chữa lành bệnh này. Nhưng một người cha cột dây giày cho một cậu bé hai tuổi sẽ không cần phải làm như thế cho một cậu bé mười sáu tuổi (But then a parent who will tie a two-year-old’s shoelaces for him will not necessarily do the same for a boy of sixteen).

PHỤ LỤC

1 C. E. B. Cranfield, *A Critical and Exegetical Commentary on The Epistle to the Romans*, quyển 2 (Edinburgh: T. & T. Clark, 1979), tr. 448.

2 E. Mary Smallwood, *From Pagan Protection to Christian Oppression* (The Queen’s University of Belfast, 1979), tr. 7.

3 Tương tự như trên, tr. 24.

- 4 Tham khảo thêm: Menachem Benhayim, *Jews, Gentiles and the New Testament Scriptures: A study of the charges of alleged anti-Semitism in the New Testament* (Jerusalem: Yanetz, 1985).
- 5 Cũng xem thảo luận về các bộ đôi rõ ràng ở Phần Một, tr. 20-22.
- 6 Xem các thảo luận khác về mối liên hệ giữa các phương pháp văn chương của Lu-ca và tính chất lịch sử của sách Công vụ các sứ đồ tại I. Howard Marshall, "The Present State of Lucan Studies," *Themelios* 14.2 (1989), pp. 52-7; Luke: *Historian and Theologian* (Exeter: Paternoster Press, 1970); C. J. Hemer, "Acts and Historicity," chương 1 của tác phẩm *The Book of Acts in the Setting of Hellenistic History*, được biên tập bởi Conrad H. Gempf (Tübingen: J. C. B. Mohr, 1989); và tác phẩm của tôi *According to Luke* (Leicester: IVP, 1987), tr. 357-362.
- 7 Tôi hàm ơn Tiến sĩ R. S. Matthews về sự quan sát này, cùng với nhiều hiểu biết hữu ích khác.

